

MỞ MANG HỘI THÁNH TOÀN CẦU

**Những Nguyên Tắc Kinh Thánh và
Thực tiễn Về Việc Nhân Rộng Hội Thánh**

Craig Ott và Gene Wilson

Backer Academic
Grand Rapid, Michigan

Mục Lục

Lời giới thiệu của mục sư Rick Warren
Lời nói đầu
Phần mở đầu

Phần I: Nền Tảng Kinh Thánh

1. Nhiệm vụ mở mang Hội Thánh
2. Những lý do phải mở mang Hội Thánh
3. Bắt đầu với Tân ước

Phần II: Nghiên Cứu Về Chiến Lược

4. Sự nhân rộng Hội Thánh và phong trào mở mang Hội Thánh bản địa
5. Người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ
6. Hình thức tổ chức Hội Thánh
7. Các cách tiếp cận đối với việc mở mang Hội Thánh

Phần III: Các Giai Đoạn Phát Triển

8. Các giai đoạn phát triển của một Hội Thánh: Tổng quan
9. Giai đoạn chuẩn bị, Phần 1: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ
10. Giai đoạn chuẩn bị, Phần 2: Tìm hiểu và xác định chiến lược
11. Giai đoạn bắt đầu: Truyền giáo và môn đồ hóa
12. Giai đoạn thành lập: Tổ chức hội chúng và tăng trưởng
13. Giai đoạn tổ chức cơ cấu: Mở rộng và trao quyền
14. Giai đoạn sinh sản: Cùng cố và sai đi

Phần IV: Các Yếu Tố Quan Trọng

15. Đời sống riêng tư của người mở mang Hội Thánh
16. Nhóm mở mang Hội Thánh
17. Phát triển nhân sự
18. Sự cộng tác và các nguồn lực trong công tác mở mang Hội Thánh

LỜI GIỚI THIỆU CỦA MỤC SƯ RICK WARREN

Hội Thánh là một khái niệm chói sáng nhất. Nó đã tồn tại lâu dài hơn mọi nền văn hóa, mọi nhà nước, những kẻ hoài nghi và kẻ thù cả trong lẫn ngoài, và nó sẽ tiếp tục tồn tại cho tới ngày Chúa Giê-xu trở lại. Chúng ta phải yêu Hội Thánh như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, và tình yêu đó hiện diện trong cuốn sách *Mở mang Hội Thánh Toàn Cầu* của Craig Ott và Gene Wilson.

Các tác giả của sách này và những người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm nhắc nhở chúng ta rằng các Hội Thánh của chúng ta là những cơ thể sống đang tăng trưởng, và vì vậy sẽ sinh sản một cách tự nhiên. Nếu chúng ta không sinh sản, thì đó là một dấu hiệu về sự không mạnh khỏe trong các hội chúng của chúng ta. Xét đến cùng thì sự mạnh khỏe của Hội Thánh được đo lường bằng khả năng sai người ra đi của nó, chứ không phải là số người ngồi trong nhà thờ.

Trong ánh sáng của Đại mạng lệnh mà Chúa Giê-xu giao phó cho Hội Thánh, bất cứ định nghĩa nào về sự kết quả của một Hội Thánh địa phương cũng phải bao gồm sự tăng trưởng về số người qui đạo, bao gồm cả việc mở mang những hội chúng mới. Hội Thánh Saddleback đã được hình thành từ công tác mở mang Hội Thánh, rồi sau đó chúng tôi đã mở ra một Hội Thánh khác trong năm đầu tiên. Chúng tôi tiếp tục thành lập các hội chúng mới hàng năm kể từ đó đến nay.

Cuốn sách *Mở Mang Hội Thánh Toàn Cầu* cung cấp một nền tảng Kinh Thánh đầy đủ về việc mở mang những Hội Thánh mới, nhưng nó cũng làm sáng tỏ thực chất của vấn đề tìm kiếm ngân quỹ, việc am tường văn hóa địa phương, và sự đoàn kết của nhóm để đáp ứng tốt nhất những nhu cầu cụ thể của cộng đồng nơi Hội Thánh được thành lập.

Ott và Wilson đã khẳng định một cách đúng đắn rằng bất kỳ một Hội Thánh nào được thành lập thì cũng phải dựa trên nền tảng là Đức Chúa Giê-xu Christ và Đại Mạng Lệnh của Ngài. Chúng tôi đã phát triển Hội Thánh Saddleback bằng cách nhắc nhở mọi người rằng “một cam kết tuyệt đối đối với Đại Giới răn và Đại mạng Lệnh sẽ làm cho Hội Thánh lớn mạnh.” Ott và Wilson dạy rằng công tác mở mang Hội Thánh phải tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ từ các Hội Thánh khác và/hoặc từ hệ phái của họ. Điều này giúp Hội Thánh tăng trưởng trong phạm vi một cộng đồng hợp tác để thực hiện Đại mạng Lệnh.

Chúa Giê-xu không mong đợi chúng ta sinh sản *nhều hơn* khả năng của chúng ta, nhưng Ngài mong đợi chúng ta sinh sản với *toàn bộ* khả năng chúng ta có bởi quyền năng của Ngài trong chúng ta. Sách này sẽ giúp quý vị làm được điều đó. Những người quan tâm đến việc mở mang Hội Thánh cần đọc sách này, kể cả những người lãnh đạo Hội Thánh cũng cần đọc – bởi vì dù quý vị không trực tiếp thực hiện công tác mở mang Hội Thánh, thì hội

chúng của quý vị cũng tham gia vào việc khởi xướng và hỗ trợ công tác mở mang Hội Thánh. Một điều khác nữa khiến tôi thích sách này đó là nó dạy rằng công tác mở mang Hội Thánh không được ủy thác riêng một nhóm nào, cho những ai có tinh thần tiên phong. Ngược lại, mọi tín hữu đều được kêu gọi thực hiện công tác mở mang Hội Thánh khi chúng ta sản sinh sự sống của Đấng Christ trong những người khác và tuân theo Đại Mạng Lệnh.

Chúa Giê-xu đã giao phó cho Hội Thánh một công tác, và chúng ta phải vâng theo Đại Mạng Lệnh hoặc, bất kể chúng ta làm gì đi nữa, chúng ta sẽ không hoàn thành mục đích tồn tại của mình, đó là giúp Chúa Giê-xu đem những người khác vào vương quốc của Đức Chúa Trời. Xin Chúa dùng sách này soi dẫn quý vị về Đại Mạng Lệnh, cũng như hướng dẫn quý vị những bước cần thực hiện khi bạn thành lập những hội chúng mới trong thân thể của Đấng Christ.

Rick Warren
Mục sư quản nhiệm Hội Thánh Saddleback

Lời Nói Đầu

Sự tăng trưởng của Cơ Đốc Giáo toàn cầu vào cuối thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi thật đáng kinh ngạc. Hàng trăm triệu người, đặc biệt là ở Châu Phi, Châu Á và Châu Mỹ La Tinh, đã được chào đón vào hàng ngàn hội chúng mới, mà một số trong những hội chúng đó lại ở những nơi bất ngờ nhất (như là Trung Hoa) và có những hình thức tổ chức khác thường (chẳng hạn như các cộng đồng Cơ Đốc kiểu Hindu (ashrams)). Chủ đề mở mang Hội Thánh cũng được quan tâm khá nhiều trong những năm gần đây, với một ý thức gia tăng rằng việc tách rời truyền giáo với công tác mở mang Hội Thánh là một cách tiếp cận không đầy đủ trong việc hoàn thành Đại Mạng Lành. Các môn đồ được gầy dựng trong các cộng đồng tín hữu là những người có khả năng nhất để tiếp cận những người khác trong bộ tộc hay thành phần xã hội của họ. Những cộng đồng đó trở thành công cụ của Đức Chúa Trời để đem ảnh hưởng của Nước Trời đến cho các cá nhân, gia đình, những vùng lân cận và cả xã hội.

Nhưng có tới gần một phần ba cư dân của Địa cầu vẫn chưa có một Hội Thánh địa phương nào chia sẻ cho họ Phúc âm về Đức Chúa Giê-xu Christ theo một cách thức dễ hiểu và đầy đủ ý nghĩa. Nhu cầu mở mang Hội Thánh, đặc biệt là công tác mở mang Hội Thánh tiên phong giữa vòng những nhóm người chưa từng được tiếp cận, vẫn đang là một nhiệm vụ khẩn cấp và là một thách thức lớn. Tại nhiều nơi, như tại các trung tâm đô thị, có rất ít Hội Thánh có khả năng truyền giáo cho mọi cộng đồng và các thành phần dân cư khác nhau. Tại các nơi khác thì các Hội Thánh có số lượng tín hữu đông nhưng các thuộc viên của họ hiểu biết rất ít về đức tin Cơ Đốc, không tham gia nhóm lại, hoặc pha lẫn đức tin Cơ Đốc với các niềm tin tôn giáo khác. Những người mở mang Hội Thánh được trang bị kỹ lưỡng, cả trong nước và hải ngoại, đang là một nhu cầu lớn và bức thiết.

Tại Bắc Mỹ, công tác mở mang Hội Thánh đã có một sự chuyển biến mới. Các hệ phái đang đề cao việc này, các mạng lưới mở mang Hội Thánh và các cơ sở huấn luyện đang hình thành, các nguồn lực đang dồi dào, các hội nghị về mở mang Hội Thánh đang nở rộ, và vô số sách đã được xuất bản. Đây là một sự phát triển đáng hoan nghênh. Tuy nhiên, trừ một vài ngoại lệ thì phần lớn công sức và nguồn lực được hướng vào các nhu cầu mở mang Hội Thánh tại Bắc Mỹ. Cuốn sách được nhiều người đọc của David Garrison tựa đề *Phong Trào Mở mang Hội Thánh* không chỉ khuấy động mỗi quan tâm về công tác mở mang Hội Thánh mà còn nâng cao nhận thức là các phương pháp hiệu quả nhất dường như rất khác với những phương pháp đã được sử dụng trong quá khứ bởi đa số các giáo sĩ và người mở mang Hội Thánh. Những người mở mang Hội Thánh và các giáo sĩ hoạt động bên ngoài Bắc Mỹ không được sự hướng dẫn nhiều. Hầu như sự đơn giản vận dụng các phương pháp phương Tây được

xem là cần thiết để đạt hiệu quả, đặc biệt nếu người mở mang Hội Thánh hoạt động trong bối cảnh xuyên văn hóa.

Mục đích cơ bản của chúng tôi là kết hợp những nguyên tắc Kinh Thánh với các thực tiễn tốt nhất trên khắp thế giới để cung cấp một hướng dẫn thực tế cho những người mở mang Hội Thánh đang hoạt động trong nhiều bối cảnh văn hóa đa dạng. Sự dạy dỗ và gương mẫu của Hội Thánh Tân ước cung cấp nền tảng cho cách tiếp cận của chúng tôi. Trong khi các mục đích và nguyên tắc của Kinh Thánh không bao giờ thay đổi, thì thế giới lại thay đổi, và vì vậy mà các phương pháp cụ thể cần thay đổi. Do vậy, chúng tôi cũng học hỏi từ sự nghiên cứu kỹ lưỡng để góp phần vào việc hoàn thành những mục đích Kinh Thánh trong nhiều bối cảnh khác nhau. Chúng tôi không tập chú vào một mô hình Hội Thánh đặc biệt (chẳng hạn như Hội Thánh tại gia) hoặc một phương pháp luận mở mang Hội Thánh duy nhất. Nhưng chúng tôi khảo sát các nỗ lực và phong trào mở mang Hội Thánh, lớn và nhỏ, từ nhiều bối cảnh khác nhau và tránh khuynh hướng chỉ đưa ra một công thức đơn giản để đạt đến thành công. Độc giả cần đánh giá cách chín chắn trong tinh thần cầu nguyện các phương pháp, mô hình và điển hình khác nhau mà chúng tôi trình bày trong những trang sách này để xác định những cái nào là phù hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể của mình.

Cũng cần nói thêm rằng chúng tôi đã dành nhiều sự bàn luận cho cái mà chúng tôi gọi là mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, theo gương mẫu của sứ đồ Phao Lô. Những người mở mang Hội Thánh kiểu này hoạt động mang tính chất của một người đi tiên phong hoặc làm công tác xúc tác hơn là với tư cách mục sư của các Hội Thánh mà họ thành lập. Họ tìm cách sản sinh chính mình trong các tín hữu địa phương và mở mang các Hội Thánh có khả năng sinh sản và nhân rộng dựa trên những người lãnh đạo và các nguồn lực địa phương.

Công tác mở mang và sinh sản Hội Thánh, đặc biệt là trong các bối cảnh xuyên văn hóa, liên quan đến nhiều chủ đề, kỹ năng và thách thức có liên hệ với mọi khía cạnh của mục vụ Cơ Đốc và truyền giáo. Không thể trình bày đầy đủ mọi khía cạnh đó chỉ trong một cuốn sách. Chúng tôi cố gắng cung cấp một cái nhìn tổng quan về những vấn đề quan trọng và giới thiệu vô số những nguồn tài liệu có thể giúp độc giả khám phá những chủ đề quan tâm cách chi tiết hơn. (Những trích dẫn từ các nguồn được viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh được dịch bởi chúng tôi, các tác giả.)

Sách này gồm có bốn phần: Phần I, “Nền Tảng Kinh Thánh,” nghiên cứu về nhiệm vụ, tầm quan trọng, và các gương mẫu trong Tân ước về công tác mở mang Hội Thánh. Phần II, “Nghiên Cứu Về Chiến Lược,” đề cập đến những quyết định cần được đưa ra sớm trong tiến trình lập kế hoạch, bao gồm bản chất của sự nhân rộng Hội Thánh và bản địa hóa, vai trò của người mở mang Hội Thánh, bối cảnh hóa hình thức của Hội Thánh, và các kiểu tiếp cận đối với công tác mở mang Hội Thánh. Phần III, “Các Giai Đoạn Phát Triển,” mô tả các giai đoạn mà hầu hết các Hội Thánh trải qua, với những hướng dẫn hết sức thực tế cho việc đưa một Hội Thánh từ giai đoạn thai nghén đến lúc có khả năng sinh sản. Cuối cùng, phần IV, “Những Yếu Tố Quan Trọng,” xem xét những yếu tố có tính quyết định đến hiệu quả của việc mở mang Hội Thánh: đời sống riêng tư của người mở mang Hội Thánh, nhóm làm việc, phát triển lãnh đạo, sử dụng khôn khéo các nguồn lực và sự cộng tác, và phát triển những Hội Thánh có ảnh hưởng của Nước Trời.

Chúng tôi viết sách này không phải với tư cách là những nhà lý thuyết ngồi ở bàn giấy, mà với tư cách người đã kinh nghiệm những thách thức của công tác mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa. Gene đã phục vụ mười tám năm trong vai trò người mở mang Hội Thánh tại Quebec, Canada, và mười năm trong vai trò huấn luyện mở mang Hội Thánh tại Châu Mỹ La Tinh; hiện nay ông làm việc với những người mở mang Hội Thánh và các huấn luyện viên của họ trên toàn cầu. Craig phục vụ hai mươi một năm tại Đức trong vai trò người mở mang Hội Thánh, người huấn luyện, và tư vấn việc mở mang Hội Thánh khắp Trung Âu. Cả hai chúng tôi tiếp tục giảng dạy, tư vấn, và huấn luyện những người mở mang Hội Thánh tại hơn bốn mươi quốc gia. Hầu hết các ví dụ trong sách này xuất phát từ những kinh nghiệm cá nhân

và quan sát riêng của chúng tôi, hoặc qua phỏng vấn những người mở mang Hội Thánh. Hơn nữa, cả hai chúng tôi đều dạy về mở mang Hội Thánh trong các trường chính quy và tham gia vào việc nghiên cứu công tác mở mang Hội Thánh. Ước muốn của chúng tôi là kết hợp những nghiên cứu vừa mang tính thực tiễn đồng thời phù hợp với Kinh Thánh tốt nhất này thành một cuốn sách có ích cho những người tập sự công tác mở mang Hội Thánh, những người làm công tác huấn luyện đào tạo, các giáo sư cũng như các lãnh đạo cơ quan truyền giáo và lãnh đạo Hội Thánh địa phương đang cộng tác trong các nỗ lực mở mang Hội Thánh toàn cầu. Chúng tôi cũng viết sách này với hy vọng cung cấp một nguồn tài liệu cho nhiều người mở mang Hội Thánh không chuyên và những người huấn luyện công tác mở mang Hội Thánh tại Châu Phi, Châu Á, và Châu Mỹ La Tinh.

Cuốn sách này không thể ra đời nếu không có sự giúp đỡ và khích lệ của nhiều người. ReachGlobal, cơ quan truyền giáo mà chúng tôi đang phục vụ trong đó, đã hỗ trợ và động viên chúng tôi rất nhiều trong công việc này. Ben Sawatsky, một người mở mang Hội Thánh đầy nhiệt tâm, một nhà chiến lược sắc sảo, một chuyên gia về truyền giáo, là cố vấn đem lại cho cả hai chúng tôi nhiều ích lợi và khích lệ. Nghiên cứu và kinh nghiệm của nhiều sinh viên của chúng tôi, đặc biệt là các sinh viên tại Akademie fur Weltmission (Korntal, Germany) và tại Trinity Evangelical Divinity School (Deerfield, Illinois), đã đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp nhiều ý kiến trong cuốn sách này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Jim Kinney và các cộng sự của ông tại Baker Academic về sự giúp đỡ rất lớn của họ, và phụ tá nghiên cứu của chúng tôi là Ben Steven về các nỗ lực âm thầm trong việc truy tìm các nguồn tài liệu, thu thập dữ liệu và chỉnh sửa bản thảo. Cuối cùng, nhưng không kém, chúng tôi cảm ơn những người bạn đời của chúng tôi, Linda và Alice, về sự hỗ trợ, nhẫn nại và khích lệ của họ đã đóng một vai trò không nhỏ trong việc hoàn thành cuốn sách này.

Để có thêm thông tin và nguồn tài liệu giúp cho việc áp dụng những nguyên tắc và thực hành trong cuốn sách này, xin vui lòng tham khảo www.globalchurchplanting.net.

Phần Mở Đầu

Chuyện Ngu Ngôn Về Những Cây Táo

Ngày xưa, tại một vùng đất nọ có nhiều người lâm vào cảnh thiếu đói. Đó là thời gian đau khổ cùng cực và dường như không ai biết phải làm gì. Những cây táo trong vùng cảm thấy thương xót, đặc biệt khi chúng thấy nhiều trẻ em đói với những gương mặt hốc hác. Chúng quyết định sẽ dự phần giải quyết nạn đói đó. Mỗi cây sẽ cố gắng gia tăng sản lượng để cung cấp nhiều thực phẩm hơn.

Đặc biệt một cây có khả năng lớn là trở thành cây lớn nhất và có sản lượng nhiều nhất để có thể nuôi sống hàng trăm người. Nó quyết định vươn cành rộng hơn và đâm rễ sâu hơn. Và nó đã làm như vậy. Nó đã tăng trưởng lớn hơn và mạnh hơn với nhiều nhánh có tán rộng. Thân nó vững chắc như những cây cột ở thành Cô-rinh-tô, rễ nó ngoằn ngoèo và mạnh khỏe. Nó cho nhiều quả đến nỗi những cây táo khác phải ganh tỵ, sản lượng của nó gấp đôi, thậm chí gấp ba, cung cấp thực phẩm cho nhiều người. Và những trái táo của nó thì ngon nhất và lớn nhất. Nó cũng quan tâm đến việc làm sao để không có trái nào bị hư hỏng. Vì vậy, nó đã phát triển theo cách để giữ những quả của nó cho tới khi những người thu hoạch đến, không cho một quả nào rơi xuống đất. Đó là một kế hoạch thông minh. Nhờ nó mà nhiều trẻ em được nuôi dưỡng và tồn tại qua mùa đông.

Cây này đã gây sự chú ý cho những người trồng táo và được mọi người trong vùng ngưỡng mộ vì sự cam kết của nó trong việc nuôi sống những người đói. Những người trồng táo từ nơi xa đã đến để tìm hiểu làm thế nào mà cây táo này có thể sản xuất được nhiều quả như vậy. Nó được gọi là “Cây Táo”.

Nhưng dần dần Cây Táo cảm thấy nản chí. Các nhánh của nó quá rộng và nặng đến nỗi gió thu hằng năm có thể thổi gãy những nhánh lớn. Một vài nhánh có thể sẽ gãy đổ xuống, làm hư quả và giảm sản lượng. Những nhánh này sẽ phải phát triển lại nếu muốn thu hoạch được một số lượng quả tương tự. Có một năm gió rất mạnh, mà Cây Táo thì đã phát triển quá lớn, đến nỗi nó gần bị bật gốc. Điều đó làm cho nó hoảng sợ. Nhưng điều làm cho Cây Táo lo lắng nhất là nó nhận ra rằng nó đã đạt đến mức sản lượng tối đa. Bất kể nó cố gắng như thế nào, nó cũng không thể gia tăng sản lượng hơn nữa. Điều tồi tệ nhất là nó nhận ra rằng vẫn còn nhiều người đói mà nó chưa thể cung cấp thực phẩm cho.

Cây Táo vẫn trung thành với nhiệm vụ của nó và tiếp tục sản sinh nhiều quả táo tốt, nhưng khả năng lớn một thời đã phai nhạt và niềm vui của nó bắt đầu tàn lụi. Theo thời gian, thân của nó sần sùi dần và quả của nó không còn ngọt như những năm đầu nữa. Những người trồng táo không còn để ý đến nó nữa và tìm kiếm những cây táo lớn và sai quả khác.

Trong khi đó, có một cây táo khác trong vùng. Cây này cũng có lòng thương xót và muốn cung cấp thực phẩm cho nhiều người đói theo khả năng của nó, nhưng nó nhỏ và không thích hợp với mong ước đó. Quả của nó không ngọt lắm và thỉnh thoảng thậm chí lại bị sâu. Nó sản xuất không tới một phần mười sản lượng của Cây Táo. Nó lo lắng về việc quả của nó thường rơi xuống đất và hư hỏng trước khi được thu hoạch, cho nên trong số lượng quả ít ỏi mà nó sản sinh ra thì phần có thể cung cấp cho người đói lại ít hơn. Đương nhiên là những người trồng táo không để ý đến nó khi đi ngang qua nó trên đường đến thăm Cây Táo. Cây này được đặt biệt danh không mấy tốt đẹp là “Gậy Gò.”

Gậy Gò bắt đầu cảm thấy tủi thân. “Mày thật kém cỏi,” nó thường tự nhủ một cách buồn bã như vậy. “Mày chẳng bao giờ có thể cung cấp thực phẩm cho nhiều người đói.” Nhìn xuyên qua những nhánh rộng và thanh nhã của Cây Táo, nó thấy nhiều giỏ đựng những trái táo

lớn và đẹp đang được thu hoạch, và điều đó làm cho nó cảm thấy thối hơn sự thất bại của mình. Điều đó cũng khiến nó có một chút ghen tị mà nó không thích tự thú nhận. Thỉnh thoảng, nó lại tự bào chữa cho mình: “Đó là do đất. Nếu mình có được đất như cây To, mình cũng có thể làm được như nó thôi.” Nhưng tự trong lòng nó biết rằng thực sự không phải như vậy.

Một ngày nọ, Gầy gò nhìn xuống đất trong sự hờn dỗi và nó thấy một điều hơi lạ. Cách gốc nó không xa có một cây nhỏ mọc lên. Quan sát kỹ thì đó là một cây táo con. Thoạt tiên nó nghĩ, “Ồ không! Bây giờ thì mình lại phải chia sẻ với nó thứ đất xấu tệ hại này! Mình có thể ra quả ít hơn một khi nó lớn lên. Rễ của nó sẽ đan xen với rễ của mình. Nó có thể che mất ánh nắng của mình nữa.”

Gầy Gò oán giận cả Cây To và Cây Nhỏ cho đến khi nó bất ngờ bị khuất phục bởi một ý nghĩ, dường như bị tác động bởi một tia chớp. Nó nhận ra rằng Cây Nhỏ là kết quả của một trong số những trái táo của Gầy Gò rơi xuống đất. Dường như ý nghĩ đó chưa đủ lay động, một ý nghĩ khác lại xuất hiện: “Nếu mình tiếp tục để cho một vài quả táo rơi xuống thì những hạt của chúng mọc lên thành cây, sẽ có nhiều cây táo mới sản sinh quả và cung cấp được thực phẩm cho nhiều người hơn.” Dù Gầy Gò không giỏi về toán, nó cũng đủ sức lập luận: “Thực ra, tổng số quả táo của những cây mọc lên từ những hạt giống của mình sẽ nhiều, đúng, nhiều hơn mức sản sinh của Cây To. Mình có thể nuôi sống được nhiều người hơn.”

“Nhưng chưa hết!” Gầy Gò suy luận thêm. “Nếu những cây con của mình cũng để một vài quả táo của chúng rơi xuống thì sao? Chúng sẽ mọc lên thành nhiều cây mới sản sinh ra nhiều quả hơn và nuôi sống được nhiều người hơn. Rồi thì những cây đó cũng có thể để rơi xuống một vài quả, và rồi . . . chúng ta có thể nuôi sống cả thế giới!” Do đó, Gầy Gò bắt đầu vui lòng để cho một vài quả táo của nó rơi xuống đất. Một vài người đi qua trách móc, “Thật lãng phí! Mà sẽ chẳng làm nên trò trống gì.” Có người chế nhạo, “Sao mà không bắt chước Cây To?” Nhưng Gầy Gò chỉ yên lặng, kiên trì để cho một vài quả rơi xuống, và đúng như nó hy vọng, một số cây con của nó cũng làm theo như nó đã làm. Chẳng bao lâu sau có rất nhiều cây táo mọc lên khắp cả vùng. Dù rằng không có một cây mới nào từng gây ấn tượng như Cây To, nhưng không có một đứa trẻ nào từng bị đói trong vùng đó.

Bài học từ câu chuyện: Nếu bạn muốn nuôi được nhiều người, đừng đơn thuần làm ra nhiều trái táo, những trái táo lớn hơn, và những trái táo ngọt hơn; mà nên trồng nhiều cây táo hơn để rồi có thể tái sản sinh nhiều cây táo hơn nữa để cho ra nhiều quả hơn theo cấp số nhân. Nếu chúng ta muốn đáp ứng nhu cầu cho thế giới đói khát thuộc linh, chúng ta phải tìm cách không chỉ phát triển những Hội thánh lớn hơn và tốt hơn có thể tiếp cận được nhiều người (dù chắc chắn đó là một việc tốt) nhưng mở mang nhiều Hội thánh để sản sinh ra nhiều Hội thánh hơn nữa hầu có thể tiếp cận nhiều người hơn theo cấp số nhân.

Phần I

NỀN TẢNG
KINH THÁNH

Nhiều người mở mang Hội thánh say mê với sự kêu gọi của họ và thách thức trong nỗ lực đầy thú vị đó. Bởi vì những người mở mang Hội thánh thường có tính tiên phong và mạo hiểm, đôi khi họ thiếu kiên nhẫn để xác định mục tiêu và trả lời những câu hỏi căn bản về bản chất của công việc. Nhưng không làm như vậy chẳng khác nào tiến hành việc xây nhà mà không có thiết kế. Ngay cả khi cho phép có những sự phát triển bất ngờ và tự do sáng tạo, thì cũng cần phải có ý tưởng hay về bản chất và mục tiêu của công việc nếu muốn hoàn thành nó.

Cách đây nhiều năm, có một phim hoạt hình thường được chiếu trên kênh truyền hình Đức mô tả một nhân vật bắn một mũi tên vào bức tường một cách ngẫu nhiên, rồi đi đến bức tường và vẽ mắt của con bò quanh điểm mà mũi tên cắm vào. Cách làm như vậy bảo đảm rằng bạn luôn luôn đi đúng mục tiêu! Thật kỳ cục, cách làm của một vài người mở mang hội thánh dường như là bắn mũi tên trước rồi vẽ mục tiêu sau. Do sự gia tăng số lượng những người đi mở mang hội thánh còn thiếu sự đào tạo chính thức về Kinh thánh và thần học, cho nên cần phải bắt đầu với việc định nghĩa thuật ngữ và làm sáng tỏ bản chất của Hội thánh và ý nghĩa của việc mở mang Hội thánh. Điều này đặc biệt quan trọng khi một người đi mở Hội thánh trong một nền văn hóa khác. Dĩ nhiên là toàn bộ cuốn sách được viết trên bản chất của Hội thánh. Chương này vạch ra một phác thảo về mặt thần học đối với công tác mở mang Hội thánh trong thực tiễn.

Thế nào là một Hội thánh?

Định nghĩa Hội thánh là bước đầu tiên trong việc tìm hiểu công tác mở mang Hội thánh. Khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là hình dung những hội chúng được thành lập sẽ có dáng dấp và hành động giống như Hội thánh địa phương của mình, cho dù Hội thánh đó có thể được thành lập trong một nền văn hóa khác hoặc trong những hoàn cảnh khác xa. Có người ngụ ý rằng đó là hình thức Hội thánh tốt nhất hoặc duy nhất theo đúng Kinh thánh.

Tuy nhiên, việc xem xét cẩn thận Tân ước cho thấy rằng những Hội thánh trong thế kỷ đầu tiên có nhiều dạng thức, nhóm lại trong những nơi khác nhau và có những cấu trúc và sự nhấn mạnh khác nhau. Chẳng hạn như Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem có những tín hữu “sốt sáng về luật pháp” vẫn tiếp tục giữ nhiều tập tục Do-thái, như là tham gia các cuộc tế lễ tại đền thờ (Công 2:46; 5:42; 21:20, 26). Những Hội thánh dân ngoại thì không có những tập tục như vậy và thường nhóm họp tại nhà riêng. Nhưng tất cả đều là những Hội thánh hợp thức thời Tân ước thích hợp với những hoàn cảnh của họ.

Nhiều yếu tố trong sự sinh hoạt của Hội thánh mà chúng ta quen thuộc có thể không nhất thiết là sự bắt buộc theo Kinh thánh hoặc thích hợp về phương diện văn hóa trong một bối cảnh khác. Có nhất thiết một Hội chúng cần phải có một mục sư được trả lương, có nhà thờ

riêng, nhóm thờ phượng hàng tuần vào sáng Chúa nhật, hoặc phải có tư cách pháp nhân bao gồm phải có điều lệ hoặc hiến chương thì mới được gọi là Hội thánh “thật sự” không? Những điều này có thể đáng ao ước, nhưng theo tiêu chuẩn của Tân ước thì không phải là những điều then chốt. Nhiều Hội thánh do Phao-lô thành lập không đáp ứng tiêu chuẩn mà nhiều người ngày nay xem là tiêu chuẩn tối thiểu để được gọi là Hội thánh. Ngược lại, thậm chí ông còn gọi những hội chúng có nan đề nhất là “Hội thánh.” Điều này buộc chúng ta phải xem xét cẩn thận hơn điều gì thật sự tạo nên một Hội thánh địa phương theo đúng Kinh thánh.

Mọi thành viên của nhóm mở mang Hội thánh phải sáng suốt nghiên cứu Kinh thánh và tìm kiếm giải đáp cho những điều này và nhiều câu hỏi khác về đời sống và bản chất của Hội thánh. Cần phải phân biệt điều gì là quan trọng và mang tính bắt buộc theo Kinh Thánh và điều nào là không quan trọng. Kinh Thánh cho phép một sự linh động rộng rãi về những chi tiết trong sự sinh hoạt và thể chế của Hội thánh. Những người mở mang Hội thánh trong bối cảnh văn hóa khác cần phải cẩn thận hơn, đừng áp đặt những yếu tố ngoại bang lên sự sinh hoạt của Hội thánh, nhưng phát triển Hội thánh mới cách sáng tạo theo những cách vừa đúng với Kinh Thánh vừa thích hợp với nền văn hóa bản địa. Đồng thời Hội thánh phải thể hiện những giá trị của vương quốc Đức Chúa Trời nhưng đối kháng với văn hóa.

Những người mở mang Hội thánh phải xác định rõ trong suy nghĩ của mình về Hội thánh trước khi thực hiện một kế hoạch. Việc nghiên cứu Kinh Thánh về bản chất của Hội thánh phải được giảng dạy ngay từ đầu trong bất kỳ Hội thánh mới được thành lập nào,¹ nhằm giúp cho những tín hữu địa phương xác định được Hội thánh phải có những hình thức nào để đáp ứng những mục đích của Kinh Thánh trong bối cảnh địa phương. Trong khi không có cái gì khác thay thế ngoài Kinh Thánh để giúp chúng ta hiểu biết về Hội thánh, vẫn có nhiều giá trị trở nên quen thuộc trong lịch sử giảng dạy về Hội thánh và tìm hiểu xem Hội thánh có những hình thức như thế nào trong những bối cảnh khác (xem chương 6 về định dạng của Hội thánh và bối cảnh hóa).²

Chúng ta phải bắt đầu bằng việc tìm hiểu *bản chất* cốt yếu của Hội thánh. Một bảng tóm lược về những nhận thức khác nhau về bản chất của Hội thánh được trình bày trong bảng 1.1. Trước tiên và quan trọng nhất, Hội thánh là một thực thể *thuộc linh*, được hoạch định bởi Đức Chúa Cha (Êph 1:3-6), được lập nên bởi Đấng Christ (Mat 16:18), và được Đức Thánh Linh ở cùng (Ê-phê-sô 2:19-22). Hội thánh là phương tiện cơ bản để Đức Chúa Trời bày tỏ bản chất của Nước Trời trong thời đại này và giữa các dân tộc. Cái nhìn theo Kinh Thánh này về Hội thánh phải chiếm hữu tâm trí và khuấy động tâm lòng chúng ta. Thật là một đặc ân thánh và vinh dự khi được làm đầy tớ của Đức Chúa Trời trong việc mở mang và thiết lập các Hội thánh địa phương!

Các giáo phụ thường nói về Hội thánh như là mối thông công của các thánh. Hội thánh được nhấn mạnh với tư cách là một dân thay vì một tổ chức. Những đặc điểm chính yếu của Hội thánh đã được tóm tắt trong bản Tín Điều Ni-cê (năm 381 SC) là *hiệp nhất, thánh khiết* (đời sống được thánh hóa), *phổ thông* (có tính toàn cầu, dành cho mọi người), và có *tính sứ đồ* (dựa trên sự dạy dỗ của các sứ đồ). Những đặc điểm này đã được giải nghĩa một cách khác

¹ Hãy nghiên cứu sách Công vụ về truyền giáo và sinh hoạt của Hội thánh, sách Ê-phê-sô về bản chất và ản dụ về Hội thánh, hoặc I Phi về sự tiếp nối của dân sự Đức Chúa Trời trong Cựu ước và Tân ước.

² Mọi người thường đánh giá cao tầm quan trọng của sự khôn ngoan trong quá khứ và nghi ngờ về những thay đổi mà ít có sự tiếp nối với lịch sử. Craig Van Gelder viết: “Mọi suy nghĩ về Hội thánh, mọi nghiên cứu về Hội thánh, phản ánh những hoàn cảnh lịch sử của những thời đại mà các Hội thánh được phát triển . . . Mọi nghiên cứu về Hội thánh phải được xem xét trong mối liên hệ về chức năng với bối cảnh của chúng. Không có cách nào nào để có Hội thánh ngoại trừ ở trong một bối cảnh lịch sử cụ thể . . . Những bối cảnh mới đòi hỏi những thể hiện mới trong việc nhận thức về Hội thánh” (2000, 40-41).

nhau trong suốt lịch sử của Hội thánh,³ nhưng được hầu hết Cơ-độc nhân thừa nhận. Các nhà Cải Cách chú trọng nhiều hơn về những *đặc điểm* then chốt của Hội thánh, trong nỗ lực nhận thức yếu tố tạo nên một Hội thánh thật đối lập với những biểu hiện sai lầm của Hội thánh. Luther đề cập về *sự giảng dạy Lời Chúa chính xác* (giáo lý) và *thực hành cách trung tín các thánh lễ* (báp têm và tiệc thánh) là hai đặc điểm then chốt. Các Hội thánh Cải cách thêm vào *sự thực hành kỷ luật của Hội thánh*. Các Free Churches nhấn mạnh *sự tái sinh và lòng mộ đạo* của các tín hữu.⁴

Bảng 1.1
Bản Chất của Hội thánh

Bản chất	Các Đặc điểm
Hiệp một	Giáo lý đúng
Thánh khiết	Trung tín giữ các thánh lễ
Phổ thông	Kỷ luật của Hội thánh
Tính sứ đồ	Đức tin cá nhân
Mục đích	Ân dụ
Làm chứng	Dân Đức Chúa Trời
Thông công	Thân thể của Đấng Christ
Phục vụ	Bầy của Đức Chúa Trời
Truyền bá	Cô dâu của Đấng Christ
Thờ phượng	Đền thờ của Đức Chúa Trời Thầy tế lễ hoàng gia

Một cách tiếp cận thực tế hơn là định nghĩa Hội thánh theo phương diện *mục đích* và *công tác* của Hội thánh. Công 2:42 mô tả những hoạt động cơ bản của Hội thánh về phương diện sự giảng dạy của sứ đồ, thông công, bẻ bánh (và báp têm), và cầu nguyện, rồi bổ sung thêm thờ phượng và truyền bá phúc âm (câu 47), và sau đó là việc sai phái các giáo sĩ (Công 13). Các nhà thần học cũng đã nói về các mục đích làm chứng, thông công, phục vụ, truyền bá và thờ phượng của Hội thánh.⁵ Trong cuốn sách nổi tiếng của mục sư Rick Warren *Hội Thánh Theo Đúng Mục Đích* liệt kê các công tác đi ra (để truyền bá phúc âm), thờ phượng

³ Chẳng hạn như đặc điểm tính sứ đồ đã được giáo hội Công Giáo La-mã dùng để đề cập đến sự kế thừa chức vụ sứ đồ, trong khi những người Tin lành giải thích nó theo ý nghĩa Hội thánh sai phái giáo sĩ ra đi như các sứ đồ. Van Gelder viết: “Để Hội thánh được thánh khiết, cần phải tìm kiếm để có được quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Để cho Hội thánh có tính phổ thông, thì phải tổ chức Hội thánh sao cho có tính chất truyền giáo trong tất cả các mục vụ và chức năng của Hội thánh. Để Hội thánh là một sự thông công của các thánh đồ, thì phải khuyến khích việc tạo ra và tăng cường các mối liên hệ thông qua việc sử dụng các bông trái và ân tứ Thánh Linh” (2000, 52).

⁴ Thuật ngữ “Hội thánh Free Church” được dùng ở đây nói chung là chỉ về những Hội thánh không liên hệ đến chính quyền của quốc gia sở tại – đó có thể là các Hội thánh Báp-tít hay Ngũ Tuần đối lập với các Hội thánh Công giáo, Giám nhiệm, Chính thống hay Lutheran. Xin xem thêm trong Van Gelder 2000.

⁵ Xin xem, chẳng hạn như Bate 1994.

(để tôn vinh), thông công (để khích lệ), môn đồ hóa (để gây dựng) và phục vụ (để trang bị) là những mục đích theo Thánh kinh cần phải được duy trì quân bình và định hướng cho Hội thánh. Nhưng có một cách khác để xem xét Hội thánh là dựa trên mối quan hệ giữa Đấng Christ với Hội thánh. Những nền văn hóa mang tính liên hệ cao, đặc biệt là trong bối cảnh Thế Giới Đại Đồng, có thể thấy cách nhìn nhận như vậy hữu ích hơn những cách tiếp cận khác:

- Xung nhận Đấng Christ là Chúa (báp têm)
- Làm chứng cho Đấng Christ (truyền bá phúc âm)
- Tưởng nhớ và thông công với Đấng Christ (tiệc thánh)
- Thánh Linh của Đấng Christ (sự đầy đầy, bông trái, ân tứ)
- Yêu thương Đấng Christ (thờ phượng, tĩnh nguyện)
- Lời của Đấng Christ (giảng, dạy)
- Gia đình của Đấng Christ (thông công, cộng đồng)
- Phục vụ Đấng Christ (quản gia, phục vụ)
- Chịu khổ vì Đấng Christ (trung tín, nhịn nhục)

Hãy để ý rằng những ẩn dụ về Hội thánh trong Thánh Kinh cũng đặt Hội thánh trong mối liên hệ với Đấng Christ – ví dụ như:

- Đấng Christ là đầu của thân thể
- Đấng Christ là người chăn hiền lành
- Đấng Christ là nền, đá góc nhà, người thợ xây của Hội thánh
- Đấng Christ là cửa cho bày chiên

Căn cứ theo sự thảo luận này, chúng tôi đưa ra định nghĩa thực tế về một Hội thánh địa phương như sau mà chúng tôi sẽ sử dụng trong cuốn sách này. *Hội thánh địa phương là một cộng đồng gồm những người tin Chúa Giê-xu Christ hứa nguyện nhóm họp cách đều đặn để thực hiện những mục đích theo Kinh Thánh dưới sự lãnh đạo thuộc linh được công nhận.* Định nghĩa rất căn bản này bao gồm nhiều yếu tố then chốt:

- *Tín hữu.* Hội thánh bao gồm những người đã kinh nghiệm sự cứu rỗi qua sự ăn năn và đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ theo như Phúc âm và đã xung nhận trong lễ báp têm. Họ mong muốn trở thành những môn đồ trung tín của Đức Chúa Giê-xu Christ, được tái sinh và ban năng lực bởi Đức Thánh Linh. Họ là dân sự mới của Đức Chúa Trời.
- *Nhóm họp.* Những tín hữu này hứa nguyện cùng nhau nhóm lại một cách đều đặn để phụng sự Đức Chúa Trời và phục vụ lẫn nhau.⁶ Họ là gia đình của Đức Chúa Trời.

⁶ Xin xem thảo luận của Robert Bank về từ Hội thánh trong tiếng Hy-lạp, ecclesia, có nghĩa là một hội đồng theo cách dùng thể tục của nó. Ông lập luận rằng theo cách dùng ban đầu của Phao-lô “từ ngữ này chỉ được áp dụng cho một cuộc tập họp dân chúng thực tế hoặc cho một nhóm người họp lại với tư cách là một cuộc họp thường kỳ và không áp dụng, như cách dùng ngày nay, cho một số hội đồng địa phương là một phần của một đơn vị lớn hơn” (1994, 29-30).

Với tư cách là một dân truyền giáo, họ sẵn sàng để được sai đi với tư cách là những đại diện của Đức Chúa Trời trong thế giới.

- *Mục đích.* Sự thông công của họ nhằm làm trọn những mục đích của Kinh Thánh bao gồm việc cầu nguyện, thờ phượng, truyền bá Phúc âm, chỉ bảo, gây dựng, phục vụ, thực hiện các thánh lễ báp têm và tiệc thánh, thực thi kỷ luật Hội thánh, và sai phái giáo sĩ. Họ thể hiện các giá trị của Nước Trời.
- *Lãnh đạo.* Họ vâng phục các lãnh đạo thuộc linh được công nhận. Các lãnh đạo thể hiện một hình thức tổ chức tối thiểu dưới sự lãnh đạo tối cao của Đấng Christ. Trong tinh thần tội tở, họ đưa ra các chỉ dẫn, giám sát thuộc linh, chăm sóc, giảng dạy và trang bị cho các tín hữu.

Đây có thể xem như một danh sách tối thiểu về các đặc điểm thực tế xác định một Hội thánh cho người mở mang Hội thánh. Chỉ có các tín hữu riêng lẻ, các cuộc họp với mục đích đặc biệt hay các cuộc nhóm họp không có tổ chức thì không tạo thành một Hội thánh.

Định nghĩa này là khá linh động. Một mục sư được thù lao không phải là điều cốt yếu, mà là các lãnh đạo được công nhận. Nhà thờ không phải điều kiện cần thiết để tạo nên Hội thánh, mà là các cuộc nhóm họp đều đặn. Trung thành với một bản tín điều cụ thể hay một hệ phái không phải là điều bắt buộc, nhưng phải trung thành với chân lý và mục đích của Kinh Thánh. Sự trưởng thành thuộc linh là một mục tiêu, nhưng quan trọng hơn là sự hứa nguyện của các tín hữu trong việc vâng phục theo Đấng Christ.

“Mở Mang Hội Thánh” Có Nghĩa Gì?

Sau khi đã định nghĩa về Hội thánh, chúng ta có thể định nghĩa cách đơn giản mở mang Hội thánh là việc tìm cách thiết lập những Hội thánh mới. Bình thường thì việc này sẽ qua các bước truyền giảng Phúc âm, môn đồ hóa, và tập hợp những người này thành một hội chúng hoạt động. Phần lớn công tác mở mang Hội thánh cũng sẽ có mục tiêu dài hạn về việc nhân cấp. Vì vậy, chúng tôi đưa ra định nghĩa như sau: *Mở mang Hội thánh là mục vụ thông qua việc truyền bá Phúc âm và môn đồ hóa để thiết lập nên những cộng đồng tín hữu đặt đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ có khả năng sinh sản và cam kết làm trọn những mục đích theo Kinh Thánh dưới sự dẫn dắt của các lãnh đạo thuộc linh địa phương.*

Mở mang (nghĩa đen là trồng) là từ được sử dụng Phao-lô sử dụng để mô tả công tác thành lập những Hội thánh mới của ông trong I Cô-rinh-tô 3:6: “Tôi đã trồng, A-pô-lô đã tưới, nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho lớn lên.” Dù Phao-lô có nhiều ân tứ và mục vụ đa dạng, từ “mở mang” ở đây nói đến mục vụ sứ đồ tiên phong của ông trong việc thành lập những Hội thánh mới tại những nơi và giữa những dân tộc chưa từng có Hội thánh tồn tại trước đó. Ông nói rõ điều này trong Rô-ma 15:20: “Nhưng ước vọng của tôi là rao truyền Tin Lành ở những nơi mà danh Đấng Christ chưa được truyền đến, để khỏi xây trên nền của người khác.”

Bổ túc cho công tác mở mang hay mục vụ tiên phong là mục vụ “tưới nước” như công việc của A-pô-lô được nói đến trong I Cô-rinh-tô 3:6. Phao-lô đã sai phái ông đến Cô-rinh-tô để dạy dỗ thêm cho Hội thánh ở đó (I Cô 16:12). Trong khi mục vụ mở mang chủ yếu liên quan đến công tác truyền bá phúc âm, môn đồ hóa và thành lập hội chúng, thì mục vụ tưới nước liên quan đến việc giảng dạy thêm và làm vững mạnh các Hội thánh đã được thành lập. Cả người trồng và người tưới đều quan trọng đối với mục tiêu dài hạn trong việc thiết lập những Hội thánh mạnh khỏe và có khả năng sinh sản. Khi chúng tôi nói đến “mở mang Hội thánh” trong sách này, chúng tôi đề cập chung về toàn bộ quá trình của việc trồng (theo ý nghĩa tiên phong) và việc tưới nước ban đầu để dẫn đến việc thành lập những Hội thánh mới mạnh khỏe.

Mở Mạng Hội Thánh Là Một Công Tác Thuộc Linh

Phần lớn sách này sẽ thảo luận về tiến trình và những phương pháp thực tế của việc mở mạng Hội thánh. Nhưng trước hết chúng ta cần in trí rằng việc mở mạng Hội thánh là một công tác thuộc linh, được hoàn thành căn bản bởi các phương tiện thuộc linh. Chúa Giê-xu mới thực sự là người thiết lập Hội thánh, như Ngài đã hứa, “Ta sẽ lập Hội thánh Ta” (Mat 16:18). Đại Mạng Lệnh trong Ma-thi-ơ 28:19-20, hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ Ta, được lồng vào giữa sự khẳng định rằng hết thảy quyền phép trên trời và dưới đất đã được giao cho Chúa Giê-xu (câu 18) và lời hứa của Chúa Giê-xu sẽ ở cùng các môn đồ cho đến tận thế (câu 20). Chỉ có “ở trong Đấng Christ” thì mục vụ của chúng ta mới có kết quả; ngược lại, ngoài Chúa Giê-xu chúng ta không thể làm được gì (Giăng 15:5). Phúc âm Giăng gọi lại lời hứa của Chúa Giê-xu rằng Đức Thánh Linh sẽ thuyết phục những người chưa tin về tội lỗi, sự công bình và sự phán xét, do đó họ cần đến sự cứu rỗi trong Đấng Christ (Giăng 16:8).

Phúc âm Lu-ca kết thúc với mạng lệnh của Chúa Giê-xu là hãy chờ cho đến khi được “mặc lấy quyền phép từ trên cao” (Lu 24:49) rồi mới thực hiện Đại mạng Lệnh. Rõ ràng trọng tâm của sách Công Vụ Các Sứ Đồ, sách thứ hai của Lu-ca, là công tác ban năng quyền của Đức Thánh Linh trong việc phổ biến Tin Lành và thành lập Hội thánh. Ví dụ:

- Năng quyền để làm chứng và rao giảng (Công 1:8; 4:8)
- Được mạnh dạn trong sự bắt bớ (Công 4:31)
- Làm vững mạnh và an ủi Hội thánh (Công 9:31)
- Hướng dẫn trong quyết định (Công 16:6-10)
- Kêu gọi và sai phái các giáo sĩ (Công 13:2-4)
- Xác nhận sự giảng dạy của sứ đồ qua các dấu kỳ phép lạ (Công 2:43; 4:16; 5:12; 6:8; 8:6, 13; 14:3; 15:12; 19:11)

Chính Chúa là Đấng thêm những tín hữu mới vào Hội thánh (Công 2:47) và chính Chúa mở lòng của những người nghe Tin Lành (Công 2:37; 16:14). Lu-ca cũng viết về sự tăng trưởng của Hội thánh dưới dạng Lời của Đức Chúa Trời gia tăng, lan rộng và nhân cấp (Công 6:7; 12:24; 13:49; 19:20). Con người chỉ đóng vai trò phụ.

Sự nhân mạnh tương tự có thể tìm thấy trong các thư của Phao-lô. Quyền năng cứu rỗi của Đức Chúa Trời ở chính trong Tin lành chứ không phải ở nơi sứ giả (Rô 1:16; I Cô 1:18). Sứ điệp phải được công bố trong quyền năng của Đức Thánh Linh (Rô 15:18-19; I Cô 2:4-5; I Tê 1:5). Hội thánh tại Cô-rinh-tô đã chia rẽ bởi vì chú trọng đến những con người khác nhau và các ân tứ thuộc linh đặc biệt. Để chỉnh sửa điều này Phao-lô đã hướng dẫn lại cho họ trong I Cô 3:5-10 về chân lý trọng tâm hơn là chính Đức Chúa Trời là Đấng hành động thông qua con người và các ân tứ của họ:

Thế thì, A-pô-lô là ai? Phao-lô là ai? Họ chỉ là những đầy tớ, mà qua họ anh em đã tin, như Đức Chúa Trời đã chỉ định cho mỗi người. Tôi đã trồng, A-pô-lô đã tưới, nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho lớn lên. Vậy nên, người trồng, kẻ tưới đều không là gì cả, nhưng chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng làm cho lớn lên. Người trồng, kẻ tưới đều như nhau; mỗi người sẽ nhận được tiền công tùy theo công sức của mình. Vì chúng tôi là những người cùng làm việc cho Đức Chúa Trời; anh em là đồng ruộng của Đức Chúa Trời, là nhà của Đức Chúa Trời. Theo ân điển của Đức Chúa Trời đã ban cho tôi, tôi đã đặt nền như một thợ lành nghề, còn người khác thì xây cất lên trên.

Sự phát triển của Tin Lành sẽ gặp phải sự đối kháng thần linh. Sự bành trướng của Hội thánh trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ đã đối diện sự bắt bớ, sự chống đối của ma quỷ và thất bại của

con người. Phao-lô đã viết về bản chất thần linh của nhiều lực lượng đối lập (như II Cô 10:2-4; Êph 6:12). Nhưng Kinh Thánh cũng nói rõ ràng rằng Đấng Christ đã đánh bại mọi thế lực thần linh (như Rô 8:35-39; Côm 1:16). Dù chúng ta không được bảo đảm rằng mọi nỗ lực để mở một Hội thánh sẽ thành công, chúng ta có được lời hứa rằng cuối cùng Đấng Christ sẽ chiến thắng như lời Ngài: “Ta sẽ lập Hội thánh Ta; các cửa âm phủ chẳng thắng được Hội đó” (Mat 16:18).

Những chân lý này giúp cho những người mở mang Hội thánh tin chắc rằng kết quả của những nỗ lực của họ phụ thuộc vào sự hành động của Đức Chúa Trời. Điều này không miễn giảm cho chúng ta việc chuẩn bị chu đáo, làm việc chăm chỉ và đánh giá cẩn thận. Nhưng nó giải thoát chúng ta khỏi những áp lực không cần thiết nhằm tạo nên kết quả và khỏi cảm giác thất bại không cần có khi, sau những cố gắng hết mình, chúng ta thấy thành quả của mình quá nhỏ. Nó cũng giúp chúng ta tránh được sự tự hào và kiêu ngạo khi chúng ta kinh nghiệm phước hạnh lớn trong mục vụ của mình. Bước đi và hành động bởi đức tin phải là thái độ đặc trưng của chúng ta trong mục vụ. Sự phụ thuộc hoàn toàn vào Đức Chúa Trời phải là “phương pháp phía sau mọi phương pháp.” Cuối cùng, những chân lý này phải đưa người mở mang Hội thánh đến sự cầu nguyện nhiều hơn. Cầu nguyện được đề cập hai mươi sáu lần trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ. Các thư của Phao-lô gửi cho các Hội thánh cho thấy ông đã nhiều lần cầu nguyện cho họ và sự tăng trưởng thuộc linh của họ (Êph 1:15-23; 3:14-19; Phil 1:3-6, 9-11; II Tê 1:11-12). Đây là những gương mẫu tuyệt vời giúp cho những người mở mang Hội thánh biết cách cầu nguyện cho Hội thánh họ mở mang.

Mở mang Hội thánh là một nỗ lực hoàn toàn thuộc linh. Chúng ta có thể vận dụng các phương pháp tốt nhất – và phương pháp là quan trọng – nhưng chúng không thể thay thế cho sự cầu nguyện và sự phụ thuộc vào sự hướng dẫn và công tác của Chúa. Bằng các phương tiện của con người hoàn toàn có thể thiết lập nên một tổ chức có đầy đủ các đặc điểm ngoại hình của một Hội thánh. Nhưng một Hội thánh thật là tạo vật của Đức Thánh Linh.

Mở Mang Hội Thánh – Một Công Tác Đòi Hỏi Sự Khôn Ngoan và Soi Sáng

Mở mang Hội thánh không chỉ là một công tác thuộc linh; nó cũng là một công tác phức tạp của con người. Không ít người mở mang Hội thánh có đầy nhiệt tâm nhưng thiếu sự chuẩn bị về thực tiễn và khờ khạo, đưa đến sự nản lòng không cần thiết và thường thất bại. Châm ngôn 19:2 chép: “Lòng thiếu tri thức ấy chẳng phải một điều hay; Và kẻ nào vội bước bị vấp phạm.” Đức Chúa Trời ban cho chúng ta khả năng hiểu biết và nhận thức để chúng ta có thể hiểu được đường lối của Ngài tốt hơn và sử dụng sự khôn ngoan để phục sự Ngài. Có nhiều cách để chúng ta có thể có sự hiểu biết nhiều hơn, biết được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và trở thành người quản lý tốt hơn trong công tác mở mang Hội thánh.

- *Sự dạy dỗ của Kinh Thánh.* Dù thế giới thời Tân ước rất khác với thế giới chúng ta ngày nay, chúng ta vẫn có thể dựa vào nhiều nguyên tắc quan trọng từ gương mẫu của những Cơ-đốc nhân đầu tiên trong việc phổ biến phúc âm và mở mang Hội thánh.
- *Cầu nguyện.* Gia-cơ 1:5 cho chúng ta lời hứa: “Ví bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho.”
- *Lịch sử.* Chúng ta có thể học được nhiều bài học từ lịch sử truyền giáo và mở mang Hội thánh, khám phá một số phương tiện được Đức Chúa Trời ban phước và một số cạm bẫy để tránh. Câu châm ngôn này hoàn toàn đúng: nếu chúng ta không học hỏi từ lịch sử thì chúng ta sẽ bị lên án khi lập lại nó.

- *Khoa học xã hội.* Khoa học xã hội giúp chúng ta hiểu hành vi của con người và xã hội. Nếu chúng ta muốn phục vụ mọi người tốt, chúng ta phải hiểu họ sâu sắc. Khoa học xã hội giúp chúng ta khắc phục những điểm mù và khám phá những yếu tố giúp đưa chúng ta đến mục vụ có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu sâu xa nhất của mọi người theo những cách thức thích hợp cả về Kinh Thánh và văn hóa.
- *Những thực tiễn tốt nhất.* Một số sáng kiến ích lợi nhất thu được khi những người mở mang Hội thánh chia sẻ với nhau và cùng nhau tìm hiểu những thực tiễn tốt nhất cho công tác mở mang Hội thánh. Một điều cần lưu ý ở đây là những phương pháp có hiệu quả trong một bối cảnh có thể không áp dụng được cho một bối cảnh khác.

Có sự khác nhau giữa sự khôn ngoan hoàn hảo và chủ nghĩa thực dụng dốt nát lấy kết quả biện minh cho phương tiện. Hơn nữa, những phương pháp tốt nhất cũng không bảo đảm thành công – chỉ có Đấng Christ mới có thể lập được Hội thánh của Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời làm việc qua các phương tiện của con người, và nói chung Ngài chọn cách hành động thông qua những đầy tớ có hiểu biết và được chuẩn bị kỹ lưỡng, đó là những người khiêm nhường và có tinh thần học hỏi, sử dụng mọi phương tiện sẵn có để thúc đẩy công việc của Ngài.

Khi Nào Một Hội Thánh Có Thể Được Xem Là “Được Thành Lập”?

Làm sao người mở mang Hội thánh biết được khi nào công việc của mình hoàn thành? Khi nào thì một Hội thánh có thể được xem là “được thành lập”? Vào thời điểm nào thì người mở mang Hội thánh hoặc nhóm mở mang Hội thánh có thể rời đi và bàn giao Hội thánh hoàn toàn cho những lãnh đạo địa phương? Kinh thánh không đưa ra cho chúng ta một bảng đối chiếu để trả lời những câu hỏi này. Các giáo sĩ mở mang Hội thánh bị tai tiếng vì ở lại quá lâu, thống trị Hội thánh, và có thái độ cho rằng các tín hữu địa phương sẽ không thể tồn tại lâu nếu thiếu giáo sĩ. Một thái cực đối lập đôi khi cũng xảy ra là: người mở mang Hội thánh đã không đào tạo những lãnh đạo địa phương nên khi họ ra đi bất ngờ thì Hội thánh sẽ tàn lụi và chết.

Một vài tác giả dựa vào gương mẫu của sứ đồ Phao-lô đưa ra đề nghị rằng một Hội thánh phải được xem là đã được thành lập ngay sau khi các tín hữu đầu tiên được tập hợp lại (như Allen 1962a, 3). Thực ra, trong phần lớn trường hợp Phao-lô đã rời khỏi Hội thánh chỉ trong vòng vài tuần hoặc vài tháng sau khi thành lập. Tại Tiểu Á ông và Ba-na-ba đã lập các trường lão trong các Hội thánh ngay sau khi truyền giáo và rời xem là công việc đã “hoàn tất” (Công 14:23, 26).⁷ Vì vậy mà một người lãnh đạo địa phương có phẩm chất và được công nhận dường như là điều then chốt.

Tuy nhiên, việc kết luận rằng hoạt động của giáo sĩ cần phải được cắt đi nhanh chóng sau khi tập hợp các tín hữu đầu tiên là bỏ sót bức tranh Kinh Thánh lớn hơn. Sự ra đi nhanh chóng của Phao-lô thường là do sự bất bố, chứ không phải là theo kế hoạch. Phao-lô đã lưu lại hơn hai năm tại Ê-phê-sô, nơi mà Đức Chúa Trời đã mở “một cánh cửa rộng lớn” cho ông (I Cô 16:9), và do vậy trì hoãn công tác tiên phong khác. Kinh Thánh cũng ghi rõ ràng là những hội chúng non trẻ này tiếp tục nhận được sự giúp đỡ qua công tác thăm viếng chăm sóc, qua thư tín và những người cộng sự được cử đến. Việc phân tích Kinh Thánh cẩn thận hơn như vậy cho thấy rằng việc mở mang những Hội thánh mạnh khỏe cần được chú trọng hơn là những chiến dịch ngắn hạn mà để cho những hội chúng mới tự xoay xở. Phương pháp mở mang Hội thánh của Phao-lô là thiết lập những lãnh đạo địa phương và giao phó trách

⁷ Phao-lô cho rằng công việc tại đảo Cô-rét “chưa hoàn tất” bởi vì các trường lão đủ phẩm chất chưa được chỉ định (Tit 1:5), nhưng chúng ta không biết chắc Hội thánh tại Cô-rét đã tồn tại bao lâu khi điều này được viết ra.

nhiệm cho họ cách nhanh chóng, nhưng nhiều hình thức trợ giúp dài hạn khác nhau cũng đã được cung cấp cho các Hội thánh non trẻ.

Từ gương mẫu của Phao-lô và các cộng sự của ông, chúng ta khám phá ra rằng việc rời khỏi một Hội thánh mới thành lập có thể được xem như một tiến trình chuyển đổi sự nhân mạnh và trách nhiệm khi Hội thánh trưởng thành. Thay vì rút đi cách đột ngột, sự rút đi của các giáo sĩ có thể là một quá trình dần dần với các thành viên của nhóm phục vụ trong các khả năng khác nhau và với các mức độ giảm dần các sự tiếp xúc và trợ giúp. Các điển hình của Kinh Thánh cũng chứng tỏ rằng các khả năng và ân tứ khác nhau đều cần thiết trong suốt các giai đoạn của quá trình mở mang và thành lập Hội thánh.

Dựa theo định nghĩa của chúng tôi về Hội thánh, chúng tôi đề nghị những mục tiêu ngắn hạn sau đây như là một thước đo cho việc cắt giảm hoạt động của người hoặc nhóm mở mang Hội thánh:

- Những người tại địa phương hay nhóm người trọng tâm đã được hướng dẫn tin Chúa, được môn đệ hóa, và được tập hợp thành một cộng đồng tín hữu cùng nhau hứa nguyện nhóm lại đều đặn.
- Một nhóm lãnh đạo thuộc linh địa phương có đủ phẩm chất (lý tưởng nhất là từ nhóm người trọng tâm) đã được kêu gọi, công nhận bởi hội chúng. Họ hướng dẫn, dạy dỗ, và áp dụng đúng đắn Kinh Thánh vào đời sống và xã hội của họ.
- Cơ cấu tổ chức thích hợp về mặt văn hóa cho việc thông công, thờ phượng, truyền bá Phúc âm, phục vụ và quản trị đang hoạt động tốt.
- Các tín hữu địa phương đã tiếp thu các giá trị và mục tiêu của Kinh Thánh. Các mục đích thiên thượng đối với Hội thánh đang dần dần được thể hiện.

Hội thánh có thể được xem là đã “được thành lập” khi các mục tiêu ngắn hạn nói trên đã đạt được. Tuy nhiên, sự phát triển dài hạn của Hội thánh phải được duy trì nếu muốn thiết lập những cộng đồng dân Chúa thật sự. Sau khi rời khỏi, người mở mang Hội thánh có thể tiếp tục khích lệ Hội thánh đạt đến những mục tiêu dài hạn. Những mục tiêu dài hạn đó cần bao gồm các điều sau, trong số các mục tiêu khác:

- Nhân cấp Hội thánh bằng cách mở mang các Hội thánh con, sai phái những người mở mang Hội thánh, sai phái hoặc hỗ trợ các giáo sĩ⁸
- Thiết lập các mục vụ nhằm thể hiện các giá trị về lòng thương xót và sự công chính của cộng đồng dân Chúa
- Phát động các mục vụ đặc biệt cho các nhóm sắc tộc, các nhóm văn hóa, hoặc những người cần sự giúp đỡ đặc biệt
- Tạo lập những hoạt động phù hợp với phong tục, truyền thống và lễ nghi địa phương
- Giữ mối liên kết với hoặc giúp đỡ hình thành một hiệp hội thông công các Hội thánh khu vực hoặc quốc gia (xin xem mục “Các mối thông công phụ thuộc lẫn nhau” bên dưới)
- Tham gia vào các hoạt động địa phương hoặc khu vực với các Hội thánh khác

⁸ Stuart Murray tiến xa hơn với tuyên bố: “Tự truyền bá, hoặc tái sản sinh, không chỉ là một phẩm chất đáng ngưỡng mộ của vài Hội thánh, mà phải là một phần trong định nghĩa về Hội thánh” (1998, 60).

Các mục tiêu nói trên hiếm khi đạt được trong giai đoạn tiên phong. Nhưng các giá trị và khái niệm về các mục tiêu dài hạn đó cần phải được truyền đạt ngay từ đầu trong công tác mở mang Hội thánh.

Loại Hội Thánh Nào Cần Được Thành Lập?

Thật chẳng may là nhiều sách viết về mở mang và phát triển Hội thánh ít quan tâm đến loại Hội thánh cần được thành lập. Tuy nhiên, nếu các Hội thánh được thành lập đúng như chúng ta đã cố gắng định nghĩa chúng theo Kinh Thánh, thì các Hội thánh đó phải vượt xa trên vài định nghĩa tối thiểu hoặc tiêu chuẩn về hệ phái. Các Hội thánh đó phải là *những cộng đồng dân Chúa, những hội chúng mạnh khỏe, những tổ chức hữu cơ có khả năng sinh sản, những Hội thánh bản địa, và các hội thông công phụ thuộc lẫn nhau.*

Những Cộng Đồng Dân Chúa

Có một nhận thức về Hội thánh theo đúng Kinh Thánh sẽ hướng dẫn chúng ta thành lập những Hội thánh mà đó sẽ là *những cộng đồng dân Chúa*. Các học giả về Tân ước và các nhà truyền giáo đều công nhận sự giảng dạy của Chúa Giê-xu về Nước Trời là tâm điểm cho nhận thức của chúng ta về Hội thánh và truyền giáo. Những cộng đồng dân Chúa là những hội chúng bao gồm các Cơ-đốc nhân luôn thể hiện các giá trị của Nước Trời như Chúa Giê-xu đã dạy. Bản chất của họ được nhận thấy trước hết trong mối liên hệ của họ đối với vị Vua, là Đức Chúa Giê-xu Christ, và thứ nhì là trong sự vâng phục của họ đối với ý muốn của vị Vua được thể hiện cụ thể trong Kinh Thánh. Nói một cách đơn giản là: họ tôn Đấng Christ làm trung tâm và làm theo Kinh Thánh.

Những cộng đồng dân Chúa được hình thành bởi những người được sinh ra bởi Thánh Linh, những người bước vào vương quốc của Đức Chúa Trời với đức tin như những đứa trẻ, và là những người nghèo khó về tâm linh.⁹ Họ có phẩm chất như trong Bài Giảng Trên Núi. Họ nỗ lực để có sự thánh khiết cá nhân.¹⁰ Họ biết rằng họ có thể phải trải qua sự đau đớn và khổ nạn trong đời này, nhưng họ sống với niềm hy vọng là vương quốc sẽ trở nên trọn vẹn khi Đấng Christ quay trở lại.¹¹ Những cộng đồng dân Chúa trở thành một bằng chứng và phong trào mang tính chất biến đổi, kháng văn hóa đang có ảnh hưởng đối với các cá nhân, gia đình, cộng đồng, thành phố và quốc gia. Quyền năng của Tin Lành đang vận hành trong họ, và họ trở nên muối của đất và ánh sáng của thế giới.¹² Không có Hội thánh nào trọn vẹn hoặc không có tội lỗi, nhưng mỗi Hội thánh cần phải là một dấu hiệu và sự nếm trải trước về Nước Trời. David Shenk và Erwin Stutzman viết,

Mở mang Hội thánh là công việc khẩn cấp nhất của loài người. Chính thông qua sự tạo lập (hoặc mở mang) các Hội thánh mà vương quốc của Đức Chúa Trời được mở rộng đến những cộng đồng chưa từng được nếm trải sự hiện diện kỳ diệu của Nước Trời giữa họ . . . Ân điển biến đổi của Đức Chúa Trời tái tạo sự hiện diện của Nước Trời trong những người hứa nguyện tôn Đức Chúa Giê-xu Christ làm Chúa và Cứu Chúa. (1988, 23)

Trong chương 19 chúng ta sẽ thảo luận nhiều hơn bản chất của những Hội thánh có ảnh hưởng mang tính chất Nước Trời.

⁹ Ma-thi-ơ 5:3; 18:4; 19:14; Lu-ca 18:17; Giảng 3:3-7.

¹⁰ Ma-thi-ơ 5:20; 7:21; I Cô-rinh-tô 6:9-10; Ga-la-ti 5:19-21; II Phi 1:10-11.

¹¹ Ma-thi-ơ 5:10; Công Vụ Các Sứ Đồ 14:22; II Tê 1:5; Tít 2:13; Hê-bơ-rơ 9:28.

¹² Ma-thi-ơ 5:13-16.

Không nên đơn thuần lập ra những Hội thánh chỉ tập chú đến những mối quan tâm riêng tư của họ hoặc gò bó theo những chương trình Cơ-đốc lễ lối cũ. Lịch sử Hội thánh tràn ngập những bài học bi thảm về những hậu quả khi Hội thánh không thể hiện được sự kêu gọi thiêng liêng của mình. Khi chứng kiến cảnh hàng trăm ngàn người Ru-an-đa bị giết trong cuộc chiến tranh sắc tộc ở một nước được cho là quốc gia Cơ-đốc giáo, một người đã viết:

Một trong các “sự kiện” chúng ta lớn tiếng tuyên bố là mỗi ngày có khoảng 20.000 người Phi châu trở thành Cơ-đốc nhân. Dĩ nhiên, không ai bác bỏ hiện tượng quay về với Đấng Christ trong các thập kỷ hiện tại ở khắp các vùng phụ cận sa mạc Sa-ha-ra Phi-châu. Nhưng giữa công tác gạt hái những linh hồn này, rõ ràng là chúng ta đã không dừng lại để xem xét trách nhiệm dài hạn của mình, đó là không chỉ tập hợp những người mới tin mà còn phải đồng nhất họ vào trong các Hội thánh, nơi đó phẩm chất của họ sẽ được định hình theo các giá trị và tiêu chuẩn Kinh Thánh. Chúng ta đã không chú ý đầy đủ tới những cảnh báo nghiêm trọng về những nguy hiểm của việc nhận thức không đầy đủ về công tác truyền giáo của chúng ta. (Reapsome 1995, 4)

Những ví dụ lịch sử khác gồm có các cuộc Thập tự chinh thời Trung cổ, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong các Hội thánh Bắc Mỹ, sự chấp nhận không phê phán chủ nghĩa xã hội nhà nước của Hit-le trong các Hội thánh Đức, và nạn phân biệt chủng tộc tại nhiều Hội thánh ở Nam Phi.

Những Hội Chúng Khỏe Mạnh

Trong những năm gần đây đã có sự quan tâm đáng kể đến chủ đề sức khỏe của Hội thánh. Trong Khải Huyền chương 2 và 3, chính Chúa Giê-xu kiểm tra bảy Hội thánh tại Tiểu Á, đưa ra đánh giá của ngài về sức khỏe của họ – những điểm mạnh và những điểm yếu của họ – và cho biết cần phải chỉnh sửa những điều gì. Trong khi các Hội thánh được thành lập, điều quan trọng là phải để ý đến những chỉ báo về sức khỏe của Hội thánh, điều này không chỉ giúp nhận ra những triệu chứng phát triển không lành mạnh mà còn có thể chỉ ra những hướng đi tích cực cho Hội thánh. Có nhiều bảng liệt kê khác nhau về các chỉ báo sức khỏe của Hội thánh đã được công thức hóa (chẳng hạn như bảng 13.1).

Những Hội thánh không khỏe mạnh hiếm khi sinh sản, trừ phi họ sinh sản thông qua những xung đột dẫn đến sự phân rã Hội thánh. Sức khỏe Hội thánh thường là sự phản ánh sức khỏe thuộc linh của các lãnh đạo. Tuy nhiên, đôi khi các Hội thánh phát triển theo những cách không lành mạnh đơn giản chỉ vì sự mù quáng, thiếu hiểu biết hoặc do những hoàn cảnh nằm ngoài sự kiểm soát của các lãnh đạo. Những hội chúng mạnh khỏe là những hội chúng có mối liên hệ lành mạnh với Chúa Giê-xu, có một nhận thức đúng đắn về Phúc âm, một cam kết mạnh mẽ đối với sự kêu gọi, và một đánh giá lành mạnh (và chân thật) về những ưu, nhược điểm của họ. Những Hội thánh như thế sẽ có ảnh hưởng tốt cho Nước Trời và ở trong tình trạng tốt nhất để sinh sản.

Những Tổ chức Hữu Cơ Có Khả Năng Sinh Sản

Một trong những chủ đề nhất quán xuyên suốt sách này là tầm quan trọng của việc thiết lập những Hội thánh có khả năng sinh sản. Sinh sản là một phần của đời sống: mọi tổ chức hữu cơ sống và khỏe mạnh đều sinh sản. Hội thánh không phải là một tổ chức mà là một tổ chức hữu cơ sống, là thân thể của Đấng Christ. Như chúng ta sẽ thấy, sinh sản là một đặc điểm của các Hội thánh Tân ước và là trọng tâm đối với chiến lược truyền giáo của sứ đồ Phao-lô. Chỉ khi các Hội thánh sinh sản thì Tin lành mới có thể đến được với cả thế giới. Trong chương 7 chúng ta sẽ khám phá nhiều cách khác nhau mà Hội thánh có thể sinh sản.

Những người mở mang Hội thánh phải tìm cách lập nên những Hội thánh có trong yếu tố di truyền của họ khả tượng và cam kết về việc sinh sản và nhân cấp. Điều này phải trở thành mục tiêu về lâu dài trong các phương pháp mà những người mở mang Hội thánh sử dụng. Những phương pháp mà chúng tôi đề nghị trong những trang sách này luôn chứa đựng mục tiêu dài hạn này.

Những Hội Thánh Bản Địa

Những Hội thánh mà chúng ta thành lập phải mang *tính bản địa*. Trong chương 4 chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn về bản chất của một Hội thánh bản địa. Hội thánh bản địa là một Hội thánh về cơ bản được tạo thành và lãnh đạo bởi các tín hữu địa phương. Nó sẽ chầm rề trong nền văn hóa địa phương theo cách nào đó sao cho dưới sự hướng dẫn và quyền năng của Đức Thánh Linh nó phát triển sự sinh hoạt và mục vụ của mình theo cách thích hợp về mặt văn hóa. Một cây cọ sẽ không phát triển và sinh sản được tại Alaska, và một cây thông sẽ khô héo và chết trong sa mạc. Chúng không thuộc về môi trường và khí hậu địa phương và không có khả năng thích nghi. Tương tự, một Hội thánh bản địa phải thích hợp với và chầm rề trong môi trường văn hóa của nó theo một cách nào đó sao cho nó có thể phát triển trong bối cảnh địa phương đồng thời thể hiện những mục đích thiên thượng đối lập với văn hóa. Một Hội thánh do bên ngoài chi phối hoặc có bản chất ngoại lai nói chung sẽ khó phát triển và sinh sản.

Lịch sử truyền giáo có không ít trường hợp nhiều giáo sĩ bất chấp văn hóa địa phương, đã thành lập những Hội thánh trông giống ở nước ngoài, thiết lập những mục vụ mà không thể tồn tại được trong địa phương, và dần dần cộng tác chặt chẽ với chính quyền ngoại bang. Những Hội thánh được thành lập đôi khi giống như Đa-vít mang binh khí của Sau-lơ: lúng túng với những cơ cấu, hình thức và mục vụ chỉ thích hợp với thời đại và nơi khác nhưng không thích hợp với họ. Các tín hữu đại phương đôi khi bị xem như những nô dịch văn hóa, hoặc tệ hơn, là những công cụ của thế lực ngoại bang phản động. Hơn nữa, một số giáo sĩ thường có thái độ gia trưởng, hạ cố đối với các tín hữu địa phương, từ chối việc phong chức cho họ trong nhiều thập kỷ, hạ thấp công tác của Đức Thánh Linh trong đời sống của họ, và thực thi quyền lực trên họ qua việc kiểm soát tài chính hoặc tiếp tục nắm quyền lãnh đạo. Mục tiêu về Hội thánh tự quản trị dường như còn xa vời bởi vì các lãnh đạo địa phương dường như chưa hề đủ sức để tiếp quản.

Giống như mục tiêu sinh sản, mục tiêu thiết lập những Hội thánh bản địa này phải có trong ý tưởng về lâu dài đối với cả phương pháp mở mang Hội thánh và thái độ của người mở mang Hội thánh. Người mở mang Hội thánh ở một bối cảnh văn hóa khác với văn hóa của mình phải không tiếc công sức để hiểu con người và văn hóa địa phương, thành lập Hội thánh theo cách thích hợp với văn hóa, với những cơ cấu tổ chức có thể tồn tại được ở địa phương, và trao quyền cho các lãnh đạo địa phương thực hiện các mục vụ.

Các Hiệp Hội Thông Công Phụ Thuộc Lẫn Nhau

Trong nhiều tình huống, câu hỏi đặt ra là liệu Hội thánh mới có nên gia nhập một hiệp hội các Hội thánh hoặc hệ phái đã có hay không. Các giáo sĩ đi mở mang Hội thánh thường là cộng sự của một Hội thánh quốc gia. Hội thánh nên hợp tác với các Hiệp hội Cơ-đốc địa phương, các Hội thông công mục sư hoặc một Hiệp hội Tin Lành ở phạm vi nào? Đây là những câu hỏi quan trọng cần được đề cập ngay lúc bắt đầu công tác mở mang Hội thánh. Đôi khi chúng được giải đáp bởi tổ chức tài trợ. Những lúc khác thì chúng phải được người mở Hội thánh hoặc các tín hữu địa phương trả lời.

Những người mở mang Hội thánh thường phải làm việc với một tinh thần độc lập hoặc thậm chí ganh đua. Đôi khi những Cơ-đốc nhân hoặc Hội thánh khác trong địa phương hoặc

khu vực bị phớt lờ. Những người mở Hội thánh ở bối cảnh văn hóa khác có thể cho rằng họ không có gì để học hỏi từ các tín hữu địa phương và không cần sự giúp đỡ của họ. Họ nghĩ rằng họ có tất cả mọi câu trả lời họ đã học được trong chủng viện, tại Hội thánh nhà, từ những sách mới nhất họ đã đọc, hoặc do tham gia các cuộc hội thảo gần nhất. Thật không có gì ngạc nhiên khi những Hội thánh mà họ thành lập cũng có tinh thần độc lập, hầu như không có mối liên hệ nào với những Hội thánh khác tại địa phương hoặc quốc tế.

Tuy nhiên, Chúa Giê-xu đã cầu nguyện cho các môn đồ của Ngài và những người sẽ tin Ngài qua họ rằng, “để tất cả đều trở nên một; như Cha ở trong Con và Con trong Cha để họ cũng ở trong Chúng Ta, nhờ đó thế gian tin rằng Cha đã sai Con đến” (Giăng 17:21). Những người Tin lành thường nhanh chóng thấy rằng lời cầu nguyện này không có ý nói đến sự hiệp nhất về tổ chức. Nhưng một vài hình thức thể hiện sự hiệp nhất về tinh thần sẽ là bằng chứng để cho thế giới (tức là những người chưa tin) thấy và nhận ra rằng Chúa Giê-xu đã được Đức Chúa Cha sai đến. Nói cách khác, công tác truyền giáo phải thể hiện được tinh thần hiệp một và thông công Cơ-đốc!

Các Hội thánh trong Tân ước không độc lập với nhau nhưng phụ thuộc lẫn nhau theo nhiều cách. Dù họ không có tổ chức hệ phái như hiện nay, họ cũng không hoàn toàn không biết về nhau. Hội thánh dân ngoại tại An-ti-ốt phục tùng sự lãnh đạo và quyết định của Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem (Công 15:30-31). Những Hội thánh dân ngoại do Phao-lô thành lập được kêu gọi giúp đỡ cho Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem trong nạn đói (I Cô 16:1-14; II Cô 8). Phao-lô tuyển mộ những người cộng sự từ nhiều Hội thánh khác nhau do ông thành lập, và họ đã thực hiện mục vụ, có lúc thực thi thẩm quyền, ở các Hội thánh khác. Không nên có một Hội thánh nào hoàn toàn biệt lập với các Hội thánh khác. Nên có một tinh thần hiệp một và hợp tác với các tín hữu khác trong khu vực, quốc gia và quốc tế. Những mối liên hệ như thế có thể là không chính thức hoặc có thể rất gắn bó. Điều này phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể ở địa phương và quan điểm thần học.

Các giáo sĩ mở mang Hội thánh thường tìm cách để lập nên một hệ phái mới phản ánh các quan điểm tín lý hoặc phương pháp mục vụ riêng của Hội thánh gửi họ ra đi. Điều này làm gia tăng số lượng các hệ phái và Hội thánh độc lập trên khắp thế giới. Một trong những phát triển tích cực trong các thập kỷ gần đây là tinh thần cộng tác mạnh mẽ giữa các nỗ lực truyền giáo hải ngoại với các Hội thánh nước chủ nhà. Các cơ quan truyền giáo và những người mở mang Hội thánh trong bối cảnh văn hóa khác đang gia tăng tìm kiếm những cộng sự tại nước chủ nhà có cùng quan điểm tín lý, lối sống và khái tượng. Sự cộng tác đó trong công tác mở mang Hội thánh đem lại nhiều thuận lợi:

- Thể hiện được sự hiệp một trong thân thể Đấng Christ.
- Quản lý tốt hơn các nguồn lực và ân tứ.
- Các giáo sĩ và nhân sự địa phương có thể hình thành các nhóm mở mang Hội thánh.
- Những người mở mang Hội thánh ở nước ngoài có thể thực tập dưới sự hướng dẫn của các mục sư trong nước hoặc những người mở mang Hội thánh và nhờ đó hiểu và áp dụng tốt hơn mục vụ trong nền văn hóa đó.
- Sự đồng nhất với một hiệp hội thông công hoặc Hiệp hội quốc gia các Hội thánh tạo cho Hội thánh mới thành lập có được uy tín và sự hợp pháp.
- Các tín hữu địa phương có được cảm giác là một phần của Hội thánh của Đấng Christ to lớn hơn và không chỉ là một bộ phận tôn giáo biệt lập hoặc của nước ngoài.
- Hội thánh quốc gia có thể nhận được sự thúc đẩy mới đối với công tác truyền giáo và mở mang Hội thánh thông qua mối quan hệ của nó với các giáo sĩ hải ngoại.

Chúng ta sẽ quay trở lại các phương pháp hiệu quả cho việc hình thành sự cộng tác quốc tế giữa các hội chúng và việc sử dụng các nhóm truyền giáo ngắn hạn trong chương 18. Sự cộng tác như vậy đòi hỏi thời gian, sự kiên nhẫn và quyết tâm, nhưng nó mang lại kết quả lớn lao và sự tương trợ thật sự trong hoạt động truyền giáo.

Những Lý Do Phải Mở Mang Hội Thánh

Trong những thập kỷ gần đây đang có sự quan tâm mới mẻ về công tác mở mang Hội thánh trong hoạt động truyền giáo của người Tin Lành. Mở mang Hội thánh xuất hiện trong khái tượng và mục đích của nhiều cơ quan truyền giáo. Mỗi quan tâm đối với những nhóm người chưa được tiếp cận – đó là những nhóm sắc tộc không có một chứng nhân Cơ-đốc hoặc Hội thánh địa phương nào tồn tại – đã làm phát sinh những nỗ lực mới để “tìm hiểu” và tiến hành công tác mở mang Hội thánh tiên phong ở giữa họ. Các hệ phái đã nhận ra rằng mở mang Hội thánh là rất quan trọng đối với sự phát triển dài hạn và sức mạnh của một phong trào. Mở mang Hội thánh đã trở thành đề tài được quan tâm thậm chí đối với các Hội thánh dòng chính ở Âu châu, khi nhận biết rằng xã hội đang trở thành hậu Cơ-đốc và thậm chí số lượng tín hữu trên danh nghĩa đang giảm sút đáng kể. Ngoài ra, lập luận thần học và lý do về việc mở mang Hội thánh cũng thường hết sức cạn kiệt.¹ Trong chương này trước hết chúng tôi sẽ trình bày trách nhiệm từ Kinh Thánh và sau đó là những lý do thực tế của việc mở mang Hội thánh.

Trách Nhiệm Mở Mang Hội Thánh Xuất Phát Từ Kinh Thánh

Mở mang Hội thánh không chỉ là một nhu cầu thực tế. Đó là một trách nhiệm xuất phát từ Kinh Thánh! Các nhà thần học Công giáo từ lâu đã khẳng định tính trọng tâm của việc mở mang Hội thánh.² Người Tin lành đầu tiên đề cập cách nghiêm chỉnh về truyền giáo là nhà cải cách người Hà lan Gisbertus Voetius, ông đã công thức hóa mục đích tam diện của truyền giáo là sự hoán cải, mở mang Hội thánh và bày tỏ ân điển của Đức Chúa Trời (Jongeneel 1991). Công thức này đã ảnh hưởng đến vô số nhà truyền giáo từ đó đến nay. Dù rằng việc mở mang Hội thánh không phải luôn luôn là một mục tiêu rõ ràng của các cơ quan truyền giáo Tin Lành, nó luôn luôn là một nhu cầu thực tế. Vô số các nhà lãnh đạo truyền giáo và nhà thần học đã chủ trương rằng mở mang Hội thánh là trọng tâm của công tác truyền giáo.³ Chẳng hạn như, Georg Vicedom, trong tác phẩm *Sứ mạng của Đức Chúa Trời*, đã kết luận

¹ Nhiều tác giả ở Anh quốc đã nêu ra một lý do về phương diện thần học của việc mở mang Hội thánh, như Martin Robinson và Stuart Christine (1992), David Dunn Wilson (1996), Stewart Murray (1998), và Tim Chester (2000). Nhưng tại Bắc Mỹ ít người chú ý đến những tác giả này.

² Xin xem trong Oberji 2006.

³ Bao gồm Robert Speer (1902, 39-40), Roland Allen (1962a, 81), H. W. Schomerus (1935), Hendrick Kraemer (1938, 287), Walter Freytag (1961, 2:184), và David Hesselgrave (1980, 29, 33).

rằng: “Vì vậy, mục đích của truyền giáo là công bố sứ điệp cho tất cả nhân loại và tập hợp họ lại thành Hội thánh” (1965, 103).

Tuy nhiên, các tác phẩm và hội nghị về thần học trong những thập kỷ gần đây ít khi xem mở mang Hội thánh là trung tâm của truyền giáo trong bất cứ mặt nào. Các nhà truyền giáo Tin lành ngày càng nhấn mạnh đến truyền giáo nói chung và vương quốc Đức Chúa Trời nhưng ít khi đề cập đến mở mang Hội thánh. Trong khi sự nhấn mạnh này phản ánh sự sửa sai các quan điểm không cân xứng trước đó, thì việc không chú ý đến công tác mở mang Hội thánh trong thần học truyền giáo hiện tại cũng cần được sửa đổi. Bởi vì bản thân Hội thánh là trọng tâm trong sứ mạng của Đức Chúa Trời, thì việc mở mang Hội thánh phải xem là trọng tâm trong sứ mạng đó.

Thực tế và thần học truyền giáo đã phát triển cách riêng lẻ, và đây là sự phát triển nguy hiểm. Trong phạm vi hạn hẹp ở đây, chúng tôi chỉ có thể phác họa những lý do căn bản từ Kinh Thánh đối với việc mở mang Hội thánh. Dù không có mệnh lệnh cụ thể trong Kinh Thánh về việc đi ra và mở mang Hội thánh, thì những ghi chép của Kinh Thánh chứng tỏ rằng việc mở mang Hội thánh là yếu tố quan trọng để thực hiện mục đích cứu rỗi của Đức Chúa Trời và hoàn thành Đại Mạng Lệnh.

Mở Mang Hội Thánh là Một Phần Của Lịch Sử Cứu Chuộc

Lịch sử cứu chuộc là câu chuyện về công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời, bao gồm việc Ngài kêu gọi một dân tộc – không chỉ là các cá nhân – để làm công cụ thực hiện kế hoạch cứu chuộc của Ngài. Một tác giả đã viết: “Phương cách Đức Chúa Trời liên hệ với thế giới nhiều nhường là chọn ra một cộng đồng dân, đại diện cho tất cả, họ những người sẵn lòng dâng hiến cuộc đời mình để hoàn thành ý muốn của Chúa giải cứu mọi người theo sự thương xót của Ngài” (Kirk 2000, 31). Sự kêu gọi này bắt đầu trong Sáng-thể ký chương 12 với Áp-ra-ham, người sẽ trở thành một dân lớn mang phước hạnh đến cho mọi dân tộc (Sáng 12:3). Lời hứa được chuyển tiếp cho dân Ít-ra-ên, họ trở thành công cụ thực hiện mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Đáng tiếc là dân Ít-ra-ên đã thất bại. Dầu vậy, Đấng Mê-si-a sẽ đến và làm trọn vai trò “ánh sáng cho các dân ngoại (hay các dân tộc)” và “đầy tớ của Đức Giê-hô-va” (Ês 42:6; 49:3-6).

Dựa trên công tác cứu chuộc của Đấng Christ, một dân mới của Đức Chúa Trời, tức là Hội thánh của Đức Chúa Giê-xu Christ, được hình thành trong Tân ước. Họ phải thực hiện mục đích cứu chuộc và loan truyền tin tức về vương quốc của Ngài, trở thành “ánh sáng cho các dân Ngoại” (Công 13:47). Người được gia nhập vào dân mới này không phải do sanh ra theo cách tự nhiên nhưng bởi Thánh linh (Giăng 3:3-5). Sự kế tục mục đích của Đức Chúa Trời qua một dân trở nên rõ ràng hơn và được trình bày văn vẻ hơn trong I Phi 2:9-10: “Nhưng anh em là dòng giống được tuyển chọn, là chức tể lễ hoàng gia, là dân tộc thánh, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời, để anh em rao truyền công đức vĩ đại của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đưa vào vùng ánh sáng diệu kỳ của Ngài. Trước kia anh em không phải là một dân, nhưng bây giờ là dân Đức Chúa Trời; trước kia không được thương xót, mà bây giờ được thương xót.” Phi-e-rơ sử dụng lại từ ngữ được dùng cho dân Ít-ra-ên trong Cựu ước (Xuất 19:5-6), và áp dụng cho Hội thánh. Hội thánh trở thành công cụ thực hiện kế hoạch đời đời và làm sáng danh Đức Chúa Trời, như Phao-lô đã viết, để qua Hội thánh sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời được bày tỏ, không chỉ cho các nước mà còn cho những kẻ cai trị và cầm quyền tại các nơi trên trời nữa (Êph 3:10).

Sách Khải huyền mô tả điểm kết thúc của lịch sử cứu chuộc, nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ đem vào vương quốc của Ngài những người từ mọi dân tộc, mọi nước, mọi sắc tộc và mọi ngôn ngữ (Khải 5:9; 7:9). Tiệc cưới của Chiên Con, khi Đấng Christ tiếp Hội thánh là cô

dâu của Ngài, sẽ là lúc vui mừng lớn lao (Khải 19:6-8). Đây sẽ là một trong những sự kiện tột đỉnh của lịch sử cứu chuộc. Mở mang Hội thánh là công tác công bố Phúc âm và thành lập những cộng đồng dân Chúa giữa mọi nước, mọi sắc tộc, mọi dân và mọi ngôn ngữ để tôn vinh Đức Chúa Trời từ nay cho đến đời đời! Tim Chester tóm lược một cách đúng đắn: “Nếu Hội thánh là trọng tâm của công việc của Đức Chúa Trời, thì chúng ta không cần phải phân vân khi đặt nó là trọng tâm của công tác truyền giáo” (2000, 29).

Đấng Christ Yêu Hội Thánh và Muốn Xây Dựng Hội Thánh Của Ngài

Đấng Christ đã bày tỏ ý muốn rõ ràng của Ngài về Hội thánh trong Ma-thi-ơ 16:18: “Còn Ta, Ta bảo con rằng: Con là Phi-e-rơ, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh Ta trên đá này, các cửa âm phủ không thắng được Hội đó.” Chúng ta không thể thảo luận đầy đủ mọi khía cạnh phức tạp của câu Kinh Thánh này ở đây. Nhưng có một điều rõ ràng là: vì Đấng Christ xây dựng Hội thánh của Ngài, ắt hẳn Ngài sẽ thành lập Hội thánh – các Hội thánh phải hiện hữu. Chúng ta phải cẩn thận về lời giải nghĩa câu Kinh Thánh này theo cách trừu tượng quá mức. Từ *ekklesia* chỉ đơn giản là hội chúng của Đức Chúa Trời. Ma-thi-ơ chỉ sử dụng từ này duy nhất một lần nữa trong bối cảnh rất thực tiễn về kỷ luật Hội thánh trong 18:17. Rõ ràng là nói đến hội của những tín hữu, và điều này bao gồm cả Hội thánh nói chung. Đấng Christ sẽ xây dựng Hội thánh chung của Ngài bằng cách thành lập và gây dựng các cộng đồng tín hữu địa phương.

Người mở mang Hội thánh có thể tin chắc rằng tham gia vào công tác mở mang Hội thánh chính là thực thi ý muốn của Đấng Christ đã được bày tỏ. Chính Đấng Christ là người xây dựng Hội thánh. Câu Kinh Thánh cũng cho biết sẽ có lực lượng chống đối lại. Tuy nhiên, Đấng Christ sẽ chiến thắng. Một cá thể Hội thánh có thể thất bại, nhưng cuối cùng Hội thánh toàn cầu của Đấng Christ, dân sự của vương quốc Ngài, sẽ không thể thất bại. Hội thánh là của Đấng Christ, chứ không phải của chúng ta. Như George Eldon Ladd đã nhận định: “Lời tuyên bố của Chúa Giê-xu về mục đích xây dựng *Hội thánh* (*ekklesia*) của Ngài chứng tỏ rằng . . . mỗi thông công được thiết lập bởi Chúa Giê-xu thay thế cho dân Ít-ra-ên trong Cựu ước. Yếu tố đặc biệt là ở chỗ *Hội thánh* này là *Hội thánh* của Chúa Giê-xu: ‘*Hội thánh của Ta*’” (1974, 110).

Phân đoạn Kinh Thánh thứ hai chỉ ra giá trị của việc mở mang Hội thánh là Ê-phê-sô 5:25-27: “Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, xả thân vì Hội Thánh để thánh hóa Hội Thánh sau khi dùng nước và lời Ngài thanh tẩy Hội Thánh, nhằm trình diện trước mặt Ngài một Hội Thánh vinh hiển, không vết, không nhăn, không gì giống như vậy, nhưng thánh sạch và toàn hảo.” Hội thánh là cô dâu của Đấng Christ. Ngài yêu Hội thánh. Ngài phó sự sống mình vì Hội thánh. Ngài không chỉ mua Hội thánh bằng hành động cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá, mà Ngài còn thánh hóa Hội thánh. Dù hiện nay Hội thánh còn có nhiều thiếu sót và sai lầm, một ngày kia Hội thánh sẽ trở nên đẹp đẽ và toàn hảo khi được Đấng Christ tiếp đón vào trong sự hiện diện của Ngài. Như vậy Đấng Christ vừa xây dựng vừa thánh hóa Hội thánh của Ngài.

Từ những phân đoạn Kinh Thánh này chúng ta thấy rằng việc mở mang và gây dựng Hội thánh là công tác của chính Đấng Christ. Đây là một công việc cao quý nhất, một công việc ở trong lòng của Đức Chúa Trời, được Đấng Christ giao phó và ủy thác. Mở mang Hội thánh không đơn thuần là một “phương pháp truyền giáo.” Thực ra truyền giáo sẽ dẫn đến việc thành lập Hội thánh. Hội thánh không phải là ý nghĩ xuất hiện sau, không đơn thuần là một nơi các Cơ-đốc nhân gặp gỡ để khích lệ lẫn nhau. Đó là đối tượng yêu thương của Đấng Christ và là phương tiện thực hiện công việc của Ngài trong thế giới.

Đại Mạng Lệnh Đòi Hỏi Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Hai khía cạnh của Đại Mạng Lệnh trong Ma-thi-ơ 28:18-20 đòi hỏi phải mở mang Hội thánh: mạng lệnh làm báp têm và mạng lệnh dạy dỗ mọi điều mà Đấng Christ đã truyền. Những việc này rõ ràng là không thể hoàn thành tách rời với công tác mở mang Hội thánh. Mạng lệnh làm báp têm nhắc nhở chúng ta rằng sự hoán cải bao gồm việc gia nhập vào một cộng đồng mới của Đấng Christ. Lễ báp têm thường được xem như là một sự kiện mang tính chất cá nhân. Thực tế thì báp têm là việc xưng nhận công khai sự ăn năn và đức tin của cá nhân, nhưng ngoài điều đó ra thì nó chứng tỏ sự tiếp nhận vào thân thể Đấng Christ, cộng đồng vương quốc mới. “Vi chúng ta, dù là người Do Thái hay Hi Lạp, nô lệ hay tự do, tất cả đều đã chịu báp-têm trong một Thánh Linh để trở thành một thân thể; tất cả đều được uống chung một Thánh Linh” (I Cô 12:13). Tương tự như báp têm cải đạo trong vòng người Do Thái, báp têm của những Cơ-độc nhân ban đầu chứng tỏ sự đồng nhất với một cộng đồng – một ý nghĩa mà ngày nay chúng ta hầu như đánh mất. Nói cách khác, chịu báp têm là gia nhập vào một cộng đồng Cơ-độc, đó là Hội thánh.⁴

Đấng Christ kêu gọi chúng ta thực hiện công tác môn đồ hóa, dạy họ giữ mọi điều mà Ngài đã truyền. Mạng lệnh dạy vâng giữ cũng ngụ ý việc gia nhập vào cộng đồng mới của Đấng Christ. Việc rao giảng Phúc âm và cứu người hư mất chỉ mới là sự bắt đầu hoàn thành Đại mạng lệnh. Các mạng lệnh của Đấng Christ không thể được vâng giữ chỉ bởi một cá nhân, và vương quốc của Đấng Christ không thể được bày tỏ một cách biệt lập. Các cộng đồng môn đồ phải được thành lập ở nơi nào chưa có. Công tác truyền giáo chưa được kể là hoàn tất nếu chưa thành lập được Hội thánh ở giữa mọi dân tộc. Bởi vì phải thực hiện việc môn đồ hóa muôn dân, nên công tác mở mang Hội thánh chưa thể được xem là hoàn tất cho đến khi các cộng đồng môn đồ được thành lập ở mọi dân tộc.

Công Vụ Các Sứ Đồ: Các Hội Thánh Mới là Kết Quả Bình Thường và Tất yếu Của Công Tác truyền Giáo

Mọi nơi trong sách Công Vụ Các sứ Đồ, nơi nào có truyền bá Phúc âm thì nơi đó có Hội thánh được thành lập.⁵ Các tín hữu nhóm lại với nhau tại nhà hoặc tại những nơi công cộng để cầu nguyện, thông công, bẻ bánh và nghe các sứ đồ giảng dạy. Họ không theo đường lối cá nhân. Những hội chúng nhỏ này được đặt dưới sự lãnh đạo thuộc linh, thực thi các ân từ Thánh linh, chăm lo cho người nghèo và rao giảng Tin Lành. George Peters viết:

Các sứ đồ dường như không đi ra để “mở” Hội thánh. Họ không được giao phó sứ mệnh để thực thi mục đích đó. Họ được sai đi để rao giảng Tin Lành. Nhưng bất cứ nơi nào mà Công 1:8 được thực hiện một cách trung tín, thì có một Hội thánh được sinh ra. Mọi ràng buộc về chức năng giữa việc rao giảng Phúc âm và việc thành lập, nuôi dưỡng và tăng trưởng Hội thánh đã được thiết lập một cách rõ ràng. Chúng ta có thể nói cách chắc chắn rằng Hội thánh được nảy mầm từ Tin Lành cũng như việc truyền giảng Tin Lành nảy mầm từ một Hội thánh Tân ước (1981, 20)

Ngôn ngữ của Công Vụ Các Sứ Đồ cho thấy rõ ràng rằng khi một người tin nhận Đấng Christ, thì họ trở thành một phần của Hội thánh địa phương. Ví dụ, Công 2:41 chép: “Vây, những người tiếp nhận lời đó đều nhận báp-têm, và trong ngày ấy, có độ ba nghìn người thêm vào Hội Thánh.” “Thêm vào” (*prostithemi*) là một từ được sử dụng trong văn chương của người cải đạo Do Thái để chỉ về việc được tập hợp lại hoặc gia nhập vào một cộng đồng, ngụ

⁴ Hans-Werner Gensichen viết về mạng lệnh làm báp têm trong Mat-thi-ơ 28 như sau: “Việc kết nạp vào Hội thánh được xem là một phần không thể thiếu của sứ mệnh” (1971, 134). Trường hợp duy nhất trong Kinh Thánh không thể hiện rõ ý này là báp têm của hoạn quan Ê-thi-ô-bi trong Công 8:38-39.

⁵ Chỉ có hai ngoại lệ: hoạn quan Ê-thi-ô-bi và có lẽ những tín hữu tại A-then.

ý rằng đã phân ly với tập thể cũ – chẳng hạn như, Dân ngoại gia nhập vào dân Ít-ra-ên (Reinhardt 1995, 99-100; cũng xem bản Bảy mươi sách Ê-xơ-tê 9:27; Ê-sai 14:1). Chúng ta thấy có cùng gốc từ trong Công 2:47; 5:14 và 11:24.

Công 2:47 chép: “Mỗi ngày, Chúa thêm số người được cứu vào Hội Thánh.” Điều có ý nghĩa ở đây là việc được thêm vào Hội thánh xảy ra đồng thời với việc được cứu.⁶ “Số lượng của họ” là cụm từ chỉ về Hội thánh địa phương và đôi khi được dịch như vậy.⁷ Sau đó trong Công 11:24 cụm từ này được sử dụng lại theo cách tương tự, “Rất nhiều người tin theo Chúa.” “Tin theo Chúa” và được “thêm vào Hội thánh” rõ ràng là những cụm từ tương đồng.

Nói theo Kinh Thánh, việc trở thành tín hữu, được cứu, và thuộc về Chúa tất cả đều bao hàm trong việc được gia nhập một Hội thánh địa phương, một cộng đồng tín hữu, thân thể của Đấng Christ. Một lần nữa, chúng ta cần tránh suy nghĩ về Hội thánh trong phân đoạn này theo cách trừu tượng; Hội thánh là một cộng đồng tín hữu địa phương (xin xem Banks 1994, 27-31). Là một tín hữu thì không thể không gia nhập một Hội thánh địa phương. Sự truyền bá Phúc âm trong Kinh Thánh dẫn đến việc tập hợp các tín hữu vào các cộng đồng – đó là việc thành lập và phát triển Hội thánh.

Chỉ có trong Hội thánh thì các tân tín hữu mới nhận được sự khích lệ và dạy dỗ cần thiết để tăng trưởng trong đức tin và phục vụ. Chỉ có trong mối thông công và trách nhiệm chung thì mới tạo nên được những môn đồ thật. Chỉ có trong các cộng đồng tín hữu thì các giá trị của vương quốc mới được nhận ra. Đây là một trong những thách thức đối với các tổ chức bên cạnh Hội thánh chỉ nhấn mạnh truyền giáo mà không tập hợp các tân tín hữu thành các hội chúng địa phương. Kết quả của việc truyền bá Phúc âm gần như là bị mất.

Việc truyền bá Phúc âm theo Kinh Thánh không thể tách rời với Hội thánh, và nơi nào chưa có Hội thánh thì phải thành lập. Như Howard A. Snyder đã nói: “Để làm đúng ý nghĩa Kinh Thánh về việc truyền bá Phúc âm, chúng ta phải tiến xa hơn một bước và nói rằng mục tiêu của truyền bá Phúc âm là hình thành nên các cộng đồng Cơ-đốc. Đó là môn đồ hóa và rồi sắp xếp những môn đồ này thành các tế bào sống của Thân thể Đấng Christ – những thể hiện mới của cộng đồng dân Đức Chúa Trời” (1975, 331).

Mở Mang Hội thánh là Trọng Tâm Trong Nhận Thức và Thực Tiễn Truyền Giáo Của Phao Lô

Như chúng ta đã thấy trong Công Vụ Các Sứ Đồ, Phao-lô làm việc của người rao giảng Tin Lành tập hợp các tân tín hữu lại thành các Hội thánh. Trong các thư tín của Phao-lô chúng ta không tìm thấy công thức của một chiến lược hay phương pháp truyền giáo cụ thể. Tuy nhiên, trong Rô-ma 15:18-25 chúng ta tìm thấy nguyên tắc làm việc của Phao-lô: trong quyền năng của Đức Thánh Linh ông cố gắng rao giảng Tin Lành ở nơi Đấng Christ chưa được biết đến. Ông không muốn xây trên nền của những người khác, nghĩa là, làm việc trong các Hội thánh mà người khác đã thành lập. Chắc chắn là sự quan tâm của Phao-lô không dừng lại ở việc thành lập Hội thánh. Rõ ràng là ông tiếp tục chăm sóc các Hội thánh đã được thành lập qua các thư tín, qua sự thăm viếng, qua sự cầu nguyện và thậm chí tạm ngừng công

⁶ “Sự nhấn mạnh của hiện tại phân từ *tous sozomenous* cho thấy họ được thêm vào khi họ được cứu” (Longenecker 1981, 291-292). Xin xem thêm Bruce 1965, 102.

⁷ “Cụm từ *epi to auto*, rất phổ thông trong tiếng Hy-lạp cổ điển và trong Bản Bảy Mươi, gần như là thuật ngữ chuyên môn trong Hội thánh đầu tiên. Nghĩa này, như trong Công 1:15; 2:1, 47; I Cô 11:20; 14:23, biểu thị sự liên hiệp của thân thể Đấng Christ, và có lẽ có thể được dịch là ‘trong mối thông công Hội thánh.’ Do không nhận thức được cách dùng đặc biệt này của từ trong câu 47, các người chép Kinh Thánh đã sắp xếp lại bản văn, bằng cách chuyển cụm từ sang câu kế (3:1) hoặc thay bằng cụm từ tương đương *en te ekklesia*” (Metzger 1971, 305). Cụm từ *epi to auto* được ghi là *en te ekklesia* (trong Hội thánh) trong bản văn Phương Tây.

tác tiên phong để làm vững mạnh các Hội thánh đã có. Dầu vậy, sự kêu gọi và mục đích của ông là rao truyền Tin Lành tại các vùng mới và thành lập các Hội thánh mới.

Trong Rô-ma 15:18-25 Phao-lô có một tuyên bố đáng lưu ý, là “tôi đã công bố rộng rãi Tin Lành của Đấng Christ khắp nơi, từ Giê-ru-sa-lem và miền phụ cận cho đến xứ I-ly-ri” (câu 19) và “bây giờ trong những miền này không còn chỗ cho tôi nữa” (câu 23). Phao-lô xem công việc tiên phong của ông trong vùng này đã hoàn tất. Nhưng Phao-lô muốn nói gì qua những lời này? Chắc chắn là Hội thánh chưa được thành lập ở mọi thành phố, còn nhiều người chưa được nghe Tin Lành trong vùng rộng lớn này từ Giê-ru-sa-lem đến những nơi mà ngày nay là Thổ-nhĩ-kỳ, Hy-lạp và các nước vùng Ban-căng. Phao-lô xem công tác truyền giáo của ông trong vùng này đã hoàn tất bởi vì các Hội thánh đã được thành lập sẽ *tiếp tục rao giảng Tin Lành* cho những người chưa được nghe và sẽ *tiếp tục nhân rộng* bằng cách thành lập các Hội thánh trong những vùng chưa đến được. Hạt giống Tin Lành đã được gieo trồng tại các trung tâm chiến lược. Những Hội thánh này đến lượt mình sẽ tiếp tục rao giảng và sinh sản, thành lập thêm Hội thánh và hoàn thành việc truyền Tin Lành cho cả vùng.

Trong Tân ước chúng ta tìm thấy nhiều điển hình về các Hội thánh mà Phao-lô thành lập đã rao giảng Tin Lành và sinh sản khắp cả khu vực của họ. Công Vụ Các Sứ Đồ 3:49 chép rằng nhờ Hội thánh tại An-ti-ốt xứ Pi-si-đi “Đạo Chúa lan tràn khắp miền ấy.” Phao-lô viết về Hội thánh tại Ê-sa-lô-ni-ca như sau: “Vì đạo Chúa từ anh em đã vang ra không những trong miền Ma-xê-đô-ni-a và A-chai thôi, mà đức tin của anh em trong Đức Chúa Trời cũng đã lan truyền khắp nơi, đến nỗi chúng tôi không cần phải nói thêm gì nữa” (I Ê-tê 1:8).

Có lẽ điển hình rõ ràng nhất là Hội thánh tại Ê-phê-sô. Phao-lô đã lưu lại Ê-phê-sô trong hơn hai năm bởi vì, theo như ông nói, “một cánh cửa rộng lớn và hứa hẹn đã mở ra cho tôi” (I Cô 16:9). Theo Lu-ca, kết quả từ việc giảng dạy của Phao-lô tại Ê-phê-sô là “mọi người ở A-si-a, cả người Do Thái lẫn người Hi Lạp, đều được nghe đạo Chúa” (Công 19:10). Và kết quả là “đạo Chúa cứ tăng trưởng và ngày càng vững mạnh” (Công 19:20). Thậm chí những người chỉ trích tuyên bố rằng “không những tại Ê-phê-sô mà hầu như cả A-si-a, tên Phao-lô này đã thuyết phục và làm cho nhiều người lầm lạc” (Công 19:26). Từ Ê-phê-sô, các Hội thánh lần lượt được thành lập khắp cả xứ A-si-a. Trong đó bao gồm cả sáu Hội thánh thánh khác được đề cập trong Khải Huyền chương 2 và 3 (Sy-mi-êc-nơ, Bết-găm, Thy-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi và Lao-đi-xe), Cô-lô-se, và Hi-ê-ra-pô-li (Côl 4:13). Có lẽ trong số này không có Hội thánh nào được thành lập bởi Phao-lô; mà có vẻ như đó là kết quả của phong trào mở mang Hội thánh năng động phát xuất từ Ê-phê-sô.

Nhiều học giả Kinh Thánh cũng đưa ra kết luận tương tự: mở mang Hội thánh là trọng tâm của công tác truyền giáo của Phao-lô. Chẳng hạn, W. P. Bowers lập luận: “Công tác truyền giáo của Phao-lô chỉ hoàn tất khi các Hội thánh đã được thiết lập cách vững vàng” (1987, 198).⁸ Andreas Kostenberger và Peter O’Brien viết như sau: “Các hoạt động của Phao-lô trong nỗ lực hoàn thành sứ mạng truyền giáo không chỉ là rao giảng Phúc âm để cứu người mà còn bao gồm cả công tác thành lập Hội thánh và làm cho các tín hữu được trưởng thành trọn vẹn trong Đấng Christ” (2001, 184). Eckhard Schnabel cũng đồng tình như vậy: “Công tác truyền giáo của Phao-lô không dừng lại ở việc công bố Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu Christ và sự hoán cải các cá nhân. Phao-lô đã thành lập các Hội thánh, cộng đồng những người nam và nữ đã tin nhận Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a và Cứu Chúa” (2008, 231-232). Điều này xác quyết phát biểu của Roland Allen trong tác phẩm *Phương Pháp Truyền Giáo: Theo Cách Của Sứ Đồ Phao Lô hay Theo Cách Của Chúng Ta?*: “Phao-lô không ra đi với tư cách là một người rao giảng Phúc âm đơn thuần để hoán cải các cá nhân; ông ra đi để thành lập Hội thánh mà từ đó sự sáng có thể tỏa ra khắp đất nước” (1962a, 81).

⁸ Xin cũng xem O’Brien 1995, 43; Wedderburn 1988, 97.

Đó là cách sứ đồ Phao-lô hiểu về công tác tiên phong của ông, và nó là nguyên tắc hướng dẫn đối với ông. Đối với Phao-lô, truyền giáo không chỉ là rao giảng Tin Lành mà còn là thành lập Hội thánh, và sứ mạng của ông không thể xem là đã hoàn tất mà không bao gồm cả việc mở mang những Hội thánh có *khả năng nhân rộng*. Chỉ khi đó thì một khu vực mới được xem là đã “được tiếp cận.”⁹ Công tác truyền giáo hướng đến việc thành lập những hội chúng có khả năng sinh sản sẽ làm cho việc rao giảng Tin Lành được hoàn tất trọn vẹn không chỉ trong một vùng mà còn cả khắp thế giới.

Sự Thống Nhất Giữa Hội Thánh Học và Truyền Giáo Học

Mở mang Hội thánh là nơi giao nhau của Hội thánh học và Truyền giáo học. Thật không may là nhiều nhà truyền giáo và thực tập truyền giáo rất yếu về Hội thánh học, cho rằng truyền giáo có thể tồn tại mà không cần Hội thánh hoặc Hội thánh là một nhu cầu thực tế nhưng không hoàn hảo và gây phiền hà. Mặt khác, nhiều sách về thần học hệ thống căn bản và Hội thánh học dành rất ít trang để nói về đề tài truyền giáo. Một Hội thánh không có truyền giáo thì không phải là Hội thánh, và truyền giáo không có Hội thánh thì không phải là truyền giáo theo đúng Kinh Thánh. Lesslie Newbigin đã nói: “Truyền giáo không có Hội thánh thì cũng kỳ quái như Hội thánh không có truyền giáo” (1954, 169). Hội thánh là công cụ của Đức Chúa Trời trong truyền giáo. Việc mở mang những Hội thánh mới là mục tiêu quan trọng của công tác truyền giáo. Theo như lời của Michael Quickie thì “việc mở mang Hội thánh có khả năng nhắc nhở Hội thánh về nhiệm vụ cơ bản của mình là truyền giáo, đồng thời nhắc nhở những nhà chiến lược truyền giáo về vai trò quan trọng của Hội thánh” (1998, x).

Qua những thảo luận ở trên thì rõ ràng là Hội thánh, và do đó công tác mở mang Hội thánh, rất quan trọng đối với những mục đích của Nước Trời và việc hoàn thành Đại Mạng Lịnh. Việc mở mang Hội thánh không phải là một kết thúc theo ý nghĩa nhân rộng những tổ chức tôn giáo vì bản thân nó.¹⁰ Nhưng mở mang Hội thánh là một kết thúc theo ý nghĩa là công cụ chính của Đức Chúa Trời để mở rộng vương quốc của Ngài, đem sự cứu chuộc đến cho muôn dân, và hình thành một dân để họ bày tỏ vinh quang của Ngài. Mở mang và phát triển Hội thánh không đồng nghĩa với vương quốc của Đức Chúa Trời, nhưng là yếu tố quan

⁹ Nhận thức này tương tự với khái niệm “dân tộc chưa được tiếp cận” (unreached peoples) hiện nay: một nhóm người được xem là được tiếp cận chỉ khi có một Hội thánh truyền giáo hiện diện giữa vòng những người đó. Tuy nhiên, những Hội thánh trong vùng “được tiếp cận” có thể vẫn cần sự nuôi dưỡng và tăng trưởng để trở thành những Hội thánh có khả năng rao giảng Tin Lành cho toàn khu vực. Ngay cả Phao-lô cũng không bỏ mặc những Hội thánh yếu vì cơ công tác tiên phong khác (xin xem Bowers 1987). Nhưng một khi các Hội thánh khỏe mạnh đã được thiết lập, ông lập tức xúc tiến công tác tiên phong ở những vùng mới. Các tác giả như James Engel và William Dyrness (2000) phủ nhận bất cứ mọi nỗ lực nhằm đo lường sự hoàn thành Đại Mạng lịnh và tuyên bố rằng Đại mạng Lịnh *không bao giờ* có thể được hoàn tất thực sự, bởi vì chúng ta sẽ không bao giờ đạt đến chỗ vâng theo *mọi điều* mà Chúa Giê-xu đã truyền. Quan điểm đó dường như phớt lờ nhận thức của Phao-lô về truyền giáo. Phao-lô xem công việc của ông tại một vùng được hoàn tất một khi các Hội thánh khỏe mạnh và có khả năng nhân rộng được hình thành.

¹⁰ Stuart Murray, một trong số ít tác giả bàn luận nghiêm chỉnh về cơ sở thần học của việc mở mang Hội thánh, nói về việc này như sau: “[Mở mang Hội thánh] *có thể* là một phương tiện quan trọng để thúc đẩy sứ mạng của Đức Chúa Trời. Nó *có thể* tạo thuận lợi cho công tác truyền giáo, giải hòa, đấu tranh cho công bằng, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, hoạt động xã hội và nhiều công việc khác. Nhưng dường như nó phát huy chức năng theo cách này chỉ khi nó được đặt vào đúng khuôn khổ. Mở mang Hội thánh được xem như một điểm kết thúc ở chính bản thân nó, hoặc đơn giản là phương pháp truyền giáo, có thể đánh mất tiềm năng của nó và làm sai lệch nhận thức của chúng ta về sứ mạng của Đức Chúa Trời và bản chất của Nước Trời” (1998, 26). Murray tiếp tục nói về vai trò phụ thuộc của mở mang Hội thánh đối với Nước Trời như sau: “Cả việc phát triển và mở mang Hội thánh đều không phải là những mục tiêu tối hậu. Cả hai đều kém quan trọng hơn việc mở mang vương quốc” (1998, 45). Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng Hội thánh là công cụ để mở mang vương quốc. Xin xem Chester 2000, 31-35 để có thông tin đầy đủ hơn.

trọng để mở rộng vương quốc. Không chỉ đơn thuần là vấn đề nhiều Hội thánh được thành lập, mà còn là vấn đề về *loại hình* Hội thánh được thành lập.

Nhiệm vụ truyền giáo có thể được tóm tắt là *hình thành và mở rộng các cộng đồng dân Chúa giữa vòng tất cả các dân tộc trên đất để tôn vinh Đức Chúa Trời*.¹¹ Những phương tiện chính yếu để hình thành nên các cộng đồng đó là truyền bá Phúc âm và môn đồ hóa, từ đó dẫn đến việc thành lập, phát triển và nhân rộng các Hội thánh để bày tỏ sự cai trị của Đức Chúa Trời qua lời nói và việc làm. Chúng ta đã thảo luận xong những lý do về mặt thần học của việc mở mang Hội thánh, bây giờ chúng ta chuyển sang những lý do thực tiễn của việc mở mang Hội thánh.

Những Lý Do Thực Tiễn Của Việc Mở Mang Hội Thánh

Mở mang Hội thánh rõ ràng là cần thiết trong những khu vực và cộng đồng chưa có Hội thánh. Tuy nhiên, các nhà phê bình thường lập luận rằng ngoại trừ những nơi xa xôi nhất của thế giới thì tất cả đã có đủ Hội thánh để hoàn tất Đại Mạng Lịnh. Không phải là *cần thêm* Hội thánh, mà là cần những Hội thánh *mạnh hơn và lớn hơn*. Tương tự, một số khác lập luận rằng một vài Hội thánh lớn sẽ có hiệu quả trong công tác truyền giáo và mục vụ hơn là vô số những Hội thánh nhỏ. Việc mở mang Hội thánh mới ở nơi đã có Hội thánh rồi sẽ làm thương tổn sự hiệp một của Cơ-đốc giáo và tạo nên sự ganh đua không cần thiết, làm suy yếu những Hội thánh đang có.

Những lập luận này thực ra cũng đúng trong nhiều tình huống. Một sự gia tăng đơn thuần những Hội thánh nhỏ và ganh đua với nhau sẽ không thúc đẩy được những mục đích của nước Trời. Những Hội thánh lớn có thể có ảnh hưởng lớn hơn những Hội thánh nhỏ trong nhiều phương diện nhờ có những nguồn lực và khả năng lớn hơn để xúc tiến các mục vụ đặc biệt, và có hình ảnh lớn hơn nơi công chúng. Sự quản lý khôn ngoan thường ủng hộ việc đầu tư vào những Hội thánh đang có và chống lại việc thành lập những Hội thánh mới. Một số cộng đồng đã được phục vụ tốt bởi vô số Hội thánh mạnh mẽ theo đúng Kinh Thánh, trong khi một số cộng đồng khác chưa được phục vụ. Quản lý khôn ngoan sẽ tập trung các nguồn lực mở mang Hội thánh vào những nơi có nhu cầu thuộc linh lớn nhất và cơ hội chiến lược.

Tuy nhiên, việc đóng khung vấn đề dưới dạng những Hội thánh lớn *đổi lại* với việc mở mang Hội thánh, một lựa chọn hoặc cái này hoặc cái kia, sẽ đưa đến một sự lưỡng phân sai lầm. Nhiều Hội thánh lớn đã mở ra những Hội thánh con và tiếp tục phát triển. Cũng cần nhớ rằng chính những Hội thánh lớn nhất đã từng là Hội thánh nhỏ khi được thành lập! Thực ra, Ed Stetzer và Phillip Conner (2007) đã nghiên cứu khoảng 2080 Hội thánh được thành lập từ mười hai hệ phái ở Bắc Mỹ và phát hiện ra rằng những Hội thánh được thành lập đến lượt mình thành lập được một Hội thánh con trong vòng ba năm đầu đã phát triển *nhanh hơn* những Hội thánh không mở ra được Hội thánh con nào.¹²

Không nên đánh giá thấp ảnh hưởng của những Hội thánh nhỏ (chứ không phải Hội thánh lớn). Ví dụ, các Hội thánh tại gia ở nhiều nơi trên thế giới, dù khó tạo hình ảnh với công chúng, đang có một ảnh hưởng lớn trong xã hội của họ, giống như ảnh hưởng của men trong ản dụ của Chúa Giê-xu về Nước Trời (Mat 13:33). Việc mở mang những Hội thánh mới tại nơi đã có những Hội thánh khác không nhất thiết tạo ra sự ganh đua hoặc làm suy yếu những Hội thánh đó. Ở hầu hết mọi nơi đều có nhu cầu có nhiều Hội thánh hơn cũng như có những Hội thánh lớn và mạnh hơn.

¹¹ Để rõ hơn, xin xem Ott và Strauss, 156-161.

¹² Những Hội thánh như vậy có số lượng nhóm lại trung bình khoảng 130 người sau năm thứ tư, trong khi những Hội thánh không mở được Hội thánh con có số lượng nhóm lại trung bình ít hơn 80 (Stetzer và Conner 2007).

Thỉnh thoảng cũng có lập luận cho rằng hầu hết những Hội thánh mới mở đều thất bại trong vòng vài năm đầu, làm lãng phí các nguồn lực. Nhiều nghiên cứu khác nhau đã chứng tỏ điều này là một ngộ nhận phổ biến. Nghiên cứu qui mô của Stetzer và Conner về “khả năng tồn tại của Hội thánh” đã cho thấy “68% các Hội thánh mới thành lập vẫn tồn tại bốn năm sau khi được hình thành” (2007). Tỷ lệ sống còn được chứng tỏ tăng lên khi người mở Hội thánh được đánh giá và được cung cấp nhiều hệ thống trợ giúp. Một nghiên cứu về 4.339 hội chúng của Hội thánh Nazarene cho thấy rằng tỉ lệ đóng cửa của những Hội thánh năm năm tuổi hoặc lâu hơn (3,6%) rõ ràng là ngang bằng với những Hội thánh mới mở trong vòng năm năm hoặc ít hơn (3,5%; Olson 2002, 5).

Các Hội Thánh Mới Phát Triển Nhanh Hơn Và Tiếp Cận Được Nhiều Thân Hữu Hơn

Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy những Hội thánh mới, nói chung, không những tăng trưởng nhanh hơn các Hội thánh đã ổn định mà còn lớn mạnh hơn trong công tác truyền giáo. Các nghiên cứu tại Bắc Mỹ chứng tỏ rằng tỉ lệ phần trăm số người chịu báp têm tại các Hội thánh mới có thể gấp bốn lần những Hội thánh cũ (xin xem Wagner 1990, 32-33). Sự tăng trưởng số lượng tín hữu của Hội thánh Nazarene trong năm 1995-1996 cũng cho thấy các Hội thánh mười tám năm tuổi hoặc trẻ hơn đã tăng 40%, gần gấp đôi mức tăng bình quân của những Hội thánh lâu năm hơn (Sullivan 1997, 25; xem thêm Olson 2002). Tại một giáo hạt của Giáo hội Giám Lý Tự Do có bốn mươi Hội thánh, thì có năm Hội thánh chưa đầy năm năm tuổi. Nhưng năm Hội thánh này chiếm đến 25% trong tổng số người dự nhóm và 30% số người tin Chúa, và họ cung cấp 27% số người tham gia vào các mục vụ trong toàn giáo hạt (Mannoia 1994, 18-19). Một nghiên cứu của Ủy ban Truyền giáo Bắc Mỹ thuộc các Hội thánh Báp têm Nam Phương đã phát hiện ra rằng những Hội thánh dưới ba năm tuổi có trung bình mười người mới tin Chúa trên một trăm tín hữu trong một năm, những Hội thánh từ ba đến mười lăm năm tuổi có số người mới tin Chúa trung bình 5% một năm, và những Hội thánh hơn mười lăm năm tuổi trung bình chỉ có 1,5% người mới tin Chúa một năm (trích trong Harrison, Cheyney và Overstreet 2008, 60).

Tình hình tương tự cũng xảy ra tại Âu châu. Ví dụ, số liệu thống kê về thành viên của các Hội thánh Tin lành Tự Do tại Đức cho thấy rằng những Hội thánh hơn năm năm tuổi tiếp nhận thêm trung bình một tân tín hữu trên 102 thành viên một năm, trong khi những Hội thánh ít hơn năm năm tuổi tiếp nhận thêm trung bình một tân tín hữu trên 38 thành viên một năm. Sự tăng trưởng về số tân tín hữu giảm đáng kể trong các Hội thánh hơn hai mươi năm tuổi. Những Hội thánh có hơn hai trăm tín hữu lớn không chỉ có tỉ lệ tăng trưởng chung thấp hơn mà còn có tỉ lệ tăng về người tin Chúa cũng thấp hơn. Xu hướng tương tự cũng được thấy trong các hệ phái khác tại Đức.¹³ Wolfgang Simson (1995, 69-71) tin rằng 30-56 phần trăm số người trong các Hội thánh mới là những người tìm kiếm có thể hòa nhập tốt hơn vào những Hội thánh như vậy.

Chúng ta phải thận trọng khi khái quát hóa nguyên tắc này cho mỗi bối cảnh. Như trường hợp nghiên cứu ngẫu nhiên của Allen Swanson (1986) về 113 Hội thánh tại Đài loan cho thấy rằng những Hội thánh ít hơn năm năm tuổi thực ra tăng trưởng chậm hơn và có tỉ lệ phần trăm về số người tin Chúa thấp hơn những Hội thánh lâu năm hơn. Nhưng số liệu của Christian Schwarz (1996, 46) về một nghìn Hội thánh trong ba mươi hai quốc gia cho thấy rằng nói chung, trong thời gian năm năm, những Hội thánh nhỏ có một tỉ lệ phần trăm tăng trưởng cao hơn những Hội thánh lớn hơn.

¹³ Ví dụ, các Hội thánh Báp têm Đức cũng báo cáo sự tăng trưởng ngoạn mục trong các Hội thánh tại gia. Xin xem “Baptisten Gemeinden wachsen um bis zu 10%,” *Idea Spectrum* 21 (2001): 10.

Một giải thích cho hiện tượng này là những Hội thánh mới được thành lập tại những cộng đồng mới đang tăng trưởng, trong khi những Hội thánh lâu năm hơn ở tại những vùng lặn đã ổn định hoặc giảm sút dân số. Những người mới trong một cộng đồng thường cởi mở hơn trong các mối quan hệ mới, sự thay đổi cá nhân và khả năng tham gia một Hội thánh mới nơi mà những người khác cũng là người mới. Tuy nhiên, những Hội thánh mới cũng thường chứng tỏ sự nhiệt tình truyền giáo hơn và cố gắng hơn trong việc đi ra cũng như hòa nhập những người khách vào sinh hoạt của Hội thánh. Những người mới đến không bao giờ bị bỏ qua. Các thành viên của Hội thánh có xu hướng chú ý hơn mục đích của họ và chú tâm và khuyến khích công tác truyền giáo nhiều hơn. Họ nhận ra rằng nếu họ không truyền giáo thì họ sẽ không tăng trưởng. Các tân tín hữu được chú ý nhiều hơn. Khi Hội thánh tăng trưởng và ổn định, các nguồn lực thường được sử dụng để đáp ứng nhu cầu của các thành viên và ít đi ra hơn.

Các Hội thánh mới mở thường linh động hơn về phương pháp. Họ có thể sáng tạo mà không phá hỏng truyền thống Hội thánh cũng như không đánh cắp mục vụ của người khác. Họ được tự do áp dụng sự thờ phượng, phát triển việc đi ra, và các mục vụ đáp ứng trực tiếp nhu cầu của cộng đồng. Thường có một khả năng dự đoán và sự mạnh dạn lan truyền giữa những thành viên của nhóm mở mang Hội thánh. Tất cả điều này góp phần làm cho công tác truyền bá phúc âm và sự phát triển của Hội thánh có hiệu quả hơn.

Tất Cả Hội thánh Cuối Cùng Đều Dừng Phát Triển

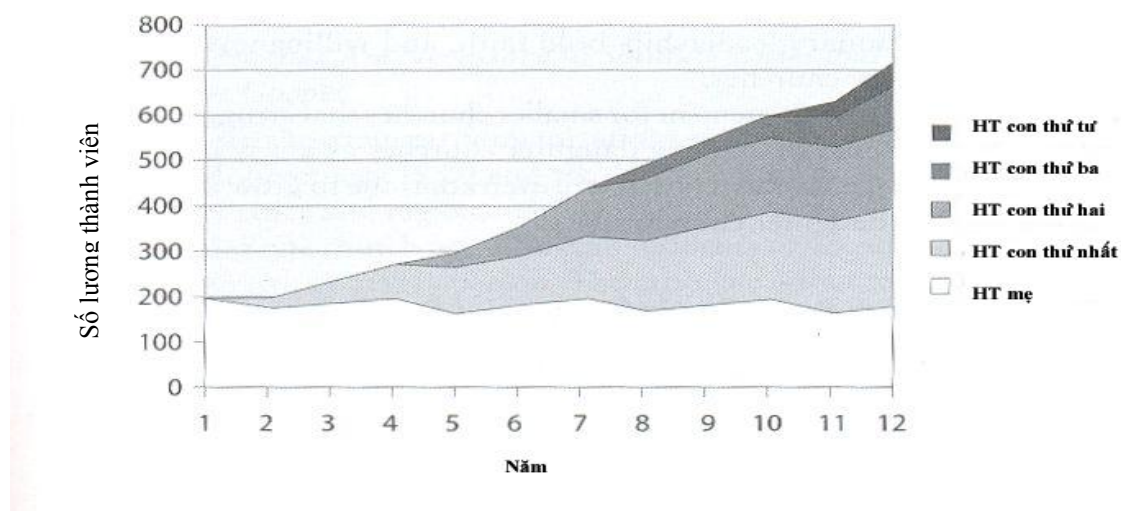
Dù nhiều Hội thánh phát triển liên tục trong nhiều năm, cuối cùng mọi Hội thánh đều ngưng phát triển. Không một Hội thánh nào có thể tiếp tục phát triển vô hạn định. Các Hội thánh phát triển liên tục nhiều thập kỷ là ngoại lệ hiếm thấy. Tại Hoa Kỳ và hầu hết các nước, phần lớn Hội thánh đều dừng ở mức con số dự nhóm vào ngày Chúa nhật dưới hai trăm người.¹⁴ Đôi khi nguyên nhân của điều này là do sự không đáp ứng của nhóm người mục tiêu. Còn thường là vì nguồn lực của Hội thánh đã chuyển từ truyền giáo sang cho nhu cầu của các thành viên. Ngoài ra, cơ cấu của Hội thánh, ân tứ của lãnh đạo, kỳ vọng của thuộc viên Hội thánh, địa điểm, và những hạn chế khác cũng không cho phép phát triển vượt quá một Hội thánh cỡ đại gia đình.

Không nhất thiết phải đau buồn vì thực tế này. Tuy nhiên, nó làm nổi bật nhu cầu phải tiếp tục mở ra những Hội thánh mới như là cách để tiếp cận những người mới. Một Hội thánh có một trăm thuộc viên có thể cắt ra hai mươi thuộc viên để thành lập một Hội thánh con; một Hội thánh có năm trăm người thì có thể cắt ra nhiều hơn. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng sau khi cắt bớt thuộc viên ra để thành lập một Hội thánh con, thì Hội thánh mẹ sẽ bắt đầu phát triển trở lại và sẽ lấy lại hoặc thậm chí vượt qua mức bình ổn của nó, trong khi đó Hội thánh con

¹⁴ Một khảo sát ngẫu nhiên cấp quốc gia tại Hoa Kỳ đã cho thấy mức trung bình của một hội chúng Công giáo La-mã là 716 người, nhưng đối với các Hội thánh Tin Lành dòng chính thì trung bình chỉ có 125 người, và các Hội thánh Tin Lành bảo thủ là 123 người (Woolever 2005). Một nghiên cứu khác cho thấy “71% hội chúng tại Hoa Kỳ có ít hơn 100 người lớn tham gia nhóm lại thường xuyên” (Chaves, và những người khác 1999, 468). Số thuộc viên trung bình giữa (một nửa lớn hơn và một nửa nhỏ hơn) của các Hội thánh tại Indianapolis là 150, và 30% có 400 thuộc viên trở lên (Farnsley). Các Hội thánh Báp-tít Phương Nam có số người nhóm thờ phượng vào Chúa nhật trung bình là 80, và “47,1% số hội chúng đang tăng trưởng, 20,2% ngừng tăng trưởng, và 32,7% đang sụt giảm” (Jones). Trong Giáo hội Trưởng lão Hoa Kỳ thì số thuộc viên trung bình của hội chúng là 212 và số trung vị là 107 (PC(USA) 2005). Số thuộc viên trung bình của các hội chúng thuộc Giáo hội Nazarene (Mỹ và Canada) là 104 (Crow). Tại Anh quốc, số liệu thống kê năm 2005 của Hội thánh Anh quốc cho thấy rằng số dự nhóm trung bình vào Chúa nhật chỉ có 84 người (Evangelical Alliance Information và Resource Center 2006). Trong các Hội thánh Tin Lành Tự do ở Đức (Bund Freier evangelischer Gemeinden) số thuộc viên trung vị (trung bình giữa) là 64 người lớn. Một phong trào mở mang Hội thánh tại Ấn Độ với hơn 5.400 Hội thánh có số thuộc viên trung bình là 85 tín hữu (Garrison 2004a, 47).

cũng tăng trưởng. Về đại thể thì có nhiều người được tiếp cận hơn. Cách thức tăng trưởng có thể trông giống như đồ thị trong hình 2.1. Một Hội thánh mẹ có mức phát triển bình ổn là hai trăm thuộc viên. Nếu nó tách hai mươi hoặc ba mươi thuộc viên để thành lập một Hội thánh con cứ mỗi ba năm, thì toàn bộ sẽ tăng trưởng. Sau khi thành lập một Hội thánh con thì Hội thánh mẹ lập lại sự tăng trưởng về mức bình ổn hai trăm thuộc viên. Hội thánh mẹ không bao giờ vượt qua ngưỡng hai trăm thuộc viên, và không có Hội thánh con nào tăng trưởng một cách ấn tượng. Nhưng một sự phát triển lũy kế với hơn bảy trăm thuộc viên đã xảy ra, nhiều hơn ba lần số lượng ban đầu của nó trong mười một năm. Nếu các Hội thánh con cũng mở ra những Hội thánh mới thì sự tăng trưởng có thể lớn hơn theo cấp số nhân.

Hình 2.1
Sự Phát Triển Lũy Kế Nhờ Mở Hội Thánh Con



Điều này có thể được thấy trên khắp thế giới. Trong nhiều phong trào, sự phát triển càng ngoạn mục hơn (xin xem Garrgson 2000). Nhưng ngay cả những Hội thánh nhỏ với những ân tứ và nguồn lực bình thường cũng có thể phát triển theo cấp số nhân.

Ví dụ, tại nước Đức, nơi mà sự phát triển Hội thánh nói chung là chậm, một hội chúng tại Bonn chỉ có hơn ba trăm người lớn đã tách ra một trăm mười tám thuộc viên giữa năm 1989 và 1996 để thành lập năm Hội thánh con. Suốt thời gian đó các Hội thánh con gần như đã gia tăng gấp đôi số lượng thuộc viên của họ, phát triển tổng cộng là hai trăm mười bốn người. Trong khi đó Hội thánh mẹ đã phát triển thêm được hơn một trăm mười tám thuộc viên mà nó đã tách ra cho các Hội thánh con. Tổng số người dự nhóm đã phát triển từ bốn trăm hai mươi lên sáu trăm chín mươi, và con số các nhóm nhỏ đã phát triển từ mười bốn lên năm mươi lăm.¹⁵ Đây là một ví dụ về sự phát triển thông qua sự mở mang Hội thánh với những ân tứ bình thường và những nguồn lực khiêm tốn trong một vùng có thể nói là có sự đối kháng. Điều then chốt là sự lãnh đạo có khả năng, đức tin mạnh mẽ và sự sẵn lòng của Hội thánh mẹ trong việc tách bớt các thuộc viên để thành lập những Hội thánh mới.

¹⁵ Số liệu dựa trên con số thống kê của Bund Freier evangelischer Gemeinden tại Decutschland và báo cáo cá nhân của mục sư.

Điều này khích lệ những Hội thánh nhỏ hơn đang cố gắng phá vỡ những rào cản tăng trưởng cần xem việc mở mang các Hội thánh con là cách để tiếp cận được nhiều người hơn. Thường thì Hội thánh mẹ sẽ tiếp tục phát triển sau khi tách các thuộc viên để thành lập Hội thánh con.

Những Hội Thánh Mới Có Thể Tiếp Cận Những Nhóm Người Mà Các Hội Thánh Hiện Có Không Tiếp Cận Được.

Đặc biệt là khi các Hội thánh được thành lập trong vòng những nhóm người chưa được tiếp cận. Người ta ước tính rằng có khoản một phần ba của sáu tỷ dân trên thế giới vẫn chưa được tiếp cận bởi một Hội thánh địa phương để truyền bá phúc âm cho họ: “có hai trăm bộ tộc chính với mỗi bộ tộc có trên một trăm ngàn người chưa được nghe phúc âm,” và có “một nghìn một trăm chín mươi hai bộ tộc chưa được nghe phúc âm mà chưa hề được bất cứ tổ chức Cơ đốc nào nhắm đến” (Barrett, Johnson và Crossing 2008). Theo một nghiên cứu khác thì có xấp xỉ một phần tư dân số thế giới, hơn 1,6 tỷ người, sống trong năm nghìn tám trăm ba mươi bảy nhóm dân tộc chỉ có dưới 2% là người Tin lành và không có sự mở mang Hội thánh trong vòng hai năm qua (Holste và Haney 2006). Trừ phi những Hội thánh mới được thành lập, những người này không thể tiếp xúc với các cơ đốc nhân hoặc nghe phúc âm theo cách mà họ có thể hiểu được (xin xem Wood 1995).

Những Hội thánh hiện có không chỉ bình ổn trong sự phát triển mà họ còn có khuynh hướng tiếp cận những nhóm người thuần chất về mặt quan hệ. Những Hội thánh mới có thể chú trọng đến những nhóm xã hội khác, các nhóm văn hóa và các nhóm bộ tộc. Những Hội thánh hiện tại có thể không đến được với các thành phần dân số do sự khó khăn trong việc đi lại hoặc những rào cản xã hội. Ví dụ, tại Đông Âu thì Rô-ma (thường được gọi là Gypsies) đặc biệt bị xem khinh. Tại một thành phố Đông Âu có nhiều người Rô-ma đã tin Chúa nhưng họ cảm thấy không được hoan nghênh trong các Hội thánh hiện có. Thật không may là không có cách nào khác để môn đồ hóa những tín hữu này ngoài việc thành lập một Hội thánh mới cho họ (LOP 43, 2005).

Những Hội thánh mới có thể đến với những vùng lân cận mà những Hội thánh ở xa không thể đến được. Hơn nữa, những Hội thánh cũ thường đã cạn sức trong việc truyền bá phúc âm thông qua gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của họ. Những Hội thánh mới thường có thể phát triển những mối quan hệ mới trong cộng đồng và vì vậy tiếp cận được những người mới.

Cần Thiết Phải Có Những Hội Thánh Mới Để Đem Phúc Âm đến Các Thành Phố Và Khu Vực

Đây từng là chiến lược của các tổ chức như DAWN (Môn đồ hóa toàn bộ dân tộc, Montgomery 1989) và Hội Liên Hiệp Mở Mang Hội Thánh (Alliance for Saturation Church Planting) để mở mang những Hội thánh mới trong các thành phố và khu vực hầu có thể tiếp cận được nhiều người hơn. Mục tiêu của họ là một Hội thánh trên một ngàn cư dân hoặc trong một khoảng cách dễ dàng đi lại cho mọi người trong những vùng nông thôn. Lý do là một Hội thánh trung bình chỉ có thể tiếp cận và truyền bá phúc âm hiệu quả cho khoảng một ngàn người. Một nghiên cứu tại thành phố Munich nước Đức năm 1993 cho thấy rằng để đạt được mục tiêu một Hội thánh Tin lành trên một ngàn cư dân thì phải có một trăm Hội thánh mới được thành lập! Nghiên cứu còn cho thấy rằng những Hội thánh tăng trưởng nhanh nhất đều là những Hội thánh dưới năm tuổi và không nằm ở vùng trung tâm nhưng nằm trong những cộng đồng mà họ có thể tiếp xúc trực tiếp với cư dân (Ott 1994). Kinh nghiệm của các Hội thánh thuộc Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp tại Guinea, Tây Phi châu, cũng chứng tỏ điều này (xem Bài học thực tế 2.1).

.....

Bài học thực tế 2.1

Mở Mang Hội Thánh tại Macenta, Guinea

Trong nhiều năm, các chiến dịch truyền giáo tại quận Macenta đã có một số lượng lớn người “quyết định” tin Chúa. Tuy nhiên, số thuộc viên của các Hội thánh không tăng trưởng trong vòng hai mươi năm. Có điều gì đó sai lầm! Một chiến lược được vạch ra để bắt đầu mở mang các Hội thánh tại những vị trí dễ tiếp cận hơn đối với những người trở thành Cơ đốc nhân. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, phân tán sự nuôi dưỡng thuộc linh và huy động được những nhân sự mở mang Hội thánh. Lý tưởng nhất là mỗi Hội thánh mở được một Hội thánh con mỗi năm, và mỗi tín hữu được khích lệ dắt đem một người tin Chúa mỗi năm. Để cho một kế hoạch như vậy có tính khả thi, thì cần phải huấn luyện những nhân sự lãnh đạo cho các Hội thánh thông qua chương trình giáo dục thần học mở rộng và kinh nghiệm mở mang Hội thánh thực tế. Nếu mong có những lãnh đạo được đào tạo và phong chức theo truyền thống cho các Hội thánh mới thì kế hoạch sẽ thất bại ngay từ đầu.

Chương trình được bắt đầu năm 1972. Đến năm 1996 thì số lượng Hội thánh đã tăng từ 25 lên 150 (đa số là những Hội thánh tại gia trong các làng). Ngoạn mục hơn, số tín hữu đã tăng từ một nghìn đến sáu nghìn, chứng tỏ rằng kế hoạch mở mang Hội thánh đã tạo thuận lợi hơn cho công tác truyền giáo và chăm sóc, đưa đến kết quả làm tăng số lượng tín hữu và môn đồ thật. Số mục sư được phong chức không thay đổi nhưng chín mươi mục sư tình nguyện đã được huấn luyện và huy động. Điều này đã xảy ra trong hoàn cảnh có sự chống đối và bắt bớ (Pfister 1998).

.....

Hội Thánh Mới Là Cần Thiết Cho Sự Phát Triển Dài Hạn Và Môn Đồ Hóa Các Tân Tín Hữu

Như đã được minh họa trong bài học thực tế 2.1, cho đến khi những Hội thánh mới được thành lập thì số lượng lớn những người đã bày tỏ đức tin không tiếp tục trở thành môn đồ. Đôi khi người ta nghe nói một số lớn những cơ đốc nhân “không đi nhà thờ”, chẳng hạn như những người Tamin ở Ấn độ. Những người đó có thể không gia nhập những Hội thánh hiện có bởi vì họ không cảm thấy được hoan nghênh hoặc bởi những rào cản xã hội quá lớn họ không thể vượt qua. Đôi khi những hội chúng hiện có hướng đến việc đáp ứng nhu cầu của cơ đốc nhân nhưng không thích ứng trong việc đáp ứng nhu cầu của những tín hữu mới xuất thân từ Ấn độ giáo. Trong các trường hợp khác thì các nhà thờ truyền thống nhanh chóng trở nên quá nhỏ không thể dung nạp một số lượng lớn các tân tín hữu, hoặc cơ cấu lãnh đạo truyền thống không thích hợp đối với nhu cầu của Hội thánh đang tăng trưởng. David Garrison (2004p) thấy rằng có năm mươi đến tám mươi phần trăm trong số những tân tín hữu không hòa nhập vào mỗi thông công Hội thánh.

Các Hội Thánh Mới Kích Thích Những Hội Thánh Vững Mạnh Tăng Cường Hoạt Động Truyền Giáo

Việc mở mang Hội thánh đôi khi được xem như là một hình thức thi đua với những Hội thánh hiện có, các thuộc viên của các Hội thánh cũ thường quan sát cách những Hội thánh mới sử dụng những phương pháp sáng tạo trong việc dắt đem người về với Chúa. Điều này kích thích họ đổi mới những nỗ lực truyền giáo của mình. Câu nói cũ “Điều đó không thích hợp ở đây” thường bị bác bỏ bởi những Hội thánh mới được thành lập! Những Hội thánh hiện

có thường bằng lòng với với hiện trạng, trễ nải hoặc thối chí với việc truyền giáo. Có thể kể ra vô số câu chuyện về cách một Hội thánh mới thúc đẩy những nỗ lực truyền giáo cùng với những Hội thánh khác trong một khu vực hoặc thành phố. Kết cục là nhiều tín hữu và Hội thánh đã được động viên, nhiều người được tiếp cận, và mọi Hội thánh đều được lợi ích chứ không riêng gì là Hội thánh mới.

Khi một Hội thánh ổn định chia tách thuộc viên để bắt đầu một Hội thánh con, những thuộc viên còn lại bất ngờ thấy những chỗ trống trong nhà thờ của họ. Họ quan sát sự nóng cháy truyền giáo của Hội thánh con và thường bắt đầu suy nghĩ lại chiến lược truyền giáo của mình. Hiện trạng đã bị lung lay! Hội thánh mẹ đã phục hồi nhiệt tâm truyền giáo.

Hội Thánh Mới Huy Động Được Nhiều Nhân Sự Hơn

Hội thánh mới thành lập bắt đầu với một nhóm nhân sự nhỏ. Không chỉ có những nhân sự này dốc sức, mà những tân tín hữu cũng gắn bó với mục vụ một cách tự nhiên khi Hội thánh tăng trưởng. Trong một Hội thánh mới mọi người biết rằng mình phải đóng góp và phục vụ. Mọi người đều được cần đến. Các nhân sự được đòi hỏi và thách thức phát triển những kỹ năng mới, gánh vác trách nhiệm và khám phá những ân tứ mà họ không bao giờ để ý đến trong một Hội thánh ổn định. Câu “Người khác có thể làm điều đó tốt hơn tôi” không tồn tại trong một Hội thánh mới bởi vì thường thì không có một ai khác! Đức Chúa Trời ban cho các ân tứ và khả năng khi các nhân sự bước tới trong đức tin và phục vụ.

Nghiên cứu quốc tế của Schwarz (1996, 48) cho thấy rằng trung bình trong các Hội thánh có dưới một trăm tín hữu, ba mươi một phần trăm là những người phục vụ tích cực trong các mục vụ của Hội thánh. Tỷ lệ này giảm tương ứng với sự gia tăng quy mô của Hội thánh, các Hội thánh có trên một ngàn tín hữu chỉ có mười bảy phần trăm người phục vụ. Chúng tôi thấy rằng các Hội thánh mới được thành lập (thường rất nhỏ lúc bắt đầu) có bảy mươi lăm phần trăm hoặc hơn số tín hữu phục vụ. Mặt khác, khi một Hội thánh mẹ chia tách tín hữu và nhân sự để mở một Hội thánh con, thì chỗ những tín hữu trước đã phục vụ bị trống. Những nhân sự mới phải được huấn luyện và động viên để thực hiện mục vụ.

Hội Thánh Mới Là Chìa Khóa Cho Sự Thay Đổi Xã Hội

Khi các cộng đồng dân Chúa được thành lập thì xã hội cũng được ảnh hưởng một cách tích cực. Các chuyên gia về phát triển Hội thánh từ lâu đã thấy rằng “sự thăng hoa xã hội” xảy ra khi người ta trở thành cơ đốc nhân: khi một người từ các tầng lớp nghèo và thấp kém trở thành cơ đốc nhân và khi họ vận dụng lối sống theo Kinh thánh, thì họ được nâng lên về địa vị xã hội và tiêu chuẩn sống (McGavran 1980, 295-313; Wagner 1981, 42-46). Chẳng hạn, những người cha có trách nhiệm hơn đối với gia đình, kết quả là đồng tiền được chi tiêu cho việc giáo dục thay vì uống rượu hoặc đánh bạc. Đạo đức công việc được vận dụng và nhân phẩm được lan tỏa đến nơi thấp kém và tuyệt vọng.

Những người ủng hộ mục vụ tổng hợp, như Chương trình thực phẩm cho người đói Tetsuano Yamamori, bao gộp việc mở mang Hội thánh như là một bộ phận của chiến lược tổng thể chăm sóc người nghèo (Yamamori 1998, 9; Grigg 1992). Khi những cộng đồng hy vọng và giúp đỡ được thành lập trong vòng người nghèo thì chúng có khả năng cải thiện chỗ đứng trong cuộc sống. Báo cáo của Thái lan về Chứng nhân Cơ đốc cho người nghèo vùng đô thị đã chỉ ra rằng: “Chúng tôi tin rằng chiến lược cơ bản để truyền bá phúc âm cho người nghèo đô thị là việc tạo ra hoặc phục hồi những cộng đồng trong đó Cơ đốc nhân sống và cùng chia sẻ với những người khác” (LOP 22, 1980, 16). Nhiều tổ chức từ thiện và phát triển khác nhau nhận thấy rằng việc cộng tác với các Hội thánh địa phương là một trong những

cách hiệu quả nhất để giúp đỡ các cộng đồng không chỉ cho việc biến đổi thuộc linh mà còn nâng cao về kinh tế, giáo dục và xã hội.

Thật không may, nhiều, nếu không phải là hầu hết, Hội thánh hiện hữu có khuynh hướng bỏ mặc người nghèo hoặc khó chấp nhận và phục vụ người nghèo. Ngược lại, người nghèo thường cảm thấy không được hoan nghênh hoặc không thích hợp với những Hội thánh ở tầng lớp xã hội cao hơn. Trong khi chúng ta tìm cách sửa đổi điều này trong các Hội thánh hiện hữu, thì việc mở mang những Hội thánh mới trong vòng người nghèo là giải pháp thực tế duy nhất nếu muốn truyền bá phúc âm cho họ. Một trong những điển hình ngoạn mục nhất về điều này là sự tăng trưởng của phong trào Gramin Pachin Mandal trong vòng người Bhangi Dalits ở Ấn độ. Bắt đầu vào năm 1984, phong trào đã tăng trưởng đến hơn 700.000 tín hữu chịu báp têm vào năm 2004. Người Bhangi là giai cấp thấp hèn nhất, bị xã hội ruồng bỏ và bị đẩy làm công việc thấp kém như là lau chùi nhà xí. Chỉ khi một phong trào mang tính hội nhập văn hóa cao được khởi động thì mới đem lại cho họ phẩm giá và cho phép họ thực hiện quyền lãnh đạo của mình là một phong trào Cơ đốc đang tăng trưởng (xem Pierson 2004).

Hơn nữa, những Hội thánh trong các tầng lớp giữa và trên phải được thành lập với một khái niệm là trở thành tiếng nói công bằng và thương xót trong xã hội. Thật không may, các Hội thánh ổn định thường thỏa mãn với tình trạng xã hội của mình. Các Hội thánh mới có thể giữ một vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ người nghèo qua việc đáp ứng những nhu cầu trước mắt và cả việc thay đổi vị trí xã hội. Ví dụ như Hội thánh Nairobi quyết định thành lập hai Hội thánh trong vòng người nghèo cho mỗi Hội thánh mà họ thành lập trong các tầng lớp giữa và trên (Muriu 2007). Tại Manila, một Hội thánh Tin lành tự do thuộc tầng lớp trung lưu đã cung cấp nhân lực để thành lập một Hội thánh tại một quận kém phát triển; nhiều chương trình xã hội khác nhau để giúp đỡ người nghèo là một phần của Hội thánh mới ngay từ đầu. Hội thánh phải trở thành “muối, ánh sáng và men” trong xã hội, ủng hộ giáo dục, công bằng, bảo vệ nhân quyền, cải cách ruộng đất, điều kiện làm việc an toàn, đối xử công bằng đối với người kém may mắn và ở ngoài lề xã hội. Chúng ta sẽ quay lại đề tài này trong chương 19.

Việc Mở Mang Hội Thánh Trong Các Cộng Đồng Đã Có Hội Thánh

Thành lập một Hội thánh trong một địa phương đã có các Hội thánh khác tồn tại là một vấn đề nhạy cảm. Như đã lưu ý ở trên, một Hội thánh như vậy sẽ phải tiếp cận những người mới và đóng góp cho việc truyền bá phúc âm trong khu vực. Nhưng nó cũng có khả năng làm trống các Hội thánh khác khi các Cơ đốc nhân chuyển sang Hội thánh mới. Một Hội thánh như vậy có phá vỡ sự hiệp nhất Cơ đốc không? Làm thế nào xác định Hội thánh đó là đúng trong các cộng đồng đang có những Hội thánh khác hiện hữu? Chúng tôi không ủng hộ việc mở mang Hội thánh ở mọi nơi và bằng mọi giá. Sự ganh đua, đề cao hệ phái và cướp chiến không bao giờ được xem là đặc trưng của nỗ lực mở mang Hội thánh. Đừng bao giờ thành lập một Hội thánh bằng giá của Hội thánh khác. Cũng đừng bao giờ lấy “hàng rào hệ phái”, việc xây dựng vương quốc cá nhân hay việc duy trì truyền thống tôn giáo đang chết để chống đối việc mở mang Hội thánh trong một cộng đồng.

Tại nhiều nơi trên thế giới, đa số cư dân của địa phương chính thức thuộc về một Hội thánh nhưng không tham gia vào sinh hoạt của Hội thánh cũng như không tán thành niềm tin Cơ-đốc căn bản nhất. Dù chỉ có Đức Chúa Trời mới xét đoán được tâm lòng, nhưng vì mục đích thực tiễn thì các Cơ-đốc nhân đó cần được giới thiệu lại về phúc âm để có đức tin sống nơi Chúa Giê-xu Christ. Những Hội thánh hiện hữu xét thấy không cần thiết phải làm điều đó thì không có quyền cấm một Hội thánh mới nỗ lực chinh phục những Cơ-đốc nhân đó. Những Hội thánh này đang chịu ảnh hưởng bởi một thần học chối bỏ quyền năng của Tin lành và thẩm quyền của Kinh Thánh.

Sự hiện diện của các nhà thờ hoặc hội chúng trong một khu vực nơi đang được xem xét để mở mang Hội thánh không nhất thiết ngăn cản khả năng thành lập những Hội thánh mới. Những Hội thánh hướng nội hoặc xa lánh xã hội, những Hội thánh chỉ quan tâm đến sự phát triển thuộc linh riêng của mình, những Hội thánh không giao thông với những người chung quanh, những Hội thánh nói những điều không thể hiểu được, những Hội thánh nói nhiều nhưng làm ít, những Hội thánh không thể hiện những gì mà họ tuyên bố, đó là những Hội thánh không có đóng góp tích cực gì cho việc truyền giáo. (Murray 1998, 37)

Phụ trang 2.1 liệt kê một vài hướng dẫn cho việc mở mang Hội thánh trong các cộng đồng đã có những Hội thánh khác hiện hữu.

Phụ trang 2.1

Mở Mang Hội thánh Ở Nơi Đã Có Hội Thánh Khác Hiện Hữu.

1. Lượng giá một cách chân thật nhu cầu thuộc linh của cộng đồng.

Những nhu cầu thuộc linh của cộng đồng có đang được đáp ứng một cách đầy đủ bởi các Hội thánh hiện hữu không? Có những bộ phận đặc biệt nào của dân cư như là các

nhóm bộ tộc, các tầng lớp xã hội hoặc vùng lân cận vẫn chưa được phục vụ đầy đủ hoặc chưa được chinh phục không? Tỷ lệ giữa Cơ đốc nhân và người chưa tin Chúa trong cộng đồng như thế nào? Sự phân bố về mặt địa lý của các Hội thánh trong khu vực như thế nào? Những Hội thánh hiện hữu có truyền giáo một cách hiệu quả không? Chỉ quyết định mở Hội thánh nơi thật sự có nhu cầu.

2. Xem xét có bao nhiêu Hội thánh là đủ.

Không có quy luật cố định để xác định số lượng Hội thánh tối ưu cho một khu vực. Đôi khi các nhà truyền giáo xem một khu vực là đã được tiếp cận thỏa đáng nếu số lượng Cơ đốc nhân chiếm mười phần trăm dân số. Tuy nhiên, ngay trong những khu vực như vậy có thể vẫn còn những nhóm người chưa được tiếp cận bởi những Hội thánh hiện hữu. Các Hội thánh hiện hữu cũng có thể được phân bố không đồng đều về mặt địa lý. Hơn nữa, các Hội thánh hiện hữu có thể hoàn toàn hướng nội, không quan tâm đến việc đi ra, và không có ảnh hưởng đối với cộng đồng. Murray tóm lược vấn đề này như sau:

Làm sao công tác truyền giáo của Hội thánh trong xã hội đương đại có thể được hoàn thành? Nếu việc truyền giáo này có thể được hoàn thành bởi các Hội thánh đã hiện hữu, thì việc mở mang Hội thánh là không cần thiết. Nhưng nếu việc này là không khả thi, do vị trí của những Hội thánh này, do họ không có khả năng giao tiếp với cộng đồng chung quanh, hoặc đơn giản là do không có đủ Hội thánh, thì việc mở mang Hội thánh là quan trọng. (1998,14)

3. Thông báo cho các Hội thánh hiện hữu về ý định của bạn và bảo đảm với họ một tinh thần hợp tác.

Đối thoại là bước đầu tiên để bày tỏ sự tôn trọng, ý tốt và sự hiệp nhất với những Hội thánh khác. Hãy trình bày rõ ràng về mục đích và bản chất của việc mở Hội thánh và chứng tỏ ý định của bạn không phải là “giành chiến” hoặc dụ dỗ tín hữu nhưng để truyền bá phúc âm và phục vụ cộng đồng theo những cách mới. Việc này sẽ tránh sự hiểu lầm và những nghi ngờ tiêu cực. Việc trình bày dữ liệu về nhân khẩu học một cách rõ ràng cho thấy nhu cầu thuộc linh của cộng đồng có thể mở mắt những lãnh đạo Hội thánh hiện hữu về tầm quan trọng của một Hội thánh mới.

4. Thực hiện với những lời hứa hợp tác và không dụ dỗ chiến.

Việc tham gia vào mỗi thông công địa phương, Liên hiệp Tin lành, hoặc những nhóm tương tự cũng như hợp tác trong việc cầu nguyện, trong các nỗ lực truyền giáo, hay những mục vụ khác sẽ chứng tỏ một tinh thần hiệp nhất và hợp tác. Nếu có thành viên tích cực của một Hội thánh khác bắt đầu tham gia Hội thánh mới thì tốt hơn hết là liên lạc với mục sư của Hội thánh đó và thảo luận công khai về tình huống đó. Những cách khác để thiết lập mối quan hệ tốt là thông báo cho những Hội thánh khác một cách đều đặn về những sự kiện chung, hỗ trợ những sáng kiến của họ và hạn chế phê phán những người khác.

Rõ ràng là việc mở mang Hội thánh không chỉ là một nhiệm vụ theo Kinh thánh và là trọng tâm để hoàn thành đại mạng lệnh nhưng còn là một nhu cầu thực tế tại nhiều nơi, nếu không phải là tất cả, ngay cả nơi đã có những Hội thánh khác. Việc mở mang Hội thánh là trọng tâm của công tác truyền giáo theo ý nghĩa Kinh thánh. Đó là chìa khóa để khởi động các phong trào Cơ đốc trong vòng những nhóm dân tộc chưa được tiếp cận cũng như truyền bá phúc âm một cách đầy đủ cho những vùng “đã được tiếp cận”.

Bắt Đầu Với Tân Ước

Dù Tân ước không phải là một sách hướng dẫn về mở mang Hội thánh, nhưng vẫn cung cấp cho những người mở mang Hội thánh các nguyên tắc và trợ giúp để hướng dẫn công việc của họ. Charles Chaney (1982, 20-35) đã viết rằng ba cột trụ của việc mở mang Hội thánh là bản chất và mục đích của Đức Chúa Trời, bản chất và mục đích của Hội thánh, và nhu cầu và điều kiện của con người đương đại. Nếu đúng như vậy thì chúng ta phải tìm kiếm không chỉ động lực mạnh mẽ cho việc mở mang Hội thánh xuyên văn hóa mà còn phải tìm kiếm đầy đủ các nguyên tắc Kinh thánh để hướng dẫn chúng ta trong công việc này. Có hàng trăm bài học có thể được khám phá để hướng dẫn mở mang Hội thánh. Trong chương này chúng tôi chỉ có thể nhấn mạnh một vài đặc điểm và bài học đáng chú ý nhất bằng cách khảo sát những nền tảng của việc mở mang Hội thánh trong các sách Tin lành, thực tiễn của Hội thánh đầu tiên trong Công Vụ Các Sứ Đồ và những phản ảnh trong các thư tín của Phao-lô.¹

Những Nền Tảng Trong Sách Phục Âm

Nhiều sinh viên của chương trình mở mang Hội thánh bắt đầu việc nghiên cứu của họ với sách Công Vụ Các Sứ Đồ bởi vì các sứ đồ chưa được sai phái và ban quyền năng để môn đồ hóa và thành lập Hội thánh cho tới sau khi Chúa Giê-xu phục sinh và thăng thiên và sự giáng lâm của Đức Thánh Linh (Công vụ 1-2). Có những lý do về mặt thần học về điều này, nhưng việc bắt đầu với chức vụ của Phao-lô có những bất tiện nhất định. Đáng phán rằng “Ta sẽ lập Hội thánh Ta” cũng đã chuẩn bị cho những người theo Ngài tham gia vào việc thành lập Hội thánh và đã cung cấp những khái niệm cơ bản làm nền tảng cho bất cứ mục vụ mở mang Hội thánh nào ngày nay.

Một điểm yếu khác trong việc sử dụng công tác mở mang Hội thánh của Phao-lô làm điểm khởi đầu là những Hội thánh sản sinh quan trọng đã được thành lập tách rời với mục vụ của Phao-lô. Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem (Công vụ 1-8:3) và Hội thánh tại An-ti-ốt (Công vụ 11:19-30; 13:1-3) là những điển hình rõ ràng. Từ đó Hội thánh đã lan rộng đến Ga-li-lê, Sa-ma-ri (Công vụ 8-9, đặc biệt là 9:31), Sy-ri, Phê-ni-xi, Chíp-rơ và Sy-ren (Công vụ 11:19-20). Trong nhiều phương diện đây là phong trào truyền giáo mạnh mẽ (khởi đầu là kết quả

¹ Chúng tôi giới thiệu cho người đọc những nghiên cứu Kinh thánh chi tiết hơn về công tác truyền giáo và sự bành trướng của Hội thánh đầu tiên, như Ramsay 1982, Bruce 1969, Green 1970, Longenecker 1964 và 1971, Banks 1994, Riesner 1998, và Schnabel 2004 và 2008.

của sự bắt bớ) sản sinh ra nhiều Hội thánh mới – *những cộng đồng của Chúa Giê-xu* được hình thành từ những người công nhận Ngài là Cứu Chúa và Đấng Mê-si-a. Những cộng đồng này dựa trên chính Chúa Giê-xu và sự giảng dạy của Ngài; vì vậy những hậu duệ của bất kỳ phong trào nào mang danh Chúa Giê-xu ngày nay cũng phải dựa vào sự giảng dạy của Ngài để xây dựng nền tảng và đặc điểm của mình.

Khi các môn đồ tại Giê-ru-sa-lem nhận quyền năng từ trên cao, họ đã biết tại sao họ được sai phái vào thế giới; họ cũng đã kinh nghiệm sự thông công mà Chúa muốn đối với Hội thánh của Ngài. Họ rao báo phúc âm, môn đồ hóa, và tập hợp họ vào những cộng đồng dân Chúa mà không nhận được thêm các chỉ dẫn để hướng dẫn họ trong hoạt động mở mang Hội thánh, ngoại trừ sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Một số lớn các Hội thánh đã hình thành khắp vùng Giu-đê và Sa-ma-ri.² Vì vậy chúng ta là đúng đắn khi dựa vào các sách Tin lành để tìm kiếm nền tảng cho việc mở mang Hội thánh, những nền tảng này đã định hình mục vụ của Hội thánh đầu tiên và sau đó là các Hội thánh dân ngoại thông qua Phao-lô, các sứ đồ khác và những cộng sự của họ.³

Chúa Giê-Xu – Người Thầy Xây Dựng Hội Thánh

Chúa Giê-xu là người lập Hội thánh xuất sắc nhất (Mat 16:18). Chúng ta có thể khẳng định về phương diện lịch sử là Ngài đã thành lập cộng đồng Cơ đốc đầu tiên, cộng đồng này được xây dựng trên sự giảng dạy của Ngài và được ban quyền năng bởi Đức Thánh Linh của Ngài để hoàn thành sứ mạng của Ngài trong thế giới. Chúa Giê-xu xem tập thể các môn đồ là một cộng đồng hay Hội thánh phôi thai.⁴ Chúng ta biết điều này bởi vì Ngài gọi họ là *Hội thánh* trong Ma-thi-ơ đoạn 18:17 khi Ngài chỉ dẫn họ về cách đối phó với những sự tấn công. Stuart Murray đưa ra những gợi ý về sự vận hành của các cộng đồng dân Chúa trước lễ Ngũ tuần từ Mat-thi-ơ 18:15-20: “[Chúa Giê-xu] mô tả một cộng đồng môn đồ thật sự; một cộng đồng được đặc trưng bằng mối quan hệ yêu thương và rộng mở; một cộng đồng nhận biết sự không hoàn hảo của mình và phát triển một lối sống trung thành với những tiêu chuẩn cao nhất nhưng cũng thực tế trước thất bại; một cộng đồng quân bình giữa trách nhiệm cá nhân và hành động chung; một cộng đồng trong đó không có dấu hiệu nào về giáo quyền; một cộng đồng nhỏ để có thể hoạt động theo cách như vậy” (1998, 85).

Khi nói về Hội thánh trong Ma-thi-ơ 16:18, Chúa Giê-xu hứa xây dựng *Hội thánh* của Ngài dựa trên lễ thật Ngài là Đấng Mê-si-a, và điều này đã được xác nhận bởi Phi-e-rơ. Vấn đề liên quan đến *Hội thánh* được dùng trong thi tương lai, nhưng nó phát xuất trong hiện tại. Hội thánh được thành lập trên sự tuyên bố của các sứ đồ về Chúa Giê-xu, sống dưới thẩm quyền các sứ đồ (chia khóa), và đứng vững trước sự tấn công của Sa-tan (các cửa âm phủ). Như vậy, sự phát triển và sự vượt trội của Hội thánh đã được bảo đảm và nền tảng của Hội

² Trong Công vụ 9:1-2 “những người theo Chúa” vẫn được thấy trong các nhà hội. sự bắt bớ và sự giảng dạy của Phi-líp, Phi-e-rơ và các sứ đồ khác (Công vụ 8-10) đã đóng góp vào sự hình thành cộng đồng dân Chúa mới tách biệt với các nhà hội khắp vùng Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri (Công vụ 9:31). Lu-ca cho chúng ta biết rằng những cộng đồng này đã tăng lên nhanh chóng.

³ F. F. Bruce chỉ ra bằng chứng cho thấy Chúa Giê-xu có ý định thành lập một Hội thánh mẫu mà sẽ là một Y-sơ-ra-ên mới: sự lựa chọn 12 người mà đến một ngày họ sẽ “ngồi trên ngai xét đoán 12 chi phái Y-sơ-ra-ên” (Lu-ca 22:30). Ông ta viết “Nhưng sự trùng hợp giữa số lượng những người này, mười hai, với tổng số chi phái Y-sơ-ra-ên ngụ ý rằng sẽ có một ‘dân Y-sơ-ra-ên’ để họ lãnh đạo” (1969, 177). Họ đã chọn một người khác thay thế chỗ của Giu-đa để duy trì con số 12.

⁴ “Ở giai đoạn đầu tiên, cộng đồng này đã được gọi bằng một trong những từ ngữ mà Cựu ước sử dụng đối với hội chúng (*qahal* hay *edah*) Y-sơ-ra-ên” (Bruce 1977, 206). Bruce cũng chỉ ra rằng đức tin phục sinh, chứ không phải là lễ Ngũ tuần, “đã mang những người theo Chúa Giê-xu bị tán lạc trở lại với nhau, và chỉ trong vòng một vài tuần sau sự chết của Ngài họ xuất hiện như là một cộng đồng gắn bó, mạnh mẽ và tự truyền bá tại Giê-ru-sa-lem.”

thánh không ai khác hơn ngoài thân vị và công tác của Đức Chúa Giê-xu Christ được giảng dạy bởi các sứ đồ. Tập thể các môn đồ trước lễ Ngũ tuần là hình thức phôi thai nhưng lại bày tỏ các đặc điểm mà Chúa Giê-xu mong đợi nơi những người theo Ngài.⁵

Những Khái niệm Nền Tảng Về Mở Mang Hội Thánh Trong Sự Giảng Dạy Của Chúa Giê-Xu

Ít nhất có bốn chủ đề trong sự giảng dạy của Chúa Giê-xu đã cung cấp một khung ý tưởng cho các môn đồ và các sứ đồ khi họ công bố danh của Chúa Giê-xu và tập hợp các tín hữu lại: (1) mở rộng vương quốc, (2) gieo và gặt, (3) tập hợp những người thờ phượng thật, (4) môn đồ hóa.

MỞ RỘNG VƯƠNG QUỐC

Trong các sách Tin lành, sự thành lập Hội thánh được thông báo và chuẩn bị qua sự giảng dạy của Chúa Giê-xu về vương quốc. Dù nước Trời không thể được đánh đồng với Hội thánh, nhưng Hội thánh là công cụ đầu tiên của Đức Chúa Trời trong thời đại này để thúc đẩy vương quốc của Ngài như là một dấu hiệu và bằng chứng cho vương quốc mà một ngày nào đó sẽ được bày tỏ trọn vẹn. Thông báo của Chúa Giê-xu về vương quốc của Ngài được tập trung vào sự truyền bá lời Ngài và sự kêu gọi một dân lệ thuộc vào mạng lệnh và lời của Ngài, trước sự ra đời của Hội thánh. Philip Steyne mô tả mối quan hệ đó như sau:

Trong tiến trình Đấng Christ bắt đầu một thời đại mới cho sự cai trị của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài. Chúa đã lập ra một dân mới để bày tỏ sự cai trị ngay thẳng và công bình của Ngài, thực thi trên đất những gì Đức Chúa Trời làm trên thiên đàng (Mat 5-7). Vương quốc của Ngài là một thực tại, đã được bắt đầu rồi trong thời đại này, nhưng chưa trọn vẹn cho đến khi Ngài quay trở lại. . . Công dân của Ngài phải sống theo “luật của vua” (Mat 8:8-11). Trong mỗi thông công của cộng đồng chân thật họ lấy mọi sự làm của chung, đức tin cũng như mọi phương tiện của họ. . . Vương quốc của Ngài sẽ chi phối các công dân trên đời sống và cơ cấu tổ chức. Vương quốc của Ngài chiếm hữu con người, giải phóng họ khỏi những quyền lực bên ngoài (Mat 12:28; Lu 11:20), mang đến cho họ nhận thức mới về cuộc sống. (1992, 244-245)

Sự mở rộng vương quốc cũng được thấy trong các ẩn dụ. Thông qua các minh họa của Chúa Giê-xu, các môn đồ biết rằng số lượng và mức độ tăng trưởng sẽ phụ thuộc vào sự tiếp nhận của con người nhưng hạt giống Tin lành phải được gieo trong bất cứ trường hợp nào (Mat 13:1-23). Sự phát triển của vương quốc sẽ vô cùng mạnh mẽ và bành trướng giống như một hạt cải (câu 31-32), xâm nhập và biến đổi giống như men trong thùng nhồi bột (câu 33), và tiếp tục cho đến ngày phán xét (câu 24-30). Sự phát triển này rõ ràng là công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời, dù con người có trách nhiệm gieo giống (Mac 4:26-29).

⁵ Tập thể những môn đồ này đã tăng trưởng vượt qua giới hạn đội ngũ sứ đồ và bao gồm những người tin theo Chúa từ nhiều tầng lớp xã hội – những phụ nữ như Ma-ri và Ma-thê, những lãnh đạo tôn giáo như Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê, những người bạn trung thành như La-xa-rô, Ma-ri mẹ Ngài, Gia-cơ và những anh chị em khác của Ngài (Công vụ 1:14; I Cô-rinh-tô 15:7), và các môn đồ không được nêu tên khác tổng cộng ít nhất là 120 (Công vụ 1:15). Và có những người khác, có lẽ ít liên hệ hơn đối với cộng đồng tại Giê-ru-sa-lem, bởi vì có một tập thể hơn 500 người chứng kiến sự phục sinh của Chúa Giê-xu (I Cô-rinh-tô 15:6).

Sự giảng dạy về nước Trời của Đức Chúa Giê-xu đưa ra yếu tố định tính cho việc mở mang Hội thánh, như được minh họa bởi ảnh hưởng của muối và ánh sáng (Mat 5:13-16). James Denney, một nhà thần học người Xcôt-len ở thế kỷ mười chín, đã viết:

Ngài đã kêu gọi những người sống trong thế giới, ở mọi tầng lớp khác nhau vào trong vương quốc. Ngài liên kết họ với chính Ngài và với nhau trong sự nhận thức là công dân và chủ thể của vương quốc. . . Trong vương quốc có một sự liên hiệp thật sự của những con người nhận thức rằng có một cái gì đó ràng buộc họ lại với nhau và cái gì đó phân rẽ họ với thế gian; nhưng không có điều gì chính thức hoặc mang tính pháp lý về điều đó. . . Điều mà mọi người phải thực hiện là luật yêu thương mà Đấng Christ đã bày tỏ, và để biến đổi hoặc làm cho họ tốt hơn. Nước Trời trở thành một quyền lực chiến thắng và đổi mới – men gây ra tính chất, muối tạo ra hương vị – tương xứng khi công dân của vương quốc ý thức mạnh mẽ về mối quan hệ mới của họ với Đức Chúa Trời, và về những nghĩa vụ mới. (1976 [1895], 175-176)

Đặc tính này phải được thể hiện trong nhận thức của chúng ta về công tác mở mang Hội thánh khi thành lập những cộng đồng dân Chúa mới. Vương quốc cũng nhấn mạnh một quan điểm hợp nhất toàn diện về sự tăng trưởng Hội thánh và chỉnh sửa tinh thần sản sinh đặt nặng về mặt số lượng.

GIEO VÀ GẶT

Tại Peru việc mở mang Hội thánh được gọi là “gieo” (*el siembro de iglesias*). Trong ẩn dụ về người gieo giống, hạt giống tượng trưng cho lời của Đức Chúa Trời, đất tượng trưng cho người tiếp nhận với các mức độ khác nhau, và người gieo giống là người công bố lời Chúa. Cuối cùng Đức Thánh Linh, Chúa của Mùa Gặt, giám sát toàn bộ quá trình và ban sự sống cho các môn đồ mới cùng các cộng đồng dân Chúa. Chúa Giê-xu nhấn mạnh trách nhiệm của các môn đồ là phải truyền bá lời Chúa và giúp họ biết được các sự đáp ứng khác nhau của người nghe cũng như sự phản công của kẻ thù (Mat 13:3-8; Mac 4:3-20; Lu 8:5-8).

Chủ đề này đưa chúng ta trở về một phân đoạn trong Cựu ước, Ê-sai 55:9-13. Ê-sai bắt đầu với Đấng Mê-si-a như là nhân chứng cho mọi nước (câu 4-5) và lời kêu gọi tìm kiếm Ngài trong khi có thể tìm được (câu 6-8). Rồi ông tập trung vào Lời hằng sống, đầy quyền năng và không thể dò được của Đức Chúa Trời, là Lời sẽ làm trọn mục đích của Ngài. Sự nhấn mạnh vào Lời quyền năng, được lặp lại trong Công Vụ Các Sứ Đồ (xem Pao 2002), có tác dụng như một lời nhắc nhở quan trọng cho các người mở mang Hội thánh rằng trách nhiệm cơ bản của họ là gieo lời Chúa và tin cậy Đức Chúa Trời làm việc thông qua lời Ngài:

Bốn yếu tố quan trọng đối với người mở mang Hội thánh là: Thánh Linh, Giống, Người gieo giống và Đất. Thiếu một trong những yếu tố này thì việc mở mang Hội thánh trong Tân ước không thể thực hiện. . . Việc sử dụng phổ biến những yếu tố căn bản này tạo một khả năng cho việc mở mang Hội thánh nhiều hơn điều mà người ta thường suy nghĩ. Hội thánh có thể được thành lập mà không cần tài chính lớn lao hay những tòa nhà cao đẹp. Hội thánh có thể được thành lập bởi những người bình thường nhưng có khả năng và đầy dẫy Đức Thánh Linh. Bí quyết không còn gắn bó với một chức danh hay cấp bậc về mặt tôn giáo. Các nguồn lực cần thiết luôn sẵn có cho mọi người. (Brock 1994, 30)

TẬP HỢP NHỮNG NGƯỜI THỜ PHƯỢNG THẬT

Ý tưởng tập hợp những người thờ phượng thật thành vương quốc của Đấng Mê-si-a là một chủ đề quan trọng về mở mang Hội thánh trong các sách Tin Lành. Chúa Giê-xu đã dùng hình ảnh về một cánh đồng đang thu hoạch để nhấn mạnh sự khẩn cấp của việc tập hợp những người thờ phượng thật (Giăng 4:22-42). Ngài bảo các môn đồ phải cầu nguyện để Đức Chúa Cha sai nhiều thợ gặt hơn đến cánh đồng hầu cho mọi người có thể biết về Chúa của mùa gặt (Mat 9:37-38).

Khi mùa gặt đến, lúa cần phải được cắt, bó lại và mang vào kho. Tương tự như vậy, khi một nhóm người đáp ứng lại với phúc âm, họ được đưa vào mối thông công của Hội thánh địa phương để thờ phượng Đức Chúa Trời.⁶ Trong ẩn dụ về bữa tiệc lớn, khi những người khách được mời không đến, người chủ ra lệnh cho các đầy tớ mời những nhóm khác tham gia bữa tiệc thuộc linh (Lu 14:23).⁷ Như vậy các ẩn dụ của Chúa chỉ ra một cách rõ ràng trách nhiệm đem người vào chuồng chiên Cơ đốc từ mọi nước. Những ẩn dụ này cũng nhấn mạnh sự mở rộng và phát triển ắt phải có của vương quốc, bảo đảm cho người mở mang Hội thánh sự nghiệp to lớn không hề thất bại.

MÔN ĐỒ HÓA

Cuối cùng, chúng ta xem xét việc mở mang Hội thánh trong sứ mạng mà Chúa Giê-xu giao phó cho các môn đồ.⁸ Chúa Giê-xu đã sai họ ra đi như cách Đức Chúa Cha đã sai Ngài vào thế gian (IGiăng 20:21) và bày tỏ cho họ tính chất nổi bật của sứ mạng. Ngài cử họ ra đi và đem Tin Lành đến cho mọi người, sống với quyền năng của Tin Lành trong khi giảng dạy chân lý giải phóng: “Đấng Cơ Đốc phải chịu đau đớn, đến ngày thứ ba sẽ từ cõi chết sống lại, và người ta phải nhân danh Ngài mà rao giảng cho tất cả các nước về sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem. Các con là những nhân chứng về các việc đó” (Lu 24:46-48). Trước khi thăng thiên, tại Ga-li-lê, Ngài đã giải thích rằng họ phải làm báp têm cho những người ăn năn, dạy họ mọi điều mà Ngài đã truyền và đem họ vào cộng đồng các môn đồ. Họ phải thành lập một cộng đồng tín hữu mới có chung những đặc điểm cơ bản giống như cộng đồng đầu tiên của Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài.

Như vậy sự giảng dạy của Chúa Giê-xu về Hội thánh (dù hạn chế) và kinh nghiệm ban đầu của các môn đồ về cộng đồng đã cung cấp khuôn khổ nhận thức cho sự phát triển Hội thánh trong Công Vụ Các Sứ Đồ. Đức Thánh Linh đã lấy những điều này để nhắc nhở và hướng dẫn Hội thánh (Giăng 14:26; 16:13-15). Sự tăng trưởng kỳ diệu của Hội thánh là sự tiếp tục những gì Chúa Giê-xu đã bắt đầu với các môn đồ của Ngài, hiện thực hóa sứ mạng Ngài đã giao cho họ, và mở rộng Hội thánh Ngài đã thành lập (xem Coleman 1987, 9-16).

Hội Thánh Đầu Tiên: Những Khuôn Mẫu Và Nguyên Tắc Từ Sách Công Vụ Các Sứ Đồ

Đa số các hệ phái Tin Lành đều xuất phát từ phong trào khôi phục tìm về với Hội thánh Tân ước, cả về qui tắc cần khôi phục hoặc một lý tưởng phải tuân theo. Sách Lu-ca không chỉ có tính lịch sử mà còn có tác dụng khích lệ tín hữu, dạy các hành vi đạo đức, tôn cao Đức Chúa

⁶ Mùa gặt được dùng trong góc độ tận thế nói về ngày phán xét trong Ma-thi-ơ 13:30 và những nơi khác, nhưng trong Mat 9:38 và Giăng 4:35-42 nó có ý nghĩa là tập hợp những người được cứu.

⁷ Dù sự ám chỉ cơ bản là lời mời mở rộng cho dân ngoại, những người được mời (dù không xứng đáng) sau khi người Do-thái từ chối lời mời, chúng tôi nhấn mạnh việc dùng cách lập đi lập lại chủ đề tập hợp-hợp nhất đối lập với quan điểm cứu rỗi cá nhân của phương Tây.

⁸ Xem chương 2 để biết phần thảo luận về Mat 28 và mạng lệnh mở mang Hội thánh.

Trời, bảo vệ con người và những tập tục tốt.⁹ Đức Chúa Trời đã xác nhận những câu chuyện này thông qua sự soi dẫn vì vậy Hội thánh đã trở nên điển hình và mẫu mực đầu tiên về cách Đức Thánh Linh hướng dẫn các tín hữu.¹⁰ Để tránh những câu chuyện bình thường một cách thái quá hoặc không thích hợp, chúng ta có thể phân biệt ba mức độ tương quan từ phần chuyện kể – *qui tắc, miêu tả và đại diện*.

Một số điều rõ ràng là *qui tắc* đối với Hội thánh. Chúa Giê-xu đã dạy các môn đồ của Ngài phải vâng giữ mọi điều Ngài đã truyền cho họ (Mat 28:8-20). Những sự thực hành trong Công vụ các sứ đồ đã được dạy rõ ràng ở những nơi khác trong Tân ước, như là các thánh lễ, mạng lệnh hãy yêu mến lẫn nhau, sự rao giảng phúc âm, nằm trong nhóm phân loại này. Tuy nhiên, không phải mọi điều trong Công-vụ-các-sứ-đồ đều có thể hoặc cần phải được lặp lại. Một vài tường thuật chỉ có tính *miêu tả*: những sự kiện như việc bắt thăm để tìm người thay thế cho Giu-đa có một giá trị lịch sử (xem thảo luận trong Liefeld 1995, 117). Những điều khác liên quan đặc biệt đến văn hóa và bối cảnh như nhóm lại trong đền thờ, thói quen giảng Tin lành trong các nhà hội của Phao-lô. Chúng ta không nên cố gắng lặp lại những dấu hiệu riêng có trong sự kiện tuôn đổ Đức Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ tuần hoặc viết những lá thư có thẩm quyền thiên thượng.

Chúng tôi xếp vào phân loại thứ ba những kiểu mẫu nhất quán có giá trị *đại diện* (Fee và Stuart 1982, 101-102). Bằng việc lặp lại và những phương tiện khác tác giả làm cho chúng trở thành những sự thực hành bình thường (có tính chất thói quen), dù chúng không mang tính chất chuẩn mực (tuyệt đối hay bắt buộc). Những kiểu mẫu có tính chất đại diện thì (1) được lặp lại một cách nhất quán (vì vậy chỉ có một kiểu mẫu được phát hiện), (2) hòa hợp với những phần còn lại của Kinh thánh, và (3) không phải là duy nhất trong một bối cảnh hoặc một văn hóa đặc biệt. Trong chương này chúng tôi sẽ gọi chúng là những *khuôn mẫu về mở mang Hội thánh*.¹¹ Chương này nhấn mạnh một vài nguyên tắc nổi bật hơn, mà theo đánh giá của chúng tôi, có thể được áp dụng một cách rộng rãi trong công tác mở mang Hội thánh. Những kiểu mẫu nhất quán này có thể được sử dụng để phát triển các *nguyên tắc mục vụ*, chúng được đưa ra (1) dựa trên sự tương đồng rõ ràng giữa tình huống hiện thời và bối cảnh Kinh thánh. (2) và được vận dụng vào thực tiễn mục vụ hiện nay. Tóm lại, chúng tôi không tìm cách bắt chước những sự kiện và phương pháp trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ, nhưng chúng tôi muốn kể tục sự năng động của công tác truyền giáo theo cùng một *đường hướng* như được mô tả trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ.

Đức Chúa Trời Kêu Gọi Nhân Lực Để Mở Mang Hội Thánh

⁹ Xem Liefeld 1995 và “Công vụ các sứ đồ: Nan đề về tiền lệ lịch sử” trong Fee và Stuart 1982 để có thêm các nguyên tắc giải kinh về văn tường thuật. Liefeld lưu ý: “Đường như không có bất kỳ dấu hiệu nào trong Công vụ chứng tỏ Lu-ca viết để cung cấp một kiểu mẫu về truyền giáo Cơ đốc và sinh hoạt Hội thánh” (1995, 32). Nhưng sau đó ông cho phép hình thành những nguyên tắc Kinh thánh từ Công vụ các sứ đồ với những điều kiện nhất định: “Tóm lại, những ai tìm kiếm hướng dẫn từ Công vụ các sứ đồ có thể tìm thấy những nguyên tắc thích hợp với những tình huống tương tự, nhưng có thể thấy những điều kiện đó là quá khác biệt không thể hình thành những khuôn mẫu chuẩn mực. Vì vậy chúng tôi đưa thêm những hướng dẫn về giải nghĩa Kinh thánh. Chúng tôi nhận thấy rằng các nguyên tắc hướng dẫn cho các hành động phù hợp với văn hóa, như là việc truyền giáo, có thể áp dụng được nhưng phải hết sức cẩn thận và khôn khéo” (124-125).

¹⁰ Đôi khi văn tường thuật có sự giáo huấn đặc biệt, như được thấy trong cách dùng của Phao-lô (I Cô 10:6-13). Chúa Giê-xu đã dùng câu chuyện vua Đa-vít để bênh vực cho hành động của các môn đồ trong ngày Sa-bát (Mac 2:23-28). Khi Phao-lô viết rằng cả Kinh thánh “có ích cho sự dạy dỗ” chắc chắn bao gồm cả các phần kể chuyện (II Tim 3:16).

¹¹ Coleman gán ý nghĩa đặc biệt cho các mẫu mực trong Công-vụ-các-sứ-đồ mà vận dụng theo gương mẫu của Chúa Giê-xu: “Các mục đích của nghiên cứu này là để nắm vững phương cách mà Hội thánh thời các sứ đồ thực hiện mạng lệnh Ngài. Tôi chủ yếu sử dụng sách Công-vụ-các-sứ-đồ để tìm ra một kiểu mẫu, đặc biệt lưu ý các nguyên tắc của Đấng Christ trong sự làm chứng của họ” (1987, 14).

Những người mở mang Hội thánh đều được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời. Có thể thấy điều này một cách rõ ràng không chỉ với Phao-lô (Công 13:2; 26:19-20; Ga 1:12-12), mà còn với Ba-na-ba, Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng (Ga 2:7-9). Các sự kêu gọi bày tỏ một cách khác nhau. Trong trường hợp của Phao-lô thì sự kêu gọi đến từ một khả tượng trên trời (Công 26:19; Ga 2:2) và được tái khẳng định bởi Hội thánh An-ti-ốt (Công 3:1-3), nhưng trong trường hợp của Ti-mô-thê thì sự kêu gọi đến thông qua lời mời của Phao-lô và sự giới thiệu của Hội thánh Lít-tơ (Công 16:1-3; II Tim 1:6). Dù sự chắc chắn về sự kêu gọi của Đức Chúa Trời đến theo nhiều cách khác nhau, nhưng nó là một trong những cột trụ của đời sống chức vụ.¹²

Đức Thánh Linh Ban Năng Lực Và Hướng Dẫn Việc Mở Mang Hội Thánh

Sự phụ thuộc vào Đức Thánh Linh được thấy trong hầu hết các câu chuyện của các sứ đồ và nhà truyền giáo đầu tiên và tạo nên nét đặc biệt của công tác mở mang Hội thánh thời Tân ước. Đấng Christ bảo các sứ đồ rao giảng phúc âm cho mọi tạo vật, rồi Ngài nói thêm: “Đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, nhưng phải ở đó chờ điều Cha đã hứa” Công 1:4. Lời giải thích được tìm thấy trong câu 8: “Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các con, thì các con sẽ nhận lấy quyền năng”. Như James Cymbala và James Merrill đã nói: “Mọi thành tích ở trong Con . . . và mọi quyền năng bởi Đức Thánh Linh” (2001, 1997).

Trong khi đa số Cơ đốc nhân khẳng định điều này, thì các nhóm mở mang Hội thánh đã sống bởi nó. Đức Thánh Linh là Đấng Truyền Giáo, và sự mở mang Hội thánh đòi hỏi quyền năng trực tiếp của Ngài và sự ban quyền năng cho người mà Ngài sử dụng. Các sứ đồ đã phụ thuộc vào sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh để quyết định nơi họ sẽ đi tiếp, dù cách mà họ nhận được sự hướng dẫn khác nhau tùy từng trường hợp (Công 8:26, 39; 10:9-16; 12:5-11; 16:6-7, 9-10; 18:9-11; 27:23-26). Khi họ đến một nơi thì họ rao giảng trong quyền năng của Ngài và sự công bố của họ thường được kèm theo sự bày tỏ rõ ràng về sự hiện diện của Ngài.

Lu-ca mô tả các tín hữu “đầy dẫy Đức Thánh Linh” trong một ý nghĩa đặc biệt vào những trường hợp cụ thể (Công 4:8, 31; 9:17; 13:9). Sự trình bày nhiều lần dường như để nhấn mạnh hành động đặc biệt của Đức Thánh Linh trong từng trường hợp trên. Khi họ rao giảng về Chúa Giê-xu hoặc chịu khổ vì Ngài, Đức Chúa Trời đã ban cho họ quyền năng Thánh Linh và ân sủng họ cần – xức dầu đặc biệt trong những hoàn cảnh phi thường. Hơn nữa, “đầy dẫy Đức Thánh Linh” không chỉ được dùng trong trường hợp các sứ đồ mà còn được sử dụng khi nói về Hội thánh Giê-ru-sa-lem (4:31); và sau đó là mệnh lệnh cho các tín hữu tại Ê-phê-sô (Eph 5:18).

Việc mở mang Hội thánh về cơ bản vẫn là một công tác thuộc linh đòi hỏi những phương tiện thuộc linh chỉ được tìm thấy trong Đức Thánh Linh. Tất cả mọi nỗ lực, chiến lược, tài năng, nguồn lực và thiên tài sáng tạo của con người đóng góp vào công tác mở mang Hội thánh sẽ vô ích trừ phi được ban cho bởi Đức Thánh Linh. Đây không chỉ là một mẫu mực trong Công-vụ-các-sứ-đồ mà còn là nguyên tắc thần học: không có một người mở mang Hội thánh nào thành công tách rời với sự vận hành, hướng dẫn và đổ đầy của Đức Thánh Linh.

Các Hội Thánh Được Thành Lập Qua Sự Truyền Bá Phúc Âm Và Sự Qui Đạo Của Người Nghe

Một điều khá rõ ràng trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ là việc xem công tác truyền bá phúc âm như là chất xúc tác cho việc mở mang Hội thánh. Khi phúc âm được rao giảng trong

¹² Sự chắc chắn về sự kêu gọi của Đức Chúa Trời là một trong những khả năng cơ bản được dùng phổ biến trong việc đánh giá người mở mang Hội thánh. Xem thêm Ott và Strauss 2010, 225-230.

quyền năng của Đức Thánh Linh, thì cũng chính Đức Thánh Linh áp dụng sứ điệp vào tâm lòng của người nghe (Công 12:37; 16:14). Khi họ tiếp nhận sứ điệp thông qua sự ăn năn và đức tin thì họ được cứu và trở thành Cơ đốc nhân (8:14; 11:1; 17:11).

Phúc âm đã được rao giảng tại nhiều địa điểm,¹³ đôi khi trước các đám đông ở những nơi công cộng và những lần khác thông qua một cuộc nói chuyện cá nhân. Sự đáp ứng đối với các sứ điệp cũng khác nhau: nhiều người qui đạo (Công 2:41; 5:14), chế nhạo và giễu cợt (2:13; 17:32), bắt bớ (7:54-60), hoặc chất vấn thêm (17:32). Nhưng điều nhất quán là các sứ đồ trình bày về Đức Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã chịu đóng đinh và sống lại.

Phương pháp rao giảng được vận dụng thích hợp đối với những nghe.¹⁴ Nhưng sứ điệp luôn luôn dẫn đến nhu cầu phải ăn năn và đức tin trong việc đáp ứng lại sứ điệp, quyền năng cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Rô 1:16). Lu-ca nói về sự mở mang và tăng trưởng của Hội thánh dưới hình thức Lời của Đức Chúa Trời lớn lên, lan rộng, sinh sôi nảy nở và phát triển (Công 6:7; 12:24; 13:49; 19:20). *Sự rao giảng bởi quyền phép của Đức Thánh Linh* đóng một vai trò nòng cốt trong sách Công-vụ-các-sứ-đồ, và đó chính là nguồn gốc phát sinh việc mở mang Hội thánh. Như vậy, cần phải nhớ rằng việc mở mang Hội thánh bắt đầu với việc rao giảng Tin lành và không có điều gì thay thế cho sự chia sẻ phúc âm cách mạnh dạn và đầy dẫy Thánh linh. Đây là nền tảng mang tính phương pháp luận mà các Hội thánh được mô tả trong Công-vụ-các-sứ-đồ được xây dựng và đó cũng là mẫu mực chúng ta phải tuân theo ngày nay.

Tân Tín Hữu Được Tập Hợp Lại Trong Các Cộng Đồng Thuộc Linh

“Sứ mạng cơ bản của Phao-lô được hoàn tất khi phúc âm được rao giảng, có người qui đạo và Hội thánh được thành lập” (Hesselgrave 1980, 29). Việc hoàn thành Đại Mạng Lệnh đòi hỏi sự thành lập liên tục những hội chúng mới qua việc tập hợp những người đáp ứng phúc âm lại với nhau. Như đã lưu ý trong chương 2 (và trong phần thảo luận về những ẩn dụ ở chương này), Đấng Christ đưa thêm người vào Hội thánh địa phương khi họ được cứu (Công 2:41, 47; 5:14; 11:24). Tiến trình này, như được mô tả trong Công 2:38-47, gồm có ít nhất ba hoạt động: (a) rao giảng phúc âm (câu 38), (b) giảng dạy và làm báp têm cho các môn đồ (câu 41), và (c) tập hợp họ vào các cộng đồng dân Chúa (câu 42-46). Kiểu mẫu ba phần này, đã được thấy trước trong các ẩn dụ của Chúa Giê-xu, được lặp lại xuyên suốt sách Công-vụ-các-sứ-đồ. Sự kết hợp các tín hữu thành tổ chức là một phần không thể thiếu của việc môn đồ hóa. Không phải mọi mục vụ đều thành lập Hội thánh mới, nhưng mục vụ lấy việc môn đồ hóa làm mục tiêu vẫn còn thiếu một thành phần quan trọng trừ phi các tân tín hữu tập hợp thành các cộng đồng thuộc linh.

Nhóm Sứ Đồ Lập Các Lãnh Đạo Địa Phương Và Tiếp Tục Đi Đến Khu Vực Khác

Phao-lô và những người đồng hành với ông đã lập các trưởng lão và chấp sự địa phương, dù trong một vài trường hợp không được ghi lại. Đây dường như là một ưu tiên vì Phao-lô đã lập họ ngay trong chuyến viếng thăm đầu tiên của ông (dù có rất ít thời gian để chuẩn bị cho họ) hoặc quay lại để lập họ sau đó (Công 14:23). Chỉ khi các lãnh đạo địa phương được chỉ

¹³ Ví dụ, trong đền thờ (Công 3:1; 5:21, 25, ...), nhà hội (13:14; 14:1), ngoài chợ (17:17), nơi công cộng (18:28), tại nhà (5:42), trong tù (16:25-34), và trước các viên chức chính phủ (chương 24-26). Xin xem Schnabel 2008, 287-305.

¹⁴ Hãy so sánh sứ điệp của Phao-lô giảng cho người Do-thái (Công 13:16-41), giảng tại Lít-tơ (14:15-17), giảng cho người cai ngục tại Phi-líp (16:31-32), và giảng tại A-then (17:22-31).

định thì công tác mới được xem là hoàn tất (Công 14:23, 26; Tít 1:5).¹⁵ Rồi người thành lập tiếp tục đi đến những vùng chưa được truyền giáo khác thay vì trở thành mục sư hay trưởng lão tại địa phương. Điều cần nói thêm ở đây là sự thành công dài hạn của công tác mở mang Hội thánh xuyên văn hóa phần lớn được xác định bởi việc lập các lãnh đạo địa phương, giao quyền quản trị Hội thánh cho họ, và duy trì mối liên hệ thông qua việc thăm viếng và trao đổi thư từ.

Hội Thánh Được Thành Lập Bởi Một Nhóm

Một điều cũng rõ ràng trong công tác mở mang Hội thánh là hình thức làm việc theo nhóm. Chúa Giê-xu đã làm việc với một nhóm – đầu tư thời gian của Ngài cho những người khác và chuẩn bị cho họ sẵn sàng để thực hiện sứ mạng của Ngài. Phao-lô đã bắt đầu bằng việc hợp tác với Ba-na-ba và sau đó đã thành lập và hướng dẫn nhiều nhóm khác nhau, đem mọi người lại với nhau vì có Tin lành. Việc sử dụng các nhóm là một kiểu mẫu rõ ràng trong Công-vụ-các-sứ-đồ. Hiếm khi thấy các sứ đồ đầu tiên thực hiện mục vụ một mình.

Đi theo nhóm là một đặc điểm chung của thời đại đó, là điều bắt buộc do sự gian khổ và nguy hiểm vì phải băng qua những địa hình gồ ghề, đầy đầy những kẻ cướp bóc. “Việc đi lại được thực hiện theo một nhóm. Như câu chuyện bày tỏ, trọng tâm là các hành trình của Phao-lô và những người đồng hành với ông. Nhưng nguyên tắc đi cùng nhau cũng gắn liền với những người khác, như Ba-na-ba và Mác, Si-la và Ti-mô-thê, Ti-mô-thê và Ê-rát. Thường thì những người ở địa phương cùng đi với họ (21:15-16)” (Coleman 1963, 71). Phao-lô dần dần đem càng nhiều người lại với nhau vì có Tin lành. Ông bắt đầu từ một nhóm hai người trong hành trình truyền giáo đầu tiên đến một nhóm lớn và đa dạng về văn hóa gồm mười người từ những Hội thánh khác nhau mà ông đã thành lập.

Nhiều lý do đã được đưa ra để giải thích sự gia tăng những người cộng sự. Các thành viên của các nhóm sứ đồ đảm nhiệm nhiều vai trò thiết thực.¹⁶ Họ luân phiên phục vụ trong vai trò người hợp tác, đại diện của Hội thánh, trợ giúp và học việc. Trước tiên, khi công việc tiến triển thì cần có *người hợp tác* để giúp đỡ trong việc giảng dạy, hành động như những phái viên, và xây dựng mối thông công giữa các Hội thánh. Khi mục vụ phát triển, một vài người cùng đi với Phao-lô (Công 16:6), và những người khác thì ở lại (Công 17:15). Và trong ít nhất một trường hợp, một số người đã đi trước (Công 20:5).

Thứ hai, Phao-lô chọn các *đại diện* từ các khu vực khác nhau để chứng tỏ sự hợp nhất của Hội thánh¹⁷ và chống lại chủ nghĩa dân tộc cực đoan của các Hội thánh vùng Giu-đê (Công 15:1-35; 21:17-26). Điều này có thể thấy rõ ràng nhất qua nhóm cùng đi với ông từ Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem, đem tiền cứu giúp đến cho Hội thánh vùng Giu-đê. Khi Phao-lô báo cáo tại Giê-ru-sa-lem “công việc Đức Chúa Trời đã làm giữa vòng dân ngoại qua chức vụ của ông” (Công 21:19), bảy đại biểu từ các vùng khác nhau là những bằng chứng sống cho thấy bức tường phân cách giữa người Giu-đê và dân ngoại đã bị phá vỡ (xem Eph 2:14).

Thứ ba, những người cộng sự của Phao-lô cũng là những *trợ lý cá nhân*, phục vụ theo những nhu cầu riêng của ông. Ông ở với A-qui-la và Bê-rít-sin và cùng làm việc với họ (Công 18:1-3). Sau đó họ đã mạo hiểm mạng sống vì có ông (Rô 16:4). Bác sĩ Lu-ca đã phục vụ cho các nhu cầu của ông (Cô 4:14; II Tim 4:11). Tệt-tiu đã phục Phao-lô với tư cách là một thư ký (Rô 16:22). Giảng Mác, người đã lìa bỏ Phao-lô trước đó, về sau đã giúp đỡ ông và

¹⁵ Xem thảo luận đầy đủ hơn trong chương 1.

¹⁶ Các ân tứ và vai trò bổ sung của những người mở mang Hội thánh theo các nhóm sẽ được đề cập trong các chương 15 và 16.

¹⁷ Wolf-Henning Ollrog (1979) lập luận trong luận án của ông rằng đây là tiêu chí cơ bản của Phao-lô trong việc tuyển mộ người cộng sự từ các Hội thánh khác nhau mà ông ta đã thành lập.

tiếp tục công tác với Ti-mô-thê (Côl 4:10; Phi-lê 24; II Tim 4:11). Phao-lô cũng chào thăm những người đã tiếp đón ông tại nhà họ và giúp đỡ ông khi ở trong tù, đặc biệt là một phụ nữ mà ông xem như mẹ mình (Rô 16).

Cuối cùng, dường như mục đích của Phao-lô trong việc thành lập các nhóm là để huấn luyện các lãnh đạo cho các Hội thánh địa phương. Phao-lô kiên trì lập lại kiểu mẫu mà Ba-na-ba đã sử dụng: ông đem theo những người tập sự để họ có kinh nghiệm trong việc truyền giáo và giảng dạy. Schnabel (2008, 248-255) khẳng định rằng thuật ngữ Kinh thánh được dùng để mô tả những người cộng sự của Phao-lô cho thấy họ không chỉ là những người giúp đỡ mà họ tham gia đầy đủ vào các hoạt động truyền giáo như Phao-lô, và hoàn toàn không phải là thuộc cấp của ông.¹⁸ Tân ước nêu tên hơn hai mươi lăm người cộng sự của Phao-lô ở nhiều mức độ khác nhau trong công tác truyền giáo của ông. Người ta ước tính có mười tám phần trăm người cộng sự của ông là phụ nữ (Schnabel 2008, 251). Chúng ta sẽ thảo luận vấn đề liên quan đến phụ nữ trong công tác mở mang Hội thánh ở chương 15.

Những Cộng Sự Mới Được Tuyển Mộ Từ Các Hội Thánh Mới Thành Lập Mở Rộng Lực Lượng Truyền Giáo

Một trong những đặc điểm đáng lưu ý nhất trong công tác truyền giáo của Phao-lô là việc ông tuyển mộ các cộng sự từ các Hội thánh khác nhau mà ông đã thành lập. Ông tuyển mộ từ mùa gặt này để sử dụng cho mùa gặt tiếp theo. “Phần lớn những cộng sự của Phao-lô đến từ các Hội thánh mới mà ông ta thành lập. . . ‘những Hội thánh tại gia’ của những cộng sự này nhận biết rằng họ chia sẻ trách nhiệm trong việc mở rộng vương quốc của Đức Chúa Trời bằng cách cung cấp các giáo sĩ để giúp đỡ Phao-lô” (Schnabel 2008, 255). Dù các nhóm mở mang Hội thánh ban đầu của Phao-lô được sai đi từ Hội thánh An-ti-ốt xứ Sy-ri và bao gồm những tín hữu có nguồn gốc Do-thái, nhưng ông không chỉ trông vào An-ti-ốt để tuyển mộ giáo sĩ mới mà tuyển mộ họ từ các Hội thánh ông đã thành lập, và những cộng sự này là những người có nguồn gốc từ dân ngoại chứ không phải là Do-thái (Ollrog 1979, 62). Chẳng hạn như, khoảng ba năm sau khi Ti-mô-thê qui đạo tại Lít-tơ trong hành trình truyền giáo đầu tiên (Công 14) Phao-lô đã đem ông theo với tư cách là một giáo sĩ tập sự (Công 16:1-3). Không lâu sau đó Ti-mô-thê bắt đầu làm việc cách bán độc lập với Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca (Công 17:14; I Tê 3:1-5), Ma-xê-đoan (Công 19:22), Cô-rinh-tô (I Cô 4:17), Phi-líp (Phil 2:19), và Ê-phê-sô (I Tim 3:14-15).

A-pô-lô, người gốc A-léc-xan-đê-ri-a đã tin Chúa tại Ê-phê-sô, được sự chỉ dẫn của Bê-rít-sin và A-qui-la khi Phao-lô vắng mặt và được sai phái như một tân tín hữu đến A-chai để phân bác những người Do-thái và làm vững mạnh Hội thánh tại Cô-rinh-tô (Công 18:18-19:1). Cần lưu ý rằng A-pô-lô là giáo sĩ thế hệ thứ ba: Phao-lô đã chỉ dạy cho Bê-rít-sin và A-qui-la, sau đó họ giúp đỡ cho A-pô-lô. Bản 3.1 liệt kê những cộng sự của Phao-lô mà Hội thánh họ xuất thân được biết rõ ràng. Hầu như mọi Hội thánh Phao-lô thành lập đã được liệt kê! Đương nhiên còn có nhiều cộng sự nữa từ các Hội thánh khác mà ông đã thành lập không được đề cập đến.¹⁹

Như vậy nhiều Hội thánh mà Phao-lô và các cộng sự của ông thành lập đã có tinh thần công tác trong việc chuẩn bị và gởi nhân lực cho công việc truyền giáo (Ollrog 1979, 129).

¹⁸ Robert Coleman (1963, 71) xem việc huấn luyện của Phao-lô như là một sự mở rộng tự nhiên của kế hoạch môn đồ hóa của Chúa Giê-xu để chuẩn bị các lãnh đạo: “Có không ít hơn bảy môn đồ cùng đi với Phao-lô trong hành trình của ông qua Ma-xê-đoan, tạo nên một trường học di động (Công 20:4).” Cũng xem Ollrog 1979.

¹⁹ Ví dụ như Tít, một trong những cộng sự quan trọng nhất của Phao-lô, người dân ngoại (Ga 2:3), nhưng chúng ta không biết Hội thánh mà ông xuất thân. Eckhard Schnabel (2008, 252) suy luận rằng có thể ông đã qui đạo trong thời gian Phao-lô truyền giáo tại Sy-ri và Si-li-si.

Họ huấn luyện các giáo sĩ, rồi sau đó các giáo sĩ này huấn luyện những người khác. Công tác huấn luyện thành công trong hầu hết mọi trường hợp. Chúng ta đã thấy như là trường hợp của Ti-mô-thê, A-pô-lô, Ê-pháp-ra, A-qui-la và Bê-rít-sin. Hơn nữa, sau khi Phao-lô bị tù, Ê-rát đã tiếp tục ở lại Cô-rinh-tô (II Tim 4:20), Tít đi tới Dalmatia và sau đó tới Co-rét (II Tim 4:10); Tít 1:5). Việc tuyển mộ nhân sự *từ* mùa gặt và *sử dụng cho* mùa gặt rõ ràng là chìa khóa để sản sinh Hội thánh và mở rộng việc truyền giáo. Bằng cách này việc huấn luyện và nhân rộng đã gắn liền với sự tiếp cận về công tác mở mang Hội thánh.

Bảng 3.1

Các Hội thánh Phao-lô thành lập và những cộng sự do các Hội thánh này cung cấp

Hội Thánh*	Cộng sự	Kinh thánh
Lít-tơ	Ti-mô- thê	Công vụ 16:1
Đet-bơ	Gai-út	Công vụ 20:4
Tê-sa-lô-ni-ca	A-ri-tạt, Sê-cun-đu	Công vụ 20:4; 27:2
Bê-rê	Sô-ba-tê	Công vụ 20:4
Cô-rinh-tô	Bê-rít-sin và A-qui-la, Sê-pha-na, Ê-rát, A-chai-cơ, Phốt-tu-na†	Công vụ 18:2; Rô 16:23; I Cô 16:15-17
Ê-phê-sô	A-pô-lô, Ti-chi-cơ, Trô-phim	Công vụ 18:24; 20:4; 21:29
Cô-lô-se	Ê-pháp-ra, A-chíp	Cô 4:12, 17
Phi-líp	Ép-pa-phô-đích	Phil 2:25; 4:18
Xen-cơ-rê	Phê-bê	Rô 16:1

* Thành phố được nêu tên ở đây là nơi mà cộng sự trở thành Cơ đốc nhân hoặc nơi gia nhập đoàn truyền giáo của Phao-lô (chẳng hạn như Bê-rít-sin và A-qui-la xuất thân từ Rô-ma, Công vụ 18:2, nhưng nhập hội với Phao-lô ở Cô-rinh-tô).

† Mỗi liên hệ giữa những cộng sự này với thành phố được đề cập không được chắc chắn lắm.

Phao-Lô Và Những Người Cộng Tác Đã Có Những Mối Quan Tâm Mang Tính Chiến Lược

Vấn đề bản chất và mức độ của kế hoạch chiến lược của Phao-lô đã được nhiều tác giả có tên tuổi đề cập đến (Allen 1962a; Hesselgrave 1980; Riesner 1998; Schnabel 2008; và những người khác), và một nghiên cứu đầy đủ thì nằm ngoài phạm vi của chương này. Tuy nhiên, có một sự thống nhất chung là Phao-lô và những cộng sự của ông đã lập các kế hoạch chiến lược nhưng thực hiện chúng một cách linh động tùy theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Theo lời của Herbert Kane, “Nếu nói chiến lược là một kế hoạch hành động có tính toán, được thể hiện một cách đúng đắn và thành thạo dựa trên sự quan sát và kinh nghiệm của con người, thì Phao-lô có rất ít hoặc không có chiến lược nào; nhưng nếu chúng ta xem đó là một cách làm linh động được phát triển dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh và phụ thuộc vào sự chỉ dẫn và kiểm soát của Ngài, thì Phao-lô đã có một chiến lược” (1976, 73). Chúng ta sẽ xem xét một vài mối quan tâm mang tính chiến lược của Phao-lô để thấy những người mở mang Hội thánh ngày nay có thể tìm được ích lợi từ đó như thế nào.

Trước hết, rõ ràng là Phao-lô đã có một *phương hướng chung*. Ông đã tìm cách chia sẻ Phúc âm từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma, có ý định sau đó sẽ truyền bá Tin Lành đến Tây-ban-nha (Công 19:21; Rô 1:14-15; 15:19-24). Rô-ma là trung tâm của đế quốc và là thủ đô đại

diện cho thế giới Dân ngoại mà Phao-lô được kêu gọi đề rao giảng Phúc âm cho họ. Điều này giải thích lý do ông viết thư cho người Rô-ma: “Tôi cũng tha thiết được rao giảng Tin Lành cho anh em là những người đang sống ở Rô-ma nữa” (Rô 1:15).

Thứ hai, có vẻ như Phao-lô không quá dựa vào kế hoạch chiến lược dài hạn. Đối với những người công nhận rằng Phao-lô có một kế hoạch bao quát liên quan đến những nước và thành phố mà ông sẽ truyền bá Phúc âm,²⁰ thì Schnabel trả lời như sau: “Phao-lô dường như không đi theo một “kế hoạch lớn” có đề cập đến các hoạt động của ông về mặt địa lý. Có bằng chứng cho thấy rằng Phao-lô đã đi đến những vùng liền kề nhau về mặt địa lý mở rộng cho công tác truyền giáo” (2008, 224). Thật ra, có lần Phao-lô đã bỏ qua những thành phố lớn hơn để tập trung vào những thành phố nhỏ hơn, hoặc tránh những con đường hướng trực tiếp đến thủ phủ các tỉnh (sách đã dẫn, 281-282). Quan điểm này lập lại nhận xét của Kane (1976, 73) đã được trích dẫn.

Tuy nhiên, đặc biệt trong công tác truyền giáo sau đó của ông, dường như Phao-lô có sử dụng những *ưu tiên mang tính chiến lược*. Ông tập trung những nỗ lực của mình vào những thành phố quan trọng về thương mại, tôn giáo hoặc của khu vực và ông không hoạt động tại các làng. Ông tìm kiếm những cộng đồng người Do-thái tại những thành phố quan trọng của các tỉnh thuộc đế quốc La-mã dọc theo trục đường từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma (Allen 1962a, 13; Bruce 1977, 267; Bosch 1991, 129-130).²¹ Dường như là Phao-lô đã đi theo kế hoạch chung này – từ tỉnh này đến tỉnh khác, từ thủ phủ này đến thủ phủ khác – dù có thể ông chọn các địa điểm theo tiến trình thay vì từ đầu.

Phao-lô bắt đầu tại Tạt-sơ và Si-li-si (Công 9:30), hai tỉnh của đế quốc La-mã sát với vùng Giu-đê. Rồi ông và Ba-na-ba thiết lập một cơ sở truyền giáo cho Dân ngoại tại An-ti-ốt xứ Sy-ri, thành phố quan trọng thứ tư của đế quốc La-mã.²² Sau khi giảng đạo tại Chíp-rơ, nhóm truyền giáo đi lên phía bắc đến tỉnh gần nhất của đế quốc La-mã, Ga-la-ti, nơi có các cộng đồng người Do-thái và một đại lộ của đế quốc La-mã từ Bệ-giê đến bờ Biển Đen.²³

Trong hành trình truyền giáo lần thứ nhì và thứ ba, dường như cũng xuất hiện việc lựa chọn những trung tâm có những cộng đồng Do-thái (An-ti-ốt xứ Pi-si-đi, Cô-rinh-tô, Ê-phê-sô). Như chúng tôi đã lưu ý trong chương 2, Phao-lô đã tuyên bố cách đáng ngạc nhiên là ông ta đã rao giảng Tin lành cách đầy đủ từ Giê-ru-sa-lem đến I-ly-ri, vì vậy không còn nơi nào trong những vùng này để ông ta phải rao giảng nữa (Rô 15:19, 23), dù nhiều cộng đồng chưa được nghe hoặc tiếp nhận sứ điệp. Điều này có thể được giải thích nếu chiến lược của Phao-lô là thành lập các *cơ sở mang tính chiến lược theo khu vực* để sau đó hướng đến việc truyền Tin lành cho đồng bào các tỉnh. Phao-lô xác nhận nguyên tắc này trong trường hợp Hội thánh Cô-rinh-tô: “Chúng tôi hi vọng rằng khi đức tin của anh em gia tăng, thì công việc của chúng tôi cũng sẽ phát triển giữa anh em, trong giới hạn đã được giao cho chúng tôi, đến nỗi chúng

²⁰ Rainer Riesner (1998, 253-255) cho rằng lời tiên tri trong Ê-sai 66:18-21 về việc qui đạo của một số nước và sự bao gồm của họ vào trong bầy của Đấng Mê-si-a đã ảnh hưởng Phao-lô. Ông cũng liên hệ đến lý thuyết của J. M. Scott (1995) cho rằng Phao-lô có thể đã sử dụng bản liệt kê các nước thuộc dòng dõi Gia-phết trong Sáng 10:2-4. Tuy nhiên, Schnabel bác bỏ thuyết này (2008, 221). Thật ra Lu-ca chưa bao giờ đề cập đến Ê-sai 66 hoặc Sáng 10 trong Công-vụ-các-sứ-đô, và Phao-lô dường như không đi theo bản đồ Kinh thánh.

²¹ Tuy nhiên, Schnabel lưu ý “Rõ ràng là quá cường điệu khi nói rằng sự quan tâm của Phao-lô là mở mang Hội thánh tại các trung tâm thủ phủ hoặc tại các ‘thành phố chiến lược’ của đế quốc La-mã” (2008, 281).

²² An-ti-ốt đứng sau Rô-ma, A-lec-xan-đê-ri-a và Sê-lơ-si (Riesner 1998). Một số người lập luận rằng điều này không đúng với các thành phố tại Chíp-rơ; nhưng Ba-na-ba, một người xuất thân từ đảo đó, chắc phải lưu ý đến sức mạnh của Do-thái giáo và ảnh hưởng của nó trên công chúng La-mã, đã được thấy trong sự quan tâm của thống đốc Sê-giút-Phao-lút.

²³ Riesner (1998, 276n66) bình vực cho tầm quan trọng chiến lược của An-ti-ốt xứ Pi-si-đi. Schnabel (2008, 264-266) cũng bình vực tương tự cho cả xứ An-ti-ốt xứ Pi-si-đi và Bệ-giê là những thành phố quan trọng.

tôi có thể rao giảng Tin Lành trong những vùng xa hơn, mà không tự hào về những việc đã thực hiện trong phạm vi của người khác.” (II Cô 10:15-16).

Phao-lô cũng bắt đầu bằng việc tiếp cận *những nhóm người đã được chuẩn bị*. Trước hết ông đi đến những người Do-thái tôn trọng Kinh thánh Cựu ước rồi sau đó đến với những người kính sợ Đức Chúa Trời trong các nhà hội. Rõ ràng Phao-lô hy vọng rằng nhóm sau có thể là một cầu nối để đến với Dân ngoại (Bruce 1969, 277). Thường thì một vài người Do-thái và những người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ đến với Đấng Christ trước tiên, tạo nên một cộng đồng hỗn hợp mới có thể làm cơ sở cho việc truyền bá Tin lành cho Dân ngoại. Đây là kiểu mẫu tại An-ti-ốt xứ Pi-si-đi và I-cô-ni; nhưng tại Lít-tơ và Đẹt-bơ thì Phao-lô đã giảng trực tiếp cho những người thờ hình tượng. E. Stange (được trích dẫn trong Riesner 1998, 225-256) tóm lược các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược của Phao-lô như sau:

- Bắt đầu trong nhà hội Do Thái (II Cô 11:24 và tiếp theo; Rô 1:16), bao gồm cả “những người kính sợ Đức Chúa Trời”
- Những hoàn cảnh thuận lợi hoặc không thuận lợi (I Cô 16:5-6)
- Tập trung vào các trung tâm của đế quốc La-mã (I Cô 16:1-16; Rô 15:19)
- Sự chấp nhận hoặc đối kháng với Tin lành (I Tê 2:18)
- Làm việc trong những vùng chưa được rao giảng Tin lành trước đó (II Cô 10:16; Rô 15:20-23)
- Phát triển và chăm sóc của các Hội thánh có thể tồn tại (I Tê 3:10; II Cô 1:15; 2:10-13)
- Sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh (Ga 2:2; II Cô 2:12)

Sự Hướng Dẫn Siêu Nhiên Được Đặt Ưu Tiên Hơn Các Kế Hoạch Chiến Lược

Một điều rõ ràng là Phao-lô và những cộng sự của ông đã không tin cậy các kế hoạch chiến lược của họ nhưng phó thác chúng cho Đức Chúa Trời và đi theo sự hướng dẫn của Ngài. Điều này xảy ra trong nhiều trường hợp. Họ tin rằng Đức Chúa Trời đã dùng những điều kiện đi lại thuận lợi hoặc không thuận lợi (I Cô 16:4-9), những khái thị đặc biệt (Công 16:9; Ga 2:2), những nghịch cảnh (Công 16:6), những ép buộc bên trong (Công 16:7), và những cánh cửa mở (I Cô 16:5-9; II Cô 2:12-13) để hướng dẫn họ. Có lần họ biết chắc rằng Sa-tan đã ở trên đường đi của họ (I Tê 2:18).

Phao-lô đã sử dụng những cụm từ như “nếu Chúa muốn” hoặc “nếu Chúa cho phép” (Rô 1:10; I Cô 4:19; 16:7; Phil 2:24). Như vậy khi ông đi tới thì ý muốn của Đức Chúa Trời ngày càng rõ ràng hơn đối với ông. Có lần, sau khi bày tỏ ý định của ông với một Hội thánh, ông đã phải thay đổi kế hoạch, làm mất tinh thần của những người ông dự định đến thăm. Sau khi hủy chuyến thăm Hội thánh Cô-rinh-tô, dường như ông biểu lộ bản chất rất con người trong việc bảo vệ sự chân thật và hoàn toàn của mình trong khi đối lập sự dao động của mình với sự chắc chắn có trong Đấng Christ (II Cô 1:12-19).

Phao-lô cũng quan tâm đến những cơ hội hiếm có liên quan đến những *người và những mối quan hệ quan trọng*. Điều này đúng trong trường hợp cuộc gặp gỡ không định trước của ông với Ly-đi tại Phi-líp (Công 16:14-15), với Bê-rít-sin và A-qui-la tại Cô-rinh-tô (18:1-4, 18) và với A-pô-lô tại Ê-phê-sô (18:24-19:2). Việc lợi dụng những cánh cửa rộng mở sẽ được nói nhiều hơn trong chương 10. Nhưng có thể nói rằng các hành trình của Phao-lô và những cộng sự của ông đều được dựa trên những mối quan tâm mang tính chiến lược và tính quan hệ và dù nhóm truyền giáo của ông có một cách làm việc thông thoáng thì họ vẫn đi theo sự

hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Điều này khích lệ những người mở mang Hội thánh ngày nay lập kế hoạch chiến lược của họ cách khiêm nhường và phải luôn luôn đầu phục sự hướng dẫn của Chúa.

Các Hội Thánh Mới Có Mối Quan Hệ Phụ Thuộc Lẫn Nhau

Các Hội thánh được mô tả trong Công-vụ-các-sứ-đồ có một mối liên hệ với nhau. Các Hội thánh không độc lập nhưng phụ thuộc lẫn nhau. Điều này được thể hiện theo nhiều cách. Trước tiên, thẩm quyền thuộc linh của Hội thánh Giê-ru-sa-lem và các lãnh đạo của nó được công nhận bởi các Hội thánh khác, như được thấy trong quyết định của Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem về vai trò của Cựu ước trong Hội thánh (Công 15). Thứ hai, các Hội thánh đóng góp giúp đỡ nhu cầu vật chất cho các Hội thánh chị em, như việc giúp đỡ cho Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem trong nạn đói (Công 11:28; I Cô 16:1; II Cô 8). Thứ ba, Phao-lô tuyển mộ nhân sự từ hầu hết các Hội thánh ông đã thành lập để phục vụ theo những khả năng khác nhau trong nhóm truyền giáo và tại các Hội thánh khác. Điều này tạo nên sự gắn bó giữa các Hội thánh. Thứ tư, việc gửi lời chào thăm giữa các Hội thánh ở phần kết trong các thư tín của Phao-lô chứng tỏ rằng đã có một mạng lưới về mối liên hệ được phát triển. Thứ năm, các thư tín của các sứ đồ được luân chuyển giữa vòng các Hội thánh (Côl 4:16).

Những ví dụ về sự phụ thuộc lẫn nhau này không dập tắt sự tự chủ hoặc sự lãnh đạo trong từng Hội thánh, nhưng nhắc nhở họ rằng họ là một phần trong một thân thể lớn hơn của Đấng Christ cùng với những ràng buộc về trách nhiệm và nghĩa vụ chung. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng những người mở mang Hội thánh, dù thuộc hệ phái hay độc lập, phải làm tốt việc giúp cho Hội thánh mà họ thành lập nhận biết rằng họ là chi thể của thân thể Đấng Christ. Những điển hình của Tân ước về mối liên hệ phụ thuộc cho thấy không nên có một Hội thánh nào đứng riêng lẻ, đề cao ý thức trách nhiệm chung của các Hội thánh, và khuyến khích họ cùng làm việc trong các nỗ lực truyền giáo chung.

Những nguyên tắc này (và những nguyên tắc được tổng hợp ở cuối chương trong bảng 3.2) chỉ mang tính tiêu biểu. Những nguyên tắc khác có thể được trưng dẫn. Sự chú ý đến những nguyên tắc trong Tân ước giúp đề phòng xu hướng bắt chước các phương pháp hoặc áp đặt những chiến lược hoàn toàn dựa trên những giả định về văn hóa hoặc truyền thống Hội thánh. Xuyên suốt lịch sử truyền giáo, những nguyên tắc Tân ước đã là những chỉ dẫn đáng tin cậy nhất để tránh nhiều cạm bẫy và sửa sai những thói quen về truyền giáo không lành mạnh.²⁴

Những Bài Học Từ Thực Tiễn Truyền Giáo Của Phao Lô

Chúng tôi đã trình bày về nhận thức và thực tế truyền giáo của Phao-lô như một lập luận về tầm quan trọng của sự mở mang Hội thánh trong chương 2. Bây giờ chúng ta xem xét thực tiễn truyền giáo của ông, đã được phản ánh trong các thư tín, để xác định các nguyên tắc và những trọng điểm có ích cho những người mở mang Hội thánh trong các giai đoạn thành lập và tổ chức.²⁵ Chúng tôi đề nghị độc giả đọc Schnabel 2008, Riesner 1998 và Little 2005 để biết về Phao-lô và công tác truyền giáo của ông qua việc nghiên cứu Kinh thánh. Để có một tóm lược ngắn gọn hơn nhưng cũng rất tốt, hãy xem Longenecker 1971.

²⁴ Ví dụ, Roland Allen (1962b [1927]) và John Nevius (1958) dựa vào kiểu mẫu Tân ước để chinh đốn sự phụ thuộc tài chính của các nhân sự quốc gia và để thiết lập các nguyên tắc mở mang Hội thánh bản địa.

²⁵ Được định nghĩa và mô tả trong hình 8.1.

Hoạt động truyền giáo cơ bản của Phao-lô, như ông mô tả với các tín hữu tại Cô-rinh-tô (I Cô 3) và Rô-ma (Rô 15:20), là tiên phong mở mang Hội thánh trong một khu vực mới và tiếp tục đi đến những khu vực chưa được truyền bá Tin lành. Tuyên bố của ông về sự kêu gọi và những ưu tiên của ông trong các thư tín nhất quán với kiểu mẫu mà ông đã thể hiện trong Công-vụ-các-sứ-đồ: “Ở đây [trong Công vụ 13:44-49] kiểu mẫu truyền giáo đặc thù của Phao-lô đã được hình thành: khởi sự truyền giáo cho người Do Thái và Dân ngoại theo Do Thái giáo, dù là người khai đạo hoàn toàn hay có mối liên hệ ít gắn bó hơn, rồi sau khi bị từ chối trong nhà hội thì truyền giáo trực tiếp cho Dân ngoại” (Longenecker 1971, 44).

Dẫu vậy, ông đã thể hiện sự quan tâm rõ rệt đối với *toàn bộ quá trình* của việc mở mang Hội thánh – theo ý nghĩa đặt nền tảng cho các cộng đồng dân Chúa mới được hướng dẫn bởi các lãnh đạo địa phương và hướng dẫn cho các lãnh đạo và cộng đồng đó để họ có thể có một ảnh hưởng mạnh mẽ trong những năm sau đó. Thậm chí khi ông phải rời những hội chúng khi họ còn non trẻ, ông vẫn tiếp tục làm cho họ vững mạnh qua sự thăm viếng, thư tín và công tác của các cộng sự.

Đa số các thư tín của Phao-lô đã được viết ngay sau giai đoạn mở mang Hội thánh và do đó giúp cho những người mở mang Hội thánh những soi sáng có giá trị trong giai đoạn thành lập.²⁶ Chúng đề cập đến những nan đề trong việc mở mang Hội thánh mà có thể ngăn trở sự thành công của việc truyền giáo. Từ các thư tín chúng ta thảo luận năm khía cạnh của công tác mở mang Hội thánh thường bị bỏ qua. Nhiều khía cạnh nữa có thể được khám phá.

Bảo Vệ Tin Lành Thuần Túy

Thư gửi cho Hội thánh Cô-lô-se đối phó với những ảnh hưởng của Do Thái giáo và các tôn giáo địa phương dẫn đến chủ nghĩa hồ lớn về tôn giáo trong Hội thánh. Phao-lô đối phó với vấn đề này bằng cách, một mặt ông gạt bỏ những ưu tư và lo sợ của các tín hữu, mặt khác khẳng định sự cao trọng của Đấng Christ vượt trội hơn mọi thế lực và sự đầy đủ của Đấng Christ trong việc thỏa đáp mọi nhu cầu thuộc linh (xin xem Arnold 1996). Tương tự, những người mở mang Hội thánh cần phải cảnh giác với khuynh hướng hồ lớn về tôn giáo và phải biết cách truyền thông về Đấng Christ một cách hiệu quả, nhận biết thế giới quan và nhu cầu cá nhân của các tín hữu trong bối cảnh của họ.

Phao-lô bảo vệ Phúc âm thuần túy một cách mạnh mẽ trong thư gửi cho người Ga-la-ti: “Tôi lấy làm ngạc nhiên sao anh em đã vội bỏ Đấng gọi anh em bởi ân điển của Đấng Cơ Đốc để theo một tin lành khác. Không có tin lành nào khác đâu” (Ga 1:6-7). Ông đấu tranh cho sự thuần khiết của sứ điệp cứu rỗi với số phận đời đời của họ trong tâm trí. Ông cảnh cáo họ rằng họ phản bội thập tự giá nếu thêm điều gì đó vào Tin lành.²⁷ Phao-lô cũng kêu gọi Hội thánh Cô-rinh-tô phải trung thành với Tin lành kẻo đức tin của họ ra vô ích và nhắc lại Tin lành đó một cách đơn giản và rõ ràng như là một điều tối quan trọng, nhắc nhở họ rằng ông không đến với họ bằng những lời khôn ngoan nhưng rao giảng về Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá (I Cô 15:1, 3; 1:18-31). Sau đó ông bảo vệ chức sứ đồ của mình bằng cách sử dụng giọng điệu mạnh mẽ, thậm chí sắc bén, không phải vì quan tâm đến uy tín hoặc vị trí của ông nhưng bởi vì sự kêu gọi của ông đem lại thẩm quyền cho sứ điệp ông rao giảng (II Cô 10-11).

²⁶ Việc bàn luận về thời gian của các hành trình truyền giáo và các thư tín của Phao-lô rất phức tạp, đôi khi mang tính tranh cãi, và nằm ngoài phạm vi mục đích của chúng tôi. Để có thông tin đầy đủ về vấn đề này hãy xem Ramsay 1982 (1895), Bruce 1969, Riesner 1998, Schnabel 2004 và 2008.

²⁷ Trong Ga-la-ti ông đề cập đến sự khai thị trực tiếp của Đức Chúa Trời, sự trao tay giao kết của các sứ đồ và sự phản đối Phi-e-rô để khẳng định một điều: bất cứ sự tấn công nào vào chức sứ đồ của ông đều là sự tấn công vào Tin lành của ân điển (Ga 1:11-2:21).

Trong chương 11 chúng ta sẽ thảo luận về sự xuyên tạc sứ điệp dẫn đến thuyết hồ lớn. Những người mở mang Hội thánh tiên phong phải, như Phao-lô, chú ý một cách cẩn thận về sự thuần khiết của Phúc âm và giáo lý đúng đắn, đặc biệt khi họ tiếp cận những người có một thế giới quan khác. Sẽ luôn có những người cố gắng hạ thấp, đặt điều kiện, mở rộng, xuyên tạc hoặc làm sai lạc Phúc âm theo một cách nào đó. Đây là một cuộc chiến phải được thắng với mọi giá. Những môn đồ mới phải học cách truyền bá Phúc âm cho những người bạn của họ hầu cho quyền năng biến đổi của Tin lành ảnh hưởng đến những người khác như đã ảnh hưởng đời sống của họ. Sau đó họ phải học để khẳng định và bảo vệ Tin lành bằng ngôn ngữ bản xứ và những minh họa.

Chú Ý Đến Đạo Đức Và Kỷ Luật Hội Thánh

Đối với Phao-lô thì lợi ích của toàn thể Hội thánh Đấng Christ quan trọng hơn lợi ích của từng con cái thuộc linh của ông. Ông nhìn vượt ra ngoài phạm vi những Hội thánh này đến thế giới theo nhu cầu của Đấng Christ và sẽ không cho phép sự đòi hỏi của bất cứ ai làm ô uế danh Chúa hoặc gây tiếng xấu cho thân thể của Ngài (I Cô 5). Ông kêu gọi các cộng sự giải quyết sự tranh cãi của họ vì có Đấng Christ (Phil 4:2-3) và kêu gọi mọi tín hữu phải sống động và nói năng như thế nào để Đấng Christ được vinh hiển. Dù ông khen ngợi tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca về đức tin của họ được nhiều người biết đến (I Tê 1:6-10), nhưng ông cũng cảnh cáo họ về mối nguy hiểm của sự thỏa hiệp đạo đức (I Tê 4:3-8). Hội thánh Cô-rinh-tô đứng đầu không chỉ về sự thể hiện các ân tứ và quyền năng Thánh linh mà còn về sự chia rẽ và bất khiết của họ (I Cô 1 và 6). Phao-lô kinh ngạc về sự sai lạc thần học liên quan đến thân vị và công tác của Đấng Christ tại Hội thánh Ga-la-ti (Ga 1-3) và ông cũng quan tâm đến cách xử sự theo xác thịt và cắn nuốt lẫn nhau của họ (Ga 5:15, 26).

Người mở mang Hội thánh phải sẵn sàng bảo vệ sự thánh khiết của Hội thánh. Đó là trách nhiệm của nhóm mở mang Hội thánh trong giai đoạn đầu tiên, và họ cần một kế hoạch về kỷ luật Hội thánh và sự can đảm để thực hiện kỷ luật khi có trường hợp xảy ra (Công 5; I Cô 5). Nếu những Hội thánh đầu tiên của một khu vực gây tiếng xấu cho danh Chúa Giê-xu, thì có thể làm tổn thương công tác truyền giáo trong những thế hệ tiếp theo. Trong giai đoạn tổ chức, kiểu mẫu về kỷ luật Hội thánh cần phải được thiết lập vững vàng và những người lãnh đạo địa phương phải có trách nhiệm thực hiện nó.

Giảng Dạy Và Làm gương Về Sự Chịu Khổ Vì Cơ Đấng Christ

Mối nguy hiểm của “những tin đồ gạo” vẫn tồn tại ngày nay và phải được đề cập đến bằng việc giảng dạy về sự vâng phục Đấng Christ như là Chúa.²⁸ Hội thánh đương đầu với sự chống đối và sự tẩy chay từ buổi ban đầu (Công 4:1-17; 5:17-42; 6:8-8:3), cũng như Phao-lô và nhóm truyền giáo của ông gặp phải trong các hành trình truyền giáo của họ (Công 13:21). Các thư tín minh họa cách mà những người mở mang Hội thánh có thể giúp đỡ những người đang đối diện với hoàn cảnh tương tự. Phao-lô khuyến khích các tín hữu hãy đứng vững và tấn tới vì có Tin lành, nhắc nhở họ về những khổ nạn của ông cũng như những khổ nạn của Chúa. Ông kêu gọi họ cùng chia xẻ một cách không dao động sự si nhục và khổ nạn gắn liền với danh Chúa Giê-xu, bởi vì phần thưởng của họ ở thiên đàng và những kẻ bắt bớ họ sẽ bị báo oán (II Cô 4:8-12; Phil 1:29-30; I Tê 1:6; 2:2, 14-16).

Bất cứ động cơ tự phục vụ nào trong sự trình bày sứ điệp cũng chắc chắn phản tác dụng. Thay vào đó những người mở mang Hội thánh phải sửa soạn cho các tân tín hữu về sự khổ

²⁸ Cụm từ được dùng tại Trung quốc để nói đến những người tự nhận là Cơ đốc nhân để được lợi ích cá nhân.

nạn và cùng đứng với họ trong khổ nạn đó. Điều này bắt đầu khi Phúc âm được trình bày như là một lời mời gọi đến sự chết cũng như sống và tiếp tục khi các tín hữu được nhắc nhở về quyền công dân thiên quốc của họ và về tính chất tạm thời của cuộc sống trên đất của họ. Cuối cùng, giống như Phao-lô (và Phi-e-rơ trong I Phi 1-3), những người mở mang Hội thánh phải làm gương về cách chăm sóc một Hội thánh đang chịu khổ nạn và một thế giới đau thương trong sự hy vọng về một vị vua sẽ hồi lai (I Tê 4:13-18; II Tê 2:8-12).

Thờ Phụng Trong Sự Yêu Thương Và Hiệp Một

Những người mở mang Hội thánh phải quan tâm về tinh thần thờ phụng cũng như các hình thức thờ phụng. Những Hội thánh mà Phao-lô thành lập không phải là những điển hình xuất sắc về sự thờ phụng có trật tự. Hội thánh Cô-rinh-tô thì đặc biệt lộn xộn bởi vì những người phụ nữ gây gián đoạn buổi nhóm, tình trạng bê phái, tranh nhau nói tiên tri, nói tiếng lạ. Ông lo lắng về sự chia rẽ và sự tự tôn trong thân thể, xem chúng là bằng chứng của sự trăn trọc và chưa trưởng thành (I Cô 1:10-17; 3:1-4). Ông đặc biệt phê phán những người dự tiệc thánh cách không xứng đáng (I Cô 11:17-34).

Nhưng Phao-lô không kêu gọi sự trật tự vì có trật tự, và trên hết ông quan tâm về bản chất thuộc linh của sự thờ phụng hơn là cách thức thờ phụng. Mục đích của ông là để gây dựng thân thể Đấng Christ (I Cô 14:5, 12), tiệc thánh được tôn trọng (11:13-32), để có một lời chứng tốt (14:24) và duy trì sự hiệp một (11:18-22). Theo gương mẫu của ông, những mở mang Hội thánh có thể tìm thấy một sự cân bằng giữa các nan đề trong đời sống cộng đồng và sự phản ứng quá mức đối với chúng theo một phương thức tự chủ. Phao-lô không thiết lập một thứ tự thờ phụng chi tiết nhưng yêu cầu phải có trật tự trong các buổi nhóm (I Cô 11 và 14) và để cho Đức Thánh Linh hướng dẫn các tín hữu tùy theo đặc điểm văn hóa. Mọi quan tâm chính của ông là mọi sự phải được làm trong tình yêu thương và hiệp một (I Cô 12-13). Có lần Phao-lô viết cho người Cô-rinh-tô: “Khi nào tôi đến tôi sẽ hướng dẫn thêm” (11:34). Những người mở mang Hội thánh có thể học từ sự kiên nhẫn phi thường của Phao-lô khi đối phó với những nan đề và sự mất trật tự trong thờ phụng. Họ cần có cách tiếp cận của một mục sư hơn là cách tiếp cận quan liêu đối với cơ cấu Hội thánh và những thói quen thờ phụng. Điều này sẽ giúp cho sự mở mang Hội thánh trong bối cảnh đa văn hóa tránh được những sự áp đặt và không phù hợp về văn hóa.

Đào Tạo Nhân Sự Cho Sự Tăng Trưởng Và Sản Sinh Của Hội Thánh

Trong bức thư gửi cho Hội thánh Ê-phê-sô Phao-lô giải bày giáo lý về Hội thánh mà ông chưa từng đề cập trong những thư khác. Đức Chúa Cha xây dựng Hội thánh trên nền của các sứ đồ và các tiên tri, mà Đấng Christ là đá góc nhà (2:19-22). Chức năng đào tạo của các sứ đồ, tiên tri, người rao giảng Tin lành và mục sư, giáo sư (4:11-16) là cần thiết để chuẩn bị cho các tín hữu về sự phục vụ (câu 12), trưởng thành (câu 13), vững vàng (câu 14), và gây dựng lẫn nhau (câu 16). Sự đầu tư vào cuộc đời của những môn đồ đầy hứa hẹn đem lại lợi ích lớn cho vương quốc và là yếu tố then chốt để Hội thánh tăng trưởng và phát triển lành mạnh. Giá trị của việc đào tạo những người lãnh đạo có tinh thần tôi tớ có thể được thấy trong kết quả của những người đồng hành cùng Phao-lô trong những năm đầu tiên: họ thực hiện công việc trong khi ông bị giam giữ. Một số, như Ê-pháp-ra, đem Tin lành đến những thành phố mới chưa được nghe Phúc âm, trong khi những người khác, như Ti-mô-thê và Tít, phát triển Hội thánh và củng cố công tác truyền giáo.

Phao-lô chỉ dẫn những người cộng sự này về tiêu chuẩn của trưởng lão và chấp sự trong các Hội thánh trưởng thành hơn. Tít được thúc giục “chinh đồn những việc còn dang dở và bổ nhiệm những trưởng lão trong mỗi thành” (Tít 1:5). Sự giảng dạy được nhấn mạnh không chỉ về sự thuần khiết của giáo lý và cách sống mà còn về sự đào tạo những người khác muốn

phục vụ Đức Chúa Trời một cách trung tín (II Tim 2:2). Sự quan tâm hai mặt này – về sự lành mạnh của Hội thánh và phát triển nhân sự mới – phải là trọng tâm trong khái niệm dài hạn của người mở mang Hội thánh. Trong công tác mở mang Hội thánh, chất lượng của mục vụ phụ thuộc vào phẩm chất của lãnh đạo, và phạm vi của mục vụ không thể tăng trưởng vượt quá khả năng đào tạo các lãnh đạo mới. Như vậy sự phát triển lãnh đạo tạo nên điều kiện thiết yếu cho sự tăng trưởng Hội thánh và phong trào mở mang Hội thánh.

Kết Luận

Những người mở mang Hội thánh sẽ không bao giờ cạn kiệt bài học được tìm thấy trong Tân ước. Thay vì theo đuổi hội thảo mới nhất hoặc khuynh hướng mang tính phương pháp luận, tại sao không nghiên cứu Kinh thánh để khám phá những nguyên tắc cho từng giai đoạn mở mang Hội thánh kế tiếp? Trong khi điều này chắc chắn không phải là cách tiếp cận đơn giản nhất hoặc phổ biến nhất, chúng ta thấy rằng những người mở mang Hội thánh nào chuẩn bị khá tốt qua việc nghiên cứu cẩn thận Kinh thánh và có sự hiểu biết sâu sắc về dân cư địa phương cũng như văn hóa của họ thì đều có một mục vụ vĩ đại lâu dài và có thể trở thành những cố vấn cho những người mở mang Hội thánh khác trong tương lai. Mười hai nguyên tắc sau đây từ chương này có thể sử dụng như điểm bắt đầu cho những nghiên cứu rộng hơn.

Bảng 3.2
Những Nguyên Tắc Của Tân Ước Về Mở Mang Hội Thánh

Nguyên tắc	Giải thích	Kinh thánh hỗ trợ
1. <i>Sự kêu gọi và hướng dẫn để mở mang Hội thánh</i> : những người mở mang Hội thánh thành lập các Hội thánh mới nơi Đức Chúa Trời sai họ đến.	Nguyên tắc kêu gọi vào chức vụ có thể được thấy một cách rất rõ ràng không chỉ với Phao-lô mà còn với Ba-na-ba, Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng. Phương tiện Đức Chúa Trời sử dụng để bày tỏ ý muốn của Ngài cũng đa dạng.	Công 13:2; 26:19-20; Ga 1:11-12; 2:7-9
2. <i>Sự thành lập Hội thánh trong những nơi mang tính chiến lược để mở rộng về sau</i> : những người mở mang Hội thánh tìm cách thành lập Hội thánh trong những vị trí thuận lợi để nhân rộng Hội thánh về sau.	Phao-lô thành lập Hội thánh tại các trung tâm đô thị có ảnh hưởng để từ đó Phúc âm lan ra cả vùng.	Đại bộ phận các nội dung giảng dạy của Phao-lô (xem các nguyên tắc trong Công-vụ-các-sứ-đồ để biết chi tiết).
3. <i>Giảng dạy Lời Chúa cho người qui đạo</i> : những người mở mang Hội thánh chia sẻ Phúc âm hết khả năng mình và có hiệu quả nhất.	Sự rao giảng Lời Chúa là phương tiện chủ yếu để mở mang vương quốc và để hoàn thành Đại Mạng Lệnh.	Công 2:41; 4:4; 6:7; 12:24; 13:17-48; 16:31; 19:20; 28:31; Mat 28:18-20

<p>4. <i>Vận dụng sứ điệp thích hợp với đối tượng nghe giảng:</i> Người mở mang Hội thánh làm cho sứ điệp thích nghi với người nghe mà không làm thay đổi ý nghĩa của sứ điệp.</p>	<p>Phao-lô đã làm cho sứ điệp phù hợp với người nghe – một cách để có thể chinh phục được nhiều người bằng Phúc âm.</p>	<p>So sánh: đối với người Do Thái (Công 13:16-41), người Lycao-ni (14:15-17), người cai ngục ở Phi-líp (16:31-32), và người A-then (17:22-31)</p>
<p>5. <i>Phụ thuộc vào sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh:</i> Người mở mang Hội thánh phải dựa vào Đức Thánh Linh trong mọi việc. Sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh phải được xem trọng hơn chiến lược của con người.</p>	<p>Đức Thánh Linh là Đấng truyền giáo. Các sứ đồ phụ thuộc vào hướng dẫn của Đức Thánh Linh trong các quyết định của họ dù các phương cách hướng dẫn rất đa dạng.</p>	<p>Công 8:26, 39; 10:9-16; 13:2; 16:6-7, 9-10; 18:9-11; 27:23-26</p>
<p>6. <i>Làm việc theo nhóm:</i> Những người mở mang Hội thánh làm việc theo nhóm và phát triển các nhóm mục vụ ở địa phương.</p>	<p>Chúa Giê-xu đã làm việc với một nhóm sứ đồ và sai họ đi theo từng đôi. Về sau, Phao-lô thành lập và lãnh đạo nhiều nhóm khác nhau và thường xuyên kết hợp mọi người lại với nhau để thúc đẩy việc rao giảng Phúc âm.</p>	<p>Công 13:1-4; 15:36-41; 17:14-15; 18:1-5, 18-20; 19:21-22; 20:4-6</p>
<p>7. <i>Tập hợp các tân tín hữu vào các hội chúng:</i> người mở mang Hội thánh giúp các tân tín hữu thành lập các cộng đồng dân Chúa và tăng trưởng.</p>	<p>Các sứ đồ đã thành lập những hội chúng mới để nhóm họp những người đáp ứng Phúc âm lại với nhau</p>	<p>Công 2:42-47; 14:23; 18:7-8; 20:20</p>
<p>8. <i>Củng cố đức tin của các tân tín hữu thông qua việc giảng dạy:</i> người mở mang Hội thánh phải hướng đến sự trưởng thành và mục vụ của các tín hữu.</p>	<p>Phao-lô và nhóm của ông làm vững mạnh các tín hữu qua sự giảng dạy, thăm viếng và thư tín. Sau đó họ quay lại để làm vững mạnh thêm.</p>	<p>Công 14:21-22; 16:4-5; 18:18, 26-28; 19:9-10; 20:7, 20</p>
<p>9. <i>Thiết lập kỷ luật Hội thánh:</i> người mở mang Hội thánh làm gương mẫu, giảng dạy và thiết lập một kỷ luật Hội thánh lành mạnh theo đúng Kinh thánh.</p>	<p>Phao-lô đã theo gương mẫu của Chúa Giê-xu giảng dạy và sửa sai các Hội thánh không quan tâm đến kỷ luật. Phao-lô quan tâm đến sự thánh sạch, lời chứng tốt và hành vi của Hội thánh trong danh Chúa Giê-xu.</p>	<p>I Cô 3:16; 5:1-5; 6:1-20 (so sánh Mat 18:15-17); II Cô 13:1-4; Ga 5:13-15; 6:1-5</p>

<p>10. <i>Chuẩn bị và bổ nhiệm chấp sự và trưởng lão</i>: người mở mang Hội thánh phát triển, trao quyền và thiết lập các chấp sự và trưởng lão tại địa phương.</p>	<p>Phao-lô đã lập lãnh đạo thuộc linh ngay từ đầu hoặc sau khi quay lại. Ông cũng thúc đẩy những cộng sự làm việc đó.</p>	<p>Công 14:23; 15:41; 18:26-28; 19:9-10; I Tim 3:1-13; Tít 1:5-9</p>
<p>11. <i>Trách nhiệm của Hội thánh địa phương và các lãnh đạo</i>: Người mở mang Hội thánh thành lập Hội thánh và chuyển giao cho các lãnh đạo địa phương.</p>	<p>Các sứ đồ không tìm cách duy trì sự kiểm soát các Hội thánh nhưng chuyển quyền lãnh đạo cho các lãnh đạo địa phương được mọi người công nhận, rồi tiếp tục ra đi.</p>	<p>Công 13:1; 15:4, 22; 20:17-38; I Tim 5:1, 17-19; I Phi 5:1-4</p>
<p>12. <i>Bảo vệ sự thuần khiết của Phúc âm</i>: Người mở mang Hội thánh bảo vệ Phúc âm khỏi mọi sự xuyên tạc hoặc trình bày sai lệch và huấn luyện người khác làm điều đó.</p>	<p>Phao-lô chống lại mọi thỏa hiệp về Phúc âm. Ông là một đầy tớ của thập tự giá và không cho phép bất cứ sự hạ thấp hay xuyên tạc nào về sứ điệp.</p>	<p>I Cô 15:1-3; II Cô 10-11; Ga 1:6-7</p>

PHẦN HAI

NGHIÊN CỨU
VỀ CHIẾN LƯỢC

Sự Nhân Rộng Hội Thánh Và Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Bản Địa

Một trong những trọng điểm của sách này là sự mở rộng các cộng đồng dân Chúa khắp thế giới. Sự thật hiển nhiên là một Hội Thánh có thể sinh ra các Hội Thánh khác. Sự sinh sản tự nhiên của các sinh vật là một phần trong chu kỳ đời sống của chúng. Các Hội Thánh thường không như vậy. Các Hội Thánh có thể đạt mức trưởng thành với số lượng ấn tượng, nhưng vẫn không sinh sản. Sự sinh sản phải nằm trong ý định nếu Hội Thánh địa phương muốn hoàn thành trọn vẹn mục đích mà nó được kêu gọi và thành lập.

Vì lý do này, chúng tôi nhấn mạnh đến nhu cầu thành lập các Hội Thánh có tiềm năng nhân rộng trong yếu tố di truyền của chúng, nhấn mạnh đến các giá trị hữu cơ hơn là các giá trị về mặt tổ chức, sự tăng trưởng hướng ngoại hơn là hướng nội (ban phát ra thay vì giữ lại), và việc sử dụng các cơ cấu và mục vụ có khả năng sinh sản. Sự hoàn thành Đại Mạng Lành đòi hỏi một cam kết như cách Phao-lô để truyền bá Phúc âm và thành lập Hội Thánh trong các phong trào kiểu vết dầu loang, luôn luôn mở rộng đến các khu vực chưa được thâm nhập. Trong chương này chúng ta sẽ khảo sát các mô hình và nguyên tắc trong Kinh thánh cũng như lịch sử hỗ trợ phong trào nhân rộng Hội Thánh hướng ngoại này.

Tính chất địa phương và phong trào mở mang Hội Thánh đều quan trọng đối với sự nhân rộng. Hai khái niệm này đi đôi với nhau, vì chúng tôi tin rằng chỉ có những Hội Thánh bản địa sẽ thật sự sinh sản và nhân rộng. John Mark Terry đã nói: “Nỗ lực truyền giáo để thành lập các Hội Thánh bản địa là một nỗ lực thành lập các Hội Thánh phù hợp cách tự nhiên với môi trường của họ và tránh được việc lập ra các Hội Thánh theo kiểu mẫu phương Tây” (2000, 483). Tính chất địa phương là cần thiết nhưng không phải là điều kiện đủ cho việc nhân rộng Hội Thánh. Có nhiều yếu tố khác cần thiết trong phong trào mở mang Hội Thánh mà chúng ta sẽ xem xét trong những trang tiếp theo. Chúng ta còn nhiều điều để học hỏi.

Sau khi khảo sát sơ lược các phong trào mở mang Hội Thánh và tính chất địa phương hóa trong Tân ước, chúng ta sẽ xem xét hai yếu tố quan trọng này được phát triển như thế nào trong tư duy và thực tiễn truyền giáo. Chúng ta sẽ kết luận những gì chúng ta tin là các nguyên tắc và thực tiễn đóng góp vào sự nhân rộng Hội Thánh.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Và Tính Bản Địa Trong Tân Ước

Dù thuật ngữ *phong trào mở mang Hội Thánh* không có trong Kinh thánh, nhưng công việc đó vẫn có. Hội Thánh đầu tiên không tăng trưởng theo một kiểu mẫu có hệ thống thứ

bậc nhưng thông qua các làn sóng mở rộng kế tiếp nhau, thâm nhập vào những vùng mới và những nhóm người mới.

Phong trào tại Giu-đê xuất phát từ lễ Ngũ tuần (Công 2-7) sinh ra làn sóng kế tiếp khi các tín hữu bị tản lạc do bắt bớ (Công 8). Các tân tín hữu trở về nhà của họ tại Sa-ma-ri, Ga-li-lê, Sy-ri, Phê-ni-xi, Chíp-rơ và Sy-ren (Công 8-10; 11:19).¹ Hội Thánh An-ti-ốt tại xứ Sy-ri được hình thành bởi những tín hữu tản lạc chứ không phải do sự truyền giáo của các sứ đồ (Công 8). Nó trở thành trung tâm của phong trào trong vòng dân ngoại (Công 11:25-26), và từ đó các làn sóng truyền giáo kế tiếp nhau đã mở rộng Hội Thánh đến những vùng địa lý, ngôn ngữ và chủng tộc mới (Công 13-18).

Phao-lô và những cộng sự của ông đã thành lập những Hội Thánh bản địa mới tại các trung tâm chịu ảnh hưởng của người Do-thái tản lạc và trang bị cho các tín hữu theo khả năng của họ – dù gặp sự chống đối – để truyền bá Tin lành đến các thành phố và các làng mạc lân cận. Cũng có các phong trào xuất phát từ Tê-sa-lô-ni-ca và Ê-phê-sô. Ngay cả An-ti-ốt xứ Pi-xi-đi, nơi chống đối Tin lành mạnh mẽ, đã trở thành một cơ sở truyền giáo và từ đó “Lời Chúa lan rộng trong khắp vùng” (Công 13:49).

Ê-phê-sô xứng đáng được quan tâm đặc biệt. Như chúng tôi đã đề cập trong chương hai, nó đã trở thành một trung tâm của truyền giáo và huấn luyện cho thung lũng Lycos và nhiều nơi ở Tiểu Á (Công 19:26). Bảy Hội Thánh được đề cập trong Khải huyền 2-3 và các Hội Thánh tại Cô-lô-se và Hierapolis đều là kết quả mở rộng của hoạt động truyền giáo, và các nhà chú giải Kinh thánh cho rằng các Hội Thánh trong Khải huyền có lẽ là đại diện cho nhiều Hội Thánh khác được hình thành từ phong trào này.² Ở đây chúng ta thấy một điển hình về việc huấn luyện các nhân sự địa phương để mở các Hội Thánh mới. Sự tăng trưởng mang tính chất truyền giáo, được thực hiện bởi các nhân sự và phát triển theo cấp số nhân có thể được nhìn thấy qua các phân đoạn Kinh thánh sau đây:

- Công 9:31 “Vậy, Hội Thánh trong cả miền Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, xây dựng, bước đi trong sự kính sợ Chúa, và nhờ Đức Thánh Linh giúp đỡ, thì số tín hữu ngày càng gia tăng.”
- Công 11:20-21. “Tuy nhiên, một vài người trong số họ quê ở đảo Síp và Sy-ren đến An-ti-ốt cũng giảng Tin Lành cho cả người Hi Lạp nữa, rao truyền Chúa là Đức Chúa Giê-xu cho họ. Tay Chúa ở với họ, nên có nhiều người tin nhận và trở lại cùng Chúa.”
- Công 12:24. Gia-cơ bị giết, “nhưng đạo Đức Chúa Trời tiếp tục gia tăng và ngày càng phát triển.”
- Công 13:49. “Đạo Chúa lan tràn khắp miền ấy.” (An-ti-ốt xứ Pi-xi-đi)
- Công 19:10. “Việc này tiếp tục trong hai năm, đến nỗi mọi người ở A-si-a, cả người Do Thái lẫn người Hi Lạp, đều được nghe đạo Chúa.” (Ê-phê-sô).
- 1 Tê-sa 1:8. “Vì đạo Chúa từ anh em đã vang ra không những trong miền Ma-xê-đô-ni-a và A-chai thôi, mà đức tin của anh em trong Đức Chúa Trời cũng đã lan truyền khắp nơi” (Tê-sa-lô-ni-ca).

¹ Họ tụ tập về Giê-ru-sa-lem để dự lễ lều tạm và ở lại đó để được nương dựa vào “Con Đường”. Chúa Giê-xu đã bảo họ phải đi ra, và sự bắt bớ đã thúc đẩy phong trào đó.

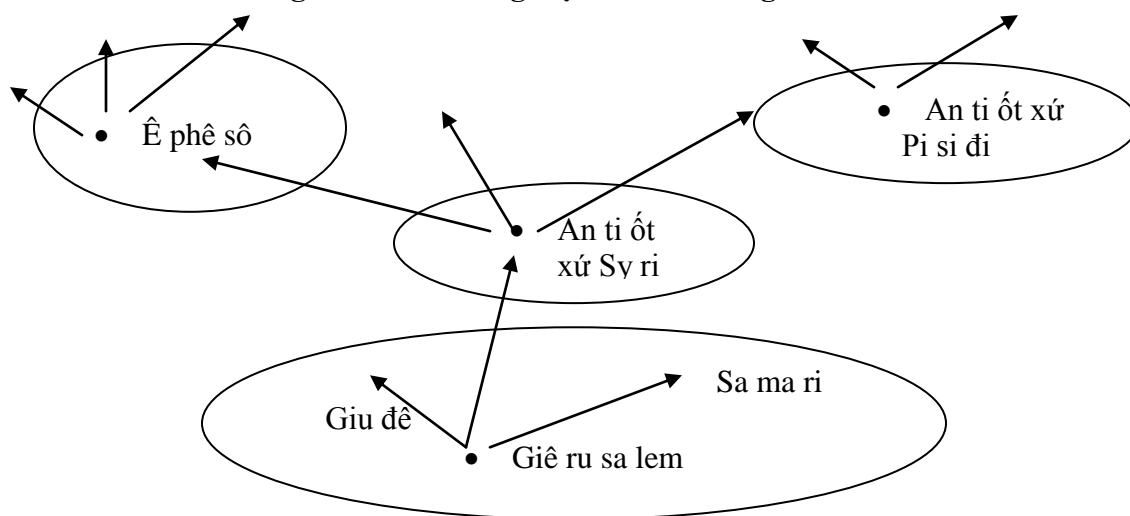
² James Moffat (1961) và Martin Kiddle (1940) cho rằng thậm chí có nhiều Hội Thánh hơn nữa tại Tiểu Á và những Hội Thánh này là đại diện của những nhóm lớn hơn. William M. Ramsay (1963, 17-177) ngụ ý đến một phong trào mạnh mẽ khi ông viết: “Có bảy nhóm Hội Thánh tại châu Á; mỗi nhóm được đại diện bởi một thành viên vượt trội đáng chú ý: những đại diện này là Bảy Hội Thánh.”

Tóm lại, Đức Thánh Linh đã hướng dẫn các sứ đồ và các nhân sự để truyền bá đạo Chúa ra bên ngoài, và chưa đầy bốn thập kỷ thì Tin lành đã thâm nhập tất cả các trung tâm dân ngoại của đế quốc La-mã. Hình 4.1 minh họa phong trào nhân rộng Hội Thánh ra bên ngoài này.

Michael Green (1970) nhận xét rằng dù các sứ đồ và các nhà truyền giáo có một vai trò nhất định, việc mở rộng Hội Thánh ra bên ngoài chủ yếu là do sự làm chứng của các tín hữu khi họ di chuyển đến các vùng khác. Về mặt lịch sử, sự nhân rộng Hội Thánh hầu như luôn luôn phát xuất từ “các phong trào của Chúa Giê-xu” (do các nhân sự thực hiện và mang tính truyền giáo). “Nhu vậy, tâm điểm của tất cả các phong trào lớn là sự phục hồi về Đấng Christ học (nhận thức cơ bản về Chúa Giê-xu và công việc Ngài làm), một sự phản ánh chính xác về Chúa Giê-xu của đức tin Tân ước – theo đúng nghĩa đen của các phong trào *Giê-xu*” (Hirsch 2006, 85-86). Thuật ngữ *bản địa* không có trong Tân ước. Tuy nhiên, các nghiên cứu về Tân ước đã khảo sát ngày một gia tăng cách thức mà qua đó các Hội Thánh trong thời kỳ Tân ước đã hội nhập văn hóa theo những cách vừa thích hợp với bối cảnh vừa giữ được tính chất phi văn hóa của Kinh thánh (Flemming 2005; Banks 1994; Longenecker 2002). Quyết định của Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công vụ 15 đã giải quyết thắc mắc về vai trò của luật pháp Môi-se trong Hội Thánh Cơ Đốc về phương diện thần học. Nhưng vấn đề đó cũng có ngụ ý về phương diện văn hóa vì nó giải thoát Hội Thánh khỏi những ràng buộc về văn hóa của người Do-thái và cho phép các Hội Thánh dân ngoại được thể hiện văn hóa của họ theo những cách thích hợp mà không phá vỡ những tiêu chuẩn đạo đức của Kinh thánh. Như vậy quyết định này, được gọi là “tuyên bố giải phóng” của Hội Thánh, đã cho phép các Hội Thánh được tiếp thu văn hóa và mang tính địa phương nơi mà các Hội Thánh đó được thành lập (Flemming 2005, 43-45; Hilary 1995).

Hình 4.1

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Trong Tân Ước



Có lẽ quan trọng hơn, các Hội Thánh được thành lập từ hành trình truyền giáo của Phao-lô trong Tân ước đã nhanh chóng được đặt dưới sự hướng dẫn và lãnh đạo của các trưởng lão địa phương, là những người đã được phó thác cho Chúa (Công 14:23; 20:32). Đoàn truyền giáo của Phao-lô chưa bao giờ giữ vai trò lãnh đạo lâu dài trên các Hội Thánh mà họ thành lập. Mà họ luôn lưu động, di chuyển đến những vùng mới và chỉ thỉnh thoảng liên lạc với những Hội Thánh đã được thành lập. Những hội chúng này mang tính địa phương và họ hoàn toàn chăm rể trong văn hóa địa phương, được hướng dẫn bởi các lãnh đạo địa phương, được hỗ trợ bởi các phương tiện địa phương mình. Phần lớn những Hội Thánh này được hướng dẫn bởi các trưởng lão không hưởng lương và nhóm lại trong nhà riêng.

Nguyên Tắc Địa Phương Hóa

Dù một vài thuật ngữ đã thay đổi, việc nghiên cứu về sự nhân rộng Hội Thánh cũng không hề mới mẻ. Rufus Anderson (1796-1880) của Ủy Ban Truyền Giáo Hải Ngoại Hoa Kỳ và Henry Venn (1796-1873) của Hiệp Hội Truyền Giáo Anh Quốc đã trình bày nhận thức về địa phương hóa trong công thức tam tự nổi tiếng của họ: tự truyền bá, tự quản trị và tự chủ tài chính (Anderson 1869). Dù công thức tam tự này có những giới hạn của nó và đã được mở rộng (xin xem bình luận trong Kraft và Wisley 1979), nó đã trở thành, ít nhất về mặt lý thuyết, mục tiêu của hầu hết các Hội Thánh Tin lành cho đến giữa thế kỷ mười chín. Nhưng hai người khác đã xem xét lại thực tiễn truyền giáo và định hình suy nghĩ trong nhiều thập kỷ về phương diện thực tiễn mà qua đó các Hội Thánh địa phương được thành lập và sinh sản: đó là John L. Nevius và Roland Allen.

Jonh L. Nevius

Jonh L. Nevius (1829-93), một giáo sĩ của Hội Thánh trưởng lão tại Trung hoa, đã thử nghiệm những cách tiếp cận mới đối với công tác truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Ông đã phát triển điều mà sau đó được gọi là Kế hoạch Nevius, bao gồm ba yếu tố then chốt: thứ nhất, Hội Thánh phải hoàn toàn tự chủ tài chính và được lãnh đạo bởi các nhân sự địa phương không hưởng lương. Ông đã thấy rằng việc thuê các tín hữu Trung hoa trẻ làm những nhà truyền giáo thường tạo ra nan đề, khi những nhân sự như vậy mất tín nhiệm, thì thường trở nên hám lợi, và tạo ra sự phụ thuộc tài chính trong các Hội Thánh. Thứ hai, chỉ nên sử dụng các phương pháp và phương tiện mà các tín hữu địa phương có thể chịu trách nhiệm. Ông khẳng định rằng nơi thờ phượng nên được xây dựng theo phong cách bản địa với các nguồn lực địa phương. Các tín hữu địa phương cần lựa chọn và hỗ trợ những lãnh đạo của họ. Yếu tố thứ ba trong kế hoạch Nevius là các tín hữu phải được dạy dỗ cách cẩn thận qua các lớp học Kinh thánh. Kinh thánh phải trở thành trung tâm trong toàn bộ công việc. Những người quy đạo phải được thử nghiệm và huấn luyện đồng thời trong môi trường tự nhiên của họ (Nevius 1958).

Việc thành lập Hội Thánh lúc đầu tại Hàn quốc là một điển hình của phong trào nhân rộng Hội Thánh bản địa. Sự đáp ứng đối với Nevius trong cộng đồng giáo sĩ là không đồng nhất. Nhưng năm 1890 ông nhận được lời mời nói chuyện với một nhóm bảy giáo sĩ trẻ của Hội Thánh Trưởng Lão là những người đang bắt đầu công việc tại Hàn quốc. Họ đã vận dụng cách tiếp cận của ông như là chính sách truyền giáo. Từ lúc khởi sự, công việc đã mang tính chất tự truyền bá, tự trang trải và tự quản trị, trong bốn năm từ một Hội

Thánh có 93 thành viên đã phát triển thành 153 Hội Thánh với tổng số 8500 thuộc viên (Glover 1960; Rhodes và Campbell 1964).

Một vài người lập luận rằng việc nhân rộng Hội Thánh tại Hàn quốc chỉ đơn giản là một công việc đặc biệt của Đức Chúa Trời và sự dễ tiếp nhận của người Hàn quốc. Tuy nhiên, Alfred Wasson (1934) đã so sánh sự tăng trưởng Hội Thánh Giám Lý tại Hàn quốc, không sử dụng kế hoạch Nevius, với sự tăng trưởng của Hội Thánh Trưởng Lão, có sử dụng kế hoạch Nevius. Ông thấy rằng hoạt động của hai Hội Thánh này cùng phát triển trong thập kỷ đầu tiên, nhưng trong hai thập kỷ tiếp theo thì hoạt động của Giám Lý khựng lại trong khi công việc của Hội Thánh Trưởng Lão tiếp tục tăng trưởng. Ông kết luận rằng sự khác nhau giữa hai phong trào này không phải là tỷ lệ người quy đạo mà là mức độ tiêu hao sinh lực nhiều hơn trong Hội Thánh Giám Lý, mà ông cho rằng vì không kiên trì đi theo các nguyên tắc địa phương hóa (xin xem thêm Brown 1994).

Roland Allen

Roland Allen (1869-1947), giáo sĩ tại Trung hoa và Châu Phi đồng thời là người cố vấn truyền giáo, đã xuất bản cuốn sách mang tính cách mạng của ông vào năm 1912 có tên là *Phương Pháp Truyền Giáo: Của Thánh Phao-lô Hay Chúng Ta?* và năm 1927 cuốn *Sự Phát Triển Tự Nhiên Của Hội Thánh và Những Nguyên Nhân Ngăn Trở*. Nản lòng do sự tiến triển chậm chạp của công tác truyền giáo, Allen ủng hộ việc quay trở lại những phương pháp tương tự mà Phao-lô đã sử dụng để thành lập vô số Hội Thánh trong một thời gian ngắn. Nhận thấy rằng các phong trào Hội Thánh mới ở hải ngoại phải chịu đựng sự giám sát của giáo sĩ, Allen đã nhắm đến mục tiêu trong sự lãnh đạo truyền giáo, khẳng định rằng: “Nếu muốn Hội Thánh có tính địa phương thì nó phải đâm chồi ngay từ hạt giống đầu tiên được trồng” (1962b, 2). Ông khích lệ các giáo sĩ giao phó các tín hữu địa phương cho sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh để quản lý các quan hệ riêng của họ, cất bỏ sự thống trị của giáo sĩ, như Phao-lô đã làm, với một “niềm tin sâu sắc và tin cậy Đức Thánh Linh ở với những người tin Ngài và Hội Thánh của họ” (1962a, vii). Các hình thức Hội Thánh kiểu phương Tây, các tổ chức nước ngoài, các nỗ lực nhằm “khai hóa người bản địa,” sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài, và những thái độ hạ cố phải được từ bỏ để giải thoát sự năng động thuộc linh như được thấy trong công tác truyền giáo của Hội Thánh đầu tiên.

Các giáo sĩ mở mang Hội Thánh “giữ vai trò người trưởng lão tư vấn trong khi Đức Thánh Linh hướng dẫn Hội Thánh mới, tự quản trị và tự chủ tài chính, để phát triển theo cách riêng của nó về các mặt hành chánh, mục vụ, thờ phượng và sinh hoạt. Một Hội Thánh như vậy được coi là có tính chất truyền giáo tự nhiên” (Beaver 1981, B-71). Một phong trào không có tính chất tam tự này sẽ duy trì sự phụ thuộc và không bao giờ trở thành một phong trào truyền giáo. Thật không may, lời kêu gọi của Allen về sự phát triển tự nhiên dưới sự lãnh đạo địa phương, dù được ca ngợi rộng rãi, lại không được vận dụng rộng rãi trong thực tiễn bởi các cơ quan truyền giáo mãi tới sau thế chiến thứ hai.

Khảo Sát Các Phong Trào Mở Mang Hội Thánh

Nếu thế kỷ mười chín, nói theo thuật ngữ của Kenneth Scott Latourette, là “thế kỷ vĩ đại” của hoạt động truyền giáo Tin lành, thì thế kỷ hai mươi là “thế kỷ tăng trưởng” của các Hội Thánh tại châu Phi, châu Á và châu Mỹ La tinh. Những Hội Thánh đó đã kinh

nghiệm sự tăng trưởng theo cấp số nhân và vào thập kỷ 1980 đã chiếm hơn một nửa số Cơ đốc nhân trên thế giới. Vào giữa thế kỷ hai mươi các nhà truyền giáo học bắt đầu khảo sát theo kinh nghiệm các yếu tố đã đóng góp vào sự tăng trưởng nhanh chóng các phong trào nhằm thấy rõ các nguyên tắc có thể hướng dẫn công tác truyền giáo và mở mang Hội Thánh.

Phong Trào Tăng Trưởng Hội Thánh

Có rất ít người nghiên cứu các động lực về sự tăng trưởng của Hội Thánh và các phong trào quy đạo ô ạt như Donald A. McGavran (1897-1990) và phong trào tăng trưởng Hội Thánh ông đã phát động. Phong trào này sử dụng khoa học về hành vi và xã hội để khảo sát những nguyên nhân tăng trưởng Hội Thánh và sản sinh ra hàng trăm nghiên cứu về sự tăng trưởng của Hội Thánh và các phong trào mở mang Hội Thánh dựa theo kinh nghiệm. Bắt đầu với cuốn sách *Chiếc Cầu Của Đức Chúa Trời* (1955) và sau đó với cuốn *Tìm Hiểu Về Sự Tăng Trưởng Hội Thánh* (1980), McGavran đã đặt ra nhiều nguyên tắc tăng trưởng Hội Thánh gây tranh cãi vào lúc đó.

Thứ nhất là nguyên tắc *phong trào nhân dân* – các tín hữu không nên tách rời khỏi các mối quan hệ tự nhiên của họ, nhưng họ phải trở thành “những chiếc cầu của Đức Chúa Trời” để cứu những người khác trong xã hội của họ. Một phong trào sinh ra khi các nhóm người (không chỉ là cá nhân) quyết định trở thành những người theo Chúa Giê-xu và sau đó hướng dẫn những người khác trong phạm vi quan hệ của họ đến với Đấng Christ. Theo cách này các tín hữu không bị tách rời về mặt xã hội khi trở thành Cơ đốc nhân. McGavran tuyên bố rằng có tới 90% sự tăng trưởng Hội Thánh trong “những Hội Thánh trẻ” là kết quả của các phong trào nhân dân.

Thứ hai, McGavran chủ trương *nguyên tắc mùa gặt*, kêu gọi các nỗ lực truyền giáo nên tập trung vào những bộ phận dân cư đáp ứng nhiều nhất đối với Phúc âm. Hoạt động truyền giáo nên chú trọng vào các dân tộc mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn sàng cho mùa gặt thuộc linh, như cách mà một nông dân chỉ thu hoạch khi nào và nơi đâu trái đã chín tới. Không có một nhóm dân tộc nào mà không cần đến chứng nhân, nhưng đại bộ phận nhân lực và nguồn lực truyền giáo phải được tập trung vào nhóm dân dễ dàng tiếp nhận để không bỏ lỡ cơ hội và để tối đa hóa số người quy đạo và sự phát triển Hội Thánh.

Điều gây tranh cãi nhất là *nguyên tắc đồng nhất*. McGavran tuyên bố một cách mạnh mẽ: “Người ta muốn trở thành Cơ đốc nhân mà không phải vượt qua rào cản về chủng tộc, ngôn ngữ hoặc giai cấp” (1980, 223). Ông ủng hộ việc thành lập các Hội Thánh thuần nhất về văn hóa, xã hội hay chủng tộc, nghĩa là Hội Thánh bao gồm những người về cơ bản là giống nhau. Theo cách này những rào cản xã hội đối với việc tiếp nhận Phúc âm có thể được gỡ bỏ. Người ta không cần phải bỏ đi đặc điểm văn hóa của họ để trở nên Cơ đốc nhân. McGavran cho rằng trở ngại duy nhất trong việc một người trở thành Cơ đốc nhân là chính Phúc âm, chứ không phải là văn hóa, ngôn ngữ hay chủng tộc.

Có nhiều điểm tương đồng giữa các nguyên tắc của McGavran và các khái niệm về tính bản địa được đề cập trước đó. Nhưng phong trào của ông bị phê phán dữ dội vì tính thực dụng thái quá, sự nông cạn về thần học và sự đơn giản về phương pháp. Tuy nhiên, những nhận xét của McGavran và những người khác cũng có ích nếu được xem xét mở rộng hơn, đó là Hội Thánh phải mang tính chất địa phương trong hình thức và sự lãnh đạo, được sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, và tự chủ tài chính nếu họ muốn nhân rộng và trở thành một lực lượng truyền giáo.

Các Yếu Tố Chung Của Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Theo David Garrison

Ngay đầu thế kỷ XXI đã có một sự quan tâm trở lại đối với việc nhân rộng Hội Thánh bản xứ, hay phong trào mở mang Hội Thánh (CPM). Sự phát triển Hội Thánh theo cấp số nhân đã được nhiều người đề cập đến, nhưng David Garrison (2000 và 2004a), nhiều hơn bất cứ nhà truyền giáo nào khác, đã khuấy động sự quan tâm rộng rãi về nó qua sự nghiên cứu của ông về CPM theo nhiều bối cảnh khác nhau.³ Nghiên cứu của ông tập trung nhiều hơn vào những phẩm chất bên trong của những phong trào này và của những Hội Thánh thực hiện các phong trào đó. Ông định nghĩa CPM là “một sự gia tăng nhanh chóng theo cấp số nhân của những Hội Thánh bản địa mở mang các Hội Thánh trong vòng một nhóm người hay một bộ phận dân số nhất định” (2000, 8). Mặc dù những nghiên cứu của ông về CPM là rất mới mẻ và mang tính mô tả hơn là qui tắc, chúng tôi muốn khám phá các động lực và bản chất (ADN) của CPM, cũng như thực tiễn mở mang Hội Thánh đã góp phần vào sự nhân rộng và những yếu tố khác ngăn trở nó.

Garrison đã sưu tập những câu chuyện hấp dẫn về những gì Đức Chúa Trời đang làm thông qua CPM và nhận ra một số trong những yếu tố chung của chúng. Mặc dù tính chính xác trong một vài nghiên cứu của Garrison vẫn còn trong nghi vấn, nhưng những phát hiện của ông ta mang tính chỉ dẫn. Garrison và nhóm nghiên cứu của ông đã xác định mười yếu tố chung được liệt kê trong phụ chú 4.1.⁴

Mười yếu tố này là những dấu hiệu về sức sống và khả năng tồn tại của phong trào tạo khả năng cho nó vượt ra khỏi giới hạn cuộc sống của người sáng lập, những rào cản văn hóa và thế hệ, và có một ảnh hưởng rộng lớn lâu dài. Những người mở mang Hội Thánh cũng có thể sử dụng chúng như những dấu hiệu hướng dẫn hoặc chuẩn mực để đánh giá công tác mở mang Hội Thánh của họ, củng cố sự phối hợp của phong trào, tối thiểu hóa những ngăn trở và hướng tới những hành động lành mạnh trong bối cảnh của họ.

Rõ ràng là tất cả những yếu tố chung này là điều đáng ao ước. Trong khi chúng ta tìm kiếm những yếu tố chung để làm những chuẩn mực có ích, sự sản sinh hoàn toàn không giống nhau trong mọi xã hội, cũng như các Hội Thánh không sinh sản với một tỷ lệ như nhau hay được định hình và liên kết với nhau theo cùng một cách. Cũng cần lưu ý rằng các yếu tố bên ngoài như là khung cảnh thuộc linh, thái độ đối với người ngoài và niềm tin của họ, và không khí chính trị xã hội cũng đóng một vai trò

Phụ chú 4.1

Mười Yếu Tố Chung Của Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Theo David Garrison

1. Dốc sức Cầu nguyện
2. Nỗ lực Truyền giáo
3. Mở mang những Hội Thánh có khả năng sinh sản
4. Thẩm quyền của lời Chúa
5. Lãnh đạo địa phương
6. Lãnh đạo không thuộc hàng giáo phẩm
7. Hội Thánh Tư gia
8. Hội Thánh mở mang Hội Thánh
9. Sinh sản nhanh chóng
10. Hội Thánh mạnh mẽ

Nguồn: Garrison 2004a, 172

³ Vào lúc thực hiện việc nghiên cứu này Garrison là một người mở mang Hội Thánh thuộc Hội Thánh Báp-tít Phương nam và là cựu phó chủ tịch về chiến lược toàn cầu của Ủy Ban Truyền Giáo Quốc Tế của Hội Thánh Báp-tít Phương nam.

⁴ Garrison cũng xác định các yếu tố thường, nhưng không phổ biến, được phát hiện và những ngăn trở đối với sự phát triển của CPM.

quan trọng.

Các Nguyên Tắc Mở Mang Hội Thánh

Chúng ta có thể kết luận điều gì từ tất cả những nghiên cứu và yếu tố chung được thảo luận cho đến điểm này? Đây là những nguyên tắc và thực tiễn có thể thúc đẩy việc nhân rộng Hội Thánh và tạo nên các phong trào mở mang Hội Thánh bản xứ? Cơ bản là chúng ta vật lộn với việc làm thế nào để góp phần vào các phong trào mở mang Hội Thánh bằng cách xác định những hành động có thể chấp nhận được về mặt văn hóa thay vì xây dựng một phương pháp hay chiến lược toàn cầu. Phụ chú 4.2 tóm lược những nguyên tắc hướng dẫn chung có thể được dùng để phát triển những hoạt động lành mạnh về mặt văn hóa.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Là Công Việc Của Đức Thánh Linh

Niềm tin được xác nhận phổ biến nhất giữa vòng những người có liên quan trực tiếp với phong trào mở mang Hội Thánh là những phong trào kỳ diệu này là sự can thiệp đặc biệt của Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao đôi khi chúng được mô tả là sự phát triển *tự nhiên* hoặc sự bùng cháy tự nhiên (Allen 1962b; Berg và Pretize 1996). Con người có thể phối hợp với Đức Chúa Trời hoặc dự phần, nhưng Đức Chúa Trời làm cho lớn lên (Mác 4: 26-29; I Cô 3:5-7). Nếu có điều gì vượt trội trong sự truyền bá Phúc âm và tăng trưởng của Hội Thánh trong sách Công vụ, thì đó là công tác năng động của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh ban quyền năng (1:8), làm cho mạnh dạn (4:31), xác nhận (5:32), ban sự khôn ngoan (6:10), hướng dẫn (8:29; 16:6-7), khích lệ (9:31), thực hiện phép lạ (10:38), kêu gọi và sai phái các nhân sự (13:1-4; 20:28), ban sự vui mừng (13:52). CPM được ban quyền năng bởi Đức Thánh Linh vì Ngài hành động thông qua những người mở mang Hội Thánh và các tín hữu đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Sức khỏe thuộc linh và sự nhiệt tình của những môn đồ, các lãnh đạo và Hội Thánh đầu tiên là điều đáng lưu ý. Sự cầu nguyện tha thiết và gieo giống Tin lành rộng rãi mở đường cho sự nhân rộng Hội Thánh nhưng không thể giải thích điều đó một cách hoàn toàn, bởi vì những nỗ lực tương tự trong số những nhóm dân khác không luôn luôn mang lại một phong trào mở mang Hội Thánh. Tuy nhiên, các Hội Thánh trong CPM thể hiện mức độ thuộc linh cao, sự cầu nguyện tha thiết, sự kiêng ăn và chiến đấu mạnh mẽ, sự thờ phượng lan tỏa, sự truyền giáo phong phú và mối quan hệ yêu thương. Quyền năng Thánh Linh và sự năng động thuộc linh là quan trọng hơn phương pháp và thông lệ trong CPM.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Lấy Phúc Âm Làm Trung Tâm

Những người mở mang Hội Thánh công bố sứ điệp Phúc âm bằng ngôn ngữ của người nghe và đụng chạm đến một số khát vọng sâu xa nhất của họ. Sách Công vụ các sứ đồ mô tả rõ ràng sự lan rộng của Cơ đốc giáo dưới dạng Lời của Đức Chúa Trời được công bố, thay đổi đời sống và khai sinh Hội Thánh. Phúc âm

Phụ chú 4.2

Các Nguyên Tắc Mở Mang Hội Thánh

- CPM là công tác của Đức Thánh Linh
- CPM lấy Phúc âm làm trung tâm
- CPM là phong trào của người bình dân
- CPM có bản chất nhân rộng
- CPM chịu ảnh hưởng của những yếu tố bên ngoài

là trung tâm của sứ điệp của các sứ đồ (4:31; 6:2; 8:14, 25,40; 11:1; 13:5, 7, 44, 46, 48; 15:7, 35, 36; 16:10, 32; 17:13; 19:10; 20:24) – và chính lời của Đức Chúa Trời, chứ không phải người rao giảng hay người mở mang Hội Thánh, được xem là nhân tố chủ yếu (6:7; 12:24; 13:49; 19:20). Như vậy từ đó đến nay, các phong trào mở mang Hội Thánh được định hướng bởi Phúc âm. Họ công bố một cách cương quyết, mạnh mẽ và rõ ràng, kêu gọi tin nhận, ăn năn và trở thành môn đồ vâng phục.

Đề Phúc âm trở thành sức mạnh điều khiển, nó phải được thể hiện bằng một ngôn ngữ chứa đựng được ý nghĩa đầy đủ và năng quyền của nó. Khi sứ điệp được đặt vào tay của người địa phương có khả năng truyền đạt nó một cách chính xác và thích hợp, thì nó sẽ cung cấp nền tảng cho các Hội Thánh mang tính địa phương thật sự. Vì vậy, “bản địa hóa thật sự bao gồm việc sử dụng đầy đủ các hình thức mang tính địa phương về sự truyền thông, phương pháp lan truyền và người truyền đạt, vì những điều này có thể được chuẩn bị và huấn luyện” (Nida 1960, 185). Lamin Sanneh (1989; 1995; 2008) đã chỉ ra rằng việc phiên dịch Phúc âm ra tiếng bản xứ đã giải phóng quyền năng của Phúc âm vào văn hóa địa phương và giúp cho người địa phương có khả năng tự nghiên cứu thần học và áp dụng Lời Chúa một cách tươi mới và thích hợp. Một nhóm người nào đó muốn bày tỏ đức tin mang tính chất địa phương, thì họ phải đi sâu vào lời Chúa để chứng tỏ Phúc âm đã đi vào những vấn đề quan trọng của đời sống và văn hóa của nó như thế nào. Tiến trình định hình đời sống và mục vụ dựa theo Kinh thánh bằng cách kết hợp văn hóa thông qua tư duy thần học là quá trình tự nghiên cứu thần học.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Là Phong Trào Được Thực Hiện Bởi Các Nhân Sự

Tác động của phong trào tương ứng trực tiếp với mức độ tham gia của những người bình thường đầy nhiệt huyết và nhân sự không thuộc hàng giáo phẩm. Phong trào mở mang Hội Thánh là phong trào môn đệ hóa khuyến khích những người bình thường tạo nên sự khác biệt trong thế giới khi họ dựa vào quyền năng và ân tứ Đức Thánh Linh. Điều này xảy ra khi những người này không chỉ tuyên bố mà còn sống với tư cách là những thầy tế lễ.

Một trong những đặc điểm rõ ràng nhất của CPM là mặc dù chúng được phát động bởi các giáo sĩ, chúng chỉ trở thành những phong trào khi những người địa phương nắm bắt được Phúc âm và khái tượng để tiếp cận dân tộc, làng mạc và thành phố của họ. Không phải là giáo sĩ, kế hoạch chiến lược hay bản phạn đã điều hướng phong trào. Mà là Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã đặt vào lòng những tân tín hữu một nhiệt tâm đối với Chúa Giê-xu, một tình yêu đối với người hư mất và một sự sẵn lòng hy sinh để đem sứ điệp đến cho những người khác. Những người mở mang Hội Thánh chỉ có thể cầu nguyện cho điều này và thể hiện nó trong đời sống riêng của họ. Theo ý nghĩa này, “thời kỳ hầu đến” của phong trào có thể bị hủy hoại nếu các lãnh đạo địa phương không được ban quyền năng bởi Thánh Linh và không được tự do một cách đầy đủ để phát động và thiết lập các giai đoạn của công tác tiên phong.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Có Bản Chất Nhân Rộng

Phong trào mở mang Hội Thánh là công việc đặc biệt của Đức Chúa Trời qua đó các môn đồ, các lãnh đạo, các nhóm và các Hội Thánh sản sinh liên tục. Hãy lưu ý sự khác

biệt nhau giữa sản sinh và nhân rộng. Nếu một Hội Thánh mạnh mẽ sinh sản một lần mỗi năm trong vòng mười năm và tất cả các Hội Thánh con đều tồn tại, thì sẽ có mười một Hội Thánh trong một thập kỷ. Mặt khác, nếu cả Hội Thánh mẹ và con đều sinh sản hằng năm và tất cả các Hội Thánh đều tồn tại thì đến năm thứ mười sẽ có năm trăm mười hai Hội Thánh! Sự nhân rộng là sự sinh sản đa thế hệ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như là một tính chất di truyền của Hội Thánh. Một vài Hội Thánh sẽ không sinh sản, nhưng Hội Thánh nào sinh sản sẽ có nhiều con cháu thuộc linh. Mục tiêu không phải là sự nhân rộng hay thậm chí sự tăng trưởng theo cấp số nhân vì chính nó. Mục tiêu tối hậu là sự hiểu biết và vinh quang của Đức Chúa Trời trên khắp đất. Điều này sẽ xảy ra khi ngày càng có nhiều nhóm người được hội nhập trong những cộng đồng địa phương lành mạnh và phụ thuộc lẫn nhau và đến lượt họ gửi giáo sĩ đến những nhóm người còn lại chưa được tiếp cận cho đến khi Đại Mạng Lành được hoàn tất (xin xem phụ chú 4.3). Cách thức mà điều này xảy ra được mô tả trong những hoạt động lành mạnh được thảo luận ở phần sau trong chương này.

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Chịu Ảnh Hưởng Của Những Yếu Tố Bên Ngoài

Một số ghi chép hạn chế cho thấy rằng không phải mọi bối cảnh đều thích hợp với CPM và những yếu tố bên ngoài cũng đóng một vai trò nhất định.⁵ Một số người phân tích CPM có khuynh hướng đơn giản hóa, khảo sát một cách hạn chế các ảnh hưởng và yếu tố nhằm tìm ra nguyên tắc vàng cho sự tăng trưởng và nhân rộng Hội Thánh. Một sự tiếp cận thấu đáo hơn với sự quan tâm đến nhiều yếu tố và kết hợp với những nghiên cứu khác nhau sẽ cho một bức tranh đầy đủ và mang tính thực tế nhất. Paul Hiebert và Eloise Hiebert Meneses (1995, 9-19) đề cập đến nhiều phương diện khác nhau để giải nghĩa về một hiện tượng; mỗi phương diện giúp ích cho một mục đích riêng, nhưng không có cái nào đưa ra một bức tranh hoàn chỉnh. Người mở mang Hội Thánh rất ít có khả năng kiểm soát nhiều yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến CPM.

.....
Phụ chú 4.3

Các Thuật Ngữ Về Sự Nhân Rộng Hội Thánh

- Thành lập: bắt đầu một Hội Thánh mới
 - Tăng thêm: bắt đầu một Hội Thánh mới khác
 - Sinh sản: một Hội Thánh thành lập một Hội Thánh mới
 - Nhân rộng: các Hội Thánh sinh sản qua nhiều thế hệ
 - Phong trào mở mang Hội Thánh: kết quả của sự nhân rộng Hội Thánh; sự sinh sản Hội Thánh trở thành chuẩn mực và bản chất di truyền của các Hội Thánh và công tác mở mang Hội Thánh.
 - Phủ kín: khi phong trào mở mang Hội Thánh phủ kín một vùng địa lý bằng cách Hội Thánh tràn đầy sức sống và có khả năng sinh sản trong tất cả các nhóm dân tộc của nó.
-

⁵ Garrison 2004a không đề cập một CPM nào đối với Âu châu và Hoa kỳ. Điều gần gũi nhất đối với CPM mà ông ta phát hiện là mạng lưới Hội Thánh tế bào và mạng lưới mở mang Hội Thánh.

Ví dụ, các phong trào tăng trưởng nhanh chóng được thấy nhiều trong những xã hội tập thể hơn ở những nơi có tính cá nhân và thể tục. McGavran (1980, 269-94) nghiên cứu về các phong trào quy đạo cho thấy rằng “số đông chứ không phải là giai cấp” có khuynh hướng đáp ứng nhiều nhất đối với Phúc âm. Những người thuộc giai cấp nghèo khổ và lao động, chứ không phải các tầng lớp thượng lưu, quy đạo nhiều nhất. Rõ ràng là CPM thường bùng phát trong những thời kỳ có sự thay đổi và biến động, trong thời gian có sự đổ vỡ trong xã hội và trong lúc có sự bất bớ hơn là trong những thời kỳ bình yên và ổn định. Những thời kỳ thay đổi này là khó tiên đoán và không thể kiểm soát.

CPM thường xảy ra ở những nơi mà tôn giáo dân gian hoặc tôn giáo có tổ chức lỏng lẻo chiếm ưu thế (Gady và Kendall 1992). Clayton Berg và Paul Pretiz (1996) đã vạch ra sự song hành về mặt xã hội giữa các Hội Thánh Tin lành của những người bình dân và các tôn giáo dân gian phổ biến tại châu Mỹ La Tinh. Khi các cơ cấu và sự diễn đạt phát xuất từ văn hóa địa phương, giống như những cây trồng bản địa mọc lên từ mảnh đất tự nhiên của chúng, thì phong trào có một *cảm giác tự nhiên* từ lúc ban đầu. Các hình thức và chức năng đồng dạng có tác dụng như những đường ray xe lửa giúp cho phong trào có thể thăng tiến.

Mối quan hệ đối với truyền thống cũng có ý nghĩa quan trọng. Nếu có một thời cơ để thay đổi thì phong trào phải sẵn sàng đưa ra một giải pháp thay thế, nhưng nếu hệ thống niềm tin truyền thống vẫn còn được chấp nhận rộng rãi, thì phong trào nên xây dựng dựa trên những điều tương tự (Allen 1962b; Peters 1970). Có lẽ đó là lí do một số nhóm người ngoài lề xã hội, bị tẩy chay bởi nhóm đa số, đã tiếp nhận sứ điệp Cơ đốc một cách dễ dàng hơn nhóm người có quyền lực (Garrison 2004a, 42, 109, 124, 221-24).

Vì vậy, khi sự đáp ứng chậm chạp, những người mở mang Hội Thánh nên kiên trì cầu nguyện, gieo giống Phúc âm và đào tạo những môn đồ mạnh mẽ và sử dụng các nguyên tắc địa phương hóa. Sẽ có áp lực khi chuyển sang một cách tiếp cận khác, đảm nhận vai trò mục sư, hay trở thành “những người thực hiện” mục vụ đầu tiên. Nhưng điều này ngăn trở sự sinh sản về lâu dài. Những nhân sự nước ngoài làm điều này có thể lập một Hội Thánh – thậm chí Hội Thánh lớn – nhưng không phát động được một CPM, và có thể họ đang trong quá trình tạo ra một tiền lệ tiêu cực làm tổn thương sự nhân rộng cho thế hệ khác.

Ví dụ sau đây minh họa ảnh hưởng qua lại của các yếu tố bên ngoài và chất lượng của phong trào. Khoảng giữa năm 1975 và 1985 tại Quebec, một xã hội theo Công giáo truyền thống, số lượng các Hội Thánh Tin lành địa phương đã tăng hơn ba lần, từ dưới 100 lên đến 324 (Smith 1997). Thời kỳ đó được gọi là Cách Mạng Yên Lặng bởi vì Quebec thực hiện một sự thay đổi có xu hướng thể tục hóa và hiện đại. Chính phủ tự do đã nắm lấy quyền kiểm soát từ các lực lượng tôn giáo và chính trị bảo thủ. Nhưng ngay sau Cách Mạng Yên Lặng thì người dân Quebec vẫn duy trì thế giới quan Cơ đốc và tìm kiếm giải pháp thay thế về mặt tôn giáo. Sự căng thẳng này tạo ra một cánh cửa cơ hội cho Phúc âm. “Sự tăng trưởng lớn nhất đã xảy ra trong các vùng nông thôn nơi mà sự mất lòng tin vào Công giáo đã để lại một khoảng trống thuộc linh lớn nhất” (Wilson 1998, 28). Những người trung tín và kiên nhẫn gieo giống Tin lành đã chứng kiến một vụ bội thu.⁶ Phong trào tăng trưởng Hội Thánh này đã suy yếu trong thế kỷ XXI vì sự xuất hiện

⁶ Các nỗ lực truyền giáo suốt thời gian Hội Chợ Thế Giới năm 1967 và Olympic 1976 tại Montreal đã giới thiệu Tin lành cho hơn một triệu người và góp phần vào sự tăng trưởng của phong trào ân tứ Công giáo (Smith 1997).

của chủ nghĩa thể tục và chủ nghĩa duy vật, nhưng vào lúc đó khung cảnh tôn giáo đã thay đổi.

Những Hành Động Thực Tiễn Tốt Nhất Cho Việc Nhân Rộng Hội Thánh

Sau khi đã xem xét những sự thật chung về CPM, phần còn lại của sách này cơ bản đề cập đến những “hành động thực tiễn tốt nhất”⁷ để mở mang Hội Thánh nhằm hướng tới việc nhân rộng và sinh sản Hội Thánh.⁸ Dựa trên nghiên cứu của mình, Garrison đã tổng kết thành “Mười Lời Khuyên Cho Phong Trào Mở Mang Hội Thánh” (2004a, 257, 2005):

1. Cầu nguyện thật nhiều cho cộng đồng của bạn.
2. Gieo rắc Phúc âm vào cộng đồng của bạn.
3. Bám chặt vào Lời Chúa.
4. Chống lại sự phụ thuộc vào nước ngoài.
5. Loại bỏ tất cả các yếu tố không tạo nên sự sinh sản.
6. Sống với khái tượng mà bạn muốn hoàn thành.
7. Gây dựng sự sinh sản cho mọi tín hữu và Hội Thánh.
8. Huấn luyện cho mọi tín hữu biết truyền giáo, môn đồ hóa và mở mang Hội Thánh.
9. Làm gương, giúp đỡ, theo dõi, ra đi.
10. Khám phá những gì Đức Chúa Trời đang làm và cùng tham gia với Ngài.

Những nội dung trên phù hợp với những nguyên tắc địa phương hóa và phong trào mở mang Hội Thánh; nhưng chúng phải được áp dụng theo những cách khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh. Chúng không phải là công thức cho sự thành công, và sự thực hiện chúng không bảo đảm cho sự nhân rộng Hội Thánh. Tuy nhiên, theo sự quan sát của chúng tôi cũng như những người khác, thì sự nhân rộng Hội Thánh hiếm khi xảy ra nếu những nội dung này bị quên lãng.

Không giống như Garrison, chúng tôi quan tâm đến *tốc độ* nhân rộng ít hơn sự nhân rộng *lành mạnh*. Ông ta viết: “Đa số những người mở mang Hội Thánh tham gia vào những phong trào này đều cho rằng sự sinh sản nhanh chóng có tính cách sống còn đối với bản thân phong trào... và khi tỷ lệ sinh sản chậm lại thì phong trào mở mang Hội Thánh sẽ lung lay” (2000, 36). Điều đáng mong ước là các Hội Thánh có một thời kỳ thai nghén ngắn ngủi hầu cho họ không trở nên hướng nội và mất khả năng sinh sản; và dĩ nhiên chúng ta vui mừng khi Đức Chúa Trời cho phép sự tăng trưởng nhanh chóng (như Hội Thánh đầu tiên). Hơn nữa, sự nhấn mạnh vào sự sinh sản nhanh chóng nói lên tính chất khẩn cấp của việc truyền giáo, sự cần thiết phải trao quyền lãnh đạo cho các nhân sự, và sự cần thiết phải tránh những yếu tố gây trở ngại như là tiền lương, cơ sở và học vị.

Tuy nhiên, mặc dù sự nhân rộng nhanh chóng sinh ra nhiều Hội Thánh hơn, nhưng nó không nhất thiết sinh ra những Hội Thánh mạnh khỏe hoặc kết quả được duy trì. Cần phải có sự quân bình giữa việc khẩn cấp truyền giáo và sự tăng trưởng mạnh khỏe và chín

⁷ Cụm từ này không được dùng theo ý nghĩa chuyên môn đòi hỏi phải có những sự nghiên cứu so sánh, nhưng theo ý nghĩa đây là những thực hành có tính chất phổ biến góp phần vào việc nhân rộng Hội Thánh khi được vận dụng thích hợp với bối cảnh và văn hóa.

⁸ Sự nhân rộng là khi tất cả các Hội Thánh mẹ, con, cháu đều sinh sản và tạo ra sự tăng trưởng theo cấp số nhân.

chấn. Tạo áp lực để nhân rộng Hội Thánh cách nhanh chóng đôi khi gây ra kết quả ngược với mong đợi. Đôi khi dường như các phương pháp chậm hơn vào lúc bắt đầu có thể tạo ra nền tảng vững chắc hơn để cho các phong trào không những mạnh khỏe hơn mà còn tăng trưởng nhanh hơn về lâu dài.

Thật lý thú là Kinh thánh nói nhiều về sự tăng trưởng Hội Thánh nhưng không nói nhiều về tỷ lệ sinh sản, và Chúa Giê-xu nhấn mạnh đến kết quả *phong phú* hơn là sự sinh sản nhanh chóng (Giăng 15). Ngài nói về quyền năng kì diệu (Mác 4:26-29), bành trướng (Mat 13:31-32), và thâm nhập của Nước Trời (Mat 13:33). Nhưng Ngài không bao giờ nhấn mạnh đến tốc độ của sự tăng trưởng. Trái lại, Ngài cảnh cáo rằng đất *tốt* sẽ cho ra nhiều kết quả khác nhau (Mat 23:13). Orlando Costas tóm lược quan điểm Kinh thánh về sự tăng trưởng quân bình, mạnh khỏe và toàn diện như sau:

Đức Chúa Trời muốn và mong đợi Hội Thánh của Ngài tăng trưởng – nhưng không mất cân xứng cũng không dị thường. Ngài muốn Hội Thánh của Ngài tăng trưởng về *chiều rộng*, tức về mặt số lượng, như một cộng đồng thánh đồ. Ngài muốn Hội Thánh Ngài tăng trưởng về *chiều sâu*, nghĩa là về phương diện kinh nghiệm, tổ chức và tư tưởng, như một cộng đồng thờ phượng và chăm sóc. Ngài muốn Hội Thánh của Ngài tăng trưởng về *chiều cao*, như một kiêu mẫu, một dấu hiệu về nếp sống mới được giới thiệu bởi Đức Chúa Giê-xu Christ thách thức mọi chủ quyền và vua chúa của thế giới này (1979, 37-38)

Trách nhiệm của chúng ta là thành lập các Hội Thánh theo các nguyên tắc của Kinh thánh và lời khuyên khôn ngoan. Chúng ta cố gắng để hiểu và áp dụng các hành động thực tiễn tốt nhất của việc nhân rộng Hội Thánh địa phương và phó thác kết quả, và tốc độ của những kết quả đó, cho Đức Chúa Trời.

Vận Dụng Cách Tiếp Cận Của Các Sứ Đồ Trong Việc Mở Mang Hội Thánh

Những người mở mang Hội Thánh theo phương pháp sứ đồ (sẽ được mô tả đầy đủ trong chương sau) đã đặt nền tảng cho việc sản sinh các cộng đồng dân Chúa. Họ trang bị và trao quyền cho các tín hữu và lãnh đạo địa phương sử dụng các phương pháp mà có thể dễ dàng được lập lại với những lãnh đạo Hội Thánh mới này khi những người mở mang tiếp tục đi đến những vùng khác để thành lập những Hội Thánh mới. Sau đó họ định kỳ quay trở lại để khích lệ và làm vững mạnh những lãnh đạo của các Hội Thánh đã thành lập và đẩy lên cũng như huấn luyện những thế hệ mở mang Hội Thánh khác. Việc vận dụng các phương pháp mở mang Hội Thánh của các sứ đồ đòi hỏi phải suy nghĩ lại về cơ bản vai trò được chấp nhận một cách phổ biến của những người mở mang Hội Thánh trong Hội Thánh phương Tây, khác xa với vai trò của một mục sư nhưng gần với vai trò của một người tiên phong thành lập các Hội Thánh mới được hướng dẫn bởi các môn đồ và lãnh đạo địa phương.

Tại những vùng có mật độ dân số cao hơn, như những thành phố đa văn hóa đang phát triển, những người mở mang Hội Thánh theo cách các sứ đồ có thể tham gia vào nhiều dự án mở mang Hội Thánh cùng lúc, mỗi dự án đạt đến một giai đoạn trưởng thành khác nhau. Tại một vùng lân cận họ có thể gieo hạt giống Phúc âm, tại vùng khác thì thành lập các lãnh đạo cho một Hội Thánh mới, và một nơi khác thì giúp đỡ Hội Thánh sản sinh.

Phát Triển, Trao Quyền Và Chuyển Giao Công Việc Cho Nhân Sự Địa Phương, Tuyển Mộ Nhân Sự Từ Mùa Gặt

Những người mở mang Hội Thánh theo phương pháp sứ đồ có hiệu quả phát hiện những nhân sự địa phương có tiềm năng và đầu tư cuộc đời của mình vào những người đó. Những người này có thể là “người đáng nhận sự bình an”⁹ (Lu ca 10:5-6; Mat 10:11-13) là những người tiếp nhận Phúc âm và nhanh chóng trở thành những môn đồ vâng phục và những nhà truyền giáo có hiệu quả. Đa số những người này giữ vai trò cầu nối để đến với cộng đồng và trở thành những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả nhất.¹⁰ Nhóm đa văn hóa giống như giàn giáo, còn các lãnh đạo quốc gia là những cột trụ để xây dựng Hội Thánh. Một nguyên tắc quan trọng là đừng khởi sự một mục vụ khi không có những người tập sự địa phương là những người có thể hướng dẫn Hội Thánh trong tương lai gần.

Một trong những điều quan trọng đối với công tác truyền giáo của Phao-lô là Phao-lô không chỉ trang bị và trao quyền cho các lãnh đạo địa phương chăm sóc Hội Thánh sau khi ông ra đi, mà còn tuyển mộ các thành viên trong nhóm truyền giáo của ông từ những Hội Thánh ông đã thành lập – những cộng sự như Ti-mô-thê từ Lít-tơ (Công 16:1) và A-pô-lô từ Ê-phê-sô (Công 18:24-26). Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này trong chương 17.

Luôn Đặt Nặng Vấn Đề Truyền Giáo Và Môn Đồ Hóa

Bởi vì nền tảng quan trọng của Hội Thánh là môn đồ, cho nên công tác mở mang Hội Thánh phải chú trọng việc môn đồ hóa: đưa dắt mọi người đến với Đấng Christ, chỉ bảo họ sống với Đấng Christ trong mỗi thông công của cộng đồng dân Chúa (Hội Thánh).

Điều này được nhấn mạnh trong lời kêu gọi của Chúa Giê-xu khi Ngài hứa sẽ khiến những người theo Ngài trở nên *những tay đánh lưới người*, và trong mạng lệnh cuối cùng của Ngài khi Ngài sai họ ra đi để *môn đồ hóa muôn dân*. Mặc dầu rõ ràng là cần phải truyền giáo và môn đồ hóa, nhưng công tác này thường bị xem nhẹ, bởi vì mọi người hay ưu tiên về kế hoạch, chương trình và mục vụ chăm sóc. Chúng tôi cho rằng sự thành công hay thất bại trong việc mở mang Hội Thánh có liên quan trực tiếp đến kết quả của việc môn đồ hóa (xin xem hình 4.2). CPM sẽ khựng lại và tàn lụi khi những người mở mang Hội Thánh chuyển trọng tâm từ công tác truyền giáo hướng ngoại sang việc duy trì trạng thái bên trong.

Xây Dựng Trách Nhiệm Nhân Rộng Hội Thánh Cho Mọi Cấp Độ Mục Vụ Của Hội Thánh

Các nguyên tắc của việc nhân rộng cần phải được áp dụng cho mọi giai đoạn của sự phát triển Hội Thánh và với mọi thứ cần được sinh sản: môn đồ, lãnh đạo hay nhân sự,

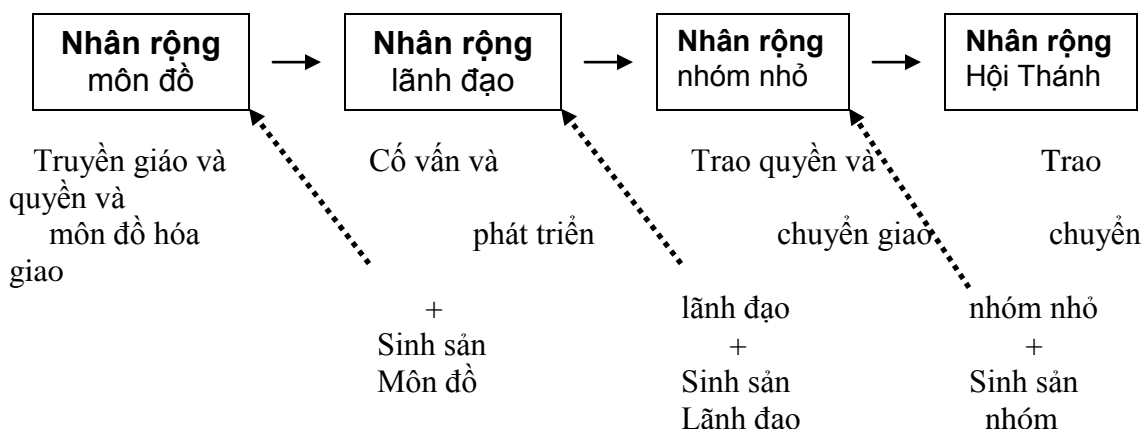
⁹ Khi Chúa Giê-xu sai các môn đồ ra đi, Ngài dặn họ tìm kiếm “người đáng hưởng sự bình an” là người tiếp đón họ vào nhà. Trong chương 11 chúng ta sẽ thấy những người như vậy có tầm chiến lược như thế nào trong giai đoạn đầu của việc mở mang Hội Thánh.

¹⁰ Điều này được minh họa bởi David Garrison trong khi trình bày về Ủy Ban Truyền Giáo Quốc Tế Của Hội Thánh Tin Lành Tự Do, ngày 6-7 tháng 2 năm 2006, tại Trinity Evangelical Divinity School, Deerfield, IL, và chúng tôi đã quan sát nhiều lần.

nhóm nhỏ và Hội Thánh. Vì vậy công tác truyền giáo phải được thực hiện theo cách mà những tín hữu mới có thể dễ dàng bắt chước, và các tân tín hữu đó phải được dạy dỗ để trở thành những nhà truyền giáo sau này. Tương tự, khi những tín hữu đầu tiên được môn

Hình 4.2

Nhân Rộng Môn Đồ, Lãnh Đạo, Nhóm Tế Bào



đồ hóa, họ cần được dạy dỗ theo cách mà đến lượt họ có thể sử dụng để môn đồ hóa người khác. Khi những nhóm tế bào đầu tiên được hình thành, chúng phải được hướng dẫn theo cách mà những người hướng dẫn nhóm tế bào mới có thể học tập để nắm vai trò lãnh đạo và huấn luyện người khác làm tương tự (2Tim 2:2). Khi các nhóm tế bào phân chia và nhân rộng, thì chẳng bao lâu Hội Thánh sẽ được nhân rộng, bởi vì tính chất nhân rộng đã được xây dựng trong Hội Thánh từ đầu. Bob Roberts (2008, 58-60) và những người khác đã lập luận rằng những thành viên Hội Thánh “được tách ra” để bắt đầu Hội Thánh mới sẽ không đưa đến sự nhân rộng (xem hình 4.3). Sự nhân rộng phải được thực hiện ở mọi cấp độ.

Làm Mẫu Các Mục Vụ Mà Người Địa Phương Có Thể Bắt Chước Bằng Các Nguồn Lực Địa Phương

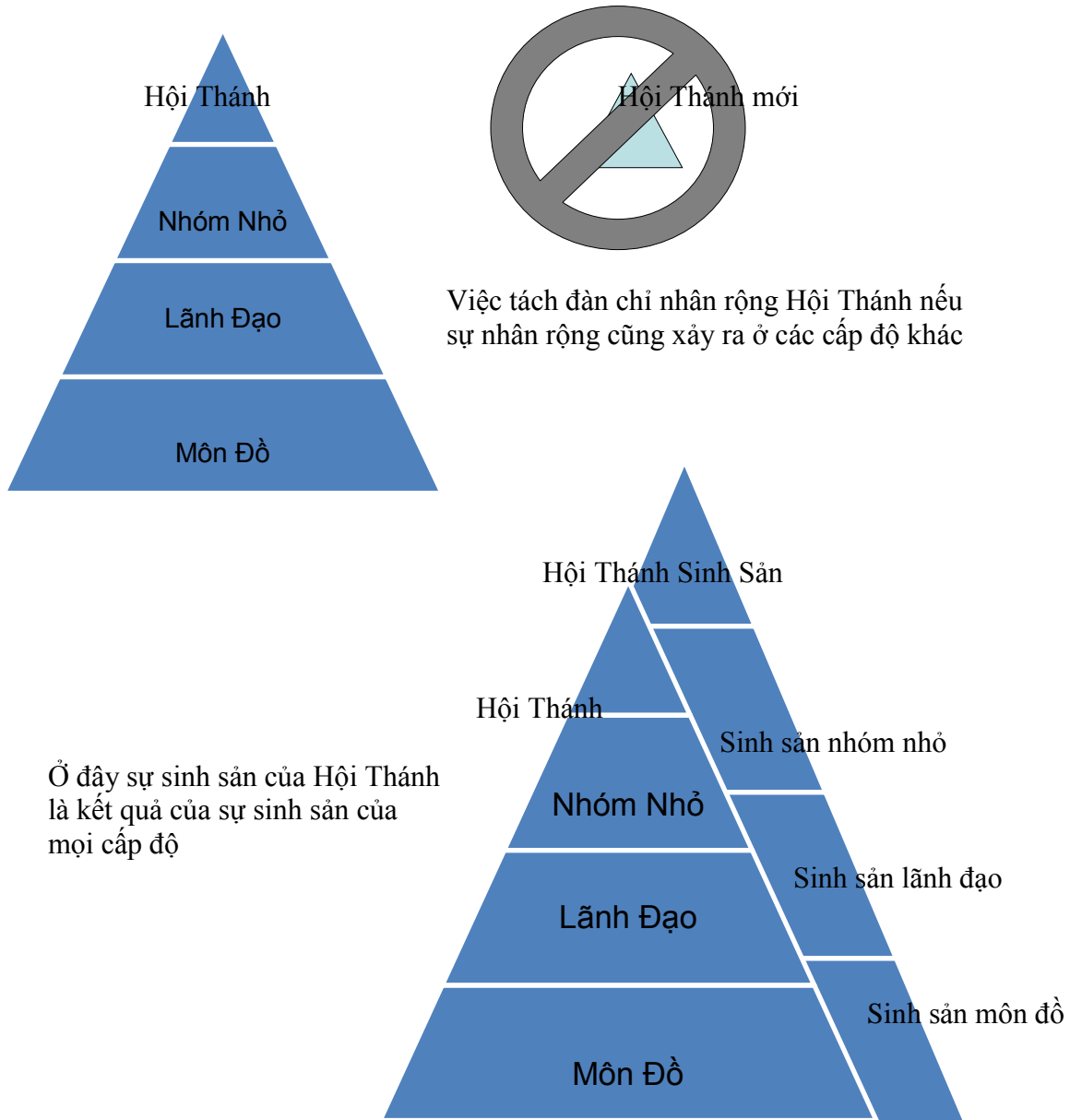
Nếu sự nhân rộng là mục tiêu thì khẩu hiệu nổi bật mà người mở mang Hội Thánh phải thực hiện là *sinh sản*. Sự sinh sản vượt xa sự trang bị đơn thuần trong nhiều phương diện. Nếu các tín hữu địa phương chỉ làm những gì mà những người mở mang Hội Thánh tiên phong đã làm thì chỉ dẫn đến việc Hội Thánh được tăng thêm theo cấp số cộng. Nhưng khi các tín hữu địa phương động viên các tín hữu địa phương khác phục vụ và mở mang Hội Thánh thì sự nhân rộng Hội Thánh bắt đầu xảy ra.

Điều này chỉ có thể xảy ra khi các phương pháp được làm mẫu bởi các người mở mang Hội Thánh được lập lại một cách dễ dàng bởi các tín hữu địa phương bằng cách sử dụng những nguồn lực sẵn có trong bối cảnh của họ. Nếu các phương pháp được sử dụng bởi người tiên phong mở mang Hội Thánh không được lập lại cách dễ dàng bởi các tín hữu địa phương thì phong trào bị tàn lụi. Sự nhân rộng sẽ không thể diễn ra. Các phương pháp không tạo nên sự sinh sản như là nhóm công tác ngắn hạn, trại tiếng Anh, hay những chiến dịch tốn kém có thể được sử dụng lúc đầu để tạo ra bước nhảy cho phong

trào. Các phương pháp không tạo ra sinh sản như vậy phải được loại bỏ ngay không chần chừ và thay vào đó là các hình thức chứng đạo và môn đồ hóa bình dân hơn. Các phương pháp có thể sinh sản được xác định bởi những tính chất sau đây.

Hình 4.3

Sự Đối Lập Giữa “Tách Đàn” Với Nhân Rộng



CHÚNG PHỤ THUỘC VÀO CÁC NGUỒN LỰC ĐỊA PHƯƠNG

Garrison (2000; 2004a) đã chứng tỏ rằng CPM không phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài và thậm chí có thể thực hiện ở nhóm người nghèo nhất đang đối diện với sự bất bõ. Để tránh một *khoảng trống sinh sản*, các giáo sĩ phải bắt đầu bằng những nguồn lực sẵn có tại địa phương. Máy vi tính, máy chiếu, xe cộ và ngân sách lớn có thể là những phương tiện vượt quá khả năng của người địa phương. Có thể chấp nhận những món quà tình cờ như thế thuộc loại này, nhưng nếu toàn bộ mục vụ được xây dựng dựa trên chúng thì chúng sẽ không được sản sinh tại địa phương. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này khi đề cập đến “những ngăn trở đối với sự nhân rộng”.

CHÚNG DỰA TRÊN KỸ NĂNG VÀ NĂNG LỰC CỦA TÍN HỮU ĐỊA PHƯƠNG

Nếu các tín hữu địa phương bị mù chữ thì phải áp dụng các phương pháp dùng lời nói. Đặc biệt, văn hóa truyền miệng được đặc trưng bằng truyền thống và kỹ năng kể chuyện. Điều này có thể trở thành phương pháp tốt và hiệu quả cho công tác truyền giáo và giảng dạy. Những nhân sự ngoại quốc được huấn luyện các kỹ năng mục vụ và phong cách lãnh đạo thường không thích hợp với địa phương. Người ngoại quốc có thể xem hình thức của một mục vụ như một vấn đề chất lượng thay vì vấn đề văn hóa và mong đợi những người địa phương phải đáp ứng các tiêu chuẩn và kỳ vọng *của họ*.¹¹ Cho dù những tiêu chuẩn đó nằm trong khả năng của người địa phương, việc áp dụng chúng sẽ triệt tiêu khả năng sinh sản đối với sự phát triển của CPM. Khả năng lãnh đạo phải được xác định bằng các tiêu chuẩn địa phương và tuân theo các mẫu mực địa phương. Đối với người mở mang Hội Thánh, điều này có nghĩa là duy trì các yêu cầu thuộc linh đồng thời phải cố giữ các đòi hỏi về kỹ năng ở mức tối thiểu. Nguyên tắc tương tự cũng áp dụng đối với phong cách lãnh đạo, phương pháp giảng dạy, tiêu chuẩn hành động và lối sống.

CHÚNG ĐƯỢC DẠY, NẮM BẮT VÀ TRUYỀN ĐẠT DỄ DÀNG

Việc nhân rộng Hội Thánh và lãnh đạo Hội Thánh đòi hỏi những phương pháp không chỉ dựa trên nguồn lực, kỹ năng và khả năng của người địa phương mà còn phải dễ học và sử dụng bởi thế hệ môn đồ khác. Những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ phải học cách hỏi “Các nhân sự địa phương có thể làm theo cách này không? Họ có lựa chọn để làm như vậy và huấn luyện người khác làm tương tự không?” Và họ phải trả lời những câu hỏi này bằng cách từng bước một để cho các tín hữu địa phương vận dụng và phát triển theo cách của họ. Một nguyên tắc quan trọng là nếu bạn không thể dạy những người địa phương làm điều đó và họ không thể dạy những người khác làm điều đó thì có lẽ bạn cũng không nên làm điều đó. Sự nhân rộng thực sự xảy ra khi chính các tín hữu địa phương có khả năng huấn luyện thế hệ lãnh đạo kế tiếp. Có thể sẽ thuận lợi cho sự phát triển dài hạn của phong trào nếu một vài người được đào tạo trong chủng viện hoặc trường Kinh thánh, nhưng đa số phải được đào tạo bằng các phương pháp mà có thể bắt chước được. Bởi vì cách tiếp cận như thế đối lập với cách làm phổ biến và có thể đòi hỏi

¹¹ Đôi khi các Cơ đốc nhân xuất thân từ các xã hội không phải phương Tây ngưỡng mộ các tiêu chuẩn và chất lượng “chuyên nghiệp” của phương Tây. Điều này có thể giúp họ nổi bật nhưng làm mai một khả năng tạo ra phong cách mục vụ riêng của họ.

nhiều thời gian hơn lúc đầu, nên điều quan trọng là mọi người có liên quan cần hiểu tầm quan trọng của việc sử dụng các phương pháp có thể duy trì và sinh sản và chỉ dùng các nguồn lực địa phương.

Chọn Lựa Cơ Cấu Hội Thánh Phù Hợp Với Bối Cảnh

Khi cơ cấu và truyền thống Hội Thánh nước ngoài được áp đặt lên một dân tộc, thì Hội Thánh trở nên, giống như Đa-vít mang binh khí của Sau-lơ, lúng túng trong sự chiến đấu. Việc nhân rộng Hội Thánh sẽ khó xảy ra. Sự bùng nổ của phong trào địa phương ngày nay là bằng chứng về tầm quan trọng của hình thức tổ chức mang tính bản địa.¹² Giống như cây xương rồng không thể sống sót ở Alaska, cũng như cây thông không thể sống ở Sahara, thì cũng vậy cơ cấu Hội Thánh địa phương phải được phát triển nhằm giúp Hội Thánh thịnh vượng và nhân rộng trong môi trường của nó. Trong chương 6 chúng ta sẽ thảo luận những hình thức khác nhau của Hội Thánh và ảnh hưởng của chúng đối với khả năng nhân rộng của Hội Thánh trong các bối cảnh khác nhau. Một hình thức và kích cỡ không phù hợp cho tất cả. Kinh thánh cho phép có sự linh động về hình thức và sự biểu lộ của Hội Thánh địa phương miễn là phù hợp với mục đích và các tiêu chuẩn của Kinh thánh. Trong chương 12 chúng tôi sẽ đưa ra những giúp đỡ để phát hiện các hình thức phù hợp với bối cảnh về công tác truyền giáo, môn đồ hóa, hội họp, thờ phượng, ra quyết định, phát triển lãnh đạo và nhiều khía cạnh khác của sự sinh hoạt Hội Thánh nhằm giúp cho sự nhân rộng Hội Thánh (xem Hiebert và Meneses 1995). Những khám phá đó cần phải được thực hiện bởi chính các tín hữu địa phương dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh và thẩm quyền của lời Chúa. Các giáo sĩ và những người ngoài có thể đưa ra lời khuyên, nhưng vai trò của họ là trợ giúp chứ không phải ra lệnh.

Những Ngăn Trở Đối Với Việc Nhân Rộng Hội Thánh

Sự mở rộng của phong trào phụ thuộc vào mức độ mà những tín hữu địa phương dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh được cho phép sử dụng các cơ cấu không bị kiểm chế bởi truyền thống hoặc được du nhập. Những ngăn trở tệ hại nhất đối với sự nhân rộng Hội Thánh là gì? Theo ý kiến chung, ba kỳ vọng của Hội Thánh phương Tây đã tạo ra sự phá hoại lớn nhất đối với phong trào mở mang Hội Thánh địa phương là nơi nhóm họp đất tiền, người mở mang Hội Thánh được trả lương và đào tạo chính quy, và sự quá phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài. Không có điều nào trong những điều nói trên là kỳ vọng của Hội Thánh Tân ước, và có thể tồn tại trong thời kỳ bắt bớ. Cơ sở, học vị và ngân sách bên ngoài có thể được sử dụng để thúc đẩy sự tăng trưởng miễn là chúng không trở thành một bản chất của việc nhân cấp lãnh đạo và Hội Thánh. “Khi, nhân danh sứ mạng của Đấng Christ, chúng ta làm cho các tín hữu địa phương những gì họ có thể và cần làm cho chính họ, thì chúng ta làm suy yếu chính Hội Thánh mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi chúng ta thành lập” (Saint 2001, 54). Những ngăn trở sau đây cần được xem xét cẩn thận.

¹² Một số trong những Hội Thánh bình dân này có tính không chính thống và hỗn hợp trong tín lý và thực hành của họ. Nhưng hình thức bản địa của họ tạo khả năng để họ nhân rộng. Điều đáng mừng là với sự cẩn thận tuân theo những sự hướng dẫn trong Kinh thánh, các Hội Thánh này đã trở nên mạnh mẽ, tốt đẹp và đồng thời mang tính bản địa.

Ngăn Trở 1: Nơi Nhóm Họp Đắt Tiền

Garrison (2000; 2004) nhận xét rằng trong CPM các buổi nhóm được tổ chức tại nhà hoặc tiền sảnh nhỏ. Rõ ràng là Kinh thánh không quy định kích cỡ hoặc cấu trúc của Hội Thánh. Trong một số trường hợp một phong trào Hội Thánh tại nhà có thể là cách tốt nhất cho sự sinh sản mạnh khỏe và mang tính địa phương. Nếu một Hội Thánh quyết định muốn có một nơi nhóm mang tính công cộng hơn, thì điều quan trọng là nơi đó phải phù hợp với khả năng tài chính và linh động, nhất là trong giai đoạn đầu. Nếu Hội Thánh phải gánh những khoản vay và thế chấp nặng sẽ ngại cho phép các thành viên ra đi mở Hội Thánh mới. Những dự án xây dựng đắt tiền thường làm suy yếu tiềm lực của tín hữu và có thể trở thành đối tượng làm xao lãng các mục vụ quan trọng hơn là truyền giáo và môn đồ hóa.

Tính linh động cũng quan trọng đối với các phong trào đang phát triển. Hợp đồng thuê dài hạn hoặc mua có thể cản trở Hội Thánh khi có cơ hội mới hoặc cần thay đổi. Một giải pháp tốt hơn có thể là thuê một hội trường theo giờ sử dụng. Các trung tâm công cộng, trường học, hội trường của khách sạn, rạp chiếu phim, nhà hát hoặc các trung tâm giải trí có thể được chọn. Tại các vùng nông thôn, những nhà thờ đơn giản có thể được xây dựng bằng các vật liệu địa phương ít tốn kém và dễ thay thế, nhưng tại các đô thị thì không được. Khi cho rằng để trở thành một Hội Thánh thực sự thì phải có nhà thờ riêng, thì việc nhân rộng Hội Thánh không thể nhanh hơn việc gây quỹ để xây dựng nhà thờ – và thường thì rất chậm.

Ngăn Trở 2: Thực Hiện Việc Mở Mang Hội Thánh Dựa Vào Những Người Mở Mang Hội Thánh Được Trả Lương Và Đào Tạo Chính Quy

Trở ngại này có thể là một bất ngờ, nhưng có lẽ nó là chướng ngại lớn nhất đối với việc nhân rộng. Đơn giản là không bao giờ có đủ tiền để trả cho số lượng nhân sự gia tăng nhanh chóng một khi phong trào bắt đầu. Việc đào tạo chính quy những người mở mang Hội Thánh mà đặc biệt tốn nhiều năm ở trường Kinh thánh hoặc chủng viện bản thân nó không phải là điều xấu. Nhưng việc này đòi hỏi thời gian dài và sẽ không bao giờ có đủ người tốt nghiệp để trở thành người mở mang Hội Thánh cho một phong trào đang tăng trưởng. Nó cũng tạo ra một ấn tượng là những nhân sự không được huấn luyện thì không thể hoặc không nên thực hiện việc mở mang Hội Thánh. Lịch sử của các Hội Thánh phương Tây cùng với truyền thống là những lý do của việc có rất ít phong trào tại phương Tây (Payne 2003). Phong trào mở mang Hội Thánh thường dựa trên các nhân sự địa phương không chuyên nghiệp và phương pháp đào tạo không chính quy và không chính thức (thông qua việc cố vấn, hội thảo và huấn luyện tại Hội Thánh), thay vì đào tạo tại các cơ sở chính thức. Chúng đặt nặng việc hiểu biết Kinh thánh, xây dựng phẩm chất và kỹ năng mục vụ thực tế hơn là lý thuyết. Đây là hình thức huấn luyện mà Nevius đã thực hiện ở Trung hoa và sau đó được áp dụng tại Hàn quốc (Nevius 1958).

Mở mang Hội Thánh trong vai trò một người “may trại” là công việc không dễ dàng. Thường thì các Hội Thánh này nhỏ bé, nhưng nếu chúng sinh sản liên tục thì phong trào sẽ tiếp tục tăng trưởng. Những nhân sự không chuyên nghiệp và thiếu đào tạo này cần được tiếp tục khích lệ và phải được huấn luyện về Kinh thánh, đặc biệt là nếu họ là những tín hữu. Ngược lại thì phong trào sẽ yếu ớt và thậm chí tàn lụi. Khi phong trào phát triển thì sẽ có nhu cầu ngày càng tăng về các lãnh đạo được đào tạo là những người

có thể cung cấp sự hướng dẫn về thần học sâu hơn. Nhưng nếu thực hiện việc mở rộng phong trào phụ thuộc vào những người như vậy sẽ tạo ra sự kỳ vọng sai lầm và làm chậm phong trào.

Hội Cơ đốc Columbia gọi những người mở mang Hội Thánh của họ là *giáo sĩ*. Họ có ít kiến thức về thần học nhưng phục vụ với tấm lòng mạnh mẽ như sư tử. Họ sinh sống bằng bất cứ công việc gì họ có thể tìm được hoặc từ nguồn hỗ trợ tài chính ít ỏi để làm việc như những người giảng Tin lành và môn đồ hóa nhưng không nhận sự giúp đỡ từ bên ngoài. Khi đã hình thành được một nhóm thông công khoảng 30 người, thì bắt đầu kiếm một mục sư, và giáo sĩ tiếp tục ra đi. Cách làm này có thể được lập lại nhiều lần. Một điển hình khác là tại Ê-thi-ô-pi. “Khoảng giữa năm 1993- 1996, Hội Thánh Tin lành Ê-thi-ô-pi – Mekane Yesus (EEC-MY) đã tăng trưởng gần 80%, và sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ các mục vụ tình nguyện” (Gobena 1997, 15). Những Hội Thánh này được Iteffa Gobena gọi là “Hội Thánh của các nhân sự.”

Một trong mười yếu tố phổ biến về CPM của Garrison là chúng được thực hiện bởi các nhân sự, và một trong mười lời khuyên của ông đối với CPM là huấn luyện *mọi tín hữu* biết truyền giáo, môn đồ hóa và mở mang Hội Thánh. “Không có hành khách trong các phong trào mở mang Hội Thánh; mọi người đều là nhân viên và phải làm việc” (2004a, 86).

Ngăn Trở 3: Phụ Thuộc Vào Các Nguồn Lực Bên Ngoài

Các nguồn lực bên ngoài như ngân sách, sự hỗ trợ tài chính cho các nhân sự, trang thiết bị được biếu tặng, hoặc các dự án xây dựng có thể là một thế mạnh đối với một Hội Thánh. Nhưng phải hết sức cẩn trọng để ngăn ngừa việc tạo ra một tiền lệ mà không thể duy trì và sinh sản tại địa phương. Điều này được minh họa qua kinh nghiệm của Steve Saint, con trai của giáo sĩ tử đạo Nate Saint. Ông đưa ra một số ví dụ đáng chú ý về những ngăn trở việc nhân rộng trong vòng người Waodani. Họ đã dừng việc xây dựng những “ngôi nhà Đức Chúa Trời” bằng tre với mái tranh. Họ giải thích rằng sau khi một nhóm đã đến để xây dựng một nhà tốt hơn sử dụng vật liệu xi-măng, “họ kết luận rằng chỉ có những người ngoại quốc mới có khả năng xây dựng nhà Đức Chúa Trời, vì vậy người ngoại quốc nên xây dựng tất cả” (xem 2001, 55).

Việc sử dụng các nguồn lực không khôn khéo có thể hạn chế việc nhân rộng Hội Thánh trong nhiều phương diện. Thứ nhất, các nguồn lực bên ngoài là hữu hạn và sớm muộn gì chúng cũng sẽ cạn kiệt. Nếu mở mang Hội Thánh dựa vào chúng thì việc mở mang Hội Thánh cũng sẽ chấm dứt. Nếu việc nhân rộng là mục tiêu của việc mở mang Hội Thánh thì chúng phải được thực hiện dựa vào các nguồn lực địa phương.

Thứ hai, rất dễ có ấn tượng là không thể thành lập một Hội Thánh mà không cần các nguồn lực bên ngoài. Các tín hữu có thể không còn tự trách mình về việc không mở Hội Thánh mới bởi vì họ thiếu sự tài trợ mà họ cho là cần thiết. Họ không có cách nào khác để làm việc đó ngoại trừ cách nhờ vào những nguồn lực từ bên ngoài.

Thứ ba, khi các nguồn lực bên ngoài được sử dụng một cách không cẩn trọng để thành lập Hội Thánh, thì hội chúng sẽ có tư tưởng không bình thường là các nguồn lực bên ngoài cũng phải duy trì Hội Thánh, theo khẩu hiệu “Hội truyền giáo xây dựng nó thì Hội truyền giáo phải duy trì nó.” Có nhiều câu chuyện về những dự án xây dựng đầy thiện chí được tài trợ bởi một Hội truyền giáo hay Hội Thánh bạn, nơi mà Hội Thánh địa phương thậm chí không có khả năng để chi trả cho các tiện ích, những Hội Thánh như thế

càng không thể nhân rộng! Mỗi quan hệ kiểu người bảo trợ và người được bảo trợ có thể nhanh chóng trở thành kiểu mẫu cho Hội Thánh và Hội truyền giáo (hay người bảo trợ), và điều này ít khi đưa đến sự nhân rộng. Trong chương 18 chúng tôi sẽ quay lại vấn đề các nguồn lực trong việc mở mang Hội Thánh và đề nghị một vài cách sử dụng tích cực các nguồn lực bên ngoài.

Sự Nhân Rộng Hội Thánh: Từ Thế Này Đến Thế Hệ Khác

Trong thế hệ đầu tiên của sự nhân rộng Hội Thánh (lúc mở Hội Thánh đầu tiên), những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ cần phải làm mẫu các hoạt động mở mang Hội Thánh cho những người tập sự địa phương. Trong thế hệ thứ hai họ làm việc bên cạnh những người địa phương là những người đã tham gia vào việc mở Hội Thánh đầu tiên và bây giờ đã có khả năng lãnh đạo. Trong thế hệ thứ ba, những người lãnh đạo mới học hỏi từ những người ngang hàng với họ sử dụng cách tiếp cận phù hợp với bối cảnh, trong khi các giáo sĩ quan sát và can thiệp khi cần thiết. Nếu việc nhân rộng thành công thì đến thế hệ thứ tư các giáo sĩ sẽ chuyển giao cho các lãnh đạo địa phương tiếp tục việc nhân rộng. Khi cần thiết họ có thể tư vấn qua các chuyến đến thăm. Khi sự sinh sản được thực hiện trải qua hơn ba thế hệ mà không có các tổ chức hoặc nguồn lực bên ngoài, thì tính chất di truyền đã được thiết lập và sự sinh sản đã được xây lắp vào Hội Thánh. Hơn nữa vì sự sinh sản xuất phát từ các lãnh đạo và các hệ thống được gây dựng tại nhà, cho nên thế hệ thứ tư có thể được xem là hoàn toàn địa phương hóa.

Việc nghiên cứu về các nguyên tắc địa phương hóa và nhân rộng Hội Thánh chưa khép lại. Một số ít các nghiên cứu có giá trị mà chúng ta có lại không được quan tâm. Từ việc mô tả các phong trào đến những hành động thực tế tốt nhất là việc khó khăn, đặc biệt khi các bối cảnh có sự khác nhau rất lớn. Nhưng nếu những nguyên tắc này và những hành động thực tiễn tốt nhất được áp dụng với sự cầu nguyện và quan tâm nhiều thì chúng có thể góp phần vào sự nhân rộng Hội Thánh tại nhiều nơi trên thế giới cho đến ngày Chúa tái lâm.

Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ

Nếu đặt mục tiêu là phát động phong trào mở mang Hội Thánh địa phương có khả năng tồn tại và sinh sản thì phải vận dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau.¹ Có lẽ quan trọng nhất là một nhận thức mới về vai trò những người mở mang Hội Thánh. Họ cần phải có cách tiếp cận gần gũi với cách tiếp cận của nhóm truyền giáo của Phao-lô trong Tân ước mà chúng tôi gọi là *mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ*. Từ *Sứ đồ* được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau trong Tân ước, nhưng chủ yếu là chỉ về mười hai sứ đồ được chính Chúa Giê-xu kêu gọi và giao phó sứ mạng và sứ đồ Phao-lô, người cũng có được vai trò thẩm quyền riêng trong Hội Thánh đầu tiên. Nhưng từ này cũng được sử dụng với nghĩa rộng hơn khi đề cập đến những người cộng sự trong nhóm truyền giáo của Phao-lô, kể cả Ba-na-ba (Công 14:3, 14), A-pô-lô (1 Cô 4:6, 9), Ép-pa-phô-đích (Phi-líp 2:25), Tít (2 Cô 8:23), Sin-vanh (Si-la) và Ti-mô-thê (1 Tê 2:6; 1:1).² Hơn nữa, chức vụ sứ đồ được đề cập đến như là một ân tứ thuộc linh rất được ao ước trong Hội Thánh (1 Côr 12:28-31). Vì vậy từ *sứ đồ* có thể được xem là hoàn toàn tương đương với từ *giáo sĩ* (xìm xem phần giải luận trong Ott và Strauss 2010, 230-236). Khi nói “mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ” là chúng tôi muốn nói rằng việc mở mang Hội Thánh tuân theo kiểu mẫu các sứ đồ trong việc phát triển, trao quyền và chuyển giao cho các tín hữu địa phương về mục vụ và truyền giáo ngay từ lúc đầu. Vai trò của người mở mang Hội Thánh trong các Hội Thánh địa phương chỉ là tạm thời. Họ chống lại sự cám dỗ mở mang Hội Thánh theo cách khiến nó phụ thuộc vào ân tứ và nguồn lực của họ.

Ba Loại Người Mở Mang Hội Thánh

¹ Nhiều phần của chương này được vận dụng và mở rộng từ Ott 2001.

² Một vài bản dịch Kinh thánh dịch là “sứ giả” hoặc “đại diện” nhưng nguyên bản Hy-lạp sử dụng từ thường được dịch là “sứ đồ.”

Về cơ bản có ba kiểu người mở mang Hội Thánh tương ứng với ba cách tiếp cận về mở mang Hội Thánh, đó là: người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư, người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác và người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ.³ Mỗi kiểu có một nhận thức khác nhau về vai trò của người mở mang Hội Thánh, dẫn đến việc đầu tư thời gian và năng lượng khác nhau, đối diện với những cơ hội và thách thức riêng biệt, phù hợp với một tình huống nhất định, và có một ảnh hưởng nhất định đến khả năng sinh sản của Hội Thánh (được tổng hợp trong bảng 5.1).

Mặc dù cách tiếp cận theo kiểu sứ đồ trong việc mở mang Hội Thánh không nhất thiết là cách tiếp cận tốt nhất trong mọi bối cảnh, nhưng nó là cách tiếp cận thường được Đức Chúa Trời ban phước nhiều nhất trong việc phát động các phong trào mở mang Hội Thánh địa phương có khả năng tồn tại và sinh sản. Thật không may là đa số những người mở mang Hội Thánh phương Tây không hề để ý đến điều đó, không được huấn luyện về điều đó, và vì vậy khó có thể xem nó là cách thay thế cho cách mà họ đã thấy các Hội Thánh được thành lập tại quê hương của họ. Thậm chí những người thành lập Hội Thánh đa văn hóa cũng có khuynh hướng cho rằng họ nên thành lập những Hội Thánh như tại quê hương của họ với một vài điều chỉnh về văn hóa. Nhưng việc này ít khi dẫn đến việc nhân rộng Hội Thánh địa phương.

Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Mục Sư

Mục tiêu của người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư đơn giản là mở một Hội Thánh và làm quản nhiệm tại đó. Trong trường hợp người mở mang Hội Thánh là giáo sĩ, thì điều hy vọng là Hội Thánh sẽ nhanh chóng mời được một mục sư trong nước và giáo sĩ có thể ra đi để tiếp tục mở Hội Thánh khác. Phương pháp được sử dụng là: cần có những nỗ lực truyền giáo ban đầu để có được những tân tín hữu. Nhưng một khi nhóm tín hữu nòng cốt đã được tập hợp, thường là rất nhỏ, người mở mang Hội Thánh có khuynh hướng chuyển sang công tác của một mục sư, chú trọng vào việc giảng dạy, tư vấn và nhiều nhiệm vụ khác của một mục sư. Nếu có sự tham gia của cả một nhóm mở mang Hội Thánh, thì các thành viên của nhóm nắm giữ những vai trò tương tự với các chức vụ trong một Hội Thánh. Thường thì người mở mang Hội Thánh lưu lại trong vai trò mục sư của Hội Thánh với thời gian không xác định. Nếu người mở mang Hội Thánh là một giáo sĩ đến từ một nền văn hóa khác, thì Hội Thánh được xem là đã “hình thành” khi mời được một mục sư trong nước để thay thế cho giáo sĩ.

Đây là kiểu phổ biến và quen thuộc nhất ở nhiều nơi trên thế. Đa số những người mở mang Hội Thánh, kể cả các giáo sĩ, không để ý đến những cách tiếp cận khác. Phần lớn các chủng viện đào tạo các mục sư chứ không phải nhà truyền giáo hoặc người mở mang Hội Thánh, vì vậy đa số những người mở mang Hội Thánh được đào tạo trong các chủng viện cảm thấy thích hợp với vai trò này. Các sách ở phương Tây viết về công tác mở mang Hội Thánh cũng đề cập đến phương pháp này. Nó là kiểu mẫu được áp dụng trong nhiều, nếu không phải là hầu hết, các hệ phái trên thế giới.

³ Việc sử dụng thuật ngữ *người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ* và *người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác* thật ra không có sự thống nhất trong các tài liệu về mở mang Hội Thánh. Ví dụ Fred Herron dùng các thuật ngữ đó hoàn toàn ngược với chúng tôi, gọi cách của Phao-lô là xúc tác và dùng *kiểu sứ đồ* để nói về cách mà chúng tôi gọi là *xúc tác* (2003, 69-72, 75-76).

Bảng 5.1
Ba Kiểu Người Mở Mang Hội Thánh

	Người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư	Người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác	Người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ
Mục tiêu	Mở Hội Thánh và chăm sóc cho đến khi Hội Thánh đủ sức để mời và trả lương cho mục sư riêng	Mở một Hội Thánh có khả năng trở thành chất xúc tác để mở nhiều Hội Thánh khác và phát động một phong trào	Nhân rộng các Hội Thánh mà không phụ thuộc vào người mở mang Hội Thánh và các nguồn lực bên ngoài
Phương pháp	Người mở mang Hội Thánh giữ vai trò như mục sư; và ra đi sau khi Hội Thánh đã mời mục sư địa phương	Người mở mang Hội Thánh thành lập một Hội Thánh lớn và mạnh và tiếp tục ở lại trong vai trò mục sư để xúc tiến việc mở nhiều Hội Thánh con	* Người mở mang Hội Thánh phục vụ với tư cách là người trang bị chứ không phải là mục sư, huấn luyện và ủy quyền cho người địa phương thực hiện mục vụ * Người mở mang Hội Thánh nhanh chóng ra đi và giao mục vụ lại cho các lãnh đạo địa phương
Kết quả	Hội Thánh được hình thành chỉ khi mời được và trả lương cho mục sư riêng	Dưới sự lãnh đạo đúng đắn Hội Thánh nằm ở vị trí chiến lược có thể mở ra nhiều Hội Thánh con	Những tín hữu địa phương được trang bị để lãnh đạo và nhân rộng nhiều Hội Thánh
Áp dụng	Phù hợp với những vùng có sự tăng trưởng Hội Thánh trung bình, có đời sống sung túc và có nhiều mục sư được đào tạo	Phù hợp với những vùng đô thị đáp ứng tích cực đối với Phúc âm và có tiềm năng để mở những Hội Thánh con	Phù hợp với đa số địa phương, đặc biệt những vùng có sự tăng trưởng Hội Thánh nhanh và vùng nông thôn
Ưu điểm	* Có chất lượng mục vụ cao nhờ lãnh đạo được đào tạo kỹ càng * Có quan hệ lâu dài giữa Hội Thánh và cộng đồng	* Thuận lợi cho việc sinh sản Hội Thánh * Tạo thành mạng lưới giữa những Hội Thánh mới * Có quan hệ lâu dài trong khu vực	* Thuận lợi cho việc nhân rộng Hội Thánh * Khuyến khích các nhân sự thực hiện mục vụ và lãnh đạo * Không phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài

Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> * Khó đưa đến việc nhân rộng Hội Thánh * Người mở mang Hội Thánh ở lại quá lâu tại một nơi * Không động viên được người bình thường và phụ thuộc vào người chuyên nghiệp và nguồn lực bên ngoài * Có thể ngăn trở phong trào phát triển nhanh 	<ul style="list-style-type: none"> * Người mở mang Hội Thánh phải có ân tứ vượt trội * Không phải mọi Hội Thánh đều tăng trưởng và đủ mạnh để chăm sóc nhiều Hội Thánh con * Phụ thuộc vào ân tứ của người mở mang Hội Thánh, sự sinh sản có thể dừng lại khi người mở mang Hội Thánh ra đi * Hội Thánh sinh sản nhưng khó nhân rộng 	<ul style="list-style-type: none"> * Phát triển chậm lúc đầu * Tín hữu địa phương không phải luôn luôn sẵn lòng hoặc có khả năng để lãnh đạo * Lãnh đạo địa phương có thể yếu hoặc thiếu đào tạo * Đa số những người mở mang Hội Thánh không được đào tạo theo phương pháp này * Người mở mang Hội Thánh cần phải đổi chỗ thường xuyên
Điển hình	Đa số những người mở mang Hội Thánh phương Tây	Rick Warren, Bob Roberts	Tom Steffen, George Patterson

Các thành viên của Hội Thánh thường mong đợi điều này ở người mở mang Hội Thánh: “Hãy làm mục sư của chúng tôi! Đó là điều mà ông đã được huấn luyện và trả lương.” Bởi vì người mở mang Hội Thánh thường được huấn luyện nhiều hơn và có nhiều thời gian hơn các thành viên bình thường khác của Hội Thánh, cho nên tự nhiên là người mở mang Hội Thánh gánh vác công tác mục vụ. Nan đề này càng trở nên trầm trọng hơn nếu có nhiều người mở mang Hội Thánh phục vụ trong một nhóm ở cùng một Hội Thánh. Ưu điểm của cách tiếp cận này là Hội Thánh có được sự chăm sóc về mục vụ tốt, các lãnh đạo địa phương có thể được phát triển trong một thời gian dài, và sự dạy dỗ được vững chắc.

Cách tiếp cận này trong công tác mở mang Hội Thánh sẽ vận hành tốt với ba điều kiện: (1) Có tiềm năng cao cho việc tăng trưởng Hội Thánh, hoặc là do dân chúng dễ đáp ứng đối với Phúc âm hoặc thông qua sự chuyển hội của những tín hữu; (2) Đời sống sung túc, ở nơi Hội Thánh mới có thể cung cấp tài chính cho mục sư dù ít tín hữu; và (3) Có những tín hữu trong nước được đào tạo sẵn sàng để có thể mời làm mục sư thay thế cho người mở mang Hội Thánh. Vùng Bắc Mỹ là nơi đáp ứng được những điều kiện này, vì vậy cách tiếp cận này nói chung rất thành công ở đó.

Thật không may, là những điều kiện này không có ở hầu hết những nơi mà công tác mở mang Hội Thánh tiên phong được thực hiện giữa vòng những dân tộc chưa được tiếp cận với Phúc âm lần nào. Nếu Hội Thánh tăng trưởng chậm và các nguồn lực địa phương hạn hẹp, thì Hội Thánh mới sẽ gặp khó khăn trong việc mời và trả lương cho mục sư để thay thế cho giáo sĩ mở mang Hội Thánh. Người mở mang Hội Thánh lưu lại càng lâu trong vai trò mục sư thì Hội Thánh càng phụ thuộc vào ông ta. Đôi khi một giáo sĩ mở mang Hội Thánh lưu lại tại một địa điểm mười năm hoặc thậm chí hai mươi năm, với hy vọng rằng một ngày nào đó một mục sư trong nước được mời để thay thế mình. Thường thì sự thất vọng đến ngay sau đó. Giải pháp duy nhất là hội truyền giáo phải chu cấp tài chính để mời một mục sư trong nước – nếu có thể tìm được – để cho giáo sĩ có thể ra đi.

Điều này kéo dài sự phụ thuộc khó có thể phá vỡ. Những Hội Thánh như thế thì rất khó khăn trong việc nhân rộng.

George Patterson cảnh báo rằng khi chú trọng vào việc vội vã tổ chức buổi nhóm vào Chúa nhật để nghe giáo sĩ giảng, thì có nguy cơ tạo nên “chủ đề giảng dạy” thay vì các Hội Thánh Tân ước. Ông viết: “Có lẽ đến chín mươi phần trăm các giáo sĩ mở mang Hội Thánh bắt đầu các chủ đề giảng với hy vọng rằng chúng sẽ làm cho Hội Thánh tiến triển. Điều đó không xảy ra ngoại trừ bởi ân điển của Đức Chúa Trời, nếu Ngài thương xót. Các chủ đề giảng dạy có xu hướng duy trì chính nó” (1981, 603). Quan sát của chúng tôi xác nhận điều này.

Hơn nữa, những Hội Thánh được thành lập và quản nhiệm bởi một người ngoại quốc thường có cảm giác xa lạ đối với người ở trong nước, ít nhất là lúc đầu. Sau đó việc chuyển từ mục sư giáo sĩ sang mục sư ở trong nước có thể khó khăn bởi vì Hội Thánh đã quen thuộc với cách lãnh đạo của giáo sĩ. Việc chuyển đổi sẽ càng khó khăn hơn nếu người mở mang Hội Thánh có trình độ hơn vị mục sư trong nước.

Có một nhận thức cơ bản hiện diện trong những người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư đó là Hội Thánh phải có một mục sư được đào tạo và được trả lương thì mới được xem là một Hội Thánh hợp lệ. Dĩ nhiên, một mục sư được trả lương là điều mong muốn trong nhiều tình huống, nhưng mục sư được trả lương chắc chắn không phải là một *đòi hỏi* của Kinh thánh để được xem là một Hội Thánh đã được hình thành. Các Hội Thánh mà Phao-lô thành lập rõ ràng là được lãnh đạo bởi các tín hữu bình thường và có nhiều trưởng lão. Thật ra lịch sử truyền giáo cho đến thời đại của chúng ta đã chứng tỏ rằng các phong trào mở mang Hội Thánh năng động nhất được lãnh đạo bởi những người bình thường và không bị trở ngại bởi tình trạng khó xử là “làm sao chúng ta có thể trả lương cho một mục sư.” David Garrison (2000, 35) xác nhận lãnh đạo địa phương, thường là những mục sư không chuyên nghiệp, là một trong mười yếu tố chung thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh chóng của phong trào mở mang Hội Thánh khắp thế giới. Chỉ khi nào một phong trào đã trưởng thành thì mới phát sinh vấn đề trả lương cho hàng giáo phẩm.

Bởi vì người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư nghĩ rằng một ngày nào đó một mục sư được đào tạo chuyên nghiệp sẽ thay thế mình, cho nên ít nỗ lực trong việc đào tạo và giao quyền cho những người bình thường thực hiện mục vụ. Hơn nữa, những tín hữu trong Hội Thánh có thể trở thành “vô tích sự” vì có một mục sư trọn thời gian hay thậm chí một nhóm những nhân sự được trả lương đầy đủ trong nhóm mở mang Hội Thánh. Người mở mang Hội Thánh đã lập một tiêu chuẩn chuyên nghiệp khó có thể thực hiện. Những người trong nước có thể cảm thấy thua kém bởi vì họ tin rằng họ không thể thực hiện mục vụ tốt như người mở mang Hội Thánh, và họ lo sợ rằng Hội Thánh không thể tồn tại nếu không có một mục sư được đào tạo và được trả lương. Có lẽ suy nghĩ này là một ngăn trở *không đáng có* đối với việc mở mang và nhân rộng Hội Thánh tại nhiều nơi trên thế giới ngày nay. Việc các giáo sĩ bị trói buộc tại một nơi trong nhiều năm cũng như thái độ chuyên nghiệp đối với mục vụ đã kiềm chế sự động viên các tín hữu địa phương bình thường và sự sinh sản của Hội Thánh.

Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Xúc Tác

Dạng thứ hai là mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác. Xúc tác là chất tạo ra hay ảnh hưởng đến phản ứng hóa học giữa các chất khác. Khả năng tạo ra phản ứng vẫn có, nhưng chất xúc tác làm cho nó xảy ra. Người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác lập một

Hội Thánh và lưu lại trong Hội Thánh đó trong vai trò mục sư hoặc giữ vai trò là người chủ chốt trong khu vực để trở thành một chất xúc tác hoặc là người tạo thuận lợi cho việc sinh sản Hội Thánh. Các nguồn lực đáng kể thường được đầu tư vào việc thành lập và củng cố Hội Thánh ban đầu với mục tiêu là nó sẽ trở thành một cơ sở để thành lập vô số các Hội Thánh khác trong khu vực. Giống như những người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư, người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác có thể nắm giữ vai trò mục sư trong Hội Thánh đầu tiên. Nhưng người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác khác với người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư là họ không những chỉ có khái tượng về việc sinh sản Hội Thánh mà còn có khả năng và chiến lược để hiện thực hóa khái tượng đó. Thay vì tập trung sức lực của họ vào công tác mục vụ và sự tăng trưởng của Hội Thánh, họ đầu tư phần lớn sức lực vào việc trang bị, động viên và sử dụng các nhân sự cho việc nhân rộng Hội Thánh. Họ không thỏa mãn với việc thành lập một Hội Thánh và tiếp tục lập một Hội Thánh khác – nghĩa là phát triển Hội Thánh theo cấp số cộng. Họ quyết tâm tạo ra một phong trào toàn bộ xúc tác từ Hội Thánh đầu tiên, thúc đẩy việc nhân cấp nhiều nhóm mở mang Hội Thánh.

Như chúng tôi sẽ mô tả trong chương 7, cách tiếp cận dạng mẹ-con hoặc tách đàn là một trong những phương pháp hiệu quả nhất để sinh sản Hội Thánh nhanh chóng, và tại Bắc Mỹ các Hội Thánh tọa lạc tại nhiều địa điểm đã trở thành một phương cách để sinh sản Hội Thánh. Tuy nhiên, các phong trào đó hiếm khi phát triển tách rời với sự lãnh đạo mang tính xúc tác – những người lãnh đạo không chỉ có khái tượng mà còn có khả năng để động viên và thúc đẩy những người khác trong việc sinh sản Hội Thánh. Một khi đã có nhiều Hội Thánh được hình thành thì nguồn lực sẽ chuyển sang chăm sóc và duy trì. Những người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác cần lãnh đạo Hội Thánh thoát ra khỏi trạng thái thoải mái và bước đi bởi đức tin hướng tới sự sinh sản. Thật lý tưởng nếu có một mục sư trong nước hoặc nhân sự đảm trách việc này, nhưng người mở mang Hội Thánh có ân tứ vượt trội cũng có thể đảm trách vai trò xúc tác này.

Người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác thường phù hợp tại các khu đô thị, nơi có tiềm năng lớn cho việc thành lập các Hội Thánh con. Ví dụ, Rick Warren đã tiên phong thành lập Hội Thánh Saddleback. Dù Warren không rời khỏi Hội Thánh ông đã thành lập hay quản nhiệm bất cứ Hội Thánh con nào, nhưng dưới sự lãnh đạo của ông Hội Thánh Saddleback đã tiếp tục mở ra 26 Hội Thánh mới trong vòng 20 năm đầu tiên. Ông là một xúc tác quan trọng được Đức Chúa Trời sử dụng để tạo ra sự sinh sản Hội Thánh. Ron Sylvia đã thành lập Hội Thánh The Springs tại Ocala, Florida năm 1995, đến năm 2006 nó đã thành lập 10 Hội Thánh mới trong khi đó bản thân Hội Thánh đó tăng trưởng từ 21 người lên 3000 người (Sylvia 2006). Hội Thánh Northwood, gần Fort Worth, Texas được lãnh đạo bởi Bob Roberts Jr. tuyên bố đã thành lập 100 Hội Thánh mới! Roberts đã khám phá rằng chìa khóa để thành công trong việc sinh sản Hội Thánh là tuyển mộ và huấn luyện một đội ngũ những người thành lập Hội Thánh mới. Giống như nhiều Hội Thánh có khả năng sinh sản khác, Hội Thánh Northwood đã lập ra chương trình đào tạo người mở mang Hội Thánh đặt cơ sở tại Hội Thánh mẹ để đào tạo những người mở mang Hội Thánh (xin xem Roberts 2008). Xin xem Bài học thực tế 5.1 để thấy một điển hình về người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác tại Venezuela.

Những người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác như vậy là hiếm có trong số những người trong nước và thậm chí càng ít hơn trong vòng những người mở mang Hội Thánh bởi vì đòi hỏi phải có những ân tứ vượt trội để động viên và duy trì phong trào. Có lẽ yếu điểm lớn nhất của kiểu này là người mở mang Hội Thánh đánh giá quá cao khả năng của

mình trong việc lãnh đạo, đầu tư nhiều thời gian và năng lực vào một Hội Thánh và thất bại trong việc sản sinh Hội Thánh. Hơn nữa, phong trào mở mang Hội Thánh có thể phụ thuộc nhiều vào người lãnh đạo và thường đình trệ khi người đó ra đi. Người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác sẽ dựa vào việc tuyển mộ và huấn luyện những người mở mang Hội Thánh khác để lãnh đạo các Hội Thánh mới. Cuối cùng, bởi vì các phong trào kiểu

Bài học thực tế 5.1

Mở Mang Hội Thánh Kiểu Xúc Tác Tại Venezuela.

Francisco Lievano, mục sư của Hội Thánh Dios Admirable tại Caracas, Venezuela, là người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác. Ông giải thích khái niệm mà ông có khi đến với Hội Thánh sau khi làm giáo sư tại một chủng viện như sau: “Tôi đến với ý tưởng thành lập các Hội Thánh. Tôi sẽ làm gì? Có phải chỉ giảng và thực hiện các chương trình của Hội Thánh? Đúng! Vâng, tôi giảng và thực hiện các chương trình nhưng tôi cũng thành lập các Hội Thánh!” (Trích trong Neumann 1999, 13).

Và thực sự ông đã làm như thế. Trong vòng 5 năm, có năm Hội Thánh đã được thành lập, trong khi đó Hội Thánh mẹ đã tăng trưởng từ 200 đến 400 người. Dù Hội Thánh mẹ không phải là một Hội Thánh lớn, nhưng sự lãnh đạo theo kiểu xúc tác đã đưa đến việc thành lập các Hội Thánh con và việc tiếp tục tăng trưởng của Hội Thánh mẹ đồng thời.

xúc tác luôn phụ thuộc vào sự lãnh đạo có ân tứ và khái niệm của người mở mang Hội Thánh tại Hội Thánh mẹ, cho nên Hội Thánh sinh sản nhưng thất bại trong việc nhân rộng: Hội Thánh thành lập vô số Hội Thánh con (sinh sản), nhưng các Hội Thánh con thì không thành lập được các Hội Thánh con riêng của nó (nhân rộng). Để đạt đến sự nhân rộng, thì phong trào không thể chỉ phụ thuộc vào một vài lãnh đạo có ân tứ và khái niệm nhưng phải học cách động viên nhiều lãnh đạo bình thường để các Hội Thánh con cũng thực hiện việc mở mang Hội Thánh.

Một người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác không cần phải có những ân tứ hoặc thành công nổi bật như Rick Warren hay Bob Roberts thì mới có hiệu quả. Cần nói nhiều về việc lưu lại một Hội Thánh cho đến khi nó đã thành lập được Hội Thánh con đầu tiên và thiết lập một kiểu mẫu về sự sinh sản mà có thể được duy trì sau khi người mở mang Hội Thánh đã ra đi. Cũng không nhất thiết là Hội Thánh mẹ phải có hàng ngàn thành viên hoặc tín hữu trước khi nó phát động một phong trào. Thậm chí tại các thành phố đối kháng ở nước Đức, các phong trào mở mang Hội Thánh đã xuất hiện phần lớn thông qua sự lãnh đạo có khái niệm trong các Hội Thánh có số tín hữu ít hơn 200 người.

Một hình thức khác của việc mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác là khi người mở mang Hội Thánh không giữ vai trò mục sư của Hội Thánh nhưng trở thành người huấn luyện những người mở mang Hội Thánh khác. Chúng tôi sẽ giải thích trong chương 17 về cách thức phong trào được phát động qua việc thành lập những trung tâm đào tạo người mở mang Hội Thánh. Giống như những mục sư làm chất xúc tác, những người huấn luyện theo kiểu xúc tác sinh sản bằng việc phát triển, khích lệ và động viên vô số những người mở mang Hội Thánh khác để họ mở mang vô số Hội Thánh.

Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ

Cách tiếp cận của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ hoàn toàn khác với cách tiếp cận của người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư hay xúc tác. Người mở mang Hội Thánh kiểu này tuân theo mẫu mực của sứ đồ Phao-lô, người mà chúng ta biết là không bao giờ trở thành mục sư của Hội Thánh ông thành lập. Trái lại, sau khi truyền bá Phúc âm, ông tập trung vào việc trao quyền cho các tín hữu địa phương, cơ bản là những nhân sự bình thường, thực hiện và mở rộng công việc sau khi ông ra đi. Chức vụ của ông mang tính lưu động, thành lập Hội Thánh và giao cho các lãnh đạo địa phương quản trị để ông có thể tiếp tục công tác tiên phong giữa vòng các dân chưa nghe Phúc âm. Đôi khi các tín hữu địa phương được tuyển mộ vào nhóm truyền giáo lưu động của Phao-lô, và nhờ vậy đã gieo cây được khải tượng về sự nhân rộng và truyền giáo toàn cầu cho các Hội Thánh non trẻ ngay từ đầu. Hoàn toàn tránh được sự phụ thuộc vào bên ngoài. Với kiểu mẫu này, vấn đề “Ai sẽ thay thế người mở mang Hội Thánh để làm mục sư?” không bao giờ được đặt ra, bởi vì người mở mang Hội Thánh không bao giờ trở thành mục sư. Ngay từ đầu người mở mang Hội Thánh đã chuẩn bị các tín hữu địa phương để làm mục sư, tin chắc rằng họ có đủ khả năng nếu được chỉ dẫn đầy đủ. Đây là chìa khóa để nhân rộng Hội Thánh và sự rút lui của người mở mang Hội Thánh.

Khi đã có người đáp ứng đối với Phúc âm và một phong trào mở mang Hội Thánh bắt đầu phát triển, thì người mở mang Hội Thánh có thể không cần trực tiếp thực hiện việc mở mang Hội Thánh mà để cho các tín hữu địa phương đảm đương công việc. Khi đó người mở mang Hội Thánh đảm đương vai trò của một người huấn luyện, người tạo thuận lợi và người tư vấn cho phong trào. Nếu sự đáp ứng chậm hơn, người mở mang Hội Thánh có thể rút lui dần khỏi Hội Thánh ban đầu và bắt đầu một công tác tiên phong trong khu vực. Trong trường hợp này, người mở mang Hội Thánh cần tuyển mộ một hay nhiều tín hữu địa phương từ Hội Thánh ban đầu để tham gia với mình trong vai trò người tập sự người mở mang Hội Thánh, như Phao-lô đã làm.

Cách tiếp cận này đã được ủng hộ bởi nhiều người mở mang Hội Thánh và tác giả. Năm 1951 Henry Venn, một trong những người đầu tiên chủ trương “tam tự” (tự truyền bá, tự quản trị, tự trang trải), lập luận rằng “giáo sĩ phải rất cẩn thận để không trở thành mục sư bởi vì điều đó sẽ làm họ lệch hướng khỏi nhiệm vụ chính và sẽ truyền lại cho các mục sư bản địa các kiểu mẫu châu Âu không thích hợp” (Williams 1990, 6). Roland Allen trong tác phẩm xuất bản năm 1927 với tựa đề *Các Phương Pháp Truyền Giáo: Của Phao-Lô hay Của Chúng Ta?* đã tập trung sự chú ý vào bản chất lưu động của chức vụ sứ đồ của Phao-lô và việc Phao-lô mạnh dạn trao quyền và phó thác các tín hữu địa phương cho Đức Thánh Linh, xem đó là một mẫu mực cho các giáo sĩ ngày nay.

Glenn Kendall, một giáo sĩ tại Rwanda và thành viên của phong trào mở mang Hội Thánh đang phát triển nhanh chóng, minh họa sự khác nhau giữa người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư và người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ trong một bài viết với tựa đề hết sức “Giáo sĩ không nên thành lập Hội Thánh” (1988). Ông mô tả một giáo sĩ có tên là Bob sau mười lăm năm hoạt động với tư cách là người mở mang Hội Thánh trong một thành phố lớn đã có một nhóm nhỏ khoảng 60 người nhóm lại trong một tòa nhà thuê mượn. Một giáo sĩ khác là Jeff chỉ làm việc bốn năm trong cùng thành phố nhưng đã thành lập được hai Hội Thánh và đang tiếp tục mở Hội Thánh thứ ba.

Bob có kế hoạch mở một Hội Thánh và ông đã thành công, dù chậm chạp. Bởi vì không ai trong số tín hữu của ông có được sự huấn luyện hoặc kinh nghiệm, nên Bob phải làm tất cả mọi việc từ giảng đến dạy. Tín hữu của ông nói chung xác nhận mục vụ của ông. Họ không sẵn sàng để đảm nhận vai trò của ông và ông cũng không nóng lòng từ bỏ. Ông đã đầu tư mười lăm năm tại Hội Thánh này và ông không muốn từ bỏ sự kiểm soát quá sớm để rồi phải thất bại.

Trái lại, Jeff tạo điều kiện để mở mang các Hội Thánh. Ông ta khích lệ và huấn luyện mọi người làm việc đó. Ông không giảng mọi Chúa nhật. Ông khuyến khích những tín hữu mới và phát triển lãnh đạo ngay từ đầu. Ông không tổ chức nhóm trừ khi đã có người trong nước để hướng dẫn.

Mục vụ của Jeff phát triển vì ông đã thu hút được các lãnh đạo tham gia vào công việc. Mục vụ của Bob kéo dài lê thê. Ông nghĩ phải mất mười năm nữa thì ông mới có lãnh đạo thay thế (1988, 218-219).

Chúng ta gọi Bob là người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư và Jeff là người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ. Kendall tiếp tục cho rằng các giáo sĩ phải trở thành *người tạo thuận lợi* của các Hội Thánh mới thay vì là người lãnh đạo. Ông cho rằng triết lý mục vụ và các phương pháp có thể thúc đẩy sự nhân rộng Hội Thánh hơn là sự đáp ứng của con người, thậm chí ở những nơi dường như không có sự đáp ứng.

Thậm chí Kendall đề nghị người mở mang Hội Thánh hoạt động tại hai hoặc ba nơi đồng thời, nhờ đó giảm đi sự phụ thuộc và buộc những người địa phương phải phát triển Hội Thánh và mục vụ của họ: “làm việc tại hai hoặc ba nơi cùng lúc. Điều này thực sự giúp các Hội Thánh mới hình thành, bởi vì bạn sẽ là người cố vấn chứ không phải là nhân vật chính. Làm việc tại hai hoặc ba nơi cùng lúc buộc bạn rời xa họ và tạo điều kiện cho các lãnh đạo trong nước tiến bộ. Bạn sẽ tìm hãm những lãnh đạo mới trừ phi bạn thiết lập kế hoạch thời giờ xa cách họ” (1988, 221). Những người mở mang Hội Thánh kiểu “may trạ” có nhiều thuận lợi hơn trong trường hợp này. Bởi vì họ không có khả năng phục vụ Hội Thánh trọn thời gian, cho nên Hội Thánh có xu hướng ít phụ thuộc vào họ hơn.

Garrison ủng hộ quan điểm cho rằng các giáo sĩ mở mang Hội Thánh nên giữ vai trò là người tạo thuận lợi. Ông nói, “Các giáo sĩ tham gia phong trào mở mang Hội Thánh thường nói về việc tự kỷ luật đối với người mở mang Hội Thánh làm công tác cố vấn thay vì chính họ làm công việc mở mang Hội Thánh” (2000, 34). Ông nhận xét rằng các phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng nhanh tạo cơ hội lớn cho việc huấn luyện các lãnh đạo địa phương, những người này sẽ chăm sóc các Hội Thánh. Một trong mười yếu tố chung của phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng nhanh là những người bên ngoài giữ vai trò thứ yếu. Người mở mang Hội Thánh tập trung vào công việc cố vấn các tín hữu mới. “Sự khủng hoảng của việc chuyển giao trách nhiệm có thể giảm thiểu khi giáo sĩ chia sẻ trách nhiệm ngay từ đầu với những người ông hướng dẫn. Cách thức làm mẫu việc mở Hội Thánh mới và thờ phượng, rồi giúp đỡ các tín hữu làm tương tự, sẽ giúp chuyển giao khả năng chuyên môn của giáo sĩ sang thế hệ tiếp theo của những người mở mang Hội Thánh tại địa phương” (Garrison 2000, 44). Việc huấn luyện các lãnh đạo địa phương qua công việc (không phải trong chủng viện) cũng là một yếu tố chìa khóa trong việc sinh sản Hội Thánh nhanh chóng. Garrison đề nghị một cách tiếp cận gọi là “MAWL” trong việc huấn luyện lãnh đạo địa phương: “Làm mẫu, Giúp đỡ, Theo dõi và Ra đi.” Để làm được việc này thì người mở mang Hội Thánh phải làm mẫu nhiều khía

chênh lệch nhau của mục vụ, nhưng phải luôn luôn với một quan điểm là trang bị cho những người khác và không giữ trách nhiệm chính hoặc mục vụ lâu dài. Những người mở mang Hội Thánh đến từ nước ngoài cũng cần học ngôn ngữ và văn hóa bản địa để công việc được hiệu quả. Xin xem bài học thực tế 5.2 về một điển hình mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ tại Ấn Độ.

Bài Học Thực Tế 5.2

Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Rashtiya Sumachar Parishad Tại Uttar Pradesh, Ấn Độ

Năm 1992, một hội truyền giáo bản địa Ấn Độ bắt đầu các nỗ lực truyền giáo tại Uttar Pradesh, tiểu bang đông dân nhất của Ấn Độ. Cách tiếp cận lúc đầu vẫn là “kiểu truyền giáo cũ”: người mở mang Hội Thánh sống tại một khu phố và tổ chức nhóm tại nhà ông ta và thực hiện các buổi nhóm khác. Sau mười năm thì có khoảng 700 tín hữu tại 10 vùng.

Tuy nhiên, năm 2002 chiến lược được thay đổi và mô hình kiểu sứ đồ được áp dụng. “Trong năm đầu tiên người mở mang Hội Thánh sẽ thành lập các nhóm thông công tại 10 làng, huấn luyện một lãnh đạo cho mỗi làng và giao nhóm thông công đó cho anh ta. Vị giáo sĩ chuyển đến 10 làng khác trong năm tiếp theo.” Việc đào tạo các lãnh đạo địa phương là trọng tâm của chiến lược.

Kết quả là trong vòng một năm số các nhóm thông công tăng từ 65 lên 130 và số lượng tín hữu tăng lên 1500 người. Như vậy, qua việc áp dụng cách tiếp cận mới, kết quả đạt được trong 10 năm trước đó đã tăng hơn gấp đôi trong 12 tháng (LOP 43, 2005, 26).

Câu hỏi thảo luận

1. Theo bạn, vì sao chiến lược mới lại có hiệu quả hơn?
2. Một chiến lược như vậy có đạt được những kết quả tương tự trong những bối cảnh khác không? Vì sao có hoặc không?

George Patterson, cũng là một người ủng hộ mô hình kiểu sứ đồ, đã tham gia vào phong trào mở mang Hội Thánh tại Honduras và đã thành lập chừng 100 Hội Thánh tại gia trong 20 năm. Cách tiếp cận này chủ yếu dựa vào giáo dục thần học mở rộng và huấn luyện tại chức cho các lãnh đạo địa phương (Patterson 1981). Cùng với Richard Scoggins ông đã xuất bản cuốn *Hướng Dẫn Việc Nhân Rộng Hội Thánh* (1993), và cùng với Galen Currah ông đã soạn ra tài liệu “Huấn Luyện Và Nhân Rộng” được dùng để làm tài liệu đào tạo lãnh đạo và mở mang Hội Thánh.⁴

Paul Gupta, người đã huấn luyện nhân sự và phát động một phong trào mở mang Hội Thánh tại Ấn Độ (xem chương 17), ủng hộ cách tiếp cận kiểu sứ đồ qua lời mô tả như sau:

⁴ Xem www.trainandmultiply.info

Đôi khi các ứng viên nghĩ rằng công việc truyền giáo là mở một Hội Thánh và làm mục sư ở đó. Chúng tôi xin nói rõ ràng là một giáo sĩ không nên trở thành mục sư của Hội Thánh mới thành lập giữa vòng những người chưa được tiếp cận. Theo khái tượng của truyền giáo, thì nhóm truyền giáo sẽ đóng vai trò xúc tác để khởi động phong trào. Ngay từ đầu các giáo sĩ phải hiểu rằng họ cần phải phát hiện các ân tứ ở những tín hữu mới và huấn luyện họ thực hiện mục vụ của Hội Thánh. (Gupta và Lingenfelter 2006, 64).

Ngay từ đầu phải huấn luyện những người trong nước để họ thực hiện tất cả các mục vụ cơ bản: truyền giáo, giảng, dạy, tư vấn, quản lý. Người mở mang Hội Thánh phải gạt bỏ ước muốn đòi hỏi mục vụ phải “hoàn hảo”. Vai trò cơ bản của người mở mang Hội Thánh là ở phía sau và huấn luyện những người khác. Người mở mang Hội Thánh yêu thích việc giảng thì phải chú trọng vào việc huấn luyện những người khác giảng; người có ân tứ trong việc tư vấn cần phải chú trọng việc đào tạo người tư vấn. Bài giảng của các nhân sự có lẽ sẽ không được trau chuốt về mặt giải kinh hoặc sắc sảo về mặt thần học như các giáo sĩ. Nhưng kết quả là sẽ phát triển được những lãnh đạo địa phương có khả năng thực sự để phục vụ Hội Thánh tốt sau khi người mở mang Hội Thánh ra đi (xem bài học thực tế 5.3). Người Giáo sĩ chỉ đảm nhận mục vụ trong thời gian cần thiết để huấn luyện người trong nước. Ngoài việc truyền giáo và chăm sóc ban đầu, nếu chưa tìm được một người trong nước để đào tạo, thì có lẽ chưa nên bắt đầu mục vụ. Điều này có thể làm cho việc khởi đầu chậm hơn nhưng chúng tôi tin rằng sẽ đem lại một kết quả chắc chắn hơn cho Hội Thánh.

Bài học thực tế 5.3

Ai Sẽ Giảng Ngày Chúa Nhật?

Trong một chuyến đi tư vấn, Craig dự một buổi họp của các lãnh đạo của một Hội Thánh nhỏ mới thành lập tại một thành phố ở Đông Âu. Họ đang thảo luận về cách làm thế nào để chuyển từ việc nhóm hai tuần một lần sang nhóm hằng tuần. Trở ngại chính là thiếu một người giảng cho các buổi nhóm tăng thêm. Khả năng về ngôn ngữ và gốc gác văn hóa của giáo sĩ là việc gây trở ngại cho ông không thể giảng nhiều hơn hai tuần trong một tháng. Đề nghị đầu tiên của nhóm là xin Hội truyền giáo thêm một giáo sĩ nữa hoặc tìm kiếm từ nguồn lực bên ngoài để đáp ứng nhu cầu. Khi họ bắt đầu suy nghĩ về giải pháp thay thế, thì vấn đề trở nên rõ ràng là có nhiều lãnh đạo của Hội Thánh không thuộc hàng giáo phẩm có thể giảng nếu giáo sĩ giúp đỡ họ chuẩn bị bài giảng. Giải pháp này tránh được sự phụ thuộc đồng thời động viên được những người bình thường gánh vác công tác mục vụ.

Việc mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ gặp phải nhiều thách thức. Người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ cần phải thay đổi địa điểm một cách thường xuyên, là điều khó khăn cho gia đình và hạn chế mối quan hệ lâu dài. Rất ít người mở mang Hội Thánh được đào tạo theo cách này, và ít người thực sự muốn hạn chế mục vụ của họ hoặc làm chậm sự phát triển của Hội Thánh do phải phát triển những người lãnh đạo địa phương. Có những trường hợp, đặc biệt là tại những vùng chống đối, các tín hữu địa phương không thích hợp với việc lãnh đạo hoặc không muốn gánh vác trách nhiệm. Ở nơi mà các tín hữu mới

mù chữ hoặc là dân du mục hoặc xuất thân từ một quan điểm phi cơ đốc cực đoan, thì quá trình phát triển các lãnh đạo và các Hội Thánh có thể rất lâu. Sự ra đi sớm của giáo sĩ có thể gây ra những nan đề tại Hội Thánh mới, như sứ đồ Phao-lô đã kinh nghiệm với Hội Thánh tại Cô-rinh-tô. Tuy nhiên, đây là phương pháp mà Phao-lô đã sử dụng và đã được sử dụng trong hầu hết các phong trào mở mang Hội Thánh có sự phát triển nhanh chóng tại nhiều nơi trên thế giới. Chúng tôi không quan tâm nhiều đến tốc độ vì các phương pháp có khả năng sinh sản mang tính địa phương về lâu dài có thể tạo nên một phong trào tự duy trì.

Kiểu Nào Là Tốt Nhất?

Mỗi phương pháp đều có thể được Đức Chúa Trời sử dụng để hoàn thành mục đích. Những người dự tính mở mang Hội Thánh có thể quyết định kiểu thích hợp bằng cách khảo sát sự tương thích của mỗi kiểu với các nguyên tắc chung của Kinh thánh và khả năng của mỗi kiểu để đạt được các mục tiêu của việc thành lập Hội Thánh như là tình trạng thuộc linh, sự nhân rộng, tính bản địa hóa và việc quản lý các nguồn lực. Đánh giá theo cách như vậy thì bất cứ kiểu nào trong ba kiểu nói trên cũng có thể là kiểu tốt nhất tùy thuộc vào người mở mang Hội Thánh, bối cảnh và sự tể trị của Đức Chúa Trời.

Như đã trình bày ở trên, kiểu mục sư có hiệu quả nhất tại những nơi có sự đáp ứng phúc âm từ trung bình trở lên và những nhóm cư dân giàu có, nơi có thể cung cấp những mục sư được đào tạo, có nguồn lực địa phương để trả lương, và có triển vọng lớn cho sự phát triển Hội Thánh. Nó cũng đòi hỏi những mục sư đủ tiêu chuẩn, thường là được đào tạo chính thức, phải sẵn có tại địa phương. Trong trường hợp người mở mang Hội Thánh đến từ một nền văn hóa khác, thì khó khăn trong việc chuyển đổi từ người mở mang Hội Thánh sang mục sư trong nước có thể được giảm bớt khi người mở mang Hội Thánh hoàn tất một đợt thực tập dưới danh nghĩa là một mục sư trong nước như là một phần trong việc chuẩn bị của ông ta. Qua đó người mở mang Hội Thánh học được cách áp dụng phong cách mục vụ đối với văn hóa địa phương.

Kiểu xúc tác thích hợp nhất đối với các vùng đô thị có tiềm năng cho việc nhân rộng Hội Thánh trong khu vực. Một Hội Thánh lớn thường có sức hấp dẫn đối với khu vực thông qua các mục vụ đặc biệt và nổi trội. Với sự xúc tác của lãnh đạo, Hội Thánh đó có thể mở ra các Hội Thánh con gồm những người được hấp dẫn từ các cộng đồng lân cận và các vùng ngoại ô. Một Hội Thánh lớn cũng có một số lượng tín hữu lớn hơn để từ đó có thể tuyển mộ, huấn luyện và hỗ trợ những người mở mang Hội Thánh. Tuy nhiên, người mở mang Hội Thánh phải có ân tứ vượt trội và có một cam kết lâu dài. Nó đòi hỏi một khái tượng và nỗ lực lớn để giữ Hội Thánh lớn luôn hướng ngoại và quyết tâm sinh sản.

Mặt dù không phải là không có thách thức, kiểu sứ đồ là kiểu mà chúng tôi tin rằng sẽ tạo thuận lợi nhiều nhất cho sự nhân rộng Hội Thánh, đặc biệt là trong bối cảnh mục vụ đa văn hóa. Nó có tính linh hoạt nhất, phù hợp với cả bối cảnh nông thôn và đô thị, nhóm dân cư sung túc hay nghèo khó, và dường như là cách tiếp cận được Đức Chúa Trời ban phước nhiều nhất để tạo thuận lợi cho các phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng nhanh khắp thế giới. Nhưng cách tiếp cận này đòi hỏi sự kiên nhẫn lâu dài cũng như việc đổi mới suy nghĩ và đào tạo lại phần lớn những người mở mang Hội Thánh. Do phụ thuộc chủ yếu vào các nhân sự lãnh đạo địa phương, cho nên sự tăng trưởng bước đầu sẽ rất chậm. Mặt khác, cách tiếp cận kiểu sứ đồ về lâu dài hứa hẹn một sự sinh sản và nhân

rộng nhanh hơn bởi vì nó ít phụ thuộc vào các giáo sĩ hay những người mở mang Hội Thánh chuyên nghiệp và các nguồn lực bên ngoài. Tom Steffen giải thích tầm quan trọng của cách tiếp cận kiểu sứ đồ dưới hình thức chuẩn bị cho sự ra đi của người mở mang Hội Thánh:

Người mở mang Hội Thánh tham gia càng nhiều vào các hoạt động hằng ngày trong việc truyền giáo, phát triển Hội Thánh và nhân rộng Hội Thánh, thì việc ủy quyền càng ít xảy ra. Thật ra, cách tiếp cận mục vụ như vậy thường cản trở sự phát triển thuộc linh của người trong nước, và cuối cùng làm chậm hoặc đình trệ quá trình ra đi của giáo sĩ.

Giáo sĩ nước ngoài càng nhanh chóng học cách ủy quyền các mục vụ và cung cấp nhận xét lập tức, thì điều nói trên càng ít xảy ra. (1997, 194)

Kiểu mẫu này có thể gặp khó khăn ở nơi dân cư có trình độ chuyên nghiệp hoặc học vấn cao và có cùng kỳ vọng về những người lãnh đạo mục vụ. Trong bối cảnh như vậy thì các nhân sự lãnh đạo ít được tôn trọng hoặc có ít thời gian để có thể lãnh đạo Hội Thánh một cách hiệu quả. Cuối cùng, khi sử dụng kiểu sứ đồ, phải chú trọng đến việc dạy và chuẩn bị các lãnh đạo địa phương một cách đầy đủ. Sự giảng dạy nghèo nàn hoặc thậm chí sai lạc thường là một nan đề trong các phong trào phát triển nhanh chóng, nơi các Hội Thánh được lãnh đạo bởi các tín hữu trẻ chưa được đào tạo. Chiến thắng....và tăng trưởng sự thay đổi thế giới quan là một tiến trình đòi hỏi nhiều năm thực hiện việc môn đồ hóa và lãnh đạo khôn khéo. Trong trường hợp người mở mang Hội Thánh nhanh chóng ra đi, như sứ đồ Phao-lô, thì cần phải chú ý đến cả mục vụ huấn luyện và mục vụ giảng dạy, như trường hợp người cộng sự của Phao-lô là A-pô-lô.

Người mở mang Hội Thánh và mỗi thành viên trong nhóm cần phải lưu ý đến nhiều giải pháp khác nhau, phải thống nhất trong sự lựa chọn kiểu mẫu phù hợp và phải kiên trì thực hiện kiểu mẫu đó, cũng như lưu ý đến ưu nhược điểm của nó. Những điều này cần phải được thực hiện qua sự tham khảo ý kiến của Hội Thánh hoặc các tín hữu địa phương để tránh hiểu lầm và biết chắc những mong đợi thực sự. Trong nhiều trường hợp việc này đòi hỏi một sự đánh giá lại về vai trò và nhận thức của người mở mang Hội Thánh. Hiệu quả của bất kỳ kiểu mẫu mở mang Hội Thánh nào cũng sẽ phụ thuộc chủ yếu vào sự sẵn lòng và khả năng của người mở mang Hội Thánh để điều chỉnh vai trò của mình cho phù hợp với kiểu mẫu đó.

Sứ Đồ/Giáo Sĩ Đối Lập Với Mục Sư/Trưởng Lão

Trong Kinh thánh, chúng ta tìm thấy nhiều khác biệt có ích giữa các mục vụ có tính tiên phong và lưu động và các mục vụ có tính củng cố và cố định. Việc nhận ra những khác biệt này là rất quan trọng để nhận thức được vai trò của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ. Trong 1 Cô 3:6 Phao-lô viết: “Tôi đã trồng, A-pô-lô đã tưới, nhưng Đức Chúa Trời làm cho lớn lên.” Ở đây chúng ta thấy một khác biệt giữa công tác tiên phong của người trồng đối lập với công tác làm cho vững mạnh của người tưới. Cả Phao-lô và A-pô-lô đều lưu động, và cả hai đều quan trọng đối với việc thành lập các Hội Thánh mạnh mẽ. Dù Hội Thánh Cô-rinh-tô đã được thành lập bởi Phao-lô, và ông đã rời khỏi đó để thực hiện công tác tiên phong khác, sau đó A-pô-lô đã đến Cô-rinh-tô để giảng dạy và khích lệ các tín hữu ở đó (Công vụ 18:27; 19:1).

Trong Công vụ 14:23 chúng ta thấy Phao-lô và Ba-na-ba đã lập các trưởng lão trong các Hội Thánh mà họ đã thành lập và giao phó họ cho Chúa, nghĩa là hoàn toàn phó thác cho họ việc lãnh đạo các Hội Thánh. Tương tự, khi Phao-lô rời khỏi Ê-phê-sô thì ông cũng giao phó các trưởng lão cho Đức Chúa Trời và phó thác việc chăm sóc Hội Thánh cho họ (Công vụ 30:32). Các trưởng lão này ở lại trong các Hội Thánh, trong khi nhóm truyền giáo tiếp tục công tác tiên phong ở những nơi khác. Cho đến khi các trưởng lão đã được lập trong một Hội Thánh thì việc mở mang Hội Thánh mới được coi là đã hoàn tất (Tít 1:5).

Vai trò của các trưởng lão được mô tả dưới hình thức là người chặn bầy hoặc là người coi sóc Hội Thánh của Đức Chúa Trời, thực hiện việc chăm sóc thuộc linh, dạy dỗ và lãnh đạo (Công 20:28-31; 1 Phi 5:2-3). Ê-phê-sô 4:11 cho biết Đức Chúa Trời “đã ban cho một số người làm sứ đồ, một số người làm nhà tiên tri, một số người khác làm nhà truyền giảng Tin lành, một số người khác nữa làm mục sư và giáo sư.” Dù rõ ràng là có một vài trùng lặp giữa các chức năng của các chức vụ này, thì vẫn có nhiều điểm khác nhau. Từ Hy-lạp được dịch là “sứ đồ” có nghĩa là được sai đi, do đó nhấn mạnh đến tính chất giáo sĩ và lưu động. Chức vụ mục sư và giáo sư thì tương đồng với chức vụ trưởng lão. Bảng 5.2 tóm lược những phát hiện của chúng tôi.

Bảng 5.2
Người Trông đối lập với Kẻ Tươi

Sứ đồ, Giáo sĩ, Người trông	Mục sư, Trưởng lão, Người tươi
Lưu động	Ở tại chỗ
Tiên phong	Làm cho vững mạnh
Khởi đầu	Làm cho lớn lên
Truyền giáo và môn đồ hóa	Dạy dỗ và tư vấn
Trang bị và bổ nhiệm trưởng lão	Chăm sóc tín hữu

Những khác biệt này không mang tính cứng nhắc. Ví dụ, dù Phao-lô về cơ bản là người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, nhưng ông cũng chăm sóc và dạy dỗ các tín hữu (Công 20:20; 1 Tê 2:8-12). Nhưng người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ phải luôn luôn để ý đến việc ra đi của mình, huấn luyện các tín hữu địa phương là những người sẽ ở lại, và tuyển mộ thêm những người mở mang Hội Thánh. Nhiệm vụ chính của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ là tiếp tục công tác tiên phong gieo giống ở những khu vực mới (Rô 15:20), chứ không phải lưu lại trong vai trò mục sư. Như vậy, sau việc truyền giáo ban đầu, thì người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ sẽ ưu tiên thực hiện việc phát triển, trao quyền và chuyển giao công việc cho các tín hữu địa phương, nhận thức về tính chất tạm thời của mục vụ của mình, và hướng đến sự nhân rộng. Điều này đưa chúng ta đến vai trò tạo nên sự tiến triển của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ.

Vai Trò Của Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ Là Thúc Đẩy Sự Tiến Triển

Người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ có mục tiêu là trang bị cho các tín hữu địa phương trở thành người lãnh đạo Hội Thánh và tiếp tục mở mang Hội Thánh. Trong chương 17 chúng ta sẽ thảo luận những phương pháp cụ thể về việc trang bị cho tín hữu địa phương.

Nhưng ở đây chúng ta lưu ý rằng vai trò của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ phải chú ý tạo ra sự tiến triển suốt quá trình, chuyển từ giai đoạn tiên phong sang các giai đoạn thành lập, củng cố và sinh sản của việc mở mang Hội Thánh.

Là một giáo sĩ tiên phong mở mang Hội Thánh trong vòng người Ifugao tại Philippines, Tom Steffen đã phát triển một cách tiếp cận thực tế trong công tác mở mang Hội Thánh. Mô hình này được giải thích trong cuốn sách của ông ta có tựa đề là *Chuyển Giao Gậy Chỉ Huy: Sức Mạnh Của Mở Mang Hội Thánh* (*Passing the Baton: Church Planting That Empowers*, 1997) và chính là mô hình kiểu sứ đồ mà chúng tôi vừa mô tả. Ngay từ đầu người mở mang Hội Thánh đã có chủ ý rút lui dần khỏi công việc bằng cách liên tục huấn luyện người trong nước thực hiện mục vụ và việc nhân rộng Hội Thánh.

Steffen đề ý thấy cơ quan truyền giáo của ông không thành lập được những Hội Thánh có khả năng sinh sản và không định hướng trước về sự thay đổi vai trò như là một phần trong sự chuẩn bị của người mở mang Hội Thánh: “Kết quả là một số nhân sự mở mang Hội Thánh nhận thức vai trò của họ là làm mục sư lâu dài. Hơn nữa, các tín hữu địa phương được huấn luyện để giúp đỡ người ngoại quốc hoàn thành các mục tiêu của họ thay vì được huấn luyện để gánh vác trách nhiệm thay họ. Các giáo sĩ ngoại quốc thường cho rằng cần phải có nhiều năm huấn luyện và kinh nghiệm chức vụ thì những người trong nước mới lãnh đạo Hội Thánh của họ có hiệu quả và tự thành lập các Hội Thánh mới” (1997, 40). Steffen đã phát triển một cách tiếp cận gồm năm giai đoạn trong việc thành lập Hội Thánh không chỉ đem lại sự rút lui có hiệu quả cho các giáo sĩ mà còn cho sự nhân rộng Hội Thánh. “Nếu việc mở mang Hội Thánh phải trở thành cách sống của một dân tộc, thì các tín hữu trong nước phải có khái niệm này và phải được huấn luyện để hoàn thành nó. Để dễ dàng thực hiện mục tiêu này, người mở mang Hội Thánh phải được chuẩn bị tinh thần cho việc thay đổi vai trò để có thể nhanh chóng đưa các lãnh đạo trong nước vào các vị trí mục vụ, và nhờ đó giúp họ trở nên thành thạo” (Steffen 1997, 21). Ông mô tả các vai trò này thay đổi từ học viên đến nhà truyền giáo, giáo sư, người tư vấn tại chỗ, người tư vấn lưu động, và cuối cùng là người tư vấn vắng mặt (xem hình 5.1).

Hình 5.1

**Những Thay Đổi Về Vai Trò Của Giáo Sĩ
Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh Của Tom Steffen**

Giai đoạn 1		Giai đoạn 2		Giai đoạn 3		Giai đoạn 4		Giai đoạn 5	
Tiên Nhập	Thâm	Trước Truyền Giáo	Khi Truyền Giáo	Truyền Giáo	Hậu Giáo	Truyền	Rút Lui		
Học viên		Nhà truyền giáo		Giáo sư		Người tư vấn tại chỗ		Người tư vấn lưu động	
								Người tư vấn vắng mặt	

Toàn bộ nhóm mở mang Hội Thánh phải xem nhiệm vụ mở mang Hội Thánh của mình là một nhiệm vụ tạm thời: họ tồn tại để hoàn thành các mục tiêu về đào tạo các tín hữu địa phương, rồi tiếp tục ra đi, mà Steffen gọi là “rút lui dần.” Ông tuyên bố rằng cần phải có một kiểu cá nhân nhất định để vận dụng một vai trò như vậy, thật sự đặt sự phát triển những người trong nước thành các lãnh đạo lên trên ước muốn phục vụ và lãnh đạo của người mở mang Hội Thánh.

Chúng tôi đề xuất một cách tiếp cận “6-M” đối với vai trò thay đổi của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, tuần tự chuyển từ người khởi động sang người làm mẫu, người động viên, người cố vấn, người nhân cấp, và cuối cùng là người trong trí nhớ (xem hình 5.2). Trong lúc đầu của việc mở mang Hội Thánh thì người mở mang Hội Thánh bắt đầu với vai trò là *người khởi động* bởi vì có rất ít tín hữu để có thể được động viên.

Hình 5.2

Các Vai Trò Của Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ

Khởi đầu	Phát triển	Ra đi
Người khởi động		
Người làm mẫu		
	Người động viên	
	Người cố vấn	
	Người nhân cấp	
		Người trong kí ức

Giáo sĩ với vai trò người khởi động: Lúc khởi đầu chưa có các tín hữu khác. Vì vậy giáo sĩ hoặc nhóm giáo sĩ phải làm người khởi động để bắt đầu công việc. Trọng tâm cơ bản là công tác truyền giáo.

Nguy cơ: Duy trì vai trò người khởi động quá lâu.

Giáo sĩ với vai trò người làm mẫu: Vị giáo sĩ làm mẫu các mục vụ truyền giáo, dạy dỗ, hướng dẫn,... Các tân tín hữu sẽ làm theo mẫu mực của giáo sĩ.

Nguy cơ: Làm mẫu theo cách mà không thể làm theo được.

Giáo sĩ với vai trò người động viên: Khi đã có nhiều người địa phương trở thành tín hữu, giáo sĩ động viên họ tham gia công tác môn đồ hóa, phục vụ và đảm trách các mục vụ. Họ phải nhận biết được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời đối với đời sống của họ. Họ sẽ là những người gánh lấy trách nhiệm thực hiện các mục vụ, chứ không phải là giáo sĩ hay hội truyền giáo.

Nguy cơ: Giáo sĩ làm quá nhiều và quá lâu, hoặc thúc đẩy mục vụ quá sớm.

Giáo sĩ với tư cách người cố vấn: Giáo sĩ huấn luyện các tín hữu địa phương thực hiện các mục vụ cơ bản. Họ nhận trách nhiệm ngay từ đầu. Giáo sĩ dần dần thực hiện vai trò từ phía sau với tư cách người hướng dẫn, người cố vấn, người huấn luyện. Trọng tâm là đào tạo qua công việc.

Nguy cơ: Sử dụng quá nhiều phương pháp tại trường học cho việc huấn luyện. Thiết lập tiêu chuẩn mục vụ quá cao.

Giáo sĩ với tư cách người nhân cấp: Giáo sĩ huấn luyện các tín hữu địa phương trở thành những huấn luyện viên và huấn luyện việc mở Hội Thánh con đầu tiên. Giáo sĩ không còn thể hiện vai trò “đầu tàu” nữa.

Nguyên cơ: Giáo sĩ vẫn duy trì vai trò lãnh đạo thực sự từ phía sau.

Giáo sĩ là người thuộc về kí ức: Vị giáo sĩ ra đi sau khi đã đào tạo được những người lãnh đạo địa phương thay thế mình, hoặc di chuyển đến một nơi khác hoặc trở thành huấn luyện viên về công tác mở mang Hội Thánh trong khu vực.

Nguyên cơ: Ở lại quá lâu.

Nhưng khi đã có khá đông tín hữu thì giáo sĩ bắt đầu trở thành một *người làm mẫu*, thực hiện mục vụ theo cách nào đó để các tín hữu mới có thể dễ dàng làm theo. Sau đó vị giáo sĩ *động viên* họ tự thực hiện mục vụ và *cố vấn* cho họ trong việc phát triển các kỹ năng mục vụ. Người mở mang Hội Thánh *cố vấn* cho các tín hữu trẻ và huấn luyện họ phương cách huấn luyện người khác, đó là lúc việc *nhân cấp* nhân sự và cuối cùng là nhân rộng Hội Thánh được thành tựu. Lúc này người mở mang Hội Thánh có thể hoàn toàn rút lui khỏi Hội Thánh và trở thành một người trong kí ức – để tiếp tục công tác tiên phong mở một Hội Thánh mới (lý tưởng là đem theo một vài thành viên từ Hội Thánh ban đầu để huấn luyện) hoặc tiếp tục với vai trò của một huấn luyện viên về mở mang Hội Thánh của khu vực để giúp đỡ việc nuôi dưỡng phong trào và cố vấn cho những người mở mang Hội Thánh ở địa phương.

Trong khi nhiều người mở mang Hội Thánh đồng ý với cách tiếp cận này về nguyên tắc, thì có nhiều khó khăn xuất hiện khi các tín hữu địa phương dường như không sẵn lòng hoặc không có khả năng để gánh vác trách nhiệm. Người mở mang Hội Thánh thường mất kiên nhẫn và cứ tiến tới, khởi sự nhiều chương trình mới và nhiều trách nhiệm mục vụ hơn, với hy vọng rằng những người địa phương sẽ nắm bắt được dù với thời gian ít ỏi và chưa trưởng thành. Nhưng kết quả thì ngược lại: các tín hữu địa phương càng trở nên phụ thuộc hơn vào người mở mang Hội Thánh, cảm thấy không đủ khả năng để thực hiện mục vụ và tin rằng người mở mang Hội Thánh không tin tưởng vào khả năng của họ. Tệ hại nhất là họ cho rằng nếu họ cứ trì hoãn một thời gian thì giáo sĩ sẽ thành lập Hội Thánh và thực hiện các chương trình mà không cần họ! Hội Thánh được xem như là dự án của giáo sĩ và không có sự đóng góp của họ.

Trong chương này chúng ta đã thấy rằng ngoài cách mở mang Hội Thánh kiểu mục sư quen thuộc, còn có những cách tiếp cận khác có khả năng tạo thuận lợi cho sự sinh sản và nhân rộng Hội Thánh hơn. Đức Chúa Trời đã ban phước cho cách tiếp cận kiểu mục sư quen thuộc, dù các Hội Thánh họ thành lập thường sinh sản rất chậm. Đức Chúa Trời cũng dấy lên những người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác có ảnh hưởng đến toàn bộ thành phố. Nhưng phong trào mở mang Hội Thánh đáng kể nhất được phát động và lãnh đạo bởi những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, là những người tự xem mình như là những người huấn luyện những người mở mang Hội Thánh chứ không phải là những mục sư. Lúc bắt đầu, giáo sĩ cần truyền giáo và môn đồ hóa những tín hữu đầu tiên. Nhưng trong chính những tín hữu mới này, những hạt giống để mở rộng phong trào và lãnh đạo đã được gieo vào. Tiềm năng lớn nhất của phong trào sẽ đạt được qua việc phát triển, trao quyền và chuyển giao cho các tín hữu địa phương thực hiện việc truyền giáo, môn đồ hóa và mở mang Hội Thánh trong quyền năng của Đức Thánh Linh.

Hình Thức Tổ Chức Hội Thánh

Chính Đức Chúa Trời, Đấng sáng lập Hội Thánh, đã ban cho Hội Thánh sự sống và hình thức. Ngài biến đổi con người, đưa họ vào Hội Thánh, ban ân tứ cho họ, và kêu gọi những lãnh đạo với tinh thần tối tở. Sự quan tâm chủ yếu của Ngài hướng về các tín hữu và mối thông công của họ

Trong chương 1 chúng tôi đã định nghĩa bản chất của Hội Thánh và xác định những mục đích quan trọng của Hội Thánh. Nhưng khi chúng tôi nói về *hình thức* tổ chức trong chương này, chúng tôi muốn nói đến cách thức nhóm họp và sinh hoạt của một Hội Thánh – chung hoặc riêng, trong các nhóm nhỏ hay nhóm lớn, theo cách nhóm họp được lập lại (như là nhóm thờ phượng vào Chúa nhật) hoặc theo nhiều cách nhóm họp khác nhau kết hợp. Có thể có người cho rằng hình thức là không quan trọng. Ngược lại, Đức Chúa Trời đã sáng lập Hội Thánh như một cơ thể sống có thể thích nghi, xâm nhập và biến đổi giống như men trong thùng bột (Mat 13:33). Mục đích của chương này là nhằm giúp đỡ những người mở mang Hội Thánh chọn lựa một hình thức tổ chức Hội Thánh căn bản và làm việc với các tín hữu địa phương để làm cho cơ cấu và các mục vụ của Hội Thánh thích nghi với bối cảnh. Có nhiều công trình nghiên cứu tuyệt vời viết về bối cảnh hóa, chúng tôi khuyến khích độc giả nghiên cứu thêm về lĩnh vực này.¹

Sự Đa Dạng Về Hình Thức

Những ai đã thăm viếng các Hội Thánh tại nhiều vùng khác nhau có thể xác nhận sự đa dạng về cách thức Hội Thánh nhóm họp để thờ phượng, gây dựng và phục vụ. Ngày nay, những buổi lễ lớn thịnh hành trong một vài cộng đồng, trong khi đó tại những nơi khác, như các vùng dân du mục và bộ lạc ít người, chủ yếu là các nhóm nhỏ gia đình. Tại những thành phố đông dân cư bạn có thể gặp các Hội Thánh trong tù, những Hội Thánh đường phố, những Hội Thánh trong trường học, những Hội Thánh trong công ty, những Hội Thánh trong quán và các Hội Thánh của một nhóm có cùng sở thích.² Bất bớ hay tự do, nghèo khó hay sung túc, xã hội truyền thống hay cách tân – những yếu tố này vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành Hội Thánh. Cùng với việc trung tâm của Cơ Đốc

¹ Paul Hiebert đã tóm lược những cách tiếp cận mang tính lịch sử và đã đặt ra những giới hạn quan trọng trong bài viết của ông có tựa đề: “Critical Contextualization” (1987). Để nắm được các chủ đề về bối cảnh hóa trong quá khứ và hiện tại, xin xem Flemming 2005, Shorter 1988 và Kraft 2005. Cũng xem Hesselgrave và Rommen 1989, Hiebert 1994, và Hiebert và Meneses 1995.

² Để biết những điển hình hiện tại xin xem LOP 43, 2004, có trên trang web www.lausalme.org/documents/2004forum/LOP43_Ig14.pdf

giáo chuyên dần sang phía Nam và phía Đông, nhiều hình thức Hội Thánh mới cũng xuất hiện. Như Andrew Walls nhận xét, “Đường như hình thức của những chủ đề mới và những ưu tiên là điều mà chúng ta hoặc những thế hệ Cơ đốc nhân trước không thể ngờ tới; vì đặc điểm của đức tin Cơ đốc là phải đưa Đấng Christ vào những vấn đề lớn gần gũi với tấm lòng con người; và việc đó được thực hiện thông qua những cơ cấu để con người hiểu biết và nhận ra thế giới của họ; và những điều này thì không giống nhau đối với tất cả mọi người” (1985, 223).

Nhiệm Vụ Định Hình Hội Thánh

Kinh thánh đưa ra những hướng dẫn chung liên quan đến những khía cạnh nhất định của việc tổ chức Hội Thánh, nhưng rất ít chi tiết mang tính qui phạm. Do đó, một số người không quan tâm lắm đến cơ cấu và khuôn mẫu của Hội Thánh. Điều này là một sai lầm.

Dù không có một cách thức duy nhất đúng hoặc trọn vẹn để định hình Hội Thánh, thì điều đó cũng không có nghĩa là hình thức không có quan hệ gì. Hình thức và nội dung gắn bó chặt chẽ với nhau – trung gian là sứ điệp. Cơ cấu của Hội Thánh là sự biểu hiện hữu hình và rõ ràng về đức tin của Hội Thánh. Vì tình yêu cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã “trở nên xác thịt” hay được hiện thân trong Đức Chúa Giê-xu Christ, vì vậy việc công bố Phúc âm được thể hiện (cách trung tín hay không) qua cách sống và hành động có tổ chức của Hội Thánh – thân thể của Đấng Christ trong thế giới. (Dietterich 2004, 1)

Sự lựa chọn của người mở mang Hội Thánh sẽ có một ảnh hưởng quan trọng đối với sự hình thành, sự tăng trưởng, sự mạnh mẽ và sự sinh sản của Hội Thánh; và những khuôn mẫu được thiết lập vào buổi ban đầu của Hội Thánh rất khó thay đổi về sau. Giống như về hình thức của bữa ăn chung, cầu nguyện gia đình, sự thảo luận gia đình, giáo dục và giải trí quyết định bản chất và sức khỏe của đơn vị gia đình, thì các mẫu mực của Hội Thánh tạo nên tính chất và sức khỏe của Hội Thánh địa phương.

Cần Có Sự Nghiên Cứu Thận Trọng

Việc bỏ qua sự nghiên cứu thận trọng về hình thức của Hội Thánh sẽ là một sai lầm vì hai lý do. Một mặt, khi đối diện với những quyết định không thể tránh về cơ cấu của Hội Thánh, người mở mang Hội Thánh sẽ quay trở lại vị trí mặc định – khuôn mẫu mà họ quen thuộc nhất hoặc ưa thích vì những lý do cá nhân. Mặt khác, những người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm thường đưa ra cuộc họp những yếu tố quan trọng như sự hiểu biết về Kinh thánh, quan điểm xuyên văn hóa, và sự trưởng thành thuộc linh để đối phó trong những cuộc bàn cãi khó khăn. Người bên ngoài, theo gương mẫu của Phao-lô,³ cũng ở trong một vị trí có thể thử thách được những khía cạnh nhất định về cơ cấu và các giá trị xã hội mà các tín hữu địa phương không thấy được. Vì vậy trong giai đoạn thai

³ Banks viết về cấu trúc và các thái độ địa phương như sau: “Trong một vài trường hợp [Phao-lô] thăm tra những điều này và phủ nhận chúng bằng chính phát biểu hay hành vi của ông (1 Cô 6:1-6); trong những trường hợp khác ông yêu cầu chú ý và cẩn thận làm theo (11:14-15)... Trong một chừng mực thì những hoạt động của những Cơ đốc nhân trong các Hội Thánh của ông phải tuân theo những giá trị và mẫu mực của xã hội xung quanh họ và không thể hiểu đúng đắn trừ khi quan tâm đến mối liên hệ với chúng” (1994, 5).

nghe thì điều quan trọng là nhóm mở mang Hội Thánh phải có sự nghiên cứu và thảo luận cẩn thận.

Một Kích Cỡ Không Phù Hợp Cho Tất Cả

Ngay cả cách tiếp cận tự do cũng có thể là một sai lầm, việc cố gắng để tạo nên một nguyên mẫu có tính chất phổ biến cũng không thể đạt được. Một số người ủng hộ *kiểu hội chúng* thuần túy dựa theo khuôn mẫu nhà hội. Dù có nhiều điểm tương tự giữa nhà hội và các hội chúng Cơ đốc đầu tiên thì cũng có những khác biệt đáng chú ý.⁴ Những người khác căn cứ vào thói quen nhóm họp tại nhà trong Tân ước để lập luận rằng *kiểu Hội Thánh tại nhà* phải là tiêu chuẩn. Tuy nhiên, vấn đề là cách tiếp cận này cần thiết đến mức độ nào – bởi vì do sự bất bớ hoặc thiếu nơi nhóm. Hơn nữa, khi Hội Thánh có thể nhóm công khai, thì rõ ràng là họ đã làm như vậy (Công 20:20; 1 Cô 14:23-24).⁵ Nhóm thứ ba ủng hộ *Hội Thánh có sức hấp dẫn lớn* căn cứ theo Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem gồm có những tín hữu và người chưa tin (Công 2:46; 5:12). Nhưng sự nhóm họp đông nơi công cộng của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem rất khó lập lại một khi có sự bất bớ và sau khi đền thờ bị phá hủy năm 70 SC. Hơn nữa, nguồn gốc của sự hấp dẫn dường như đến từ công tác siêu nhiên của Đức Thánh Linh (Công 2:43; 3:1-8; 5:12; 9:32-42) và sức mạnh thuyết phục của lời bài giảng (4:13) chứ không phải là sự cố gắng hấp dẫn mọi người thông qua nơi nhóm công cộng và chương trình được chọn lọc.

Bất cứ kiểu nào trong những nguyên mẫu này cũng có thể thích hợp tùy thuộc vào bối cảnh. Nan đề xuất hiện khi một tiền lệ trong Kinh thánh được áp dụng phổ biến và thiếu cân nhắc. Chúa Giê-xu bảo những người theo Ngài rằng rượu mới cần có bầu da mới (Mat 9:16-17), cũng như Ngài và các sứ đồ của Ngài thi hành chức vụ tại cả những nơi công cộng cũng như tại nhà. Hơn nữa, những ai nghiên cứu các Hội Thánh trong Tân ước trong bối cảnh lịch sử đều đi đến kết luận rằng *ekklesia* là một điều gì đó mới mẻ chứ không phải là một sự sao chép nguyên xi một cấu trúc xã hội nào đó (Meeks 1986, Banks 1994). Họ cũng nhận ra sự đa dạng, sự linh động về chức năng và sự phát triển về hình thức của các hội chúng đầu tiên: “nhiều tập tục và hình thức đã được lấy từ Do-thái giáo, nhưng được sửa đổi, những cái khác hoàn toàn xuất phát từ Cơ đốc giáo” (Latourette 2003, 203).

Ảnh Hưởng Đến Hình Thức

Từ *định hình* không nên gây ấn tượng là người mở mang Hội Thánh, giống như thợ gốm, tưởng tượng ra một sản phẩm, đặt tay vào bàn xoay, và tạo dáng cho Hội Thánh như thể Hội Thánh là một chiếc bình. Nhiều ảnh hưởng xuất hiện trong quyết định liên

⁴ Lần duy nhất Tân ước sử dụng từ *nhà hội* để nói về sự nhóm họp Cơ đốc là Gia-cơ 2:2. Dường như điều này cho thấy rằng dân ngoại hoặc những nhóm tín hữu hỗn hợp được phân biệt với nhà hội Do-thái. Ảnh hưởng của nhà hội là không rõ ràng vì bản thân nhà hội dựa trên sự hiệp tác tự nguyện và nhóm họp tại nhà và không có thông tin đầy đủ về chúng (Meeks 1986, 80-81). Bảng chứng Tân ước cho thấy các thành viên của nhà hội là tín hữu đã rời nhà hội và thành lập một nhóm tín hữu địa phương riêng không phân biệt giới tính và chủng tộc. Hoạt động của họ đặt nền tảng trên nhu cầu và việc sử dụng các ân tứ hơn là nghi lễ và truyền thống (Banks 1994, 88, 108).

⁵ “*Hội Thánh* (như chúng ta thường dịch *ekklesia*) trong mỗi thành phố bao gồm một số các nhóm nhỏ gặp nhau trong nhiều nhà riêng khác nhau. Ở nơi mà Cơ đốc nhân may mắn tìm được một tín hữu hay một người thông cảm có thể cung cấp cho một nhà rộng rãi hơn thì tất cả các nhóm trong thành phố có thể thỉnh thoảng gặp nhau để thờ phượng và nhận sự dạy dỗ” (Meeks 1986, 110).

quan đến cơ cấu của Hội Thánh: sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, ảnh hưởng của các Hội Thánh khác (đặc biệt là Hội Thánh mẹ, Hội Thánh tài trợ hoặc Hội Thánh bạn trong nước), ý kiến của người mở mang Hội Thánh, những yếu tố ngoài tầm kiểm soát (sự bất bớ, các nguồn lực), và ao ước của chính Hội Thánh mới. Mục tiêu là lựa chọn các cơ cấu và ảnh hưởng mang tính chiến lược nhất để cho Hội Thánh mạnh mẽ, có tính địa phương và sinh sản được. Những người mở mang Hội Thánh phải hiểu và bao quát sự đa dạng về hình thức của Đức Chúa Trời khi họ tìm kiếm – cùng với các tín hữu địa phương – những cách thích hợp với văn hóa nhất để hoàn thành những mục đích định trước đối với sự tồn tại và sứ mạng của các Hội Thánh mới.

Những Nguyên Tắc Có Liên Quan

Tự Do Lựa Chọn Hình Thức Của Hội Thánh Dưới Sự Hướng Dẫn Của Đức Thánh Linh

Hầu như Kinh thánh không mô tả những chi tiết liên quan đến cơ cấu của Hội Thánh; thay vào đó, cơ bản chỉ đề cập đến các mục đích và giá trị. Từ điều này, cùng với quyết định của Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (Công vụ 15), chúng tôi suy ra rằng các Hội Thánh được tự do lựa chọn cơ cấu tổ chức Hội Thánh cụ thể. Các Hội Thánh Tân ước ắt hẳn là rất linh hoạt và mềm dẻo, bởi vì trong hầu hết các trường hợp họ xuất hiện trong vùng thù địch và phải thích hợp với những hoàn cảnh luôn thay đổi. Có thể nói rằng tình trạng không rõ ràng về hình thức này tạo cho các Hội Thánh đầu tiên sự thích nghi cần thiết để chậm rãi, phát triển và nhân rộng bất cứ nơi nào Tin lành truyền đến.

Sự linh động và tính chất mở tương tự trong việc lựa chọn hình thức cũng cần thiết trong thế giới đa văn hóa của chúng ta, đặt biệt tại các trung tâm đô thị. Những phần Kinh thánh có liên quan phải được áp dụng đối với các nghi vấn cụ thể về cơ cấu Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh: “Sự hướng dẫn của Thánh Linh là căn cứ quan trọng của chúng ta trong việc định hình sự phát triển của Hội Thánh. Khi Hội Thánh được dạy dỗ và hướng dẫn bởi Thánh linh thì sẽ phát triển những cách tiếp cận mới đối với mục vụ và tìm kiếm những cách mới để tổ chức sinh hoạt của mình” (Van Gelder 2000, 43).

Tìm Hiểu Về Văn Hóa Trước Khi Quyết Định Hình Thức Hội Thánh

Craig Van Gelder nhắc nhở chúng ta rằng “Tất cả những nghiên cứu về Hội Thánh phải được xem xét trong mối liên hệ về chức năng với bối cảnh của nó. Không có cách nào khác hơn là Hội Thánh phải ở trong một bối cảnh lịch sử cụ thể... Những bối cảnh mới đòi hỏi những sự biểu lộ mới để hiểu biết về Hội Thánh” (2000, 40-41). Sự đáp ứng các mục đích Kinh thánh đồng thời phù hợp với văn hóa, với người nghe và sự hiệu quả trong công tác truyền giáo phải là mối quan tâm chính khi xác định một hình thức – chứ không phải là ý muốn cá nhân. “Mặc dù các Hội Thánh có sự liên kết và tổ chức, nhưng mỗi Hội Thánh có hình thức tổ chức riêng tùy thuộc vào bối cảnh của nó” (Roberts 2008, 77). Người mở mang Hội Thánh phải thực hiện việc định hình Hội Thánh một cách khiêm nhường, cộng tác với những người địa phương dưới sự hướng dẫn của lời Chúa để cùng khám phá một hình thức phù hợp.

Chúng ta sống trong thời đại có sự thay đổi lớn về mặt xã hội và Hội Thánh. Thế giới chúng ta có đặc điểm ... vô cùng đa dạng và nhập nhằng. Đây là thời đại bất ổn ảnh hưởng đến tất cả chúng ta khi chúng ta chứng kiến sự suy tàn của cái cũ và sự xuất hiện của cái mới. Đây không phải là lúc khép lại các sự thử nghiệm, mạo hiểm, các khả năng thay thế. Thay vào đó, chúng ta cần cho phép Hội Thánh thử nghiệm những cách thể hiện khác nhau. Tôi hy vọng rằng sự cam kết, khả năng và nghệ thuật cần thiết để mọi người tạo ra những khởi đầu mới và những ràng buộc mới sẽ giải phóng năng lượng và sự tương tượng quan trọng của xã hội. (Terry Veling, trích trong Dietterich 2004, 1).

Các Đại Diện Quyết Định Hình Thức Hội Thánh

Bối cảnh hóa là một tiến trình gồm các bước cầu nguyện, khảo sát và quyết định mà cộng đồng đức tin phải thực hiện để trở nên những gì mà Đức Chúa Trời mong muốn. Lesslie Newbigin mô tả cuộc hành trình như sau: “Bối cảnh hóa thực sự xảy ra khi có một cộng đồng sống trung tín theo Phúc âm và đồng nhất về mặt giá trị với mọi người trong bối cảnh thực tế của họ như chúng ta thấy trong thời Chúa Giê-xu. Nơi nào những điều kiện này được đáp ứng thì Thánh Linh của Đức Chúa Trời bày tỏ công việc kỳ diệu của Ngài”(1989, 154).

Cộng đồng đức tin cũng phải là một cộng đồng biết phân tích và giải nghĩa cả Kinh thánh lẫn bối cảnh để quyết định về cách thức hoạt động của Hội Thánh (Hiebert 1987; 1994). *Những tác nhân* tốt nhất để hướng dẫn việc áp dụng Kinh thánh là những người địa phương có hiểu biết về Kinh thánh. Người địa phương không bị ràng buộc bởi những kiểm soát bên ngoài và các kiểu mẫu du nhập có thể, dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, trở thành cộng đồng bối cảnh hóa tự nhiên.

Cộng đồng này nên bao gồm những người mở mang Hội Thánh có hiểu biết về văn hóa và những tín hữu địa phương có hiểu biết về Kinh thánh. Những người ngoại quốc nên giữ quan điểm của họ về cách thức tổ chức một cách mềm dẻo và kiên nhẫn cho đến khi những người địa phương có kiến thức Kinh thánh cùng tham gia với họ trong việc định hình Hội Thánh.⁶ Họ có thể trao quyền và tư vấn cho các tín hữu địa phương này trong việc định hình cơ cấu. Họ cần phải tránh ảnh hưởng quá lớn vì ba lý do sau đây:

1. Hội Thánh địa phương và mục vụ của Hội Thánh cuối cùng thuộc về các tín hữu địa phương dưới quyền của Đấng Christ. Vai trò của những người thành lập là tổ chức một cộng đồng dân Chúa nhằm thực hiện các mục đích Kinh thánh và hoàn thành Đại mạng lệnh.
2. Những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ sẽ ra đi, và nếu họ áp đặt mô hình theo ý muốn của họ mà không có tiếng nói của Hội Thánh, thì họ không nên ngạc nhiên khi Hội Thánh đó bỏ ý tưởng của họ để vận dụng một mô hình khác có vẻ tự nhiên hơn.
3. Nếu mô hình là “sở hữu chung” của nhóm lãnh đạo địa phương, thì nó sẽ có tính chất địa phương hơn, lôi kéo được người địa phương tăng trưởng và sinh sản.

⁶ Những thành viên của cộng đồng phân tích và giải nghĩa phải được chọn lựa cẩn thận. Đôi khi những tín hữu địa phương trở thành một nhóm văn hóa Cơ đốc biệt lập với văn hóa đương thời. Những đại diện địa phương làm công tác bối cảnh hóa phải là các tín hữu có hiểu biết những người xung quanh họ và có khả năng liên hệ trong khi vẫn duy trì các nguyên tắc Kinh thánh.

Cộng đồng phân tích và giải nghĩa phải khảo sát về hình thức, cơ cấu và mục vụ của Hội Thánh mà qua đó Hội Thánh nghiên cứu lời Chúa và sống theo mục đích của Kinh thánh, đồng thời khám phá việc trở thành một cộng đồng dân Chúa có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh của nó. Thì việc bối cảnh hóa mới trở thành nỗ lực chung của cộng đồng lãnh đạo này.

Chọn Lựa Một Hình Thức Tổ Chức Hội Thánh Cơ Bản

Giống như nhóm mở mang Hội Thánh phải quyết định cách tiếp cận nào (mục sư, sứ đồ hay xúc tác) phù hợp nhất với bối cảnh và hoạt động truyền giáo, thì nhóm phân tích và giải nghĩa cũng phải chọn lựa hình thức tổ chức Hội Thánh phù hợp nhất với bối cảnh và công tác truyền giáo. Mỗi cộng đồng dân Chúa có một sự kêu gọi và hình thức riêng, nhưng sự hiểu biết những mô hình căn bản có thể xem như là điểm khởi đầu có ích trong việc bối cảnh hóa hình thức và hoạt động của Hội Thánh. Sự xác định đó sẽ giúp cho những quyết định sau đó về cơ cấu Hội Thánh được dễ dàng hơn. Đó là một trong những chức năng về kiểu mẫu hoặc nguyên mẫu.

Có hai điều cần lưu ý khi sử dụng cách tiếp cận này. Thứ nhất, thỉnh thoảng một bối cảnh có thể đòi hỏi một sự bắt đầu khác hơn với ba hình thức cơ bản trong bảng 6.1;⁷ thứ hai, đây chỉ là khởi đầu, và sự định hình Hội Thánh đòi hỏi phải tiếp tục khảo sát và bàn luận. Chúng tôi sẽ bắt đầu bằng việc mô tả những nguyên mẫu này. Bảng 6.1 cung cấp một sự so sánh sơ lược về các kiểu mẫu, các ưu điểm và nhược điểm của chúng, và bối cảnh phù hợp nhất với chúng.

Các Hội Thánh Tư gia

Robert Bank (1994, 26-66) liệt kê ba đặc tính của các Hội Thánh Tư gia đầu tiên.⁸ Đó là một hội chúng giống như một cuộc tụ họp gia đình, một gia đình yêu thương, và là một cơ thể hoạt động tốt. Ngày nay các Hội Thánh Tư gia được xây dựng dựa trên mối quan hệ gây dựng lẫn nhau thông qua việc sử dụng các ân tứ thuộc linh, cùng học hỏi lời Chúa và truyền bá Phúc âm. Họ có khoảng mười hai đến năm mươi người gặp nhau đều đặn trong một giờ riêng hoặc địa điểm khác không có tính chất tôn giáo và được lãnh đạo bởi một nhóm người chẵn bầy không thuộc hàng giáo phẩm; tuy nhiên, đặc điểm chủ yếu là mục vụ mà có sự tham gia của mọi thành viên. Người không thuộc hàng giáo phẩm hướng dẫn thờ phượng, chia sẻ trách nhiệm giảng dạy, và khích lệ hoặc khuyên răn lẫn nhau trong các buổi thảo luận Kinh thánh và cầu nguyện. Các Hội Thánh Tư gia thịnh hành tại nhiều nơi không thuộc thế giới phương Tây và chủ yếu tại những nơi như Trung Hoa và Ấn Độ. Một phong trào Hội Thánh Tư gia ở Cu-ba đã tăng trưởng từ 100 đến

⁷ Ví dụ, việc định hình Hội Thánh trong vòng dân du mục tiếp tục thách thức người mở mang Hội Thánh. Malcolm Hunter (2000, 19) liên hệ đến đền tạm và cộng đồng trong đồng vắng vào thời Môi-se như là điểm bắt đầu cho đền thờ hoặc nhà hội. Người ta cũng có thể đề cập đến các cộng đồng được gọi là tu viện mới (xin xem Wilson-Hartgrove 2008) như một kiểu mẫu khác, dù họ không tự xem là các Hội Thánh mà là các phong trào bên cạnh các Hội Thánh đã tồn tại.

⁸ Công trình nghiên cứu có cơ sở Kinh thánh nhất là Gehring 2004. Gehring lập luận rằng gia đình là hình thức xã hội và kinh tế căn bản nhất của thế giới cổ: “chắc chắn không có điều gì trong đời sống hàng ngày được quyết định ngoài những mối quan hệ gia đình” (2004, 17).

1475 Hội Thánh và một phong trào khác từ 129 đến 2600 Hội Thánh trong vòng một thập kỷ (Garrison 2004a, 134-135).

Một phong trào Hội Thánh Tư gia khiêm tốn xuất hiện tại Hoa Kỳ trong phần tư cuối cùng của thế kỷ XX.⁹ Những Hội Thánh Tư gia này tạo thành những nhóm có liên kết

Bảng 6.1

Những Nguyên Mẫu Đơn Giản Về Cộng Đồng Dân Chúa Lúc Khởi Đầu.

	Hội Thánh Tư gia	Hội Chúng Tự Nguyên	Hội Thánh tế bào
Mô tả	<ul style="list-style-type: none"> * Một Cộng Đồng Cơ Đốc Cơ Bản * Chú trọng vào các mối quan hệ và truyền giáo * Nhóm tại nhà, trước cửa hàng hoặc nơi trung lập * Thường được lãnh đạo bởi người chẵn bầy không thuộc hàng giáo phẩm * Thường tạo thành mạng lưới 	<ul style="list-style-type: none"> * Một đơn vị hội chúng có chung đặc tính * Thường được tổ chức theo một chương trình * Nhóm tại một cơ sở công cộng * Hội những người tình nguyện * Được lãnh đạo bởi các mục sư được phong chức và được trả lương 	<ul style="list-style-type: none"> * Các cộng đồng Cơ đốc cơ bản (tế bào) cùng hiệp chung để thờ phượng, huấn luyện và truyền giáo * Nhóm tại nhà và định kỳ tại một nơi công cộng. * Tăng trưởng nhờ huấn luyện các lãnh đạo và nhân rộng các nhóm tế bào
Ân dụ	Hội Thánh là một gia đình	Hội Thánh là một tổ chức	Hội Thánh là một mạng lưới
Các điển hình và các ấn phẩm	<ul style="list-style-type: none"> * Hội Thánh Tư Gia Tại Trung Hoa * Mạng lưới Cơ đốc Đích thực Tái Tư Duy tại Nhật * Hiệp Hội Nhân Rộng Hội Thánh (Cole 2005) * Simson 2001 * Payne 2007 	<ul style="list-style-type: none"> * Đa Số Các Hội Chúng Tại Bắc Mỹ * Dietterich 2004 * Warner 1994 	<ul style="list-style-type: none"> Hội Thánh Phúc Âm Toàn Vẹn Yohido, Seoul, Hàn Quốc (Cho 1981) * “Hội Thánh Hai cánh” (Beckham 1995) * “Metachurch” (George 1991) * Comiskey 1999
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> * Có trách nhiệm cao * Môn đồ hóa theo nhóm nhỏ * Có khả năng tồn tại trong sự bất bớ * Có thể thâm nhập vùng đô thị * Không đòi hỏi nhân sự chuyên nghiệp * Có tiềm năng nhân rộng nhanh 	<ul style="list-style-type: none"> Có mặt nổi trong cộng đồng * Các nguồn lực và mục vụ chuyên nghiệp * Mạnh về giảng dạy và mục vụ chăm sóc * Đã được thử nghiệm qua thời gian, quen thuộc, ổn định * Có thể cung cấp các mục vụ chuyên biệt 	<ul style="list-style-type: none"> * Có các ích lợi của cả Hội Thánh lớn và nhóm nhỏ * Hội Thánh có thể tăng trưởng nhưng vẫn giữ được tính gia đình * Phân tán các mục vụ trong các nhóm nhỏ * Giao quyền cho các nhân sự

⁹ Xem Simson 2001, Zadero 2004, Payne 2007, và Kreider và McClung 2007.

		nghư tư vấn, thanh thiếu nhi, . . .	
Nhược điểm thể có	<ul style="list-style-type: none"> * Tinh thần độc lập * Có nguy cơ về lãnh đạo và tà giáo * Quan hệ có thể thiên về hướng nội * Bị nghi ngờ, thiếu uy tín * Không tồn tại lâu dài 	<ul style="list-style-type: none"> * Dễ tổn thương khi gặp bất bớ và thay đổi về nhân khẩu * Cần có mục sư chuyên nghiệp và cơ sở tôn kém * Khó thích nghi với hoàn cảnh thay đổi * Chậm sinh sản 	<ul style="list-style-type: none"> * Các nhóm tế bào yếu * Các nhược điểm giống Hội Thánh tư gia * Lễ nhóm chung có thể làm lu mờ các nhóm tế bào * Cần nhiều sức lực để duy trì cả nhóm tế bào lẫn buổi nhóm chung
Bối cảnh thích hợp	<ul style="list-style-type: none"> * Vùng nông thôn và nơi có sự bất bớ * Nơi nghèo khó hoặc hạn chế việc tổ chức nhóm công cộng * Khó thành công trong bối cảnh Phương Tây 	<ul style="list-style-type: none"> * Khá thích hợp với vùng nông thôn và những cộng đồng mất đối mặt * Nơi có thể mua đất và xây dựng cơ sở * Tại các vùng Cơ Đốc truyền thống 	<ul style="list-style-type: none"> * Khá thích hợp với vùng đô thị * Những nơi mà cả sự tụ họp nhỏ và lớn đều được coi trọng * Nơi mà sự liên kết tự nguyện trong các nhóm nhỏ là phổ biến

lòng léo thông qua những mối quan hệ của các lãnh đạo của họ. Các nhóm đó được kết nối với nhau trong mạng lưới Hội Thánh, một hình thức liên kết linh động hơn hệ phái, kết nối các Hội Thánh có những đặc điểm tương tự. Giữa năm 1998 và 2006, hiệp hội lớn nhất trong số đó, Hiệp Hội Nhân Rộng Hội Thánh (Church Multiplication Associates-CMA), đã tăng trưởng hơn bảy trăm Hội Thánh. Một trong những người xúc tác là Neil Cole, mục sư của Awakening Chapel tại Long Beach California.¹⁰ CMA tự nhận là một mạng lưới tập hợp nhiều phong trào nhân rộng Hội Thánh trên cơ sở “(1) các hệ thống hữu cơ đơn giản, phi tập trung hóa, có khả năng sinh sản và (2) môn đồ hóa” (Hirsch 2006, 80). Một vài Hội Thánh Tư gia ở Bắc Mỹ đã chứng tỏ hiệu quả rõ rệt trong việc truyền giáo và sinh sản.¹¹ Tim Chester, một lãnh đạo Hội Thánh Tư gia người Anh, nêu ra những thuận lợi sau đây của các Hội Thánh Tư gia: “Gia đình là một *kích cỡ* qua đó việc môn đồ hóa và chăm sóc lẫn nhau có thể thực hiện một cách thực sự. Nó tạo ra một sự *giản đơn* ngăn cản tâm lý bảo trì: không có những cơ sở đắt tiền phải bảo trì hoặc những chương trình phức tạp phải thực hiện. Nó xác định một *phong cách* trong đó mọi người đều tham gia, nêu gương trong việc môn đồ hóa và mỗi thông công với chính Chúa Giê-xu” (2000, 41).

¹⁰ Để biết lịch sử của phong trào này và công tác của CMA, xin xem www.cmaresources.org (được đánh giá ngày 16/9/2009).

¹¹ J. D Payne đã nghiên cứu các phản hồi đối với một khảo sát trên trang web về 225 lãnh đạo Hội Thánh Tư gia tại Mỹ. “Trong số này, 146 Hội Thánh đã kinh nghiệm ít nhất một lễ Báp Têm trong năm trước, và 123 Hội Thánh thành lập được ít nhất một Hội Thánh trong vòng ba năm qua . . . 91 Hội Thánh đã làm Báp Têm cho ít nhất một người trong năm trước và thành lập ít nhất một Hội Thánh khác trong vòng ba năm trước” (Payne 2007, 58-59). Ông gọi nhóm sau này là “các Hội Thánh Tư gia truyền giáo”.

Các Hội Thánh Tư gia có thể nhân rộng một cách nhanh chóng, nhưng cũng có thể bị hướng dẫn sai lệch bởi các lãnh đạo không vững vàng hoặc các giáo sư giả và có thể có thời gian tồn tại ngắn hơn các Hội Thánh truyền thống. Họ không có khả năng cung cấp các mục vụ chuyên biệt như công tác thanh niên hoặc các nhóm phục hồi. Sự thiếu sự giám sát có thể dẫn đến sự không ổn định, gây khó khăn trong việc môn đồ hóa và phát triển lãnh đạo. Những Hội Thánh nào liên kết với một hiệp hội hay mạng lưới thì có khuynh hướng mạnh mẽ hơn và các lãnh đạo của họ có thể tiếp nhận được sự huấn luyện, sự chăm sóc và giám sát từ các lãnh đạo được đào tạo về mặt thần học.

Các Hội Chúng Tự Nguyện

Tại Hoa Kỳ đa số các Hội Thánh Tin lành thuộc vào loại này. Họ là những hội chúng đơn giản có số tín hữu ít hơn 200 người.¹² Cơ cấu này được định hình theo các giá trị của người Mỹ và tương ứng với sự hiểu biết về *Hội Thánh* (ekklesia) như là một hội chúng nhóm họp tự nguyện chứ không phải là một cộng đồng với nhiều loại nhóm họp khác nhau.

Việc nghiên cứu chứng tỏ rằng hình thức tổ chức Hội Thánh này được xác định bởi các đặc thù của bối cảnh tôn giáo Bắc Mỹ hơn bất cứ quan điểm thần học đặc biệt nào. Sự tách biệt về mặt pháp lý giữa Hội Thánh và nhà nước, sự phát triển về dân chủ, việc coi trọng tự do tôn giáo của cá nhân, sự phát triển các hệ phái, ước muốn về các hiệp hội tôn giáo và tồn tại trong một xã hội của những người nhập cư, và hình thức của các tổ chức quan liêu hiện đại đã góp phần vào sự phát triển của kiểu Hội Thánh đặc biệt này. (Dietterich 2004, 2).

Ngược lại, tại châu Âu các Hội Thánh quốc gia hay nhà nước đã được thành lập với sự kết hợp của Hội Thánh và nhà nước theo mô hình quốc gia Cơ đốc giáo. Ngày nay hầu như không có Hội Thánh châu Âu nào thật sự có thể gọi là Hội Thánh nhà nước, dù mối quan hệ giữa Hội Thánh với nhà nước vẫn bền chặt như được thấy qua các khoản thuế của Hội Thánh và sự phê chuẩn của chính phủ đối với các tuyên bố cụ thể. Nhiều người được xem là “được sinh vào trong Hội Thánh.” Tuy nhiên, các hội chúng tại các giáo khu địa phương hầu như mang đặc tính của hội chúng tự nguyện. Mặc dù hệ thống giáo khu chặt chẽ đã giảm bớt việc mở mang Hội Thánh, trong những năm hiện tại việc mở mang Hội Thánh ngày càng được ủng hộ bởi các Hội Thánh quốc gia đó như là cách để tìm sự phục hưng và tiếp cận những thế hệ mới (Hopkins 1988; Hempelmann 1996).

Hình thức Hội Thánh này, dù có sự khác biệt tùy theo địa phương, vẫn có vài đặc điểm chung. “Với tư cách là một bộ phận dân Chúa tại địa phương, nó [hội chúng] là một tổ chức thờ phượng, hướng dẫn tôn giáo, phục vụ cộng đồng, quản lý và thông công” (Stephen Warner, trích trong Dietterich 2004, 2). Những Hội Thánh này có một mục sư chuyên nghiệp, làm việc trọn thời gian hoặc bán thời gian, và những người tự nguyện làm các công việc thư ký, bảo trì, hành chánh, giáo dục và thanh niên. Nhiều người tham gia vào ban chấp hành, các chương trình và các dự án phục vụ. Đa số hoạt động theo chương trình, có xu hướng ổn định và có tính tổ chức cao.

Van Gelder (2000, 69) nhận xét: “Lý thuyết hợp đồng-xã hội về các hiệp hội tình nguyện đã ăn sâu vào việc nghiên cứu Hội Thánh tại Bắc Mỹ. Điều này tạo ra một khoa

¹² Xem chương 2n14.

ngiên cứu về Hội Thánh có xu hướng xem Hội Thánh như là một tổ chức.” Những Hội Thánh này có xu hướng sản sinh ra các nhân sự và thúc đẩy mỗi thông công nhưng có thể cổ vũ chủ nghĩa truyền thống và có thể ngăn cản mục vụ dựa trên ân tứ do nhân mạng đến hàng giáo phẩm và cách tiếp cận mục vụ được lập trình cao độ. Việc ra quyết định có thể mang tính chất quan liêu, hoàn toàn tùy thuộc ban chấp hành, phản ánh cơ cấu hợp tác mang tính thể tục.

Mặc dù có thể có những bất tiện như trên, nhưng hình thức Hội Thánh này trong thực tế vận hành khá tốt trong những cộng đồng nhỏ, mặt đối mặt tại các vùng nông thôn hoặc các nhóm bộ lạc lân cận. Dù vẫn là hình thức hội chúng phổ biến nhất tại Bắc Mỹ, nhưng hình thức này đã chứng tỏ kém hiệu quả trong các vùng đô thị lớn. Chìa khóa để loại bỏ những nhược điểm của hình thức này là tổ chức các nhóm gia đình và huấn luyện các lãnh đạo không thuộc hàng giáo phẩm để hướng dẫn các nhóm đó và tạo điều kiện thúc đẩy mục vụ chung dựa trên các ân tứ Thánh linh.

Hội Thánh Tế Bào

Hội Thánh này còn được gọi là “Hội Thánh hai cánh” (Beckham 1995) bởi vì nó duy trì sự quân bình giữa nhóm tế bào (tập trung ít người) và lễ thờ phượng chung (tập trung đông người). Nó kết hợp các chiến lược hấp dẫn/tụ họp đông (nhóm thờ phượng chung theo khu vực) và sự phân tán/sai phái (các nhóm tế bào). Môn đồ hóa cá nhân, dưỡng linh, học Kinh thánh và truyền giáo được phân tán trong các nhóm gia đình – Hội Thánh với tư cách là gia đình. Thờ phượng chung, giảng dạy và các sự kiện hấp dẫn được diễn ra trong các buổi nhóm lớn đông người – Hội Thánh với tư cách là dân sự của Đức Chúa Trời. Các Hội Thánh tế bào khác với các Hội Thánh với những nhóm nhỏ trong đó các nhóm tế bào là những tập thể cơ bản có cùng bản chất mà một Hội Thánh phải có. Ngay cả các thánh lễ và kỷ luật Hội Thánh cũng có thể được thực hiện ở cấp độ nhóm nhỏ.

Tuy nhiên, thách thức là việc tập trung sự lãnh đạo, năng lượng và các nguồn lực để làm cho tốt cả hai cánh. Trong một vài phong trào Hội Thánh tế bào, các lãnh đạo và các nhóm nhỏ được sản sinh thông qua phương pháp nhân bản vô tính. Mỗi nhóm nhỏ có một người tập sự, và khi nhóm đạt đến một số người nhất định thì sẽ chia thành hai nhóm và giao cho người tập sự hướng dẫn một nhóm. Trong các nền văn hóa mà chủ nghĩa cá nhân không được đề cao, thì cách tiếp cận này và sự kiểm soát tập trung khá phù hợp. Tuy nhiên, ngày nay tại nhiều nơi sự nhân rộng bắt buộc¹³ đối lập với bản chất văn hóa và được cho là có tính xúc phạm. Cách tiếp cận khác là đặt ra nhiệm vụ đầu tiên của một lãnh đạo, dù trong nhóm nhỏ hay buổi lễ chung, là tìm kiếm một người tập sự có các ân tứ phù hợp, chỉ bảo cho người đó để trở thành một lãnh đạo. Các nhóm tế bào có thể có các nan đề của một Hội Thánh Tư gia. Sự phát triển liên tục các lãnh đạo nhóm nhỏ vững vàng là chìa khóa để có được các Hội Thánh tế bào mạnh mẽ giống như men có thể làm biến đổi các thành phố. Để có một so sánh về sự hoạt động của các Hội Thánh tế bào trong các bối cảnh văn hóa khác nhau, xin xem sách *Các Nhóm Tư Gia Ở Vùng Đô Thị* của Mikel Neumann (1999).

Có những cơ cấu Hội Thánh phức tạp hơn, như đa hội chúng, tại nơi mà nhiều hội chúng bộ lạc hoặc các hội chúng nhỏ là một phần của một Hội Thánh lớn, và các Hội

¹³ Hội truyền Giáo Ân Tứ Quốc Tế Bogota (Colombia) được thành lập và lãnh đạo bởi mục sư César Castellanos. Xem Comiskey 1999 để biết thêm chi tiết về tổ chức này và các Hội Thánh tế bào-thờ phượng chung tại châu Mỹ La-tinh.

Thánh đa vị trí phải thực hiện các buổi nhóm và mục vụ ở nhiều vị trí. Nói một cách chặt chẽ, những loại này không phải là những hình thức mà một Hội Thánh mới thành lập nên áp dụng, nhưng có thể phát triển thành một hình thức như vậy khi Hội Thánh phát triển. Vì vậy chúng ta không thảo luận về chúng ở đây nhưng sẽ mô tả chúng cách ngắn gọn trong chương sau.

Các Ví Dụ Về Cách Xác Định Hình Thức Hội Thánh Thích Hợp Nhất

Sau này chúng tôi sẽ thảo luận tiến trình bối cảnh hóa chi tiết hơn (xem bảng 6.2). Ở đây chúng tôi sử dụng một vài ví dụ để chứng tỏ các giá trị và mục đích của Kinh thánh được thể hiện như thế nào qua các hình thức Hội Thánh cơ bản khác nhau, tùy thuộc vào những kiểu mẫu sẵn có của xã hội.

Tại Tegucigalpa, Honduras, một nhóm mở mang Hội Thánh song văn hóa thực hiện chức năng của một nhóm phân tích giải nghĩa. Kết thúc tiến trình nghiên cứu Kinh thánh, khảo sát và thảo luận (như đã được mô tả ở trên), các thành viên của nhóm đã phát hiện *các giá trị chủ yếu* mà họ tin là sẽ định hình Hội Thánh. “Các giá trị chủ yếu là những khẳng định có tính nhất quán, mạnh mẽ, phù hợp với Kinh thánh, và độc đáo xác định những ưu tiên của chúng ta, ảnh hưởng đến quyết định của chúng ta, điều khiển các mục vụ của chúng ta và được thể hiện qua hành vi của chúng ta” (Klippenes 2003, 95). Những điều này bao gồm cả những mô tả về đặc điểm một Hội Thánh sẽ *được xây dựng* và *những mục đích cơ bản* trong sứ mạng của nó. Một tay nắm giữ những giá trị này và tay kia là những khuôn mẫu chủ yếu của xã hội (sẽ được thảo luận sau này), họ tìm kiếm những điểm chung. Những lĩnh vực tương đồng đó cung cấp những gợi ý cho hình thức Hội Thánh cơ bản sẽ tương thích một cách tự nhiên nhất và hoạt động một cách hiệu quả nhất trong bối cảnh của chúng. Kết quả được thấy trong bài học thực tế 6.1.

Tại một bộ lạc đa số theo Hồi giáo ở vùng nông thôn thuộc Trung Á, các Hội Thánh được hình thành tại nhà của người tìm kiếm hay “người đáng hưởng sự bình an”, là người đã bắt đầu học Kinh thánh. Họ gặp nhau trong những chiếc lều lớn có thể di chuyển được gọi là *gers* hay *yurts* (tiếng Nga), giống như một gia đình mở rộng. Do tầm quan trọng của mối quan hệ, các buổi nhóm họp bao gồm cả các tín hữu mới và những thành viên gia đình hiếu kỳ là những người muốn ngồi nghe giảng. Những người mở mang Hội Thánh thấy rằng để có hy vọng tiếp tục nhóm lại, họ cần phải mời những trưởng tộc bất cứ khi nào họ có thể đến và hoan nghênh họ theo cách phù hợp với văn hóa.

Tuy nhiên, tại những vùng đô thị trong cùng quốc gia, con người đã được thay đổi vị trí xã hội và tìm kiếm tình bạn, thường là trong các câu lạc bộ, quán rượu hay những hội tình nguyện. Trình độ giáo dục cao hơn và sự kiểm soát xã hội giảm bớt. Sự đa dạng là rất lớn. Tại thủ đô của một nước Trung Á, những tín hữu địa phương, được hướng dẫn bởi những giáo sĩ mở mang Hội Thánh, đã giúp đỡ họ thực hiện mô hình Hội Thánh tế bào-thờ phượng chung. Các nhóm tế bào được hình thành theo các mối quan hệ chứ không phải theo địa lý.

.....

Bài học thực tế 6.1

Từ Những Giá Trị Chủ Yếu Đối Với Cơ Cấu Hội Thánh Giữa Vòng Người Nghèo Tại Tegucigalpa, Honduras

Một cặp vợ chồng mục sư thực hiện công tác từ thiện sau sự tàn phá của cơn bão Mitch tại Tegucigalpa, Honduras, đã nhận biết sự kêu gọi của Đức Chúa Trời về việc quay trở lại chức vụ trọn thời gian với công tác môn đồ hóa và mở mang Hội Thánh. Tham gia cùng với họ là một bác sĩ Honduras và các trợ lý của họ đến từ Hoa Kỳ. Vào lúc một số tổ chức truyền giáo đang rời khỏi quốc gia đó, coi như ở đây đã được truyền giáo xong. Tuy nhiên, nhóm này thấy rằng những người nghèo trong các quận hầu như bị các Hội Thánh Tin lành có uy tín về mặt xã hội bỏ quên. Nhờ kinh nghiệm của họ trong công tác từ thiện và bác sĩ người Honduras, họ đã chọn những giá trị chủ yếu sau đây để định hình những phong trào Hội Thánh của họ:

- Mục vụ thiện nguyện giữa những người bị bỏ quên
- Định ý truyền giáo và môn đồ hóa
- Vui vẻ phục vụ
- Các cộng đồng tín hữu yêu thương
- Nhân rộng lãnh đạo địa phương

Một bước đột phá xảy ra khi những người ngoại quốc và những người Honduras trong nhóm lãnh đạo đã đồng ý với nhau về những giá trị này. Sau đó nhóm lãnh đạo đã xây dựng một khái niệm phát triển các Hội Thánh Tư gia trong cả thủ đô và toàn quốc. Họ đã phát triển một nguyên mẫu Hội Thánh Tư gia một cách rất thận trọng được lãnh đạo bởi nhóm mở mang Hội Thánh người nước ngoài và với một cặp vợ chồng tập sự người Honduras. Theo kết quả đánh giá của nhóm nguyên mẫu, họ khám phá rằng những người Honduras cảm thấy Hội Thánh mới quá mang tính chất Bắc Mỹ. Để một Hội Thánh Tư gia thực sự là của người Honduras thì Hội Thánh đó phải được lãnh đạo bởi các tín hữu địa phương. Họ chấm dứt nhóm nguyên mẫu và thiết lập các lãnh đạo người Honduras, còn các giáo sĩ thì tham gia với tư cách là thành viên Hội Thánh. Một vài giáo sĩ phải tranh đấu với những thay đổi sau đó nhưng phong trào đã trở thành của người Honduras và tiếp tục công việc môn đồ hóa một cách vui vẻ.

Bối Cảnh Hóa Cơ Cấu Tổ Chức Và Mục Vụ

Làm thế nào để xác định cơ cấu và các mục vụ của Hội Thánh cụ thể hơn là một phần của vấn đề lớn hơn là làm thế nào để Hội Thánh thích hợp trong một bối cảnh văn hóa nhất định. Bối cảnh hóa là quá trình được sử dụng trong việc lựa chọn hình thức Hội Thánh cơ bản trong các ví dụ ở trên. Darrell Whiteman định nghĩa bối cảnh hóa như sau:

Bối cảnh hóa là nỗ lực truyền đạt Phúc âm bằng lời và hành động và để thiết lập Hội Thánh theo cách sao cho mọi người chấp nhận trong bối cảnh văn hóa địa phương của họ, trình bày Cơ đốc giáo theo cách có thể đáp ứng những nhu cầu

sâu xa nhất của con người và thâm nhập thể giới quan của họ, cho phép họ tin theo Đấng Christ và tiếp tục giữ được văn hóa của mình. (1997, 2)

Chúng tôi đề nghị tiến trình gồm ba bước như sau:

1. Định nghĩa bản chất và các mục đích và chức năng cơ bản theo Kinh thánh của Hội Thánh.
2. Nghiên cứu văn hóa để khám phá các hình thức và mẫu mực của xã hội có thể phục vụ cho các mục đích của Hội Thánh.
3. Áp dụng các cơ cấu và hình thức hiện có, vận dụng có sửa đổi hoặc mới để hoàn thành các mục đích của Kinh thánh.

C. Kirk Hadaway, Francis DuBose, và Stuart Wright nói rằng: “Chúng ta có thể hy vọng Hội Thánh nắm giữ các chức năng nhất định phát xuất từ bản chất của mình, và chúng ta có thể mong đợi những chức năng này được chuyển tải thành cơ cấu khi Hội Thánh chậm rãi và phát triển trong bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị” (1987, 56). Các điển hình về mục đích và các hình thức văn hóa liên quan gắn liền với tiến trình bối cảnh hóa này được trình bày trong bảng 6.2. Trong các chương sau chúng tôi sẽ trình bày những điểm này chi tiết hơn. Ở đây chúng tôi chỉ trình bày tổng quát để minh họa quá trình.

Định Nghĩa Các Mục Đích Theo Kinh thánh

Các mục đích cơ bản như được thấy trong bảng 6.2 là điểm bắt đầu. Kinh thánh cho phép việc tự quyết định hình thức, nhưng các giá trị Kinh thánh và các chức năng của Hội Thánh phải được các tín hữu địa phương xác định và hiểu cách rõ ràng. Điều này đòi hỏi phải phối hợp việc nghiên cứu Kinh thánh và thảo luận. Trong công tác mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa thì điều quan trọng đặc biệt là các tín hữu phải tự nhận thức những dạy dỗ của Kinh thánh và sự tin chắc về Hội Thánh để họ biết rõ ràng rằng Hội Thánh không đơn thuần là ý nghĩ du nhập của người mở mang Hội Thánh. Điều này sẽ giúp cho các tín hữu địa phương biết cách đáp ứng các mục đích của Kinh thánh theo những cách phù hợp với văn hóa.

Nghiên Cứu Các Hình Thức Văn Hóa

Khi Hội Thánh xem xét các hình thức và cơ cấu thích hợp đáp ứng các mục đích Kinh thánh, họ sẽ tìm các cơ cấu hiện có trong văn hóa. Danh sách các hình thức và cơ cấu trong bảng 6.2 chỉ mang tính gợi ý, và có nhiều khía cạnh văn hóa khác cần phải được xem xét. Đại thể là quan sát cách mọi người hòa nhập xã hội, thực hiện sự lãnh đạo, đưa ra quyết định, quản lý đời sống chung và đối phó với những thay đổi và thách thức.

Bảng 6.2**Bối Cảnh Hóa Hình Thức Cơ Cấu Và Mục Vụ Của Hội Thánh**

Định nghĩa các mục đích theo Kinh thánh	Nghiên cứu các hình thức văn hóa	Áp dụng cơ cấu và tập tục đã được bối cảnh hóa
Thờ phượng	<ul style="list-style-type: none"> * Sự thờ phượng trong các tôn giáo địa phương * Cơ cấu, vị trí được sử dụng trong thờ phượng chung * Các hình thức thể hiện: nghệ thuật, âm nhạc, nghi lễ, ... 	* Các hình thức và cách biểu hiện phù hợp với Cơ đốc giáo có thể chấp nhận và áp dụng, các hình thức nào phải bị loại bỏ.
Truyền giáo	<ul style="list-style-type: none"> * Các kênh truyền thông * Các yếu tố xác định uy tín * tiến trình đưa ra quyết định cá nhân và tập thể 	<ul style="list-style-type: none"> * Những tiếp cận có uy tín, hoàn hảo và rõ ràng tối đa là quan trọng nhất. * Sự thỏa hiệp của tiến trình ra quyết định
Dạy dỗ và gây dựng	<ul style="list-style-type: none"> * Các cơ cấu giáo dục chính thức, không chính thức * Tỷ lệ biết đọc biết viết * Việc sử dụng phương pháp kể chuyện và luân lý * Vai trò của người dạy-người học và các kì vọng 	* Các hình thức giảng dạy quen thuộc có thể chấp nhận được vào lúc đầu, nhưng cần được mở rộng, chẳng hạn chuyển từ cách học thuộc lòng sang cách học có suy nghĩ.
Phục vụ và ảnh hưởng đến cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Cách thức cộng đồng đáp ứng các nhu cầu cá nhân và xã hội * Hỗ trợ khủng hoảng * Chiến lược giải quyết nan đề 	<ul style="list-style-type: none"> * Phát hiện những nhu cầu cấp bách mà Hội Thánh có thể đáp ứng * Cơ đốc nhân có thể sử dụng các cơ cấu hiện có hoặc tạo ra các cơ cấu mới để đáp ứng nhu cầu
Thông công	<ul style="list-style-type: none"> * Cách mọi người tụ họp để hỗ trợ lẫn nhau, làm việc và giải trí * Các buổi lễ kỷ niệm các sự kiện quan trọng và sự chuyển tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> * Các buổi họp của Cơ đốc nhân có thể dùng những địa điểm và thời gian tương tự, và số lượng người tham dự hoặc có thể vận dụng phù hợp với các giá trị Kinh thánh và thế giới quan * Các sự kiện phải vượt qua các định kiến và giai cấp xã hội .
Điều hành và lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> * Tiến trình đưa ra quyết định trong gia đình và xã hội * Phương thức lựa chọn lãnh đạo * Thực thi sự lãnh đạo * Thay đổi đại diện và tiến trình 	<ul style="list-style-type: none"> * Vận dụng cơ cấu lãnh đạo hiện có mà thể hiện được sự lãnh đạo với tinh thần tối tở và sự lãnh đạo tập thể * Phát triển những cách tiếp cận mới như vấn cổ và huấn luyện nếu cần.

Toàn bộ cơ cấu về văn hóa và xã hội có thể được so sánh với hệ thống đường sá của một thành phố tạo thuận lợi cho việc giao thông và giúp mọi người đến được nơi mong

muốn. Khi bồi cảnh hóa Hội Thánh, Kinh thánh xác định phương hướng và điểm đến, còn văn hóa sẽ cung cấp đường đi. Hội Thánh sẽ thường đi theo nhiều hướng khác nhau với những mục tiêu khác nhau từ các con đường của văn hóa nói chung, nhưng sẽ sử dụng nhiều con đường giống nhau. Một số dẫn đến những nơi mà Hội Thánh không muốn đến.

Thực Hiện Cơ Cấu Và Tập Tục Đã Được Bồi Cảnh Hóa

Hội Thánh có thể cần phải đổi tên hoặc sửa lại bề mặt một vài con đường. Hội Thánh có thể cũng cần mở một vài con đường mới để đến được những điểm cuối mà nền văn hóa chung không quan tâm đến. Chỉ khi nào biết rõ được bản đồ đường lối về văn hóa thì mới có thể vạch ra con đường tốt nhất để đến được nơi mong muốn và biết được những con đường mới nào cần phải được mở mang. Một vài hình thức có thể được chấp nhận trong Hội Thánh. Ví dụ, nếu mọi người thường xuyên tụ họp tại nhà vào buổi tối để cùng ăn uống và kể chuyện xảy ra trong ngày, thì có thể sử dụng hình thức nhóm họp trong nhà để cùng thông công và gây dựng lẫn nhau. Một vài hình thức, như việc sử dụng sinh tế và thông dâm với điểm đi trong thờ phượng, phải bị loại bỏ. Một vài hình thức khác sẽ được sử dụng nhưng phải được sửa đổi cho phù hợp với giá trị Kinh thánh. Ví dụ, lễ mùa gặt, phổ biến trong các cộng đồng trồng trọt, thường có liên hệ chặt chẽ với sự thờ phượng phi Cơ đốc hoặc nghi lễ cầu cho được mùa. Những nghi lễ có liên hệ gần gũi với mục đích thờ hình tượng đó phải được thay thế dù lễ mùa gặt được duy trì dưới dạng một dịp đặc biệt để tạ ơn.

Chỉ có những tín hữu địa phương mới có thể xác nhận một tập tục mới đã được bồi cảnh hóa có đáp ứng đầy đủ mục đích của Hội Thánh. Sự xác nhận đó phải được chứng minh bằng sự đáp ứng của tất cả mọi người (Hiebert 1987, 110). Khi các thành viên của Hội Thánh mới áp dụng những cơ cấu này, họ có thể nhận thức được, với tư cách là những người thuộc nền văn hóa, rằng hình thức đó thích hợp và họ muốn mời những người lân cận của họ. Lực lượng tín hữu nòng cốt ban đầu có thể viếng thăm những hội chúng khác có sự khác biệt về cấu trúc và hình thức, và tìm ra những điều nào là thích hợp nhất trong bồi cảnh của họ (xem bài học thực tế 6.2).

Bài học thực tế 6.2

So Sánh Các Cơ Cấu Hội Thánh Trong Việc Chuẩn Bị Cho Sự Thờ Phượng

Một người mở mang Hội Thánh tại một thành phố Tây phương quyết định đem toàn bộ hội chúng sơ khai (khoảng 20 tân tín hữu) đến thăm những Hội Thánh đã ổn định. Họ đang có hai nhóm nhỏ nhưng muốn sát nhập lại. Mục đích là để kinh nghiệm các hình thức thờ phượng khác nhau trước khi thực hiện theo cách riêng của họ trong nhiều tuần họ đã tham gia thờ phượng và các buổi gặp mặt theo nhóm nhỏ của các nhóm khác. Sau đó họ gặp nhau để thảo luận xem cách làm nào họ thấy là thích hợp nhất với Kinh thánh, cho việc gây dựng và về mặt văn hóa. Họ cũng xác định những yếu tố mà họ chắc chắn phải tránh. Trong quá trình đó họ khám phá ra rằng họ là một phần của một gia đình mở rộng bao gồm những người theo Chúa Giê-xu, khác nhau nhưng đều trung tín đối với Kinh thánh và với Chúa. Họ quyết định thành lập một nhóm nhỏ thứ ba và rồi họp lại với nhau để bắt đầu buổi thờ phượng đầu tiên. Lúc đầu họ nhóm lại mỗi tháng một lần và sau đó nhóm lại hàng tuần.

Như Hiebert (1989) đã chỉ ra, mối quan hệ giữa hình thức và nội dung là phức tạp, nên không thể luôn luôn tiếp thu một hình thức bên ngoài mà không du nhập ý nghĩa phi Cơ đốc của nó. Ngoài ra, đối với một số mục đích Kinh thánh chỉ có thể tìm thấy rất ít cơ cấu văn hóa phù hợp với nó. Trong những trường hợp như vậy thì phải đưa ra những cách thực hành Cơ đốc mới (xem bài học thực tế 6.3)

Bài học thực tế 6.3

Hội Thánh Giữa Vòng Dân Du Mục

Malcolm Hunter, một công nhân về hưu tại Đông Phi, thảo luận về thách thức của việc tìm kiếm cơ cấu thích hợp cho việc thờ phượng chung giữa vòng dân du mục như sau:

Để thích hợp với dân du mục Hội Thánh phải ... tự tách ra khỏi kiểu tĩn tại của một tòa nhà. Đây là trở ngại lớn nhất phải vượt qua trong những quốc gia mà các giáo sĩ Tin lành và Công giáo đã thi nhau xây dựng những nhà thờ lớn nhất. Bình phẩm hay nhất về kiểu mẫu sai lầm này là của một người chẵn lạc đà người Somali: “Khi bạn có thể đặt Hội Thánh của bạn trên lưng của một con lạc đà, thì tôi sẽ nghĩ rằng Cơ đốc giáo có ý nghĩa đối với người Somali của chúng tôi. Tôi là một người Hồi giáo bởi và tôi có thể cầu nguyện bất cứ chỗ nào, năm lần trong một ngày và cầu nguyện hằng ngày. Chúng tôi thấy Cơ đốc nhân các anh chỉ cầu nguyện mỗi tuần một lần, bên trong một tòa nhà đặc biệt, một người đứng phía trước và nói chuyện với Đức Chúa Trời trong khi những người khác gục đầu xuống giống như đang ngủ.” Đó là cái nhìn của một người Hồi giáo du mục đối với Cơ đốc giáo.

Hội Thánh thích hợp nhất đối với các cộng đồng du mục nơi mà các mối quan hệ quan trọng hơn bất động sản. Những thứ khác dân du mục có thể thiếu, nhưng họ luôn giàu có về mặt xã hội với các ràng buộc chặt chẽ về gia đình và thị tộc. Trẻ em bị bỏ rơi hoặc bị hành hạ ít khi thấy và người già được tôn trọng và được chăm sóc trong gia đình của họ. Trừ phi có những ảnh hưởng khác, như các tập tục của người Hồi giáo, phụ nữ có thể có một vị trí xã hội cao, bởi vì nhiều bộ tộc du mục rất quân bình. Câu hỏi đặt ra là: Xã hội của ai là nguyên thủy?

Điểm mạnh về mặt xã hội này trong các cộng đồng du mục cần phải trở thành nền tảng của Hội Thánh cho người du mục. Các giáo sĩ không nên nhấn mạnh sự quy đạo cá nhân, nhưng phải cầu nguyện cho các gia đình được biến đổi để có thể bắt đầu hình thành nên tập thể những người được cứu bên trong xã hội đó. Hội Thánh cho người du mục không nên có những tập tục tôn giáo ngoại quốc không cần thiết làm cho các tín hữu mới xa cách với cộng đồng của họ. Sẽ khôn ngoan nếu can ngăn những Cơ đốc nhân đầu tiên gọi họ là Hội Thánh cho đến khi có một số lượng người nhất định, tốt nhất là một số gia đình trọn vẹn, điều đó sẽ cho phép tái tạo tất cả các chức năng xã hội của xã hội tiền-Cơ đốc. Vì vậy nên xác định sớm số lượng tối thiểu này là bao nhiêu thì có ích nhất cho sự phát triển Hội Thánh và để làm việc cũng như cầu nguyện cho mục tiêu đó (Hunter 2000, 16).

Câu hỏi thảo luận

1. Những vấn đề nào mà bạn phải đề cập đến do lối sống du mục? Những mục đích cơ bản nào là khó hoàn thành nhất?
 2. Cơ cấu xã hội nào của người du mục có thể bảo toàn trong cộng đồng Cơ Đốc?
 3. Cơ cấu nào có thể sử dụng cho thờ phượng? Có bài học được rút ra từ kinh nghiệm của người Ít-ra-ên trong đồng vắng và sự thờ phượng trong đền tạm không?
 4. Một cộng đồng dân Chúa giữa người du mục Somali sẽ như thế nào?
-
-

Những Điều Cần Quan Tâm Và Lưu Ý Khác

Cần Phải Tiếp Tục Đổi Mới Và Cải Cách

Định hình Hội Thánh không phải là nhiệm vụ chỉ làm một lần là xong. Thách thức thường xuyên là thúc đẩy những thay đổi bên trong để cho Hội Thánh giữ được tính thích hợp và hiệu quả trong khi tăng trưởng và sinh sản. Những điều cần quan tâm và lưu ý sau đây giúp cho những người mở mang Hội Thánh hành động khôn khéo trong việc tiến hành bối cảnh hóa Hội Thánh. Những ai đang ở trên hành trình định hình Hội Thánh có thể trở nên bảo thủ trong việc ủng hộ một hình thức nào đó. Điều đó là một sai lầm bởi vì thay đổi xã hội xảy ra ngày càng nhanh và Hội Thánh cũng phải thay đổi để duy trì sự tương thích và hiệu quả trong từng thế hệ nối tiếp nhau. Những Hội Thánh chống lại sự thay đổi là đang có nguy cơ trở nên không tương thích với một thế hệ mới và đang đánh mất sự kêu gọi và số phận của mình. “Đối với tôi dường như Hội Thánh nào chỉ tiêu cho việc xây dựng cơ sở nhiều hơn việc đi ra, chỉ nhóm họp bên trong ‘nhà thờ,’ đặt việc xây dựng ưu tiên hơn việc truyền giáo, không sử dụng cơ sở cho bất cứ việc gì khác ngoài chức năng ‘thánh’, đo lường vấn đề thuộc linh bằng số người hiện diện trong bốn bức tường, thì có một dinh thự to lớn và hầu như hoàn toàn không biết ý nghĩa của Kinh thánh về Hội Thánh” (Snyder 1975, 77-78). Những người mở mang Hội Thánh phải tiếp tục nắm giữ những điều họ nắm giữ theo sát những sự dạy dỗ của Kinh thánh để tránh việc tiếp nối truyền thống. Tương tự, họ phải sẵn sàng đương đầu một cách hòa nhã với các truyền thống “Cơ đốc” trong các nền văn hóa họ phục vụ, như vậy các Hội Thánh được thành lập mới thực sự trở thành các cộng đồng dân Chúa có khả năng sinh sản.

Điều này không hạ thấp các truyền thống lành mạnh, cũng không loại bỏ nhu cầu về mặt tổ chức và cơ cấu. Trong khi vẫn giữ lại bản chất cơ bản, Hội Thánh luôn luôn tồn tại trong một hình thức mang tính lịch sử; sẽ không có Hội Thánh kiểu “phi văn hóa” (Kung 1967, 3-5). Paul Sankey nói, “Sự nhập thể đòi hỏi Phúc âm phải được thể hiện trong và qua văn hóa. Không có sự thể hiện phi văn hóa hoặc siêu văn hóa của Cơ đốc giáo ... Nếu Cơ đốc giáo không hội nhập với một nền văn hóa thì nó sẽ mang dáng dấp của một nền văn hóa khác” (1994, 446). Bởi vì văn hóa luôn luôn thay đổi, cho nên Hội Thánh phải liên tục cải tổ đồng thời duy trì sự trung thành đối với sự kêu gọi thánh của mình

Vì thế những người cải cách và đổi mới phải liên tục xây dựng lại Hội Thánh theo những hình thức mới (xin xem Towns, Stetzer và Bird 2007). Chúng tôi coi trọng sự đổi mới và tin rằng các hình thức Hội Thánh phải tiến triển – miễn là Hội Thánh được mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trong công tác truyền giáo, mang tính bản địa và có khả năng sinh sản. Xuyên suốt lịch sử Hội Thánh, Đức Chúa Trời đã đẩy lên các phong trào phục hưng

không chỉ đem đến sức sống thuộc linh tươi mới mà còn mở ra những cách biểu hiện mới của cộng đồng Cơ đốc.¹⁴ Những phong trào này thường gây ra tranh cãi và có xu hướng cực đoan, nhưng đó là bằng chứng về ý muốn Đức Chúa Trời về sự liên tục tái tạo và đổi mới Hội Thánh. Có một điều gì đó tươi mới và phấn khởi đối với một Hội Thánh biết thích nghi với hoàn cảnh và thực hiện câu châm ngôn của Phao-lô “Tôi đã trở nên mọi cách cho mọi người để có thể cứu được vài người, không cứ cách nào” (1 Côr 9:22).¹⁵

Nguy Cơ Về Chủ Nghĩa Hồ Lớn Và Phân Tán

Chủ nghĩa hồ lớn xảy ra khi sự thuần túy của sứ điệp Phúc âm hay các chức năng cơ bản của Hội Thánh bị hy sinh tại bàn thờ của sự liên quan. Đây có thể là một sự thỏa hiệp với những yếu tố của những tôn giáo khác hoặc với các thần tượng thế tục như chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và chủ nghĩa cái tôi. Phúc âm cần được *thể hiện* dưới các hình thức đương thời nhưng không phải trả giá bằng cách vứt bỏ quyền năng biến đổi của nó, tính chất tiên tri hay sự cáo trách tội lỗi. Luôn luôn có một sự căng thẳng giữa điều mà Walls (1982) gọi là nguyên tắc tìm về cội nguồn và nguyên tắc bản địa. Mặc dù Hội Thánh sẽ chọn những hình thức và cách thể hiện mới khi bước vào những bối cảnh văn hóa mới (nguyên tắc bản địa), Hội Thánh sẽ luôn luôn duy trì tính chất khác lạ khi Phúc âm thách thức và biến đổi văn hóa (nguyên tắc tìm về cội nguồn).¹⁶

Một nguy cơ khác là sự chuyên môn hóa quá mức và sự phân tán. Đa số các trung tâm đô thị ngày nay có đặc điểm là đa văn hóa, các nhóm nhập cư, các mối quan tâm đặc biệt và nhiều hệ phái tôn giáo.¹⁷ Có phải mỗi loại cần một Hội Thánh riêng cho mình không? Một minh chứng của Phúc âm trong thời Tân ước là quyền năng phá vỡ các bức tường ngăn cách trong xã hội (Ga 3:26-29; Eph 2:14-18). Chúng tôi không dám quay lại sự thái quá của “nguyên tắc đồng nhất” để định hình các cộng đồng theo từng nền văn hóa nhỏ khác nhau. “Nhiệm vụ của Hội Thánh không phải là phá hủy hay duy trì các đặc điểm chủng tộc mà là thay thế chúng bằng một đặc điểm mới trong Đấng Christ vững chắc hơn các đặc điểm mang tính thể gian . . . Mục đích của việc duy trì Hội Thánh đa

¹⁴ Những phong trào này bao gồm các phong trào tu viện, *collegia pietatis* của Spener, “các buổi họp lớp” của nhóm Methodism, các phong trào phục hưng của nhóm Ngũ tuần và Ân tứ, Hội Thánh những người tìm kiếm cảm giác của Willow Creek, Hội Thánh tế bào của David Yonggi Cho, các Hội Thánh Tư gia Trung hoa, và các hình thức Hội Thánh đương thời khác.

¹⁵ Thật ra chúng ta có thể hy vọng rằng khi Hội Thánh được bối cảnh hóa liên tục, theo như lời của Whiteman, sẽ có sự biểu hiện mới của Phúc âm, “để cho bản thân Phúc âm sẽ được nhận thức theo những cách mà Hội Thánh chung chưa bao giờ kinh nghiệm trước đó, mở rộng nhận thức của chúng ta về nước Trời” (1997, 4).

¹⁶ “Cùng với nguyên tắc bản địa giúp cho đức tin Cơ đốc nhân cảm thấy quen thuộc, Cơ đốc nhân kế thừa nguyên tắc cội nguồn nhắc nhở rằng họ không có một thành phố vĩnh cửu và sự trung tín với Đấng Christ sẽ đặt họ ra ngoài xã hội của mình; . . . Chúa Giê-xu trong văn hóa của người Do-thái, Phao-lô trong văn hóa của người Hê-lê-nít, thừa nhận rằng sẽ có sự va chạm – không phải từ việc chấp nhận một văn hóa mới nhưng từ việc biến đổi một tâm trí theo như Đấng Christ” (Walls 1982, 98-99).

¹⁷ Câu hỏi đặt ra là bối cảnh hóa vẫn còn thích ứng trong một thế giới “hình cầu” hay “phẳng” (xem Andrews 2009). Tuy nhiên, ngay trong bối cảnh đa dạng của đô thị cũng cần phải xác định và nghiên cứu mục vụ hướng vào con người, dù ranh giới của nó có thể ở trong trạng thái thay đổi liên tục và các giá trị của nó khác nhau (xem chương 9). Trong các bối cảnh đó hình thức của Hội Thánh phải tạo điều kiện hiệp nhất trên cơ sở các yếu tố cơ bản của Kinh thánh đồng thời cho phép tự do đa dạng hóa trong hoạt động. Để biết thêm những bàn luận về Hội Thánh trong một bối cảnh đa dạng xin đọc sách *Phúc Âm Trong Một Thế Giới Đa Nguyên* của Lesslie Newbigin (1989).

chúng tộc là để thiết lập một Hội Thánh mong muốn thấy Đấng Christ cai trị giữa dân sự của Ngài và hình thành một dân của Đức Chúa Trời hiệp nhất trong đa dạng” (Ortiz 1996, 130).

Cuối cùng, dù mong muốn định hình Hội Thánh để có sự tương thích và dễ thâm nhập, chúng ta không nên đánh giá quá cao sức mạnh của việc bối cảnh hóa hoặc đặt quá nhiều hy vọng vào các mô hình của con người. Chính *Phúc âm* mới làm biến đổi đời sống; và điểm tiếp xúc là ở tấm lòng chứ không phải ở tại Hội Thánh – dù với hình thức gì đi nữa. Thực ra không có một nỗ lực bối cảnh hóa nào thu hút được tâm trí thế tục hoặc những người nghi ngờ hậu hiện đại. Đấng Christ hằng sống và quyền năng trong sự điệp của Ngài, được thể hiện trong những đời sống được biến đổi và trong các cộng đồng đầy yêu thương và đáng tin cậy, là hy vọng duy nhất cho các xã hội đa nguyên hiện đại trên khắp thế giới.

Kết Luận

Chúa không mô tả về các hình thức Hội Thánh nhưng cho phép các sứ đồ đi theo sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh trong việc thành lập các Hội Thánh bản địa. những người mở mang Hội Thánh ngày nay không nên giữ một định kiến về hình thức Hội Thánh mà họ đã kinh nghiệm hoặc thấy tại quê hương. Điều từng xảy ra với kết quả đáng buồn là các giáo sĩ mở mang Hội Thánh thường là những người duy nhất cảm thấy quen thuộc trong Hội Thánh mà họ thành lập. Thay vào đó, những người mở mang Hội Thánh nên giúp đỡ các tín hữu địa phương hiểu được kế hoạch của Đức Chúa Trời đối với Hội Thánh, phân biệt sự khác nhau giữa hình thức và chức năng, nắm chắc bản chất và sứ mạng của Hội Thánh trong các mục vụ và tổ chức. Khi cơ cấu không phù hợp với một bối cảnh thì có thể dẫn đến:

- Một Hội Thánh ngoại quốc không hề quen thuộc trong nền văn hóa
- Một Hội Thánh căn cỗi sẽ không bao giờ sinh sản
- Một Hội Thánh hồ lớn truyền bá những sự dạy dỗ và tập tục sai lầm

Như vậy những người mở mang Hội Thánh phải cởi mở đối với sự thay đổi, không bảo thủ về những hình thức ưa thích của mình, và giữ vai trò là những người tư vấn trong khi các tín hữu địa phương là những người của bối cảnh văn hóa đưa ra hình thức của Hội Thánh. Hội Thánh luôn luôn là một Hội Thánh *trong quá trình tạo lập*. Vì vậy, dù vai trò của những người mở mang Hội Thánh là quan trọng nhất trong giai đoạn thai nghén và bắt đầu, họ tiếp tục tạo ảnh hưởng thông qua việc làm gương, dạy dỗ và hướng dẫn thuộc linh. Những người mở mang Hội Thánh trưởng thành tin cậy Đức Chúa Trời hành động trong và qua những lãnh đạo địa phương, bởi vì mục vụ và sứ mệnh cuối cùng thuộc về họ.

Các Cách Tiếp Cận Đối Với Việc Mở Mang Hội Thánh

Cho đến nay vẫn còn có rất ít kiểu mẫu và phương pháp được phát triển hoàn chỉnh cho việc mở mang Hội Thánh. Hiện nay có quá nhiều chiến lược và phương pháp đến nỗi khó có thể đánh giá cái nào là thích hợp nhất đối với một tình huống nhất định. Trong chương này chúng tôi sẽ khảo sát nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với việc mở mang Hội Thánh, bắt đầu với công tác tiên phong mở mang Hội Thánh, ở nơi có rất ít Hội Thánh hiện hữu trong khu vực và không có Hội Thánh bạn lân cận. Sau đó chúng tôi sẽ khảo sát cách tiếp cận đối với sự sinh sản của các Hội Thánh hiện hữu. Tim Chester (2000, 38) chỉ ra rằng hai hạng mục lớn này, công tác tiên phong và sản sinh, có phần tương ứng với những gì chúng ta thấy trong Tân ước. Phao-lô về cơ bản là một người mở mang Hội Thánh tiên phong khi ông vào một thành phố mới để giảng Tin lành. Nhưng những Hội Thánh ông thành lập đã sinh sản bằng cách thành lập vô số các Hội Thánh Tư gia trong cùng thành phố.¹ Sau cùng chúng tôi sẽ mô tả các chiến lược đối với việc nhân rộng Hội Thánh trong một khu vực.

Cách Tiếp Cận Đối Với Công Tác Tiên Phong Mở Mang Hội Thánh

Nói đến “tiên phong mở mang Hội Thánh” là chúng tôi muốn nói về việc mở mang Hội Thánh tại những nơi có rất ít Cơ đốc nhân và, không kể nhóm mở mang Hội Thánh, có rất ít Cơ đốc nhân địa phương trợ giúp cho việc khởi đầu. Công việc sẽ phát triển hoàn toàn thông qua công tác truyền giáo. Các khả năng tiếp cận được tóm lược trong bảng 7.1.

¹ Ví dụ, Rô-ma 1:7; 16:3, 5, 10-11; 1 Cô 1:11, 16; 16:15; Phil 4:22; Cól 4:15-16; Phi-lê-môn 1:2

Bảng 7.1

**Cách Tiếp Cận Đối Với Công Tác Tiên Phong Mở Mang Hội Thánh
Nơi có ít hoặc không có Hội Thánh hiện hữu trong vùng lân cận hoặc trong nhóm
người mục tiêu**

Cách Tiếp Cận	Đặc Điểm
Người mở mang Hội Thánh hoạt động đơn phương hoặc theo kiểu lính nhảy dù	Người mở mang Hội Thánh đơn phương chuyển đến vùng mục tiêu và bắt đầu tự xoay sở
Nhóm mở mang Hội Thánh	Một nhóm mở mang Hội Thánh được thành lập và chuẩn bị; các thành viên của nhóm có các ân tứ khác nhau nhưng có cùng khái tượng và sự kêu gọi
Định Cư	Một số lượng lớn tín hữu (thường là cùng một Hội Thánh) chuyển đến ở tại vùng mục tiêu, thành lập Hội Thánh mới
Mở mang Hội Thánh kiểu không thường trú hoặc ngắn hạn	Một người mở mang Hội Thánh hoặc nhóm truyền giáo tìm cách mở mang một Hội Thánh hoặc nhiều Hội Thánh thông qua các chuyến thăm ngắn hạn hoặc các nỗ lực tách biệt với một người hoặc nhóm mở mang Hội Thánh
Mở mang Hội Thánh quốc tế	Khi một Hội Thánh quốc tế được thành lập, thì những người trong nước cũng được tiếp cận, họ là những người không thể tiếp cận được bằng các khác (thường là trong hoàn cảnh bị bắt bớ)
Mở mang Hội Thánh gián tiếp	Một Hội Thánh được thành lập như là một hệ quả của công tác phát triển, mục vụ sinh viên, phiên dịch Kinh thánh hoặc những mục vụ khác không bao hàm định ý mở mang Hội Thánh

Người Mở Mang Hội Thánh Đơn Phương

Người mở mang Hội Thánh đơn phương có thể được ví như một người lính nhảy dù đơn độc nhảy xuống một địa điểm. Đây có lẽ là kiểu mở mang Hội Thánh phổ biến nhất và là hình ảnh đặc trưng mà mọi người gọi là mở mang Hội Thánh tiên phong. Đó là một người mở mang Hội Thánh với lý tưởng mạnh mẽ, đơn thương độc mã thực hiện công việc truyền giáo và môn đồ hóa, tập hợp những tân tín hữu để hình thành một Hội Thánh. Thật ra nhiều Hội Thánh đã được thành lập theo cách này bởi những người mở mang Hội Thánh có ân tứ và quyết đoán.

Nhưng cách tiếp cận này rất khó khăn và có tỷ lệ thất bại cao. Nó có hiệu quả tốt khi người mở mang Hội Thánh có ân tứ vượt trội và mở mang một Hội Thánh trong chính bối cảnh văn hóa của mình; nó cũng có thể thành công ở nơi có tỷ lệ đáp ứng cao hoặc nơi có thể tuyển mộ các Cơ đốc nhân trưởng thành để thành lập một nhóm mở mang Hội Thánh. Nhưng nó rất ít có hiệu quả khi mở mang Hội Thánh ở những nền văn hóa khác hoặc giữa những người chống đối Phúc âm. Hầu hết những mở mang Hội Thánh không có đủ ân tứ để hoạt động một mình trong những bối cảnh như vậy. Ngay cả những người

mở mang Hội Thánh rất có ân tứ cũng nhanh chóng bộc lộ những hạn chế của mình và rồi nản lòng hoặc mỏi mệt.

Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Cách tiếp cận thứ hai là nhóm mở mang Hội Thánh. Trong trường hợp này một nhóm nhân sự có khả năng chung và nhiều ân tứ khác nhau cùng hợp tác làm việc. Ngày nay, trong công tác truyền giáo xuyên văn hóa, cách tiếp cận này đã trở thành chuẩn mực cho công tác tiên phong mở mang Hội Thánh. Thường thì các thành viên của nhóm là những giáo sĩ chuyên nghiệp, nhưng không phải luôn luôn như vậy, một số có thể bán chuyên nghiệp. Việc xây dựng và hoạch định chiến lược của nhóm là một việc quan trọng trong công tác chuẩn bị thành lập Hội Thánh. Càng ngày những nhóm này càng mang tính chất quốc tế hoặc đa chủng tộc. Chẳng hạn một nhóm có thể bao gồm một người Mỹ, một người Hàn quốc, một người Đức và một người Phi-líp-pin.

Rõ ràng là cách tiếp cận này tránh được nhiều khó khăn của việc tiên phong mở mang Hội Thánh đơn phương, nhưng không phải là không có thách thức. Việc xây dựng và duy trì nhóm đòi hỏi nhiều năng lượng.² Khả năng xảy ra xung đột đặc biệt cao trong một nhóm quốc tế, nơi có những nhận thức khác nhau về lãnh đạo, đưa ra quyết định và các giá trị. Các nhóm, đặc biệt là các nhóm người ngoại quốc, cũng phải lưu ý rằng họ không trở thành một băng nhóm. Trong những ngày đầu tiên của việc mở mang Hội Thánh, các thành viên của nhóm có thể nương dựa lẫn nhau nhiều để có sự hỗ trợ và tình thân và do đó không tạo được mối quan hệ với người địa phương. Quá nhiều người ngoại quốc trong một Hội Thánh nhỏ có thể làm cho những người địa phương cảm thấy xa lạ. Một nhóm mở mang Hội Thánh tại miền Nam nước Đức có nhiều gia đình người Mỹ, và trong những năm đầu có nhiều người Mỹ hơn người Đức trong Hội Thánh. Thỉnh thoảng, có những người Đức đến rồi lại đi vì nghĩ rằng họ đã vào nhầm một giáo đường của quân nhân Mỹ!

Một thách thức khác đối với nhóm mở mang Hội Thánh là khi các thành viên của nhóm là những mục sư chuyên nghiệp trọn thời gian. Những người địa phương có thể nhìn vào một số lượng lớn “những người chuyên nghiệp” và cảm thấy muốn thoái thác công việc. “Tại sao tôi phải hy sinh thời giờ quý báu của mình trong khi có quá nhiều người chuyên nghiệp trong một Hội Thánh nhỏ không có việc gì để làm? Họ được huấn luyện để làm công việc tốt hơn tôi.” Những nhóm như vậy có thể quan tâm đến việc mở mang nhiều Hội Thánh cùng lúc để khắc phục những trở ngại này.

Mở Mang Hội Thánh Bằng Cách Định Cư

Mở mang Hội Thánh bằng cách định cư ít được áp dụng bởi vì nó đòi hỏi một sự cam kết cao, nhưng đó có thể là một trong những phương pháp thành công nhất. Một số tín hữu, thường là một số gia đình trọn vẹn trong cùng một Hội Thánh địa phương hoặc từ nhiều Hội Thánh, di chuyển đến một thành phố hoặc khu vực mục tiêu. Giống như những người đến định cư tại một “thuộc địa”, họ hình thành nhóm nòng cốt của một Hội Thánh mới. Cách này có những thuận lợi giống như nhóm mở mang Hội Thánh, ngoại trừ nhóm định cư có nhiều người hơn và thường là những người không chuyên nghiệp. Như vậy rõ ràng là một Hội Thánh đã được cấy trồng vào một địa điểm mới.

² Xin xem chương 16 nói về các nhóm mở mang Hội Thánh.

Cách tiếp cận này tương tự việc nhân rộng Hội Thánh kiểu mẹ-con (sẽ được thảo luận sau đây). Sự khác nhau là các thành viên chuyển đến một thành phố hoặc khu vực hoàn toàn mới, tìm kiếm chỗ ở và công việc mới, đó là một chương ngại lớn. Không chỉ khó khăn trong việc thuyết phục những thành viên trong một cộng đồng chuyển đến một nơi khác, mà còn khó khăn đối với họ trong việc tìm kiếm nhà cửa và việc làm mới ở đó. Cách tiếp cận này chỉ có thể áp dụng khi tập thể di cư đến một nơi có nền văn hóa tương tự hoặc giống nhau. Nhiều người hầu như không muốn học một ngôn ngữ mới hoặc chấp nhận cách sống của nền văn hóa mới. Hơn nữa, một số lượng lớn người ngoại quốc trong Hội Thánh mới sẽ áp đảo những tín hữu mới tại địa phương làm cho Hội Thánh mới trở nên xa lạ.

C.Peter Wagner (1990, 63-64) nói rằng Trung Tâm Cơ đốc Abbott Loop tại Anchorage, Alaska, đã thành lập bốn mươi Hội Thánh trong thời gian hai mươi năm chủ yếu là bằng cách sử dụng phương pháp định cư. Có 137 thành viên đi định cư để mở mười Hội Thánh mới. Mười Hội Thánh này có tổng số thành viên là 2068 người. Hội Thánh Cơ đốc Cộng Đồng ở Naperville, Illinois đã gửi chừng hai mươi lăm thành viên với một mục sư để định cư tại thành phố Kansas và hình thành nhóm nòng cốt của một Hội Thánh tiên phong tại thành phố đó. Sau đó ba mươi lăm thành viên bán nhà cửa, từ bỏ công việc và chuyển đến Denver để làm tương tự.

Mở Mang Hội Thánh Kiểu Ngắn Hạn Hoặc Không Thường Trú

Mở mang Hội Thánh kiểu ngắn hạn hoặc không thường trú xảy ra khi người hoặc nhóm mở mang Hội Thánh không thường trú tại nơi mở Hội Thánh. Họ thực hiện các chuyến thăm viếng ngắn hạn đến nơi mở Hội Thánh và lưu lại chỉ một vài tháng. Đại thể là nhanh chóng truyền bá Phúc âm và tập hợp một nhóm tín hữu địa phương nòng cốt, trang bị cho họ những hiểu biết cơ bản về Kinh thánh và Hội Thánh, rồi ra đi. Sau đó những người mở mang Hội Thánh sẽ tiếp tục củng cố hội chúng bằng cách thỉnh thoảng đến thăm viếng họ trong thời gian ngắn. Cách tiếp cận này khá phù hợp đối với những nơi mà giáo sĩ không thể thường trú, nhưng nó cũng được cố gắng thực hiện trong những bối cảnh khác.

Một vài tổ chức truyền giáo đã nỗ lực thành lập các Hội Thánh hoàn toàn bằng cách chỉ sử dụng các nhóm công tác ngắn hạn, như là các chuyến truyền giáo mùa hè, hay chiếu phim và thành lập các nhóm học Kinh thánh. Tuy nhiên, những nỗ lực như vậy khó có kết quả lâu dài ở nơi không có Hội Thánh địa phương hoặc giáo sĩ quen thuộc với ngôn ngữ và văn hóa để có thể tiếp tục hướng dẫn cho đến khi vững mạnh.

Trong cuốn sách *Truyền Giáo Không Thường Trú* (1990), V. David Garrison mô tả cách tiếp cận này. Ở đây giáo sĩ hoạt động trên căn bản là không thường trú nhưng vẫn phải học ngôn ngữ và văn hóa của nhóm người mục tiêu. Giáo sĩ kết hợp với nhiều tổ chức Cơ đốc khác nhau để truyền giáo và mở một Hội Thánh trong vòng một nhóm người cụ thể. Có thể kết hợp nhiều người và nhiều dự án khác nhau trong nỗ lực chung: các nhóm ngắn hạn, “truyền giáo du lịch,” trao đổi sinh viên ngắn hạn, công nhân phát triển, nhà truyền giáo lưu động, hoặc người định cư dài hạn. Garrison nêu ra điển hình về một giáo sĩ không thường trú người Phi-líp-pin, tên là Lena Sabang, làm việc tại cao nguyên Sarawak của Indonesia để tiếp cận người Hồi giáo. Cô ta là người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm tại Phi-líp-pin khi Đức Chúa Trời hướng dẫn cô ta đến chăm sóc một nhóm người ở nơi mà giáo sĩ không được phép cư trú. Cô ta đã kiên trì làm chứng và

bắt đầu một Hội Thánh bằng cách làm việc với một visa sáu tháng và với sự giúp đỡ của các cộng sự luân phiên. “Sau mười năm, cô ta đã thành lập 47 Hội Thánh giữa những người Visayan Negrito và một số lượng mục sư tương ứng được huấn luyện để lãnh đạo các Hội Thánh tiếp tục tăng trưởng và làm chứng” (Garrison 1990, 33).

Một điển hình khác, là các Hội Thánh được thành lập giữa vòng dân tộc Xiao sống tại một vùng xa xôi và bị hạn chế của châu Á. Sau khi khảo sát và cầu nguyện, một giáo sĩ không thường trú phối hợp với một bệnh viện Cơ đốc, một dự án phiên dịch Kinh thánh và một đài phát thanh Cơ đốc và đưa khoảng 20-30 giáo viên Anh văn đến với người Xiao. Chỉ sau hai năm đã có khoảng 3000 người chịu Báp-têm và gia nhập vào các Hội Thánh mới được thành lập (Garrison 1990, 65-68).

Thành Lập Hội Thánh Quốc Tế

Việc thành lập Hội Thánh quốc tế có thể lợi dụng bất kỳ phương pháp nào ở trên, đặc điểm nổi bật là Hội Thánh lúc ban đầu không phải là Hội Thánh bản địa mà là một Hội Thánh mang tính quốc tế. Anh ngữ là ngôn ngữ đặc thù của mục vụ, và Hội Thánh, ít nhất là vào lúc đầu, bao gồm những người ngoại quốc tại vùng mục tiêu: những người nói tiếng Anh từ các doanh nghiệp quốc tế, tổ chức ngoại giao, sinh viên, người tỵ nạn hay các công nhân ngoại quốc. Với sự hướng đến cộng đồng quốc tế lúc đầu, Hội Thánh thường tăng trưởng nhanh về số lượng. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu thuộc linh cho các cộng đồng người nước ngoài, Hội Thánh quốc tế hy vọng rằng sẽ hấp dẫn cư dân địa phương là những người muốn cải thiện khả năng tiếng Anh hoặc hiếu kỳ muốn tìm hiểu về đức tin Cơ đốc (Bowers 2005). Tương tự với Hội Thánh quốc tế là Hội Thánh của người ngoại quốc hay là người di cư không sử dụng ngôn ngữ chung mà là một ngôn ngữ khác, chẳng hạn như tiếng Trung hoặc tiếng Hàn tại Hoa kỳ, và có một đặc điểm văn hóa hoặc chủng tộc nhất định. Các Hội Thánh đó đáp ứng nhu cầu của những người di dân hoặc tỵ nạn, là những người thường không thoải mái với ngôn ngữ của nước chủ nhà hoặc không cảm thấy được hoan nghênh trong các Hội Thánh khác (Prill 2009). Trong các nước Hồi giáo chiếm ưu thế, việc mở mang các Hội Thánh bản địa để tiếp cận người Hồi giáo thường bị cấm; đầu vậy các Hội Thánh dành cho cộng đồng người nước ngoài được phép tồn tại và tự do.

Một vài Hội Thánh quốc tế, sau khi hình thành và có một số lượng đáng kể cư dân địa phương, đã chuyển từ việc sử dụng tiếng Anh sang sử dụng tiếng địa phương làm ngôn ngữ chính của mục vụ. Đôi khi chương trình dành cho trẻ em sử dụng cả tiếng Anh và tiếng địa phương. Bài giảng cũng có thể được dịch sang tiếng địa phương để khỏi phải chuyển đổi. Cách này đã được thực hiện trong các thành phố như Moscow và Budapest. Hội Thánh cũng có thể duy trì tính chất quốc tế nhưng với tư cách là một cơ sở để truyền giáo và mở mang Hội Thánh cho người bản xứ.

Các cơ quan truyền giáo như Hiệp Hội Cơ Đốc Quốc Tế đã đẩy mạnh chiến lược này tại châu Âu, thành lập các Hội Thánh quốc tế cách thành công tại các thành phố như Amsterdam và Geneva. Một tiện lợi nữa của Hội Thánh quốc tế là có thể trở thành phòng thí nghiệm của sự đổi mới. Ngay tại những nơi đã có các Hội Thánh bản địa hiện hữu, các Hội Thánh quốc tế nói chung ít bị ngăn trở bởi các hình thức Hội Thánh truyền thống và có thể thực hiện những cách tiếp cận sáng tạo về mục vụ và truyền giáo, kích thích các Hội Thánh truyền thống.

Tuy nhiên, chiến lược Hội Thánh quốc tế không phải không có những hạn chế quan trọng nếu mục tiêu là tiếp cận ra ngoài phạm vi cộng đồng người ngoại quốc đến các cư dân địa phương. Đó là một giải pháp cho những nơi mà thành phố mục tiêu có tính chất quốc tế với một cộng đồng quốc tế đáng kể. Ở nơi mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ của người địa phương, thì việc sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ mục vụ chỉ hấp dẫn một thiểu số cư dân địa phương. Đồng thời, các nỗ lực để chuyển đổi từ tiếng Anh sang tiếng địa phương không phải luôn luôn dễ dàng nếu một trong những điều hấp dẫn chính của Hội Thánh là việc sử dụng tiếng Anh.

Một thách thức cấp bách khác là trong một Hội Thánh Cơ đốc quốc tế có quá nhiều gương mặt ngoại quốc. Đa số cư dân có thể nhận thức Cơ đốc giáo như là đức tin của những người bên ngoài, của người ngoại quốc, chứ không phải là một lựa chọn thực sự cho người trong nước. Hình ảnh ngoại quốc này không chỉ liên quan đến ngôn ngữ mà còn cả phong cách thờ phượng, hình thức lãnh đạo và ra quyết định, và những khía cạnh khác về mặt văn hóa của Hội Thánh. Thật ra, Hội Thánh *mang tính* ngoại quốc, không được bối cảnh hóa, và đối mặt với tất cả các thách thức của các Hội Thánh không được bối cảnh hóa.

Mở Mang Hội Thánh Gián Tiếp

Các Hội Thánh cũng thường được thành lập bởi các tổ chức Cơ đốc có mục đích chính không phải là mở mang Hội Thánh. Chẳng hạn Hội phiên dịch Kinh thánh Wycliffe hay còn gọi là Viện ngôn ngữ mùa hè có mục đích chính là phiên dịch Kinh thánh ra các ngôn ngữ địa phương. Đôi khi, vì nghĩa vụ hợp đồng với chính quyền địa phương, các dịch giả phải ra đi khi công tác dịch thuật hoàn tất. Tuy nhiên, việc một Hội Thánh được thành lập trong quá trình phiên dịch Kinh thánh không phải là bất bình thường. Tương tự, các Hội Thánh có thể được thành lập bởi các nhân viên là Cơ đốc nhân ở một bệnh viện địa phương, bởi các công nhân làm công tác từ thiện và phát triển, hoặc bởi các Cơ đốc nhân đang làm nhiệm vụ thương mại quốc tế.

Các công nhân Cơ đốc tại Curtea de Arges, một trong những thành phố cổ nhất tại Romania, đã dắt đem nhiều người tin Chúa và mở một Hội Thánh tại đó, dù việc mở mang Hội Thánh không phải là mục đích của tổ chức. Lãnh đạo của nhóm phát triển không được huấn luyện làm mục sư hay người mở mang Hội Thánh nhưng đã mở mang được Hội Thánh! Giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX các nhân viên của CCC (Campus Crusade for Christ) tại Budapest bắt đầu nhóm vào các Chúa nhật với các sinh viên và những người khác đã tin nhận Chúa. Dù chính sách chung của CCC là không mở Hội Thánh mới, nhưng một Hội Thánh đã phát triển từ các buổi nhóm này. Sau đó các lãnh đạo đã tiếp xúc cơ quan truyền giáo để được sự giúp đỡ về việc mở mang Hội Thánh.

Mặc dù những người mở mang những Hội Thánh như vậy ít khi được huấn luyện như những người mở mang Hội Thánh và có một kế hoạch lâu dài về sự phát triển (càng ít hơn đối với việc nhân rộng) của Hội Thánh, thì vẫn có những thuận lợi trong cách tiếp cận này. Các nhân sự địa phương bị buộc phải gánh vác việc lãnh đạo Hội Thánh ngay từ đầu bởi vì công nhân Cơ đốc bận rộn với những trách nhiệm khác và không thể dành hết mọi nỗ lực cho việc chăm sóc Hội Thánh mới. Đối với các mục vụ tương tế hay phát triển, Hội Thánh tham gia tích cực với sự đóng góp của Cơ đốc nhân cho cộng đồng. Trong các quốc gia đóng cửa đối với hoạt động truyền giáo truyền thống, thì các công nhân làm công tác từ thiện, phát triển hay giáo dục vẫn có thể vào được và trở thành

những người tham gia gián tiếp vào công việc mở mang Hội Thánh. Các công nhân đóng góp vào phúc lợi của người địa phương, và không bị xem là một mối nguy đối với các tôn giáo đã có.

Các Cách Tiếp Cận Đối Với Việc Sinh Sản Của Hội Thánh

Bây giờ chúng tôi chuyển sang mô tả các phương pháp khác nhau mà nhờ đó các Hội Thánh hiện hữu sinh sản bằng cách động viên các thuộc viên của họ tham gia trực tiếp vào việc mở mang Hội Thánh mới trong cùng thành phố hay một vùng lân cận. Các cách tiếp cận như vậy chuyển việc mở mang Hội Thánh từ việc thêm vào, mở mỗi lần một Hội Thánh, sang nhân rộng, Hội Thánh mở mang những Hội Thánh có khả năng mở mang những Hội Thánh khác. Những cách tiếp cận này được trình bày trong bảng 7.2.

Bảng 7.2

Các Cách Tiếp Cận Về Sự Sinh Sản Của Hội Thánh Nơi Đã Có Hội Thánh Hiện Hữu Và Muốn Sinh Sản

Cách tiếp cận	Đặc điểm
Hội Thánh mẹ-con <i>hoặc</i> tách đàn	Các thành viên của một Hội Thánh (mẹ) tách ra và tạo thành hạt nhân của một Hội Thánh mới (con)
Hội Thánh có nhiều vị trí <i>hoặc</i> vệ tinh	Hội Thánh mẹ mở ra một số điểm thờ phượng hoặc mục vụ (thường dùng các bài giảng qua video); nhân sự và tổ chức phần lớn đều do Hội Thánh chính
Hội Thánh con nuôi hoặc tái lập	Một hội thông công độc lập quyết định hình thành một Hội Thánh bằng cách yêu cầu sự trợ giúp của một Hội Thánh đã ổn định; hoặc một Hội Thánh nhỏ và yếu được hồi sinh hoặc “tái lập”
Hội Thánh có nhiều mẹ hoặc cộng tác	Nhiều Hội Thánh cùng mở chung một Hội Thánh con
Hội Thánh theo nhóm người mục tiêu hoặc đa hội chúng	Một Hội Thánh thành lập một hội chúng mới cho một bộ tộc hoặc nhóm xã hội, thường sử dụng chung cơ sở; các hội chúng có liên hệ với nhau về mặt tổ chức
Mạng lưới Hội Thánh Tư gia	Các Hội Thánh Tư gia nhân rộng bằng cách chia thành nhóm tế bào, với cơ cấu nhỏ và thường được lãnh đạo bởi các nhân sự; người mở mang Hội Thánh không phải là một mục sư nhưng là một người huấn luyện những người mở mang Hội Thánh Tư gia

Hội Thánh Mẹ-Con Hoặc Tách Đoàn

Cách tiếp cận phổ biến nhất trong việc nhân rộng Hội Thánh là mở mang Hội Thánh kiểu “mẹ-con”, đôi khi được gọi là “tách đoàn”. Mở mang Hội Thánh theo phương pháp này tương tự như quá trình phát triển sinh học thông qua sự phân chia tế bào. Có gì tự nhiên hơn việc có một em bé! Hội Thánh mẹ sinh một Hội Thánh con bằng cách cử ra một số thành viên của mình để tạo thành lực lượng nòng cốt của Hội Thánh mới. Số lượng các thành viên được sai đi có thể khác nhau từ một vài người đến vài trăm người, tùy thuộc vào số lượng của Hội Thánh mẹ, vị trí của Hội Thánh mới và những yếu tố khác. Nhân sự của Hội Thánh mẹ có thể được cử đi để giúp đỡ việc mở Hội Thánh con.

Thường thì các thành viên hình thành Hội Thánh mới đang sống tại vùng mục tiêu hoặc thuộc về nhóm người mục tiêu của Hội Thánh mới. Do đó họ không cần tìm chỗ ở hoặc việc làm mới như trong trường hợp mở mang Hội Thánh theo cách định cư. Thông thường thì một hoặc nhiều cụm gia đình thành viên Hội Thánh mẹ đã nhóm lại trong một cộng đồng cụ thể nhất định. Khi có khái tượng thành lập một Hội Thánh trong cộng đồng đó thì các thành viên của những nhóm này trở thành nòng cốt của Hội Thánh.

Ví dụ, Hội Thánh Tin lành Tự Do Central Munich (có 200 thành viên) muốn mở một Hội Thánh con tại một trong các vùng ngoại ô của thành phố. Một nhóm gia đình đã bắt đầu nhóm lại tại vùng Ottobrunn, nơi được xác định là một vùng cần có một Hội Thánh Tin lành. Sau nhiều tháng thì khái tượng hình thành và các thành viên được chuẩn bị để bắt đầu một công tác mới. Ba mươi bốn thành viên đã được giao nhiệm vụ bắt đầu công việc. Mục sư của Hội Thánh mẹ phục vụ cả hai Hội Thánh cho đến khi Hội Thánh con có thể mời được mục sư riêng. Hội Thánh mẹ không chỉ cung cấp về nhân sự mà còn về giúp đỡ tài chính, chăm sóc và tư vấn cũng như sự giúp đỡ trong công tác truyền giáo, âm nhạc, làm mẫu và các dịch vụ khác vượt quá các nguồn lực của Hội Thánh con. Có thể nêu ra hàng ngàn ví dụ giống như vậy.

Còn có nhiều cách khác để mở một Hội Thánh con, như tuyển mộ từ các Hội Thánh mẹ những người muốn mở Hội Thánh con hoặc một người mở mang Hội Thánh để thực hiện công việc mới. Một vài Hội Thánh tránh việc sử dụng từ ngữ và tư tưởng tách đoàn, nói rằng chẳng thà tuyển mộ một nhóm truyền giáo hoặc một nhóm nòng cốt để mở Hội Thánh con. Ví dụ, Hội Thánh Hill Country Bible Church tại Austin, Texas đã mở mười lăm Hội Thánh con từ năm 1986 đến năm 2010 (hình 7.1). Hội Thánh này đã thay đổi cách tiếp cận từ chỗ tập hợp một số đông tín hữu ở Hội Thánh mẹ để hình thành nhóm mở mang Hội Thánh sang cách tuyển mộ các gia đình có khái tượng truyền giáo và sự kêu gọi. Hội Thánh Hill Country đề cập đến bốn chuyển đổi trong chiến lược mở Hội Thánh con:

- Từ chỗ tập hợp từ Hội Thánh sang việc tập hợp từ cộng đồng
- Từ việc cấy ghép sang biến đổi
- Từ số đông sang nhóm nòng cốt truyền giáo
- Từ sự phụ thuộc tài chính sang gây quỹ sáng tạo (Herrington 2009)

Nhóm mở mang Hội Thánh có thể ít hơn về số lượng, nhưng có quan điểm thiên về truyền giáo hơn, cùng với truyền giáo, phục vụ với tinh thần hy sinh và gắn kết với cộng đồng là những yếu tố xác định bản chất của Hội Thánh con.

Có vô số tài liệu thực tiễn hỗ trợ cho việc hoạch định và mở mang các Hội Thánh con. Đa số những tài liệu này phát xuất từ bối cảnh văn hóa Tây phương và phải được

thay đổi cho phù hợp khi dùng trong bối cảnh khác;³ tuy nhiên, chúng cung cấp một khởi điểm tốt cho việc hoạch định tiến trình.

Cách tiếp cận kiểu mẹ-con trong việc nhân rộng Hội Thánh có nhiều tiện lợi. Tỷ lệ sống sót và tăng trưởng của các Hội Thánh con cao hơn so với cách mở mang Hội Thánh tiên phong bởi vì các nhóm mở mang Hội Thánh thường lớn hơn, có nhiều nhân sự hơn, có được sự trợ giúp tức thời và nguồn lực từ Hội Thánh mẹ ở gần, và công việc được chuẩn bị và kế hoạch hóa cẩn thận. Bởi vì các thành viên xuất phát từ cùng Hội Thánh mẹ nên có cùng khái tượng, đặc tính và triết lý về mục vụ. Kết quả là có nhiều thời giờ và năng lượng hơn được dành cho công tác truyền giáo và môn đồ hóa. Thông thường, nhóm nòng cốt mở mang Hội Thánh bao gồm các thành viên có kinh nghiệm về mục vụ và trưởng thành về đức tin, và điều này tạo nên sự lãnh đạo và ổn định mà công tác tiên phong thường thiếu. Hơn nữa, tiến trình của việc tách đàn có thể dễ dàng lập lại. Hội Thánh con một ngày nào đó sẽ trở thành Hội Thánh mẹ và lại sinh ra Hội Thánh con.

Có một lợi ích gián tiếp đối với Hội Thánh mẹ. Không chỉ có được niềm vui của việc sinh con mà Hội Thánh mẹ còn nhận ra rằng phải thúc đẩy việc truyền giáo, tuyển mộ và huấn luyện các nhân sự mới để bù lại số người đã được giao nhiệm vụ ra đi mở mang Hội Thánh con. Điều này giúp cho Hội Thánh mẹ tránh được tự mãn, an nhàn và thụ động. Thật ra, không phải là bất bình thường đối với việc Hội Thánh mẹ kinh nghiệm một thời kỳ tăng trưởng nhanh khi Đức Chúa Trời vui lòng về khái tượng và sự cam kết của Hội Thánh.

Mặc dù có hiệu quả nhưng cách tiếp cận này cũng có những nguy hiểm cần phải tránh. Nếu Hội Thánh mẹ nhỏ thì việc mở một Hội Thánh con sẽ làm suy yếu Hội Thánh mẹ và đe dọa sự tồn tại của nó. Hơn nữa, Hội Thánh con phải cẩn thận trong việc sao chép chi tiết các phương pháp mục vụ của Hội Thánh mẹ. Hội Thánh con cần phải phát triển những cách tiếp cận mới đối với mục vụ bằng cách vận dụng tùy theo nhu cầu cụ thể của cộng đồng. Điều thường xảy ra trong mối quan hệ giữa Hội Thánh mẹ và các Hội Thánh con đó là Hội Thánh mẹ có thể chi phối Hội Thánh con quá nhiều, và Hội Thánh con quá phụ thuộc vào mẹ theo kiểu “lúc nào cũng bám lấy mẹ.” Một sự ganh đua không lành mạnh cũng có thể xuất hiện giữa Hội Thánh mẹ và con. Bất kể những điều này, một khi một Hội Thánh đã được thiết lập, thì cách tiếp cận kiểu mẹ-con vẫn là phương pháp được Đức Chúa Trời ban phước nhiều nhất trong việc nhân rộng Hội Thánh trên toàn cầu. Đa số những phương pháp sinh sản Hội Thánh khác là những biến thể của cách tiếp cận này.

Mở Mang Hội Thánh Nhiều Vị Trí Hoặc Vệ Tinh

Một trong những xu hướng phổ biến nhất trong việc mở mang Hội Thánh ngày nay trong vòng các Hội Thánh lớn là khái niệm đa điểm (xem Ferguson 2003; Surratt, Ligon, và Bird 2006; McConnell 2009). Cũng giống như trường hợp tách đàn, các vị trí Hội Thánh mới thường được bắt đầu bằng việc tách ra một số thành viên từ Hội Thánh mẹ. Chỗ khác nhau ở đây là Hội Thánh con vẫn duy trì mối liên hệ gần gũi với Hội Thánh mẹ, mà không trở nên tự trị; hoàn toàn hội nhập trong mục vụ của Hội Thánh mẹ. Khẩu hiệu phổ biến là “một Hội Thánh, nhiều vị trí.” Do vậy mà một số người không xem cách tiếp cận này là mở mang Hội Thánh thực sự. “Một Hội Thánh đa vị trí là một Hội Thánh

³ Xin xem Logan và Ogne 1995; Harrison, Cheyney và Overstreet 2008. Các tài liệu này bao gồm bài tập và hướng dẫn từng bước.

nhóm tại nhiều địa điểm – nhiều phòng khác nhau tại cùng một trường học, nhiều vị trí khác nhau trong cùng khu vực, và trong một số trường hợp là tại nhiều thành phố, tiểu bang hoặc quốc gia khác nhau. Hội Thánh đa vị trí có chung khái tượng, ngân sách, lãnh đạo và ban điều hành” (Surratt, Ligon và Bird 2006, 18).

Cách tiếp cận này cũng như một hành tinh có nhiều vệ tinh quay quanh nhờ lực hấp dẫn, trong đó Hội Thánh chính là hành tinh và vệ tinh là các địa điểm nhỏ hơn. Đôi khi có hai nơi cùng được bắt đầu giống nhau về tình trạng và kích cỡ.

Kiểu mẫu này đã được phát triển với nhiều biến thể. Thông thường thì tất cả các địa điểm có chung mục sư đoàn, mặc dù một địa điểm có thể có một số ít nhân sự địa phương. Ngân sách dành cho các địa điểm thường được quản lý tập trung. Việc ra quyết định và cơ cấu lãnh đạo có thể được tập trung hóa cao, với một ban điều hành chung, hoặc các địa điểm có thể được tự trị trong việc ra quyết định trong khi vẫn ở dưới sự che chở về mặt pháp lý của Hội Thánh trung tâm. Một số Hội Thánh chỉ có chương trình thờ phượng ở các địa điểm khác nhau; một số khác thực hiện đầy đủ các mục vụ tại từng địa điểm.

Ngày nay, những người dự nhóm tại các địa điểm khác nhau có thể nghe bài giảng ngày Chúa nhật của mục sư quản nhiệm qua video hoặc truyền hình trực tiếp đã trở nên phổ biến. Điều này làm tăng tối đa lượng khán thính giả cho các diễn giả có ân tứ vượt trội nhưng chỉ thực hiện được ở những nơi mà điều kiện kỹ thuật cho phép. Sự lãnh đạo và giảng dạy vững vàng của mục sư quản nhiệm có tác dụng như lực hấp dẫn “giữ các vệ tinh trong quỹ đạo” và dẫn đến việc thành lập các địa điểm mới. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đã sử dụng một nhóm đến giảng dạy tại các địa điểm khác nhau, và giảm bớt sự phụ thuộc vào diễn giả có ân tứ.

Cách tiếp cận này có tiện lợi là một mục vụ có hiệu quả của Hội Thánh mẹ có thể được thực hiện nhất quán tại các Hội Thánh con. Điều này cũng giống như quan điểm cấp quyền kinh doanh của McDonal hay Pizza Hut, với chất lượng sản phẩm được giám sát chặt chẽ và bảo đảm. Mặt khác, một số Hội Thánh cố gắng mở những địa điểm mới với phong cách mục vụ hoàn toàn, có khả năng đáp ứng những nhu cầu đa dạng của những nhóm văn hóa và cộng đồng khác nhau. Phương pháp đa điểm cũng đã được sử dụng trong trường hợp “tái lập” Hội Thánh (sẽ được thảo luận sau đây).

Bởi vì đa số các Hội Thánh mở ra nhiều điểm thường là những Hội Thánh lớn, cho nên các địa điểm được thành lập với một số lượng lớn thành viên. Địa điểm được xây dựng trên danh tiếng của Hội Thánh mẹ trong cộng đồng. Nhờ có chung nhân sự, nguồn lực và sự chuyên nghiệp với Hội Thánh mẹ, nên các địa điểm có thể cung cấp ngay lập tức nhiều mục vụ với chất lượng cao mà các Hội Thánh con đặc thù không thể có được.

Cũng có những mặt không thuận lợi cần phải xem xét trong cách tiếp cận này. Mục vụ và nhân sự được tập trung hóa cao sẽ kém linh động trong việc thích nghi với nhu cầu của các địa điểm mới. Việc ra quyết định có thể khó khăn đối với địa điểm bên ngoài. Nó cũng có thể khuyến khích một quan niệm về mục vụ quá chuyên nghiệp phụ thuộc quá nhiều vào nhân viên được trả lương và vào kỹ thuật. Chi phí cho nhân viên và trang thiết bị có thể cao.⁴ Bởi vì cách tiếp cận này thường dựa vào sự chủ động của một Hội Thánh mẹ mạnh mẽ, nên các vệ tinh ít khi tự sinh sản. Cho nên cách tiếp cận này có hiệu quả trong việc tăng trưởng Hội Thánh theo cấp số cộng nhưng khó dẫn đến việc nhân rộng

⁴ Tại Mỹ chi phí thành lập mạng lưới đối với các Hội Thánh lớn có thể từ 75.000 USD đến 110.000 USD (Surratt, Ligon và Bird 2006, 104), mặt dù những Hội Thánh khác ước tính chi phí gần 140.000 USD (Ciesniewski 2006).

các Hội Thánh có khả năng mở mang Hội Thánh khác (hay các địa điểm mở ra các địa điểm mới).

Cũng không nên nghĩ rằng cách tiếp cận này là một hiện tượng chỉ có ở Bắc Mỹ. Có vô số những điển hình ở mọi địa lục. Ví dụ, Hội Thánh Báp-tít tại Abidjan, Bờ Biển Ngà, có 150.000 Hội chúng nhóm tại hàng trăm địa điểm vệ tinh (Surratt, Ligon, và Bird 2006, 203). Rõ ràng một Hội Thánh như vậy mang tính chất của một hệ phái!

Mở Mang Hội Thánh Con Nuôi⁵

Thỉnh thoảng một nhóm Cơ đốc nhân hình thành tại một địa điểm mà không có sự giúp đỡ trực tiếp của một Hội Thánh đã hiện hữu. Đó có thể là một nhóm học Kinh Thánh hoặc một nhóm chăm sóc từ một nỗ lực truyền giáo. Khi các thành viên của nó quyết định họ muốn trở thành một Hội Thánh chính thức, họ tìm kiếm sự giúp đỡ từ một Hội Thánh hiện hữu để có được sự hướng dẫn và các nguồn lực hoặc mục vụ. Khi Hội Thánh hiện hữu quyết định hỗ trợ Hội Thánh mới, theo ý nghĩa là họ tiếp thu công việc mới – Hội Thánh mới không phải là kết quả của “sự sinh sản tự nhiên,” phát triển từ một nhóm hạt nhân được tách ra từ Hội Thánh mẹ. Mặc dù các thành viên của Hội Thánh mới không phải là thành viên chính thức của Hội Thánh mẹ, nhưng Hội Thánh mẹ xem Hội Thánh mới như thể là con của mình.

Một thời gian ngắn sau khi chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ tại Hungary, một nhóm tín hữu đã hình thành tại một phố nhỏ từ kết quả của một buổi hòa nhạc truyền giáo. Không có một Hội Thánh Tin lành địa phương nào tại thành phố đó, vì vậy không có ai thực hiện việc chăm sóc chính thức. Khi các tín hữu mới này liên lạc với một Hội Thánh Tin lành tại Budapest, họ yêu cầu giúp đỡ mở mang một Hội Thánh tại thành phố của họ. Hội Thánh tại Budapest trở thành mẹ nuôi, không phải bằng việc cung cấp các thành viên mà là cung cấp các nguồn lực, sự tư vấn, sự giảng dạy và khích lệ đối với Hội Thánh mới.

Các biến thể của cách tiếp cận này có thể được thấy khi một Hội Thánh đang suy yếu tiếp xúc một Hội Thánh mạnh mẽ và đề nghị được tiếp nhận để “tái lập” Hội Thánh. Thường thì Hội Thánh con nuôi không thích nghi với sự thay đổi của cộng đồng. Nhưng cách tiếp cận này chỉ thành công khi việc sở hữu các phương tiện, ra quyết định và phong cách mục vụ được Hội Thánh mẹ nhượng lại và tiến hành một cách hoàn toàn mới đối với mục vụ. Đôi khi các thành viên của Hội Thánh mẹ được giao nhiệm vụ gia nhập Hội Thánh con nuôi. Nói một cách chính xác đây không phải là mở mang Hội Thánh mà là một hình thức phục hưng Hội Thánh. Hội Thánh Báp-tít đầu tiên ở Houston đã cộng tác với 24 Hội Thánh đang suy yếu để phục hưng những Hội Thánh đó (Robert 2008, 116-117). Thỉnh thoảng một Hội Thánh con nuôi trở thành một điểm nhóm của một Hội Thánh đa vị trí (xem bài học thực tế 7.1).

Cách tiếp cận này cũng có những tiện lợi giống như cách mở mang Hội Thánh kiểu mẹ-con. Hơn nữa, nhóm Cơ đốc nhân được nhận nuôi thường được khích lệ để mở Hội Thánh mới và có lẽ đã có một sự lãnh đạo và khái tượng quan trọng khiến họ muốn thành lập một Hội Thánh. Hội chúng mới có thể nhận được uy tín bằng cách liên kết với một Hội Thánh có tiếng tăm trong khu vực. Tuy nhiên, để cho công việc này được thành

⁵ Ở đây chúng tôi không nói về sự cộng tác quốc tế giữa các hội chúng ở các quốc gia khác nhau. Việc đó sẽ được thảo luận trong chương 18.

Bài học thực tế 7.1

Mở Mang Hội Thánh Bằng Cách Tái Lập Hội Thánh

Hội Thánh Cộng Đồng Đồi Sống Mới Chicago được thành lập năm 1986 với 18 người. Năm 1996 một địa điểm thờ phượng thứ hai được thành lập. Năm 2009 Hội Thánh Đồi Sống Mới đã trở thành một Hội Thánh đa vị trí và đa chủng tộc với 14 địa điểm, 170 nhóm gia đình, và tổng số người dự nhóm cuối tuần là 4200 trong 25 chương trình lễ. Trong số 14 địa điểm, có 7 địa điểm thuộc diện được tái lập. Chiến lược mở mang Hội Thánh của Hội Thánh Đồi Sống Mới bao gồm cả việc tái lập những Hội Thánh đang suy yếu, thường là trong các cộng đồng đang thay đổi, cần sự giúp đỡ của họ. Trong một trường hợp họ tiếp thu một Hội Thánh có lịch sử 125 năm và phục hưng bằng cách tổ chức hai chương trình lễ, một chương trình lễ buổi sáng cho các gia đình và người trẻ và một chương trình lễ vào buổi tối dành cho người trẻ và sinh viên của trường Đại học DePaul. Tháng 3 năm 2009 Hội Thánh Đồi Sống Mới tái lập một Hội Thánh 115 năm tuổi với hai chương trình lễ, một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Tây ban nha. Nếu Hội Thánh cũ không thích nghi với cộng đồng đang thay đổi, thì Hội Thánh tái lập cấu trúc lại Hội Thánh, làm cho nó kết nối một cách hiệu quả hơn đối với người dân và nhu cầu chung quanh nó. Bạn có thể xem một video dài mười phút nói về câu chuyện tái lập của Hội Thánh Đồi Sống mới tại trang web www.newliferestart.org.

công, cả Hội Thánh mẹ và con phải làm quen với nhau trước khi chính thức cộng tác. Kỳ vọng của hai nhóm có thể rất khác nhau. Sự chuẩn bị về tín lý, triết lý và tài chính phải được nói ra một cách rõ ràng. Quan trọng nhất là phải có sự tin cậy giữa hai nhóm, và điều này đòi hỏi cả hai nhóm sự kiên nhẫn và đôi thoại cởi mở. Đôi khi những nhóm suy yếu không tìm kiếm sự cộng tác thực sự mà chỉ đơn thuần xin trợ giúp một cơ sở hoặc trả lương cho mục sư. Trong những trường hợp khác Hội Thánh mẹ có thể chi phối quá nhiều Hội Thánh mới và sự chuyển tiếp có thể khó khăn. Tuy nhiên, nếu có thể tránh được những hạn chế này, thì việc mở mang Hội Thánh con nuôi có thể là một cách tuyệt vời mà các Hội Thánh hiện hữu có thể cộng tác với những Hội Thánh mới.

Mở Mang Hội Thánh Kiểu Nhiều Mẹ Hoặc Cộng Tác

Cũng giống như cách mở mang Hội Thánh kiểu mẹ-con – Hội Thánh mẹ tách ra một số thành viên – trong cách tiếp cận này, hai hoặc nhiều Hội Thánh mẹ tách ra một số thuộc viên để kết hợp hình thành một Hội Thánh mới. Điều này giúp cho nhóm nòng cốt hình thành Hội Thánh mới lớn hơn vì các thành viên được tuyên mộ từ hai hoặc nhiều Hội Thánh mẹ. Nhưng Hội Thánh được thành lập ít đòi hỏi các Hội Thánh mẹ hơn bởi vì họ cùng chia sẻ trách nhiệm. Theo cách này thì các Hội Thánh nhỏ có thể tham gia mở mang Hội Thánh thậm chí khi thiếu nguồn lực để mở Hội Thánh một mình. Đối với cách này, các Hội Thánh mẹ thường thuộc về cùng một hệ phái.

Một điển hình là việc thành lập Hội Thánh Tin lành Tự do Markt Indersdorf tại Đức, một cộng đồng nhỏ ở ngoại ô Munich. Hai Hội Thánh mẹ tại Munich với mỗi Hội Thánh có một nhóm nhỏ họp tại khu vực cách thành phố khoảng một giờ lái xe. Hai nhóm đó kết hợp lại với nhau được khoảng mười gia đình tạo nên lực lượng nòng cốt để mở Hội Thánh. Cả hai Hội Thánh tại Munich cùng đóng góp con người và cung cấp các nguồn

lực. Hội Thánh Markt Indersdorf được hướng dẫn bởi các nhân sự và được các Hội Thánh tại Munich hỗ trợ về mặt tư vấn và giảng dạy.

Iteffa Gobena, thuộc Hội Thánh Tin lành Mekane Yesus ở Ethiopia, gọi cách này là “nối liền khoảng cách”. Các Hội Thánh vùng nông thôn cùng kết hợp “để xóa bỏ khoảng cách giữa hai hoặc nhiều hội chúng hoặc giáo khu ... họ phân công những người tình nguyện giảng Tin lành để xóa bỏ khoảng cách” (Gobena 1997, 15).

Để cho cách tiếp cận này thành công, những nhóm khác nhau hình thành Hội Thánh mới phải cùng tăng trưởng và phát triển một khái tượng chung. Cho dù các Hội Thánh mẹ thuộc cùng một hệ phái, thì các nhóm cũng không thể có sự hòa hợp với nhau một cách tự động. Trong trường hợp của Hội Thánh Markt Indersdorf, cả hai nhóm đã cầu nguyện và cùng lập kế hoạch trong một năm để phát triển khái tượng và chiến lược chung trước khi bắt đầu việc thành lập Hội Thánh. Vai trò và trách nhiệm của các Hội Thánh mẹ phải được xác định rõ ràng để cho Hội Thánh con có những kỳ vọng rõ ràng và không rơi vào tình trạng mờ côi bởi vì không có Hội Thánh mẹ nào chịu trách nhiệm.

Hội Thánh Nhóm Người Mục Tiêu Hoặc Đa Hội Chúng

Nhiều Hội Thánh tiếp cận các nhóm chủng tộc, ngôn ngữ hoặc xã hội đặc biệt trong cộng đồng của họ bằng cách thành lập thêm một hội chúng để đáp ứng nhu cầu đặc biệt của một trong những nhóm này (xem Prill 2009). Hội chúng mới đó nhóm trong các phòng của Hội Thánh mẹ, thường vào chiều Chúa nhật và thuộc thẩm quyền của Hội

Bài học thực tế 7.2

Mở mang Hội Thánh Đa Hội Chúng Tại Các Cộng Đồng Đang Thay Đổi

Hội Thánh Báp-tít Đầu Tiên Flushing (FBCF), tại New York, có ba hội chúng nhóm bằng ba thứ tiếng: tiếng Anh, tiếng Hoa và tiếng Tây Ban Nha. Vào những năm 1960, cộng đồng bắt đầu thay đổi từ căn bản chủ yếu là người lao động Mỹ da trắng và một phần châu Phi sang những người di cư đa phần là châu Á, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Sau hơn 100 năm hoạt động thì có thêm mục vụ cho người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vào năm 1965 và cho người Trung Hoa năm 1968, và điều này đem đến sự tăng trưởng và ảnh hưởng đến cộng đồng mà không thể đạt được nếu không có nó. Dù phải trải qua nhiều thăng trầm nhưng Hội Thánh đã trở thành một kiểu mẫu về Hội Thánh đa hội chúng. Năm 1980 ba hội chúng đã được nâng lên tình trạng bình đẳng và có một ban điều hành chung. FBCF không còn là một Hội Thánh của người da trắng với các hội chúng chủng tộc phụ thuộc, thậm chí Hội Thánh đã mời một người châu Á làm mục sư quản nhiệm. Mỗi hội chúng có thể thực hiện mục vụ theo những cách thích hợp với nhóm người mục tiêu của mình. FBCF có nhiều mục vụ phục vụ cộng đồng và thậm chí mở rộng thành một cơ sở đào tạo các giáo sĩ đa văn hóa (Travis 1997; Ortiz 1996, 78-85; Wang 2007).

Thánh mẹ ở một mức độ nào đó. Cách này đã chứng tỏ là có hiệu quả đặc biệt để tiếp cận những người di cư thế hệ thứ nhất muốn được thờ phượng bằng tiếng mẹ đẻ của họ và

giữ những giá trị văn hóa và truyền thống của họ. Tại các vùng đô thị đang có sự thay đổi lớn về chủng tộc, thì việc mở một hội chúng theo nhóm chủng tộc có thể là phương tiện giúp cho Hội Thánh thích nghi với sự thay đổi của cộng đồng. Thậm chí đó có thể là một chiến lược để Hội Thánh tồn tại (xem bài học thực tế 7.2).⁶

Đặc biệt tại các khu đô thị lớn, có hàng tá các nhóm chủng tộc chưa được nghe Tin lành và dường như cũng chưa được tiếp cận bởi các Hội Thánh thuộc dòng chính nào. Rodney Harrison, Tom Cheyney, và Don Overstreet mô tả các tiện lợi của cách tiếp cận này mà họ gọi là “làm tổ” như sau: “Chi phí thành lập thấp nhất. Thông thường Hội Thánh mới thành lập dưới sự bảo trợ về mặt pháp lý và hành chánh của Hội Thánh tài trợ. Các vật dụng Hội Thánh và lương nhân viên, nếu có, là những chi phí căn bản. Tuy nhiên, Hội Thánh tài trợ cần phải dự tính những chi phí bất thường bao gồm các chi phí tăng thêm về điện, nước, ga, điện thoại cũng như chi phí tăng thêm do hư hỏng máy móc văn phòng” (2008, 98).

Những nhóm người đang cần những mục vụ đặc biệt không giới hạn trong những nhóm ngôn ngữ hoặc chủng tộc thiểu số. Những nhóm người mục tiêu khác có thể là những người hoạt động nghệ thuật, dân đường phố, công nhân xuất khẩu lao động hoặc những công nhân làm việc cuối tuần. Tại Nuremberg, Đức, một mục vụ đặc biệt được phát triển dành cho những người làm bánh, là những người làm việc vào những giờ sáng sớm nên rất khó tham gia học Kinh Thánh và thờ phượng. Thậm chí họ còn thành lập một ban kèn đồng của những người làm bánh!

Kết quả của những nỗ lực trên là có nhiều hội chúng cùng nhóm chung một mái nhà thờ. Điều này đòi hỏi sự cam kết và linh động đáng kể về phía Hội Thánh mẹ, và không thể xem nhẹ các thách thức. Việc có thêm một hội chúng không chỉ tăng thêm những đòi hỏi mới về tiện nghi và nguồn lực mà còn đòi hỏi một tinh thần cởi mở của Hội Thánh tài trợ. Những người thuộc những nền văn hóa khác nhau thường có những cảm nhận khác nhau về thời gian biểu, mức độ âm thanh, chăm sóc con trẻ, vệ sinh, và một loạt các khả năng xung đột khác với Hội Thánh mẹ. Thành viên của các nhóm thiểu số đặc biệt thích dùng bữa chung với nhau trước hoặc sau giờ nhóm, và các hương vị lạ có thể tràn ngập Hội Thánh trong nhiều ngày! Trong nhiều trường hợp, cần phải đào tạo hoặc tuyển mộ một người có khả năng đặc biệt về ngôn ngữ và quan hệ đa văn hóa để thực hiện và duy trì mục vụ.

Mạng Lưới Hội Thánh Tư Gia

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều bài viết cổ xúy và mô tả về các Hội Thánh Tư gia.⁷ Rõ ràng là tất cả những điển hình về các phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng nhanh trong tài liệu của David Garrison (2004a) bao gồm cả những phong trào Hội Thánh Tư gia; vì thế nhiều cơ quan truyền giáo đang khuyến khích cách tiếp cận này. Mạng lưới Hội Thánh Tư gia sinh sản bằng phương pháp phân chia tế bào tương tự như cách mở mang Hội Thánh như kiểu mẹ-con. Trong cả hai cách, các thành viên của

⁶ Xem Dudley 1979, Dudley và Ammerman 2002, Carle và Decaro 1999, và Eiesland 1999 để thấy các điển hình về cách các Hội Thánh thích nghi với sự thay đổi của cộng đồng.

⁷ Trong số các tài liệu viết về Hội Thánh Tư gia, những tài liệu có tính thực tiễn nhất là Garrison 2004a, Kreider và McClung 2007, Payne 2007 và Simson 2001. Xem thêm phần thảo luận về Hội Thánh Tư gia trong chương 6.

một hội chúng hiện hữu được tách ra để bắt đầu một hội chúng mới, nhưng ở đây tiến trình xảy ra với quy mô nhỏ hơn.

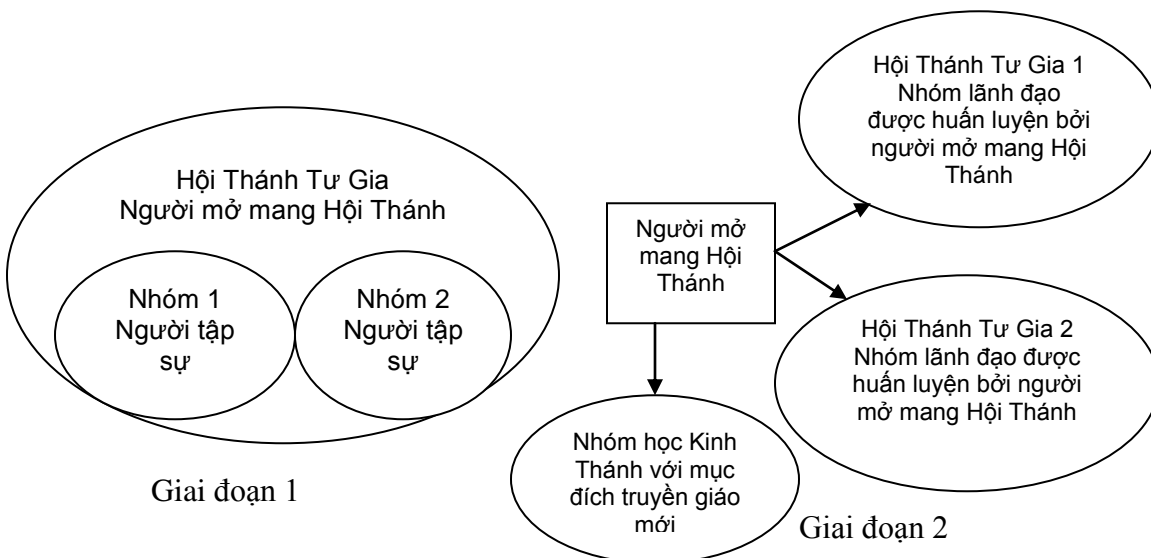
Một Hội Thánh Tư gia thường có ít hơn năm mươi người và hoạt động trên cơ sở là một hội chúng đơn bào và được hướng dẫn bởi một nhân sự không thuộc hàng giáo phẩm. Vì vậy với mỗi lần phân chia thì một Hội Thánh Tư gia mới ra đời. Bởi vì các Hội Thánh Tư gia không đòi hỏi nơi nhóm đất tiền, có cơ cấu nhỏ và được lãnh đạo bởi các nhân sự không thuộc hàng giáo phẩm cho nên có tiềm năng nhân rộng nhanh chóng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong các xã hội có tính quan hệ cao, nhờ đó Tin lành có thể lan rộng dễ dàng thông qua mạng lưới quan hệ họ hàng, nghề nghiệp và cộng đồng.

Một biến thể của sự sinh sản Hội Thánh Tư gia là khi hai nhóm trong cùng một Hội Thánh Tư gia được hình thành. Hai nhóm này có thể nhóm tại các phòng khác nhau ở cùng một nhà trong một thời gian, nhưng họ nhóm riêng biệt và chỉ gặp nhau theo định kỳ, có lẽ mỗi tháng một lần. Sau một thời gian các lãnh đạo tập sự của hai nhóm hình thành các nhóm lãnh đạo; rồi thì hai nhóm tách ra và bắt đầu những Hội Thánh Tư gia tự trị. Hội Thánh Tư gia ban đầu trở thành hai Hội Thánh Tư gia mới, và Hội Thánh ban đầu ngưng tồn tại. Người mở mang Hội Thánh huấn luyện cho hai nhóm nhưng được tự do mở một Hội Thánh Tư gia khác tại một vùng mới (Xem hình 7.2).

Chìa khóa của việc nhân rộng Hội Thánh Tư gia nằm trong việc huấn luyện đầy đủ các lãnh đạo cho các Hội Thánh Tư gia để bắt kịp nhịp độ nhân rộng của các nhóm nhỏ. Các Hội Thánh Tư gia đặc biệt duy trì một số hình thức mạng lưới liên lạc thông qua các phương tiện như các nhóm lãnh đạo chung, tư vấn, huấn luyện nhân sự và thỉnh thoảng có các buổi lễ chung. Bởi vì có cơ cấu nhỏ bé và đơn giản, cho nên các Hội Thánh Tư gia “chịu đựng sự bất bở” tốt hơn các Hội Thánh có cơ cấu truyền thống. Nhưng do các lãnh đạo thường ít được huấn luyện, cho nên họ có thể dễ rơi vào tình trạng giảng dạy yếu hoặc sai lầm, lãnh đạo không vững vàng hoặc không đúng, và bị ảnh hưởng không tốt bởi cá tính. Các Hội Thánh Tư gia cũng thiếu các chương trình phù hợp với những nhu cầu đặc biệt thường có ở những Hội Thánh lớn (chẳng hạn như mục vụ thanh niên); vì vậy

Hình 7.2

Sự Phân Chia Hội Thánh Tư Gia



các thành viên của họ thường bỏ đi sang những Hội Thánh lớn hơn nơi có chất lượng giảng dạy tốt hơn và cơ hội mục vụ bao quát hơn.

Sự Phân Chia Hội Thánh

Phân chia Hội Thánh là một hình thức sinh sản Hội Thánh mà không ai mong muốn hoặc có dự định, nhưng trong thực tế đó là nguồn gốc của nhiều Hội Thánh mới trên thế giới. Sự phân chia dẫn đến kết quả có nhiều Hội Thánh gọi là ... (Harrison, Cheyney và Overstreet 2008, 102). Đó có thể là kết quả của những sự xung đột lãnh đạo, tranh giành quyền lực, khác nhau về tín lý hoặc đơn giản là căng thẳng giữa các cá nhân. Bất kể nguyên nhân gì đi nữa, thì kết quả là một phe cánh trong Hội Thánh tách ra và bắt đầu một Hội Thánh mới dưới quyền một lãnh đạo mới.⁸

Những sự phân chia này ít khi có động lực về mặt truyền bá Phúc âm nhưng thường bị lèo lái bởi những nguyên nhân đặc biệt hoặc cá nhân đưa đến sự phân rẽ. Đây là lời chứng xấu về Phúc âm và mâu thuẫn với lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu “để tất cả đều trở nên một; như Cha ở trong Con và Con trong Cha để họ cũng ở trong Chúng Ta, *nhờ đó thế gian tin rằng Cha đã sai Con đến*” (Giăng 17:21). Không cần phải nói, chúng tôi không giới thiệu cách tiếp cận này đối với sự sinh sản Hội Thánh! Tuy nhiên, cũng như sự xung đột giữa Phao-lô và Ba-na-ba dẫn đến kết quả hình thành hai nhóm truyền giáo thay vì một (Công 15:39-40), Đức Chúa Trời đã sử dụng sự phân chia Hội Thánh để tạo ra những Hội Thánh mới để rồi họ tiếp cận những người mới.

Các Chiến Lược Khu Vực Đối Với Việc Mở Mang Hội Thánh

Bây giờ chúng ta xem xét những chiến lược để mở mang nhiều Hội Thánh trong một khu vực địa lý. Trọng tâm ở đây không phải là các phương pháp mở mang một Hội Thánh đơn lẻ hay sự sinh sản của những Hội Thánh hiện hữu mà là xác định chiến lược dài hạn tốt nhất để tiếp cận một khu vực đô thị lớn, một quận hoặc tiểu bang. Điều này sẽ dẫn đến sự quan tâm về vị trí của các Hội Thánh được mở, sự triển khai các nguồn lực cho việc mở mang Hội Thánh và cách thức để phong trào bành trướng ngay từ lúc bắt đầu. Những cách tiếp cận này được tóm lược trong bảng 7.3

Bảng 7.3

Các Chiến Lược Khu Vực Đối Với Việc Mở Mang Hội Thánh

Cách tiếp cận	Đặc điểm
Hội Thánh ưu tiên theo mùa gặt	Các nỗ lực truyền giáo được tiến hành tại nhiều địa điểm và một Hội Thánh được thành lập tại nơi có sự đáp ứng lớn nhất
Hội Thánh tiên tiêu chiến lược	Tìm cách thành lập ít nhất một Hội Thánh tại mỗi thành phố chưa được nghe Phúc âm, thường bị phân cách về mặt địa lý

⁸ Trong một số bối cảnh văn hóa, các mục sư là người có nhiều thẩm quyền đến nỗi họ cảm thấy bị đe dọa khi những lãnh đạo có ân tứ xuất hiện. Những lãnh đạo trẻ hơn không có cơ hội để phát triển các mục vụ có tiềm năng ngoài việc phải mở một Hội Thánh mới. Điều này tạo ra một vòng lẩn tránh mà trong đó các lãnh đạo luôn luôn cảm thấy bị đe dọa bởi sự xuất hiện của một thể hệ lãnh đạo mới, là những người sẽ tạo nên nhiều sự chia rẽ hơn (Xem Thornton 1984).

Hội Thánh theo cụm	Tìm cách thành lập một cụm Hội Thánh có liên hệ với nhau trong một khu vực địa lý có giới hạn
Mở Hội Thánh kiểu nhánh nho lan rộng	Các Hội Thánh được thành lập tại các thành phố kế tiếp nhau, thường là dọc theo các trục lộ giao thông chính
Hội Thánh tự phát hoặc phân tán	Các Hội Thánh (Tự gia) được thành lập một cách tự phát khi các tín hữu địa phương (có thể là các Cơ đốc nhân tản lạc) truyền bá Tin lành một cách tự nhiên

Hội Thánh Ưu Tiên Theo Mùa Gặt

Khi những người mở mang Hội Thánh tiến vào một khu vực mới, câu hỏi đặt ra là, bắt đầu ở đâu? Trong những năm đầu của công tác truyền giáo tiên phong của hệ phái Tin lành, các giáo sĩ thường truyền bá Phúc âm từ làng này đến làng khác và rồi tập trung nỗ lực mở mang Hội Thánh vào những nơi có nhiều người tiếp nhận Phúc âm nhất. Cách tiếp cận này phù hợp với nguyên tắc ưu tiên mùa gặt được thảo luận trong chương 4: cần phải thu hoạch vụ mùa thuộc linh nơi mùa gặt đã chín muồi.

Cách tiếp cận này có ý nghĩa khi mọi thứ ở trạng thái ổn định. Khi những người mở mang Hội Thánh bắt đầu tại một nơi có sự đáp ứng cao, thì các Hội Thánh được thành lập sau đó có thể truyền giáo cho những khu vực có sự đáp ứng thấp hơn. Nếu bắt đầu với một khu vực ít đáp ứng thì có thể mất một thời gian khá lâu mới thành lập được Hội Thánh đầu tiên, trong suốt thời gian đó các nguồn lực bị trói buộc và những khu vực có sự đáp ứng cao vẫn ở trong tình trạng chưa được nghe Tin lành. Cách tiếp cận ưu tiên mùa gặt dường như là cách tốt nhất để triển khai các nguồn tài nguyên và nhân lực hạn chế.

Nhưng thường thì mọi thứ *không* ở trạng thái ổn định. Ví dụ, người ta có thể hỏi làm thế nào xác định được sự đáp ứng của một địa phương. Một nhóm người ngay từ đầu có thể đáp ứng rất tích cực đối với phim *Giê-xu* hay một chiến dịch truyền giáo “chớp nhoáng” nhưng rồi sau đó không quan tâm nhiều đối với việc môn đồ hóa dài hạn và sự thay đổi thuộc linh. Trái lại, một nhóm người ban đầu có thể chống đối hoặc mất nhiều thời gian hơn mới quan tâm đến những tuyên bố của Phúc âm, lại có một cam kết sâu sắc hơn đối với Đấng Christ và trở thành một Hội Thánh mạnh hơn, có khả năng sinh sản. Đa số các thân hữu đều cần nhiều thời gian để hiểu đầy đủ ý nghĩa của Phúc âm để có một quyết định chín chắn.

Hơn nữa, Phúc âm thường được lan truyền từ các trung tâm đô thị đến các làng chung quanh, nhưng lại lan truyền rất chậm từ các làng vào các trung tâm đô thị. Dù bối cảnh đô thị có thể lúc đầu đối kháng với Phúc âm hơn, nhưng nó có khả năng ảnh hưởng lớn hơn về lâu dài đối với khu vực. Do đó chỉ tập trung vào nơi có sự đáp ứng tức thời có thể là một cách tiếp cận kém chiến lược về lâu dài.

Hội Thánh Tiên Tiêu Chiến Lược

Cách tiếp cận này tìm cách thiết lập một chỗ đứng thuộc linh tại nhiều trung tâm chính trị, thương mại hoặc giáo dục. Từ các thành phố có ảnh hưởng đó, nhiều Hội Thánh có thể được thành lập tại các vùng ngoại ô, các thành phố hoặc làng mạc chung quanh. Đây cũng chính là sách lược trọng tâm của sứ đồ Phao-lô trong việc mở mang các Hội Thánh tại các trung tâm như Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô, từ đó Tin lành được tỏa ra các vùng xung

quanh. Vào đầu những năm 1990, khi Bức Màn Sắt sụp đổ tại châu Âu, nhiều cơ quan truyền giáo đã tìm cách gọi các nhóm mở mang Hội Thánh đến từng thành phố chính của quốc gia đóng cửa trước đó; một số đã cố gắng gọi một nhóm đến thủ đô của từng quốc gia thuộc khối Warsaw trước kia. Đôi khi có nhiều địa điểm được tìm thấy không có Hội Thánh nào hiện hữu, dù những nơi này cách nhau rất xa. Tiện lợi của cách tiếp cận này đó là Phúc âm được lan truyền trong một vùng rộng lớn và không tập trung trong một khu vực giới hạn. Nếu các địa điểm hoàn toàn chưa được nghe Phúc âm được lựa chọn, thì mọi sức lực được tập trung vào nơi có nhu cầu thuộc linh nhiều nhất.

Hạn chế của cách tiếp cận này là tài nguyên có thể dàn trải quá mỏng trên một khu vực rộng lớn. Các nhóm mở mang Hội Thánh và các Hội Thánh được thành lập có thể ở cách xa nhau và ít có khả năng để khích lệ lẫn nhau, chia sẻ các nguồn tài nguyên, hoặc tạo ra sự hiệp lực để có một ảnh hưởng quan trọng trong một khu vực. Nó có thể chấm dứt với nguy cơ thành lập các Hội Thánh yếu và cách xa. Cả những người mở mang Hội Thánh và các Hội Thánh có thể dễ nản lòng khi tiến trình chậm chạp.

Mở Mang Hội Thánh Theo Cụm

Mở mang cụm Hội Thánh đối lập với cách tiếp cận Hội Thánh tiên tiêu chiến lược: mục tiêu ban đầu là mở nhiều Hội Thánh trong một khu vực địa lý giới hạn, chẳng hạn như tại một khu vực đô thị chính. Các nhóm mở mang Hội Thánh không phân tán xa và rộng nhưng tập trung tại một khu vực. Ưu điểm của cách tiếp cận này là những người mở mang Hội Thánh và các Hội Thánh mới mở được ở gần nhau một cách hợp lý, nhờ đó họ có thể gặp gỡ để khích lệ lẫn nhau, có những buổi nhóm chung định kỳ, có chương trình huấn luyện nhân sự chung, và hỗ trợ nhau trong việc truyền giáo cũng như trong các nỗ lực khác. Nếu phong trào được lèo lái bởi các lãnh đạo không thuộc hàng giáo phẩm, thì các Hội Thánh trong cụm có thể chung với nhau những người giảng dạy, giám sát nặng của bất cứ một Hội Thánh nào. Nhóm mở mang Hội Thánh được phân tán ở nhiều Hội Thánh sẽ nâng cao trách nhiệm của các lãnh đạo địa phương đối với từng Hội Thánh.

Phong trào có thể được nổi bật hơn khi các Hội Thánh được thành lập theo các cụm. Ví dụ, Hội Thánh Nairobi ở Kenya đã thành lập hai mươi lăm Hội Thánh Nairobi, nhiều Hội Thánh trong số đó ở tại những khu nhà nghèo, và có một khả năng mở ba trăm Hội Thánh nữa, ít nhất một nửa trong số đó là tại Nairobi, vào năm 2020 (Muriu 2007). Các Hội Thánh không cảm thấy bị cô lập khi ở trong các cụm Hội Thánh. Họ có thể học hỏi lẫn nhau, có được sự hiệp lực và sự nổi bật của phong trào. Nghiên cứu của Ed Stetzer và Philip Conner vào năm 2007 về 2080 Hội Thánh của mười hai hệ phái tại Bắc Mỹ cho thấy tầm quan trọng về sự hỗ trợ của người mở mang Hội Thánh đối với khả năng tồn tại của Hội Thánh. Sự giúp đỡ như vậy luôn sẵn có trong cách tiếp cận này.⁹

Sự sinh sản Hội Thánh theo cách tiếp cận kiểu nhiều mẹ được hỗ trợ tốt hơn bởi việc thành lập Hội Thánh theo cụm. Thậm chí khu vực được phủ kín Phúc âm nhiều hơn, với một tỷ lệ Hội Thánh trên dân số cao hơn, và phong trào sẽ được nổi bật hơn. Một nghiên cứu của Daniel Olson thuộc trường Đại học South Bend Indiana khảo sát về những yếu tố góp phần vào sự tăng trưởng các hội chúng mới của Hội Thánh Nazaren xác nhận thuận

⁹ “Người mở mang Hội Thánh gặp gỡ với nhóm những người mở mang Hội Thánh ít nhất mỗi tháng một lần sẽ tăng khả năng tồn tại của Hội Thánh đến 135%. Chúng tôi thấy rằng những người mở mang Hội Thánh là thành viên của một nhóm, thì 83% các Hội Thánh của họ tồn tại trong khi chỉ có 67% các Hội Thánh của những người không có nhóm tồn tại được (Stetzer và Conner 2007, 14).

lợi của việc mở mang Hội Thánh theo cụm. Ông tóm lược như sau: “Vấn đề trọng tâm là có thuận lợi gì không khi những hội chúng như vậy ở gần với những hội chúng đã hiện hữu. Câu trả lời là có. Thật ra, nơi có nhiều Hội Thánh Nazaren và nhiều tín hữu Nazaren là một trong những nơi có triển vọng nhiều nhất về lượng người dự nhóm trung bình lớn hơn vào năm thứ năm” (Olson 2002).

Một trong những điển hình ấn tượng nhất về mở mang Hội Thánh theo cụm tại đô thị là phong trào Encuentro con Dios tại Lima, Peru. Từ năm 1973 đến 1997, một Hội Thánh có 117 thành viên đã phát triển thành một phong trào, mở mang được ba mươi tám Hội Thánh với tổng số thành viên gần mười sáu ngàn người và số người dự nhóm hằng tuần là hai mươi lăm ngàn (Turnidge 1999; Mangham 1987). Áo được xem là một trong những quốc gia khó nhất tại châu Âu đối với việc mở mang Hội Thánh Tin lành; nhưng tại thành phố Vienna, một phong trào phát triển Hội Thánh theo cụm đã được phát động vào năm 1972 và tăng trưởng đến 12 Hội Thánh vào năm 1995. Phát triển từ một nhóm học Kinh Thánh tại nhà, Hội Thánh đầu tiên, được gọi tên theo địa danh của nó là Tulpengasse ở Vienna, được thành lập năm 1972. Không đầy sáu năm sau đó, năm 1978, Hội Thánh con đầu tiên được thành lập tại Floridsdorf. Nhưng sau đó nhiều Hội Thánh đã lần lượt được thành lập một cách nhanh chóng: một vào năm 1980, hai vào năm 1984, và sau đó gần như là mỗi năm một Hội Thánh. Một đặc điểm nổi bật của phong trào này là nó được định hướng theo phong trào Anh Em Plymouth; chủ yếu được lãnh đạo bởi các nhân sự cùng với rất ít mục sư được trả lương hoặc những người mở mang Hội Thánh – và điều này xảy ra tại một trong những trung tâm văn hóa chuyên nghiệp nhất châu Âu! Tương tự, cách tiếp cận mở mang Hội Thánh theo cụm được kết hợp với việc mở mang Hội Thánh kiểu mẹ-con tại thủ đô Paris, nước Pháp – cũng là một nơi khó khăn đối với việc mở mang Hội Thánh. Một nhóm giáo sĩ thuộc hội TEAM đã thành lập sáu Hội Thánh trong khoảng thời gian mười lăm năm. Một nhóm khác thuộc Hội Truyền Giáo Pháp đã thành lập năm Hội Thánh trong vòng tám năm, và những Hội Thánh này đến lượt mình đã thành lập các Hội Thánh con và hai Hội Thánh cháu trong vòng hai năm tiếp theo (Vajko 1996, 56-68, 86-93).

Có thể kể ra vô số các điển hình khác về mở mang Hội Thánh theo cụm tại các vùng đô thị trên toàn cầu. Glenn Kendall (1990) mô tả một phong trào tại vùng nông thôn ở Rwanda. Các Hội Thánh Báp-tít đã tăng trưởng trong vòng mười lăm năm từ một nhóm ở phạm vi khu vực với một nghìn thành viên đến một phong trào quốc gia với hơn mười bảy ngàn thành viên và hơn ba trăm Hội Thánh. Chìa khóa là vận động các người lãnh đạo trong nước mở mang các cụm mười hai Hội Thánh thay vì từng Hội Thánh một. Những nỗ lực truyền giáo lớn đã tạo ra sự phấn khích, và có từ năm đến bảy Hội Thánh mới sẽ được thành lập trong mỗi đợt.

Trong những phong trào mở mang Hội Thánh theo cụm như thế này, việc mở mang các Hội Thánh con trở thành một nét đặc thù của các Hội Thánh. Thay vì chỉ có một Hội Thánh trung tâm mở mang tất cả các Hội Thánh con, dẫn đến kết quả là Hội Thánh chỉ tăng theo cấp số cộng, ở đây các Hội Thánh mới thành lập cũng sẽ mở ra những Hội Thánh con mới, do đó đưa đến kết quả là Hội Thánh sẽ tăng theo cấp số nhân. Khi các thành viên của Hội Thánh di chuyển đến những nơi khác, họ thường gia nhập một Hội Thánh khác thuộc phong trào (nhờ đó bảo toàn được thành quả) hoặc họ trở thành hạt giống để mở Hội Thánh mới. Bất tiện duy nhất của cách tiếp cận này là các nguồn tài nguyên được tập trung (ít nhất vào lúc đầu) vào một vùng trong khi những vùng khác

không được tiếp cận. Nếu sự đáp ứng đối với Phúc âm chậm chạp, thì cần phải có sự quyết tâm lâu dài.

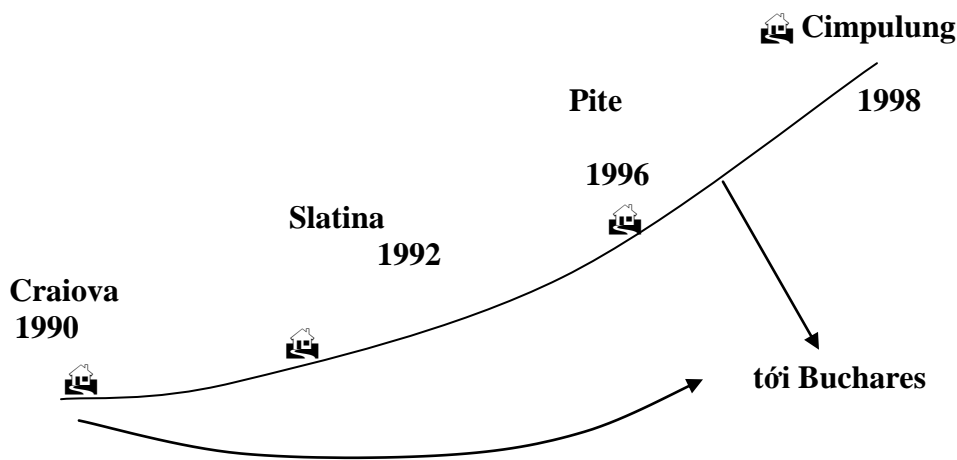
Hội Thánh Kiểu Nhánh Nho Lan Rộng

Các cây dâu tăng trưởng và lan rộng bằng cách vươn dài một nhánh để rồi đâm rễ và mọc lên một cây con. Cây mới này đến lượt nó cũng vươn dài một nhánh để phát triển lên một cây khác, và cứ tiếp tục như thế. Nhiều cây nho cũng lan rộng tương tự, bằng cách vươn dài thân dọc theo mặt đất hoặc bề mặt khác và rồi tự bám víu theo từng giai đoạn. Các phong trào mở mang Hội Thánh cũng có thể tăng trưởng giống như những cây dâu hoặc cây nho, bằng cách mở mang từng Hội Thánh kế tiếp nhau, từ thành phố này đến thành phố kế tiếp, thường là dọc theo một trục đường thương mại hoặc xa lộ chính. Mỗi Hội Thánh sau khi được thành lập sẽ trở thành cơ sở để mở ra một Hội Thánh con khác tại thành phố kế tiếp dọc theo trục đường. Một điển hình của cách tiếp cận này là việc mở mang Hội Thánh được thực hiện bởi Hội Thánh Tin Lành Tự Do tại miền Nam Romania do các giáo sĩ Mỹ lãnh đạo khi chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ (hình 7.3). Đây không phải là một nhánh nho lan rộng đặc biệt nhanh, nhưng nó minh họa về cách tiếp cận. Các Hội Thánh được thành lập lúc đầu tại Craiova (dân số khoảng ba trăm ngàn), rồi đi dọc theo xa lộ về hướng Đông Bắc đến Slatina (dân số khoảng 85 ngàn), đến Pitesti (dân số khoảng 180 ngàn), và cuối cùng đến Cimpulung (dân số khoảng 44 ngàn).¹⁰ Thay vì phát triển dọc theo một trục lộ, chuỗi các Hội Thánh mới có thể phát triển dọc theo một con kênh hoặc dòng sông. Hình 7.4 minh họa cách thức các Hội Thánh được thành lập bởi Hội Truyền Giáo Liên Hiệp Đức bằng cách mở rộng từ Bamaco, thủ đô của Mali, dọc theo dòng kênh đào Niger.

Cách tiếp cận kiểu nhánh nho lan rộng có nhiều thuận lợi tương tự như cách mở Hội Thánh theo cụm và đặc biệt phù hợp với các vùng nông thôn. Mỗi Hội Thánh vừa được thành lập có trách nhiệm hỗ trợ việc thành lập Hội Thánh kế tiếp; vì thế việc mở mang Hội Thánh trở thành đặc trưng của phong trào. Một trở ngại có khả năng xảy ra đó là khi

Hình 7.3

Mở mang Hội Thánh Tại Miền Nam Romania



¹⁰ Dân số được ước tính vào lúc mở Hội Thánh, dựa theo www.citypopulation.de/romania.html, 22/1/2009

một Hội Thánh giúp đỡ việc thành lập Hội Thánh kế tiếp dọc theo trục đường, Hội Thánh đó có thể nghĩ rằng nghĩa vụ mở mang Hội Thánh của mình đã hoàn thành. Một điều nữa là những người mở mang Hội Thánh hỗ trợ cho phong trào cần phải thay đổi chỗ ở thường xuyên theo sự lan rộng của nhánh nhỏ.

Hội Thánh Tự Phát Hoặc Phân Tán

Những hạt giống của cây bồ công anh trên những cánh hoa hình chiếc dù của chúng bay theo gió và rơi xuống đất một cách ngẫu nhiên bất cứ nơi nào, rồi chúng đâm chồi, chầm rãi xuống đất và trở thành một cây khác. Tương tự như vậy các Hội Thánh có thể được thành lập ngẫu nhiên tại bất cứ vị trí nào khi các Cơ đốc nhân di chuyển đến. Có thể là do nhu cầu việc làm, chỗ ở hợp với khả năng tài chính, các nhu cầu gia đình, chiến tranh, nạn đói, di cư, học tập hoặc do bất kỳ khủng hoảng hoặc cơ hội nào khác, các Cơ đốc nhân di chuyển đến những nơi mới. Bất cứ nơi nào họ đến, họ chia sẻ đức tin và hình thành những nhóm thông công mới để phát triển thành các Hội Thánh. Sự truyền bá Tin lành theo cách này mang tính tự phát và không được định trước. Nhưng đây là những phương tiện có hiệu quả để mở mang các Hội Thánh mới, phát triển tối đa các mối quan hệ cá nhân cách tự nhiên, động viên các nhân sự và tiên phong đến những vùng chưa được tiếp cận.

Thật ra đây là cách thức truyền bá Phúc âm trong thế kỷ thứ nhất. Khi sự bắt bớ xảy ra tại Giê-ru-sa-lem, như chúng ta đọc thấy trong sách Công vụ các sứ đồ, “những người bị tản lạc đi từ nơi này đến nơi khác truyền giảng Tin lành” (8:4). Sau đó Luca viết tiếp, “Bảy giờ những người bị tản lạc do cơn bắt bớ xảy đến sau vụ Ê-tiên đi đến xứ Phê-ni-xi, đảo Síp và An-ti-ốt” (11:19); việc này dẫn đến sự hình thành Hội Thánh dân ngoại đầu tiên tại An-ti-ốt (11:20-21). Kể từ đó Đức Chúa Trời tiếp tục sử dụng nhiều cách khác nhau để di tản dân sự của Ngài, đem Tin lành đến những nơi mới và mở mang những Hội Thánh mới.

Tại Ethiopia, Gobena gọi một biến thể của mô hình này là “hãy về nhà ... VÀ NÓI CHO HỌ BIẾT ...” “Đây là một kiểu mẫu thường thấy ở những nơi mà một Cơ đốc nhân trẻ đã tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu Christ có một quyết định là trở về làng hoặc địa phương của mình (nơi cha mẹ sinh sống) để làm chứng cho những người thân của mình. Nhiều lần việc này đưa đến sự qui đạo của toàn thể gia đình, những người thân và những người láng giềng, và rồi một Hội Thánh được thành lập trong làng đó” (Gobena 1997, 15). Những mối quan hệ trong vòng gia đình thường là những cách tự nhiên và có hiệu quả nhất để truyền bá Tin lành, khi tất cả các gia đình hoặc tộc họ tiếp nhận Phúc âm và trở thành nòng cốt của một Hội Thánh mới. Tương tự, một thương nhân có thể di chuyển đến một nơi mới và làm chứng, dẫn dắt những người khác đến với Chúa, và bắt đầu một nhóm thông công nhỏ để từ đó phát triển thành một Hội Thánh. Sự tản lạc của các Cơ đốc nhân có thể mang tính chất địa phương hoặc quốc tế. Ví dụ, một chiến lược truyền giáo đã được tính toán kỹ lưỡng để động viên hàng ngàn công nhân di cư người Philippines chia sẻ Phúc âm bất cứ nơi nào họ đi đến (Pantoja, Tira và Wan 2004). Trong thời đại toàn cầu hóa, các khả năng cho việc làm chứng mang tính chất quốc tế như vậy để mở mang Hội Thánh là không hạn chế.

Đề cho cách tiếp cận này có hiệu quả, các tín hữu tái định cư ở một nơi khác cần phải được chuẩn bị khá tốt. Tại Philippines một chương trình huấn luyện đã được hoạch định riêng biệt để trang bị tốt hơn cho những công nhân Cơ đốc quốc tế thực thi mục vụ này.

Hơn nữa, việc trang bị cũng cần phải được thực hiện tiếp tục bởi vì các Hội Thánh được thành lập thường là nhỏ và được lãnh đạo bởi các nhân sự. Phương thức mà qua đó các Hội Thánh được thành lập càng mang tính chất phân tán và ngẫu nhiên có thể tạo ra một thách thức cho việc hợp tác đào tạo và sự phát triển phong trào.

Trong chương này chúng ta đã khảo sát các cách tiếp cận khác nhau về việc tiên phong mở mang Hội Thánh, sự sinh sản của Hội Thánh và các chiến lược khu vực. Mỗi một cách tiếp cận có thể thích hợp và có hiệu quả theo đúng hoàn cảnh. Thường thì chúng có thể được kết hợp với nhau, như trong trường hợp của Hội Thánh Tokyo (bài học thực tế 7.3). Những người mở mang Hội Thánh và những chiến lược gia của phong trào cần phải xem xét một cách cẩn thận không chỉ về các hoàn cảnh địa phương mà còn về các ân tứ của những người mở mang Hội Thánh và các nguồn tài nguyên sẵn có để đưa ra quyết định khôn ngoan nhất trong việc lựa chọn một chiến lược. Cuối cùng, cần phải tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh trong khi cầu nguyện cân nhắc các giải pháp và yếu tố khác nhau.

Bài học thực tế 7.3

Hội Thánh Tokyo Horizon

Nhật nổi tiếng là một trong những quốc gia khó khăn nhất đối với việc truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Tuy nhiên, Hội Thánh Tokyo Horizon là một điển hình vượt trội về phương pháp mở mang Hội Thánh kiểu mẹ-con. Hội Thánh này, được thành lập năm 1991 bởi mục sư Koichi Hirano, đến năm 2007 đã mở được mười sáu Hội Thánh con, dù Hội Thánh mẹ có số dự nhóm thường xuyên chỉ chừng 150 người. Các Hội Thánh con rất khác nhau, có số lượng từ 10 đến 70 người dự nhóm.

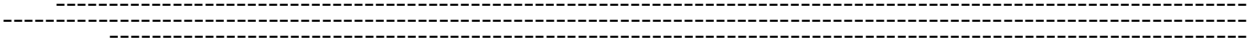
Không giống như nhiều mục sư người Nhật, mục sư Hirano sẵn sàng thí nghiệm và bước đi bởi đức tin. Ông và nhóm của mình tránh đầu tư thời gian cho nhiều vấn đề, chương trình và chi tiết mục vụ nhỏ lẻ, nhưng tập trung vào các kế hoạch và khái tượng lớn hơn.

Các Hội Thánh con thường được bắt đầu khi các thành viên di chuyển đến nơi khác và bắt đầu nhóm họp tại nhà của họ. Khi nhóm tăng trưởng, thì có thể thuê một nơi nhóm công cộng. Mục sư Hirano có thể gặp gỡ hằng tuần với nhóm vào một đêm trong tuần để giúp họ khởi sự rồi sau đó giảm dần xuống mỗi tháng một lần. Đôi khi băng ghi hình các bài giảng ngày Chúa nhật được sử dụng tại Hội Thánh mới.

Cuối cùng, một mục sư về mở mang Hội Thánh sẽ được cử đến từ Hội Thánh mẹ. Các mục sư này thường được đào tạo trong trường Kinh Thánh của Hội Thánh mẹ. Họ hoạt động bán chuyên nghiệp, thậm chí làm công việc phục vụ, cho đến khi Hội Thánh tăng trưởng đủ lớn để có thể hỗ trợ cho họ. Tình trạng bán chuyên nghiệp không làm hại uy tín của họ; mà thường được xem một cách tích cực như là bằng chứng về mức độ hy sinh và cam kết sâu sắc đối với Hội Thánh và chức vụ. Mục sư Hirano gặp gỡ các mục sư trẻ mỗi hai tuần một lần vào một đêm trong tuần. Tất cả các mục sư gặp nhau hằng quý để “hội ý”, mà một số người phải đi mất bốn giờ. Họ dành ra 24 giờ cho một chương trình gồm có giải trí, học Kinh Thánh cầu nguyện và khích lệ.

Rõ ràng, các yếu tố chìa khóa đem lại hiệu quả của Hội Thánh Tokyo Horizon nằm ở sự khích lệ các nhân sự tái định cư trở thành chất xúc tác cho một Hội Thánh mới, và trong sự huấn luyện và động viên các mục sư bán chuyên nghiệp là những người lãnh đạo các Hội Thánh mới. Mục sư quản nhiệm đặt việc huấn luyện và cố vấn các mục sư mở mang Hội Thánh là ưu tiên cao trong chức vụ của mình.

PHẦN BA



CÁC GIAI ĐOẠN
PHÁT TRIỂN

8

Các Giai Đoạn Phát Triển Của Một Hội Thánh

Tổng Quan

Giống như cuộc đời con người và đời sống của hầu hết mọi loài hữu cơ hoặc tổ chức, Hội Thánh cũng trải qua các giai đoạn phát triển có thể dự báo được một cách hợp lý. Những giai đoạn này phản ánh một tiến trình linh động chứ không phải những bước riêng biệt được xác định rõ ràng. Nhưng việc nhận thức các giai đoạn phát triển và các đặc tính của nó là rất quan trọng để xác định các nhu cầu cụ thể, các thách thức và những cơ hội đối với một Hội Thánh. Không lưu tâm đến các nhu cầu đang thay đổi của Hội Thánh đang phát triển có thể dẫn đến những khó khăn hoặc đình trệ không cần thiết.

Các Mô Hình Phát Triển Của Hội Thánh

Có vô số mô hình mô tả sự phát triển của một Hội Thánh đã được đưa ra. Mỗi loại có khuynh hướng chú trọng về một khía cạnh cụ thể của sự phát triển Hội Thánh, và mỗi loại có những ưu nhược điểm riêng của nó. Ví dụ, David Hesselgrave (1980, 58-63) đã công thức hóa “Chu kỳ Phao lô,” một phát họa dựa trên công tác mở mang Hội Thánh của sứ đồ Phao Lô như đã được mô tả trong sách Công vụ các sứ đồ. Mô hình của Hesselgrave chú trọng nhiều hơn về nhiệm vụ của một giáo sĩ mở mang Hội Thánh nhưng chú trọng về sự phát triển của bản thân Hội Thánh. Mô hình này có ưu điểm là xuất xứ từ Kinh Thánh và khá phù hợp với công tác mở mang Hội Thánh tiên phong. Tuy nhiên, nó ít chú trọng đến sự phát triển và nhân rộng Hội Thánh.

Bảng 8.1
So Sánh Các Mô Hình Phát Triển Của Hội Thánh

<i>Hesselgrave</i> Chu kỳ Phao Lô	<i>Logan và những người khác</i> Chu kỳ Đời sống của Hội Thánh	<i>Steffen</i> Sự rút lui dần của người mở mang Hội Thánh
Giáo sĩ nhận nhiệm vụ	Thụ thai	<i>Tiền thâm nhập:</i>
Tiếp xúc với người nghe	Thời kỳ thai nghén	Học viên (người mở mang Hội Thánh vẫn là học viên trong mọi giai đoạn)
Truyền bá Tin Lành	Sinh ra	<i>Chuẩn bị truyền giáo:</i>
Người nghe qui đạo	Thời kỳ niên thiếu	Người truyền giáo
Thành lập hội chúng	Thời kỳ trưởng thành	<i>Truyền giáo:</i>
Xác nhận đức tin	Sinh sản	Người truyền giáo/giáo sư
Bổ nhiệm lãnh đạo		<i>Sau khi truyền giáo:</i>
Giao phó cho tín hữu		Người tư vấn tại chỗ/người tư vấn lưu động
Tiếp tục quan hệ		<i>Rút lui:</i>
Thông công với các Hội Thánh sai phái		Người tư vấn vắng mặt

Một trong những cách phổ biến nhất để mô tả sự phát triển của một Hội Thánh là sử dụng sự tương đồng về chu kỳ đời sống của sinh vật, được phổ biến bởi Robert Logan¹ và được phát triển bởi nhiều người khác.² Hội Thánh tiến triển từ giai đoạn thai nghén đến phát triển trước khi sinh, ra đời, tăng trưởng (niên thiếu và trưởng thành), và sinh sản. Cách tiếp cận này chủ yếu tập trung vào Hội Thánh và tiến trình với sự quan tâm đặc biệt đến giai đoạn trước khi sinh đến sự ra đời của Hội Thánh, nghĩa là buổi nhóm thờ phượng chung công khai đầu tiên. Hình ảnh mang tính hữu cơ của mô hình này rất dễ truyền đạt và nhận thức. Logan đã xuất bản rất nhiều tài liệu hướng dẫn thực hành từng bước một để cụ thể hóa ý tưởng của mô hình này.

Hạn chế của cách tiếp cận này nằm ở chỗ sự nhấn mạnh của nó về sự ra đời của Hội Thánh qua chương trình thờ phượng công khai đầu tiên. Trong nhiều nền văn hóa thì việc thờ phượng công khai không thể thực hiện được hoặc không phải là trung tâm đối với đời sống của Hội Thánh như trong các nền văn hóa phương Tây. Các Hội Thánh Tư gia hiếm khi có một buổi nhóm chung công khai. Cũng như theo quan điểm Kinh Thánh sự ra đời thực sự của một Hội Thánh hầu như không liên quan đến sự thờ phượng không cần. Tuy nhiên, miễn là không quá nhấn mạnh đến ẩn dụ này thì mô hình này rất có ích, đặc biệt là trong các nền văn hóa Tây phương, nơi mà các Hội Thánh truyền thống thường coi trọng các buổi nhóm được tổ chức chu đáo và hấp dẫn.

Tom Steffen mô tả cách tiếp cận khác trong cuốn sách của ông có tựa đề *Chuyển Giao Gậy Chỉ Huy (Passing the Baton, 1997)*. Như tựa đề của cuốn sách đã cho thấy, mối quan tâm của ông ta là người mở mang Hội Thánh phải tìm cách rút dần ra khỏi công việc ngay từ đầu – tăng cường trang bị và giao phó việc lãnh đạo cho các tín hữu địa phương. Như đã được thảo luận trong chương năm, Steffen vạch ra tiến trình của việc rút lui, theo đó vai trò của người mở mang Hội Thánh thay đổi dần dần từ học viên đến người truyền giáo, đến giáo sư, đến người tư vấn tại chỗ, đến người tư vấn lưu động và cuối cùng là người tư vấn vắng mặt (xem

¹ Xem Logan 1988 và Logan và Ogne 1991a. Logan đã sử dụng sự tương đồng chu kỳ đời sống của Don Stewart (Logan 1988, 1).

² Chẳng hạn Malphurs 1992, 231- 357; McNamara và Davis 2005; Harrison, Cheyney và Overstreet 2008, 136-146.

hình 5.1). Dù mô hình của ông ta được phát triển cho việc mở mang Hội Thánh ở các bộ tộc, nó cũng được giới thiệu cho những người mở mang Hội Thánh bất cứ nơi đâu.

Mô hình phát triển mà chúng tôi đề nghị chú trọng vào mục tiêu sinh sản và nhân rộng Hội Thánh trong bối cảnh tiên phong mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa. Chúng tôi xác nhận nhấn mạnh của Steffen về sự cần thiết đối với người mở mang Hội Thánh (hoặc nhóm mở mang Hội Thánh) phải thay đổi vai trò của họ theo mục tiêu của các giai đoạn rút lui dần và để lại phía sau một phong trào đang nhân rộng. Cũng có sự lưu ý đến vấn đề hoạch định và cơ cấu, như đã được nhấn mạnh trong cách tiếp cận của Logan và Malphurs. Nhưng đối lập với họ, chúng tôi mô tả việc mở mang Hội Thánh trong các bối cảnh văn hóa khác nhau, với các hình thức Hội Thánh khác nhau (như Hội Thánh Tư gia), và ở những nơi mà các nguồn tài nguyên thường hạn chế. Chúng tôi cũng phát triển mô hình với mục tiêu Hội Thánh được lãnh đạo bởi người không thuộc hàng giáo phẩm và nhờ đó ít phụ thuộc vào những người mở mang Hội Thánh hoặc mục sư chuyên nghiệp. Mô hình được đề nghị ở đây theo sát với cách tiếp cận kiểu sứ đồ được mô tả trong chương năm.

Tổng Quan Về Các Giai Đoạn

Bảng 8.2 nêu tổng quan về các giai đoạn của việc mở mang Hội Thánh tiên phong với mục tiêu nhân rộng và các giai đoạn rút lui dần của người mở mang Hội Thánh. Các chương tiếp theo sẽ giải thích chi tiết các giai đoạn này với các ví dụ cụ thể. Lưu ý rằng phần trên của sơ đồ mô tả các đặc điểm chung của các giai đoạn tiến triển của một Hội Thánh: *chuẩn bị, bắt đầu, thành lập, tổ chức cơ cấu, sinh sản*. Ở phần giữa chúng tôi giải thích các nhiệm vụ khác nhau cần thiết cho sự phát triển trong suốt các giai đoạn này. Phần dưới của sơ đồ phản ánh các vai trò thay đổi của nhóm mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa hoặc lưu động từ khi thâm nhập đến lúc ra đi. Sau các vai trò thuộc giai đoạn chuẩn bị là thành lập nhóm và học hỏi, người mở mang Hội Thánh bắt đầu các vai trò “6-M” như được thảo luận trong chương năm: *người khởi động, người làm mẫu, người động viên, người cố vấn, người nhân cấp và người thuộc về kí ức*.

Việc chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn kế tiếp hoặc chuyển đổi giữa các vai trò có tính chất linh động hơn những thể hiện trên sơ đồ.

Chuẩn bị

Chuẩn bị là giai đoạn đi trước tuyệt vời! Công việc nền tảng được thiết lập nhờ đó khi Hội Thánh bắt đầu thành lập thì sẽ được xây dựng bởi một đội ngũ những người có nhiều kỹ năng cần thiết đồng thời hiểu rõ nhiệm vụ. Như trong ẩn dụ, các cầu thủ được tuyển mộ, rèn luyện và mài giũa thành một đội. Sau đó tập luyện theo một đấu pháp để đến ngày thi đấu đội sẽ ra sân với tư thế sẵn sàng giành chiến thắng. Những hệ thống và nguồn tài nguyên hỗ trợ cần thiết cũng cần được chuẩn bị.

Việc chuẩn bị cho công tác thành lập Hội Thánh gồm hai giai đoạn nhỏ: *xác định mục tiêu và nhiệm vụ* và *tìm hiểu và xác định chiến lược*. Không được bỏ qua bước nào. Trong giai đoạn xác định mục tiêu, người mở mang Hội Thánh xác định địa điểm và nhóm người mục tiêu của Hội Thánh. Một nhóm được thành lập và giao nhiệm vụ bởi một Hội Thánh địa phương hoặc cơ quan sai phái. Tìm kiếm sự hỗ trợ về cầu nguyện, tài chính và những điều cần thiết khác. Quan trọng là việc này liên quan đến việc xác định mục tiêu tập hợp những người thực hiện và bảo đảm các hệ thống hỗ trợ. Vai trò chính của người mở mang Hội Thánh trong giai đoạn này là *người tạo lập nhóm*. Tiến trình thành lập nhóm không chỉ bao gồm việc xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh mà còn phải xây dựng những liên kết chiến lược với những cộng sự khác, như các Hội Thánh sai phái, môi trường công của tín hữu trong nước và các nhóm hỗ trợ Hội Thánh.

Bảng 8.1

Các Giai Đoạn Phát Triển Của Việc Mở Mang Hội Thánh Tiên Phong

<i>Giai đoạn</i>	CHUẨN BỊ		BẮT ĐẦU	THÀNH LẬP	CƠ CẤU	SINH SẢN
	Xác định mục tiêu và Nhiệm vụ	Tìm hiểu và Xác định chiến lược	Truyền giáo và Môn đồ hóa	Tổ chức hội chúng và Trưởng thành	Mở Rộng và Trao quyền	Củng cố và Sai đi
<i>Nhiệm vụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> •Xác định khái tượng và mô hình •Xác định địa điểm và nhóm người mục tiêu •Chọn lãnh đạo và tuyển mộ nhóm •Tham khảo ý kiến người khác •Tìm sự hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện •Giao nhiệm vụ cho nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> •Học ngôn ngữ và văn hóa (nếu cần) •Nghiên cứu bối cảnh dân số, xã hội, tôn giáo và văn hóa •Xác định chiến lược truyền giáo và mở mang Hội Thánh •Xây dựng quan hệ và tham khảo ý kiến người khác •Củng cố nhóm, giải thích vai trò, huấn luyện •Phát thảo kế hoạch mở mang Hội Thánh 	<ul style="list-style-type: none"> •Phát triển các mối quan hệ và bắt đầu truyền giáo •Kết hợp các phương pháp khác nhau và công tác thiện nguyện •Làm Báp têm và dạy dỗ •Môn đồ hóa tân tín hữu và huấn luyện •Thành lập một nhóm nền tảng •Đồng bộ hóa sự tăng trưởng cách khôn khéo •Bắt đầu huấn luyện lãnh đạo 	<ul style="list-style-type: none"> •Tăng trưởng và phát triển với tư cách là gia đình của Chúa Trời •Khám phá, phát triển các ân tứ thuộc linh để gây dựng Hội Thánh •Chỉ định một nhóm lãnh đạo lâm thời •Thờ phượng chung đều đặn •Nhân cấp các nhóm nhỏ và lãnh đạo nhóm •Hình thành các giá trị và kế hoạch phát triển dài hạn và triết lý mục vụ •Dạy về vai trò quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> •Chính thức kêu gọi lãnh đạo và giao phó hoàn toàn sự lãnh đạo cho họ •Khởi động các mục vụ mới và cơ cấu để đáp ứng các nhu cầu •Nhân cấp nhân sự bằng cách huấn luyện lãnh đạo để họ huấn luyện lại người khác •Hòa nhập các tân tín hữu vào Hội Thánh •Lượng giá sự phát triển và sự khỏe mạnh của Hội Thánh •Tổ chức Hội Thánh về mặt pháp lý •Tự chủ tài chính hoàn toàn 	<ul style="list-style-type: none"> •Nuôi dưỡng nhiệt tâm truyền giáo •Chuẩn bị cho Hội Thánh sinh sản •Xác định vị trí và cách tiếp cận mở Hội Thánh con hoặc Hội Thánh tiên phong •Tiến hành mở Hội Thánh con hoặc Hội Thánh tiên phong •Gởi giáo sĩ •Tham gia vào các nỗ lực chung với các Hội Thánh khác
<i>Vai trò của</i>	Lập Nhóm	Học Viên	Khởi động và Làm mẫu	Động Viên và Cố vấn	Nhân cấp	Trong kí ức

<p>người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ</p>	<ul style="list-style-type: none"> •Xác định khái tượng chung •Phát triển một hệ thống hỗ trợ về thuộc linh và tài chính •Tuyển mộ và lập nhóm mở mang Hội Thánh dựa trên sự kêu gọi, ân tứ •Cầu nguyện là vấn đề ưu tiên 	<ul style="list-style-type: none"> •Tiếp thu sáng kiến về mục vụ có hiệu quả và thích hợp với văn hóa •Học tiếng bản địa •Phát triển tình yêu và khả năng để làm việc với nhóm người mục tiêu •Thực tập dưới sự hướng dẫn của một nhân sự địa phương (nếu có thể) 	<ul style="list-style-type: none"> •Khởi động và làm mẫu mục vụ •Các nguồn tài nguyên bên ngoài có thể là điều cần thiết để “tạo ra bước nhảy ban đầu” cho phong trào, nhưng tránh tạo ra sự phụ thuộc lâu dài •Giúp các tín hữu địa phương tham gia vào các mục vụ cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> •Truyền đạt khái tượng và các giá trị Kinh Thánh •Phát triển mục vụ ở mức các tín hữu địa phương sẵn sàng đón nhận •Trông chờ sự cam kết •Chuyển trọng tâm từ việc trực tiếp thực hiện mục vụ sang việc trang bị mục vụ cho các nhân sự ở mọi cấp độ •Tránh đặt ra tiêu chuẩn quá cao 	<ul style="list-style-type: none"> •Không chỉ trao quyền cho các tín hữu địa phương gánh vác mọi trách nhiệm chính, mà còn phải trang bị cho họ trở thành những người huấn luyện người khác •Giáo sĩ chỉ làm việc ở phía sau •Chấm dứt mọi sự phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> •Huấn luyện cho Hội Thánh trong việc mở mang Hội Thánh con đầu tiên •Các tín hữu địa phương là những người mở mang Hội Thánh 	<ul style="list-style-type: none"> •Di chuyển đến một nơi mới hoặc mục vụ khác; làm việc với tư cách người tư vấn từ xa
--	---	---	---	---	--	---	--

Giai đoạn nhỏ thứ hai, *tìm hiểu và xác định chiến lược*, bao gồm việc lập kế hoạch một cách cẩn thận trong sự cầu nguyện. Nhóm người mục tiêu và địa điểm được khảo sát, và mạng lưới công việc đầu tiên có thể khởi sự. Thông thường thì nhóm công tác thăm viếng địa điểm mục tiêu hoặc sống giữa nhóm người mục tiêu trong giai đoạn này để có được thông tin chính xác. Dựa trên thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, các chiến lược truyền giáo và môn đồ hóa được xây dựng. Các vai trò khác nhau của các thành viên trong nhóm được xác định và nếu cần thiết thì phải có sự huấn luyện hoặc sự chuẩn bị đặc biệt. Điều này đưa nhóm đến điểm thực sự khởi động nỗ lực mở mang Hội Thánh.

Trong giai đoạn nhỏ thứ hai này, vai trò cơ bản của người mở mang Hội Thánh là *học viên*. Những người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm có thể bị cám dỗ mình đã biết nhiều hơn những điều cần làm và tiến tới một cách quá vội vàng. Nhưng những cách tiếp cận mục vụ thích hợp với bối cảnh phải được xem xét lại với mỗi Hội Thánh hoặc nhóm người mục tiêu mới. Thậm chí trong cùng một quốc gia hoặc khu vực, những khác biệt về địa phương có thể là quan trọng. Trên hết, một tình yêu sâu sắc và sự đánh giá đúng đắn đối với nhóm người mục tiêu phải được phát triển khi những người mở mang Hội Thánh biết nhiều hơn về họ và nhớ đến họ trong lúc cầu nguyện.

Bắt Đầu

Bắt đầu là giai đoạn lý thú nhất. Cuối cùng thì nỗ lực mở mang Hội Thánh đã được tiến hành. Mặt đất đã vỡ. Nhóm công tác chạy vào sân chơi! Giai đoạn này bao gồm chủ yếu là các mục vụ tiên phong *truyền giáo và môn đồ hóa*. Các mối quan hệ được phát triển với nhóm người mục tiêu, và các nỗ lực truyền giáo được bắt đầu. Hy vọng là sẽ có những tân tín hữu đầu tiên sẵn sàng chịu báp têm. Rồi họ được môn đồ hóa trong các nhóm nhỏ, thường là gặp nhau tại nhà. Thậm chí ở ngay trong giai đoạn này các tân tín hữu cũng phải được huấn luyện về mục vụ theo những cách cơ bản nhất và được động viên chia sẻ đức tin của họ và môn đồ hóa người khác. Do đó, điều quan trọng đối với người mở mang Hội Thánh là phải sử dụng ngay từ đầu những phương pháp mà người địa phương có thể dễ dàng bắt chước và thực hiện. Người mở mang Hội Thánh chia sẻ sự lãnh đạo với người địa phương ngay ở mức độ căn bản nhất này. Ví dụ, thế hệ những người lãnh đạo nhóm nhỏ đầu tiên được đào tạo.

Trong giai đoạn này các mục vụ thiện nguyện có thể được phát triển để bày tỏ tình yêu của Đấng Christ, xây dựng mối quan hệ và là dấu hiệu của nước Trời. Tuy nhiên, những người mở mang Hội Thánh phải phân phối một cách cẩn thận năng lượng và khả năng của họ để không đi vào quá nhiều hướng cùng một lúc, đưa đến kiệt quệ hoặc khởi động các mục vụ mà không thể duy trì lâu dài.

Trong bối cảnh tiên phong này có rất ít hoặc không có tín hữu địa phương trong nhóm mở mang Hội Thánh, thì những người mở mang Hội Thánh thực hiện vai trò *người khởi động*. Bởi vì không có tín hữu địa phương nào để huấn luyện và động viên, rõ ràng là mọi thứ trong giai đoạn bắt đầu đều được thực hiện bởi giáo sĩ hoặc nhóm lưu động. Khi người địa phương trở thành tín hữu thì người mở mang Hội Thánh *làm mẫu* mục vụ mà người địa phương có thể dễ dàng lặp lại.

Thành Lập

Trong giai đoạn thành lập thì thành quả đầu tiên xuất hiện khi các tín hữu địa phương được tổ chức thành một hội chúng sống theo các mục đích của nước Trời. Giai đoạn này chú trọng vào việc *tổ chức hội chúng và trưởng thành*. Các nhóm nhỏ có thể kết hợp để tổ chức thờ phượng chung, có thể lúc đầu mỗi tháng hoặc mỗi quý một lần rồi sau đó tiến đến nhóm hàng tuần. Tuy nhiên, mục vụ chỉ phát triển thêm khi các lãnh đạo địa phương thể hiện được khả năng hướng dẫn các mục vụ mới. Mặc dù có thể tạo được ngân sách và bảo đảm được một

nơi nhóm thường xuyên, nhưng cơ sở và ngân sách không nên được xem là trọng tâm của Hội Thánh mới.

Nhóm lãnh đạo địa phương lâm thời của Hội Thánh hoặc phong trào Hội Thánh Tư gia có thể được hình thành. Khi các mục vụ mở rộng và các tín hữu địa phương gánh vác trách nhiệm trong việc lãnh đạo các mục vụ đó ngày càng nhiều, thì sự trưởng thành thuộc linh và sự trang bị mục vụ cho họ trở thành trọng tâm chức vụ của người mở mang Hội Thánh. Cụ thể, vào thời điểm khi các buổi nhóm chung thường xuyên bắt đầu, thì hội chúng trông đợi sự lãnh đạo của người mở mang Hội Thánh hoặc giáo sĩ. Theo mô hình kiểu sứ đồ thì điều này phải bị từ chối. Thay vào đó, những người mở mang Hội Thánh phải đặt trọng tâm vào việc trang bị cho các tín hữu địa phương về vai trò lãnh đạo. Những mục vụ mới chỉ nên được bắt đầu khi các tín hữu địa phương có khả năng chia sẻ trách nhiệm.

Kể từ đây rõ ràng là người mở mang Hội Thánh chuyển từ vai trò người khởi động và làm mẫu sang vai trò *người động viên và cố vấn*. Các tín hữu địa phương được động viên để làm chủ các mục vụ với tính chất là mục vụ mà Đức Chúa Trời giao phó cho họ, chứ không phải cho người mở mang Hội Thánh. Họ phải được động viên đầu tư thời gian, tài năng, sức lực và tài chánh của họ vào việc thúc đẩy và mở rộng công việc của Hội Thánh. Trong vai trò người động viên và cố vấn, người mở mang Hội Thánh thấy rằng công việc quan trọng nhất của mình ngày càng nằm ở đằng sau, trang bị, tư vấn và khích lệ những người khác là những người đứng ra thực hiện mục vụ và cuối cùng gánh lấy toàn bộ trách nhiệm và lãnh đạo.

Trong một số phương diện thì đây là giai đoạn quan trọng nhất, bởi vì có nhiều tiền lệ được xác lập trong sinh hoạt của Hội Thánh. Bản chất (AND) của Hội Thánh được xác định. Mẫu mực của mục vụ được hình thành sẽ hướng dẫn Hội Thánh trong tương lai và sẽ khó thay đổi sau này.

Tổ Chức Cơ Cấu

Khi Hội Thánh trưởng thành, giai đoạn tổ chức cơ cấu trở thành giai đoạn thỏa lòng khi công khó bắt đầu được đền đáp. Cho dù cơ thể mới là phong trào Hội Thánh Tư gia không chính thức hoặc một Hội Thánh truyền thống, thì cơ cấu cũng phải được thiết lập để duy trì sự tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu tăng thêm, và thúc đẩy việc môn đồ hóa. Tổ chức của Hội Thánh có hình thức phù hợp với sự kêu gọi chính thức của những người lãnh đạo đầu tiên, sự hợp nhất về mặt pháp lý của Hội Thánh, và các mục vụ mới để nắm bắt thuận lợi của các cơ hội mới. Giai đoạn này được đặc trưng bởi *sự mở rộng* mục vụ và *trao quyền* cho các tín hữu địa phương về trách nhiệm, sự tự chủ trong mục vụ và sự lãnh đạo.

Đối với các mục vụ sẽ được phát triển thêm, có nhiều điều phải xảy ra: trước hết và quan trọng nhất, những người mới phải được hội nhập hoàn toàn vào trong sinh hoạt của Hội Thánh, phải được huấn luyện và động viên để thực hiện mục vụ. Thứ hai, không được xem nhẹ việc giảng dạy về vai trò quản lý nếu các mục vụ đang phát triển phải được quản lý một cách thích đáng. Một Hội Thánh đang phát triển phải chiến thắng cám dỗ tiếp tục hành động như một Hội Thánh gia đình nhỏ bé, dĩ nhiên là trừ khi Hội Thánh chọn để nhân rộng thành các Hội Thánh có quy mô gia đình. Cơ cấu lãnh đạo không thể tiếp tục hoạt động trên căn bản giống như gia đình nhưng phải được mở rộng và chia sẻ gánh nặng trên vai nhiều người. Nếu Hội Thánh đang nhận phụ cấp hoặc các hình thức giúp đỡ khác từ bên ngoài, thì những điều này phải được giảm dần vào thời điểm này để Hội Thánh tránh sự phụ thuộc lâu dài.

Vào thời điểm này của sự phát triển, những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ chuẩn bị để rút lui hoàn toàn, bước vào những giai đoạn cuối cùng của sự rút lui dần. Điều này đặc biệt khó vì người mở mang Hội Thánh đang tận hưởng thành quả lao động của mình và dường như có quá nhiều cơ hội về mục vụ. Nhưng các tín hữu địa phương nên gánh vác trách nhiệm chính về sự lãnh đạo và các mục vụ mở rộng Hội Thánh trong giai đoạn này.

Vai trò chủ yếu của các thành viên trong nhóm truyền giáo lúc này là *người nhân cấp*, khi họ trang bị cho những tín hữu địa phương thành những người huấn luyện những người khác. Không chỉ là những tín hữu địa phương gánh vác trách nhiệm về mục vụ, còn người mở mang Hội Thánh ngày càng đứng phía sau, mà những lãnh đạo này còn phải học hỏi để trở thành những người huấn luyện những người khác nếu muốn sự nhân rộng Hội Thánh thực sự được xảy ra. Những người lãnh đạo mới cho những Hội Thánh con đầu tiên bây giờ đã ở trong tầm mắt.

Sinh Sản

Niềm vui của người mở mang Hội Thánh, không giống như niềm vui trở thành ông bà, xuất hiện khi Hội Thánh tự sinh sản bằng cách mở Hội Thánh khác. Cùng với việc trang bị cho những tín hữu địa phương những khả năng mục vụ và khái tượng nhân rộng, Hội Thánh trẻ phải đánh giá lại sự phát triển tiếp tục của mình: có còn trung thành với các mục đích của Kinh Thánh về Hội Thánh không, hay đã trở nên tự mãn với tình trạng hiện hữu của mình? Sự ảnh hưởng mang tính chất muối và ánh sáng của Hội Thánh phải đạt đến mức độ mới. Giai đoạn này có thể được đặc trưng bởi hai nhiệm vụ *củng cố và sai phái*.

Sự sinh sản chúng tôi nói ở đây không chỉ là sự nhân rộng các Hội Thánh con được thành lập ở các địa phương mà còn là việc Hội Thánh trở thành một tổ chức gửi giáo sĩ ra đi, tạo thuận lợi cho việc mở mang Hội Thánh giữa vòng những dân tộc xa xôi chưa được tiếp cận. Hội Thánh cũng cam kết hợp tác với những Hội Thánh khác, thông qua một hệ phái hoặc các hình thức mạng lưới khác. Khi hợp lực với nhau thì các Hội Thánh có thể hoàn thành công tác cho nước Trời nhiều hơn là khi làm việc đơn lẻ.

Những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ có thể lưu lại trong một thời gian, tiếp tục vai trò người nhân cấp, huấn luyện cho phong trào khi nó tự sinh sản, hoặc trở thành người huấn luyện hoặc người tạo thuận lợi trong khu vực. Nhưng cuối cùng nhóm công tác kiểu sứ đồ phải tiếp tục ra đi đến những địa điểm mới và những nhóm chưa được tiếp cận. Về tính chất họ trở thành một *người trong kí ức*.

Trang Bị Và Chia Sẻ Trách Nhiệm – Phương Pháp Phía Sau Các Phương Pháp

Với cách tiếp cận kiểu sứ đồ được trình bày trong chương năm, mục tiêu là một Hội Thánh sẽ tăng trưởng và tự sinh sản mà không tiếp tục nhờ vào sự trợ giúp từ bên ngoài. Ở mỗi giai đoạn, những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ phải trang bị cho các tín hữu địa phương gánh vác trách nhiệm đối với các mục vụ của Hội Thánh. Họ chống lại cám dỗ chuyển các mục vụ và chương trình của Hội Thánh trước khi các tín hữu địa phương sẵn lòng tham gia, hỗ trợ và cuối cùng lãnh đạo các mục vụ và chương trình đó.

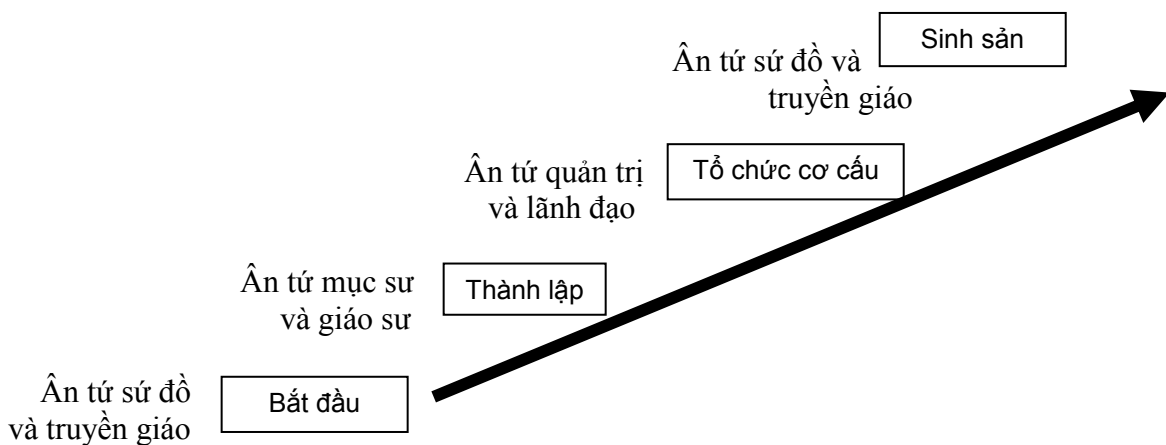
Kể từ giai đoạn bắt đầu Hội Thánh trở đi, mọi mục vụ hoặc chương trình phải được lãnh đạo hoặc cùng lãnh đạo bởi một tín hữu địa phương là người được trang bị và sẽ gánh lấy trách nhiệm đối với mục vụ đó. Với cách này thì thách thức của việc chuyển giao sự lãnh đạo một mục vụ từ người mở mang Hội Thánh sang một tín hữu địa phương không phải là một vấn đề. Sau một thời gian huấn luyện ban đầu, người mở mang Hội Thánh có thể rút lui bất cứ lúc nào mà không đe dọa đến sự tồn tại của mục vụ. Hơn nữa, bởi vì việc trang bị được tiến hành ngay từ khi bắt đầu mỗi mục vụ mới, cho nên việc trang bị và nhân rộng trở thành một nét đặc thù của Hội Thánh mới. *Đây là chìa khóa của việc nhân rộng về lâu dài*. Các nguyên tắc của việc sinh sản và nhân rộng đã được mô tả trong chương bốn phải được thực hiện và ghi nhớ ở mọi bước của quá trình phát triển.

Các Ân Tứ Thuộc Linh Quan Trọng Cần Cho Mỗi Giai Đoạn Phát Triển

Mặc dù tất cả các ân tứ thuộc linh đều quan trọng đối với sự hoạt động của thân thể Đấng Christ, nhưng ở mỗi giai đoạn có những ân tứ nhất định đặc biệt quan trọng để thúc đẩy quá

Hình 8.1

Các Ân Tứ Thuộc Linh Quan Trọng Cần Cho Mỗi Giai Đoạn Phát Triển



trình phát triển (xem hình 8.1). Nhiều Hội Thánh bị trì trệ và không thể tiến tới được bởi vì người mở mang Hội Thánh chỉ nhấn mạnh mục vụ dựa theo ân tứ của mình. Ví dụ, nhiều người mở mang Hội Thánh là những “người thực hiện” công việc giỏi mà ít có sự kiên nhẫn để huấn luyện những người khác – họ là những người khởi động giỏi nhưng yếu kém về mặt tư vấn. Hoặc có thể họ mạnh mẽ trong việc truyền giáo nhưng yếu kém về mặt quản trị. Trong trường hợp đó Hội Thánh có thể trì trệ và không bao giờ vượt qua giai đoạn thành lập. Cách tốt nhất để khắc phục thách thức này là phát hiện các tín hữu địa phương có ân tứ và giúp đỡ họ phát triển và sử dụng những ân tứ đó. Mặc dù nhóm mở mang Hội Thánh có mọi ân tứ cần thiết, nhưng chìa khóa vẫn là sự động viên các tín hữu địa phương.

Trong giai đoạn bắt đầu của một Hội Thánh tiên phong, thì ân tứ chứng đạo rõ ràng là quan trọng để chinh phục những tín hữu đầu tiên. Chúng ta hãy suy nghĩ về Phi Líp, nhà truyền giáo trong Tân ước, là người thực hiện chức vụ tại Sa-ma-ri đã đem nhiều người Sa-ma-ri trở lại tin Chúa và thành lập một Hội Thánh ở đây (Công vụ 8:5-13). Tuy nhiên, ân tứ sứ đồ cũng quan trọng để làm cho nỗ lực mở mang Hội Thánh có sự lãnh đạo tương thích cần cho sự nhân rộng Hội Thánh trong cả khu vực.¹ Sứ đồ Phao Lô là điển hình rõ ràng nhất trong Tân ước về người có ân tứ đó.

Khi Hội Thánh chuyển qua giai đoạn thành lập, thì có sự gia tăng nhu cầu về các tín hữu mới cho việc giảng dạy Kinh Thánh, tư vấn cá nhân và nuôi dưỡng thuộc linh. Họ cũng phải được trang bị để gánh vác trách nhiệm lớn hơn. Vì vậy các ân tứ mục sư và giảng dạy là đặc

¹ Chúng tôi dùng từ *sứ đồ* ở đây theo ý nghĩa người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ như đã mô tả trong chương năm.

biệt quan trọng trong giai đoạn này. Ba-na-ba là một người an ủi khích lệ các tín hữu mới tại An-ti-ốt (Công vụ 11:12-24). Nhưng Ba-na-ba cũng là một người thầy giỏi, như trong trường hợp mối quan hệ của ông với Phao Lô (Công vụ 9:27; 11:25-26; ...). A-pô-lô, một người có hiểu biết Kinh Thánh (Công vụ 18:24), đã dạy dỗ Hội Thánh tại Cô-rinh-tô khi Phao Lô không có ở đó (Công vụ 19:1; 1 Cô 3:4-6; 16:12). Nếu thiếu những ân tứ này, thì các tín hữu sẽ không trưởng thành được.

Khi Hội Thánh bước vào giai đoạn tổ chức cơ cấu, thì các cơ cấu mới được thiết lập, các nhóm mục vụ mới được tổ chức, và Hội Thánh tăng trưởng về sự quản lý tài chính; vì vậy các ân tứ quản trị là quan trọng. Gia Cơ, em trai của Chúa Giê-xu và là trưởng lão của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, là một điển hình, như ông đã thể hiện vai trò lãnh đạo tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (Công 15) và thường xuyên được đến như là người đại diện chủ chốt cho các trưởng lão của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem (Công 12:17; 21:18). Các chấp sự quản lý việc giúp đỡ cho các góa phụ tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem rõ ràng là có ân tứ quản trị (Công 6:1-6). Thường các Hội Thánh có sự phát triển trì trệ đơn giản bởi vì người mở mang Hội Thánh hoặc hội chúng đã không vận dụng các phương pháp và tạo ra những cơ cấu mới để đối phó với tình huống thay đổi và sự tăng trưởng của Hội Thánh.

Cuối cùng, khi Hội Thánh sẵn sàng cho việc sinh sản, một lần nữa các ân tứ sứ đồ và truyền giáo lại trở nên quan trọng để thực hiện các nỗ lực mở mang Hội Thánh mới. Tuy nhiên, lần này thì thế hệ những người mở mang Hội Thánh kế tiếp phải là các tín hữu địa phương, những người được tuyển mộ từ mùa gặt để làm việc cho vụ mùa tiếp theo. Ê-pháp-ra có lẽ là người truyền giáo và mở mang Hội Thánh thế hệ thứ hai. Ông xuất thân từ Cô-lô-se (Côl 4:12), có lẽ trở thành một tín hữu tại Ê-phê-sô khi Phao Lô truyền giáo ở đó, rồi quay trở về Cô-lô-se giảng Tin Lành và mở mang Hội Thánh (Côl 1:7).

Những người mở mang Hội Thánh khôn khéo sẽ cảnh giác với những hạn chế của mình và nhận ra rằng họ có khuynh hướng thiên về những lĩnh vực thuộc khả năng ân tứ của mình và lèo lái Hội Thánh theo hướng đó. Trong trường hợp tệ hại nhất, xung đột có thể xảy ra giữa người mở mang Hội Thánh và hội chúng. Vì vậy, khi Hội Thánh tăng trưởng và phát triển thì cần phải xem trọng và đưa vào sử dụng mọi ân tứ đúng lúc.

Tránh Lối Suy Nghĩ Theo Trình Tự

David Garrison và những người ủng hộ việc nhân rộng Hội Thánh đã cảnh báo về cách tiếp cận theo trình tự quá cứng nhắc trong việc mở mang Hội Thánh – nghĩa là cho rằng một Hội Thánh không thể trưởng thành hoặc sinh sản mà không phải trải qua các giai đoạn theo đúng trình tự (Garrison 2004a, 243-45). Mặc dù các giai đoạn phát triển của Hội Thánh có thể đi theo đúng trình tự, nhưng thật ra sự sinh sản và nhân rộng cần được gắn liền trong từng giai đoạn, như đã được giải thích trong chương bốn. Khi đã có các tín hữu thì họ được môn đồ hóa và hướng dẫn để làm chứng cho những người khác. Khi họ tăng trưởng trong việc môn đồ hóa thì đến lượt họ sẽ học cách môn đồ hóa những người khác. Khi họ tham gia vào một nhóm nhỏ, thì họ học cách hướng dẫn các nhóm nhỏ và cuối cùng huấn luyện những người khác lãnh đạo nhóm nhỏ. Khi một nhóm nhỏ được hình thành thì khái niệm nhân rộng các nhóm mới phải có ngay từ đầu. Theo cách này thì việc nhân rộng trở thành một đặc trưng của Hội Thánh trong mọi khía cạnh mục vụ của Hội Thánh.

Khi Hội Thánh chuyển sang giai đoạn kế tiếp thì vẫn không ngừng thực hiện các chức năng mục vụ của giai đoạn trước. Ví dụ, dù Hội Thánh chuyển từ giai đoạn bắt đầu sang giai đoạn thành lập thì vẫn không bao giờ ngừng việc truyền giáo. Khi Hội Thánh chuyển từ giai đoạn tổ chức Hội chúng và tăng trưởng sang giai đoạn mở rộng và giao quyền, thì vẫn không chấm dứt việc nhân rộng các nhóm nhỏ và các lãnh đạo nhóm. Cần phải xem mục vụ mang

tính lũy tích, chứ không phải theo trình tự, mỗi giai đoạn cần phải tiếp tục các mục vụ của giai đoạn trước.

Một Hội Thánh không cần phải trưởng thành đầy đủ và thực hiện nhiều loại mục vụ trước khi có thể sinh sản. Những Hội Thánh có tư tưởng như vậy ít khi sinh sản, bởi vì họ không bao giờ xem mình đã trưởng thành đầy đủ! Nhưng nếu sự nhân rộng là một đặc trưng của Hội Thánh từ lúc ban đầu, thì sẽ không xem việc nhân cấp những người truyền giáo, các môn đồ, các nhóm nhỏ và các lãnh đạo nhóm, và sự sinh sản là một nhiệm vụ thời điểm mà là kết quả tự nhiên của tiến trình nhân rộng.

Giai Đoạn Chuẩn Bị Phần 1

Xác Định Mục Tiêu Và Nhiệm Vụ

Nhân sự chuẩn bị cho việc mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa có thể so sánh với một vận động viên đang trải qua việc tập luyện về thể chất và tinh thần cho một cuộc đua ma-ra-tông sắp đến. Các vận động viên cũng chuẩn bị bằng cách vạch ra một chiến lược phù hợp với các điều kiện về khí hậu và địa hình. Trong chương mười lăm chúng tôi sẽ thảo luận về *khía cạnh cá nhân* của việc chuẩn bị, bao gồm các tiêu chuẩn, giáo dục, định hướng gia đình, cảm xúc và thuộc linh. Trong chương này và chương tiếp theo chúng tôi nhấn mạnh những chuẩn bị quan trọng mang tính chiến lược và những quyết định *phù hợp với bối cảnh*. Các lãnh đạo mở mang Hội Thánh ước tính có khoảng sáu mươi đến tám mươi phần trăm các nan đề gặp phải trong việc mở mang Hội Thánh là kết quả của việc suy nghĩ sai lầm về chiến lược trong giai đoạn chuẩn bị (Logan và Ogne 1991a; Klippenes 2003, 84).

Trong giai đoạn này, vị trí địa lý hay bộ tộc của nhóm người mục tiêu¹ được chọn lựa, một nhóm mở mang Hội Thánh được thành lập và giao nhiệm vụ, khái tượng và các giá trị chủ yếu được xác định, và cuối cùng một hệ thống hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện được thiết lập. Nói tóm lại, giai đoạn chuẩn bị này gồm có việc xác định mục tiêu, tập hợp nhân sự và bảo đảm các hệ thống hỗ trợ.

Tổng quan về Giai đoạn

Các điển hình trong Kinh Thánh

Công vụ 13:3 : Hội Thánh An-ti-ốt sai phái các giáo sĩ đầu tiên

Công vụ 13:5 : Nhóm truyền giáo được mở rộng

Ga-la-ti 2:7-9 : Có nhu cầu về sự hỗ trợ và về nhóm người mục tiêu rõ ràng

Các bước chính

1. Xác định khái tượng và các giá trị chủ yếu của việc mở mang Hội Thánh
 2. Xác định nhóm người mục tiêu của mục vụ
 3. Tuyển mộ một lãnh đạo nhóm có khả năng
 4. Tập hợp và tổ chức nhóm truyền giáo
 5. Bảo đảm sự hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện
 6. Chuẩn bị và giao nhiệm vụ cho nhóm
-

¹ Chúng tôi thích dùng thuật ngữ *nhóm người mục tiêu của mục vụ* hơn là *nhóm mục tiêu*. Một số mang tính chất về mặt địa lý, ở tại một vùng nhất định; một số khác mang tính chất chủng tộc, một nhóm người được phân biệt bằng chủng tộc hay là văn hóa.

Các vấn đề quan trọng

1. Thống nhất về khái niệm, các giá trị chủ yếu và nhóm người mục tiêu
 2. Có người phù hợp để lãnh đạo nỗ lực truyền giáo và mở mang Hội Thánh
 3. Xây dựng chiến lược về các nguyên tắc bản địa hóa với sự giúp đỡ của những nhà tư vấn về văn hóa
 4. Học ngôn ngữ và văn hóa thật tốt
 5. Tổ chức một nhóm vững mạnh
-

Xác Định Khái Tượng Và Các Giá Trị Chủ Yếu

Trong thế kỷ XXI, tại Bắc Mỹ *khái tượng* đã trở thành đặc tính chủ yếu của sự lãnh đạo có hiệu quả trong kinh doanh. Từ này được định nghĩa một cách phổ biến như là sự nhận thức về tương lai mong muốn mà một tập đoàn phấn đấu để đạt đến. Đôi khi khái tượng được mô tả trong những thuật ngữ có thể định lượng được một cách cụ thể (chẳng hạn như một Hội Thánh có năm trăm thành viên sinh sản mười Hội Thánh con). Cũng có lúc thì nó ở dạng ít rõ ràng hơn, giống như một điều mơ ước hơn là một kết quả đo lường được (một phong trào Hội Thánh tại những vùng lân cận của một thành phố biến đổi các gia đình và cộng đồng). Henry và Richard Blackaby (2001) nhắc nhở chúng ta rằng sứ mạng của Cơ đốc nhân phải được bắt nguồn từ Đại mạng lịnh và Đại giới răn. Nó cũng phải đến từ mục đích của Đức Chúa Trời, chứ không phải ước muốn hoặc sự tưởng tượng của con người. Đức Thánh Linh truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời (khái tượng) cho những người tìm kiếm Ngài. Như vậy việc mở mang Hội Thánh về cơ bản là một công tác thuộc linh phát xuất từ sự đồng đi cùng Đức Chúa Trời và được định hình bởi năng lực sáng tạo và sự tưởng tượng.

Một nguy cơ cần tránh là sao chép một khái tượng mở mang Hội Thánh từ một bối cảnh khác. Đức Thánh Linh phải hướng dẫn trong việc định hình một khái tượng phù hợp với tình huống cụ thể. Có thể xác định trước “những nét tổng quát”, nhưng việc xác định những nỗ lực cụ thể về truyền giáo và môn đồ hóa đòi hỏi phải có sự hiểu biết về văn hóa và những người cố vấn văn hóa.² Sự phát triển một khái tượng mở mang Hội Thánh phải được tiếp cận như một quá trình chứ không phải là quyết định một lần đủ cả. Người lãnh đạo công tác mở mang Hội Thánh giống như một nhà hàng hải vạch ra hải đồ cho con tàu của mình trên một đại dương. Anh ta biết đi đến cuối cùng của mình, nhưng gió và sóng liên tục xô đẩy anh ta ra khỏi đường hải đồ. Anh ta phải tham khảo ý kiến của những người phụ tá, xem lại hải đồ, và thường xuyên điều chỉnh lại đường đi. Việc mở mang Hội Thánh cũng giống như vậy. Khái tượng là đi đến cuối cùng mà Hội Thánh hướng đến. Lưu ý này không phải là một lập luận chống lại việc xác định nhưng là một lập luận để có sự khiêm nhường, thành thật, linh động và cởi mở trong hành trình.

Phải Có Định Ý Nhân Rộng

Một phong trào nhân rộng Hội Thánh phải hướng đến các Hội Thánh bản địa có khả năng sinh sản bằng nhân lực và các nguồn tài nguyên sẵn có của địa phương. Cùng với kế hoạch bao hàm các môn đồ và nhân sự địa phương trong việc xác định phương hướng mục vụ, nhóm mở mang Hội Thánh theo kiểu sứ đồ phải có một kế hoạch rút lui dần. Trong những nhóm mà có một số thành viên xuất thân từ nền văn hóa của nhóm người mục tiêu, thì ở đó sẽ có sự lãnh đạo mang tính địa phương ngay từ đầu. Đây là điều lý tưởng nhưng không thể luôn luôn đạt được trong các bối cảnh mở mang Hội Thánh tiên phong. Trong những bối cảnh đó thì nhóm giáo sĩ cần một chiến lược từng bước về phát triển lãnh đạo, trao quyền và thay đổi

² Trình tự là quan trọng. Mặc dù Đức Chúa Trời sẽ ban một khái tượng để hướng dẫn việc thành lập nhóm, những các chiến lược hành động cụ thể phát xuất từ sự hiểu biết về con người. Điều này được nói đến trong chương tiếp theo, “Tìm hiểu và Xác định chiến lược.”

vai trò trước khi giao hẳn trách nhiệm cho các lãnh đạo địa phương. “Đây là điều mà David Bosch gọi là bảo đảm cho họ một ‘một chứng nhận trưởng thành.’ Đó là sự cố vấn có trách nhiệm, một kiểu mẫu chăm sóc mà Phao Lô đã thể hiện đối với những người mà ông chăm sóc” (Steffen 1997, 9). Như vậy tương lai phải định hướng hiện tại và nhóm mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ phải hoạt động giống như những giàn giáo tạm thời (Saint 2001).

Công tác mở mang Hội Thánh có sự giao quyền và nhân rộng xuất phát từ một khái niệm về sự nhân rộng Hội Thánh bản địa và một niềm tin mạnh mẽ là sự xâm nhập của Phúc âm trong tương lai và sự biến đổi của nhóm người mục tiêu nằm trong tay Hội Thánh quốc gia. Tổng giám mục tử đạo Oscar Romero đã thể hiện việc trao quyền cho những người chấp nhận những hạn chế và rủi ro của việc gieo giống cho các thế hệ tương lai.

Thình thoảng cần thiết dừng lại và có một cái nhìn xa hơn. Nước Trời không chỉ vượt quá những nỗ lực của chúng ta mà còn vượt quá tầm nhìn của chúng ta. Chúng ta hoàn thành trong cuộc đời của mình chỉ một phần nhỏ trong công tác vĩ đại của Đức Chúa Trời. Không có điều gì chúng ta làm là hoàn tất, nói một cách khác là nước Trời luôn luôn vượt quá giới hạn của chúng ta ... Chúng ta gieo hạt mà một ngày nào đó sẽ lớn lên. Chúng ta tưới nước cho những hạt đã gieo vì biết rằng chúng có một tương lai hứa hẹn. Chúng ta đặt nền tảng mà sẽ cần sự phát triển hơn nữa. Chúng ta cung cấp men mà sẽ tạo ra ảnh hưởng vượt quá khả năng của mình. Chúng ta không thể làm mọi thứ, và được hoàn toàn tự do nhận biết điều này. Điều này giúp cho chúng ta làm điều gì đó, và làm rất tốt. Nó có thể không hoàn hảo nhưng nó là một sự bắt đầu, một bước đi, một cố hội để ân điển của Chúa bước vào và làm nốt phần còn lại. Chúng ta có thể không bao giờ thấy kết quả cuối cùng, nhưng đó là sự khác nhau giữa người chủ thợ và người thợ. Chúng ta là những người thợ, không phải là người chủ, là những người phục vụ chứ không phải là người. Chúng ta là những tiên tri nói về một tương lai không thuộc về mình.³

Các Thành Phần Của Khái Tượng

Nói ngắn gọn, khái niệm đối với người mở mang Hội Thánh là sự nhận thức trước về một tương lai mong muốn, xuất phát từ Đức Chúa Trời nhưng được nhận thức dần dần thông qua sự cầu nguyện, tham khảo và nghiên cứu. Khái niệm sẽ hướng dẫn người mở mang Hội Thánh với những chọn lựa chiến lược đã được thảo luận trong các chương 5-7.

Chương 5 đề cập đến ba loại người mở mang Hội Thánh: kiểu mục sư, kiểu sứ đồ, và kiểu xúc tác. Khái niệm có thể bao gồm nhiều loại trong những kiểu này, như một nhóm mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ làm việc với một nhóm người địa phương được lãnh đạo bởi một người mở mang Hội Thánh kiểu xúc tác. Người lãnh đạo của nhóm mở mang Hội Thánh phải hiểu vai trò của mình là một người đặt nền tảng và kế hoạch cho việc chuyển đổi trách nhiệm mục vụ sang cho nhóm lãnh đạo địa phương. Như vậy phát triển sự lãnh đạo là một phần quan trọng của khái niệm.

Chương 6 nói về các nguyên tắc bản địa hóa và phong trào mở mang Hội Thánh. Khái niệm phải đưa đến việc sinh sản các Hội Thánh có sức sống, mạnh khỏe, mang tính địa phương, tự chủ tài chính và có sự phụ thuộc lẫn nhau. Để cho nhóm mở mang Hội Thánh xây dựng khả năng sinh sản vào bản chất của Hội Thánh đầu tiên, thì khái niệm ban đầu phải bao hàm việc sinh sản các môn đồ, các nhóm nhỏ và các nhân sự để đến lượt họ đóng góp vào các Hội Thánh thế hệ thứ hai, thứ ba.

³ Oscar A. Romero, tổng giám mục của San Salvador, bị ám sát vào ngày 24 tháng 3 năm 1980, trong khi đang cử hành thánh lễ trong một giáo đường nhỏ ở một bệnh viện ung thư nơi ông sống. Đoạn trích dẫn được quy cho Romeo được biên tập bởi giám mục Ken Untener của Saginaw (Untener 2005).

Chương 7 trình bày nhiều mô hình mở mang Hội Thánh. Mỗi loại đòi hỏi một cách tiếp cận riêng, một nhóm lãnh đạo riêng và một tập hợp các nguồn lực khác nhau. Khi soạn thảo khái tượng ban đầu, nhóm mở mang Hội Thánh phải thảo luận những giải pháp như thế này: Có phải Hội Thánh mới sẽ trở thành một phần của một cụm Hội Thánh Tư gia phát triển giống như một nhánh nho lan rộng không? Có phải Hội Thánh mới sẽ là một Hội Thánh mạnh mẽ ở trung tâm đô thị có những vệ tinh trong các làng xung quanh không? Có phải Hội Thánh mới sẽ là một Hội Thánh tế bào bao phủ cả thành phố, háng tháng tập trung lại để tổ chức một buổi lễ thật lớn, và tiến hành các công tác thiện nguyện trong những khu vực cần được giúp đỡ nhất? Việc lựa chọn một mô hình mở mang Hội Thánh sẽ là một phần quan trọng của khái tượng.

Các Giá Trị Chủ Yếu Của Việc Mở Mang Hội Thánh

Như chúng tôi đã lưu ý trong chương 6, các giá trị có sức thuyết phục mạnh mẽ trong việc hình thành nên những quyết định của chúng ta. Nếu khái tượng là điểm đến cuối cùng mà người mở mang Hội Thánh phải đưa con thuyền của mình đến thì các giá trị là những dấu mốc trên đường đi có vai trò như những điểm tham chiếu. Chúng giống như những cái phao giúp phân biệt đường có thể đi được với đá ngầm của sông. Một tập hợp các giá trị chủ chốt cho một phong trào mở mang Hội Thánh được đưa ra trong cột biên 9.1.

Các giá trị chủ yếu hướng dẫn các quyết định, xác định các ưu tiên và tạo thuận lợi cho sự đánh giá. Khi đã được thống nhất trong nhóm công tác, thì chúng sẽ thúc đẩy sự hợp tác và sự hiệp nhất trong mục vụ và cho phép có sự đa dạng trong những vấn đề thứ yếu. Vì vậy khi những giá trị chủ yếu chung được xác định, thì nhóm công tác có một mục tiêu để trên cơ sở đó xây dựng sự thống nhất và tránh xung đột không cần thiết. Các giá trị chủ yếu có quan hệ

gắn gũi với khái tượng, có chức năng giống như những trụ cột nâng đỡ khái tượng. Khi được chia sẻ một cách có hiệu quả, chúng sẽ truyền cảm hứng cho mọi người hành động và giúp đỡ mọi người nắm bắt được sự thay đổi. Chúng ảnh hưởng đến việc xây dựng nhóm, xác định vai trò, quản lý tài chính và xác định các nguồn tài nguyên. Trong mục vụ Cơ đốc thì chúng phải được bắt nguồn từ Kinh Thánh, đặc biệt là Đại mạng lệnh và Đại giới răn.

Tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem (Công vụ 6:1-7) có một nan đề liên quan đến việc chăm sóc các góa phụ. Có sự đối xử không công bằng giữa các góa phụ người Hy Lạp và các góa phụ người Do Thái. Hành động tức thì của các sứ đồ chứng tỏ rằng sự chăm lo các nhu cầu và sự công bằng là những giá trị chủ yếu: những lãnh đạo trưởng thành về thuộc linh và nhiệt tình (một giá trị chủ yếu khác) được lựa chọn để giải quyết nhu cầu về chăm sóc và quản trị. Tuy nhiên, các sứ đồ cần phải ưu tiên cho những giá trị chủ yếu khác: cầu nguyện và giảng dạy lời Chúa. Trong tình huống này dường như không có sự mâu thuẫn các giá trị, và cuối cùng họ bảo tồn được tất cả các giá trị bằng cách tìm những người có khả năng để gánh vác mục vụ mới. Kết quả cuối cùng là đạo Chúa được lan ra và Hội Thánh tăng trưởng.

Phụ chú 9.1

Mười Yếu Tố Chung Của Phong Trào Mở Mang Hội Thánh Theo David Garrison

11. Dốc sức Cầu nguyện
12. Nỗ lực Truyền giáo
13. Mở mang những Hội Thánh có khả năng sinh sản
14. Thẩm quyền của Lời Chúa
15. Lãnh đạo địa phương
16. Lãnh đạo không thuộc hàng giáo phẩm
17. Hội Thánh Tư gia
18. Hội Thánh mở mang Hội Thánh
19. Sinh sản nhanh chóng
20. Hội Thánh mạnh mẽ
 - a. Điều nào trong những giá trị này bạn sẽ vận dụng trong nỗ lực truyền giáo của mình?
 - b. Điều nào bạn muốn thay đổi?
 - c. Bạn muốn thêm vào điều nào?

Nguồn: Garrison 2004a, 172

Các giá trị chủ yếu đặc biệt có ích nếu chúng được xem là những ưu tiên. Bảng 9.1 liệt kê một vài giá trị chủ yếu của một nỗ lực mở mang Hội Thánh

Bảng 9.1
Áp Dụng Các Giá Trị Chủ Yếu

Giá trị	Các ứng dụng
Trước nhỏ sau lớn	Nhân rộng các nhóm nhỏ trước khi bắt đầu nhóm họp công khai
Cơ sở hạ tầng trước, kiến trúc thượng tầng sau	Phát triển môn đồ và nhóm nhỏ trước khi đầu tư vào một cơ sở
Phải được thử thách trước	Nhân sự phải được thử thách thông qua phục vụ trước khi nhận chức vụ và trách nhiệm
Phẩm chất quan trọng hơn sự nổi tiếng	Chú trọng sự trưởng thành thuộc linh hơn là sự nổi tiếng cá nhân
Đi ra nhiều hơn ở một chỗ	Đi ra gặp gỡ mọi người thay vì chờ họ đến với bạn
Nhân cấp nhiều hơn thêm vào	Đầu tư vào những người và những mục vụ có khả năng sinh sản và đừng làm họ phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên bên ngoài
Tất cả cho người hư mất	Các nhóm nhỏ và các mục vụ phải chú trọng hướng ngoại và tạo cho người mới đến và người tìm kiếm cảm thấy được hoan nghênh
Nhân sự không thuộc hàng giáo phẩm nhiều hơn người chuyên nghiệp	Các tiêu chuẩn phải phù hợp với khả năng của các lãnh đạo không thuộc hàng giáo phẩm. Đừng sử dụng sự huấn luyện chuyên nghiệp theo cách mà họ không thể đạt được

Nguồn: các giá trị chủ yếu trích từ Ferguson 2007, 2, chúng tôi mở rộng thêm các áp dụng cho trường huấn luyện mở mang Hội Thánh của RichGlobal EFCA, tháng 5-2008, bởi Gene Wilson.

Xác Định Nhóm Người Mục Tiêu

Một số người chống lại việc lựa chọn nhóm người mục tiêu, thích trình bày Phúc âm rộng rãi cho tất cả mọi người hơn. Tuy nhiên, có những lý do tốt trong việc lựa chọn một nhóm người mục tiêu cơ bản ban đầu. Trước hết, việc có một trọng tâm truyền giáo chiến lược đã có tiền lệ trong Kinh Thánh. Các sứ đồ nhất trí rằng Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng tập trung vào người Do Thái còn Phao Lô và Ba-na-ba thì tập trung vào dân ngoại (Ga 2:7-9).

Trọng tâm có thể là một phần của sự kêu gọi cho cả cuộc đời, hoặc có thể giới hạn trong một giai đoạn cụ thể. Phi-líp dường như được sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời để đến với người Sa-ma-ri không phải với trách nhiệm của một sứ đồ. Sau đó Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem đã kiểm tra và xác nhận công tác của ông (Công vụ 8:4-17), và ông ta đã tiếp tục công việc thêm một thời gian. Trong khi tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, Phao Lô đã nhận một khái niệm về người Ma-xê-đoan, và Lu-ca kết luận: “Khi Phao-lô thấy khái niệm đó, lập tức chúng tôi tìm cách qua Ma-xê-đô-ni-a, vì kết luận rằng Đức Chúa Trời kêu gọi chúng tôi rao truyền Tin Lành ở đó.” (Công vụ 16:10). Tuân theo mẫu mực này, các giáo sĩ mở mang Hội Thánh đã rao giảng cho mọi người nhưng tập trung nỗ lực của họ vào một nhóm người mục tiêu cơ bản vào từng thời kỳ nhất định.

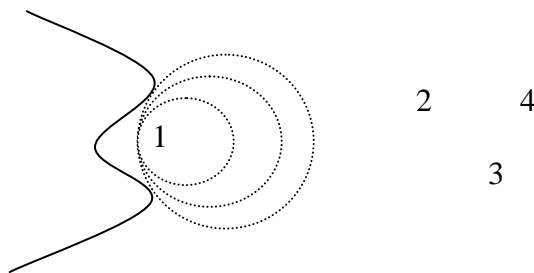
Nhóm người mục tiêu là nhóm người mà Hội Thánh mới sẽ tiếp cận và phục vụ. Nó có thể được xác định theo chủng tộc, giai cấp, điều kiện kinh tế xã hội, địa lý, thế hệ, hoặc các tiêu chí phân biệt khác. Không xác định được nhóm người mục tiêu thì nhóm mở mang Hội

Thánh sẽ có xu hướng, theo tự nhiên, tiếp cận những người giống như họ. Phương pháp trình bày Phúc âm, ngôn ngữ được dùng và các hình thức truyền thông không bao giờ trung tính về mặt văn hóa. Việc xác định nhóm người mục tiêu không có nghĩa là bỏ qua hoặc xem nhẹ những nhóm người khác, mà nó chỉ là một quyết định để tập trung nỗ lực trình bày Phúc âm theo cách dễ hiểu và có ý nghĩa với một nhóm người cụ thể. Có nhiều yếu tố cần phải xem xét khi lựa chọn một nhóm người mục tiêu cụ thể về mặt nhân khẩu học:

Nhu cầu thuộc linh. Với tư cách là người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, Phao Lô đã viết “Nhưng ước vọng của tôi là rao truyền Tin Lành ở những nơi mà danh Đấng Christ chưa được truyền đến, để khỏi xây trên nền của người khác” (Rô-ma 15:20). Lý do của việc này thật rõ ràng: những người không có Đấng Christ là những người hư mất: “vì ‘ai kêu cầu danh Chúa đều sẽ được cứu.’ Nhưng họ chưa tin Ngài thì kêu cầu sao được? Chưa nghe nói về Ngài thì làm thế nào mà tin? Không có người rao giảng thì nghe cách nào?” (Rô 10:13-14).

Bài học thực tế 9.1

Chọn Lựa Nhóm Người Mục Tiêu Như Một Lựa Chọn Chiến Lược



Công tác của Hội Thánh Tin lành Tự do Peru bắt đầu tại quận cảng Lima gọi là Los Pilares. Khi thành phố phát triển theo các vòng đồng tâm gần bên biển, thì nhiều người từ Hội Thánh gốc di chuyển đến các vùng ngoại ô. Các nhóm học Kinh Thánh tại các vùng ngoại ô đó và một số nhóm học Kinh Thánh trở thành Hội Thánh mới. Hai trong số các Hội Thánh vùng ngoại ô đã tăng trưởng và bắt đầu mở mang các Hội Thánh. Như vậy các Hội Thánh được điều hướng chủ yếu bằng chiến lược tăng trưởng theo nhân khẩu học tập trung vào những cộng đồng mới xuất hiện.

Một vài nhóm người chưa được tiếp cận hoặc được nghe Phúc âm ít hơn những nhóm khác, và chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời muốn mọi dân tộc đều có cơ hội để đáp ứng Phúc âm (Mat 28:18-20; Mat 24:14; 1 Tim 2:4; Khải 5:9)⁴. Một nhóm người được xem là “chưa được tiếp cận” là ở nơi chưa có một Hội Thánh địa phương để truyền bá Phúc âm cho nhóm người đó theo phương cách có ý nghĩa. Một định nghĩa khác về *chưa được tiếp cận* là có ít hơn 2% dân số và người Tin lành và không có việc mở mang Hội Thánh ở giữa họ (Holste và Haney 2006). Các nghiên cứu về nhân khẩu học có thể cho thấy có một nhóm người chưa được tiếp cận đang cần Phúc âm. Nhưng nhu cầu chưa phải là cơ sở đầy đủ để xác định nhóm người mục tiêu.

Có sự đáp ứng cao. Mặc dù không có một nhóm người nào là không cần một người làm chứng về Tin lành, nhưng có một lý do có sự hỗ trợ về Kinh Thánh và truyền giáo ủng hộ cho việc ưu tiên những nhóm người có sự đáp ứng cao (Mat 10:12-14; Lu-ca 14:15-24; Công vụ

⁴ Đã có sự trợ giúp để tìm kiếm những nhóm người chưa có một Hội Thánh Cơ đốc. Chẳng hạn như, Dự án Giô-suê (www.joshuaproject.org) phát hiện những nhóm người chưa được tiếp cận trên tất cả địa lục. Một nguồn có giá trị khác là tác phẩm mới nhất của Patrick Johnstone có tên *Operation World* (2005).

13:46-47). Các nghiên cứu và kinh nghiệm chứng tỏ rằng một bộ phận dân số sẵn sàng thay đổi và lắng nghe Tin lành. Donald Mc Gavran đặt cơ sở cho “nguyên tắc mùa gặt” của ông trên yếu tố này.⁵ Thông thường, quyết định cuối cùng được xác định khi hội đủ đa phần các yếu tố này sau khi đã nghiên cứu về nhân khẩu học, cầu nguyện và thăm dò thực tế.

Tính hiệu quả chiến lược. Bởi vì nhân lực và các nguồn tài nguyên chiến lược luôn luôn có giới hạn, cho nên nhóm mở mang Hội Thánh phải sử dụng chúng một cách tốt nhất bằng cách ưu tiên cho một nhóm cụ thể. Nhóm công tác gia tăng hiệu quả bằng cách điều chỉnh các nỗ lực và mục vụ của mình đối với các nhu cầu và thể giới quan của nhóm này. Sự truyền thông và hành động phù hợp với bối cảnh đòi hỏi phải lựa chọn một nhóm người mục tiêu (Hesselgrave 1980 và 1991).

Các yếu tố về mặt địa lý. Một số lựa chọn khôn ngoan nhất được quyết định không phải để giải quyết một tình huống nhưng dựa vào một chiến lược dài hạn để tiếp cận một thành phố hoặc một khu vực. Trong chương ba chúng tôi đã lưu ý rằng việc mở mang Hội Thánh của Phao Lô tập trung vào các trung tâm đô thị được đặc trưng bởi sự quản lý hành chính của đế quốc La Mã, văn hóa Hy Lạp, ảnh hưởng của người Do Thái hoặc sự thuận lợi về thương mại. Tương tự như vậy, những người mở mang Hội Thánh ngày nay có thể tìm kiếm những trung tâm có ảnh hưởng chiến lược, đặc biệt là với những nỗ lực truyền giáo tiên phong, và chạy dọc theo các trục lộ giao thông chính như là xa lộ, sông ngòi hoặc các đường ngầm. Trong các khu vực có sự tương tác giữa các nhóm người, thì thông tin và ảnh hưởng được lan truyền một cách tự nhiên hơn những hướng nhất định. Lúc đầu có thể tiếp cận một nhóm người có ảnh hưởng nhiều hơn rồi sau đó mở rộng nỗ lực ra các nhóm khác. Điều này cũng có thể áp dụng đối với các tầng lớp xã hội (McGavran 1980; Nida 1974). Khi nhóm công tác tìm kiếm một địa điểm chiến lược để hoạt động thì có thể đặt ra những câu hỏi như: Đây là nơi tốt để từ đó tiếp cận các nhóm dân khác? Đây là phần mở rộng tự nhiên của những gì Đức Chúa Trời đã làm cho đến nay?

Nhóm Cơ đốc nhân nòng cốt hiện hữu. Có thể có một nhóm nhỏ các tín hữu đang sống giữa những người chưa được tiếp cận. Có lẽ họ đã trở thành Cơ đốc nhân ở một nơi nào đó và sau đó quay về nhà; hoặc có thể họ là tín hữu từ một nơi có chiến tranh, nạn đói, thất nghiệp hoặc các lý do khác đã di cư đến khu vực này. Nhóm tín hữu này có thể trở thành nòng cốt của Hội Thánh và nhờ đó rút ngắn thời gian cho nhóm mở mang Hội Thánh nhiều tháng hoặc thậm chí nhiều năm, nếu không thì họ phải mất chừng đó thời gian để truyền giáo và tập hợp nhóm tín hữu ban đầu. Những người này có thể cũng đã có mối quan hệ trong cộng đồng để dọn đường cho việc truyền bá Phúc âm. Chúng ta thấy điều này đã có trong Tân ước, khi sự bắt bớ bùng nổ tại Giê-ru-sa-lem làm cho các tín hữu tản lạc, và rồi Tin lành được rao giảng khắp khu vực, Hội Thánh An-ti-ốt được thành lập (Công vụ 8:1-4; 11:19-21). Dĩ nhiên, trong những trường hợp như vậy nhóm mở mang Hội Thánh cần phải phát triển một mối quan hệ với nhóm tín hữu đó và xác định xem thử có thể tạo một sự hợp tác dễ dàng và có hiệu quả như mong muốn không.

Cơ hội đặc biệt. Đôi khi có một cơ hội không nhất thiết phải phù hợp với những tiêu chuẩn trên xuất hiện (xem bài học thực tế 9.2). Một “người đáng hưởng sự bình an” (Lu-ca 10:6; Mat 10:11-14) từ một xã hội hoặc nhóm chủng tộc nào đó là một chứng nhân mạnh mẽ giữa vòng dân tộc của mình có thể yêu cầu thành lập một Hội Thánh trong vòng dân tộc người đó. Hoặc một cánh cửa chiến lược được mở ra. Phao Lô tạm dừng công tác tiên phong và lưu lại tại Ê-phê-sô lâu hơn những nơi khác “bởi vì một cánh cửa rộng lớn và hứa hẹn đã mở ra cho tôi” (1 Cor 16:19). Ông cũng thuật lại như sau: “Tôi đến thành Trô-ách để rao giảng Tin lành của Đấng Christ vì Chúa đã mở cửa cho tôi tại đó” (2 Cor 2:12). Phao Lô đề nghị cầu nguyện để Đức Chúa Trời tiếp tục mở cửa cho ông rao giảng lời Ngài (Col 4:3). Một trong những cánh cửa mở rộng bất ngờ nhất hiện nay là sự sụp đổ của Bức Màn Sắt vào đầu những năm

⁵ Đã được thảo luận trong chương bốn.

1990 nhiều quốc gia Đông Âu đã đóng cửa đối với công tác truyền giáo nhưng việc giảng Tin lành công khai thành linh được mở cửa và chấp nhận. Các tổ chức truyền giáo nhanh chóng đưa người và nguồn lực đến để lợi dụng cơ hội. Đôi khi một cánh cửa cơ hội như vậy không duy trì lâu dài khi chính sách của chính phủ được thay đổi hoặc có sự thay đổi về môi trường

Bài học thực tế 9.2

Chọn Lựa Nhóm Người Mục Tiêu Khi Có Một Cánh Cửa Mở

Việc xây dựng nhà thờ cho một Hội Thánh mới đã được chấp thuận bởi hệ phái chính ở địa phương, và hai vùng lân cận khác tại vùng nông thôn Quebec đề nghị nơi thờ phượng mới được xây dựng trên đất của họ. Cư dân của vùng lân cận bị mất quá buồn đến nỗi họ không cho mục sư vào nhà thờ cũ và đăng quảng cáo trên một tờ báo tìm một mục sư của một hệ phái khác đến để phục vụ họ. Các giáo sĩ đang tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời về nơi để bắt đầu công việc trông thấy quảng cáo đó và nói với mọi người về con đường cứu rỗi. Mọi người ở đó đã sẵn sàng cho sự thay đổi và cuối cùng trở thành một Hội Thánh Tin lành. Đây là một sự mở cửa duy nhất trong một bối cảnh khó khăn (Duclos 1982).

thuộc linh. Thật đáng buồn, đây là trường hợp tại nhiều nước Đông Âu khi sự đáp ứng đã giảm sút từ những năm 1990.

Sự hướng dẫn siêu nhiên của Đức Thánh Linh. Trong hành trình truyền giáo thứ hai, Phao Lô và nhóm của ông đã cố gắng giảng Tin lành tại Châu Á nhưng bị ngăn cản bởi Đức Thánh Linh. Rồi họ cố gắng đi vào vùng Bi-thi-ni-a nhưng một lần nữa Đức Thánh Linh không cho phép (Công vụ 16:6-7). Chỉ khi Phao Lô nhận được một khái tượng siêu nhiên về một người đàn ông từ Ma-xê-đô-ni-a kêu cầu ông thì sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trở nên rõ ràng (Công vụ 16:8-10). Lần sau thì Phao Lô mới thực hiện mục vụ tại Ê-phê-sô, trong tỉnh A-si, nơi mà một phong trào mở mang Hội Thánh đã được bắt đầu. Đôi khi những kế hoạch tốt nhất của chúng ta, dựa trên những sự cân nhắc mang tính chiến lược nhất cùng với sự cầu nguyện, phải chờ đợi thời điểm của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải luôn luôn đi theo sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, Đấng điều hướng chúng ta đến lĩnh vực mục vụ có kết quả hơn mà chúng ta không nhận ra hoặc không đoán trước được. Phụ chú 9.2 tổng hợp các yếu tố chính cần phải xem xét khi chọn lựa nhóm người mục tiêu.

Phụ chú 9.2

Xác Định Nhóm Người Mục Tiêu

Yếu tố về nhu cầu – nhu cầu thuộc linh

Rô ma 10:13-15; 15:20

- Cộng đồng, nhóm người, giai cấp chưa có một Hội Thánh Tin lành địa phương
- Tỷ lệ người Tin lành rất thấp

Yếu tố về sự đáp ứng – dễ tiếp nhận

Mat 10:11-15; Công vụ 14:27

- Mọi người sẽ dễ dàng tiếp nhận Phúc âm và Hội Thánh có khả năng tăng trưởng và sinh sản trong một khoảng thời gian hợp lý.

Yếu tố hiệu quả - khả năng nhân rộng và ảnh hưởng

- Lãnh đạo có chính kiến, nhân sự có uy tín cao
- Các nhóm xã hội hoặc nhóm văn hóa có khả năng ảnh hưởng đến những nhóm khác
- Những nhóm người có gia đình hoặc có mối quan hệ trong cả khu vực
- Các nhóm người cần cù hoặc có tính mạo hiểm

Yếu tố về địa lý – địa điểm quan trọng

- Các trung tâm thương mại, giáo dục, chính trị hoặc giao thông
- Những nơi có sự tăng trưởng dân số
- Khả năng phát động một phong trào khu vực từ địa điểm này

Yếu tố về sự phân tán – nhóm nòng cốt hiện hữu

Công vụ 8:1-4; 11:19-21

- Một số Cơ đốc nhân sống giữa nhóm người mục tiêu để xây dựng lực lượng nòng cốt của Hội Thánh

Yếu tố mở cửa – cơ hội đặc biệt

1 Cô 16:9; 2 Cô 2:12; Col 4:3

- Những cơ hội đặc biệt để giảng Tin lành và/hoặc sự đáp ứng đặc biệt đối với Phúc âm

Yếu tố về sự hướng dẫn siêu nhiên – sự hướng dẫn đặc biệt của Đức Thánh Linh

Công vụ 16: lời kêu cầu của người Ma-xê-đô-ni-a

- Sự hướng dẫn trực tiếp quan trọng hơn những kế hoạch hợp lý

.....

.....

Nhóm mở mang Hội Thánh có trách nhiệm cuối cùng trong việc lựa chọn nhóm người mục tiêu, với sự tham khảo ý kiến của những người tư vấn tại địa phương và các Hội Thánh cộng tác. Nếu sau những xem xét này, có hai nhóm người mục tiêu ngang nhau về khả năng trong việc mở mang Hội Thánh thì cần có sự tiếp xúc ban đầu với cả hai nhóm người để đánh giá sự đáp ứng của họ. Cuối cùng, phải có một quyết định. Một nhóm người mục tiêu, được lựa chọn với sự cầu nguyện, tốt hơn là không có nhóm người mục tiêu hoặc nhiều nhóm người mục tiêu. Nhiều yếu tố cần phải được xem xét, nhưng cuối cùng thì nhóm mở mang Hội Thánh phải tin chắc rằng Đức Chúa Trời kêu gọi họ để đến với một nhóm người cụ thể.

Tuyển Mộ Một Người Lãnh Đạo Nhóm Có Khả Năng

Một trong những lý do phổ biến nhất làm cho việc thành lập Hội Thánh thất bại là chọn không đúng người để lãnh đạo công việc. Cách tiếp cận khôn ngoan nhất là tìm một lãnh đạo có kinh nghiệm phù hợp với việc mở mang Hội Thánh thích hợp với bối cảnh văn hóa. Chương 15 sẽ cung cấp một sự thảo luận đầy đủ hơn. Người lãnh đạo nắm bắt khái tượng, giữ sự hiệp một trong nhóm và bảo đảm đi đúng mục tiêu và nhiệm vụ. Nếu có thể được thì người lãnh đạo này là một người thuộc về nền văn hóa đó hoặc một người thích nghi trong nền văn hóa mục tiêu. Lịch sử Hội Thánh cho thấy Đức Chúa Trời thường sử dụng những người nam và nữ đã tin Chúa từ một nơi khác để hướng dẫn cách nỗ lực truyền giáo cho dân tộc họ và thành lập hoặc mở rộng Hội Thánh trong vòng dân tộc họ.⁶ Điều này giúp cho Hội

⁶ Ví dụ, Patrick đã quay trở lại vùng Celts ở Ireland, nơi ông đã bị bắt làm nô lệ khi còn trẻ (Tucker 1983, 38-39). Vào thế kỷ thứ tư thì Ulfilas, con trai của một Cơ đốc nhân người Cáp-ba-đốc bị bắt bởi người Goth, đã quay trở lại với những người bắt cha mình và truyền giáo một cách thành công trong bốn mươi năm, và đã phát triển hệ thống chữ viết để họ có thể đọc Kinh Thánh (sách đã dẫn, 35-37).

Thánh có một hình thức mang tính địa phương ngay từ đầu (xem bài học thực tế 9.3). Nếu không thể tuyển mộ được một người lãnh đạo trong nước, thì người lãnh đạo phải là một người có kinh nghiệm trong nền văn hóa của nhóm người mục tiêu hoặc bối cảnh tương tự.

Mặc dù cả ba loại người mở mang Hội Thánh đều có nơi chốn riêng của họ, như chúng ta đã thấy trong chương năm, các giáo sĩ xuyên văn hóa là những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ làm việc với và thông qua các lãnh đạo trong nước và tiếp tục ra đi. Những người có một trách nhiệm và ân tứ sứ đồ, là những doanh nhân thuộc linh thông thạo về văn hóa, những người có thể lãnh đạo một nhóm, những người thích nhìn thấy các lãnh đạo trong nước ở phía trước và trung tâm, và là những người chấp nhận rằng vai trò của họ là đặt nền tảng để tạo ra những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ tốt nhất. Mặt khác, những người đã từng làm mục sư nhiều năm tại quê hương của họ trước khi trở thành người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa thường thấy khó khăn trong việc thay đổi vai trò và thường nghiêng về tính chất mục sư.

Bài học thực tế 9.3

Tầm Quan Trọng Của Việc Lựa Chọn Lãnh Đạo

Hội Thánh Redeemer tại New York đã thành lập được 114 Hội Thánh khắp thế giới. Nó được xếp hạng bởi nhà nghiên cứu Ed Stetzer trong tạp chí *Outreach* (tháng 7/ 2007) là Hội Thánh sinh sản số một tại Hoa Kỳ. Hai mươi chín Hội Thánh trong số đó ở tại các thành phố Châu Âu hậu hiện đại. Một phần trong chiến lược của Trung Tâm Mở Mang Hội Thánh của Hội Thánh Redeemer (RCPC) là phát hiện các lãnh đạo có ân tứ và nhiệt tâm đối với việc mở mang Hội Thánh và có khả năng huấn luyện để phát triển Hội Thánh của họ và thành lập những Hội Thánh khác. Al Barth, giám đốc mở mang Hội Thánh ở Châu Âu, dành phần lớn thời gian của ông để phát hiện và tuyển mộ những người thuộc nền văn hóa mục tiêu là những người thích hợp với các đặc điểm và khái tượng mở mang Hội Thánh của RCPC. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc lựa chọn một lãnh đạo nhóm mở mang Hội Thánh thông thạo về văn hóa và có hiệu quả.

Tập Hợp Và Tổ Chức Nhóm

Trọng tâm cơ bản của người mở mang Hội Thánh trong giai đoạn đầu này là người *xây dựng nhóm*. Đôi khi các nhóm được thành lập một cách tùy tiện, sử dụng bất cứ người nào có khả năng hoặc muốn tham gia vào công việc. Chúng tôi sẽ thảo luận về các nhóm mở mang Hội Thánh chi tiết hơn trong chương mười sáu, nhưng vai trò căn bản của người mở mang Hội Thánh, không phải là một mục sư - giáo sư mà là lãnh đạo cách nỗ lực, làm mẫu công tác mở mang Hội Thánh và huấn luyện những người khác công tác truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Nhóm được xây dựng xung quanh người lãnh đạo nhóm, và người lãnh đạo phải có tiếng nói quan trọng nhất trong việc tập hợp các thành viên của nhóm là những người có sự đóng góp quan trọng và trung thành với khái tượng và các giá trị (Xuất 18:21; 1 Sứ 11:10-25; Mac 3:13-14; Công vụ 15:39-40; 16:1-3). Dĩ nhiên, người lãnh đạo cũng cần tham khảo ý kiến của người khác và để một thời gian cho các thành viên của nhóm làm quen với nhau.

Nhóm ban đầu cần phải được giữ tính chất “gây còm” bằng cách đặt ra những tiêu chuẩn cao (Phục 20:5-9; Thâm 7:4-8; Phi líp 2:19-20; 1 Tê 2:4-12). Những người thiếu sự trưởng thành, lòng trung thành hoặc sự quyết tâm không nên được chấp nhận như những thành viên đủ điều kiện. Một trong những nguyên nhân chính đưa đến sự thất bại trong việc mở mang Hội Thánh là các thành viên của nhóm không có khả năng làm việc chung với nhau. Các tiêu chuẩn gia nhập vào nhóm mở mang Hội Thánh phải được quyết định, thông báo công khai và áp dụng một cách nhất quán. Nếu một nhóm to lớn thì nó có thể tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ, cả về mặt chiến lược và mặt văn hóa. Nếu nó “gây còm” thì sẽ có chỗ cho các tín hữu địa phương đóng góp vai trò và tiếng nói nhiều hơn trong nhóm lãnh đạo.

Chương 16 thảo luận về các phẩm chất nền tảng mà mọi thành viên của nhóm phải có, như khả năng truyền giáo và môn đồ hóa, và những phẩm chất bổ túc mà có thể được phát hiện *nơi nào đó* trong nhóm. Nói chung, các thành viên phải được chọn lựa bởi vì họ bổ túc cho người lãnh đạo và bởi vì họ có những ân tứ cần thiết để phát triển, gây dựng và huấn luyện một nhóm lãnh đạo địa phương. Thành phần của nhóm cũng sẽ phụ thuộc vào mô hình mở mang Hội Thánh được áp dụng. Xác định rõ ràng mô hình mở mang Hội Thánh là cần thiết để thành lập một nhóm có những kỹ năng và ân tứ phù hợp. Ví dụ, nếu chọn cách mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, thì nhóm phải có đặc điểm nổi bật về truyền giáo cùng với các kỹ năng khởi đầu, tập họp và phát triển. Mặt khác, người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư có thể chọn lựa các thành viên của nhóm theo khả năng của họ để hướng dẫn các mục vụ chủ yếu của Hội Thánh. Bất kể cách tiếp cận nào đi nữa thì cũng có thể tuân theo tiến trình được mô tả sau đây.

Một khi nhóm đã được thành lập, các thành viên của nó phải xác định vai trò chủ yếu cùng các ân tứ và khả năng tương ứng với vai trò đó. Họ sẽ cùng làm việc với nhau dựa trên các ân tứ và khả năng của họ thay vì sự hấp dẫn, cá tính, giáo dục hay kinh nghiệm. Các nhóm gồm những người có đặc điểm tương đồng sẽ có xu hướng nảy sinh cạnh tranh và xung đột – và thật không may, nhiều nhóm nở tung. Mặt khác, những người có các đặc điểm bổ túc cho nhau sẽ có xu hướng cộng tác có hiệu quả hơn.

Một số vai trò quan trọng bổ túc cho người lãnh đạo có thể là (1) người thu hoạch kết quả truyền giáo, (2) người huấn luyện giáo viên, (3) trợ lý quản trị, (4) tư vấn-cố vấn, và (5) những người có thể giúp đỡ việc khích lệ và môn đồ hóa các tân tín hữu. Người lãnh đạo nhóm sẽ phân công trách nhiệm theo những vai trò này và giúp cho các thành viên có được sự trang bị cần thiết. Người lãnh đạo nhóm sẽ giao quyền và tạo thuận lợi cho mục vụ thay vì phải quản lý một cách chi tiết.

Bảo Đảm Sự Hỗ Trợ Về Tài Chính Và Cầu Nguyện

Mở mang Hội Thánh là một nỗ lực mang tính hợp tác đòi hỏi sự thống nhất về khái tượng và sự đóng góp các nguồn lực từ nhiều nơi. Một khi nhóm người mục tiêu đã được chấp nhận thì việc xác định nhóm hỗ trợ cho dự án trở nên dễ dàng hơn. Việc thành lập nhóm hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện tương tự như xây dựng các bức tường chống đỡ của một ngôi nhà. Các bức tường chống đỡ cũng giống như những bức tường khác nhưng phải vững mạnh và chắc chắn. Chúng không thể bị gỡ đi bởi vì những bức tường khác và cấu trúc dựa vào chúng. Khi chúng mạnh thì hầu như có thể thực hiện việc xây dựng thêm hoặc cải tiến. Những người mở mang Hội Thánh cần phải thiết lập hai bức tường chống đỡ song song là sự hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện. Nê-hê-mi là một điển hình về vấn đề này, ông là một người cầu nguyện, thấy trước và hoạch định, người đã xây các bức tường của thành Giê-ru-sa-lem trước khi xây dựng lại đất nước. Ông dự tính các nguồn lực cần thiết cho dự án (Nê-hê-mi 2: 8) cũng như sự đối kháng thuộc linh mà ông và nhóm của ông phải đương đầu (4: 9-16).

Sự Hỗ Trợ Về Cầu Nguyện

Phao Lô và Ba-na-ba có mối quan hệ đặc biệt với Hội Thánh An-ti-ốt xứ Syri là nơi đã cử họ ra đi trong hành trình truyền giáo lần thứ nhất sau khi cầu nguyện và kiêng ăn (Công vụ 13:3). Sau đó họ quay về vui mừng làm chứng lại các kết quả (Công vụ 14:26-28). Và lưu lại An-ti-ốt cho đến khi bắt đầu hành trình truyền giáo lần thứ hai. Quan hệ này không phải là duy nhất. Phao Lô cũng yêu cầu các Hội Thánh và các cá nhân khác cầu nguyện cho ông (2 Côr 1:10-11; Êph 6:19-20).

Nhu cầu dựa vào quyền năng và sự can thiệp của Đức Chúa Trời thông qua việc cầu nguyện chung đã được ghi lại trong dòng lịch sử mở mang Hội Thánh. Đức Chúa Trời mở cửa, cất bỏ những trở ngại, chuẩn bị người nghe và bảo vệ các nhân sự như lời cầu xin. Người

Moravian đã gọi đi nhiều giáo sĩ tính theo đầu người hơn tất cả các nhóm Tin lành khác cộng lại trong hai thế kỷ trước (Tucker 1983, 71). Điều gì đã thúc đẩy công tác truyền giáo vĩ đại này? Rõ ràng là có nhiều yếu tố, nhưng điểm mấu chốt là một cơn phục hưng tại Hernhutt đã dẫn đến một phong trào cầu nguyện hằng ngày và với sự cầu nguyện suốt ngày đêm kéo dài một trăm năm (sách đã dẫn, 70). Tại Bắc Mỹ, phong trào cầu nguyện cho sự phục hưng và truyền giáo gắn liền với cuộc Đại Thức Tỉnh lần thứ nhất. Năm 1748, Jonathan Edwards lập lại một lời kêu gọi từ Anh quốc về việc tổ chức những nỗ lực cầu nguyện phi thường trong một sách nhỏ có tựa đề *Một Cố Gắng Khiêm Nhường Để Khuyến Khích Sự Thỏa Thuận Và Liên Hiệp Dân Sự Của Đức Chúa Trời Trong Sự Cầu Nguyện Đốc Đổ Cho Sự Phục Hưng Tôn Giáo Và Mở Rộng Vương Quốc Của Đấng Christ Trên Đất*.

Sự phát triển công tác mở mang Hội Thánh phụ thuộc vào cả sức mạnh thuộc linh và chiến lược của con người. Phải cầu nguyện cho cả hai để thúc đẩy sự mở mang vương quốc. Phao Lô liên hệ sự cầu nguyện với trận chiến thuộc linh cho người hư mất. Mặc dù không tìm thấy một điều kỳ diệu nào, cũng không có một bảo đảm nào được đưa ra, việc cầu nguyện để bẻ gãy sự chống đối thuộc linh đã được đề cập đến trong nhiều tài liệu (Taylor 1959; Robb 1990; Piper 1993). Tất cả những ai có liên quan đến công tác mở mang Hội Thánh nên duy trì

Bài học thực tế 9.4

Cầu Nguyện Và Sự Phục Hưng

Một phụ nữ tin kính người Ấn độ, tên là Pandita Ramabai, nặng lòng về nhu cầu phục hưng của người Ấn độ. Năm 1903 bà quan tâm đến phong trào cầu nguyện tại Úc cho các chiến dịch của Torrey-Alexander ở đó. Một năm sau, bà ta nghe nói về cuộc phục hưng tại xứ Wales. Vì vậy Ramabai bắt đầu các vòng cầu nguyện đặc biệt từ đầu năm 1905, và hàng trăm người giúp đỡ và bạn bè của bà ta và các giáo sĩ đã tham gia những buổi cầu nguyện này (Orr 1970, 62). Mặc dù có sự tham gia của các giáo sĩ, nhưng các lãnh đạo thường là người Ấn độ (Dewel 1995). Kết quả là Phúc âm phát triển mạnh mẽ. “Số lượng Cơ đốc nhân tại Punjab tăng gấp bốn lần từ 37695 đến 163994. Suốt thập kỷ phục hưng tại Ấn độ, số lượng Cơ đốc nhân đã gia tăng 69,9%, tức là tăng mười sáu lần về số lượng trong cộng đồng người Hindu” (Dewel 1995, 227).

một kỷ luật cầu thay, nhưng như vậy cũng chưa đủ. Họ cần những người khác trung tín đứng với họ trong sự cầu nguyện. Cần có một nhóm cầu nguyện để có thể dễ dàng thực hiện sự cầu nguyện khi cần đưa ra quyết định và lâm vào trận chiến thuộc linh. Điều này đòi hỏi phải có một sự cam kết cụ thể, cầu nguyện đều đặn, thường xuyên thông báo các nan đề cầu xin và báo cáo trực tiếp (Công vụ 14). Nguyên tắc cầu nguyện như là một sức mạnh điều khiển và duy trì ở đằng sau công tác mở mang Hội Thánh có thể được tóm tắt trong câu nói sau đây: *Không có một phong trào mở mang Hội Thánh nào vượt trên sự cầu nguyện của những người có liên quan với nó.*

Sự Hỗ Trợ Về Tài Chính

Việc hoạch định tài chính kém cỏi đã phá hủy nhiều gia đình. Chúng cũng làm suy yếu nhiều dự án mở mang Hội Thánh. Vấn đề kinh tế và hỗ trợ tài chính có thể là những yếu tố chính trong sự thành công hoặc thất bại của công tác mở mang Hội Thánh. Khi được hỏi: “Tại sao những người mở mang Hội Thánh thường thất bại ở châu Mỹ La Tinh?” thì nhiều lãnh đạo mở mang Hội Thánh đã đề cập đến sự thiếu ngân quỹ, sự hỗ trợ tài chính, hoặc sự giúp đỡ của hệ phái như là một nguyên nhân cơ bản (Wilson 2001, 229). Rất ít điều dạy sự

phụ thuộc vào Đức Chúa Trời cũng như nhu cầu tài chính. Ernesto Zavalla, giám đốc Liên Hiệp Kinh Thánh khu vực Châu Mỹ La tinh: “công việc của Đức Chúa Trời nằm trong tay của những người thất bại... chúng ta cần phải đến trước mặt Đức Chúa Trời mỗi ngày một cách thành thật” (được trích trong sách đã dẫn). Mặt khác, nhiều cách tiếp cận sự hỗ trợ tài chính đã được sử dụng một cách không có hiệu quả, và lịch sử Hội Thánh đầy dẫy những bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời cung cấp cho những cố gắng mà Ngài điều hướng và những con người Ngài kêu gọi cho dù các nguồn lực có nghèo nàn.

Không có một quy luật nào đặt ra liên quan đến kỹ thuật về sự hỗ trợ tài chính, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị này những người mở mang Hội Thánh nên có một kế hoạch hợp lý và khả thi về sự hỗ trợ tài chính cho gia đình của họ (1 Cô 16:1-4; 2 Cô 8-9; Phil 4:10-17). Một số người mở mang Hội Thánh sử dụng “đức tin” như là một lý do cho hành động thiếu trách nhiệm. Việc phụ thuộc vào sự cung cấp của Đức Chúa Trời không làm mất đi trách nhiệm của người mở mang Hội Thánh với tư cách là người cung cấp (1 Tim 5:8). Có ba giải pháp chính: (1) làm việc bên ngoài trọn thời gian, (2) làm công tác mở mang Hội Thánh trọn thời gian bằng cách tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính đầy đủ trước, và (3) làm công tác mở mang Hội Thánh bán chuyên nghiệp và tìm kiếm trước một phần hỗ trợ tài chính.

Những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa tìm sự hỗ trợ tài chính toàn bộ hoặc một phần tại quê nhà để có sự thu nhập ổn định và không phải phụ thuộc vào Hội Thánh địa phương hoặc cộng đồng người mục tiêu. Nhiều người phải chứng tỏ thẩm quyền rằng họ không nhận một công việc từ một nhân sự địa phương. Đời sống của sứ đồ Phao Lô là một bài học về vấn đề này. Ông đã làm công việc của một người may trại và Đức Chúa Trời cung cấp thêm cho ông bằng những món quà từ ít nhất là một Hội Thánh. Phao Lô đã viết về nhu cầu cá nhân của ông và nhu cầu của các Hội Thánh trong sự đau buồn (1 Cô 16; 2 Cô 8-9; Phil 4). Ông cũng tránh phụ thuộc vào những người mà ông dạy bảo (Công vụ 20:34-35; Phil 4:16; 1 Tê 2:9). Ông lập luận rằng những người làm công thì đáng nhận được tiền lương và ông có thể yêu cầu sự giúp đỡ nếu cần (1 Cô 9:7-14). Nhưng ông không làm như vậy vì nhiều lý do: (1) ông không muốn trở thành một gánh nặng cho những tân tín hữu; (2) ông không để cho những người chống đối mình có lý do nghi ngờ động cơ của ông; và (3) ông muốn trở thành một người làm việc gương mẫu.

Trong thời của Phao Lô có nhiều người tìm kiếm lợi lộc từ Tin lành (2 Cô 2:17), vì vậy ông cần phải tách mình khỏi những người đó bằng cách dựa vào công việc may trại của mình và chỉ nhận những món quà tự nguyện của các Hội Thánh. Đây là một kiểu mẫu lành mạnh để các giáo sĩ xuyên văn hóa noi theo. Không những họ không nên phụ thuộc về mặt tài chính vào những người mà họ dạy dỗ, mà còn phải tự chu cấp nếu cần và luôn luôn làm gương mẫu về sự làm việc chăm chỉ. Kết quả là, đến lúc phải ra đi họ sẽ không phụ thuộc vào Hội Thánh mới về mặt tài chính và sẽ không bị khủng hoảng về vấn đề tài chính.

Một số lượng ngày càng nhiều các giáo sĩ đi vào các nước khó khăn⁷ đang mở ra các công việc kinh doanh để cung cấp một phần thu nhập cho họ và làm nền tảng cho mục vụ của họ. Trong trường hợp này họ là những người tự chủ tài chính ở một mức độ nào đó và dựa vào sự đóng góp của các Hội Thánh và bạn bè để bổ sung thu nhập của họ. Thực hiện cả hai loại công việc và đối phó với áp lực trong việc quản lý cả hai một cách có trách nhiệm không phải là dễ dàng.⁸ Trong một số trường hợp thì vợ hoặc chồng của người mở mang Hội Thánh và các thành viên của nhóm có thể tìm kiếm một số thu nhập và đóng góp tài chính cho dự án. Mục tiêu là các môn đồ mới tại địa phương được học về vai trò quản lý tài chính Cơ đốc và gánh vác trách nhiệm tài chính càng sớm càng tốt.

Bên cạnh các chi phí hàng ngày cho bản thân và gia đình, còn có các chi phí ban đầu cho

⁷ Nước khó khăn: là nước không cấp visa hoạt động tôn giáo cho người ngoại quốc và ngăn cấm hoạt động truyền giáo.

⁸ Những thách thức của người mở mang Hội Thánh bán chuyên nghiệp sẽ được thảo luận trong chương mười lăm.

việc đi lại, chỗ ở và thực hiện các mục vụ mới. Trong một số trường hợp thì nhóm bảo trợ hoặc giúp đỡ có thể giúp *tiền giống* (Châm 24:27; Lu 14:28-33) cho các chi phí đó. Cụm từ “tiền giống” xuất phát từ các công việc của nhà nông. Người nông dân dựa vào thu hoạch để trang trải các chi phí nhưng cần phải trang trải chi phí về giống trước khi thu hoạch. Tiền giống là sự cung cấp tối thiểu để người nông dân bắt đầu công việc. Một sự tương đồng khác: như việc cha mẹ dự định có thêm con cần có một số cung cấp cơ bản trước khi sinh hoặc nhận nuôi, những người lãnh đạo Hội Thánh dự định cho một gia đình thuộc linh mới cần tập hợp một số ngân quỹ trước khi mở mang Hội Thánh. Các chi phí cho mục vụ sau đó như tiền thuê hoặc tiền lương phải do các tín hữu địa phương gánh vác khi mục vụ phát triển (xem chương mười tám về việc sử dụng các nguồn tài nguyên).

Cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ cung cấp cho công việc của Ngài được hoàn thành theo cách và theo đúng thời điểm của Ngài (Phil 4:18-19). Công tác mở mang Hội Thánh là một công việc đức tin phụ thuộc vào sự cung cấp của Đức Chúa Trời theo những cách mà con người không thể ngờ. Những người mở mang Hội Thánh phải dạy và làm gương cả về sự tin cậy và sự hy sinh. Nếu cả nhóm đợi cho đến khi tất cả các nhu cầu được đáp ứng thì có thể không bao giờ bắt đầu được; mặt khác nhóm cũng không nên để mắc nợ hoặc đi trước quá xa sự cung cấp của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cung cấp đúng thời điểm của Ngài, và nhóm mở mang Hội Thánh nên chờ đợi Ngài, đi từng bước bởi đức tin, và thể hiện cả sự tin tưởng và kiên nhẫn phụ thuộc vào Đức Chúa Trời.

Chuẩn Bị Và Giao Nhiệm Vụ Cho Nhóm

Trong khi các thành viên của nhóm lập kế hoạch cá nhân, tìm kiếm nhóm hỗ trợ về tài chính và cầu nguyện, và tiếp thu bất cứ kiến thức nào có thể được về nhóm người mục tiêu và nhiệm vụ, thì nhóm cần phải củng cố thành một đơn vị chắc chắn theo ba bước sau đây.

Dành thời gian để tập trung xây dựng nhóm. Phải cẩn thận lựa chọn một địa điểm và thời gian thích hợp để xây dựng nhóm. Đó là khi các mối quan hệ, khái tượng và chiến lược được chấp nhận. Các nhóm trải qua một chu kỳ bao gồm sự căng thẳng và xung đột sau giai đoạn trắng mặt (xem chương mười sáu), và điều quan trọng là phải bắt đầu đề cập những khác biệt trước khi áp lực của việc mở mang Hội Thánh xuất hiện. Trong thời kỳ này các thành viên của nhóm sẽ lập một giao ước với nhau và với nhiệm vụ trước mắt. Những ai không thể lập cam kết thì nên cho rút lui một cách nhẹ nhàng. Mặc dù nhóm xác định rõ mục tiêu và đưa ra các quyết định quan trọng, thì cũng không nên vội vàng vạch ra các chiến lược chi tiết và các kế hoạch mục vụ cụ thể một cách thiếu chín chắn. Mà nên đợi đến lúc vào địa điểm và có được những gợi ý cần thiết của những người ở trong nền văn hóa đó.

Xác định những thiếu sót trong sự chuẩn bị. Phao Lô đã giảng Tin lành nhiều năm tại Tạt-sơ, Si-li-xi và Sy-ri trước khi bước vào hành trình truyền giáo lần thứ nhất với Ba-na-ba (Gal 1:15-2:2). Ông đã được chuẩn bị bởi Đức Chúa Trời về ngôn ngữ và sự hiểu biết văn hóa từ lúc thanh xuân. Một số người cộng tác với ông thiếu sự chuẩn bị chu đáo. Đối với những nhân sự xuyên văn hóa chúng tôi khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của việc học ngôn ngữ cách thông thạo, sự hiểu biết về văn hóa thấu đáo và một nền tảng Kinh Thánh vững vàng. Điều này phải được xem là mục vụ đầu tiên, và xác định thời gian và kế hoạch tương ứng. Đối với trường hợp những người mở mang Hội Thánh tại trong đất nước của họ, cho dù cần ít thời gian hơn cho việc này nhưng việc tìm hiểu văn hóa và nhân khẩu học vẫn rất quan trọng. Chúng tôi sẽ nói nhiều hơn về điều đó trong chương sau.

Giao nhiệm vụ cho nhóm. Việc giao nhiệm vụ cho nhóm có một giá trị to lớn về mặt thuộc linh và thực tiễn (Công vụ 13). Nhóm sai phái hứa nguyện hỗ trợ về sự cầu nguyện, tài chính, tinh thần và hậu cần. Nhóm công tác hứa trung thành với Chúa và sự kêu gọi. Giao ước của nhóm có thể được đọc vào lúc này. Có thể cảm nhận được cả sự vui mừng về việc đi theo Đấng Christ và những khó khăn trước mắt. Những người lãnh đạo Hội Thánh đặt tay trên những người được sai đi (Công vụ 13:3) như là một sự phó thác trách nhiệm, một biểu tượng

của sự biệt riêng và cầu xin sự ban phước và bảo vệ của Đức Chúa Trời. Việc này không nên xem như là một nghi thức phải có cũng như sự hứa hẹn ban đầu về sự hỗ trợ và cộng tác.

10

Giai Đoạn Chuẩn Bị
Phần 2

Tìm Hiểu Và Xác Định Chiến Lược

“Giai đoạn chuẩn bị” có liên quan đến việc đặt nền tảng cho công tác mở mang Hội Thánh với sự giao quyền và nhân rộng. Các bước được đề cập trong chương trước xảy ra trước khi nhóm mở mang Hội Thánh đến địa điểm phục vụ. Trong chương này thì nhóm đã ở tại địa điểm. Cách hoạt động được mô tả trong chương này có thể được tóm tắt trong các từ: *tìm hiểu* và *xác định chiến lược*. Những nhiệm vụ này đòi hỏi nhóm công tác phải ở tại địa điểm.

Nhiều mục vụ thất bại bởi vì chúng được xây dựng trên những nền tảng không đầy đủ về nhận thức, quan điểm và quan hệ. Trừ phi các thành viên của nhóm sống giữa nhóm dân họ được kêu gọi để tiếp cận, họ sẽ không đi xa được trong nhiệm vụ mở mang Hội Thánh. Đây là lúc thường xảy ra cú sốc về văn hóa. Đây là một giai đoạn phục vụ và hy sinh đòi hỏi một quyết tâm về sự hiện diện, phục vụ tận tâm và học hỏi kỹ càng.

Tổng Quan Về Giai Đoạn

Các điển hình Kinh Thánh

Công vụ 13-18: Những khác biệt trong cách tiếp cận và giảng dạy cho người Do Thái, người cải đạo và người Hy Lạp.

Công vụ 14-20: Những người đáp ứng lại Phúc âm trở thành cầu nối và chủ nhà cho các nhóm học Kinh Thánh.

Công vụ 17:23-29: Phao Lô chứng tỏ một sự hiểu biết về triết học Hy Lạp (trích dẫn Xtô-xi-en và Ê-pi-cu-riên)

Tân ước được bối cảnh hóa, một tiến trình chứng tỏ sự quan tâm về văn hóa và khả năng làm cho Phúc âm phù hợp với những người nghe và tình huống khác nhau (Flemming 2005).

Các bước chính

1. Học hỏi ngôn ngữ và văn hóa (nếu cần)
 2. Nghiên cứu bối cảnh văn hóa, tôn giáo, xã hội và nhân khẩu học
 3. Xác định chiến lược truyền giáo và mở mang Hội Thánh
 4. Xây dựng các mối quan hệ, tham khảo ý kiến những người khác
 5. Cùng cố nhóm, xác định rõ vai trò, tiếp nhận sự huấn luyện
 6. Phát họa một chương trình mở mang Hội Thánh
-

Các vấn đề chủ yếu

1. Tìm hiểu về nhóm người mục tiêu
 2. Phát hiện các vai trò bổ sung của nhóm
 3. Dựa vào kết quả nghiên cứu để lập ra một dữ liệu về nhóm người mục tiêu và chiến lược thâm nhập
 4. Phát hiện nhóm người dễ tiếp nhận, người giữ cửa, và “người đáng nhận sự bình an”
 5. Giảng dạy và tư vấn về môn đồ hóa theo những cách phù hợp với bối cảnh
 6. Lập kế hoạch hình thành một nhóm nòng cốt và những người tập sự địa phương
-

Học Hỏi Ngôn Ngữ Và Văn Hóa

Phần lớn những người mở mang Hội Thánh làm việc trong nền văn hóa của họ, và kết quả là họ nói ngôn ngữ và cảm nhận như ở tại quê hương. Nhưng thậm chí khi một người làm việc trong nền văn hóa bản địa của mình, thì việc truyền bá Phúc âm vẫn có một thách thức. Một người trở thành Cơ đốc nhân càng lâu, thì người đó càng có khuynh hướng xa rời với văn hóa chung và chuyển sang văn hóa Cơ đốc. Do vậy rất dễ mất sự gần gũi với nhóm người mà người đó cố gắng tiếp cận hoặc nhận thức sai về nhu cầu, lối sống và thế giới quan của họ.¹ Ngày nay thế giới quan thay đổi với nhịp độ ngày càng gia tăng. Các nhóm khác nhau về văn hóa, giai cấp, thế hệ, giáo dục và kinh tế xã hội trong cùng một nền văn hóa có thể có các giá trị, niềm tin và nguyện vọng riêng biệt. Vì lý do này, tất cả những người mở mang Hội Thánh phải nghiên cứu cẩn thận và thân thuộc với nhóm người mục tiêu, dù không phải là hoạt động ở một nền văn hóa khác.

Một số người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa làm việc thông qua các thông dịch viên lúc đầu. Tuy nhiên, trong phần lớn các trường hợp điều quan trọng là họ phải thông thạo ngôn ngữ của nhóm người mục tiêu. Ít nhất một năm học ngôn ngữ trọn thời gian là đòi hỏi bình thường để học một ngôn ngữ mới, những ngôn ngữ khó hơn thì cần có thời gian lâu hơn. Trong thời gian này, các mục vụ bằng tiếng mẹ đẻ (không phải bằng ngôn ngữ mới) nên giữ ở mức tối thiểu để khỏi mất công sức cho việc chuyển đổi ngôn ngữ. Ngôn ngữ sẽ là nền tảng cho việc giao tiếp với nhóm người mục tiêu không chỉ trong việc truyền giáo mà còn cho sự giảng dạy, phát triển lãnh đạo và huấn luyện. Hơn nữa, ngôn ngữ là chìa khóa để hiểu được thế giới quan, cách suy nghĩ, thói quen và cách thể hiện của nhóm người mục tiêu.

Thực Tập

Sau khi đã đạt được mức độ thông thạo về ngôn ngữ đáng kể, các thành viên của nhóm thường phải hoàn tất một khóa thực tập dưới sự hướng dẫn của một mục sư trong nước hoặc làm việc với tư cách một người tập sự bên cạnh một người mở mang Hội Thánh khác.² Họ có thể thực tập trong các Hội Thánh địa phương khác ở gần nhau và tập trung lại để so sánh và lập kế hoạch. Việc thực tập này cho phép người học nâng cao khả năng làm việc bằng ngôn ngữ mới, sự nhận thức về nền văn hóa của người bản địa, xây dựng các mối quan hệ với người địa phương, và phát triển mục vụ phù hợp về mặt văn hóa và các kỹ năng của đời sống.

Nhiều người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa đã có kinh nghiệm trong vai trò lãnh đạo Hội Thánh hoặc doanh nghiệp tại quê nhà của họ từ trước. Họ thường muốn lãnh đạo, dạy dỗ và giải quyết các nan đề xã hội mà không học hỏi, tìm hiểu và yêu thương những người mà họ đến để phục vụ trước. Oscar Muriu giải thích các yếu tố được xem là điểm mạnh trong một nền văn hóa có thể không thích hợp trong một nền văn hóa khác như sau: “Người Mỹ luôn luôn bước vào từ bên trên. Bởi vì họ có nguồn lực dồi dào, họ đại diện cho một nền văn hóa lớn ... Người Mỹ đến Châu Phi, và họ muốn đồng hóa Châu Phi. Nhưng bạn không thể đồng hóa Châu Phi. Điều đó rất phức tạp. Và điều đó thực sự làm nản lòng người Mỹ. Và những hiểu biết bạn được dạy ở trường trở thành một sự rửa sả trên cánh đồng. Tôi thường nói với các giáo sĩ người Mỹ là ‘Khi người Mỹ nói thì cuộc đối thoại chấm dứt’” (2007, 1).

¹ *Thế giới quan* được định nghĩa là “hệ thống quan điểm nền tảng về nhận thức, tình cảm và đánh giá của một nhóm người về bản chất của thực tiễn mà họ sử dụng để điều hướng cuộc sống của mình” (Hiebert 2008, 25-26).

² Trong các tình huống tiên phong nơi Hội Thánh Tin lành đầu tiên được thành lập tại một vùng và không có sự hướng dẫn của các tín hữu địa phương và các giáo sĩ có kinh nghiệm, thì các nhân sự mới có thể học hỏi những điều bổ ích từ những người thuộc nền văn hóa địa phương trong giai đoạn này. Sau đó họ cần nhẫn nại để làm việc với các tín hữu mới trong việc thành lập cộng đồng Cơ đốc địa phương đầu tiên.

Đọc Về Lịch Sử Và Văn Hóa

Cần cung cấp những tài liệu cần đọc để định hướng những người mở mang Hội Thánh mới; những ý sau đây có thể giúp người mở mang Hội Thánh lập ra một kế hoạch đọc. Con người là sản phẩm của quá khứ và không thể hiểu được họ nếu tách rời với những kinh nghiệm của họ. Họ được in đúc bởi các sự kiện cũng như địa thế của họ. Khi họ sống trải qua các khủng hoảng và chiến thắng thì họ phát triển nhận thức, kí ức và những giá trị chung. Ví dụ, sự đối lập về địa hình giữa Mê-hi-cô và Mỹ: “Vùng đất của Hiệp Chúng Quốc thì hầu hết là giàu có, và đối với lịch sử ngăn ngui của đất nước, dường như vô tận. Vì vậy, bất cứ người nào cũng có thể tìm được cơ hội cho mình trong thế giới này. Cơ hội luôn có cho mọi người. ... Lịch sử của người Mê-hi-cô hoàn toàn khác. Vùng đất của họ là nơi ở trong nhiều thế kỷ của hàng trăm bộ tộc luôn tranh chấp với nhau (thậm chí ngay nay có khoảng 150 ngôn ngữ khác nhau tại Mê-hi-cô); không có một ‘vùng biên’ nào.” (Condon 1997, 3). Lịch sử cũng có thể cung cấp một số hiểu biết. Ví dụ, tại nhiều nước Châu Mỹ La Tinh, đặc biệt là Mê-hi-cô, có một sự phân cực giữa những người tự do và những người Công giáo bảo thủ trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Những người tự do, muốn phá vỡ thế lực của giáo hội Công giáo, đã cho phép Hội Tam Điểm và Tin Lành được thành lập trong một số vùng, và cho đến ngày nay một số trong những vùng đó có tính cởi mở và dễ tiếp nhận Phúc âm hơn.

Dù việc nghiên cứu về lịch sử và văn hóa vẫn còn chung chung vào lúc này, nhưng nó giúp cho người mở mang Hội Thánh nghiên cứu về nhóm người mục tiêu và định ra một chiến lược truyền giáo. Ít nhất là một tài liệu về nguồn gốc của nhóm người mục tiêu phải được đọc ở giai đoạn này. Các thông tin về văn hóa cũng có thể được tìm thấy trong các báo cáo, thư từ, tập san, báo chí và tài liệu lưu trữ của chính phủ. Cuốn sách *Mở Mang Hội Thánh Tại Các Cộng Đồng Đô Thị, Nông Dân Thiểu Số Và Băng Nhóm* (nguyên tác là *Incarnational Ministry: Planting Churches in Band, Tribal Peasant, and Urban Societies*) của Paul Hiebert và Eloise Hiebert Menese là một tài liệu có giá trị đặc biệt để tìm hiểu về văn hóa, cơ cấu xã hội và những vấn đề liên quan trong việc mở mang Hội Thánh; nó xứng đáng được đọc cách cẩn thận. Nó có thể được dùng để thảo luận khi nhóm mở mang Hội Thánh tiến hành việc nghiên cứu để tiến tới xác định chiến lược tiếp cận cách hiệu quả nhóm người mục tiêu.

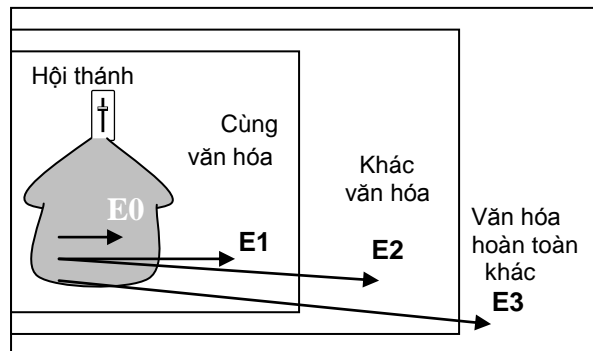
Nghiên cứu bối cảnh văn hóa, tôn giáo, xã hội và nhân khẩu học

Các Lý Do Phải Nghiên Cứu Nhóm Người Mục Tiêu

Một số người bỏ qua việc nghiên cứu nhóm người mục tiêu vì cảm thấy có sự khẩn cấp về nhiệm vụ. Các thành viên của nhóm có thể cảm thấy rằng việc nghiên cứu nhóm người mục tiêu là không thực tế và lãng phí thời gian. Nhưng việc mở mang Hội Thánh thành công luôn luôn đòi hỏi một sự hiểu biết căn bản về nhóm người đang được tiếp cận.

Điều này trở nên rõ ràng khi có khoảng cách lớn về mặt văn hóa, nhưng người mở mang Hội Thánh cũng cần hiểu về nhóm người mục tiêu của mình khi họ tiếp cận một nền văn hóa tương tự, nhóm khác thế hệ, hoặc một giai cấp khác. Hình 10.1 nêu ra ba kiểu truyền giáo cần thiết để hoàn thành Đại mạng lịnh: truyền giáo cho những người ở gần trong cùng nhóm văn hóa (E1), truyền giáo cho những người có nền văn hóa tương tự nhưng khác nhóm (E2), và truyền giáo cho một nhóm khác về văn hóa hoàn toàn (E3; Winter và những người khác 1999). Những người mở mang Hội Thánh phải đánh giá xem thử khoảng cách về văn hóa là

Hình 10.1
Khoảng Cách Văn Hóa Là Vật Cản
Của Sự Truyền Bá Phúc Âm



Nguồn: Winter, 1999

lớn hay nhỏ và phát triển cách tiếp cận truyền giáo của họ tương ứng. Đây là qui luật quan trọng đối với những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa: thời gian mà bạn cần phải bỏ ra để tìm hiểu về văn hóa tương ứng trực tiếp với khoảng cách văn hóa giữa bạn và những người mà bạn cố gắng tiếp cận. Và khoảng cách đó càng lớn thì càng đòi hỏi sự khiêm nhường, tình yêu và sự kiên nhẫn như Đấng Christ nhiều hơn trong đời sống bạn và đời sống của những tín hữu địa phương.

Có nhiều lý do phải nghiên cứu về nhân khẩu học và dân tộc học. Thứ nhất, sự hiểu biết làm thay đổi sứ giả. “Văn hóa là linh hồn của ... đất nước” (Morin 1994, 579). Một người nam tìm cách hiểu ý trung nhân của mình bởi vì anh ta yêu nàng, và sự thành công thực sự trong sự tìm hiểu xuất hiện khi người đeo đuổi mở được tấm lòng của nàng và có mối tương giao mật thiết. Nghiên cứu văn hóa không chỉ là một hoạt động trí tuệ hay là một phương tiện để truyền giáo. Nó phải di chuyển, thay đổi và đem chúng ta đến một mức độ đánh giá sâu sắc về nhóm người mục tiêu, giúp cho chúng ta hiểu rõ và quan tâm đến con người làm cầu nối cho Phúc âm.

Thứ hai, sự hiểu biết là cần thiết để xây dựng mối thông công và quan hệ hiệu quả. Lý thuyết truyền thông nhấn mạnh nhu cầu phải phân tích về thánh giả. Khi những người mở mang Hội Thánh bước vào thế giới của một nhóm văn hóa khác như những sứ giả xuyên văn hóa, thì hành động và lời nói của họ sẽ được hiểu theo góc độ nhận thức của *người nghe*. Dĩ nhiên, sứ điệp là hoàn toàn trong sáng, và trung thành về ý nghĩa được chuyển tải, nhưng vẫn không ai nghe được bởi vì chúng là được mong đợi. Chúng có thể bị người nghe tránh né hoàn toàn, giải thích sai, hoặc xem thường. Những người mở mang Hội Thánh phải làm quen với những khái niệm quan trọng về sự truyền thông xuyên văn hóa có hiệu quả.³

Duane Elmer (2002, 64-65) so sánh việc xâm nhập vào một nền văn hóa mới với việc tham gia một trò chơi mới với những luật mới. Những tương đồng bên ngoài giữa hai nền văn hóa có thể gây ngộ nhận. Ví dụ, bóng chày và cri-kê đều sử dụng quả bóng và vợt, nhưng một cầu thủ bóng chày điêu luyện sẽ thất bại ở môn cri-kê trừ phi anh ta học các luật của môn chơi và phát triển các kỹ năng cần thiết để chơi nó. Cũng vậy, những người bước vào một nền văn hóa mới không thể cho rằng những kỹ năng giao tiếp hoặc quan hệ trong nền văn hóa mẹ đẻ của họ sẽ có hiệu quả trong nền văn hóa mới. Họ phải học những luật lệ, tiêu chuẩn và kỹ năng cần thiết khác để có hiệu quả trong bối cảnh mới.

Thứ ba, sự hiểu biết là cần thiết để làm cho sứ điệp Phúc âm và chân lý Kinh Thánh trở nên có ý nghĩa đối với người nghe. Nó phải được trình bày theo cách, cả bằng lời nói và điệu

³ Ví dụ, xem Elmer 1993, 2002, và 2006; Hesselgrave 1991; Lingenfelter và Mayers 2003.

bộ, có thể hiểu được. Sự truyền thông có hiệu quả đòi hỏi phải quan tâm đến thế giới quan, khả năng hiểu nhằm và chống đối của người nghe (xem Hiebert 2008). Một trong những nhiệm vụ của bối cảnh hóa là làm cho sứ điệp có ý nghĩa – nghĩa là, dễ hiểu chứ không phải dễ chấp nhận. Văn hóa kết hợp trong nó một hệ thống ý nghĩa chung bao gồm thế giới quan, các giá trị và các kiểu mẫu nhận thức được học hỏi, thay đổi, duy trì và xác định trong bối cảnh tương tác của con người. Sự truyền thông đạt kết quả khi người nghe (1) hiểu được sứ điệp và (2) đáp ứng lại chân lý về Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-xu Christ dựa trên sự hiểu biết đầy đủ, dù đáp ứng tích cực hay tiêu cực.

Các Cách Tiếp Cận Trong Việc Nghiên Cứu Nhóm Người Mục Tiêu

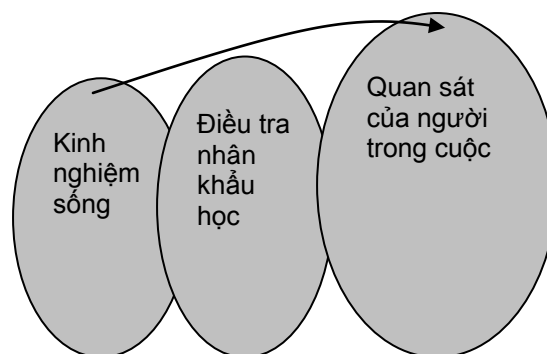
Juan sinh trưởng trong một gia đình trung lưu người Cu-ba tại Miami, nơi mà sự thăng tiến về mặt xã hội (khả năng cải thiện chỗ đứng về mặt kinh tế xã hội của một người trong xã hội) là bình thường.⁴ Bây giờ ông ta là một giáo sĩ được phân công mở một Hội Thánh tại một thành phố ngoại ô của Tegucigalpa, Honduras. Ông đã biết ngôn ngữ và nóng lòng nói về tình yêu của Đức Chúa Trời cho những người đang bị tổn thương. Khi chia sẻ Phúc âm thì ông nhấn mạnh về cách Đức Chúa Trời có thể ban sự sống đời đời và ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta trong hiện tại tại bất kể hoàn cảnh khó khăn như thế nào.

Ricardo, một công nhân Honduras, đang sống từng ngày trong một nền văn hóa mang tính định mệnh mà sự thăng tiến hầu như không thể có được. Mong ước chủ yếu của anh ta là được ăn thịt ít nhất là vào cuối tuần, và có giày cho các con để chúng có thể đi học. Anh không nghi ngờ gì về sự tồn tại của Đức Chúa Trời. Câu hỏi của anh ta là “Đức Chúa Trời sẽ làm gì để cung cấp một bữa ăn tối thơm mát cho chúng tôi?” Làm thế nào để Juan bắt đầu quá trình làm quen với Ricardo và những người khác tại thành phố đó? Ông phải làm gì trước khi nói với họ về Đức Chúa Trời? Juan phải làm tốt việc quan sát đời sống tại thành phố bằng cách sử dụng ba lăng kính sau: lăng kính về kinh nghiệm sống, lăng kính về nghiên cứu nhân khẩu học và lăng kính về quan sát của người trong cuộc (xem hình 10.2).

Một khi đã nắm bắt được ngôn ngữ và văn hóa cách đầy đủ, cả ba lăng kính được mô tả trong chương này phải được sử dụng đồng thời (thay vì từng cái một theo tuần tự). Nói cách khác, trong khi Juan làm quen với đời sống tại Tegucigalpa (kinh nghiệm sống), ông ta cũng thu thập và phân tích các thông tin về nhân khẩu học (điều tra về nhân khẩu học). Những quan sát và phát hiện chung của ông sẽ định hình những câu hỏi và thảo luận sau này với những người chung quanh (quan sát của người trong cuộc).

Hình 10.2

Ba Lăng Kính Nhận Thức



⁴ Minh họa này dựa trên sự kiện thực tế nhưng chi tiết đã được thay đổi.

LĂNG KÍNH KINH NGHIỆM SỐNG

Trong sự giảng dạy của các sứ đồ không có một phương pháp hoặc chiến lược nào, cũng không có bất cứ sự trình bày theo hình thức nhất định nào, bởi vì Đức Thánh Linh hướng dẫn các sứ giả hình thành các sứ điệp cho mỗi tình huống nhất định. “Bối cảnh hóa thực sự xảy ra khi có một cộng đồng sống trung thành với Phúc âm và trong sự đồng nhất với những người ở trong tình cảnh thật của họ như chúng ta thấy trong thời gian chức vụ trên đất của Chúa Giê-xu. Khi những điều kiện này được đáp ứng, thì Thánh Linh của Đức Chúa Trời sẽ thực hiện công việc kỳ diệu của Ngài” (Bibby 1987, 154).

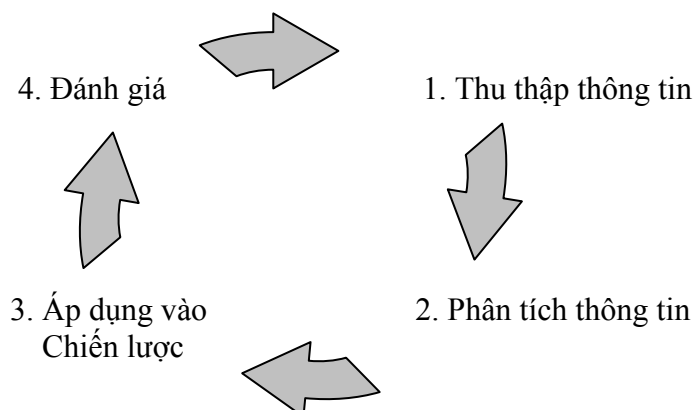
Hội Thánh đầu tiên đã thực hiện bối cảnh hóa Phúc âm. Tương tự như vậy, đối với đại sứ của Đấng Christ trong một thế giới đa nguyên, bối cảnh hóa không phải là một lý thuyết truyền thông, cũng không phải cơ bản là một hoạt động trí tuệ: nó là một kinh nghiệm sống. Sau nhiều thập kỷ làm việc giữa những tầng lớp thấp ở Honduras, bác sĩ y khoa David Harms đã nhận xét: “Khi bạn có thể nhìn thấy thế giới qua đôi mắt của họ, thì bạn có thể làm cho họ biết Đấng Christ.”

Vì vậy, để hiểu và đánh giá một dân tộc thì không có cách nào khác ngoài cách sống với họ. Trước hết phải kinh nghiệm lối sống và những cách giao tiếp trong xã hội của họ và khám phá ở mức độ cá nhân những sự quan tâm, lo lắng, niềm vui, nỗi sợ và niềm tin của họ. Đây là cách mà những người mở mang Hội Thánh, đầy dẫy sự cảm thông và hiểu biết được ban cho bởi Đức Thánh Linh, có thể phát triển một quan điểm của người địa phương qua thời gian. Juan và gia đình của ông đã sống tại thành phố cùng với nhóm người mà họ mong muốn tiếp cận. Trong một số trường hợp thì không thể áp dụng lời khuyên này bởi vì nó có thể không thực tế, không an toàn hoặc vì sự nghi ngờ. Dầu vậy, họ đã dành một khoảng thời gian đáng kể với Ricardo và những người hàng xóm của anh ta và đã phát triển được một sự tin cậy đưa đến một tình bạn lâu dài. Thậm chí Ricardo có thể trở thành người tư vấn về văn hóa và làm người thông dịch cho Juan nếu anh ta thấy rằng động cơ của Juan là cao quý và sứ mệnh của ông ta xuất phát từ tình yêu.

LĂNG KÍNH ĐIỀU TRA NHÂN KHẨU HỌC

Thông tin về nhân khẩu học được sử dụng để mô tả tình hình dân số của nhóm người mục tiêu *từ bên ngoài* và chủ yếu phụ thuộc vào dữ liệu điều tra về số lượng. Những người mở mang Hội Thánh khảo sát nhiều yếu tố và sử dụng nhiều công cụ khác nhau như điều tra mẫu cách ngẫu nhiên, câu hỏi thăm dò, hoặc số liệu thông kê. Để tránh đường mòn theo kiểu con thỏ, họ bắt đầu với những tham số cụ thể và những câu hỏi đặc biệt cần được trả lời. Một sự chú trọng quá hẹp có thể làm mất những thông tin giá trị, nhưng không có trọng tâm thì sẽ lãng phí nhiều thời gian và sức lực. Hình 10.3 vạch ra một tiến trình do chúng tôi đề nghị: (1) thu thập dữ liệu, (2) phân tích dữ liệu, (3) áp dụng vào chiến lược, và (4) đánh giá.

Hình 10.3
Tiến Trình Của Việc Điều Tra Nhân Khẩu học



Những bước này có thể được lặp lại theo chu kỳ, bởi vì các thông tin về nhân khẩu học cần phải được xem lại và cập nhật theo từng thời kỳ. Việc đánh giá và xem xét lại có thể làm nảy sinh những câu hỏi mới đưa đến việc điều tra mở rộng. Tại nhiều quốc gia các báo cáo thống kê được thực hiện mỗi bốn hoặc năm năm, cung cấp một chu kỳ nghiên cứu và xem xét về nhân khẩu học. Bảng 10.1 cung cấp các kiểu dữ liệu về nhân khẩu học có thể giúp ích cho người mở mang Hội Thánh.

Bảng 10.1
Thông Tin Về Nhân Khẩu Học Hữu Ích Đối Với Người Mở Mang Hội Thánh

Tăng/giảm dân số	Sinh học: số sinh/số chết Di chuyển: số người đến hoặc đi khỏi cộng đồng Có nhà hoặc không nhà Những kế hoạch phát triển tương lai (nhà mới, công nghiệp, ...)
Gia đình	Tỷ lệ theo các độ tuổi khác nhau (trẻ em, người lớn) Kích cỡ của gia đình Số người trong một hộ gia đình Độc thân, kết hôn, li hôn
Kinh tế	Thu nhập bình quân một gia đình Tiêu chuẩn sống Hoạt động thương mại, công nghiệp, nông nghiệp trong cộng đồng Các loại nghề nghiệp chủ yếu Tỷ lệ thất nghiệp Các trợ giúp cho người nghèo và người thất nghiệp Vận tải, thương mại, du lịch
Giáo dục	Trình độ văn hóa Tỷ lệ biết chữ (bao gồm mù chữ về chức năng) Trường học và các cơ quan giáo dục sau trung học Tình trạng thư viện, giáo dục thường xuyên cho người lớn
Xã hội/chính trị	Các nhóm chủng tộc Các nhóm ngôn ngữ Các nhóm văn hóa Người tị nạn, người di cư, người nước ngoài không khai báo Các đảng phái chính trị, sự thay đổi quyền lực Các dịch vụ xã hội Tình hình chăm sóc sức khỏe (bệnh viện, phòng khám, cửa hàng dược phẩm)
Tôn giáo	Sự liên kết về tôn giáo Các hoạt động tôn giáo Niềm tin Các tổ chức tôn giáo: nhà thờ, nhà chùa, đền thờ

Đôi khi các cơ quan chính phủ, các phòng thương mại, các trường đại học và các tổ chức phi chính phủ (như UNESCO) tiến hành việc nghiên cứu và xuất bản các tài liệu hữu ích về nhân khẩu học có thể tham khảo trong các thư viện hoặc trực tuyến, hoặc nhận được tại các văn phòng. Nhiều báo cáo được xuất bản ngay sau khi hoàn thành việc thống kê. Có thể phải kiên trì mới tìm thấy chúng, nhưng cũng rất xứng đáng. Tại Hoa kỳ nhiều dịch vụ chuyên

nghiệp, có thu phí, cung cấp thông tin về các cộng đồng cụ thể. Các tổ chức truyền giáo như Dự án Caleb tiến hành “các cuộc thám hiểm” để cung cấp thông tin về các nhóm bộ tộc hoặc các địa điểm và cách tốt nhất để tiếp cận và truyền bá Phúc âm cho họ. Dưới đây là một số nguồn thông tin sẵn có:

- Các văn phòng chính phủ
- Phòng thương mại
- Thư viện và trường đại học
- Các tổ chức phi chính phủ (NGOs)
- Dịch vụ điều tra chuyên nghiệp
- Báo chí
- Dữ liệu internet
- Các tổ chức của giáo hội hoặc cơ quan truyền giáo
- Phỏng vấn các lãnh đạo cộng đồng

Đặc biệt có ích khi so sánh số liệu thống kê từ các năm khác nhau và rút ra những kiểu mẫu. Những kiểu mẫu đó thường cho thấy các xu hướng. Ví dụ, Kirk Hadaway nghiên cứu sự tăng trưởng của Hội Thánh trong năm thành phố khác nhau tại Hoa Kỳ. “Những phát hiện của chúng tôi chứng tỏ rằng phần lớn sự tăng trưởng hoặc giảm sút của Hội Thánh vùng đô thị có nguyên nhân từ sự thay đổi các đặc điểm của bối cảnh. Sự tăng hay giảm dân số là yếu tố quan trọng nhất, tiếp theo là sự thay đổi chủng tộc, các tầng lớp xã hội, và tỷ lệ trẻ em trong khu vực” (Hadaway 1982, 548).

Cần phải luôn luôn quan tâm đến sự chính xác hoặc sự đáng tin cậy của thông tin được cung cấp từ các nguồn khác nhau. Nói chung có một động cơ đằng sau sự điều tra định hình cách thức tổng hợp và trình bày dữ liệu. Chính phủ có thể thay đổi dữ liệu để làm cho hoạt động của chính phủ được ưa chuộng. Công nghiệp hoặc thương mại có thể cố gắng làm cho sự việc đầu tư hoặc khả năng kinh doanh mới có vẻ hấp dẫn, và các tổ chức phi chính phủ có thể nhấn mạnh đến những con số có thể giúp cho họ củng cố được tài chính. Dữ liệu về các hoạt động về tôn giáo thường không nói gì về niềm tin hay hoạt động thực tế và có thể bị cố ý làm sai lệch để làm hài lòng tôn giáo chính. Vì lý do này mà khi nào có điều kiện thì nên sử dụng và so sánh nhiều nguồn thông tin cùng với sự khảo sát và phỏng vấn.

Tại một số nơi trên thế giới thì các dữ liệu về nhân khẩu học không được công bố. Trong tình huống đó, nhóm mở mang Hội Thánh có thể tiến hành sự điều tra về nhân khẩu học riêng cho mình bằng cách sử dụng sự khảo sát và phỏng vấn. Nhóm mở mang Hội Thánh phải nhận biết rằng việc điều tra nhân khẩu học từ đầu là rất khó thực hiện cho tốt.⁵ Chúng tôi cất lực phản đối việc sử dụng các cuộc điều tra lấy ý kiến để mở đầu cho việc chứng đạo. Việc tiếp cận mọi người dưới vỏ bọc khảo sát mà động cơ chủ yếu là truyền giáo và dữ liệu thu thập được sẽ không sử dụng là không hợp đạo lý. Có nhiều cách sáng tạo khác để lôi kéo mọi người vào sự thảo luận về Cơ đốc giáo. Trong quá trình tiến hành việc điều tra thì điều tra viên có thể hỏi xem thử người trả lời có quan tâm đến việc tiếp nhận thông tin không, nhưng đó không phải là mục tiêu chủ yếu của việc điều tra.

Mặc dù rất khó để thực hiện việc điều tra lấy ý kiến đối với những nhóm dân đông, nhưng thông tin hữu ích về các cộng đồng nhỏ có thể nhận được thông qua các cuộc điều tra không chính thức. Ví dụ, tại Đức các nhóm sinh viên của chủng viện thực hiện việc khảo sát tại nhà để phát hiện nhu cầu của cộng đồng và làm thế nào Hội Thánh có thể chú ý đến những nhu cầu đó. Các bước tiến hành như sau:

⁵ Bởi vì những thông tin như vậy thường rất nhạy cảm, nhóm mở mang Hội Thánh phải bảo đảm rằng các phương pháp điều tra sẽ không bị vi phạm luật hoặc gây nên sự nghi ngờ có thể phá hoại nỗ lực lâu dài của nhóm. Tiến hành khảo sát qua điện thoại hoặc đến từng nhà mà không nghiên cứu trước cách làm sẽ có những dữ liệu nghèo nàn và sai lệch.

1. *Lập kế hoạch khảo sát.* Lập một bảng câu hỏi ngắn với một mục đích khảo sát cụ thể trong trí. Chỉ dùng những câu hỏi đem lại thông tin hữu ích. Các câu hỏi mở như “Theo bạn thì nhu cầu lớn nhất trong cộng đồng này là gì?” có tác dụng mở ra một cuộc đối thoại dài và thu được nhiều ý kiến về sự quan tâm, cảm nhận và kinh nghiệm của cộng đồng. Những câu hỏi ngắn như “Bạn có Kinh Thánh ở nhà không?” cho những thông tin cần thiết để phân tích sau này.
2. *Chiến lược khảo sát.* Vẽ sơ đồ vùng lân cận và chọn ngẫu nhiên các khu vực cần khảo sát. Lập kế hoạch tiến hành khảo sát. Xác định các nhóm, định hướng và thời gian biểu.
3. *Thư giới thiệu.* Các thư có in tên Hội Thánh được gửi đến các cư dân của các vùng đã chọn lựa thông báo rằng các sinh viên sẽ tiến hành một cuộc khảo sát lấy ý kiến khoảng mười phút vào một thời gian nào đó. Việc này sẽ làm cho những người được điều tra bớt nghi ngờ và gia tăng sự hợp tác. Lá thư nói rõ thông tin sẽ được dùng để giúp Hội Thánh mới nhận biết những nhu cầu và quan tâm của người địa phương, những người điều tra sẽ không cố gắng bán hoặc xin điều gì, và bảo đảm sự riêng tư của tất cả người được điều tra.
4. *Định hướng.* Các sinh viên được hướng dẫn cẩn thận về cách tự giới thiệu và bảo đảm bí mật cho người cung cấp thông tin, về cách ghi lại những câu hỏi mở (một người đặt câu hỏi và một người khác ghi lại chính xác câu trả lời), và cách kết thúc cuộc phỏng vấn (cảm ơn người trả lời và ghi lại kết quả).
5. *Tiến hành khảo sát.* Nhóm được khích lệ câu nguyện trước và trong khi tiến hành khảo sát. Rồi vào ngày đã định trước các sinh viên đi từng đôi một đến từng nhà để tiến hành khảo sát. Họ ra đi vào các thời gian khác nhau trong ngày (để có thể gặp được mọi người với những thời gian biểu khác nhau), và ở những nơi không có ai mở cửa trong lần đầu thì họ sẽ quay lại một lần khác. Thường thì có cả nam lẫn nữ trong nhóm để người trả lời cảm thấy dễ chịu khi trả lời. Địa chỉ và thời gian của mỗi lần phỏng vấn được ghi lại vào một tờ riêng.
6. *Phân tích và sử dụng.* Sau khi thu thập và phân tích dữ liệu, nhóm điều tra vạch ra mối liên quan của việc khảo sát đối với công tác truyền giáo và mục vụ của Hội Thánh. Những người trả lời tiếp xúc lần thứ nhì trừ khi họ yêu cầu.

Dữ liệu từ những cuộc điều tra không chính thức như vậy không thể khái quát để mô tả tình trạng của một nhóm dân, nhưng nó có thể cho thấy một số điểm trong suy nghĩ và nhận thức của con người rất hữu ích cho chiến lược của mục vụ. Ví dụ, trong một cuộc nghiên cứu kiểu như vậy người ta khám phá rằng một cộng đồng đang phát triển có rất ít hoạt động dành cho trẻ em và thanh niên. Rồi Hội Thánh tiến hành mở các câu lạc bộ Kinh Thánh cho trẻ em, và có rất nhiều trẻ em không đi nhà thờ đã đến tham dự các câu lạc bộ đó, tiếp theo là mở các nhóm học Kinh Thánh cho các bậc cha mẹ.

LĂNG KÍNH QUAN SÁT CỦA NGƯỜI TRONG CUỘC

Quan sát của người trong cuộc là một nguyên tắc được sử dụng trong việc nghiên cứu về dân tộc học. Chúng tôi thấy rằng việc đọc lịch sử và văn hóa cung cấp về những hình thức suy nghĩ và thái độ tổng quát, trong khi điều tra về nhân khẩu học có thể giúp chúng ta lập một bảng mô tả về nhóm người mục tiêu. Mục đích của việc nghiên cứu về nhân khẩu học là để có một hiểu biết sâu hơn về hành vi, các giá trị và thể giới quan của một nhóm người từ quan điểm của một người trong cuộc. “Nghiên cứu về dân tộc học là một công việc lý thú. Nó cho thấy những gì người ta suy nghĩ và cho chúng ta thấy ý nghĩa văn hóa người ta sử dụng hàng ngày ... Dân tộc học cho chúng ta cơ hội để bước ra khỏi chủ nghĩa vị chủng của mình, dù chỉ một thời gian ngắn, và nhận thức thể giới từ quan điểm của những người khác là những người sống trong những hệ thống mang ý nghĩa khác” (Spradley 1980, vii-viii).

Nghiên cứu về dân tộc học giúp người điều tra tập trung vào một nhóm người mục tiêu cụ thể hơn. Phần lớn các nền văn hóa hiện đại đều không có thuần chủng; mà ngày càng phức tạp, giống như trò chơi ghép hình. Các xã hội vùng đô thị, với sự nhập cư của những người nông thôn, ngày càng mang tính đa cực – có nhiều chủng loại văn hóa với các chủng tộc, thế giới quan, hệ thống giá trị và giai cấp khác nhau tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau. Các đặc điểm vùng nông thôn và giáo dục hiện đại đan xen với những tư tưởng hậu hiện đại tại nhiều trường đại học. Các tầng lớp cao có giáo dục thì thường lạc quan hơn và ngày càng mang tính

Bài học thực tế 10.1

Sử Dụng Nghiên Cứu Về Nhân Khẩu Học Để Chọn Cộng Đồng Mục Tiêu

Đang lúc thực hiện việc chuẩn bị cho việc mở một Hội Thánh tại một thành phố Munich, thông tin về nhân khẩu học cho thấy rằng một nửa các gia đình là những gia đình chỉ có một người. Vì vậy mục vụ đối với những người độc thân, ly hôn hoặc góa phụ sẽ chiếm phần lớn trong kế hoạch tổng thể. Hơn nữa một phần năm cư dân của thành phố không phải là công dân Đức, vì thế mục vụ đối với người ngoại quốc sẽ là một phần quan trọng cần phải quan tâm đến. Thông tin chi tiết được thu thập tại nhiều quận khác nhau trong thành phố (sự gia tăng và di chuyển dân số, số lượng người nước ngoài, cơ cấu độ tuổi,...), và điều này được so sánh với số lượng các Hội Thánh Tin lành (nếu có) tại các quận đó. Trên cơ sở thông tin này và những yếu tố khác như kế hoạch mở rộng thành phố về phía Bắc, một quận ở phía nam của thành phố đã được chọn làm địa điểm để mở Hội Thánh.

thể tục, trong khi những người coi trọng truyền thống và có trình độ thấp thì gắn bó với truyền thống, mộ đạo và nghiêng về thuyết định mệnh. Việc nghiên cứu đặc điểm dân tộc học của nhóm người mục tiêu, chỉ đại diện cho một nhóm nhỏ, có thể cho thấy họ phù hợp với toàn thể xã hội như thế nào.

Thông tin về nhân khẩu học cơ bản mang tính *định lượng* – được thể hiện dưới hình thức thống kê, các con số hoặc những thước đo áp dụng cho những bộ phận lớn của dân số – còn những thông tin về dân tộc học thì mang tính *định tính* hơn. Thông tin định tính không có liên quan đến sự khái quát về toàn bộ dân số hoặc các dữ liệu thống kê nhưng được thu thập với mục đích có được sự hiểu biết sâu sắc về những ý nghĩa và những lý do phía sau các hành vi hoặc niềm tin của một nhóm người cụ thể. Khảo sát định tính đặc biệt sử dụng sự quan sát, phỏng vấn hoặc các nhóm mục tiêu⁶ để thu nhận thông tin. Cả hai hình thức khảo sát – định lượng và định tính – đều có ích, nhưng theo các phương diện khác nhau và bổ sung cho nhau.

Những người mở mang Hội Thánh không nên cố gắng trở thành những nhà dân tộc học nghiệp dư, bởi vì dân tộc học là một chuyên ngành riêng biệt đòi hỏi phải được huấn luyện. Tuy nhiên, bằng cách sử dụng *sự quan sát và phỏng vấn* họ có thể nhận được sự hiểu biết có giá trị và biết cách giải nghĩa các hành vi trong phạm vi quan điểm của người trả lời chứ không phải theo cách suy nghĩ của riêng họ. Những người mở mang Hội Thánh phải “xuống đường” và điều tra bằng cách quan sát trực tiếp điều kiện sống, sự giao tiếp xã hội, mua sắm,

⁶ Đừng nhầm lẫn thuật ngữ *nhóm mục tiêu* ở đây với thuật ngữ *nhóm người mục tiêu* của chúng tôi. Nhóm mục tiêu là một nhóm nhỏ những cá nhân được chọn lựa cho mục đích khảo sát. *Nhóm người mục tiêu* là một nhóm chủng tộc hoặc văn hóa mà Hội Thánh sẽ được thành lập trong đó.

học hành, hoạt động thương mại, dự án xây dựng, hoạt động giải trí và các tổ chức tôn giáo. Việc này có thể không cho kết quả định lượng, nhưng nó có thể tiết lộ thông tin có giá trị.

Phỏng vấn có thể được thực hiện để thu nhận thông tin ở mức độ sâu hơn về sự hiểu biết, động cơ và nhận thức của con người. Một cặp vợ chồng mở mang Hội Thánh ở Montreal, Quebec đã lập một bảng câu hỏi đơn giản và phỏng vấn nhiều người lân cận vào giờ uống cà phê chiều thứ bảy hoặc là giờ ăn tối. Những câu hỏi mở đã được sử dụng, và cuộc đối thoại đã diễn ra một cách tự nhiên. Một người đưa ra câu hỏi và một người khác ghi chép. Sau đó họ gặp những thành viên khác của nhóm để so sánh những điều phát hiện được. Một khám phá quan trọng – mà không bao giờ có được từ việc đọc sách – một khám phá quan trọng là sự mâu thuẫn trong cảm nhận của nhiều người trả lời về Công giáo, là tôn giáo chính. Một số người lớn tuổi biểu lộ cảm xúc bị tổn thương cách mạnh mẽ nhưng vẫn tiếp tục đi nhà thờ. Đa số những người Quebec trẻ không còn đi nhà thờ nữa, nhưng rõ ràng nhà thờ vẫn là một phần đặc điểm của họ. Một người đàn ông đã nhận xét: “Mặc dù với tư cách là một người trưởng thành thì tôi phải tách khỏi mẹ mình [giáo hội Công giáo], nhưng người vẫn là mẹ của tôi và không ai được chê bai. Chẳng những tôi không thể hiện đức tin của mình, mà thậm chí còn không quan tâm đến đức tin của người khác.” Một phụ nữ trẻ nói: “Tôi tin Chúa nhưng tôi không biết đặt để Ngài như thế nào trong đời sống của tôi.”

Thái độ mà người phỏng vấn biểu lộ sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của thông tin thu được. Nó giúp để có được sự quan tâm thực sự và tiếp cận mọi người một cách chân thật và khiêm nhường. Cách thức này thường tạo ra sự tin cậy. Người được phỏng vấn có thể tiết lộ những tranh chiến và cảm nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, sẽ không hợp đạo lý khi viện cớ phỏng vấn để chia sẻ niềm tin tôn giáo của mình. Việc đó có thể đến sau, khi người được phỏng vấn biểu lộ ý muốn được biết về nó.

Cũng phải cẩn thận khi giải thích phát biểu của người trả lời phỏng vấn. Những người mở mang Hội Thánh nên ghi lại những quan sát và những câu hỏi xuất phát từ những quan sát đó trong một cuốn nhật ký. Sau đó họ có thể xem lại chúng, so sánh chúng với thái độ hoặc tư tưởng được biểu lộ bởi những người được phỏng vấn khác, và thảo luận chúng với một người cố vấn về văn hóa. Sự chính xác trong việc giải thích đòi hỏi phải đặt qua một bên những giả định, định kiến và những giải thích đã tiếp thu được từ trước. Những người phỏng vấn cần tránh đưa ra những kết luận vội vàng hoặc những nhận xét không có căn cứ. Thay vì mạo hiểm giải thích phát biểu của một người nào đó, thì hãy lên kế hoạch quay lại và hỏi thêm những câu hỏi khác nếu cần.

Đôi khi một nhóm mục tiêu có thể được phỏng vấn như là thay cho toàn thể. Nhóm mục tiêu là một phương pháp được sử dụng trong khảo sát định tính – thường được dùng cho các mục đích marketing: một nhóm người được tập hợp và hỏi về thái độ của họ đối với một ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, hoặc quan điểm. Những câu hỏi được nêu ra trong bối cảnh nhóm tương tác, ở đó những người tham dự được tự do nói với các thành viên khác nhóm. Điều này cho phép được tự do thể hiện, và “suy nghĩ của nhóm” có thể xuất hiện nhờ hiệu ứng thác nước của những ý kiến chung. Phương pháp nhóm mục tiêu khó thực hiện và sử dụng hơn cách phỏng vấn từng người một. Nói chung những người mở mang Hội Thánh chỉ sử dụng cách tiếp cận này khi họ có một người điều phối được huấn luyện và một nhóm những người tham dự sẵn lòng và đủ tiêu chuẩn một cách tự nhiên.

Xác Định Chiến Lược Truyền Giáo Và Mở Mang Hội Thánh

Với kết quả điều tra trong tay, nhóm mở mang Hội Thánh có thể phát thảo một chiến lược truyền giáo và mở mang Hội Thánh phù hợp với nhóm người mục tiêu, có sự quan tâm đến nhu cầu, văn hóa, cơ cấu xã hội, các niềm tin tôn giáo cùng với các yếu tố khác. Một chiến lược thâm nhập là một kế hoạch để đưa các mục vụ khởi đầu cách thích hợp bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời và chia sẻ sứ điệp dựa trên cả nhu cầu nhận biết và nhu cầu thực sự của mọi người. Chiến lược đó phải tính đến các dấu hiệu cơ hội, như sự đáp ứng dễ dàng đối với

Phúc âm, và dự đoán những trở ngại có thể xảy ra, như sự nghi ngờ về động cơ của những người bên ngoài hoặc các lãnh đạo tôn giáo chống lại sự thâm nhập của Cơ đốc giáo.

Chiến lược thâm nhập có thể bắt đầu với phác thảo về *đặc điểm của người đáp ứng* – một mô tả sơ lược về cá nhân và gia đình đặc biệt và những điểm xâm nhập quan trọng cho Phúc âm. Bill Hybels đã phổ biến ý tưởng này bằng việc mô tả về “Harry và Mary,” và Rich Warren mô tả về “Sam của Saddleback” (Warren 1995). Một bản mô tả như vậy giúp cho người mở mang Hội Thánh có thể cá nhân hóa, hình ảnh hóa và nhớ được người mà Đức Chúa Trời kêu gọi nhóm công tác tiếp cận. Phải tập trung vào bốn lĩnh vực chính: (1) nhu cầu nhận biết, (2) những ao ước trong cuộc sống, (3) cách đưa ra quyết định, và (4) các thành phần đáp ứng. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng một bản mô tả như vậy thường có tính tổng hợp về các đặc điểm cá nhân. Không có người nào có tất cả các đặc điểm trong bản mô tả, và mỗi người phải được liên hệ và được hiểu một cách cá nhân.

Nhu Cầu Nhận Biết

Con người đáp ứng cách tích cực khi họ nhận thức được rằng một sứ điệp hoặc dịch vụ được đề nghị tương thích với nhu cầu nhận biết cá nhân. Những nhu cầu đó có thể nằm trong bất kỳ lĩnh vực nào của đời sống mà Phúc âm có thể chỉ rõ. Phúc âm có thể biến đổi cá nhân cũng như đời sống gia đình, đem đến niềm hy vọng và ý nghĩa, và đưa ra giải pháp cho các căn bệnh thuộc linh và xã hội như say sưa, thờ lạy ma quỷ và bạo hành trong nhà. Mọi người quan tâm đến chân lý thuộc linh ở mức độ mà họ thấy sự liên quan của nó đối với đời sống và nhu cầu nhận biết của họ. Trong các xã hội có thể giới quan siêu nhiên, thì nhu cầu nhận biết của một người có thể liên hệ đến các vấn đề thuộc linh và số phận đời đời. Trong các xã hội duy vật, nhu cầu nhận biết thường liên quan đến cảm xúc, vật chất và phúc lợi xã hội của con người.

Khi Chúa Giê-xu gặp gỡ con người, Ngài liên hệ với họ như những cá nhân với những nan đề, mong muốn và lỗi lầm thực tiễn. Nhưng với một cách thức đầy hiểu biết và nhạy cảm Ngài luôn luôn đưa cuộc đối thoại đến một mức độ sâu hơn nhu cầu nhận biết bên ngoài. Đề cập đến những nhu cầu nhận biết có thể là một điểm khởi đầu để chứng minh sự liên quan của Phúc âm đến mọi khía cạnh của cuộc sống. Phúc âm không cung cấp một sự chữa lành cho tất cả các loại bệnh cho đời sống, cũng không bảo đảm việc làm và sự thành công vật chất. Vì vậy cách tiếp cận này không được trở thành một thủ thuật “mồi chài” hấp dẫn. Thay vào đó, chúng ta phải chứng tỏ việc biết về Đấng Christ sẽ chỉ ra một nhu cầu nhận biết cụ thể bằng cách đáp ứng những nhu cầu sâu xa hơn cũng như chỉ ra những nan đề ẩn dấu là tội lỗi và sự phân cách với Đức Chúa Trời. Bằng cách này thì quyền năng của Tin lành có thể bắt đầu công việc biến đổi đồng thời trên nhiều mức độ.

Những Mong Ước Trong Cuộc Sống

Truyền giáo không chỉ đơn giản là phải chính xác, chỉ ra những nhu cầu và bệnh tật. Đấng Christ làm thỏa mãn những mong muốn sâu xa nhất của con người được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Trong các xã hội nặng về chủ nghĩa cá nhân, những mong muốn này thường liên quan đến sự tha thứ, mục đích và ý nghĩa của cuộc sống. Trong những xã hội mang tính tập thể, chúng có thể liên quan nhiều hơn đến việc giải quyết sự ô nhục hoặc tìm kiếm sự hòa hợp trong gia đình, với Đức Chúa Trời, và với cộng đồng.

Tất cả mọi người đều mong ước một cuộc sống tốt hơn, nhưng họ cũng thường có những mong ước sâu xa hơn và cụ thể hơn. Những người đó có thể được nhận biết qua sự đối thoại, đọc và phỏng vấn. Hầu hết các tôn giáo hoặc thế giới quan đều phải đối mặt với những câu

.....

Bài học thực tế 10.2

Giới Thiệu Phúc Âm Cho Những Người Sống Trong Khu Ổ Chuột

Oscar Muriu giải thích cách Hội Thánh Nairobi (đã mô tả trong chương 7) áp dụng chiến lược thâm nhập để mở mang Hội Thánh giữa vòng những người sống trong khu ổ chuột: “Họ không hiểu sự liên hệ đến một bộ phim; ít khi họ được xem phim. Vì vậy, ngôn ngữ xa lạ với họ. Điều họ hiểu, điều thuyết phục họ, là những câu chuyện thật trong cuộc sống và những ví dụ như Chúa Giê-xu đã kể. ... Vì vậy chúng tôi tìm những lãnh đạo biết nói ngôn ngữ của người nghèo, và chúng tôi kết nối những Hội Thánh nghèo với những Hội Thánh giàu hơn và có học thức hơn. Tôi có trách nhiệm tạo nguồn và khả năng cho các Hội Thánh trong khu ổ chuột, và phát triển các mục vụ đem lại phước hạnh cho họ, và để giúp đỡ các thành viên của tôi thật sự hiện diện tại các khu ổ chuột như là một kết quả về sự rộng lượng của chúng tôi. Chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi cần nhau và sẽ làm việc với nhau. Đó không phải là sự nhóm họp chung, nhưng có một mối liên hệ ở đó... Một trong những sinh viên đầu tiên đã đến làm việc bây giờ là một mục sư phụ tá của chúng tôi, và nhiều sinh viên khác đang là mục sư tại các Hội Thánh chúng tôi đã thành lập (Muriu 2007, 1).

.....

 hỏi về sự tồn tại: Vì sao chúng ta ở đây và chúng ta sẽ đi về đâu? Đức Chúa Trời là ai, và làm sao chúng ta có thể biết Ngài một cách cá nhân và sống với Ngài đời đời? Làm sao chúng ta được thoát khỏi nỗi đau gây ra bởi tội lỗi, bệnh tật và sai phạm. Bản mô tả về người đáp ứng trong chiến lược thâm nhập phải mô tả khoảng trống có hình Đức Chúa Trời mà Blaies Pascal nói đến được cảm nhận bởi người nghe như thế nào.

Các Hình Thức Đưa Ra Quyết Định

Tiến trình đưa ra quyết định khác nhau rất nhiều giữa các nền văn hóa tùy thuộc vào điều gì được coi là quan trọng, có tính thuyết phục, hoặc đáng tôn trọng. Chúng cũng chịu ảnh hưởng bởi vai trò của nhóm đối với cá nhân, việc sử dụng luận lý, và quan điểm về thời gian. Các quyết định được đưa ra một cách cá nhân, với tư cách một gia đình, hay trong một nhóm lớn hơn? Nếu chúng được quyết định với tư cách một gia đình hay trong một nhóm lớn hơn, thì tiếp cận với người lãnh đạo của nhóm sẽ được coi là cách khôn ngoan. Đôi khi có các lãnh đạo không chính thức trong một nhóm khác với lãnh đạo thực tế. Không nên xem thường những người này. Giới tính và tuổi tác cũng ảnh hưởng đến việc ra quyết định. Thường thì nên tập trung nỗ lực để tiếp cận người chủ gia đình trước tiên. Khi có nhiều phụ nữ và trẻ em được làm báp têm trước, thì sẽ có một khoảng cách xã hội trong hôn nhân, và việc tiếp cận người chồng sẽ trở nên khó khăn hơn. Cơ đốc giáo có thể được xem như là một mối nguy đối với đời sống gia đình. Mặc dù có thể phải mất nhiều thời gian hơn để người chồng chịu báp têm trong các nền văn hóa *trọng nam*, nhưng một khi người chồng đã tin Chúa thì cả gia đình sẽ cùng đến với Đấng Christ.

Khi những người lãnh đạo của một số xã hội bộ tộc chấp nhận sứ điệp Cơ đốc trước, thì thường có một số lượng lớn những người khác đi theo người lãnh đạo của họ, và một phong trào nhân dân sẽ xảy ra bởi cái được gọi là quyết định “tập thể” (xem bài học thực tế 10.3). “Một phong trào nhân dân xuất phát từ quyết định chung của một số lượng các cá nhân – dù năm hoặc năm trăm – của cùng một nhóm người, giúp cho họ trở thành Cơ đốc nhân mà không bị cách ly với xã hội, vẫn duy trì sự liên hệ đầy đủ với những người thân chưa tin Chúa, nhờ đó giúp cho những nhóm khác trong bộ tộc, sau nhiều năm và sau những chỉ dẫn thích hợp, đi đến một quyết định tương tự và hình thành nên các Hội Thánh Cơ đốc” (McGavran 1980, 335).

“Các giáo sĩ phương Tây, lớn lên trong một nền văn hóa coi trọng chủ nghĩa cá nhân và sự lựa chọn cá nhân, thường hiểu sai các quyết định như vậy. Nhiều người trong số họ yêu cầu mọi người quay trở lại và sau đó đến với Đấng Christ từng người một. Làm như thế là họ nói với mọi người rằng đó là một quyết định không quan trọng, vì chỉ có những quyết định nhỏ được lập bởi từng cá nhân. Hơn nữa, mọi người thường cảm thấy bị từ chối bởi giáo sĩ và quay tôn giáo cũ của họ” (Hiebert và Meneses 1995, 159). Hơn nữa, đôi khi một quyết định tập thể “trở thành Cơ đốc nhân” thật sự là một quyết định để khám phá nhiều hơn về Cơ đốc giáo hoặc thử nghiệm quyền năng của Cơ đốc giáo để chiến thắng tà linh, bệnh tật, hoặc thu

Bài học thực tế 10.3

Quyết Định Tập Thể Trong Các Bộ Tộc

Một điển hình về việc này là kinh nghiệm của Lin Barney giữa vòng người H'mong ở tại Việt nam. Dân tộc của một vùng xa đã mời ông nói với họ về “Đạo của Chúa Giê-xu,” vì vậy ông đã trình bày Phúc âm cho những người nam trong ngôi nhà dài của họ. Sau đó những người nam chia ra thành các nhóm theo thị tộc để thảo luận về đạo của Chúa Giê-xu. Sau khi thảo luận, đưa ra ý kiến tán thành và phản đối, các lãnh đạo của các thị tộc tập họp lại với tư cách là những già làng để quyết định cho cả làng. Cuối cùng, họ bảo với Lin rằng tất cả dân tộc họ đã quyết định trở thành Cơ đốc nhân! (Hiebert và Meneses 1995, 159).

được về vật chất. Hiebert và Meneses nói: “Quyết định được đưa ra trong một xã hội tập thể thường là một quá trình có nhiều bước” (1995, 160). Trong khi chúng ta không thể làm sáng tỏ sự mâu thuẫn trong cách Đức Chúa Trời hoàn thành ý muốn tối thượng của Ngài thông qua các quyết định của con người, chúng ta có thể hiểu và làm việc hòa hợp với yếu tố con người trong tiến trình và không nhất thiết phải ngăn cản điều đó.

Các Thành Phần Đáp Ứng

Một vài nhóm người đáp ứng Phúc âm nhiều hơn một số khác, và trong cùng một nhóm thì một số cá nhân hoặc một số bộ phận sẽ đáp ứng dễ dàng hơn những số khác. Dù mọi người cần được có một cơ hội để nghe Phúc âm, các nhà truyền giáo và những người mở mang Hội Thánh cũng nên ưu tiên đối với những người có sự quan tâm và cởi mở rõ ràng. Trong một ẩn dụ của Chúa Giê-xu, khi những người khách danh dự không đến với bữa tiệc, thì người chủ sai đầy tớ ra đem những người nghèo vào (Lu ca 14:15-23). Phao Lô lưu lại Ê-phê-sô dài hơn những nơi khác, tạm dừng công tác tiên phong, bởi vì Đức Chúa Trời đã mở một cánh cửa đặc biệt cho Phúc âm ở đó (1 Cô 16:8-9).

Tính dễ tiếp nhận là khả năng hoặc xu hướng của một người tiếp nhận một điều gì khác. Nó có thể bao gồm sự cởi mở đối với một tư tưởng mới, đối với sự thay đổi và đối với chân lý thuộc linh từ một nguồn mới. Một trong những thách thức lớn khi một người hoạt động trong vòng những dân tộc ít đáp ứng là làm thế nào để nhận ra ai là người cởi mở và đã được Đức Chúa Trời sửa soạn tâm lòng để tiếp nhận Phúc âm. “Tính dễ tiếp nhận được đo lường, trước hết, bằng những câu hỏi tập trung vào sự hài lòng với cuộc sống như nó vốn có và sự sẵn lòng thay đổi... Một yếu tố thứ hai của tính dễ tiếp nhận là sự cam kết đối với một niềm tin tôn giáo khác lạ. Tính dễ tiếp nhận khác nhau tùy theo sức mạnh của sự cam kết này” (Engel 1977, 49).

Trong các xã hội có tính tập thể, mức độ dễ tiếp nhận của toàn nhóm cần phải được đánh giá. Trong các xã hội coi trọng tính cá nhân, tính dễ tiếp nhận sẽ khác nhau giữa các thành phần nhỏ hơn của nhóm dân, gia đình hoặc nhóm hoặc thậm chí từng cá nhân. Đây là trường

hợp của những người sống trong đô thị, là những người đã lìa xa gia đình và gốc gác của họ. Dưới đây là danh sách những nhóm phổ biến trong các hoàn cảnh sống có thể biểu lộ tính cởi mở đối với sự thay đổi hoặc dễ tiếp nhận một sứ điệp thuộc linh mới:

- Những người trải qua một khủng hoảng cá nhân như sự qua đời của một người thân, ly hôn, hoặc thất nghiệp
- Những người đang trải qua sự thay đổi lớn trong cuộc đời như kết hôn, sinh con, thay đổi nghề nghiệp, hoặc di chuyển từ nông thôn ra thành thị
- Những xã hội trải qua những biến động xã hội lớn như chiến tranh, thiên tai, nạn đói, hoặc sự thay đổi nhanh chóng (như công nghiệp hóa) mà bởi đó thế giới quan cũ không còn có ý nghĩa
- Những người thay đổi nơi cư trú và tách rời với mạng lưới xã hội cũ của họ
- Những nhóm có cấu trúc tôn giáo được tổ chức lỏng lẻo như phần lớn các tôn giáo dân gian
- Những người có các quan điểm xác định về tội lỗi, quá phạm và một Đấng Tạo hóa có thân vị
- Người đã trải qua sự thất vọng lớn với tôn giáo hiện tại của họ
- Các nhóm ngoài lề xã hội và các tầng lớp thấp không có gì để mất và thu được nhiều nhờ sự thay đổi về xã hội hoặc tôn giáo
- Những người trẻ được tiếp xúc những tư tưởng mới như các sinh viên

Bài học thực tế 10.4

Sử Dụng Thông Tin Về Nhân Khẩu Học Trong Chiến Lược Mở Mang Hội Thánh

Khi những kế hoạch ban đầu được lập ra để mở một Hội Thánh tại thành phố Ingolstadt, ở Đức, thông tin nhân khẩu học thu thập được từ phòng thống kê của thành phố đã giúp ích rất nhiều. Ví dụ, người ta khám phá rằng cứ ba người trong thành phố thì có một người là thành viên của câu lạc bộ thể thao. Những người mở mang Hội Thánh quyết định rằng việc gia nhập câu lạc bộ thể thao là một cách tốt để thâm nhập vào mạng lưới xã hội của cộng đồng đó. Cuối cùng một nhóm học Kinh Thánh đã được bắt đầu trong các gia đình của những thành viên của một trong những câu lạc bộ đó, và một người mở mang Hội Thánh đã có thể chăm sóc cho những gia đình của câu lạc bộ đang gặp những khủng hoảng cá nhân.

Thông tin đó cũng cho thấy rằng dân số đang gia tăng tại các tỉnh phía Tây của thành phố, ở đó một cơ sở y tế của khu vực đã được xây dựng. Có những kế hoạch dài hạn về phát triển nhà tại khu vực lân cận. Vì vậy một nhóm học Kinh Thánh đã được mở ra ở đó với các nhân viên của bệnh viện. Bởi vì đa số các thành viên của nhóm nòng cốt làm việc tại bệnh viện khu vực, cho nên họ đã tạo được một điểm thâm nhập rất tự nhiên để truyền giáo cho những nhân viên khác của bệnh viện và các sinh viên y tế. Nỗ lực này đã đem lại kết quả.

Nhưng khu vực này là trung tâm của chính phủ, giao thông, giáo dục và chăm sóc sức khỏe nên dân cư rất khác nhau và trọng tâm được chuyển sang những thành phần khác. Công ty lớn nhất của thành phố là công ty sản xuất ô tô Audi, và công ty lớn thứ nhì là một hãng sản xuất khác. Vì vậy cũng đã có các nỗ lực để tiếp cận các công nhân. Ví dụ, các chiến dịch truyền giáo sử dụng những chiếc lều lớn đặt tại các lễ hội quần chúng đã chứng tỏ rất hiệu quả (người Đức thích đến thăm các lều trại bia, vì vậy địa điểm đó rất quen thuộc và hấp dẫn!).

Người mở mang Hội Thánh đừng bao giờ hạ thấp khả năng của Đức Chúa Trời có thể làm ngạc nhiên và khuấy phục tâm lòng những người không nằm trong bất cứ phân loại nào ở trên. Tuy nhiên, để trở thành người quản lý giỏi các nguồn tài nguyên và thời gian có hạn, nói chung chúng ta sẽ khôn ngoan nếu tập chú vào những người dễ đáp ứng nhất. Cần tập trung những nỗ lực đặc biệt để xây dựng các mối quan hệ với những người đó và chia sẻ Tin lành cho họ.

Xây Dựng Các Mối Quan Hệ Trong Cộng Đồng

Khi các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh phát hiện được một hoặc hai thành phần của nhóm người mục tiêu có biểu hiện dễ tiếp nhận, thì họ nên cố gắng dành ít nhất năm mươi phần trăm thời gian của mình cho những người đó (xem bài học thực tế 10.4). Họ có thể bắt đầu bằng việc thăm xã giao những người lãnh đạo và những người giữ cửa cộng đồng. Trong các xã hội dân chủ, những người lãnh đạo cộng đồng là những công chức và họ sẵn sàng trả lời những câu hỏi cũng như giúp đỡ mọi người thành lập một Hội Thánh mới, miễn là họ được tiếp cận một cách thẳng thắn, thành thật và khiêm nhường. Rất dễ tìm thấy những người này nhờ vai trò chính thức của họ. Bất kể họ là những viên chức được bầu, lãnh đạo giáo dục, công chức, trưởng làng hoặc lãnh đạo tôn giáo, họ cũng sẽ sớm biết rằng có một nhóm tôn giáo mới vừa xuất hiện.

Những người giữ cửa cộng đồng ảnh hưởng đến những người khác theo cách những cách không chính thức họ là những người định hình ý kiến có thẩm quyền về đạo đức trong cộng đồng dù họ không có một vị trí chính thức trong chính quyền. Trong bối cảnh nông thôn thì mọi người tụ họp quanh họ tại nơi công cộng; tại thành phố thì mọi người nghe họ qua radio hoặc tham khảo ý kiến của họ tại văn phòng. Họ nắm vững các vấn đề như nhập cư, nhà cửa, tài chính, và công việc và việc làm. Nếu nhóm công tác nhận được sự giúp đỡ của họ thì cánh cửa sẽ được mở.

Sự chấp nhận của một người giữ cửa thường cho phép một người lạ hoặc một người ở ngoài có được chấp nhận của cộng đồng. Một số người giữ cửa cũng là những người thật lòng

tim kiếm Đức Chúa Trời, như Sê-giút Phao-lút, tổng đốc của đảo Síp, người đã cho mời Phao Lô và Ba-na-ba đến vì ông muốn nghe đạo Đức Chúa Trời (Công vụ 13:7). Chúa Giê-xu đã chỉ dẫn cho các môn đồ khi họ được sai đi là hãy tìm kiếm và ở lại nhà của “người đáng nhận sự bình an” là người tiếp rước họ với lòng hiếu khách (Lu ca 10:5-7). Đây là những người có thiện chí có thể trở thành người bắc cầu cho Phúc âm. Nhóm mở mang Hội Thánh phải chú ý quan sát, tham gia vào sự thảo luận, vào các sự kiện phục vụ cộng đồng, và đặt câu hỏi với những người chung quanh để phát hiện những người có thể trở thành người bắc cầu cho cộng đồng. Trong chương sau chúng tôi sẽ thảo luận nhiều hơn về “người đáng nhận sự bình an” đó.

Quyết Định Vai Trò Và Củng Cố Sự Chuẩn Bị Của Nhóm

Một vấn đề quan trọng trong giai đoạn này là người lãnh đạo nhóm cần cung cấp sự hướng dẫn đúng đắn và vai trò thúc đẩy rõ ràng. Người lãnh đạo cần hướng dẫn các thành viên của nhóm quan tâm đến các ân tứ Thánh Linh, những mong muốn, những khả năng và xác định vai trò cụ thể của họ trong giai đoạn truyền giáo và môn đồ hóa tiếp theo. Giai đoạn này quan trọng đối với sự phát triển nhóm bởi vì các hình thức cầu nguyện chung, hỗ trợ lẫn nhau, đi ra, và đưa ra quyết định được thiết lập. Thời kỳ này các thành viên của nhóm có nhiều thì giờ ở với nhau và các căng thẳng thường xuyên xuất hiện (xem Chu Kỳ Xung Đột Nhóm trong chương 16).

Những tranh chấp phổ biến xuất hiện do thực tế là các thành viên của nhóm có những phong cách và khả năng học hỏi khác nhau. Một số sẵn sàng chuyển đổi mục vụ có kết quả trước những người khác. Một số có thể học ngôn ngữ địa phương và thích nghi nhanh hơn

những người khác. Các thành viên cần phải được khích lệ để chuẩn bị thật tốt; và những người đã sẵn sàng thì nên được cho phép bắt đầu ngay không cần phải chờ đợi. Tùy thuộc vào vai trò của từng người trong nhóm, có thể cần sự trang bị đặc biệt về Kinh Thánh và thực tế. Để có những nhóm mạnh mẽ thì cần một sự chuẩn bị lâu dài về mục vụ và khích lệ lẫn nhau khi họ bắt đầu tham gia vào các hoạt động mở mang Hội Thánh.

Phác Thảo Kế Hoạch Dự Kiến Mở Mang Hội Thánh

Kế hoạch dự kiến về mở mang Hội Thánh là kế hoạch mục vụ ban đầu hoặc chiến lược thâm nhập. Không phải chương trình mở mang Hội Thánh nào cũng cần phải phác thảo một kế hoạch dự kiến, nhưng thường thì một bản kế hoạch dự kiến như vậy giúp cho nhóm xác định rõ và tập trung nỗ lực, dự toán ngân sách sát thực tế, tranh thủ sự hỗ trợ cầu nguyện, và trình bày khái tượng cho những người bảo trợ. Trước khi thâm nhập vào khu vực trọng tâm của mục vụ, người mở mang Hội Thánh và các Hội Thánh bảo trợ nên có một khái tượng rộng đối với việc tuyển mộ nhóm và tìm kiếm các nguồn lực cho sứ mệnh truyền giáo. Khi một nhóm mở mang Hội Thánh bắt đầu gặp nhóm người chưa được tiếp cận hoặc không quen thuộc, thì cần sáu tháng đến một năm để có thể hiểu biết đầy đủ về nhóm người mục tiêu và có thể xác định được các yếu tố chính của kế hoạch (khái tượng, các giá trị, mô tả về nhóm người mục tiêu, và kế hoạch truyền giáo và môn đồ hóa).

Kế hoạch dự kiến được xây dựng trên những nguyên tắc và tiền lệ của Kinh Thánh, hoạch định một cách cẩn thận với sự cầu nguyện và với sự giúp đỡ của những người tư vấn khôn ngoan, dựa trên sự hiểu biết đầy đủ về địa hình, mục tiêu và nhóm mở mang Hội Thánh. Nó đem lại khái tượng cho nhóm, tập hợp các thành viên của nhóm khi họ thảo ra kế hoạch, họp nhất họ khi cùng thực hiện, và sau đó giúp họ đánh giá sự tiến bộ của công việc. Nó không được xác định một cách cụ thể nhưng thiết lập tiến trình của công việc và đưa ra hướng đi một cách rõ ràng, chính xác và cụ thể cho công việc.

Kế hoạch dự kiến phải xác định các thành phần cần được ưu tiên trong nhóm người mục tiêu. Ngay từ đầu công việc phải được xây dựng dựa trên những nguyên tắc địa phương hóa và sử dụng các mô hình có khả năng sinh sản, như đã được giải thích trong chương bốn. Nó phải bao gồm một kế hoạch môn đồ hóa các tân tín hữu và tập hợp họ thành những nhóm nhỏ (lý tưởng nhất là chính các tân tín hữu đứng ra tổ chức). Nếu không có kế hoạch, thì thường các nhóm nhỏ được hình thành theo các ân tứ và sự huấn luyện của nhóm công tác thay vì các tín hữu địa phương. Cần phải có kế hoạch để cho các chủ nhà và những người tạo thuận lợi cho nhóm được chọn và cố vấn bởi các thành viên của nhóm theo mô hình Làm Mẫu-Trợ Giúp-Quan Sát-Ra Đi, sẽ được trình bày trong chương 17.

Sứ đồ Phi-e-rơ mong muốn độc giả của ông có những kiến thức đem lại kết quả. Ông viết: “Vì nếu anh em có những điều này và có dư dật, thì sẽ không sợ mình thiếu hiệu năng hoặc không kết quả trong sự nhận biết Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ” (2 Phi 1:8). Có hai thái cực cần phải tránh. Truyền giáo mà không hiểu biết con người là ngu ngốc và thường không có kết quả. Nhưng không áp dụng sự hiểu biết vào hành động cũng sai lầm.

Phụ chú 10.1 có thể được dùng để tạo ra những câu hỏi phỏng vấn và điều tra. Không những cần phải điều tra về “nội dung” mà còn phải điều tra về “lý do” nằm ở phía sau các giá trị và hành vi khác nhau. Những câu trả lời hoặc hành vi gây khó khăn đặc biệt cho người điều tra có thể là những con đường đặc biệt có kết quả cho việc điều tra để phát hiện những khác biệt sâu sắc giữa các nền văn hóa. Rõ ràng là việc nghiên cứu này còn kéo dài trong nhiều năm, nhưng ngay từ đầu cũng có thể đem lại một vài kết quả. Đúng thời điểm, thì những người mở mang Hội Thánh có thể phát triển được cái nhìn của cả hai nền văn hóa và có thể thấy được các sự kiện từ quan điểm của một người ở bên trong một nền văn hóa như con cái của các giáo sĩ hoặc những người nhập cư thế hệ thứ hai.

Sau đây là một số bước tiến hành cụ thể dựa trên sự điều tra trong giai đoạn này:

- Đọc và trao đổi với những người khác về nền văn hóa.
- Hỏi những câu chân thật.
- Tiếp tục trao đổi với những người chung quanh, nơi công cộng, hoặc những địa điểm tụ họp tự nhiên khác.
- Gặp những người sống trong nền văn hóa có sự cảm thông mà bạn có thể thảo luận với họ về những quan sát của mình.
- Tham gia vào các nhóm của cộng đồng đang có nỗ lực phục vụ hoặc cải tiến cộng đồng.
- Theo dõi sát với những nhu cầu nhận biết và nhu cầu thực tế mà bạn quan sát được.
- Xây dựng các mối quan hệ với những người canh giữ cộng đồng, những người có ảnh hưởng trong cộng đồng, và những “người đáng nhận sự bình an” (Lu ca 10:6; Mat 10:11).
- Sử dụng các tài năng và khả năng của bạn để phục vụ những người xung quanh.
- Thể hiện sự hiếu khách theo những cách phù hợp với văn hóa.
- Chăm chỉ học tập ngôn ngữ.
- Tiến hành một cuộc thăm dò ý kiến hoặc khảo sát. Thảo luận kết quả thu được với những người khác.
- Nhận sự huấn luyện đặc biệt nếu cần.
- Kiên trì cầu nguyện để có những cánh cửa mở, những tâm lòng mở rộng và những con người đã được sửa soạn.

Phụ chú 10.1

Hai Mươi Câu Hỏi Để Tìm Hiểu Nhóm Người Mục Tiêu

1. Đây là những giá trị chủ yếu của nhóm này biểu hiện qua sự lựa chọn, lời nói và hành động của họ?
2. Những niềm tin của họ về vấn đề siêu nhiên: Đức Chúa Trời, thần linh, ma quỷ, những quyền lực vô hình là gì? Họ nói gì về Đức Chúa Trời? Họ nghĩ gì về Ngài?
3. Họ sợ điều gì nhất? Điều gì họ coi là có giá trị nhất: đối tượng, lý tưởng, mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chuẩn? Những điều họ khao khát và mong muốn nhất là gì?
4. Họ hiểu như thế nào về luật nhân quả, nghĩa là, vai trò của phước lành và sự rửa sả, những điều cấm kỵ, sự lỗi cuồn, sự cầu nguyện, các định luật tự nhiên, hiệu quả cá nhân, thuyết định mệnh và những điều tương tự?
5. Khái niệm thời gian của họ là gì? Nó đi theo đường thẳng hay chu kỳ, được định hướng theo nhiệm vụ hay sự kiện nhiều hơn? Họ chú trọng về các sự kiện của quá khứ, hiện tại hay tương lai?
6. Cấu trúc xã hội là gì? Đơn vị xã hội quan trọng nhất là gì: gia đình hạt nhân, gia đình mở rộng, thị tộc, quốc gia hay bộ tộc?
7. Xã hội được điều hành như thế nào? Ai là người có ảnh hưởng quan trọng? Những tổ chức chủ yếu là gì?
8. Quyết định được đưa ra như thế nào? Có phải sự tự do cá nhân có giá trị hơn ý muốn của cả nhóm hay các quyết định cá nhân lệ thuộc vào ý kiến của cả nhóm?

9. Đây là các hình thức xã hội hóa? Trẻ con được kỷ luật và giáo dục như thế nào? Xã hội đối phó với những sự lệch hướng và khen thưởng những hành vi tích cực như thế nào?
10. Các phương tiện kiểm soát xã hội là gì: cảnh sát, tòa án, nhà tù, sự ép buộc hay sự khai trừ?
11. Các phương tiện vận chuyển và truyền thông là gì? Thông tin được truyền đạt và phổ biến như thế nào? Điều gì hoặc ai được coi là một nguồn đáng tin cậy?
12. Những nghi lễ nào là quan trọng (sinh ra, trưởng thành, kết hôn, qua đời) và chúng được thực hiện như thế nào? Có những ý nghĩa nào liên hệ với chúng và chúng có vai trò gì trong xã hội?
13. Bạn học được điều gì từ những ngày thánh và lễ hội của họ?
14. Ai là những anh hùng của họ cả trong quá khứ và hiện tại?
15. Những truyền thuyết, giai thoại, chuyện kể và ẩn dụ truyền đạt điều gì về văn hóa và thế giới quan?
16. Thái độ của họ đối với những người ngoài và những người có niềm tin khác như thế nào?
17. Thế hệ trẻ gắn bó với truyền thống như thế nào? Những thành phần nào của xã hội có tính nghiêng về truyền thống hơn? Thành phần nào cởi mở đối với sự thay đổi?
18. Các mâu thuẫn giữa các cá nhân và các nhóm được giải quyết như thế nào?
19. Mọi người hiểu và đối phó với tội lỗi, đau khổ và sự chết như thế nào?
20. Những tội được coi là nặng nhất đối với xã hội là gì? Đây là đức hạnh cao nhất?

.....

Chúng tôi đã nhấn mạnh những thách thức của việc hội nhập với một nhóm người mới và sự chiến đấu để điều chỉnh. Cũng có nhiều sự thích thú riêng của giai đoạn này. Một trong những điều đó là nhìn thấy những cánh cửa mở mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể tạo ra. Một điều khác nữa là sự thích thú của việc khám phá. Những người mở mang Hội Thánh nên dành thời gian để thảo luận những câu hỏi và lý thuyết của họ trong nhóm, vui vẻ về những ý tưởng mới, và đừng hối tiếc về thời gian đã bỏ ra. Sự điều tra có trọng tâm sẽ luôn luôn bày tỏ những điểm thâm nhập vào nhóm người mục tiêu và cho phép bạn tránh được những sai lầm đáng tiếc. Khi các thành viên của nhóm học hỏi về các nền văn hóa khác, thì họ cũng học được nhiều hơn về chính mình. Đây có thể là một giai đoạn tăng trưởng nội tâm sâu sắc.

11

Giai Đoạn Bắt Đầu

Truyền Giáo và Môn Đồ Hóa

*Mở mang Hội Thánh là mục vụ, thông qua việc truyền giáo và môn đồ hóa, thiết lập các cộng đồng dân Chúa có khả năng nhân rộng bao gồm những người tin Đức Chúa Giê-xu Christ là những người cam kết làm trọn các mục đích theo Kinh Thánh dưới sự hướng dẫn của các lãnh đạo thuộc linh địa phương. Định nghĩa này nhấn mạnh một sự thực đó là truyền giáo và môn đồ hóa là tâm điểm của công tác mở mang Hội Thánh. Đồng thời, không phải tất cả các loại truyền giáo và môn đồ hóa đều góp phần vào việc thành lập các cộng đồng dân Chúa mới. Các cụm từ *truyền giáo mở mang Hội Thánh* và *môn đồ hóa mở mang Hội Thánh* được dùng ở đây để nói về các loại nỗ lực góp phần vào việc hình thành hội chúng những người cam kết theo Đức Chúa Giê-xu.*

Theo kinh nghiệm của chúng tôi trong việc tư vấn và huấn luyện những người mở mang Hội Thánh trên toàn cầu, ngoại trừ trong những nhóm người có sự đáp ứng nhiều nhất, thì truyền giáo và môn đồ hóa là những thách thức lớn nhất đối với những người mở mang Hội Thánh tiên phong. Chúng đòi hỏi phải vượt qua những đôn lũy thuộc linh để thiết lập một tiền đồn trong lãnh thổ của kẻ thù, đòi hỏi Phúc âm phải được truyền đạt bằng lời nói và hành động theo những cách có ý nghĩa về mặt văn hóa và có khả năng sinh sản, đòi hỏi những môn đồ mới phải được tập hợp và phải được chuẩn bị theo cách để rồi họ cũng sẽ tạo ra được những môn đồ khác. Bởi vì giai đoạn này là trung tâm của nhiệm vụ mở mang Hội Thánh, và trong nhiều bối cảnh nó là giai đoạn khó khăn nhất, cho nên chương này sẽ dài hơn hầu hết những chương khác trong quyển sách. Nhưng chúng tôi chỉ bàn sơ qua vấn đề trên; cho nên chúng tôi khuyến khích độc giả khám phá thêm trong các nguồn tài liệu khác được đề cập đến trong phần thảo luận sau đây.

Tổng Quan Về Giai Đoạn**Diễn Hình Trong Kinh Thánh**

Công vụ 2-5: Công bố Phúc âm và môn đồ hóa tại Giê-ru-sa-lem

Công vụ 10-12: Nhân rộng và bành trướng sang những nơi khác và nhóm khác

Công vụ 18: A-qui-la và Pê-rít-sin và A-pô-lô

Công vụ 18-19: Chức vụ của Phao Lô tại Ê-phê-sô

Các Bước Chính

1. Phát triển các mối quan hệ và khởi sự truyền giáo
 2. Truyền giáo một cách tổng thể, đề cập đến cả nhu cầu nhận biết và nhu cầu thực tế
 3. Làm báp têm và dạy vâng phục Chúa Giê-xu
 4. Môn đồ hóa các tân tín hữu và huấn luyện họ làm tương tự
 5. Đồng bộ hóa một cách khôn khéo sự tăng trưởng do chuyển hội
 6. Hình thành một cộng đồng nền tảng
 7. Bắt đầu huấn luyện các lãnh đạo
-

Các Vấn Đề Quan Trọng

1. Thực hiện nỗ lực truyền giáo đầy đủ và kéo dài
 2. Tiếp cận với công tác truyền giáo và môn đồ hóa để đối phó với tội lỗi và thế giới quan và xây dựng kỷ luật thuộc linh
 3. Các tín hữu được huấn luyện ngay lập tức để làm công tác môn đồ hóa và phục vụ
 4. Làm đúng nguyên tắc để cho cộng đồng dân Chúa đầu tiên thực sự mang tính địa phương và có thể nhân rộng
 5. Một kế hoạch môn đồ hóa đề cập đến các nan đề về thế giới quan, đồn lũy thuộc linh, sự tăng trưởng do chuyển hội và sự bỏ đạo
-

Phát Triển Các Mối Quan Hệ Và Khởi Sự Truyền Giáo

Giai đoạn bắt đầu phải dựa trên những điều đã thu thập được trong giai đoạn chuẩn bị như đã được mô tả trong chương 9 và 10. Không thể có sự gián đoạn giữa sự chuẩn bị cá nhân, sự phát triển chiến lược và truyền bá Phúc âm. Trọng tâm của việc mở mang Hội Thánh với tư cách là một nỗ lực thuộc linh phải tiếp tục dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Chúa Giê-xu là Đấng lập Hội Thánh của Ngài, và Ngài sẽ chỉ dẫn cho những người cùng làm việc với Ngài nếu họ tìm kiếm Ngài. Sự hiểu biết và hướng dẫn thuộc linh này đến từ việc lắng nghe tiếng Ngài và từ việc quan sát cũng như hiểu biết về những người đang được tiếp cận. Phúc âm phải được chia sẻ rộng khắp, liên tục, và mạnh mẽ. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi sự truyền bá Phúc âm đều có kết quả như nhau. Phần thảo luận tiếp sau đây trình bày các nguyên tắc có thể được sử dụng để phát triển một cách tiếp cận truyền giáo có hiệu quả hoặc để đánh giá các nỗ lực truyền giáo hiện hữu.

Xây Dựng Các Mối Quan Hệ Trong Cộng Đồng

Với tư cách là các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh thực hiện công tác truyền giáo, họ bắt đầu bằng việc xây dựng mối quan hệ cá nhân với mọi người trong cộng đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị được đề cập trong chương 10, các thành phần để đáp ứng của xã hội đã được phát hiện và các cuộc tiếp xúc với các lãnh đạo và những người canh giữ cộng đồng đã được tiến hành. Các phương pháp truyền giáo thích hợp nhất với mọi người đã được thảo luận. Nhưng bây giờ các mối quan hệ cá nhân phải được xây dựng. Cần phải biết mọi người một cách cá nhân, và điều này đòi hỏi phải có thời gian. Những người mở mang Hội Thánh xuất thân từ nền văn hóa phương Tây có tính cách định hướng về công việc, và các hoạt động xã hội không chính thức như uống trà và nói chuyện phiếm thì họ có cảm giác như là lãng phí thời gian. Nhưng trong hầu hết các nền văn hóa thì các mối quan hệ đi trước công việc. Công tác truyền giáo trước hết và quan trọng nhất là yêu thương mọi người như cách Đức Chúa Trời yêu họ, rồi chia sẻ sứ điệp tình yêu cứu chuộc của Đức Chúa Trời với họ. Con người không phải là đồ vật hoặc mục tiêu. Họ cần được tôn trọng và được hiểu. Họ là những người đáng được yêu, được tôn trọng và được *dành thời gian cho*.

Việc xây dựng các mối quan hệ có thể được bắt đầu với những người gần gũi, bằng việc làm quen với những người hàng xóm, người chủ cửa hàng, người đưa thư và những người

thường xuyên tiếp xúc. Việc đến các cửa hàng hằng ngày để mua bánh mì hoặc các thứ cần dùng là một cách để tìm hiểu về người chủ hiệu hoặc người thu ngân. Một người mở mang Hội Thánh không bao giờ mua nhiều hơn một vài đô la xăng dầu cho chiếc xe của mình trong một lần để có nhiều cơ hội trò chuyện với mọi người hơn. Sử dụng phương tiện giao thông công cộng thay vì ô tô cá nhân cũng giúp chúng ta trong việc làm quen với sự tiếp xúc và nhận biết được đời sống hàng ngày của mọi người, và nó thường mở ra cơ hội để nói chuyện. Một nơi khác để bắt đầu là một tổ chức của cộng đồng, như hội liên lạc giữa giáo viên và cha mẹ học sinh, câu lạc bộ nghề nghiệp, hội những người cho thuê, hoặc những người bạn của thư viện.

Nhóm mở mang Hội Thánh phải khám phá ra những địa điểm mọi người tụ tập, giải trí và thực hiện các hoạt động xã hội. Như đã đề cập trong bài học thực tế 10.4, tại một thành phố ở Đức các câu lạc bộ thể thao đã chứng tỏ là một trong những hình thức cơ bản của sự giao tiếp xã hội cho cả gia đình, thậm chí đôi với những người tham dự không còn thi đấu tích cực nữa. Tại những nơi khác như cửa hàng cà phê hoặc trà, bưu điện địa phương, hoặc một giếng nước có thể là nơi diễn ra nhiều hoạt động xã hội. Nhóm mở mang Hội Thánh phải dành ra một lượng thời gian đáng kể – khác nhau tùy thuộc vào nhiệm vụ nhưng phải được năm mươi phần trăm vào lúc đầu – để tiếp xúc với mọi người trong cộng đồng ở ngoài nhà. Có thể dành một buổi tối trong tuần cho một tổ chức xã hội không có liên quan đến Hội Thánh, là nơi có thể xây dựng các mối quan hệ với người chưa tin Chúa và góp phần vào cộng đồng.

Thể hiện sự hiếu khách là một cách tốt để đưa các mối quan hệ vượt qua mức bình thường đến một mức độ sâu sắc hơn. Nhưng cần phải am tường các phong tục địa phương liên quan đến sự hiếu khách: có nhiều luật bất thành văn về nghi thức xã giao (ai mời ai, với mục đích gì – một bữa ăn hay chỉ uống trà – nên dùng loại thực phẩm nào và thời gian của cuộc viếng thăm là bao lâu). Khi là một người mới đối với một nền văn hóa hay cộng đồng, sự tôn trọng và lạc lõng xã hội có thể cung cấp những cơ hội để gặp mọi người khi bạn chỉ đơn giản nhờ giúp đỡ: “Xin tha lỗi cho tôi, tôi là người mới ở đây và muốn học hỏi về những cách của những người tuyệt vời của bạn. Tôi rất lấy làm tiếc vì đã _____. Xin vui lòng giúp tôi”. Những giây phút như vậy có thể mở ra những hiểu biết đối với phong tục địa phương cũng như xây dựng được các mối quan hệ. Những yêu cầu giúp đỡ như thế cũng góp phần vào việc cùng xây dựng những điều mà trong trường hợp ngược lại chỉ có thể là những mối quan hệ một phía.¹ Dĩ nhiên, sau một thời gian những người địa phương sẽ mất kiên nhẫn với sự bất lực của một người nào đó, vì vậy phương pháp này phải được áp dụng ngay từ đầu và thường xuyên.

Nếu người mở mang Hội Thánh xuất thân từ một nước giàu có và làm việc trong một nước nghèo hơn, thì người đó thường ít gặp khó khăn trong việc làm bạn! Cũng như nếu người mở mang Hội Thánh là một người nói tiếng Anh, thì có thể được xem như một người bạn để nói chuyện bằng tiếng Anh. Nhiều người đã sử dụng các lớp tiếng Anh hoặc nấu ăn làm phương tiện để gặp gỡ mọi người và xây dựng mối quan hệ. Các hoạt động đó không nhất thiết phải nặng về truyền giáo. Nhưng chúng cung cấp cho nhóm mở mang Hội Thánh những cơ hội để chuyển ra ngoài nhóm bạn bè Cơ đốc quen thuộc và làm quen với những người mà họ đang cố gắng tiếp cận. Trong việc nói chuyện bình thường chúng ta biết được niềm vui và nỗi buồn, ước mơ và nguyện vọng, lo lắng và sợ hãi của một người bình thường. Nhiều định kiến sai lầm sẽ được chỉnh sửa, phát triển được sự hiểu biết đúng đắn và tình yêu đối với mọi người. Nếu không thì những người chung quanh sẽ nhanh chóng cảm thấy rằng người mở mang Hội Thánh quan tâm về dự án nhiều hơn là về con người.

¹ Đặc biệt khi người mới đến có học thức nhiều hơn, có tiền bạc nhiều hơn và có quyền lực hơn những người địa phương, thì rất khó để các mối quan hệ có được sự đồng cảm thật sự. Có thể xuất hiện sự nghi ngờ về động cơ từ cả hai phía trong mối quan hệ (“Có phải họ chỉ thích tôi vì những điều tôi có thể cho họ?” hoặc “Tại sao người giàu đó lại đến làng nghèo của chúng ta? Một người bình thường không bao giờ làm như thế! Chắc là ông ta muốn điều gì đó”). Sự tổn thương về phía người mới đến có thể làm giảm nghi ngờ và tạo ra sự tin cậy.

Phụ chú 11.1

Các Phương Pháp Truyền Giáo		
<p>Truyền giáo cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> • Truyền giáo cho người thân hoặc bạn bè • Làm chứng cá nhân • Mở tiệc tại nhà • Sử dụng truyền đạo đơn • “Nói chuyện về Phúc âm” cho người láng giềng • Các diễn đàn trên Internet (blog, chat) <p>Truyền giáo nơi công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> • “Chiến dịch” truyền giáo • Diễn thuyết • Giảng ngoài trời ở trên đường hoặc công viên • Các hoạt động phục vụ của Hội Thánh có tính chất truyền giáo • Chiến dịch lều trại • Giới thiệu sách hoặc thông báo nơi công cộng <p>Truyền giáo qua các sự kiện đặc biệt</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hòa nhạc • Kỷ niệm các diễn giả • Thể thao • Các nhóm chuyên môn • Tranh luận nơi công cộng • Diễn kịch <p>Truyền giáo bằng văn hóa phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân phát Kinh Thánh và truyền đạo đơn 	<ul style="list-style-type: none"> • Gửi thư và đem đến nhà • Phim và video truyền giáo như phim Giê-xu • Báo, radio, TV, Internet • Sách • Thư viện <p>Truyền giáo trong nhóm nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhóm học Kinh Thánh truyền giáo • Kể chuyện Kinh Thánh theo trình tự • Mời khách tham dự nhóm nhỏ • Nhóm nhỏ sau giờ học • Ăn tối để làm chứng <p>Truyền giáo bằng sự thăm viếng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thăm viếng những người khách của Hội Thánh hoặc người đang tìm hiểu • Thăm viếng bệnh nhân • Thăm viếng tù nhân • Thăm viếng từng nhà <p>Truyền giáo bằng hội thảo và tài liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giáo trình Alpha • Tư vấn hôn nhân • Các khóa học buổi tối cho người lớn • Kinh Thánh diễn ý • Lớp học về tôn giáo tại trường học • Các lớp tiếng Anh 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức dưỡng linh <p>Truyền giáo qua sự phục vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dự án phục vụ cộng đồng • Phòng khám bệnh, chữa răng • Giáo dục • Cấp phát thực phẩm • Sức khỏe cộng đồng • Tư vấn pháp lý • Tư vấn giải quyết các nan đề • Phát triển kinh tế • Làm tình nguyện viên cho các tổ chức của cộng đồng <p>Truyền giáo theo nhóm mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhóm sinh viên • Câu lạc bộ Kinh Thánh cho thiếu nhi • Các nhóm bà mẹ-trẻ em • Các nhóm cha mẹ đơn thân, ly hôn hoặc các nhu cầu đặc biệt • Các nhóm cai nghiện <p>Truyền giáo bằng sự cầu nguyện</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cầu nguyện cho người đau ốm • Cầu nguyện cho người đang gặp khủng hoảng • Cầu nguyện để giải cứu khỏi xiềng xích thuộc linh • Cầu nguyện cho các sự kiện công cộng

- Các lớp dạy nấu ăn hoặc kỹ năng khác

Chiến Lược Thích Hợp Với Nhóm Người Mục Tiêu

Chương 9 đã đề cập đến tầm quan trọng của việc lựa chọn nhóm người mục tiêu, và chương 10 đã cung cấp những hướng dẫn để tìm hiểu nhóm người mục tiêu thông qua các lăng kính kinh nghiệm sống, điều tra nhân khẩu học và quan sát của người trong cuộc. Điều quan trọng là có sự liên hệ giữa sự hiểu biết về nhóm người mục tiêu và cách tiếp cận truyền giáo cũng như các phương tiện truyền thông được sử dụng. Những ai bỏ qua việc chuẩn bị này và đi thẳng vào việc truyền giáo dựa trên những chiến lược ưa thích hoặc trọng tâm giáo lý của họ sẽ thường phải hối tiếc về điều đó. Một người có thể làm chứng cá nhân trong nền văn hóa của mình, nhưng sẽ là một việc hoàn toàn khác khi phát triển một kế hoạch chứng đạo để mở mang Hội Thánh trong một nền văn hóa khác và giúp những người trong nền văn hóa đó đem Phúc âm đến cho dân tộc của họ.

Những người mở mang Hội Thánh phải cầu nguyện nhiều và xem xét lại những điều đã thu thập được về nhóm người mục tiêu, thảo luận triết lý truyền giáo của họ, xem xét các phương pháp truyền giáo (xem phụ chú 11.1), và quyết định phương pháp nào là thích hợp nhất với triết lý, nhóm người mục tiêu, các ân tứ và sự quan tâm của các thành viên trong nhóm của họ. Có hàng ngàn phương pháp để truyền bá Phúc âm. Các cách tiếp cận cũng rất khác nhau tùy thuộc vào sự tin tưởng khác nhau của các tín hữu và các tình huống khác nhau của người chưa tin mà họ cố gắng tiếp cận. Các phương pháp truyền giáo có thể được phân loại theo nhiều cách, bao gồm những cách sau:

- Thiên về cá nhân (dựa trên các mối quan hệ) đối lập với ít thiên về cá nhân (cho phép giấu tên)
- Từng cá nhân đối lập với nhóm hoặc các buổi nhóm lớn
- Phạm vi hẹp (các thành phần của dân cư) đối lập với phạm vi rộng (cho mọi người)
- Định hướng theo chương trình hoặc sự kiện đối lập với không chính thức hoặc tự phát
- Thu hút mọi người đến (mời mọi người tham dự một sự kiện) đối lập với hòa nhập với mọi người (đi đến cùng mọi người để rao báo sứ điệp bằng lời nói và hành động)
- Định hướng theo “quyết định” (kêu gọi sự đáp ứng ngay lập tức) đối lập với định hướng theo tiến trình (cho phép có thời gian tìm hiểu thêm)
- Mang tính chất chỉ bảo hoặc cảnh báo đối lập với đàm thoại hoặc đối thoại

Những cách làm trong bảng 11.1 sử dụng các cách phân loại khác nhau để giúp các thành viên của nhóm phát hiện những cách tiếp cận truyền giáo phù hợp cho cả người mở mang Hội Thánh và bối cảnh của mục vụ. Những người đáp ứng cho thấy đánh giá của họ đối với mỗi cách tiếp cận theo thang điểm từ 1 đến 5, 1 là “rất ít phù hợp” và 5 là “rất phù hợp”. Sau đó họ trả lời các câu hỏi cuối cùng và cho biết các cách tiếp cận tốt nhất đối với tình huống của họ, nhớ rằng không có một phép màu nào.

Ưu Tiên Với Những Người Hoặc Nhóm Dễ Tiếp Nhận

Trong giai đoạn chuẩn bị, những thành viên có khả năng dễ tiếp nhận của nhóm người mục tiêu đã được xác định. Bây giờ khi những người mở mang Hội Thánh khởi sự các nỗ lực truyền giáo, họ sẽ tập trung vào những người dễ tiếp nhận này. Hình tháp về tính dễ tiếp nhận của Ralph Neighbour là một công cụ hữu ích cho tiến trình (hình 11.1). Nó có thể được áp dụng trong bất cứ nền văn hóa nào và xác định các mức độ tiếp nhận khác nhau. Cơ đốc nhân khi làm chứng có thể sử dụng hình tháp này theo hai cách: thứ nhất, họ có thể làm cho sự cầu

nguyện và làm chứng của họ phù hợp với mức độ tiếp nhận của con người và giúp họ di chuyển đến giai đoạn kế tiếp. Thứ hai, họ cần phải tìm ra một loại người nào đó và liên kết với các nhóm dựa trên mức độ tiếp nhận hiện tại của họ. Ví dụ, nếu những người trẻ dễ tiếp nhận hơn, thì sự đầu tư vào mục vụ sinh viên là tốt nhất. Tại Quebec, Canada, những người

Bảng 11.1
Các Phương Pháp Truyền Giáo Được Sử Dụng Trong Kinh Thánh

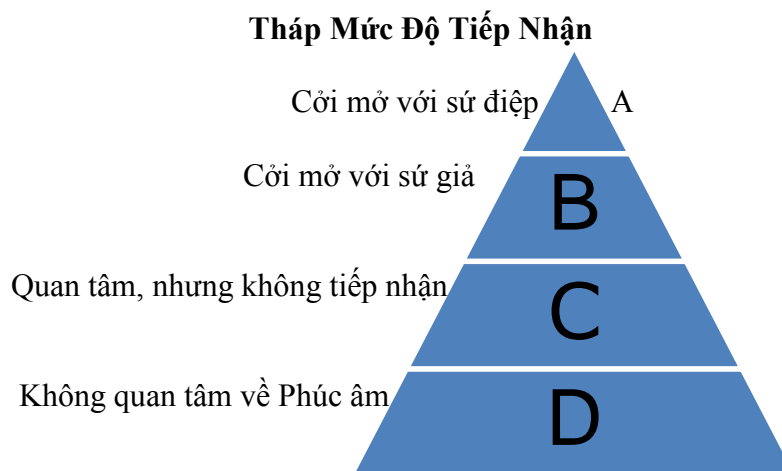
Cách tiếp cận truyền giáo	Diễn hình trong Kinh Thánh	Phù hợp với tôi? 1 đến 5	Phù hợp bối cảnh? 1 đến 5	Tổng cộng
1. Làm chứng	<ul style="list-style-type: none"> • Người đàn bà Sa-ma-ri, Giăng 4:39-42 • Người mù, Giăng 9:13-34 • Phao Lô trước Phê-lít và Phê-tu, Công vụ 24:1-25:12 			
2. Biện giáo	<ul style="list-style-type: none"> • Phao Lô tại A-then, Công vụ 17:16-34 			
3. Cảnh cáo	<ul style="list-style-type: none"> • Phi-e-rơ tại Giê-ru-sa-lem, Công vụ 2:14-40 			
4. Phục vụ	<ul style="list-style-type: none"> • Đô ca, Công 9:36-43 			
5. Liên hệ cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Anh rê với Phi-e-rơ và Phi-líp với Na-tha-na-ên, Giăng 1:40-46 			
6. Lời mời (dùng bữa, sự kiện, tiệc)	<ul style="list-style-type: none"> • Bữa tiệc của Ma thi ơ, Luca 5:29 			
7. Giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> • Phao Lô tại các nhà hội và trường học của Ti-ra-nu, Công vụ 13:5, 14; 14:1; 19:9 			
8. Khám phá (đặt câu hỏi)	<ul style="list-style-type: none"> • Ni-cô-đem, Giăng 3:-21 • Chúa Giê-xu và người đàn bà Sa-ma-ri, Giăng 4:1-26 			
9. Học Kinh Thánh	<ul style="list-style-type: none"> • Phao Lô và người Bê-rê, Công vụ 17:11 			
10. Cầu nguyện (chữa bệnh hoặc đuổi quỷ)	<ul style="list-style-type: none"> • Các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem, Công vụ 5:12-16 • Phao Lô và người đồng bóng bị quỷ ám, Công vụ 16:18 			

mở mang Hội Thánh thấy rằng những người đáp ứng lại lời chứng của các Cơ đốc nhân trải qua nhiều bước, cần nghe Phúc âm nhiều lần theo nhiều cách, trước khi có một hứa nguyện thật sự đi theo Đấng Christ. Hơn nữa, trước khi đi đến sự hứa nguyện đó họ đã có các quyết định với mức độ tăng dần *đối với Đấng Christ* sau một loạt các quan sát và hiểu biết (Smith 1995). Hình tháp về mức độ tiếp nhận đối với nhóm Quebec như sau:

- Mức A – mở rộng từ tình bạn đối với người rao báo Phúc âm đến việc thảo luận về sứ điệp: một số thanh niên, một số người tìm kiếm về thuộc linh, và những người đang ở trong khủng hoảng.
- Mức B – cởi mở đối với người rao báo Phúc âm nhưng không sẵn sàng thảo luận về sứ điệp: thanh niên, những Cơ Đốc nhân hữu danh vô thực, bạn bè và gia đình của các tín hữu.
- Mức C và D – không cởi mở đối với cả người rao báo Phúc âm lẫn sứ điệp: những người chống tôn giáo hoặc người có tôn giáo bảo thủ, người đã có kinh nghiệm không tốt với các Cơ Đốc nhân.

Một trong những thách thức lớn đối với công tác mở mang Hội Thánh trong vòng những người chống đối là làm thế nào để tìm được những người dễ tiếp nhận mà dường như Đức Chúa Trời đã sửa soạn để nghe Phúc âm. Thường những người mở mang Hội Thánh chủ yếu dựa vào việc truyền giáo cá nhân trong vòng bạn bè và người lân cận thì không thích những cách tiếp cận không mang tính cá nhân, đặc biệt là truyền giáo quy mô lớn. Dù truyền giáo cá

Hình 11.1



Nguồn: Neighbour 1990, 245

nhân có thể là một cách tiếp cận tốt, nhưng trong nhiều trường hợp thì nó không thích hợp bởi vì số lượng những người tiếp xúc được quá ít và không có người nào sẵn sàng hoặc muốn nghe Phúc âm. Trong những tình huống như vậy thì nhóm mở mang Hội Thánh cũng phải “thả lưới rộng hơn” bằng nhiều phương pháp để phát hiện những người đã được chuẩn bị trong số cư dân lớn hơn. Ngược lại, thì sự tiến bộ sẽ rất chậm và phải mất nhiều năm để tập hợp được một nhóm tín hữu nòng cốt. Nghiên cứu của Dick Grady và Glenn Kendall (1992) về những giáo sĩ mở mang Hội Thánh có hiệu quả cho thấy rằng những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn đã sử dụng rộng rãi nhiều phương pháp truyền giáo một cách linh động, bất kể mức độ tiếp nhận của khu vực (phụ chú 11.2). “Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả nhất có khuynh hướng sử dụng rộng rãi các phương pháp đem lại một số lượng lớn các mối tiếp xúc trong một cộng đồng. Những người thâm nhập vào một bối cảnh xuyên văn hóa mới, và phát minh ra một phương pháp chia sẻ Phúc âm cho một số lượng lớn người nghe, có thể phát hiện ra từ nhóm lớn này những người đang đói khát thuộc linh. Họ đầu tư thời gian để môn đồ hóa những người có sự quan tâm nhiều hơn” (Grady và Kendall 1992, 366). Họ cũng sử dụng rộng rãi các cách tiếp cận truyền giáo khác nhau, bởi vì các

.....

Phụ chú 11.2**Chìa Khóa Để Mở Mang Hội Thánh Có Hiệu Quả**

Dick Grady và Glenn Kendall (1992) khảo sát 100 giáo sĩ được mô tả là thành công bởi các cơ quan truyền giáo của họ và đã nhận được phúc đáp của tám mươi lăm người. Bảy nguyên tắc chiến lược sau đây đã được xây dựng dựa trên những phúc đáp của họ.

1. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người dành nhiều thì giờ để cầu nguyện hơn.
2. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người có những nỗ lực truyền giáo rộng rãi hơn.
3. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người linh động hơn trong việc sử dụng các phương pháp.
4. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người cam kết mạnh mẽ với một quan điểm giáo lý
5. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người có uy tín nhiều hơn
6. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người có khả năng phát hiện và làm việc với những người có tôn giáo lỏng lẻo về tổ chức.
7. Những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn là những người có khả năng để hội nhập những tín hữu mới vào hoạt động truyền giáo.

.....
 phương pháp khác nhau phù hợp với những người khác nhau. Không thể luôn luôn dự đoán phương pháp nào là có hiệu quả nhất.

Các phương pháp truyền giáo bằng cách phân phát văn hóa phẩm, thăm viếng từng nhà, phát thanh và các phương pháp khác có thể tiếp xúc với số lượng lớn đều hoàn toàn thích hợp miễn là công tác chăm sóc được hoạch định một cách cẩn thận và cụ thể. Những người mở mang Hội Thánh có thể tập trung công sức vào những người có biểu lộ sự quan tâm về thuộc linh. Khi một Hội Thánh được thành lập tại Ingolstadt, nước Đức, hàng ngàn bì thư kèm theo thẻ phúc đáp đã được phân phát để những người quan tâm có thể yêu cầu cung cấp Kinh Thánh, sách báo hoặc thăm viếng cá nhân. Chỉ có ba thẻ phúc đáp hồi âm, nhưng hai trong ba người gửi phúc đáp cuối cùng đã tin Chúa. Đối với một Hội Thánh có ít hơn hai mươi thành viên thì đó là một kết quả lớn!

Những phương pháp truyền giáo với quy mô lớn luôn luôn cần được bổ sung việc chăm sóc và môn đồ hóa cá nhân. Việc này có thể được thực hiện theo nhóm nhỏ hoặc theo mối quan hệ từng người. Đối với những người tại Quebec thì có nhiều người, nếu không phải là tất cả, cần nghe Phúc âm nhiều lần và nhiều cách để gia tăng sự hiểu biết của họ về sứ điệp và kinh nghiệm quyền năng biến đổi đầy đủ của nó. Cuối cùng, không có cách nào khác thay cho việc giảng dạy cá nhân và nuôi dưỡng thuộc linh.

Truyền Giáo Theo Kiểu Quyết Định và Quá Trình

Khi chúng ta đọc sách Công vụ các sứ đồ, chúng ta thấy rằng những nhà truyền giáo đầu tiên đã mạnh dạn kêu gọi cả người Do Thái (Công vụ 2:38-39; 3:19) và Dân Ngoại (Công vụ 17:30; 26:20) ăn năn và tin Chúa. Sự ăn năn có nghĩa là quay khỏi tội lỗi và sự thờ lạy hình tượng để tiếp nhận sự cứu rỗi trong Đấng Christ và phục sự Đức Chúa Trời (1 Tê 1:9). Tương tự như vậy, công tác truyền giáo của chúng ta cũng phải kêu gọi người nghe có quyết định rõ ràng về sự ăn năn và đức tin cụ thể nơi Đấng Christ, xưng nhận qua môi miệng và qua hành động chịu báp têm. Khi đó người xưng nhận đức tin được tha thứ và được sanh lại vào trong gia đình của Đức Chúa Trời.

Nhưng truyền giáo cũng phải được hiểu là một quá trình. Dù sự tái tạo xảy ra vào một thời gian cụ thể, nhưng có một quá trình dẫn đến thời điểm đó và một quá trình dẫn đến sự tiến triển trong sự tăng trưởng của Cơ đốc nhân. Việc chú trọng quá hẹp vào một quyết định đơn nhất thường dẫn đến sự quy đạo hời hợt bắt nguồn từ sự hiểu nhầm hoặc có động cơ không đúng. Trong chương 10 chúng ta đã thảo luận về tiến trình đưa ra quyết định khác nhau như thế nào trong các nền văn hóa khác nhau. Paul Hiebert kể về chuyện Papayya, một nông dân Ấn độ đã vui vẻ lắng nghe Phúc âm hằng giờ và cảm động sâu sắc bởi sứ điệp nói về Đức Chúa Trời trở thành người trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Papayya cầu nguyện với Đấng Christ nhưng phân vân có phải chăng Đấng Christ là một vị thần nữa trong số hàng triệu *avatara* – là các thần của người Hindu giáng trần từ các miền thần linh cao hơn. “Là một người Hindu nên anh ta thờ lạy Vishnu, người đã hóa kiếp nhiều lần qua hình hài con người, thú vật hoặc cá để cứu nhân loại. Papayya cũng biết nhiều thần trong số ba trăm ba mươi triệu thần của người Hindu. Nhưng người lạ mặt nói rằng chỉ có một Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời này đã xuất hiện giữa vòng con người chỉ có một lần. Hơn nữa, người lạ mặt nói rằng Chúa Giê-xu là Con của Đức Chúa Trời, nhưng không nói gì về vợ của Đức Chúa Trời. Tất cả những điều đó làm anh ta bối rối” (Hiebert 2008, 10). Hiebert hỏi phải chăng Papayya có thể trở thành một Cơ đốc nhân thật chỉ sau một lần nghe về Phúc âm và rồi anh ta đáp ứng ngay. Nhưng con đường môn đồ hóa và để có sự hiểu biết đúng đắn là một con đường lâu dài. Người rao báo Phúc âm càng hiểu nhiều về thế giới quan và niềm tin của Papayya, thì càng tránh được sự hiểu lầm và giúp cho Papayya hiểu cặn kẽ về Phúc âm để trở thành một người tận trung theo Chúa Giê-xu.

Câu chuyện Papayya cho thấy rằng sự hiểu biết về Phúc âm phải được tăng trưởng theo chiều sâu, và điều đó thường là một quá trình lâu dài.² Nghiên cứu của Alan Tippett (1992) về sự quy đạo đã đưa ông ta đến việc xem sự quy đạo dưới dạng các giai đoạn: người ta chuyển từ giai đoạn quan tâm đến giai đoạn quyết định, rồi đến giai đoạn hội nhập và giai đoạn trưởng thành. Ông ta cũng thấy rằng các nghi lễ đánh dấu sự chuyển đổi từ giai đoạn này sang giai đoạn kế tiếp, như sự kêu gọi ở bàn thờ, báp têm hoặc sự phá hủy vật thờ, cũng rất quan trọng đối với quá trình quy đạo và môn đồ hóa lâu dài đối với những người thờ thần tượng (Tippett 1967, 109; 1971, 169). Sự hiểu biết về những quá trình này sẽ ảnh hưởng đến cách thức trình bày Phúc âm, những kỳ vọng liên quan đến sự đáp ứng, cách thức giải nghĩa sự đáp ứng của con người, và làm thế nào giúp đỡ mọi người đến được chỗ có đức tin cứu rỗi đúng đắn nơi Đấng Christ và đi theo Ngài.

Truyền Giáo Đối Phó Với Thế Giới Quan

Đời sống và công vụ của Chúa Giê-xu chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh thế giới quan Kinh Thánh về sự sáng tạo, tội lỗi và sự cứu chuộc. Những người mở mang Hội Thánh làm việc với những người có một thế giới quan khác – bao gồm cả thế giới quan hậu hiện đại phương Tây – phải bắt đầu với bản tánh của Đức Chúa Trời, sự sáng tạo, sự sa ngã và bản chất của tội lỗi, nhu cầu về sự cứu chuộc qua sự chết của Chúa Giê-xu, và sự phán xét hoặc ban thưởng sau cùng khi Ngài trở lại. Hiebert cảnh cáo, “Sự quy đạo thường xảy ra chỉ ở mức độ bên ngoài của hành vi và niềm tin, nhưng nếu thế giới quan không được thay đổi, thì Phúc âm được giải thích dưới dạng các thế giới quan thế tục và kết quả là hình thành chủ nghĩa Cơ đốc thế tục” (2008, 69). Những vấn đề khác thuộc thế giới quan như thế giới thần linh, tổ tiên, bản chất của sự khải thị trong Kinh Thánh, hoặc đời sau cũng cần phải được giải thích rõ theo quan điểm Kinh Thánh. Truyền giáo kèm với việc giải thích rõ về thế giới quan là việc cần thiết để xây dựng một nền tảng vững chắc về đức tin và sự vâng phục bằng cách giúp đỡ

² Để hiểu thêm về nan đề của cách tiếp cận “một bước quyết định” đối với sự quy đạo của người Hồi giáo, xin xem Conn 1979 và Teeter 1990.

người nghe tiếp nhận chân lý của Đức Chúa Trời, cảnh báo về những xuyên tạc trong văn hóa và xây dựng một hệ thống khái niệm mới và lâu dài.

Trong trường hợp của Papayya chúng ta cũng thấy rằng truyền giáo đã không chỉ rõ những xuyên tạc về mặt văn hóa đối với thế giới quan Kinh Thánh có thể đưa đến sự xung đột đức tin nhưng không tạo ra những môn đồ, gia đình và cộng đồng được biến đổi. Các giáo sĩ đến Phi châu trong thế kỷ XIX và XX đã mang cách suy nghĩ phương Tây có sự phân biệt giữa thế giới thần linh và vật chất và nhấn mạnh đến chân lý nhiều hơn sức mạnh. Nhà thần học châu Phi Van der Poll mô tả thất bại này như sau: “Bởi vì Phúc âm không được mang đến cho mọi người như là một quan điểm bao trùm toàn bộ đời sống, để thay thế cho quan điểm truyền thống, cho nên chưa thể đụng chạm đến cốt lõi sâu xa nhất của văn hóa Phi châu” (trích trong Miller và Allen 2005, 42). Hiebert (1982) chỉ ra rằng đa số các giáo sĩ phương Tây đã không xây dựng được một thế giới quan Kinh Thánh về thế giới thần linh bao gồm thiên sứ, ma quỷ, các quyền lực vô hình, phước lành và sự rửa sạch. Người châu Phi tin những quyền lực đó là nguyên nhân tối hậu đằng sau tất cả mọi sự kiện quan trọng, bao gồm cả bệnh tật và hạn hán. Việc không cung cấp cho các tín hữu mới một vũ trụ quan Kinh Thánh và giúp họ biết cách để đối phó với những sự kiện đó đã để lại nhiều lo lắng và cảm giác sợ hãi. Và nhiều người đã quay trở lại với pháp sư truyền thống khi gặp khủng hoảng.

Các Phương Pháp Truyền Giáo Thích Hợp Với Phong Cách Học Hỏi Của Mọi Người

Nhiều phương pháp truyền giáo phổ biến đã được phát triển trong nền văn hóa phương Tây và đã chứng tỏ có hiệu quả trong bối cảnh đó bởi vì chúng rất phù hợp đối với tinh thần, thế giới quan, và phương cách học hỏi của phương Tây. Ví dụ, truyền đạo đơn nổi tiếng “Bốn định luật thuộc linh” rất có hiệu quả với một số nhóm nhất định; tuy nhiên, như được trình bày trong bảng 11.2, không phải tất cả mọi nhóm người đều có chung cách suy nghĩ phương Tây đó.

Bảng 11.2

Bốn Định Luật Thuộc Linh Và Thế Giới Quan

Một số người . . .	Nhưng nhiều người . . .
hiểu toàn bộ đời sống dưới dạng các định luật phù hợp và có thể tiên đoán *	quan niệm về cuộc sống như là điều bí ẩn hoặc lệ thuộc vào các sức mạnh vô hình, không phải là định luật
suy nghĩ cách trừu tượng như là định luật và nhấn mạnh về sự kiện hơn là đức tin và cảm giác	suy nghĩ dưới dạng cụ thể hơn, sử dụng các câu chuyện và châm ngôn, và các sự kiện hòa lẫn vào nhau, cảm giác và đức tin
có một lô-gic tuyến tính – đi dần từ một định luật đến một định luật kế tiếp	sử dụng lô-gic không tuyến tính hoặc suy nghĩ dưới dạng các sự kiện hoặc chu kỳ thay vì nguyên nhân và kết quả
suy nghĩ về cuộc sống dưới dạng một kế hoạch cho tương lai	suy nghĩ về cuộc sống theo thuyết định mệnh hoặc dưới dạng các sự kiện đã qua hơn là dưới dạng “kế hoạch”
xem “đời sống sung mãn” là mục tiêu cơ bản	xem sự tồn tại hoặc đời sau là nhu cầu lớn nhất
Có thể hiểu được ý nghĩa của các sơ đồ trừu tượng như vòng tròn, mũi tên, thập tự	không hiểu các sơ đồ trừu tượng nhưng liên hệ khá tốt về các hình vẽ người hoặc đồ vật

thích một cuộc sống có trật tự hoặc có tổ chức hơn đời sống tự phát và bất ổn	thích một đời sống tự phát hơn đời sống có tổ chức và có trật tự
quen thuộc với cách đưa ra quyết định cá nhân	thường đưa ra quyết định quan trọng sau khi tham khảo ý kiến gia đình hoặc người ngang hàng

* Câu mở đầu của sách “Bốn định luật thuộc linh” là “Có những định luật vật lý chi phối vũ trụ, cũng vậy có những định luật thuộc linh chi phối sự tương quan giữa bạn và Đức Chúa Trời” (Bright 2007).

Hơn nữa, nhiều khái niệm trong “Bốn Định Luật Thuộc Linh” dễ bị hiểu lầm, như “đời sống sung mãn” (bị hiểu là giàu có của cải vật chất), “sanh lại” (bị hiểu là hóa kiếp), và “tội lỗi” (bị hiểu là một hành động gian ác đặc biệt, hoặc vi phạm các tiêu chuẩn xã hội). Thậm chí hình ảnh Đấng Christ đang gõ cửa (Khải huyền 3:20) có thể bị hiểu là theo tính chất tấn công. Trong một số nền văn hóa, các nhà thậm chí không có cửa thì gõ thế nào! Tất cả những điều này là để nói lên rằng mặc dù “Bốn Định Luật Thuộc linh” là một công cụ tuyệt vời để chia sẻ Phúc âm cho hàng triệu người, thì nó cũng không thể có một hiệu quả tương tự ở mọi nơi.

Trong những năm gần đây có nhiều tài liệu tốt để chia sẻ Phúc âm theo những cách khác nhau như nhấn mạnh về yếu tố câu chuyện, suy nghĩ cụ thể, và đàm thoại. Ví dụ, Trevor McIlwain đã phát triển cách kể chuyện về lịch sử cứu chuộc theo trình tự từ Sáng thế ký đến các sách Phúc âm trong tài liệu *Xây Dựng Nền Tảng Vững Chắc* (1987).³ Cách sử dụng phương pháp này đã được minh họa rất tuyệt vời trong phim *EE-Taow*. Một lợi điểm của cách tiếp cận này là hầu như mọi người có thể hiểu và liên hệ đến câu chuyện. Những khái niệm trừu tượng như Đức Chúa Trời, tội lỗi, và sự cứu chuộc được giải thích trong bối cảnh của những hành động cụ thể của Đức Chúa Trời trong lịch sử và trong đời sống con người. Nhờ đó các chân lý được khám phá trong một bối cảnh mang lại ý nghĩa cho đời sống. Một lợi điểm lớn khác của cách tiếp cận này là khi sử dụng được truyền đạt bắt đầu với câu chuyện sáng tạo và tuân tự đi đến sự sa ngã, sự kêu gọi Áp-ra-ham, hệ thống tế lễ của Cựu ước, lời hứa về Đấng Cứu Chuộc, và cứ tiếp tục như thế, thì một thế giới quan Kinh Thánh cũng được xây dựng. Sử dụng về công tác cứu chuộc của Đấng Christ trên thập tự giá chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh như vậy. Một người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm hoạt động tại Đông Phi đã nói: “Chúng tôi thấy rằng những người đến với Đấng Christ qua việc nghe câu chuyện được kể theo trình tự thì không phải tranh chiến nhiều với thuyết hỗn hợp trong con đường Cơ Đốc của họ bởi vì họ có sự hiểu biết đầy đủ về toàn bộ kế hoạch của Đức Chúa Trời” (Lyons 2009, 2).

Các tác giả như Tom Steffen (1996; Steffen và Terry 2007) đã chỉ ra rằng có chừng 75 phần trăm nội dung Kinh Thánh là chuyện kể và kể chuyện là hình thức truyền thông chủ yếu trong nhiều nền văn hóa.⁴ Martin Goldsmith (1980) lập luận về tính hiệu quả của các ẩn dụ trong bối cảnh người Hồi giáo. Những người học bằng phương pháp nghe nói có thể là người mù chữ, mù chữ chức năng, hoặc biết chữ, nhưng tất cả đều thích hợp hơn với phương pháp truyền thông này. “Môn đồ hóa người học bằng phương pháp nghe nói có nghĩa là sử dụng các hình thức truyền thông quen thuộc với nền văn hóa: câu chuyện, châm ngôn, kịch, bài hát, và thơ ca. Các cách tiếp cận dùng ngôn ngữ viết thì dựa trên các danh sách, đề cương, nghiên cứu từ ngữ, biện giáo và từ chuyên môn thần học. Các phương pháp dựa theo ngôn ngữ viết này hầu như không có hiệu quả đối với hai phần ba dân số thế giới. Do đó cần thiết phải môn đồ hóa những người học bằng phương pháp nghe nói dựa trên sự truyền đạt lời của

³ Xin xem thêm Slack, Terry và Lovejoy 2003.

⁴ Tại Diễn Đàn Về Truyền Giáo Thế Giới năm 2004 có một nhóm đưa ra báo cáo “Môn đồ hóa người học bằng phương pháp nghe nói,” kèm theo những nguồn tài liệu hữu ích khác. Xin xem www.lausanne.org/documents/2004forum/LOP54_IG25.pdf

Đức Chúa Trời trong các nền văn hóa khác nhau theo những cách phù hợp” (LOP 54, 2005). Cách tiếp cận đó không chỉ phù hợp trong các xã hội truyền thống mà ngày càng phù hợp với các bối cảnh hiện đại và hậu hiện đại nơi người ta không có một thế giới quan Kinh Thánh và ở nơi chuyện kể có tính thuyết phục hơn là những lập luận trừu tượng. “Môn Đồ Hóa Những Học Viên Nghe Nói,” báo cáo của Lausanne đã được trích dẫn ở trên, còn chỉ ra: “Chiến lược nghe nói cũng cần thiết trong việc tiếp cận những người gắn bó với việc nghe các phương tiện truyền thông điện tử. Họ biết đọc, nhưng họ thu thập phần lớn các thông tin quan trọng trong đời sống qua các câu chuyện và âm nhạc từ radio, tivi, phim ảnh, internet và các phương tiện điện tử khác” (sách đã dẫn).

Truyền giáo và môn đồ hóa bằng phương pháp kể chuyện còn có thêm lợi điểm là các tín hữu có thể dễ dàng tiếp tục kể cho những người khác về các câu chuyện Kinh Thánh họ đã học, và kết quả là, phương pháp này có thể sinh sản tại địa phương và dễ dàng dẫn đến sự nhân rộng. Vì vậy, khi đã nắm được kỹ năng, thì việc kể câu chuyện cứu chuộc có thể thu hút được sự chú ý của người nghe, giúp họ tương tác trực tiếp với sự khai thị của Đức Chúa Trời, làm sâu sắc sự hiểu biết của họ và giúp cho họ dễ nhớ.

Các Phương Pháp Có Thể Sinh Sản Và Duy Trì Tại Địa Phương

Việc kể chuyện là một điển hình. Các cách tiếp cận và mục vụ được sử dụng bởi nhóm mở mang Hội Thánh phải là những điều mà các tín hữu địa phương có thể sử dụng và muốn sử dụng. Để có thể được lặp lại thì chúng phải dựa trên các nguồn lực và phương tiện sẵn có của địa phương. Thông thường điều này liên quan đến sự làm việc chủ yếu thông qua các mối quan hệ và tránh dùng kỹ thuật và các phương tiện du nhập. Các cách tiếp cận đơn giản và hiệu quả là tốt nhất. Các công cụ như văn hóa phẩm và truyền thông chỉ có hiệu quả khi chúng đưa đến một sự khám phá về sự dạy dỗ và hành động của Chúa Giê-xu trong bối cảnh có thể giới quan Kinh Thánh đầy đủ, như đã được minh họa trong các ví dụ ở trên.

Sự ưu tiên không phải đặt vào các chiến lược đòi hỏi một trình độ học vấn cao, sự huấn luyện đặc biệt, hoặc ân tứ đặc biệt, mà là đối với các phương pháp sử dụng các phương tiện truyền thông tự nhiên của Cơ đốc nhân bình thường và sự giao tiếp xã hội. Một quan tâm khác về khả năng sinh sản là khả năng chuyển giao các phương pháp đó cho những tín hữu trẻ một cách dễ dàng bằng cách sử dụng những kiểu học hỏi và truyền thông quen thuộc.

Bài học thực tế 11.1

Kể Chuyện Và Mở Mang Hội Thánh

Mục sư Dinanath người Ấn độ kể về chuyện chức vụ của ông giữa vòng dân tộc mình như sau: “Tôi được cứu khỏi một gia đình theo đạo Hindu năm 1995 bởi một giáo sĩ xuyên văn hóa. Tôi mong muốn được biết nhiều hơn về Lời Chúa và tôi chia sẻ điều này với vị giáo sĩ. Vị giáo sĩ gởi tôi đến trường Cao đẳng Kinh Thánh năm 1996. Tôi đã hoàn thành hai năm học về thần học và quay về làng của mình năm 1998. Tôi bắt đầu chia sẻ Tin lành theo cách mà tôi được học trong trường Cao đẳng Kinh Thánh. Tôi rất ngạc nhiên vì đồng bào của tôi không thể hiểu được sứ điệp tôi trình bày. Một vài người đã tiếp nhận Chúa sau nhiều nỗ lực. Tôi tiếp tục rao giảng Phúc âm, nhưng kết quả không đáng kể. Tôi chán nản và bối rối và không biết phải làm gì.”

Nhưng rồi câu chuyện của mục sư Dinanath chuyển sang một bước ngoặt quan trọng: “Năm 1999 tôi tham gia một hội thảo và học được cách truyền đạt Phúc âm bằng cách sử dụng các phương pháp nghe nói khác nhau. Tôi đã hiểu được nan đề trong sự truyền thông của tôi đó là tôi đã sử dụng chủ yếu phương pháp giảng thuyết với các sách in sẵn mà tôi đã học trong trường Kinh Thánh. Sau hội thảo đó tôi trở về làng nhưng lần này tôi thay đổi cách truyền đạt của mình. Tôi bắt đầu sử dụng phương pháp kể chuyện

bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Tôi sử dụng các bài hát Tin lành kết hợp với âm nhạc truyền thống của dân tộc tôi. Lần này mọi người trong làng bắt đầu hiểu Phúc âm tốt hơn. Kết quả là mọi người bắt đầu đến với số lượng lớn. Nhiều người tin nhận Đấng Christ và chịu báp têm. Có một Hội Thánh với một vài tín hữu được báp têm năm 1999 khi tôi tham dự khóa hội thảo. Nhưng bây giờ vào năm 2004, trong sáu năm chúng tôi có bảy mươi lăm Hội Thánh với 1350 người đã được báp têm và 100 người nữa chuẩn bị chịu báp têm” (LOP 54, 2005).

Trong các nền văn hóa nghe nói, các chuyện kể dễ lan truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những lời chứng cá nhân và đời sống biến đổi của các tín hữu địa phương là những yếu tố quan trọng của mọi chiến lược truyền giáo. Làm việc theo nhóm trong công tác truyền giáo bày tỏ được cộng đồng Cơ đốc trong hành động và đem lại sức mạnh thông qua sự hợp tác.⁵ Các phương pháp truyền giáo tập thể cũng bày tỏ được sự hiệp một và yêu thương giữa các tín hữu (Giăng 17:23), như được thấy trong bài học thực tế 11.2.

Truyền Giáo Đưa Đến Môn Đồ Hóa

Tại châu Mỹ La Tinh và nhiều nơi khác đều có một nan đề chung đó là đồ nhiều công sức vào các nỗ lực truyền giáo và kết quả là có nhiều người đến tìm hiểu và “quyết định” nhưng có rất ít người quy đạo được lâu dài. Một vài chiến lược truyền giáo có tính chất *khoảng trống chăm sóc*, xảy ra khi người đáp ứng không có mối quan hệ trước với những người kêu gọi họ. Nó cũng có thể xảy ra khi cho rằng người đáp ứng đã hiểu Phúc âm và được tái sinh thật sự. Đánh giá về sự hiểu biết và đáp ứng phải là bước đầu tiên trong việc chăm sóc, dù kinh nghiệm của người quy đạo có thể chưa được thể hiện rõ trong nhiều tháng như người tăng trưởng về sự hiểu biết và thể hiện rõ qua sự thay đổi đời sống có quyền năng của Thánh linh. Robert Priest (2003) nghiên cứu ba mươi bốn người quy đạo Aguaruna ở Peru và thấy rằng lúc đầu những người quy đạo không có ý thức gì về tội lỗi, nhưng ý thức đó tăng dần qua thời gian khi họ được nghe Lời Chúa. Trong những tình huống như vậy thì điều quan trọng là phải xem công việc truyền giáo như một quá trình dẫn đến bước tiếp theo là môn đồ hóa.

Khi Phúc âm được chia sẻ mặt đối mặt hoặc trong một nhóm nhỏ những người lân cận, bạn bè hoặc người thân thì công tác chăm sóc sẽ dễ dàng hơn. Các vấn đề và trở ngại có thể được

Bài học thực tế 11.2

Truyền Giáo Qua Các Nhóm Tế Bào

Hội Thánh Dios Admirable ở Caracas ở Venezuela, thành lập năm 1965 là một nhóm học Kinh Thánh truyền giáo nhắm đến các sinh viên đại học. Mục sư Francisco Lievano, là cựu mục sư ở đó, đã hướng dẫn Hội Thánh từ hai trăm lên bốn trăm người bằng cách môn đồ hóa các nhóm tế bào. Năm 1999 Hội Thánh đã phát triển hai mươi lăm nhóm tế bào, và nhiều nhóm khác được sử dụng để mở ra năm Hội Thánh mới tại Caracas. Các nhóm này được gọi là Grupos Basicos de Discipulado Cristiano (nhóm môn đồ hóa Cơ đốc căn bản).

Hoạt động này dựa trên sự tin tưởng rằng (1) nếu các tín hữu lớn lên trong Chúa, họ sẽ đem người khác vào trong vương quốc, và (2) truyền giáo được hoàn thành cách tốt nhất trong mạng lưới làm việc chung giữa các cá nhân, với những người được đem vào các

⁵ Điều này đặc biệt đúng trong xã hội có tính tập thể. Đừng để chủ nghĩa cá nhân phương Tây làm hỏng các nỗ lực truyền giáo tập thể. Khi Chúa Giê-xu hỏi các môn đồ là họ sẽ trở nên những tay đánh lưới người, thì Ngài liên hệ đến việc đánh cá của một nhóm ngư dân sử dụng thuyền và lưới – không phải câu cá một mình bằng cần câu.

nhóm gần nhà khi họ đến với Đấng Christ. Một trong những người trong Hội Thánh nói rằng ít nhất 75 phần trăm những người mới quy đạo là thông qua mục vụ nhóm nhỏ này. Ông ta cũng cho biết rằng 90 phần trăm mục vụ của Hội Thánh được hoàn thành thông qua các nhóm nhỏ (Neumann 1999).

giải quyết được. Khi các cách tiếp cận cá nhân tốn nhiều thời gian hơn, thì chúng làm giảm bớt khoảng trống chăm sóc và sinh ra kết quả lâu dài.⁶ Mặt khác, khi hoạt động truyền giáo diễn ra trong hình thức của những cuộc họp lớn, các chiến dịch phổ biến văn hóa phẩm hoặc truyền thông, hòa nhạc, giảng ngoài trời, và những hình thức không mang tính cá nhân, thì phải có nỗ lực vượt bậc để chăm sóc những người bày tỏ sự quan tâm. Cần phải thu thập thông tin cá nhân từ những người tìm hiểu để có thể liên lạc với họ. Chỉ gửi đi một lá thư hoặc gọi một cuộc điện thoại là không đầy đủ. Thường thì công tác chăm sóc được thực hiện qua việc thăm viếng tại nhà – mặc dù điều này có thể là việc khó khăn hoặc không thể thực hiện được trong những thành phố lớn, ở nơi địa chỉ không chính xác, khó tìm kiếm hoặc ở những nơi không thể đến được (như những căn hộ có mức độ bảo vệ cao hoặc những nơi có cổng gác). Một cách khác là tổ chức một nhóm học Kinh Thánh chăm sóc hoặc hình thức môn đồ hóa theo nhóm nhỏ. Cần phải xem xét cách tốt nhất cho những buổi nhóm như vậy: nhà của một tín hữu, nhà của một người tìm hiểu, tại nhà thờ, hoặc tại một địa điểm có tính chất công cộng hơn như là nhà hàng. Tốt nhất là chọn địa điểm mà những người tìm hiểu thích đến nhất và cảm thấy thoải mái khi ở đó.

Những Sai Lầm Phổ Biến Trong Giai Đoạn Bắt Đầu

1. Việc mở mang Hội Thánh gặp khó khăn khi công tác truyền giáo chỉ được theo đuổi trong giai đoạn đầu tiên.

Thường thì công tác truyền giáo là trọng tâm lúc đầu bởi vì không có Hội Thánh và không có cách nào khác để phát triển Hội Thánh, nhưng một khi đã có một hội chúng, thì công tác truyền giáo bị lãng quên vì trọng tâm chuyển sang công tác chăm sóc tín hữu. Tuy nhiên, truyền giáo không phải là một giai đoạn mà sau đó thì Hội Thánh bỏ qua, nhưng nó là nhịp đập của Hội Thánh. Khi Hội Thánh tăng trưởng chậm, thì câu hỏi đầu tiên là “Chúng ta đang làm công tác truyền giáo như thế nào?”

2. Công tác mở mang Hội Thánh gặp khó khăn khi chỉ có duy nhất một phương pháp truyền giáo.

Hội Thánh đầu tiên đã sử dụng nhiều phương tiện và phương pháp khác nhau (Green 1970), và Kinh Thánh nói về việc tận dụng mọi cơ hội (Côl 4:5). Như đã nói ở trên, Grady và Kendall (1992) thấy rằng những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả sử

Bài học thực tế 11.3

Truyền Giáo Và Môn Đồ Hóa Tại Montreal

Đa số những người dưới năm mươi tuổi tại Quebec đều có một di sản văn hóa Công giáo La Mã và tin Đức Chúa Trời nhưng hiểu biết rất ít về Ngài hoặc Ngài có liên hệ như thế nào với họ. Thậm chí rất ít người quan tâm đến khả năng quan hệ hằng ngày với Ngài. Để có thể truyền bá Phúc âm tốt hơn cho nhóm người này, Hội Hướng Đạo Cơ Đốc (Christian Direction), một tổ chức phục vụ cho Hội Thánh Quebec, đã hỏi mọi người trong các Hội Thánh hiện hữu rằng điều gì đã đưa dẫn họ đến một mối liên hệ cá

⁶ Vấn đề tiêu hao sức lực là một việc khác. Người ta cho rằng những người tìm hiểu đến rồi đi. Tuy nhiên, cả hai có quan hệ với nhau, vì một số trường hợp tôn công sức cũng là do việc chăm sóc không đầy đủ. Vấn đề này sẽ được bàn luận ở cuối chương này.

nhân với Đức Chúa Trời. Họ thấy rằng những người đáp ứng đã nghe Phúc âm – hoặc một phần – trung bình tám lần trước khi quyết định tin Chúa!* Ảnh hưởng lớn nhất trong quyết định của họ là sự thay đổi đời sống của một thành viên trong gia đình hoặc bạn bè (Smith 1995).

Trong khi điều này chứng tỏ sự cần thiết phải gieo Phúc âm một cách kiên nhẫn qua mạng lưới quan hệ và sự tham gia vào cộng đồng, những yếu tố khác cho thấy rằng một vài người sẽ đáp ứng đối với sự công bố của nhóm lớn hơn: (1) Có sự tôn trọng Kinh Thánh với tư cách là khả thi của Đức Chúa Trời. (2) Đa số những người đáp ứng đều muốn thấy hành động của các Cơ đốc nhân trong bối cảnh của một nhóm trước khi quyết định. (3) Đa số đều đưa ra quyết định cuối cùng của họ trong bối cảnh của một nhóm nơi có sự điệp và lời mời rõ ràng.

Kết quả là nhóm mở mang Hội Thánh đã vận dụng một chiến lược ba mũi nhọn: (1) Tiếp cận theo mối quan hệ: Họ trở thành các thành viên của các nhóm cộng đồng, xây dựng các mối quan hệ cá nhân với những người lân cận, và chia sẻ về Đấng Christ khi có cơ hội. (2) Tiếp cận theo “mạng lưới Phúc âm”: Tất cả các thành viên của nhóm gặp nhau hàng tuần để chia sẻ về sự tiến bộ và cùng cầu nguyện cho các hoạt động truyền giáo và các cuộc hẹn. Họ tổ chức những sự kiện công cộng tại những nơi trung lập để lôi kéo những người tìm kiếm. (3) Nhân rộng các chứng nhân: Họ huấn luyện ngay lập tức các tân tín hữu về cách chia sẻ lời chứng của họ và trình bày Tin lành một cách đơn giản.

Ưu điểm của việc truyền giáo theo nhóm xuất phát từ chiến lược bao quát, làm việc theo nhóm, và sự kiên nhẫn. Nhiều nhóm môn đồ hóa đã được hình thành. Kết quả lớn nhất đã đến khi chính những người Quebec chia sẻ tình yêu Chúa mà họ mới phát hiện với những người ngang hàng với họ.

* Nghiên cứu của Christian Direction tại Montreal, Quebec, hoàn thành vào cuối thập kỷ 1990. Dựa trên những phát hiện này, Glenn Smith (1995) đề nghị rằng trong các xã hội mang tính thể tục hóa như Montreal, các mục tiêu phải là những quyết định mang tính tiến bộ rõ ràng trong sự đáp ứng đối với chân lý Kinh Thánh, để duy trì một sự tập trung vào cộng đồng, và làm việc trong một mạng lưới phi tập trung hóa theo các nhóm nhỏ đáp ứng sự thờ phượng được bối cảnh hóa.

dụng nhiều nỗ lực truyền giáo rộng rãi, linh động trong việc bổ sung và kết hợp các phương pháp bằng việc hội nhập hoạt động xã hội (mục vụ thiện nguyện) với làm chứng về Phúc âm. Bằng cách làm như vậy họ đã tạo nên được uy tín và xây dựng được các mối quan hệ. Những người chỉ tập trung vào việc tìm kiếm một chìa khóa để mở cửa thì thường bỏ lỡ nhiều chìa khóa cần thiết. Nhiều cách tiếp cận khác nhau được liệt kê trong phụ chú 11.1 và bảng 11.1.

3. Công tác mở mang Hội Thánh gặp khó khăn khi chúng ta chỉ sử dụng những người được huấn luyện và có ân tứ về công tác truyền giáo.

Kinh Thánh dạy rằng có nhiều người có ân tứ truyền giáo (Công vụ 21:8; Êph 4:11). Nhưng mọi Cơ đốc nhân phải là chứng nhân cho Đấng Christ (Công vụ 1:8; 1 Phi 3:15) và chia sẻ sứ điệp về Chúa Giê-xu cho người khác một cách vui mừng. Các tân tín hữu từ nhóm người mục tiêu thường trở thành những nhà truyền giáo có hiệu quả nhất. Vì vậy nhóm mở mang Hội Thánh có hiệu quả đừng tách rời các tân tín hữu ra khỏi mối quan hệ với những bạn bè và người thân chưa tin của họ.

Nghiên cứu của Grady và Kendall năm 1992 xác nhận rằng những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả là những người có khả năng hòa nhập các tân tín hữu vào hoạt

động truyền giáo. Họ trở thành “những chiếc cầu của Đức Chúa Trời”⁷ vươn tới những người chưa tin Chúa, bởi vì họ có nhiều mối quan hệ tự nhiên với những người chưa tin trong nhóm người mục tiêu. Và bởi vì họ mới vừa quy đạo, nên họ vẫn còn hiểu những suy nghĩ và câu hỏi của những người chưa tin và có thể trình bày với những người đó một cách thuyết phục. Kenneth Strachan thuộc Hội Truyền Giáo Châu Mỹ La Tinh thấy rằng các phong trào tăng trưởng cân xứng với khả năng của Hội Thánh để động viên mọi thuộc viên trong việc truyền bá niềm tin. Ảnh hưởng của “sự động viên mọi thành viên” đã được thể hiện qua các chiến dịch Truyền Giáo Theo Chiều Sâu tại nhiều nước Châu Mỹ La Tinh trong các thập niên 1960 và 1970 (Strachan 1968; Robert 1971).

4. Công tác mở mang Hội Thánh gặp khó khăn khi truyền giáo chỉ được xây dựng trên các kế hoạch và chương trình.

Mọi người đều công nhận rằng ảnh hưởng lớn nhất trong việc một người trở lại với Đấng Christ là sự làm chứng và đời sống của người bạn hoặc thành viên trong gia đình (Gomez 1996; Smith 1995). Nếu chúng ta trang bị cho các Cơ đốc nhân cách sống và chia sẻ Phúc âm trong mạng lưới quan hệ của họ, thì tiềm năng truyền giáo của Hội Thánh sẽ được nhân rộng. Các chương trình là những yếu tố bổ sung tuyệt vời nhưng không thể thay thế cho cá nhân chứng đạo.

5. Công tác mở mang Hội Thánh gặp khó khăn khi những vấn đề căn bản của truyền giáo bị lãng quên.

Cầu nguyện và sử dụng Kinh Thánh là những nền tảng để công tác truyền giáo có hiệu quả. Grady và Kendall (1992) liệt kê mục vụ cầu nguyện là yếu tố số một trong công tác mở mang Hội Thánh có kết quả. Một nền tảng khác là trình bày Phúc âm rõ ràng. Như sứ đồ Phao Lô đã viết: “Thật vậy tôi không hổ thẹn về Tin lành đâu vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Rô ma 1: 16).

Không có gì thay thế được cho lời chứng cá nhân về những gì Đấng Christ đã làm cho một người để giải thích về ơn phước của sự cứu rỗi trong Đấng Christ như đã được chứng nhận trong Kinh Thánh. Chúng ta phải nhớ rằng những người trong các tôn giáo khác cũng có lời chứng của họ. Một chứng nhân có thể bắt đầu bằng câu chuyện cá nhân của mình, nhưng không ai được cứu cho đến khi nghe về sứ điệp và câu chuyện của Chúa Giê-xu. Lời của Đức Chúa Trời là Lời sống và linh nghiệm sắc hơn gươm hai lưỡi, và Tin lành là quyền năng của Đức Chúa Trời dẫn đến sự cứu rỗi (Hê 4:12; Ê-sai 55:10-11). Cuối cùng là công việc của Thánh Linh thuyết phục người nghe về chân lý của Phúc âm và mở lòng của họ (Giăng 16:8-10; Công vụ 16:14). Một nhà truyền giáo người Ấn độ đã thổ lộ như sau: “Không thể giải thích về Chúa Giê-xu, chỉ có thể bày tỏ về Ngài.”⁸ Sự cầu nguyện và Phúc âm là hai nền tảng. Có thể thử nghiệm nhiều ý tưởng và chiến lược mới; nhưng vấn đề là, “Làm thế nào để kết hợp chúng với các nền tảng này?”

Truyền Giáo Một Cách Tổng Thể, Đề Cập Đến Cả Nhu Cầu Nhận Biết Và Nhu Cầu Thực Tế

Trong giai đoạn chuẩn bị (chương 10) các nhu cầu nhận biết của nhóm người mục tiêu đã được điều tra. Các nhu cầu nhận biết là những nhu cầu mà người ta nhận thấy và được thúc đẩy để giải quyết. Chúng có thể bao gồm các nhu cầu để tồn tại, như thức ăn và nước uống;

⁷ Cụm từ này do Donald McGavran đặt ra trong cuốn sách của ông có tựa đề *Những chiếc cầu của Đức Chúa Trời* (1955), mô tả các phong trào xuất hiện khi các tân tín hữu không tách khỏi những mối quan hệ tự nhiên của họ nhưng được khích lệ ở lại và chia sẻ đức tin của họ một cách tự nhiên.

⁸ Ajay Pillai thuộc Hội Truyền Giáo Ấn độ, phát biểu tại Hội Thánh Cộng Đồng Oakwood (Tampa, FL) ngày 8/3/2009.

các nhu cầu cá nhân như tình yêu và ý nghĩa; các nhu cầu xã hội như sự đi lại và an toàn; các nhu cầu tinh thần như sự tha thứ hoặc thoát khỏi quyền lực ma quỷ; hoặc bất cứ nhu cầu nào khác có ảnh hưởng đến sự nhận biết về tình trạng an vui hạnh phúc của con người. Nhu cầu thực tế là những nhu cầu cần thiết *theo quan điểm của Đức Chúa Trời*. Một nhu cầu nhận biết về thực phẩm cũng là một nhu cầu thực tế, nhưng nhu cầu nhận biết về sự giàu có vật chất thì không phải là nhu cầu thực tế. Mọi nhu cầu nhận biết cần phải được xem xét cách nghiêm chỉnh, nhưng cuối cùng người mở mang Hội Thánh tìm cách để xác định những nhu cầu thực sự cần thiết. Nhiều người không nhận biết được những nhu cầu thực tế của họ về những điều như sự tha thứ tội lỗi và sự sống đời đời nhưng được thức tỉnh bởi Đức Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu không chỉ rao giảng về chân lý mà còn chữa lành bệnh tật, đem lại ánh sáng cho người mù, phục hồi những người bị quỷ ám, và quan tâm đến mọi người với ta cách là những con người trọn vẹn. Bằng việc quan tâm đến nhu cầu của con người, chúng ta chứng tỏ được ý tốt và sự thương xót. Là những sứ giả của Tin lành, chúng ta không chỉ nói với mọi người về tin tức tốt lành: chúng ta cũng phải là những tin tức tốt lành khi có điều kiện.

Trong chương 19, chúng tôi đã nói chi tiết về các mục vụ tổng thể có ảnh hưởng cho nước Trời. Ở đây chỉ cần nói rằng khi đã bắt đầu rao giảng Phúc âm, thì cần phải kèm theo những hành động thiện nguyện và phục vụ. Nhóm mở mang Hội Thánh cần phải đánh giá các nhu cầu của địa phương một cách thực tế để xác định nhu cầu nào có khả năng giải quyết một cách thỏa đáng với lực lượng nhân sự và các nguồn tài nguyên sẵn có. Những cách để đáp ứng các nhu cầu thực tế có thể là thăm viếng các bệnh nhân hoặc tù nhân, các chương trình dạy kèm, tổ chức bữa ăn và đào giếng nước sạch. Trong chương trình truyền giáo vì sức khỏe cộng đồng (CHE), một cách tiếp cận đã được phát triển chu đáo và được sử dụng rộng rãi, những người địa phương được dạy cách phân tích những nhu cầu của cộng đồng và làm thế nào để đáp ứng các nhu cầu đó bằng các nguồn lực của địa phương. “CHE hòa hợp công tác truyền giáo, môn đồ hóa, và mở mang Hội Thánh với vấn đề sức khỏe và sự phát triển cộng đồng”⁹. Tuy nhiên, trong những giai đoạn đầu của việc thành lập Hội Thánh, nhóm công tác phải cẩn thận xác định việc đầu tư thời gian, công sức và nguồn lực của họ vào đâu là tốt nhất. Các mục vụ thiện nguyện và phục vụ có thể tiêu hao một số lượng nguồn lực không cùng. Cần phải duy trì một sự quân bình và một sự ưu tiên rõ ràng.

Rick Grover (2004) chỉ ra rằng tại các Hội Thánh vùng ngoại ô thì các buổi sáng Chúa nhật điều khiển mục vụ, trong khi tại các Hội Thánh vùng đô thị thì mục vụ điều khiển sáng Chúa nhật. Nói vậy có nghĩa là, tại khu vực ngoại ô thì các buổi nhóm sáng Chúa nhật là trọng tâm của sinh hoạt Hội Thánh, và mọi người bị thu hút bởi kinh nghiệm thờ phượng. Các công tác phục vụ là kết quả của những gì xảy ra vào Chúa nhật. Ngược lại tại các Hội Thánh đô thị thì công tác phục vụ diễn ra suốt tuần (như cung cấp thực phẩm, dạy nghề, tư vấn pháp lý) là trọng tâm của sinh hoạt Hội Thánh và cũng là điều hấp dẫn mọi người đến với giờ nhóm vào Chúa nhật. Những khác biệt này không được bỏ qua khi mở mang các Hội Thánh tại đô thị. Grover nói tiếp: “Tôi đề nghị rằng Hội Thánh mới tại đô thị trước khi tổ chức buổi nhóm thờ phượng công khai đầu tiên thì nên bắt đầu mục vụ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng” (2004, 49).

Các giá trị địa phương (điều gì là quan trọng, những nhu cầu nào là quan trọng nhất) phải được quan tâm khi nhóm công tác quyết định về hình thức của các mục vụ truyền giáo, phục vụ và phát triển. Nhiều giá trị văn hóa và phong tục không đúng mà cũng chẳng sai nhưng đó là vấn đề thuộc về truyền thống, quy ước hoặc thẩm mỹ. Đấng Christ không phá hủy văn hóa địa phương; Ngài cứu chuộc chúng, làm thánh sạch điều tốt và chỉ rõ những điều tội lỗi. Những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa phải nhạy cảm, đừng áp đặt các giá trị văn

⁹ Để biết thêm các thông tin về CHE, xin xem www.cheintl.org và www.lifewind.org.

hóa của mình – các giá trị mà Kinh Thánh không đòi hỏi – lên người khác. Đây là một trong những thách thức lớn của việc bối cảnh hóa.

David Britt đã nghiên cứu các yếu tố địa phương trong sự tăng trưởng của Hội Thánh đa văn hóa ở vùng đô thị. Ông kết luận rằng sự tương hợp – phẩm chất của sự hòa hợp, khả năng hòa hợp với nhau – không phải là sự thuần nhất, là điều mà những người mở mang Hội Thánh phải tìm kiếm.¹⁰ Các Hội Thánh tăng trưởng tốt nhất khi quan tâm đến những giá trị văn hóa của địa phương và cho thấy Đấng Christ đã làm thỏa mãn những ước muốn sâu xa nhất và những nhu cầu cấp thiết nhất như thế nào. Làm thế nào để áp dụng điều này vào các công tác phục vụ và truyền giáo? Trước hết, cần phải nghiên cứu về cộng đồng và tìm hiểu quan niệm của họ về Cơ đốc nhân và Cơ đốc giáo. Thứ hai, để hấp dẫn mọi người chúng ta phải có sự khác biệt trong mọi cách. Hội Thánh phải vượt trội về sứ điệp, sự yêu thương và sự toàn hảo – không phải về ngôn ngữ, âm nhạc và những giá trị văn hóa và biểu tượng khác mà Hội Thánh sử dụng. Chúng ta phải tìm kiếm những không gian chung – cả về văn hóa và vật chất – với những người mà chúng ta tiếp cận. Hòa nhập văn hóa thông qua sự tham gia vào các hoạt động của cộng đồng là một cách để thể hiện ảnh hưởng mang tính chất muối và ánh sáng của Phúc âm trên đời sống hằng ngày.

Làm Báp Têm Và Dạy Vâng Phục Chúa Giê-xu

Đại mạng lệnh trong Mat 28:19-20 nói về việc môn đồ hóa bằng cách nhân Danh Đức Cha, Đức Con Và Đức Thánh Linh để làm phép Báp têm và dạy cho các tân tín hữu không chỉ biết mà còn *vâng giữ* mọi điều mà Chúa Giê-xu đã truyền cho chúng ta. Như chúng tôi đã lưu ý ở trên, một kế hoạch truyền giáo phải luôn luôn bao gồm một kế hoạch chăm sóc các tân tín hữu. Nhưng thường thì kế hoạch chăm sóc thất bại về chính hai điểm này: báp têm và vâng giữ. Sự chăm sóc thường đưa những người mới vào một hoạt động học tập mang tính chất trí tuệ. Họ có thể nhanh chóng có ấn tượng rằng điều trước tiên và quan trọng nhất của Cơ đốc giáo là biết về Kinh Thánh – thước đo sự trưởng thành là kiến thức Kinh Thánh. Trong khi đức tin của Cơ đốc nhân rõ ràng là dựa trên chân lý của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Kinh Thánh, nhưng mục tiêu của việc học Kinh Thánh không phải là bản thân kiến thức mà là kiến thức Kinh Thánh phải dẫn đến một mối quan hệ gần gũi hơn với Đức Chúa Trời và sống đẹp lòng Ngài. Gia cơ 1:22 khuyên rằng: “Hãy làm theo Lời, chớ lấy nghe làm đủ mà lừa dối mình.”

Đôi khi chúng ta xem việc môn đồ hóa như một chương trình hay một lớp học. Một lãnh đạo tại Brazil có lần đã nói: “Khi bạn nói về môn đồ hóa thì nó giống như là chuyển giao kiến thức; đối với chúng tôi thì đó là việc bày tỏ và thể hiện đời sống của Đấng Christ trong tín hữu.” Một người lân cận nhận xét: “Chúng tôi đã trải qua sự huấn luyện về mặt nhận thức. Chúng tôi suy nghĩ một cách sai lầm rằng việc giảng dạy làm thay đổi giá trị của Cơ đốc nhân. . . . Tai họa của Hội Thánh truyền thống là không có một mẫu mực, một lãnh đạo nào có thể nói rằng ‘Hãy bắt chước tôi’” (1990, 72). Điều này nhấn mạnh sự cần thiết về việc làm gương mẫu và cố vấn thông qua một mối quan hệ tin cậy. Ranjit DeSilva định nghĩa sự trưởng thành thuộc linh là “sự phát triển của đời sống bên trong, nhờ đó mà một người kinh nghiệm được Đấng Christ là nguồn của sự sống, phản ánh những tính chất giống Đấng Christ, và ngày càng biết nhiều hơn về quyền năng và sự hiện diện của Đấng Christ trong chức vụ”

¹⁰ “Sự hiện diện của những giá trị khác nhau hoặc xung khắc nhau là mối đe dọa. Chúng làm cho những giá trị riêng của chúng ta có vẻ tùy tiện, và nói như Berger là không chắc chắn. Tính đa nguyên trong đời sống đô thị, theo định nghĩa, nhanh chóng làm cho những người sống trong thành phố tiếp xúc với những giá trị và quan điểm khác nhau. Mặc dù những người trong thành phố có thể hòa đồng với nhiều giá trị khác nhau hoặc mâu thuẫn với nhau, nhưng họ có khuynh hướng thống nhất với những giá trị chung. . . . Ở nơi mà các biểu tượng văn hóa của một hội chúng tương hợp với những biểu tượng văn hóa của cộng đồng địa phương, thì Tin lành sẽ dễ được chấp nhận hơn. Sự tương hợp giữa Hội Thánh và cộng đồng tạo nên bối cảnh để Hội Thánh “tăng trưởng hoặc tàn lụi” (Britt 1997, 143-44).

(DeSilva 1996, 50). Đức Chúa Trời sử dụng nhiều phương tiện để biến đổi đời sống. Robert Coleman (1987, 59-97) chỉ ra một số phương tiện đó như sau:

- Tầm quan trọng của các mối quan hệ – Mác 3:13-15; Giăng 1:35-42
- Gặp mặt tại nhà – Công vụ 5:42; 20:20
- Thực hành theo Kinh Thánh – Mat 28:20
- Báp têm – Mat 28:19
- Một cộng đồng mới – Công vụ 2:42-47
- Vâng phục người chủ mới – Giăng 15
- Thay đổi thế giới quan và các giá trị – Rô ma 12:2
- Một nguồn sự sống và quyền năng mới – Công vụ 1:8; Ga 5:22-23

Một kế hoạch chăm sóc quân bình như vậy kết hợp trong việc học Kinh Thánh không chỉ làm sáng tỏ các lẽ thật Cơ đốc trọng tâm mà còn giúp cho các tín hữu mới áp dụng các lẽ thật đó vào đời sống hằng ngày của họ. Nó cũng bao gồm việc cầu nguyện nhiều cho các tân tín hữu và chỉ dẫn về kỷ luật Cơ đốc. Một việc quan trọng giúp họ hiểu được ý muốn của Đấng Christ đối với đời sống của họ và đặt Đấng Christ làm chủ trong đời sống. Thông thường trong những ngày và tuần đầu là thời gian mà các tân tín hữu cởi mở nhất đối với sự thay đổi và xếp đặt thứ tự các mối quan hệ riêng tư của họ khi họ nhận thức một cách đặc biệt công việc của Đức Chúa Trời vừa làm trong đời sống của họ. Không nên bỏ qua cơ hội đó.

Báp têm là một trong những dấu hiệu bên ngoài của việc trở thành môn đồ của Đấng Christ trong Tân ước. Báp têm có nhiều mức độ ý nghĩa trong Kinh Thánh: công khai xưng nhận về sự ăn năn và đức tin (Công vụ 2:38), sự gia nhập vào cộng đồng Cơ đốc (1 Cô 12:13), đồng chết và đồng sống với Chúa Giê-xu để bước vào đời sống mới (Rô ma 6:1-10), và đoạn tuyệt với tội lỗi (Công 22:16; 1Phi 3:21). Trong một vài bối cảnh, như trong xã hội Hồi giáo và Ấn độ giáo, người ta đề nghị cần phải thay thế lễ báp têm như là một nghi lễ về sự vượt qua bởi vì có một sự hiểu lầm hoặc liên hệ tiêu cực về phép báp têm.¹¹ Tuy nhiên, có ba lý do ủng hộ đối với việc làm báp têm bằng nước: thứ nhất, các ý nghĩa thần học liên quan với báp têm đã được phản ánh trong hành động thuộc thể (Rô ma 6:1-10; 1 Phi 3:21); thứ hai, Ma-thi-ơ 28:19 rõ ràng bảo chúng ta phải làm báp têm cho “mọi dân”; và thứ ba, trong Công-vụ-các-sứ-đồ cả những tín hữu Do Thái và dân ngoại đều phải chịu báp têm – chúng ta không có điển hình nào về giải pháp như thế. Thật ra, Ê-phê-sô 4: 5 nói về *một* Chúa, *một* đức tin và *một* phép báp têm. Những người phương Tây với tính chất duy lý cao có xu hướng hạ thấp tầm quan trọng về mặt thuộc linh, xã hội và tâm lý của các nghi lễ như phép báp têm. Những nghi lễ đánh dấu sự chuyển tiếp từ một giai đoạn sang giai đoạn kế tiếp là những yếu tố quan trọng trong quá trình của sự quy đạo và sự đồng nhất với đức tin mới của Hội Thánh (Tippett 1967, 109; 1971, 169; 1992).

Những người mở mang Hội Thánh sẽ phải đưa ra nhiều quyết định về việc làm phép báp têm trong bối cảnh của họ: thời gian, hình thức (nhúng nước, đổ nước hay vẩy nước) và nên làm công khai hay riêng tư. Có nhiều yếu tố liên quan, bao gồm cả quan điểm của người mở mang Hội Thánh; vì vậy chúng tôi giới hạn trong một xem xét ngắn gọn nhưng quan trọng ở một số vấn đề.

Vấn đề về thời gian không chỉ liên quan đến việc là cả trẻ con hay chỉ có người lớn mới được làm báp têm mà còn liên quan (đặc biệt trong bối cảnh tiên phong) việc có cần một thời gian chỉ bảo và chờ đợi hay làm báp têm ngay mà không cần chờ đợi gì. Trong các điển hình trong Tân ước, báp têm (thậm chí đối với các tín hữu dân ngoại) được làm hầu như ngay lập tức sau khi một người quy đạo và xưng nhận đức tin. Đây là một cảnh báo đối với quan điểm

¹¹ Về bối cảnh của Hồi giáo xin xem bản luận trong Parshall 1979 và 1989; Woodberry 1989; Stricker và Ripken 2007. Về bối cảnh của Ấn độ, xin xem Singh 1985. Về giải pháp thay thế cho báp têm bằng nước, xem Kraft 1979, 257-60.

quá cẩn thận. Mặt khác, có nhiều sự xung nhận đức tin cạn kiệt và dựa trên sự hiểu biết không đầy đủ về Phúc âm hoặc những động cơ đáng nghi ngờ. Việc làm báp têm cho một người mà sau đó tỏ ra không có sự quy đạo chân thật có thể tạo ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Thay vì định ra một thời gian chờ đợi bắt buộc, thì nên chờ đợi cho đến khi thấy những bằng chứng rõ ràng về sự cam kết và thay đổi. Những người mở mang Hội Thánh cần phải xem xét quan điểm của các tín hữu địa phương khác và phản ứng của những người ngang hàng của những môn đồ mới khi tìm kiếm về bằng chứng của đời sống mới trong Đấng Christ.

Đối với những người xuất thân từ Hồi giáo, Ấn độ giáo và thậm chí là Công giáo hoặc Chính thống giáo, báp têm bằng nước (hoặc “báp têm lại” nếu họ đã được báp têm lúc thơ ấu) được xem như là ngưỡng cửa cuối cùng đánh dấu sự quy đạo sang một đức tin và cộng đồng mới. Nếu ngưỡng cửa đó được vượt qua một cách sẵn lòng, một cách công khai và với một sự hiểu biết rõ ràng ý nghĩa của nó, thì các môn đồ mới đúng là tăng trưởng trong sự đồng nhất với Hội Thánh và các hành động của Hội Thánh. Điều này thường có một ảnh hưởng quan trọng trên mối quan hệ của người môn đồ đối với gia đình, bạn bè và cộng đồng đức tin trước đó. Vì vậy những người mở mang Hội Thánh không được thực hiện mạng lệnh làm báp têm một cách hời hợt, xem nhẹ ý nghĩa *thần học và cá nhân* của phép báp têm đối với tín hữu mới và đối với sự phát triển của Hội Thánh.

Môn Đồ Hóa Các Tân Tín Hữu Và Huấn Luyện Họ Làm Tương Tự

Truyền giáo phải dẫn đến công tác môn đồ hóa, và công tác môn đồ hóa phải bao gồm việc làm báp têm và học tập vâng lời Đấng Christ. Tách rời việc truyền giáo và môn đồ hóa là một việc giả tạo. Cả hai trách nhiệm đều xuất phát từ cùng mạng lệnh “môn đồ hóa” (Mat 28:19). Trong Tân ước, môn đồ hóa bắt đầu cho việc truyền bá Phúc âm và củng cố đức tin của tín hữu. Nhân rộng các môn đồ là động lực thiết yếu của mở mang Hội Thánh.

Môn Đồ Và Môn Đồ Hóa

Những người mở mang Hội Thánh cần phải hiểu cặn kẽ môn đồ là gì theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh và một môn đồ sẽ như thế nào ở nơi Hội Thánh được thành lập. Môn đồ là những người đi theo Đấng Christ và làm theo sự dạy dỗ của Ngài để ngày càng trở nên giống Ngài hơn và hoàn thành ý muốn của Ngài trên đời sống của họ. Trong Tân ước, môn đồ không phải là một Cơ đốc nhân “tiên tiến”: mọi người được gọi là môn đồ ngay từ thời điểm họ bắt đầu đi theo Chúa Giê-xu và miễn là họ tiếp tục đi theo con đường của Ngài. Mười hai sứ đồ có một sự kêu gọi đặc biệt để làm sứ đồ, nhưng họ vẫn tiếp tục được gọi là môn đồ (Mac 3:7, 13-25). Trong Công vụ 14 từ ngữ “môn đồ” được dùng để gọi những người ở Đet-bơ vừa mới quay trở lại với Đấng Christ (câu 20-21), những tín hữu trẻ đến với Đấng Christ trong chặng đầu tiên của hành trình truyền giáo của Phao Lô và Ba-na-ba (câu 22) và những tín hữu trưởng thành hơn ở An-ti-ốt là những người đã sai họ ra đi (câu 28). Như vậy môn đồ của Chúa Giê-xu là một người theo Chúa Giê-xu không phân biệt mức độ trưởng thành. Tuy nhiên, trong chương này chúng tôi chủ yếu quan tâm đến những giai đoạn đầu tiên trong đời sống của môn đồ.

Chúng tôi định nghĩa *môn đồ hóa* là việc giúp đỡ những người mới theo Đấng Christ được vững vàng, chắc chắn, kiên định, và an toàn trong Ngài cũng như giúp họ trong sự vâng phục Ngài. Nếu chúng ta được kêu gọi để môn đồ hóa, thì chúng ta phải biết rõ ràng về những điều Chúa Giê-xu mong đợi nơi môn đồ của Ngài và những gì Ngài hứa với họ. Bảng 11.3, so sánh giá phải trả và phần thưởng của việc theo Chúa Giê-xu được sử dụng bởi một nhóm mở mang Hội Thánh trong các nỗ lực môn đồ hóa.

Bảng 11.3
Đặc Điểm Và Phần Thưởng Của Một Môn Đồ

Đặc điểm của một môn đồ	Phần thưởng của một môn đồ
Cứ ở trong Đấng Christ và Lời Ngài	Được Chúa Giê-xu và Cha Ngài yêu mến Giăng 8:31; 15:4-6 Giăng 15:9, 15
Vâng giữ điều răn của Ngài	Được nhậm lời cầu nguyện Giăng 14:15; 15:10, 14 Giăng 15:7, 16
Yêu Chúa Giê-xu hơn bất cứ ai	Sanh nhiều quả Mat 10:37 Giăng 15:5, 8
Yêu người khác bằng tình yêu của Chúa Giê-xu	Trở nên giống Chúa Giê-xu hơn Giăng 13:35; 15:12, 17 Lu ca 6:40
Làm chứng về Chúa Giê-xu	Kinh nghiệm sự vui mừng lớn Giăng 15:27 Giăng 15:11
Tự bỏ mình	Kinh nghiệm sự bình an kì diệu Mat 10:38; 16:24 Giăng 20:19-20
Chấp nhận bắt bớ	Được tia súa để sanh nhiều quả hơn Giăng 15:20 Giăng 15:2
Tin cậy Chúa Giê-xu	Được đầy đầy Đức Thánh Linh Giăng 14:1 Giăng 14:16; Công vụ 1:8

Mô tả của Chúa Giê-xu nhắc nhở chúng ta rằng việc trở thành một môn đồ là một sự biến đổi đời sống, không đơn giản là tiếp thu một số định đề mới về tín lý và các hành vi tôn giáo. Đó là một con đường mới được hướng dẫn bởi Lời Chúa và Đức Thánh Linh, được thúc đẩy bởi một tâm trí biến đổi, một tấm lòng biết ơn, và một tình cảm mới. Vì vậy, trọng tâm không phải là việc trở thành một thành viên ngay thật của Hội Thánh mà là trở thành một người theo Chúa Giê-xu cách trung tín, thuận phục và có kết quả – dù thuộc về một cộng đồng đức tin là một kết quả là một dấu hiệu bên ngoài quan trọng.

Sự tăng trưởng là thước đo sự tiến bộ trong việc môn đồ hóa. Các môn đồ tăng trưởng theo nhiều cách, và những chiều kích tăng trưởng này không thể tách rời với nhau; Đức Chúa Trời mong đợi tất cả. Chúng ta có thể thấy trong Kinh Thánh ít nhất bảy cách mà Đức Chúa Trời mong đợi môn đồ tăng trưởng và sinh sản để đem lại vinh hiển cho Ngài:

- Về tính chất là trái của Thánh linh (Giăng 15; Ga 5:22-23), trưởng thành trong Đấng Christ (Êph 4:15), đức tin và sự yêu thương (2 Tê 1:3)
- Về sự hiểu biết và lẽ thật trong Lời Chúa (1 Phi 2:2; 2 Phi 3:18)
- Về sự phục vụ và cầu nguyện (Công vụ 6:1-5; Êph 6:10-20).
- Về sự yêu thương và gây dựng lẫn nhau (Giăng 17:20-26; Êph 4:1-6; Côi 3:12-17)
- Về sự làm chứng và ảnh hưởng có tình truyền giáo (Công vụ 1:8; 1 Tim 5:7-10; 1 Phi 3:15)
- Về ảnh hưởng xã hội (Mat 4:23-25), bao gồm sự chữa lành (Công vụ 9:32-43), đuổi quỷ (Công vụ 19:19), công bằng xã hội (Gia cơ 2:1-7), và chăm sóc những người có nhu cầu (Công vụ 4:34-37)
- Về sự hiệp một về mặt chủng tộc và những khác biệt khác (Giăng 17:20-23; Êph 2:11-22; Khải 5:9-10)

Tại sao có quá nhiều chiều hướng tăng trưởng? Để cho dân sự của Đức Chúa Trời rao truyền sự hiểu biết về Đấng Toàn năng, công bố sự ngợi khen về lòng thương xót của Ngài

cho thế giới (Êph 1:6-8; 1 Phi 2:9-10), và dắt đem mọi người từ mọi dân tộc đến tin nhận Đấng Christ và vâng phục Lời Ngài (Mat 28:18-20).

Môn Đồ Hóa Tập Thể

Môn đồ hóa được thực hiện theo cả bối cảnh cá nhân và tập thể. Cả cá nhân (Mat 8:22; 9:9; 19:21; Giăng 1:43) và nhóm (Mat 4:19; 10:38; 16:24; Giăng 10:27; 2 Tê 3:7-9) đều được kêu gọi theo Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu đã kêu gọi các môn đồ của Ngài một cách cá nhân, cho thấy rằng Ngài đã biết họ một cách cụ thể và có một kế hoạch cho đời sống cá nhân của họ (Giăng 1:48; 5:16). Điều này được nhấn mạnh bởi sự kiện trong thời của Chúa Giê-xu thì đa số các môn đồ chọn thầy của họ (Costas 1979).¹² Ngài gọi các môn đồ của Ngài là “bạn” (15:15) và “chiên của Ngài” (Giăng 10), đi theo sau từng con chiên trong sự nguy hiểm (Lu ca 15:1-6). Thậm chí trong bối cảnh của nhóm Chúa Giê-xu cũng đề cập đến các môn đồ một cách cá nhân và giải quyết những câu hỏi và nghi ngờ của họ cách cá nhân (Giăng 14:5, 8). Sự sửa sai cũng được giải quyết bắt đầu trên căn bản từng cá nhân (Mat 18:15-17). Mỗi quan hệ từng người một là một phương cách quan trọng nhưng không phải là duy nhất của việc môn đồ hóa trong công tác mở mang Hội Thánh.

Chúa Giê-xu và Phao Lô cũng thường đề cập đến các môn đồ một cách chung. Cách làm việc của họ là sử dụng việc giảng dạy mang tính đối thoại theo từng nhóm với số lượng khác nhau. Giống như những nhánh nho, các môn đồ được tìm thấy một cách tự nhiên theo từng cụm và cùng nhau tăng trưởng. Chúa Giê-xu luân phiên dành thì giờ với nhóm ba người (Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng), với nhóm mười hai sứ đồ, và với những nhóm lớn hơn. Môn đồ hóa trong những nhóm nhỏ có thể củng cố động cơ của các thành viên khi họ phát triển sự gắn kết của nhóm và có trách nhiệm với nhau. Đặc biệt là trong những xã hội có tính tập thể, các nhóm là bối cảnh mang tính tự nhiên và có sự thúc đẩy nhiều hơn là các cuộc gặp mặt một – một. Như vậy môn đồ hóa chứa đựng nhiều kiểu quan hệ có tính chất liên cá nhân và nhóm. Khi những điều này được giữ cân bằng và đặt trọng tâm vào Chúa Giê-xu, thì chúng giúp cho việc môn đồ hóa mang tính rộng rãi nhất và có hiệu quả nhất.

Môn Đồ Hóa Và Sự Nhân Rộng

Mục tiêu của môn đồ hóa là sự nhân rộng các chứng nhân được biến đổi bởi Thánh linh cho Đấng Christ, những người trở thành đại diện của nước Trời.

Có lẽ cộng đồng Cơ đốc nhân trong vòng ba thập kỷ đã được nhân lên bốn trăm lần, với mức tăng hàng năm là hai mươi hai phần trăm trong hơn một thế hệ, và tỷ lệ tăng trưởng tiếp tục giữ ở mức cao trong ba trăm năm. Vào đầu thế kỷ thứ tư, khi Constantine quy đạo, số lượng các môn đồ có thể đạt tới 10 hoặc 12 triệu, tức là khoảng chừng 10 phần trăm tổng dân số của đế quốc La mã. . . Hội Thánh đầu tiên đã tăng trưởng bằng việc nhân rộng khi các chứng nhân của Đấng Christ tái tạo cách sống của họ trong đời sống của những người khác. (Coleman 1987, 39-40)

Việc môn đồ hóa đòi hỏi sự giáo dục chính thức hoặc các nguồn lực sẽ đứng vững theo cách động viên hoàn toàn và nhân rộng; chỉ có việc môn đồ hóa mang tính đơn giản, hữu cơ, quan hệ và thích hợp với mọi tín hữu sẽ dẫn đến sự nhân rộng. Kiểu mẫu đó phải được dạy, làm mẫu và duy trì. Những cách nhân rộng có hiệu quả thường bao gồm cả việc chỉ dẫn cá nhân và trách nhiệm của nhóm nhỏ. Neil Cole (2004; 2005) đã làm mẫu và dạy cách sử dụng các nhóm môn đồ hóa như là một phương tiện của sự nhân rộng. Các môn đồ mà không thực

¹² Mặc dù có nhiều sự tương tự, Orlando Costas (1979, 15) liệt kê bảy khác biệt quan trọng giữa việc môn đồ hóa của các Ra-bi và của Chúa Giê-xu với môn đồ của Ngài.

hiện việc môn đồ hóa một cách riêng lẻ nhưng theo các nhóm nhỏ thì Cole gọi là “các nhóm biến đổi đời sống” sử dụng cách môn đồ hóa lẫn nhau và không cần đến các lãnh đạo được huấn luyện về mặt thần học.

Việc môn đồ hóa đặt trọng tâm vào sự giảng dạy của Chúa Giê-xu. Trong các sách Tin lành Ngài đã thường xuyên dạy dỗ cho các môn đồ về nước Trời, dùng các thí dụ, và chỉnh sửa những cách suy nghĩ sai lầm của họ. Ngài mong muốn họ sửa đổi mọi khía cạnh của đời sống đúng theo sự giảng dạy của Ngài dưới sự kiểm soát của Đức Thánh Linh (“vâng giữ” trong Mat 28:20). Phao Lô cũng sử dụng cách giảng dạy bằng chính cuộc sống để đem đến sự thay đổi trong cuộc sống. Ông nhắc nhở các trưởng lão Ê-phê-sô rằng: “Tôi rao truyền mọi điều lợi ích cho anh em, chẳng giữ lại điều gì, và dạy dỗ anh em nơi công chúng, hay từ nhà này sang nhà kia. . . Vì tôi đã công bố toàn bộ mục đích của Đức Chúa Trời cho anh em, không giữ lại điều gì” (Công vụ 20:20, 27).

Môn đồ hóa phải trả giá và tốn thời gian. Khi cố gắng để nhân rộng, những người mở mang Hội Thánh phải tránh những con đường tắt. Nhiều tác giả đã nhận ra ba giai đoạn trong kế hoạch xây dựng về mặt thuộc linh của Chúa Giê-xu (Bruce 1971; Hull 1988). Thật ích lợi khi hình dung sự sản sinh môn đồ như một quá trình, và có cách nào tốt hơn để làm theo ngoài cách mà Chúa Giê-xu đã làm với môn đồ của Ngài? Trong giai đoạn đầu tiên, các môn đồ quan sát Chúa Giê-xu giảng dạy, chữa bệnh và phục vụ. Sau đó họ được kêu gọi từ bỏ nghề nghiệp của mình theo Chúa Giê-xu. Trong giai đoạn thứ ba họ nhận sự dạy dỗ nhiều hơn và được sai đi để thực tập chức vụ.

Môn đồ hóa cũng phải trả giá bởi vì nó có liên quan đến việc dạy dỗ từ cuộc sống đến cuộc sống để mở rộng quyền làm chủ của Đấng Christ trên toàn bộ đời sống của một người: suy nghĩ, niềm tin, hành vi, quan hệ, và phẩm chất. Đây là mẫu mực của Tân ước. Chúa Giê-xu đã bước đi, trò chuyện, dạy dỗ, chỉnh sửa, thể hiện sự nuôi dưỡng, giúp đỡ và nhận sự giúp đỡ từ các môn đồ của Ngài. Hành động môn đồ hóa đầu tiên của Ngài là sự hiếu khách. Ngài hỏi hai môn đồ hiếu kỳ của Giảng Báp-tít: “Các người tìm ai?” và rồi mời họ cùng đến ở với Ngài một ngày (Giăng 1:38-39). Việc làm cha mẹ thuộc linh có thể cũng phải chịu sự đau đớn: Phao Lô nói với người Ga-la-ti rằng “Các con của ta ơi, vì các con mà ta lại phải chịu đớn đau của sự sinh đẻ cho đến khi Đấng Christ thành hình trong các con” (Ga 4:19).

Cha mẹ có trách nhiệm hoạch định về chỗ ở, dinh dưỡng, sự bảo vệ và sự luyện tập cho con cái của họ. Nhưng mỗi đứa con mỗi khác nhau, nên phải thực hiện sự chăm sóc và can thiệp cách riêng lẻ. Tương tự như vậy, một kế hoạch môn đồ hóa căn bản sẽ có một mối liên hệ tư vấn cơ bản, một nhóm môn đồ hóa qua đó tân tín hữu học về cách sống trong cộng đồng, và một kế hoạch học Kinh Thánh để hình thành những cách suy nghĩ mới theo Kinh Thánh và hành vi đúng theo Lời Chúa. Hội Grace Brethren nằm trong số những cố động viên mạnh mẽ nhất cho việc xem môn đồ hóa là trung tâm của công tác mở mang Hội Thánh. Phụ chú 11.3 giải thích một vài nguyên tắc căn bản mà họ sử dụng trong “chiến lược nhóm mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ” của họ (Julien 2000).

Những Vấn Đề Đặc Biệt Trong Công Tác Môn Đồ Hóa

Sự hiểu biết là điều cần thiết giúp cho các môn đồ mới có những nan đề cá nhân sâu nặng về mặt nhận thức hoặc thuộc linh. Mặc dù mọi tín hữu đều là những tạo vật mới trong Đấng Christ, nhưng có thể họ có một lịch sử về những thói quen thuộc linh hư hoại tạo nên những xiềng xích của ma quỷ. Các thói quen tội lỗi, nếu không nhận ra và từ bỏ sẽ bóp nghẹt hạt giống của sự sống mới.

Các Cơ đốc nhân mới gia nhập vào cộng đồng Cơ đốc vẫn còn những xung đột chưa được giải quyết và những hình thức quan hệ không lành mạnh. Giống như người đàn bà Sa-ma-ri, một số người có những bất ổn trong hôn nhân và gia đình. Họ cũng có những sai trật từ thế

giới quan trước kia và cần một sự biến đổi về thể giới quan. Trong tất cả những trường hợp này công tác môn đồ hóa phải chỉnh sửa cũng như phát triển. Phải giải quyết những thực tại nằm bên dưới bề mặt. Những hình thức nói dối và hủy hoại của Sa tan phải được cảnh cáo trong sự yêu thương. Rất hữu ích nếu có một vài người trong nhóm mở mang Hội Thánh có

Phụ chú 11.3

Môn Đồ Hóa Và Chiến Lược Nhóm Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ

1. Môn đồ hóa là nhiệm vụ chính của công tác mở mang Hội Thánh

Sự phát triển những gia đình thuộc linh mạnh mẽ, lãnh đạo và các Hội Thánh đều được dựa trên việc môn đồ hóa những người trung thành trong sự vâng giữ tất cả mọi điều mà Đấng Christ đã truyền (Mat 28:6-20). Các môn đồ mạnh khỏe và tăng trưởng là những tảng đá xây nên Hội Thánh mạnh mẽ và tăng trưởng. Cả sách Công vụ các sứ đồ và lịch sử Hội Thánh đều chứng tỏ rằng các Hội Thánh được thành lập ở nơi có nhiều môn đồ trung tín và có khả năng sinh sản của Chúa Giê-xu.

2. Đặt trọng tâm của công tác môn đồ hóa vào sự phát triển kỷ luật tăng trưởng cá nhân.

Nhiều hình thức thuộc môn đồ hóa truyền thống dẫn đến sự phụ thuộc vào các giáo viên và tài liệu môn đồ hóa – đó là môn đồ hóa thụ động. Tuy nhiên, những người quy đạo nào phát triển khả năng xây dựng một mối quan hệ sâu sắc với Đức Chúa Trời thông qua việc luyện tập kỷ luật tăng trưởng Cơ đốc sẽ có trách nhiệm đời sống thuộc linh của họ (Ês 5:14). Năm kỷ luật căn bản của môn đồ là học Kinh Thánh, cầu nguyện, thờ phượng, thông công và làm chứng. Những hoạt động khác là thứ yếu so với sự phát triển những kỷ luật này, bởi vì chúng là trung tâm để tăng trưởng trong sự đồng hành với Đức Chúa Trời.

3. Sử dụng các phương pháp môn đồ hóa thúc đẩy sự khám phá cá nhân về chân lý của Đức Chúa Trời.

Tầm quan trọng của mục vụ dạy dỗ vẫn không hề giảm khi việc ưu tiên là giúp cho các tín hữu mới tự tìm hiểu Lời Chúa và tự nuôi dưỡng chính họ. Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ chính Ngài cho con cái của Ngài khi họ tìm kiếm Chúa qua Lời của Ngài. Mục tiêu của người cố vấn là giúp cho các môn đồ mới tự khám phá. Khi việc học được dựa trên sự nghiên cứu và khám phá cá nhân thay vì dựa trên khả năng dạy và động viên của người khác, thì các môn đồ có khả năng tự nuôi dưỡng sự đồng hành của họ với Đức Chúa Trời và giúp đỡ cho những người khác cũng làm như vậy.

4. Thiết lập các hình thức môn đồ hóa lẫn nhau.

Một trong những cách tốt nhất để tránh hiện tượng phụ thuộc, thúc đẩy sự khám phá cá nhân về lẽ thật Kinh Thánh, và phát triển các phẩm chất lãnh đạo là tổ chức việc môn đồ hóa xoay quanh khái niệm chịu trách nhiệm lẫn nhau. Kiểu môn đồ hóa này đặt trách nhiệm phát triển kỷ luật tăng trưởng cơ đốc vào chính các tín hữu. Người mở mang Hội Thánh trang bị cho những người khác để giúp đỡ lẫn nhau và chịu trách nhiệm lẫn nhau về kỷ luật thuộc linh của họ. Điều này đề cao sự tự chủ và trách nhiệm cá nhân đối với bản thân và sự thịnh vượng về thuộc linh của những người khác.

5. Sử dụng nhà làm bối cảnh chính cho việc môn đồ hóa

“Không có nơi nào để cho việc này [sinh sản qua công tác môn đồ hóa] được thể hiện rõ hơn là tại nhà của Cơ đốc nhân. Tại đây, nơi mà tình bạn mang tính tự nhiên và chân thật nhất, việc truyền giáo xem là trung tâm . . . việc làm chứng không phải là một kỹ thuật hay chương trình, nhưng là một lối sống” (Coleman 1987, 92-93). Một trong những

đức tính bị lãng quên nhiều nhất trong các xã hội phương Tây là sự hiếu khách. Đời sống gia đình cung cấp sự chỉ dẫn nhiều nhất cho các tân tín hữu (sử dụng tài liệu của Julien 2000).

khả năng và ân tứ về công tác tư vấn giúp cho các tân tín hữu vượt qua những vấn đề đó đúng theo Kinh Thánh, và một vài người có khả năng biện giáo hoặc biết về tôn giáo của nhóm người mục tiêu để giúp trả lời những câu hỏi và nhận ra những sai lầm.

Khi một tín hữu mới người Trung Hoa tự tử, Hội Thánh địa phương đã bàng hoàng và người mở mang Hội Thánh bối rối. Người đàn ông trẻ đó từng là một môn đồ trung tín và có vẻ là một lãnh đạo tương lai đầy hứa hẹn. Anh ta chưa bao giờ chia sẻ những xung đột và tranh chiến nội tâm của mình, dầu vậy, anh ta đã tiếp tục sống trong giả hình và thất bại. Người mở mang Hội Thánh đã nhận xét trong một lá thư: “Tôi nghĩ có một nhu cầu lớn về . . . sự quan tâm đến cuộc chiến thuộc linh, nơi mỗi người có một cơ hội để đối phó với những đôn lũy và cơ sở của tội ác mà họ đã cho phép ngự trị trong lòng trước đó và sau khi bắt đầu đi theo Đấng Christ.” Cần có một vài hình thức ảnh hưởng về mặt thuộc linh. Đôi khi điều này được thực hiện trong thời gian chuẩn bị cho việc làm báp têm. Những công cụ đánh giá được sử dụng bởi Hội Tự Do Trong Đấng Christ có thể hữu ích (Anderson 2001). Tuy nhiên, cần phải có nhiều hơn. Sau đây là một vài đề nghị:

- Dự đoán những đôn lũy về văn hóa/thuộc linh này bằng cách nghiên cứu lịch sử, các tội lỗi xuất phát từ văn hóa, và những xuyên tạc trong thế giới quan của nhóm người mục tiêu.
- Liên tục tạo ra một không khí nhân từ và tin cậy trong cộng đồng.
- Đầu tư vào việc tạo các quan hệ cá nhân để có thể giao tiếp một cách chân thật về những vấn đề và sự tranh chiến.
- Hỏi ý kiến những tín hữu trưởng thành tại địa phương là những người hiểu biết những phức tạp về mặt văn hóa và có thể quen biết nguồn gốc gia đình cũng như cá nhân của tín hữu mới.
- Luyện tập về nhận thức thuộc linh thông qua sự cầu nguyện và cẩn thận lắng nghe những hình thức xung đột hoặc tranh chấp.
- Yêu cầu tân tín hữu nói về hành trình tôn giáo và thuộc linh của họ và đặt ra các câu hỏi.

ĐỒNG BỘ HÓA MỘT CÁCH KHÔN KHÉO SỰ TĂNG TRƯỞNG DO CHUYỂN HỘI

Những Cơ đốc nhân hiện hữu thường bị hấp dẫn đến một Hội Thánh mới thành lập. Sự tăng trưởng Hội Thánh do sự tăng thêm các thành viên là những tín hữu cũ được gọi là *sự tăng trưởng do chuyển hội*. Họ đến do nhiều nguyên nhân khác nhau: vì họ có một khái tượng về Hội Thánh mới, vì họ thay đổi chỗ ở và chưa có một Hội Thánh nhà hoặc vì tò mò. Nhưng một vài người có thể chạy trốn những rắc rối trong mối quan hệ hay xung đột tại một Hội Thánh khác. Trường hợp xấu nhất là khi những người mới đến có động cơ ngầm, muốn thể hiện quyền lực hoặc ảnh hưởng trên Hội Thánh mới lập. Những người có những tín lý hoặc truyền thống khác nhau có thể trở thành nguồn gốc của xung đột nếu Hội Thánh không đáp ứng những mong đợi của họ. Điều quan trọng là phải tìm hiểu những tín hữu chuyển hội này có phải là những người đến để giúp đỡ và là những môn đồ sẵn lòng học hỏi hay là những người bất bình làm hao tổn sức lực. Chưa hết, một số có thể là sói đội lột chiến đến để phá hoại hoặc gây chia rẽ. Mục tiêu là để nhận ra những người đến với những lý do đúng đắn và kết hợp họ vào trong khái tượng mở mang Hội Thánh. Có thể dùng những hướng dẫn sau đây:

1. Một vài người trong nhóm mở mang Hội Thánh nên gặp những người mới đến, tìm hiểu về lịch sử của họ và lý do mà họ đến, và tìm cách liên lạc với Hội Thánh trước đây của họ.
2. Liên lạc với Hội Thánh cũ của họ và tìm hiểu họ ra đi vì lý do nào. Hợp tác với Hội Thánh cũ của họ nếu trường hợp này thuộc diện kỷ luật của Hội Thánh.
3. Hỏi những người sẽ trở nên thành viên mới là họ tìm kiếm điều gì trong Hội Thánh và những niềm tin và giá trị chủ yếu của họ là gì. Trình bày niềm tin, giá trị và khái tượng của bạn và xem thử có phù hợp với nhau không.
4. Bất kể kinh nghiệm và trưởng thành của họ như thế nào cũng đừng đưa họ vào vị trí có ảnh hưởng hoặc lãnh đạo một cách nhanh chóng. Mà nên mời họ làm việc phục vụ trong những công việc đơn giản. Hãy quan sát về tinh thần khiêm nhường, hợp tác và vâng phục.
5. Nếu động cơ của họ là tốt thì hãy làm cho họ cảm thấy được hoan nghênh và giúp họ chuyển vào một nhóm nhỏ. Bảo đảm có một người nào đó trong Hội Thánh hoặc trong nhóm công tác xây dựng mối quan hệ tin cậy với họ, khích lệ họ, và giúp họ tìm được vị trí của mình trong gia đình.

Hình Thành Một Cộng Đồng Nền Tảng Và Bắt Đầu Huấn Luyện Lãnh Đạo

Trong giai đoạn bắt đầu thì cộng đồng nền tảng của Hội Thánh tương lai sẽ được hình thành. Các tín hữu mới sẽ gặp nhau trong các nhóm nhỏ để thực hiện việc môn đồ hóa, cầu nguyện, thờ phượng và hoạch định. Những tín hữu mới này trở thành những hạt nhân của Hội Thánh. Vì vậy điều quan trọng là phải dần dần làm cho họ thấm nhuần tư tưởng rằng họ là dân sự của Đức Chúa Trời, một thân thể đặc biệt của các tín hữu, là anh chị em trong Đấng Christ. Hình ảnh này sẽ được phát triển thêm trong giai đoạn kế tiếp. Nhưng ngay từ đầu, cần phải khuyến khích một sự thông công và gắn bó thuộc linh. Những giá trị chủ yếu của khái tượng mở mang Hội Thánh phải được dạy và làm mẫu. Các xung đột cần phải được giải quyết trong tình yêu thương và đúng theo Kinh Thánh. Bản chất di truyền (AND) của Hội Thánh sẽ dần dần được hình thành trong giai đoạn này.

Các lãnh đạo tương lai của Hội Thánh thường nằm trong số những môn đồ mới đầu tiên. Trong chương 17 chúng tôi sẽ thảo luận đầy đủ về cách phát hiện và phát triển lãnh đạo trong một Hội Thánh mới thành lập. Nhưng một lần nữa, thậm chí từ những ngày đầu tiên, trách nhiệm phải được giao cho các tín hữu địa phương gánh vác ngày càng nhiều. Khuynh hướng tự nhiên của họ là trông chờ những người mở mang Hội Thánh thực hiện mục vụ, nhưng phải khích lệ họ ban cho người khác những điều mà họ đã nhận. Các tín hữu mới có thể chia sẻ lời chứng của họ, bắt đầu môn đồ hóa một tín hữu mới khác, và giúp đỡ những người khác theo những cách thực tế. Bằng việc tạo ra một đặc trưng về sự trao quyền, những người mở mang Hội Thánh sẽ vừa động viên các tín hữu địa phương thực hiện mục vụ ngay từ đầu, vừa chống lại tư tưởng cho rằng một người phải được huấn luyện kỹ càng hoặc phải là tín hữu lâu năm mới có thể phục vụ được. Đây là đặc trưng quan trọng trong toàn bộ quá trình sinh sản và động viên. Những hạt giống cho sự sinh sản của Hội Thánh đã được gieo ra chính tại đây: một tín hữu mới truyền giáo cho những người khác, một môn đồ mới môn đồ hóa những người khác.

Nạn Đề Về Sự Hao Hụt

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng tại nhiều nơi trên thế giới Hội Thánh Tin lành đều có “nạn đề cửa sau”: những tín hữu vắng lai, thành viên, và các tín hữu mới có thể gia nhập Hội Thánh một thời gian rồi sau đó bỏ đi không bao giờ quay lại (Rainer 1999; Stetzer 2001;

King 2007).¹³ Một số người ước tính rằng tại Hoa Kỳ năm mươi phần trăm hoặc hơn số người thêm vào Hội Thánh đã rời rớt trong vòng một năm (Klippenes 2001). Lý do của việc này thì có rất nhiều và khác nhau, nhưng các nghiên cứu từ nhiều bối cảnh khác nhau cho thấy rằng đó là do sự lặp lại thường xuyên các chủ đề. Tại Costa Rica hầu như một phần ba những người rời Hội Thánh đã nhận trách nhiệm về sự lựa chọn của họ và nói rằng hành động và lối sống của họ đã đưa đến sự lựa chọn đó (Gomez 1996). Một phần ba khác thất vọng về sự quản lý tài chính hoặc các hành vi của các lãnh đạo cũng như thành viên. Một phần ba cuối cùng đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau như áp lực của gia đình và bạn bè, sự mời gọi của nhóm tôn giáo khác, hoặc không được giúp lúc khó khăn. Rất ít người nêu những lý do bởi các yếu tố bên ngoài như sự bắt bớ.

Nhiều người chưa bao giờ hiểu được ý nghĩa của Phúc âm và quyết định đi theo Chúa Giê-xu của họ. “Các kết quả cho thấy rằng phải có một cam kết bởi các lãnh đạo hầu cho ý nghĩa, nội dung, những mong đợi và quyền lợi gắn liền với sứ điệp cứu rỗi được hiểu một cách rõ ràng trong vòng năm đầu tiên sau khi quy đạo. Bốn mươi một phần trăm những người được phỏng vấn trong số những người tin Chúa khoảng một năm trở lại không hiểu rõ ràng về sứ điệp cứu rỗi mà họ được nghe” (Gomez 1996, 68). Tuy nhiên, cần phải làm từng bước để

Bài học thực tế 11.4

Các Hội Thánh Thành Công Nhiều Trong Việc Đóng Cửa Sau

Mười một yếu tố được tìm thấy trong Gómez 1996, 135-37

1. Họ sử dụng các nỗ lực truyền giáo tập thể cũng như cá nhân chứng đạo.
2. Họ đặt trọng tâm vào những người chưa được tiếp cận.
3. Các thành viên của Hội Thánh hiểu biết rõ ràng về Phúc âm, truyền giáo, việc làm và ân điển, và sứ điệp về thập tự giá.
4. Họ thể hiện một mức độ cao trong sự chăm sóc.
5. Họ có nhiều thành viên đã được môn đồ hóa và có thể giúp đỡ các tín hữu mới.
6. Họ vững vàng về giáo lý.
7. Họ trang bị cho các thành viên để chỉ dẫn cho những người khác.
8. Họ giữ quân bình trong sự chăm sóc các nhu cầu của mọi người.
9. Họ có nhiều lãnh đạo luôn sẵn sàng giúp đỡ bằng những lời khuyên.
10. Họ có nhiều nỗ lực và chương trình để giúp đỡ các tân tín hữu.
11. Họ nỗ lực tìm kiếm và tái hòa nhập những người đã ra đi.

giảm sự hao hụt. Ví dụ, theo Patrick Johnstone (2001, 206), việc đề cập đến nạn đói cách trực tiếp tại Costa Rica đã giúp làm giảm tỷ lệ hao hụt và thúc đẩy một làn sóng tăng trưởng mới.

Chúng ta sẽ không duy trì được một trăm phần trăm và cũng không cố gắng làm như vậy. Có một số người *nên* ra đi. Về mặt tích cực, chúng ta nên tiên phong và hỏi “Điều gì giúp duy trì những tín hữu thực?” Một nghiên cứu về các Hội Thánh Ngũ Tuần tại Brazil cho thấy rằng trong khi có nhiều người được hấp dẫn đến Hội Thánh bởi sự chữa lành và những việc siêu nhiên, thì việc khép kín các mối quan hệ cá nhân đưa đến sự hao hụt (Duck 2001, 230-32, 238-48, 331-44). Một điều tra về tỷ lệ hao hụt cao đặc biệt trên tám mươi phần trăm các tín hữu mới trong vòng dân Nso ở Cameroon đã thấy sáu yếu tố quan trọng: tham gia các lớp học về “tính giá” trước khi báp têm, tham dự lớp tiền báp têm trong buổi thờ phượng, đã gia nhập một Hội Thánh thuộc hệ phái khác trước đây, tham gia vào các hoạt động truyền giáo, tham gia vào việc hướng dẫn thờ phượng, tiếp xúc và quy đạo bởi một nhà truyền giáo (Kee

¹³ Phần lớn tư liệu trong mục này chúng tôi vay mượn trong nghiên cứu của Gomez 1995 và Hibbert 2008.

1991). Tại Đài loan người ta thấy rằng các tín hữu mới hầu như sẽ ở lại Hội Thánh nếu họ có một mối quan hệ chặt chẽ và lâu dài với một Cơ đốc nhân trước khi họ tin Chúa, và điều này được hiểu như một lời cảnh cáo chống lại những người vội vã quyết định tin theo Đấng Christ (Swanson 1986). Bài học thực tế 11.4 mô tả các Hội Thánh tại Costa Rica có hiệu quả trong việc duy trì số lượng tín hữu.

Trong bối cảnh Bắc Mỹ, Thom Rainer đã viết một cuốn sách mà tựa đề của nó nhấn mạnh đến một yếu tố quan trọng cho sự duy trì, *Bí Quyết Để Giữ Tín Hữu Trong Hội Thánh Của Bạn* (1999). Về bản chất, các Hội Thánh có nhiều mong ước sẽ gặt hái được nhiều. Larry Osborne (2008), mục sư của một trong những Hội Thánh lớn nhất tại Mỹ, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hòa nhập những người mới vào những nhóm nhỏ trên cơ sở bài giảng để “gắn các tín hữu vào mục vụ.”

Tóm lại, việc giảng sự hao hụt và nâng cao số người ở lại có thể được cải thiện bằng cách quan tâm đến những vấn đề sau đây trong công tác môn đồ hóa các tân tín hữu:

- *Thuộc linh*: giải thích rõ ràng về Phúc âm và giá phải trả trong việc theo Chúa, và cầu nguyện cho các tân tín hữu để họ được vững vàng trong đức tin
- *Về tri thức*: giúp cho các tân tín hữu hiểu Kinh Thánh, hòa nhập đức tin mới của họ vào đời sống hàng ngày và phát triển một thế giới quan Kinh Thánh
- *Về xã hội*: giúp cho các tân tín hữu xây dựng mối quan hệ cá nhân gần gũi với những tín hữu khác để họ có được một mối quan hệ xã hội mới, sự hỗ trợ, một tính cách cũng như một kinh nghiệm đầy yêu thương trong gia đình của Đức Chúa Trời
- *Về đạo đức*: giúp các tân tín hữu biết cách chiến thắng tội lỗi – một mặt sống bởi ân điển của Đức Chúa Trời và mặt khác xem trọng tầm quan trọng của một đời sống thánh hóa

Nếu môn đồ hóa là tâm điểm của công tác mở mang Hội Thánh, và nếu các môn đồ là những người theo Chúa luôn biết vâng phục và sẽ trở nên giống như Chúa của mình, thì sẽ hợp lý khi đánh giá thành công của chúng ta trong việc mở mang Hội Thánh bằng số lượng và chất lượng của các môn đồ. “Môn đồ hóa là một tiêu chí không thể thiếu để đánh giá sự trung thành trong việc truyền giáo. Một cách để đánh giá chương trình truyền giáo của chúng ta là đặt ra ba câu hỏi: (1) Nó có đưa dẫn mọi người theo Chúa Giê-xu ở mỗi ngã rẽ của cuộc đời không? (2) Nó có giúp họ tham gia vào sứ mạng của Chúa Giê-xu trong thế giới không? (3) Nó có dạy họ vâng lời Ngài trong mọi sự không? Đi theo, tham dự và vâng phục – là những đặc điểm của công tác môn đồ hóa đích thực của một tổ chức truyền giáo Cơ đốc trung tín” (Costas 1979, 24).

Giai Đoạn Thành Lập

Tổ Chức Hội Chúng Và Trưởng Thành

Sau khi đã bắt đầu công việc mở mang Hội Thánh, những tín hữu đầu tiên đang tăng trưởng thành những môn đồ trung tín của Đức Chúa Giê-xu Christ. Trong giai đoạn này nhóm tín hữu đó sẽ bắt đầu thực hiện mọi chức năng của một Hội Thánh, tiên xa hơn công việc truyền giáo và môn đồ hóa. Lúc này ý thức trở thành một cộng đồng, thân thể của Đấng Christ, phải được vun trồng, nuôi dưỡng và bày tỏ ra. Công tác truyền giáo và môn đồ hóa vẫn tiếp tục, nhưng ý thức trở thành dân sự của Đức Chúa Trời, Hội Thánh địa phương của Đấng Christ, bắt đầu định hình. Cộng đồng tín hữu là dân lựa chọn của Ngài, được kêu gọi để ngợi khen sự vinh hiển của Ngài, và được sai đi với một sứ mạng chung. Với ý nghĩa về sự kêu gọi và đặc trưng như vậy, các tín hữu không còn là một tập hợp ngẫu nhiên các Cơ đốc nhân riêng lẻ, mà bắt đầu sinh hoạt như một Hội Thánh.

Tổng Quan Về Giai Đoạn

Diễn hình trong Kinh Thánh

Ở đây chúng ta xem xét nhiều hơn về các thư tín mô tả về sự sinh hoạt của các Hội Thánh mà Phao Lô đã thành lập.

Rô ma 12:3-8 và 1 Cô 12: Việc sử dụng các ân tứ Thánh linh để gây dựng thân thể Đấng Christ.

Rô ma 12:9-10 và 1 Tê 4: 1-9: Tăng trưởng trong sự yêu thương và trưởng thành.

Êph 5:19-20 và Hê 10:24-25: Nhóm lại thường xuyên để thờ phượng và khích lệ.

Ga 6:1-2: Sửa sai và mang lấy gánh nặng cho nhau.

Các bước chính

1. Tăng trưởng và phát triển sự sinh hoạt với tư cách là gia đình của Đức Chúa Trời.
 2. Khám phá, phát triển và sử dụng các ân tứ Thánh linh để gây dựng thân thể Đấng Christ.
 3. Bổ nhiệm một nhóm lãnh đạo lâm thời.
 4. Nhóm họp thường xuyên để thờ phượng chung.
 5. Nhân rộng các nhóm tế bào và các lãnh đạo nhóm.
 6. Hình thành các giá trị và chiến lược mục vụ lâu dài.
 7. Dạy về chức vụ quản gia
-

Các vấn đề quan trọng

1. Hiểu rõ ý nghĩa của một Hội Thánh
 2. Tăng trưởng về trách nhiệm đối với nhau
 3. Các tín hữu địa phương gánh vác trách nhiệm về các mục vụ
-

Tăng Trưởng Và Phát Triển Sinh Hoạt Với Tư Cách Là Gia Đình Của Đức Chúa Trời

Mỗi thông công của các tín hữu với tư cách là gia đình của Đức Chúa Trời là một trong những điều kỳ diệu nhất mà một Cơ đốc nhân mới kinh nghiệm được. Nhưng ý nghĩa về gia đình thuộc linh không phải luôn luôn đến một cách tự động. Trong hoàn cảnh các tín hữu đối diện với sự bất bỡ, đôi khi có những sự nghi ngờ hoặc không tin cậy những người tuyên bố là tín hữu.

Là một phần của quá trình môn đồ hóa, những người mở mang Hội Thánh phải bắt đầu dạy rõ ràng về bản chất của Hội Thánh, sử dụng các phần Kinh Thánh như Công vụ các sứ đồ hoặc Ê-phê-sô. Sự giảng dạy đó cũng phải được kèm theo *kinh nghiệm* về gia đình Đức Chúa Trời, Hội Thánh, theo những cách cụ thể. Trong Hội Thánh đầu tiên sự giảng dạy của các sứ đồ, sự thông công, sự bẻ bánh và sự cầu nguyện là những đặc điểm trọng tâm của sự sinh hoạt chung (Công vụ 4:42). Các tín hữu của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đã bán tài sản của họ để đáp ứng nhu cầu cho nhau (Công vụ 2:44-45; 4:32-35). Dùng bữa chung với nhau, hiếu khách, cầu nguyện cho nhau, và đáp ứng nhu cầu lẫn nhau là những dấu hiệu về công việc của Thánh linh thắt chặt một mối liên kết trong sự thông công. Những điều này cần phải được làm mẫu và khuyến khích bởi nhóm mở mang Hội Thánh.

Một sự hiểu biết về hình ảnh mới trong Đấng Christ của tín hữu gắn liền với ý thức về gia đình của Đức Chúa Trời. Trong nhiều bối cảnh, như thế giới Hồi giáo chẳng hạn, đây là một vấn đề quan trọng và gây tranh cãi. Một lần nữa, giảng dạy Kinh Thánh là điều bắt buộc. Trong Đấng Christ chúng ta là những tạo vật mới (2 Cô 5:17); chúng ta được sanh lại bởi Thánh Linh và Lời Chúa (Giăng 3:3-8; 1 Phi 1:23; 1 Giăng 5:1); và chúng ta trở thành con cái của Đức Chúa Trời với một Cha chung trên trời (Giăng 1:12; Ga 3:26; 1 Giăng 3:1-2). Sự đồng nhất với Đấng Christ là Cứu Chúa và Đức Chúa Trời là Cha cắt đứt mọi sự liên minh và ràng buộc khác. Quyền công dân của chúng ta là ở trên trời (Phi lip 3:20) và không còn phụ thuộc vào quốc tịch, chủng tộc, tình trạng kinh tế, giới tính, giai cấp, trình độ học vấn, hoặc bất cứ đặc điểm nào khác của con người. “Vì bởi đức tin trong Đấng Christ tất cả anh em đều là con Đức Chúa Trời. Người nào trong anh em đã được báp têm để thuộc về Đấng Christ đều mặc lấy Đấng Christ. Tại đây không còn phân biệt người Do Thái hay người Hy Lạp, người nô lệ hay người tự do, nam hay nữ, vì tất cả anh em đều là một trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Nếu anh em thuộc về Đấng Christ thì anh em là dòng dõi Áp-ra-ham, tức là những người thừa kế theo lời hứa” (Ga 3:26-29).

Đặc điểm mới này khắc phục được những phân rẽ mà đã tạo ra chiến tranh, kỳ thị chủng tộc, áp bức, bạo hành, và ghen ghét giữa các dân tộc và các cá nhân. Chỉ bởi thập tự giá của Đấng Christ và quyền năng biến đổi của Thánh Linh mới có thể phá vỡ những bức tường thù địch giữa các dân tộc. Không ở đâu có được sự cắt bỏ hàng rào phân cách giữa dân Do Thái và dân ngoại như trong Hội Thánh đầu tiên (Êph 2:14-17). Một gương xấu được thấy tại Hội Thánh Cô-rinh-tô, ở đó đặc điểm xã hội đã dẫn đến sự phân rẽ và đối xử không công bằng trong bữa ăn của lễ Tiệc thánh. Các Cơ đốc nhân thuộc giai cấp trên dường như ăn “riêng” trong một phòng nhỏ, trong khi các giai cấp thấp hơn ăn trong sảnh đường với một thực đơn khác. Phao Lô không có sự phân biệt đối xử như thế trong Hội Thánh (1 Cô 11:17-22; xem thêm Fee 1987, 533-34), Một tình huống tương tự đã xuất hiện tại một xã hội dựa trên giai cấp tại Micronesia, ở đó các Cơ đốc nhân thuộc các giai cấp khác nhau ăn tại các bàn khác nhau với những thực phẩm khác nhau tại một buổi picnic của Hội Thánh. Những căng thẳng về chủng tộc và giai cấp vẫn còn gây hại cho Hội Thánh khắp thế giới.

Vì vậy những Hội Thánh chúng ta thành lập đã thực sự là những cộng đồng dân Chúa phản ánh quyền tể trị của Đấng Christ và làm gương mẫu về mối quan hệ hòa hợp. Hình ảnh mới của chúng ta trong Đấng Christ và một ý thức về cộng đồng Cơ đốc phải được dạy và trải nghiệm trong Hội Thánh mới. Những rào cản xã hội rất sâu nặng và phức tạp. Chúng chỉ được khắc phục bằng sự kiên nhẫn, sự làm gương và giảng dạy kiên trì.

Một vấn đề nữa thường xảy ra trong bối cảnh Hội giáo và những bối cảnh tương tự: các tín hữu nên gọi mình là Cơ đốc nhân hay bằng những thuật ngữ khác như là *những người theo Isa [Giê-xu]*?¹ Từ *Cơ đốc nhân* thường dính liền với văn hóa Tây phương và những hình ảnh không hấp dẫn của nó như là tội ác, bạo lực, phóng túng, hình ảnh khiêu dâm, chủ nghĩa vật chất, giới trẻ vô lễ, chủ nghĩa thực dân, và những cuộc chiến xâm lược Hội giáo trong tiềm thức. Nhiều người cảm rằng thấy việc tránh dùng từ *Cơ đốc nhân* sẽ giúp tránh được những hiểu lầm và có thể ngăn ngừa việc các tín hữu mới bị tẩy chay ngay lập tức khỏi cộng đồng mà họ hy vọng tiếp cận. Câu trả lời cho những câu hỏi như vậy phụ thuộc khá lớn vào cách tiếp cận vấn đề bối cảnh hóa đã được vận dụng. Chúng tôi không thể mở rộng những vấn đề này ở đây, nhưng điều này cho thấy tầm quan trọng của việc nhóm mở mang Hội Thánh thông thạo những vấn đề thuộc bối cảnh để có thể đối phó một cách thích hợp với những thách thức như vậy. Các tín hữu địa phương cần được dự phần vào quá trình bàn luận và đưa ra quyết định liên quan đến vấn đề này.

Khám Phá, Phát Triển Và Sử Dụng Các Ân Tứ Thánh Linh Để Gây Dựng Thân Thể Đấng Christ

Các mục vụ truyền giáo và môn đồ hóa đã được làm mẫu trong giai đoạn trước. Bây giờ khi nhóm trưởng thành, các thành viên của nó phải bắt đầu chăm sóc và phục vụ lẫn nhau. Các Cơ đốc mới có thể dễ dàng có ấn tượng rằng những người mở mang Hội Thánh ở đó để phục vụ họ và Cơ đốc giáo chủ yếu là học Kinh Thánh, cầu nguyện, thờ phượng, và đáp ứng nhu cầu riêng của họ. Nhưng để trưởng thành trong sự bước đi với Đấng Christ thì cần phải làm theo gương mẫu của Ngài về sự phục vụ, quan tâm đến nhu cầu của người khác hơn là của chính mình (Mác 10:45; Phi líp 2:3-8). Khi các tín hữu trưởng thành dần và có ước muốn phục vụ, thì họ cũng phải tăng trưởng trong việc nhận thức và sử dụng các ân tứ Thánh Linh của mình. Những ân tứ này được ban cho với mục đích gây dựng thân thể của Đấng Christ (1 Cô 1:7; 1 Phi 4:10). Vì vậy việc giúp đỡ các tín hữu phát triển các ân tứ và các kỹ năng mục vụ của họ trở thành một nhiệm vụ quan trọng đối với người mở mang Hội Thánh trong giai đoạn này. Trong chương 17 chúng tôi sẽ mô tả chi tiết hơn các phương pháp trang bị cho các tín hữu về sự phục vụ.

Trong giai đoạn này các buổi thờ phượng chung công khai có thể được bắt đầu và cũng như thành lập các nhóm tế bào. Mục vụ cho thiếu nhi, các dự án phục vụ cộng đồng, và các sự kiện truyền giáo đặc biệt cũng có thể được khởi sự. Các mục vụ đó đòi hỏi thêm nhân sự, là những người có khả năng chấp nhận thách thức và phục vụ. Bởi vì Hội Thánh vào lúc này thường vẫn còn nhỏ, nên số lượng nhân sự vẫn còn hạn chế. Sự nhiệt tình có thể dẫn Hội Thánh đến chỗ muốn nỗ lực nhiều hơn khả năng của mình. Người mở mang Hội Thánh cần phải giúp cho Hội Thánh hiểu những hạn chế của mình và tập trung vào những mục vụ cơ bản. Mục vụ chỉ được mở rộng khi có đầy đủ các nhân sự được huấn luyện.

Làm thế nào để phát hiện ân tứ Thánh Linh của một người? Có vô số câu hỏi mà người đó cần phải trả lời. Những công cụ như vậy có thể là một điểm khởi đầu tốt để phát hiện những sự quan tâm và khích thích thảo luận nhưng chúng cũng có những hạn chế. Chúng thường không được soạn ra bằng nhiều ngôn ngữ và thường chỉ dành cho các Hội Thánh phương Tây. Bởi vì chúng là những bản tự báo cáo (nghĩa là một người đánh giá về những khả năng và sở thích của mình), cho nên chúng không phải luôn luôn chính xác. Tất cả chúng ta đều

¹ Xin xem Tennent 2007, 193-22 để rõ hơn về hình ảnh Cơ đốc và bối cảnh hóa trong bối cảnh Hội giáo.

biết rằng một người nghĩ mình có khả năng âm nhạc, nhưng không phải như vậy! Hơn nữa, sự kiểm chứng ân tứ Thánh Linh có thể làm nản lòng khi một người khám phá rằng mình có một ân tứ Thánh Linh nhưng dường như không có một mục vụ tương ứng để sử dụng.

Cách tốt hơn để khám phá các ân tứ là qua sự phục vụ trong thực tế. Khi người ta thử nghiệm nhiều cơ hội mục vụ khác nhau, thì họ thường khám phá được một niềm vui và kết quả mà họ không ngờ tới. Ân tứ của mỗi người cũng có thể được xác nhận bởi những người quan sát mục vụ của họ. Dĩ nhiên, ngay cả những người có ân tứ nhất cũng cần phải mài giũa và phát triển các ân tứ của họ thường xuyên, nhưng thường thì tiềm năng được biểu lộ sớm trong hành trình đức tin. Những người lãnh đạo nhóm nhỏ và mục vụ cần phải được dạy về cách phát hiện ân tứ và cách giúp đỡ các thành viên trong nhóm của họ phát triển và sử dụng các ân tứ đó.

Bổ Nhiệm Một Nhóm Lãnh Đạo Lâm Thời

Trong lúc Hội Thánh còn rất nhỏ và chỉ có một vài gia đình, việc đưa ra quyết định và hoạch định gần như là không chính thức với sự đồng thuận của nhóm. Nhưng khi Hội Thánh đã tăng trưởng thì cần có một nhóm lãnh đạo nhỏ. Lúc đầu nhóm này có thể là ủy ban hoạch định bao gồm mỗi gia đình một thành viên. Tuy nhiên, khi nhóm này đã vượt quá mười người thì việc hoạch định trở thành khó khăn và cần phải bổ nhiệm một nhóm nhỏ hơn để đưa ra quyết định.

Mục đích và phương thức để dựa vào đó bổ nhiệm các lãnh đạo này là rất quan trọng. Trong một số tình huống người mở mang Hội Thánh có thể chọn một số người để bổ nhiệm làm lãnh đạo trong một nhiệm kỳ hữu hạn. Ví dụ, nếu có nhiều nhóm tế bào, thì các lãnh đạo nhóm tế bào có thể hình thành nên nhóm lãnh đạo lâm thời. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp thì nên tiến hành một cách dân chủ hơn bằng việc bầu chọn. Bất kể sử dụng một cách tiếp cận nào thì cũng phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Tất cả những thành viên của Hội Thánh đều được phát biểu trong tiến trình quyết định các lãnh đạo. Dù là qua một tiến trình bầu chọn chính thức hay là bàn luận không chính thức, thì các ý kiến của họ cũng phải được tôn trọng. Điều quan trọng, thậm chí ở giai đoạn này, là các lãnh đạo phải được sự tín nhiệm và tin tưởng của những người lãnh đạo. Thật không may là những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa thường chọn các lãnh đạo là những người có vẻ hấp dẫn đối với tiêu chuẩn văn hóa và cá tính của họ nhưng thiếu sự kính trọng của những người địa phương. Rõ ràng là cần phải tránh điều này.
- Nhóm lãnh đạo này rõ ràng là phải được bổ nhiệm tạm thời, lý do là trong những tháng đầu tiên của Hội Thánh thì thường có rất ít tín hữu trưởng thành đủ tiêu chuẩn làm chức vụ trưởng lão. Nhưng cần phải có một nhóm đưa ra quyết định. Sau này trong giai đoạn tổ chức cơ cấu, có nhiều tín hữu trưởng thành đủ tiêu chuẩn đối với vai trò lãnh đạo Hội Thánh sẽ xuất hiện, lúc đó có thể đưa ra một sự kêu gọi chính thức hơn về các trưởng lão của Hội Thánh. Không phải mọi lãnh đạo tạm thời đều sẽ nằm trong số đó. Vì vậy vào thời điểm này thì điều khôn ngoan là tránh dùng những chức vụ chính thức như là *trưởng lão* và ngăn ngừa những kỳ vọng sai lầm và bất kỳ một thỏa hiệp nào đối với các tiêu chuẩn của Kinh Thánh về người lãnh đạo. Các từ ngữ như “nhóm lãnh đạo lâm thời,” “nhóm hoạch định,” “ủy ban điều hành” sẽ cho thấy rõ tính chất tạm thời của nhóm đưa ra quyết định.
- Vai trò của nhóm lãnh đạo lâm thời này phải được quy định rõ ràng là hoạch định, cầu nguyện và lãnh đạo tổ chức. Sự giám sát thuộc linh được tiến hành bởi các trưởng lão chưa được đề cập đến. Nhóm tạm thời này sẽ phục vụ theo cách như là một sự thử nghiệm về phẩm chất thuộc linh và khả năng lãnh đạo để sau này có thể bổ nhiệm vào vai trò lãnh đạo dài hạn.

Một trong những vai trò chính phải có trong giai đoạn này là người thủ quỹ. Trong giai đoạn này của Hội Thánh mới thì việc thu chi tài chính từ hội chúng trở nên cần thiết. Hội Thánh phải chịu trách nhiệm về nhu cầu tài chính cho các mục vụ, và như vậy phải có một người chịu trách nhiệm việc thu tiền, ghi chép và quản lý ngân quỹ. Để đảm bảo trách nhiệm thì nên có hai người kiểm tiền dâng và ngân phiếu. Nói chung là không khôn ngoan nếu người mở mang Hội Thánh đảm nhận vị trí này. Vì những lý do rõ ràng đây là một trách nhiệm nặng cảm đòi hỏi sự toàn hảo nhất, sự tin cậy của hội chúng, sự trưởng thành thuộc linh và những kỹ năng trong kế toán. Thật không may là nhiều Hội Thánh đã trải qua sự đau buồn và thối lui bởi vì bổ nhiệm sai người vào chức vụ này. Có quá nhiều cám dỗ khi một người không chỉ nắm giữ các nguồn tài chính (thường trong cảnh nghèo) mà còn biết về các hình thức dâng hiến của các thành viên. Một hình thức thích hợp về quản lý và trách nhiệm tài chính phải được thiết lập từ đầu. Một mức trách nhiệm cao không phải là dấu hiệu của sự thiếu tin cậy nhưng là sự bảo vệ khôn ngoan đối với người thủ quỹ cũng như hội chúng.

Thờ Phụng Chung Đầu Đạn

Nhóm họp thường xuyên để nghe giảng dạy, ca hát, khích lệ lẫn nhau, đọc Kinh Thánh, kỷ niệm sự thương khó của Chúa, nhận sự dâng hiến là biểu hiện tự nhiên của dân sự Đức Chúa Trời. Đây là điều mà chúng tôi muốn nói khi đề cập đến sự thờ phụng chung. Trong giai đoạn thành lập những hoạt động này trở thành một phần trong sự sinh hoạt chung của Hội Thánh.

Khi sự thờ phụng diễn ra chủ yếu tại nhà hoặc các nhóm nhỏ, chúng ta có thể nói đó là phong trào Hội Thánh Tư gia. Tuy nhiên, trong hầu hết các bối cảnh thì các nhóm tế bào hoặc các Hội Thánh Tư gia cũng cần tụ họp lại để có một buổi nhóm chung lớn hơn, dù là không thường xuyên. Chúng ta có một gợi ý về vấn đề này tại Hội Thánh Cô-rinh-tô: giống như tại hầu hết các Hội Thánh đầu tiên, các tín hữu Cô-rinh-tô đã tụ tập trong nhiều nhà như là những Hội Thánh Tư gia, nhưng “toàn thể Hội Thánh” cũng gặp nhau để thờ phụng chung tại một nơi, có lẽ là tại một nhà lớn hơn (1 Cô 14:23; xem thêm 1 Cô 11:20; Rô ma 16: 23; Gehring 2004, 139, 142).²

Một vài Hội Thánh hoặc do lựa chọn hoặc do bắt buộc³ vẫn duy trì phong trào Hội Thánh Tư gia với chỉ vài lần thờ phụng chung không chính thức trong các nhà riêng. Tuy nhiên, đa số các Hội Thánh cuối cùng đều chọn bắt đầu các buổi thờ phụng chung công khai. Trong nhiều bối cảnh thì sự phục vụ công cộng là một con đường tốt để mời những người chưa tin, để truyền giáo cho họ và giới thiệu họ đến các cộng đồng Cơ đốc. Trong một vài nền văn hóa thì việc vào nhà của một người lạ trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không thoải mái; vì vậy tham gia một buổi nhóm của Hội Thánh trong một nhà riêng sẽ bị coi là điều kỳ dị, và Hội Thánh có thể bị xem là một giáo phái nguy hiểm. Những buổi thờ phụng công khai chính thức hơn có thể giúp cho Hội Thánh có uy tín nhiều hơn và có thể mời được nhiều người ngoài Hội Thánh. Có thể thực hiện việc quảng bá cho các buổi nhóm chung để tạo thuận lợi cho những người không có quen biết cá nhân với những người trong Hội Thánh. Trong những bối cảnh như vậy cần phải quyết định là buổi thờ phụng chung như vậy được tổ chức cơ bản là cho nhu cầu của các tín hữu hay là nghiêng về mục đích truyền giáo để cho những người chưa tin tham dự có thể hiểu được và liên hệ được với những gì đang xảy ra. Trong Hội Thánh Tân ước chúng ta thấy cả hai mối quan tâm, gây dựng các tín hữu (Êph 5:19-20) và tạo ấn tượng cho người chưa tin (1 Cô 14:22-25).

² Điều này hỗ trợ cho quan điểm của nhiều học giả cho rằng Hội Thánh ban đầu tồn tại trong hai hình thức khác nhau: các Hội Thánh Tư gia nhỏ là nơi diễn ra hầu hết các hoạt động, và một hội chúng lớn hơn được họp thành bởi các Hội Thánh Tư gia, “toàn thể Hội Thánh” thì gặp nhau ít thường xuyên hơn (Gehring 2004, 157-59).

³ Có nhiều phong trào Hội Thánh Tư gia đang tăng trưởng nhanh chóng ở trong hoàn cảnh bất bớ hoặc trong tình trạng bị hạn chế về sự tự do đối với Cơ đốc giáo không thể tồn tại công khai như một Hội Thánh chính thức.

Thời gian và sự chuẩn bị cho sự bắt đầu giờ thờ phượng chung đều đặn phải được sự xem xét cẩn thận cùng với sự cầu nguyện. Bởi vì Hội Thánh Bắc Mỹ thường đặt trọng tâm vào việc khởi sự giờ thờ phượng chung công khai, có vô số nguồn lực sẵn có để hoạch định cho sự kiện. Chúng tôi chỉ tóm lược ở đây một vài yếu tố quan trọng cần phải quan tâm.

Thời Gian Bắt Đầu Thờ Phượng Chung

Bắt đầu quá sớm có thể khiến mọi người cảm thấy rằng Hội Thánh quá nhỏ, và nhân sự có thể bị quá tải trong việc chuẩn bị và hướng dẫn các buổi thờ phượng. Những người ủng hộ việc bắt đầu nhóm với số lượng lớn khoảng năm mươi đến một trăm người hoặc hơn tin rằng điều quan trọng là phải hấp dẫn những người khách tiềm năng và cung cấp một buổi thờ phượng có chất lượng (Gray 2007, 107-17). Cách tiếp cận này liên quan đến việc tạo được một hình ảnh công khai, lôi kéo được “số đông,” và xây dựng được một “hội chúng” và “lực lượng nòng cốt” từ số đông – làm việc từ một nhóm lớn để hình thành một nhóm nhỏ hơn (Sylvia 2006). Tuy nhiên, trong nhiều bối cảnh việc bắt đầu nhóm với số lượng lớn là một giải pháp bất khả thi bởi vì đơn giản là không có nhiều tín hữu. Đó là một lý do mà chúng tôi ủng hộ việc bắt đầu với một nhóm nhỏ môn đồ hóa, gây dựng nhóm qua việc truyền giáo và môn đồ hóa, rồi dần dần tiến đến buổi thờ phượng chung lớn hơn. Mặt khác, chờ đợi quá lâu mới bắt đầu thờ phượng chung đôi khi có thể dẫn đến việc mất động cơ thúc đẩy, gây đình trệ, hoặc tín hữu bỏ sang một Hội Thánh đã ổn định. Thường thì thời gian tốt nhất để bắt đầu thờ phượng chung là khi các tín hữu địa phương cảm thấy cần phải làm như vậy. Tuy nhiên, người mở mang Hội Thánh có thể cần phải tạo nên sự nhiệt tình của nhóm và suy nghĩ cẩn thận mọi điều kiện để bắt đầu.

Một số người ủng hộ Hội Thánh tế bào cho rằng chưa nên bắt đầu buổi thờ phượng chung cho đến khi có ít nhất là ba nhóm tế bào mạnh mẽ được hình thành. Lý do là khi tổ chức thờ phượng chung mỗi Chúa nhật thì công sức chuyển sang buổi thờ phượng và không còn tập trung cho các nhóm tế bào. Kết quả là sự sinh hoạt của các nhóm tế bào có thể bị sa sút. Hơn nữa, nếu chỉ có một hoặc hai nhóm tế bào tồn tại và một nhóm tan rã, thì sự sinh hoạt trong các nhóm tế bào của Hội Thánh sẽ bị lu mờ.

Đặc biệt khi thành lập một Hội Thánh trên cơ sở các nhóm tế bào, thì cần phải bắt đầu buổi thờ phượng chung mỗi quý hay mỗi tháng một lần. Theo thời gian khi số lượng các nhóm, các nguồn lực và khả năng tăng lên thì Hội Thánh có thể tổ chức các buổi nhóm chung thường xuyên hơn. Điều này có nhiều thuận lợi. Thứ nhất, trọng tâm sinh hoạt của Hội Thánh duy trì ở mức nhóm tế bào. Hội Thánh ở cấp độ nhóm tế bào không hề giảm sút tính chất “Hội Thánh” so với các Hội Thánh thờ phượng chung. Thứ hai, sự căng thẳng về mặt tài chính, sức lực và khả năng sẽ ít hơn nếu không thờ phượng chung thường xuyên. Việc chuẩn bị về âm nhạc, bài giảng, trang trí, chương trình cho thiếu nhi, . . . đòi hỏi một sự đầu tư đáng kể về thời gian và tiền bạc, điều này có thể là một gánh nặng lớn đối với một Hội Thánh nhỏ với hầu hết là tín hữu mới. Thứ ba, nơi nhóm có thể thuê theo giờ. Việc tìm một nơi nhóm cho các buổi thờ phượng theo quý hoặc tháng sẽ dễ hơn so với hằng tuần. Thứ tư, thậm chí dù chưa có thể nhóm hằng tuần được, thì việc nhóm định kỳ cũng giúp cho các tín hữu đánh giá khả năng của họ để thực hiện việc nhóm lại hằng tuần.

Đối với các Hội Thánh có ý định dùng buổi thờ phượng như là cơ hội cho công tác truyền giáo, chương trình hấp dẫn các thân hữu, thì đề nghị nên bắt đầu bằng những buổi thờ phượng “thử” để rút kinh nghiệm. Đây là những buổi thờ phượng được tổ chức một lần hoặc nhiều lần trước khi thực hiện giờ thờ phượng hằng tuần. Chúng tạo ra được sự hình dung cho cả nhóm tổ chức và cộng đồng, và tạo cơ hội cho Hội Thánh “thực tập” thờ phượng tại một địa điểm mới, phát triển các kỹ năng và chuẩn bị những vấn đề về hậu cần. Những buổi thờ phượng thử cũng là một cách để gây dựng nhóm nòng cốt của Hội Thánh trước khi bắt đầu những buổi thờ phượng hằng tuần.

Địa Điểm Bắt Đầu Thờ Phụng Chung

Việc xác định và tìm kiếm một nơi thích hợp để thờ phụng chung là một trong những thách thức lớn nhất ở giai đoạn này. Đặc biệt là tại các vùng đô thị, bất động sản và giá thuê rất đắt đỏ. Địa điểm, không gian và không khí của địa điểm là vấn đề rất quan trọng. Khi một

Bài học thực tế 12.1

Sự Thờ Phụng Tại Hội Thánh Gramin Pachin Mandal

Paul Pierson mô tả sự thờ phụng được bối cảnh hóa của Hội Thánh Gramin Pachin Mandal đang phát triển nhanh chóng trong vòng người Dalits ở Ấn độ.

“Mọi người tham gia thờ phụng chung mỗi tuần một lần. Sự thờ phụng này có thể vào bất kỳ một ngày nào, bởi vì mục sư phải chịu trách nhiệm cho mười hai hội chúng trong các làng, hướng dẫn thờ phụng hai lần một ngày. Không có hội chúng nào nhiều hơn bốn mươi gia đình. Khi đến lượt họ thì mục sư đến thăm viếng từng nhà một và mời họ đến thờ phụng. Họ cũng thực hiện việc chăm sóc và nhận sự dâng hiến vào lúc đó. Rồi mọi người tập hợp lại và tạo thành một vòng tròn. Nơi thánh, hoặc trung tâm thờ phụng có thể được tạo ra trong một vài phút. Nó được xây dựng theo quan niệm của người Hindu về một nơi thờ phụng để tôn kính Đức Chúa Trời. Mặc dù nó chỉ là nơi tạm thời được lập nên với một tấm thảm trên mặt đất nhưng được xem là nơi thánh và không ai đứng lên đó mà không cởi bỏ giày dép. Điều này nhắc nhở mọi người việc Môi-se đã cởi giày ra trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời” (Pierson 2004, 41).

Nhiều biểu tượng khác nhau được dùng để hỗ trợ cho việc giảng dạy. Bởi vì chín mươi lăm phần trăm tín hữu bị mù chữ, những lời cầu nguyện khác nhau đều được học thuộc lòng. Các mục sư dạy từ một giáo trình đã được sửa đổi cho phù hợp bao gồm toàn bộ Kinh Thánh, bản tuyên xưng đức tin và bài tín điều các sứ đồ. Nhiều bài thánh ca là những câu Kinh Thánh được phổ nhạc. Nhiều vở kịch đã được viết dựa theo các sách Phúc âm.

Hội Thánh lần đầu tiên tổ chức thờ phụng chung, thì đề nghị chỉ nên thuê một nơi nhóm theo giờ và tránh hợp đồng thuê dài hạn hoặc mua tài sản. Một Hội Thánh nhỏ thường không có tài chính để thuê hoặc thế chấp chỗ đất tiền, cho nên sẽ không khôn ngoan nếu nhờ vào một tổ chức bên ngoài cung cấp ngân quỹ cho việc đó. Để tăng cường sự cam kết và tránh sự phụ thuộc không lành mạnh, thì hội chúng phải dâng hiến để trang trải những chi phí đó. Việc thuê theo giờ cho phép sự linh động tối đa với chi phí tối thiểu. Khi Hội Thánh cần phát triển nơi nhóm, hoặc khi địa điểm không còn thuận tiện nữa thì có thể tìm một nơi khác và Hội Thánh không bị ràng buộc về mặt hợp đồng. Việc sở hữu tài sản có thể thuận lợi về sau, nhưng nhiều Hội Thánh mua tài sản sớm chỉ hối tiếc khi nó không còn phù hợp và khó khăn trong việc bán lại hoặc mở rộng.

Có nhiều giải pháp sáng tạo khi Hội Thánh tìm kiếm một nơi để thờ phụng tạm thời hoặc lâu dài. Những địa điểm có thể chọn bao gồm trường học, phòng hội nghị, khách sạn, trung tâm cộng đồng, các phòng họp của nhà bảo tàng hay thư viện, nhà hàng, phòng nghỉ của một xí nghiệp hay công sở. Một số Hội Thánh sử dụng những không gian mở công cộng như là công viên (xem bài học thực tế 12.1, Hội Thánh Gramin Pachin Mandal).

Ngoài việc phải xem xét về vấn đề khả năng, khi Hội Thánh đang trong quá trình hình thành cần nhắc địa điểm thờ phụng thì các lãnh đạo của Hội Thánh phải đặt ra những câu hỏi sau đây:⁴

⁴ Cũng xem Malphurs 1992, 295-302; Stetzer 2006, 239-50.

- Có đủ không gian cho số lượng người theo dự kiến không, và có đủ phòng cho các lớp thiếu nhi không? Có đủ độ ẩm, thông gió, và các tiện nghi vệ sinh không? Có thể nấu ăn hoặc dùng bữa tại địa điểm đó không?
- Các phòng có lôi cuốn, hấp dẫn và thuận tiện cho nhóm người mục tiêu không? Các phòng có quá sang trọng không (có lẽ không thoải mái với tầng lớp lao động hoặc người nghèo)? Chúng có quá đơn điệu (có lẽ không hấp dẫn đối với các thành viên thuộc các tầng lớp trên)?
- Có sẵn các tiện nghi, hệ thống âm thanh và những thứ cần thiết khác không hay phải mua những thứ đó?
- Có cần thiết phải cải tiến hay thay đổi cấu trúc không? Nếu vậy thì chúng sẽ được thực hiện như thế nào và được chi trả như thế nào?
- Vị trí đó có thể đi đến dễ dàng bằng phương tiện giao thông công cộng không, hoặc có đủ chỗ đậu đỗ xe cho những người có xe riêng không?
- Có cần phải xin phép không, hoặc địa điểm đó đã được cấp phép cho các buổi họp chung với số lượng người như dự kiến chưa? Liệu những người chung quanh có bị quấy rầy bởi việc ca hát, giảng dạy vào các buổi sáng Chúa nhật khi họ muốn được ngủ không?
- Hình ảnh của Hội Thánh quan trọng như thế nào? Trong một số bối cảnh thì hình ảnh rõ ràng có thể là một phương tiện tốt để quảng bá, nhưng trong một số bối cảnh khác thì một địa điểm quá công khai có thể gây ra sự chú ý quá mức và sự chống đối trong cộng đồng.
- Môi trường có khả năng gây sự phân tán không? Tiếng ồn của xe cộ, tàu lửa, các xí nghiệp hoặc các câu lạc bộ lân cận có thể gây trở ngại vào một số giờ nhất định trong ngày. Có một Hội Thánh thuê chỗ gần một chung cư mà tiếng ti vi, âm thanh nổi, tiếng dội toilet và những âm thanh khác của cư dân ở đó có thể nghe rất rõ qua bức tường của phòng nhóm!
- Địa điểm đó có được coi là an toàn không? Những vùng lân cận nổi tiếng về tội phạm, những phố đèn đỏ, nghĩa trang hay khu ổ chuột và những yếu tố khác có thể làm cho địa điểm không hấp dẫn. Có trường hợp để bước vào phòng nhóm của Hội Thánh thì những người khách phải đi qua một mảnh sân và được chào đón bởi một tay bảo vệ người Đức to lớn và dữ tợn.

Rõ ràng là nhóm người mục tiêu phải được liên hệ đến khi xem xét những vấn đề này. Một nơi nhóm thích hợp cho một nhóm này có thể là không thích hợp đối với một nhóm khác. Những tín hữu địa phương sẽ là người phù hợp để trả lời những câu hỏi đó. Những người làm việc xuyên văn hóa có thể không để ý đến những vấn đề có thể gây cản trở cho người địa phương.

Chuẩn Bị Cho Việc Thờ Phụng Chung

Bắt đầu sự thờ phụng chung đòi hỏi phải có sự hoạch định và chuẩn bị chu đáo. Dĩ nhiên sẽ phụ thuộc nhiều vào loại hình mục vụ nào sẽ được chọn trong sự thờ phụng. Ngay cả buổi thờ phụng không chính thức cũng đòi hỏi phải chuẩn bị cẩn thận. Buổi thờ phụng thiếu chuẩn bị có thể cho thấy sự thiếu tôn trọng, gây ra ấn tượng xấu và tạo ra những bức dọc và căng thẳng không cần thiết. Trong nhiều bối cảnh thường có một mong ước về tính chất lượng cao và chuyên nghiệp trong sự thờ phụng. Nhóm lãnh đạo cần phải xác định rõ là buổi thờ phụng được tổ chức để đáp ứng nhu cầu của tín hữu hay cũng để hấp dẫn và đề cập đến nhu cầu của người chưa tin có thể có mặt trong buổi nhóm. Tất cả những vấn đề này phải được bàn đến và câu ngụyện trong tiến trình hoạch định.

Đặc biệt những vấn đề sau đây phải được sắp xếp: phải có một nơi để thờ phượng; các vật dụng như ghế ngồi, tòa giảng, máy chiếu hoặc thánh ca, và những đồ dùng cần thiết cho trẻ con; quảng cáo, thông báo, bảng hiệu. Có lẽ quan trọng nhất là phải chuẩn bị về nhân sự. Những người này bao gồm người giảng, hướng dẫn thờ phượng, người đánh đàn, người trông nom trẻ con, người phục vụ và tiếp tân, nhân viên kỹ thuật, nhóm khánh tiết. Có vô số tài liệu tham khảo cho những người mở mang Hội Thánh trong bối cảnh phương Tây.⁵ Bất kể chọn cách tiếp cận nào, thì nguồn vật chất và tài chính chủ yếu vẫn là các tín hữu địa phương, sử dụng các nguồn lực địa phương phù hợp với bối cảnh và có thể được sản sinh tại địa phương khi Hội Thánh sẵn sàng cho việc sinh sản.

Bối Cảnh Hóa Sự Thờ Phượng

Một vài khía cạnh trong đời sống của Hội Thánh chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa, cả tốt lẫn xấu, như là sự thờ phượng. Ngôn ngữ, âm nhạc, áo lễ, ngôn ngữ điệu bộ, nghệ thuật và kiến trúc, biểu tượng và nghi lễ, sự đúng giờ và độ dài của buổi lễ, phong cách giảng, mức độ về sự tự nhiên và sự trang trọng – có một yếu tố trong sự thờ phượng không bị ràng buộc về mặt văn hóa. Những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa phải cố gắng vượt bậc để tránh việc vô tình đưa vào những yếu tố từ nước ngoài, không thích hợp hoặc thậm chí xúc phạm về mặt văn hóa không cần thiết. Các hình thức thờ phượng có thể trở thành một vật cản đối với Phúc âm được minh họa bằng một ví dụ trong bức thư viết cho J. Dudley Woodberry từ một nước Tây Phi (một số từ đã được bỏ để bảo vệ các tín hữu địa phương):

Phong tục của họ khác xa với phong tục của chúng tôi. Họ không cởi giày, ngồi trên ghế (và cạnh bên phụ nữ), và họ đánh trống trong nhà thờ. Chúng tôi thường thờ phượng Đức Chúa Trời bằng cách cởi giày ra, ngồi và quỳ trên chiếu, và cầu nguyện bằng tiếng A-rập và _____. Chúng tôi cũng dạy phụ nữ ở nhà. Nếu chúng tôi đến nhà thờ _____, chúng tôi cảm thấy rất không thoải mái. Hơn nữa, những người bạn Hồi giáo của chúng tôi sẽ không tham gia cùng chúng tôi. Nếu chúng tôi thờ phượng Đức Chúa Trời theo cách chúng tôi thường làm thì những người Hồi giáo khác sẽ rất quan tâm. Nhưng chúng tôi sẽ cầu nguyện trong Danh Chúa Giê-xu và dạy từ Kinh Thánh tiếng A-rập và _____. (Woodberry 1989, 283)

Trong bối cảnh này, việc cởi giày và quỳ trên chiếu không đi ngược lại sự dạy dỗ của Kinh Thánh (hãy nhớ lại Môi-se) và có thể được chấp nhận như những hình thức bày tỏ sự tôn kính lớn hơn. Phong tục ngồi có thể cũng được chấp nhận để tôn trọng tiêu chuẩn văn hóa về phép lịch sự để cho phụ nữ có thể cảm thấy dễ dàng tham dự buổi thờ phượng. Những yếu tố cơ bản của thờ phượng có thể dễ bị hiểu lầm, như Darrell Whiteman mô tả tại Melanesia: “Mặc dù dân làng có thể không hiểu nội dung của Sách cầu nguyện, Kinh Thánh và Thánh ca, nhưng họ xem chúng có *quyền lực (mana)* và là *cấm kỵ (tabu)*. Tại nhiều làng những thứ này chỉ được dùng trong nhà thờ và để ở đó cùng với ‘các vật thánh’ khác khi mọi người rời nhà thờ và quay về nhà riêng của họ” (1983, 379). Người Aziana ở Philippines lẫn lộn lễ Tiệc thánh với nghi lễ thờ mặt trời của họ, trong đó một con thú được hiến tế, máu và gan của nó được ăn như là một nghi lễ về sự tha thứ (McIlwain 1987, 49).

Việc bối cảnh hóa Kinh Thánh đối diện với thách thức là làm thế nào để hoàn thành các mục đích và giá trị của Kinh Thánh mà trong nhiều phương diện không mang tính chất văn hóa, đồng thời vận dụng được các hình thức và sự biểu hiện thích hợp với văn hóa.⁶ Như tuyên ngôn của Liên Đoàn Thế Giới Lutheran về thờ phượng và văn hóa là: “Nhiệm vụ của việc liên kết sự thờ phượng với văn hóa cuối cùng là việc tìm kiếm sự cân bằng giữa sự liên

⁵ Xem Logan và Ogne 1991a; Malphurs 1992, 288-309; Stetzer 2006, 251-59; Sylvia 2006, 107-19.

⁶ Để nắm được sự thảo luận chung về bối cảnh hóa trong vấn đề này, xin xem Gilliland 1989; Hiebert 1994; Whiteman 1997; Kraft 2005; Moreau 2006.

quan và tính xác thực, giữa tính đặc thù và tính phổ quát, đồng thời tránh chủ nghĩa lựa chọn và/hoặc chủ nghĩa hỗn hợp” (được trích trong Stauffer 1996, 183). Hội Thánh đầu tiên đã tiếp thu nhiều yếu tố thờ phượng từ nhà hội Do Thái, nhưng lệ thuộc vào sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh và vận dụng theo từng tình huống của địa phương (Longenecker 2002, 81-86).

Điều quan trọng trong việc quyết định những vấn đề như vậy là phải có tiếng nói của các tín hữu địa phương. Là những người ở trong nền văn hóa của mình, họ có thể hiểu rõ nhất ý nghĩa của các tập tục và các sự thể hiện khác nhau. Họ có thể trông vào một giáo sĩ hoặc các Hội Thánh khác để được hướng dẫn, nhưng việc bước đi (với sự giúp đỡ của người mở mang Hội Thánh) qua quá trình tìm hiểu các mục đích và giá trị của Kinh Thánh và các quy phạm cũng như tập tục của họ sẽ thúc đẩy hoặc ngăn trở họ như thế nào là một kinh nghiệm học hỏi đáng giá mà sẽ giúp đỡ họ khá nhiều sau khi người mở mang Hội Thánh đã ra đi. Chúng tôi có thể nhận xét cách ngắn gọn về một số ít yếu tố văn hóa mà cần phải được quan tâm trong sự thờ phượng chung.

Ngôn ngữ. Ngôn ngữ không chỉ là một phương tiện truyền thông trung tính mà còn gắn bó chặt chẽ với đặc điểm về chủng tộc. Nếu có nhiều thổ ngữ được nói trong một vùng, thì một ngôn ngữ quốc gia hoặc ngôn ngữ giao dịch chung có thể được dùng để tránh sự thiên vị một chủng tộc. Tuy nhiên, điều này có thể không bao gồm phụ nữ hoặc trẻ em là những người không ăn nói lưu loát ngôn ngữ đó. Nếu không có một bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng địa phương, thì phải dùng một bản Kinh Thánh khác và dịch ra. Nhiều ngôn ngữ có những hình thức văn phạm khác nhau về sự chào hỏi trân trọng và không trân trọng. Người hướng dẫn thờ phượng và người giảng phải xác định mức độ thân mật thích hợp.

Âm nhạc. Bất cứ khi nào có điều kiện thì nên sử dụng các nhạc cụ và phong cách âm nhạc bản địa. Tuy nhiên, một vài phong cách, nhịp điệu hoặc nhạc cụ có thể liên hệ với sự thờ phượng hoặc ý nghĩa phi Cơ đốc. Những ý nghĩa đó có thể mất đi đối với các thế hệ tín hữu sau này, nhưng đối với thế hệ thứ nhất thì chúng có thể khơi dậy những phản ứng không thích hợp (Kraft 2005, 255-73). Tại nhiều nơi trên thế giới nhiều tín hữu muốn bắt chước Thánh ca phương Tây hoặc âm nhạc thờ phượng phương Tây hiện đại. Nếu loại âm nhạc đó đụng chạm đến tâm lòng của họ và lời ca đã được dịch ra thì chắc chắn là nó thích hợp. Tuy nhiên, cần phải khám phá và khích lệ sử dụng nhiều hình thức âm nhạc bản địa hơn, và thỉnh thoảng có thể pha trộn với những phong cách âm nhạc hiện đại hơn. Khoa âm nhạc dân tộc, một lĩnh vực nghiên cứu đang phát triển chuyên về các khía cạnh văn hóa và xã hội của âm nhạc bản địa, có những áp dụng lý thú trong vấn đề bối cảnh hóa sự thờ phượng Cơ đốc. Âm nhạc Cơ đốc đã được bối cảnh hóa góp phần quan trọng trong việc truyền giáo, thần học, giảng dạy, và nhiều thứ nữa (King 2005; Neeley 1999).

Ngôn ngữ điệu bộ. Có phải sự tôn trọng được thể hiện qua việc đứng, và sự khiêm nhường bằng việc quỳ gối hoặc phủ phục không? Có phải sự cầu nguyện được bày tỏ bằng việc khoanh tay, đưa tay, hoặc rửa tay? Ý nghĩa của những cách thể hiện này không mang tính phổ biến. Trong nhiều nền văn hóa thì vũ điệu là một hình thức đặc biệt phong phú về điệu bộ cơ thể và thờ phượng nhưng các giáo sĩ phương Tây thường bỏ qua. Theo John Pobee người Ghana, thì vũ điệu thánh phải là một phần của sự cầu nguyện bởi vì “sự cầu nguyện chịu ảnh hưởng của phương Tây sử dụng nhiều về tâm trí, trong khi người châu Phi . . . phải cầu nguyện bằng cả thân thể của mình” (1981, 49). Y phục cũng nói lên nhiều phương diện cụ thể về văn hóa: trang trọng hay không trang trọng, mức độ để lộ da, trùm đầu, mang giày hoặc cởi giày, . . . Hội Thánh Cô-rinh-tô được nhắc nhở phải chú ý đến sự đúng mực về mặt văn hóa trong cách ăn mặc của phụ nữ (1 Cô 11: 5-16).

Thời gian. Mười hay mười một giờ đứng vào sáng Chúa nhật không phải là một thì giờ thánh để thờ phượng; nó được chọn vì thời gian đó các nông dân đã vắt sữa bò xong! Thời gian khác có thể thích hợp hơn trong một bối cảnh khác. Các nền văn hóa cũng có sự hiểu khác nhau về tính đúng giờ. Bất kể về thời gian đã định, tại nhiều nơi các sự kiện chỉ bắt đầu sau khi mọi người đã đến đông đủ. Độ dài của bài giảng và buổi thờ phượng cũng tùy thuộc

vào văn hóa. Trong một số nền văn hóa thì buổi thờ phượng phải chấm dứt đúng giờ để cho những người vợ có chồng không phải là Cơ đốc nhân quay về nhà và phục vụ bữa ăn trưa cho gia đình đúng giờ. Trong những nền văn hóa khác việc bỏ ra cả ngày ở cùng nhau, bao gồm cả việc ăn uống, là hoàn toàn thích hợp.

Nghệ thuật và trang trí nội thất. Những yếu tố như sắp xếp chỗ ngồi (như trong bức thư của Woodberry), trang trí và nghệ thuật, điều gì là thích hợp với số đông hoặc với cá nhân, chất lượng của đồ đạc, ý nghĩa của các màu sắc là rất khác nhau giữa các nền văn hóa và là những yếu tố quan trọng qua đó mọi người nhận thấy là thích hợp, thoải mái hoặc hài lòng về mặt thẩm mỹ. Nhưng ý nghĩa của chúng thường bị những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa bỏ qua. Thậm chí thực vật cũng có một ý nghĩa tượng trưng (Felde 1998, 46). Nghệ thuật kịch quen thuộc trong hầu hết các nền văn hóa và là một phương tiện truyền thông có tác động mạnh mẽ cần được khám phá trong thờ phượng.

Các biểu tượng và nghi lễ. Mathias Zahniser đã lập luận trong sách *Biểu Tượng và Nghi Lễ: Môn Đồ Hóa Qua Văn Hóa* (1997) rằng các giáo sĩ Tin lành phương Tây có khuynh hướng xem thờ phượng nghiêng về mặt lý trí và xem nhẹ tầm quan trọng của sự thể hiện mang tính chất biểu tượng trong thờ phượng. Nhưng nghi lễ và các biểu tượng hữu hình là những công cụ truyền thông có tác động mạnh mẽ trong hầu hết các nền văn hóa, và việc phớt lờ chúng có thể để lại một cảm giác trống rỗng trong lòng người thờ phượng. Thường thì các phong tục địa phương như lễ hội mùa gặt (Tạ ơn), phong tục cưới gả, và tẩy rửa có thể vận dụng trong sự thờ phượng Cơ đốc. Ví dụ, giờ thờ phượng sáng sớm rất nổi tiếng của các Cơ đốc nhân Hàn quốc, *sae byuk kido*, đã được vận dụng từ tập tục tôn giáo của người Hàn quốc tiền Cơ đốc (Brown 1994). Tuy nhiên, những tập tục như vậy có thể có ý nghĩa phi Cơ đốc cần phải được nghiên cứu cẩn thận. Tiến trình bốn bước về bối cảnh hóa của Paul Hiebert (1987) có thể được dùng để bối cảnh hóa những tập tục như vậy: (1) giải nghĩa phong tục từ quan điểm của người ở trong nền văn hóa để hiểu được ý nghĩa của nó, (2) giải nghĩa sự dạy dỗ của Kinh Thánh có liên quan, (3) đánh giá phong tục trong ánh sáng của Kinh Thánh, và (4) tạo ra một tập tục đã được bối cảnh hóa. Một số tập tục phải bị bác bỏ ngay lập tức, một số khác sẽ được tiếp thu với một ít thay đổi, nhưng đa số đòi hỏi sự thay đổi quan trọng hoặc thay thế bằng một tập tục mới để chuyển tải ý nghĩa Cơ đốc và tránh sự liên hệ sai lầm.

Nhân Rộng Các Nhóm Tế Bào Và Lãnh Đạo Nhóm

Khi Hội Thánh phát triển, các nhóm tế bào mới sẽ được hình thành hoặc các nhóm hiện hữu sẽ nhân rộng. Điều này cho thấy nhu cầu phải tiếp tục tăng thêm các lãnh đạo nhóm mới. Điều này phải được thực hiện một cách có chủ ý. Dù các nhóm tế bào phát triển về mặt số lượng, chúng sẽ không sinh sản trừ phi các lãnh đạo nhóm được trang bị. Sau khi các lãnh đạo nhóm mới đã được lựa chọn, họ có thể tiếp thu một định hướng căn bản hoặc sự huấn luyện sơ bộ, phục vụ với tư cách là người tập sự dưới sự hướng dẫn của một lãnh đạo nhóm có kinh nghiệm, và tham dự cuộc họp các lãnh đạo nhóm thường xuyên hay mỗi tháng một lần. Steve Cordelle (2005, 91-93) mô tả các phương pháp huấn luyện như là trại dưỡng linh, trường học môn đồ hóa, và nhóm huấn luyện. Chúng tôi hướng trọng tâm vào sự huấn luyện sơ bộ, tư vấn cho người tập sự và cuộc họp lãnh đạo nhóm.

Phát Hiện Các Lãnh Đạo Nhóm Tập Sự Có Tiềm Năng

Việc phát hiện và tuyển mộ các lãnh đạo tập sự là một trong những thách thức lớn nhất đối với việc nhân rộng các nhóm tế bào. Cần phải thực hiện nhiều bước để tuyển mộ các lãnh đạo tập sự. Thứ nhất, đừng đặt ra tiêu chuẩn quá cao. Một mặt, việc tham dự vào quá trình huấn luyện lãnh đạo và trở thành gương mẫu tích cực là điều quan trọng và không cần bàn cãi. Mặt khác, mỗi tín hữu là một công trình đang còn dang dở, và người lãnh đạo hoàn hảo chưa được sinh ra. Nếu Hội Thánh đang tăng trưởng nhanh chóng bởi số người quy đạo, thì đa số những lãnh đạo tiềm năng sẽ là những tín hữu mới. Việc này nhấn mạnh bước kế tiếp: cung cấp sự

trang bị đầy đủ và thực tế thông qua việc cố vấn và cuộc họp lãnh đạo. Nếu các lãnh đạo tiềm năng hiểu rằng họ sẽ không bị bỏ rơi một mình với sự trang bị yếu kém trong nhiệm vụ thì họ sẽ tình nguyện và bước đi trong đức tin.

Những phẩm chất quan trọng của các lãnh đạo nhóm tế bào bao gồm sự trưởng thành thuộc linh, sự trung tín, kiến thức Kinh Thánh đầy đủ để chỉnh sửa những sự dạy dỗ sai lầm, khả năng tạo sự tin tưởng trong các thành viên của nhóm, và một số kỹ năng giao tiếp căn bản trong việc lãnh đạo một nhóm. Bởi vì các nhóm tế bào, với tư cách là những tảng đá xây dựng nên Hội Thánh, là địa điểm chủ yếu của sự thông công, môn đồ hóa, chăm sóc thuộc linh và truyền giáo trong sinh hoạt của Hội Thánh, cho nên một lãnh đạo nhóm tế bào phải có những phẩm chất tương tự như một trưởng lão của Hội Thánh (1 Tim 3:1-6; Tít 1:5-9). Thật ra những lãnh đạo nhóm tế bào có ân tứ và hiệu quả thường là những ứng cử viên tốt nhất cho chức vụ trưởng lão. Tuy nhiên, một Hội Thánh đang tăng trưởng thì đa số các thành viên thường là những tân tín hữu, là những người vẫn còn ở trong giai đoạn đầu của việc phát triển những phẩm chất của một Cơ đốc nhân và cần phát triển dưới sự hướng dẫn của một tín hữu trưởng thành hơn.

Huấn Luyện Sơ Bộ Các Lãnh Đạo Nhóm Tế Bào

Các lãnh đạo nhóm tế bào chủ yếu học hỏi qua gương mẫu của các cố vấn và sự luyện tập trong vai trò của những người tập sự. Tuy nhiên, có ba lý do để thực hiện việc huấn luyện họ qua một sự kiện hoặc đợt dưỡng linh. Trước hết, các lãnh đạo nhóm phải hiểu, phải tin các giá trị chủ yếu của Hội Thánh nhóm tế bào. Trong sự huấn luyện sơ bộ họ cũng sẽ học về các trách nhiệm của một lãnh đạo nhóm, cam kết đối với chức vụ, và vạch ra một kế hoạch tăng trưởng (phẩm chất và kỹ năng). Một lợi ích nữa là các lãnh đạo nhóm tế bào mới hình thành một sự liên kết thúc đẩy họ làm việc với nhau, giúp đỡ nhau và cầu nguyện cho nhau. Điều này giúp tạo nên hoặc củng cố cộng đồng lãnh đạo.

Việc huấn luyện sơ bộ này có thể tiến hành hằng năm trong một Hội Thánh tế bào đang tăng trưởng hoặc có thể tổ chức dưới hình thức một đợt dưỡng linh cuối tuần, gồm có bốn đến sáu hội thảo, hoặc kết hợp cả hai. Vào cuối đợt huấn luyện thì các cam kết chủ yếu của một lãnh đạo nhóm tế bào phải được giải thích và các học viên cầu nguyện cho nhau (xem phụ chú 12.1).

Cố Vấn Cho Các Lãnh Đạo Nhóm Tập Sự

Phương cách tiếp cận cơ bản nhất trong việc trang bị cho các lãnh đạo mới là cố vấn và huấn luyện cá nhân. Chỉ đơn giản là: một lãnh đạo có kinh nghiệm phát hiện một người tỏ ra có tiềm năng trở thành một lãnh đạo nhóm tế bào tương lai và mời người đó làm tập sự. Thường thì người đó đã là một thành viên trong nhóm của người lãnh đạo. Cordelle nhắc nhở chúng ta rằng, “Quá trình phát triển lãnh đạo bắt đầu bằng việc môn đồ hóa một nhóm tế bào” (2005, 89). Một trong những chức năng cơ bản của một nhóm tế bào không phải là việc bắt đầu tạo ra một lãnh đạo mà là bắt đầu bằng việc tạo ra một môn đồ. Người lãnh đạo làm mẫu

Phụ chú 12.1

Các Cam Kết Của Lãnh Đạo Nhóm Tế Bào

Những cam kết cơ bản của lãnh đạo nhóm tế bào cần phải được trình bày rõ ràng trong đợt huấn luyện và ôn lại theo định kỳ. Hãy để ý đến tám cam kết chủ yếu sau đây để trở thành một lãnh đạo nhóm tế bào có kết quả.

1. *Cầu nguyện.* Tôi xin hứa tìm kiếm Đức Chúa Trời cho bản thân và nhóm của tôi hằng ngày và để cầu thay cho các thành viên trong nhóm của tôi.

2. *Chuẩn bị*. Tôi sẽ chuẩn bị tâm trí và tâm lòng cho cuộc họp của nhóm, và tôi sẽ đưa sự thực tập vào trong sự chuẩn bị.
3. *Phát triển*. Tôi sẽ đầu tư cho các người tập sự và phát triển lãnh đạo, khích lệ họ, tạo cơ hội cho họ và đánh giá sự đóng góp của họ.
4. *Chinh phục*. Tôi sẽ xây dựng mối quan hệ với những người chưa tin, phục vụ họ và chia sẻ về Chúa Giê-xu bằng lời nói và hành động. Tôi cũng sẽ khích lệ những người khác làm điều này.
5. *Phục vụ*. Tôi sẽ phục vụ những người khác theo ân tứ của tôi, kiến thức, sức lực, thì giờ, của cải mà tôi có. Tôi sẽ thăm viếng và gọi điện cho những người khác khi Đức Chúa Trời hướng dẫn tôi.
6. *Lãnh đạo*. Tôi sẽ hướng dẫn các buổi nhóm họp sao cho trọng tâm hướng vào Chúa Giê-xu, sự gây dựng lẫn nhau là tiêu chuẩn, và những người mới cảm thấy được hoan nghênh.
7. *Gây dựng*. Tôi sẽ khích lệ các thành viên của nhóm tăng trưởng trong mối quan hệ của họ với Đức Chúa Trời và trong sự phục vụ Hội Thánh và cộng đồng.
8. *Khích lệ*. Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời tôi sẽ hướng dẫn nhóm trong các nỗ lực truyền giáo và phục vụ dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh (Willson 1998, 230).

việc lãnh đạo nhóm có hiệu quả và gặp mặt thường xuyên với những người tập sự để thảo luận về bản chất của việc lãnh đạo nhóm và những vấn đề phát sinh, và cầu nguyện với nhau. Người tập sự được trao cơ hội để cùng lãnh đạo nhóm hoặc lãnh đạo nhóm khi người lãnh đạo đi vắng. Người lãnh đạo đưa ra những nhận xét xây dựng về công việc của người tập sự. Qua thời gian, khả năng lãnh đạo và phục vụ nhóm của người tập sự có thể được đánh giá. Mức độ tin cậy của các thành viên trong nhóm và phản ứng của họ đối với người tập sự là những dấu hiệu quan trọng về khả năng lãnh đạo nhóm của người tập sự. Chúng ta sẽ thảo luận việc này chi tiết hơn trong chương 17.

Cuộc Họp Lãnh Đạo Nhóm Tế Bào

Một trong những phương cách có hiệu quả nhất để trang bị cho những lãnh đạo nhóm tế bào tập sự và tiếp tục trang bị cho các lãnh đạo nhóm tế bào là tổ chức một cuộc họp lãnh đạo đều đặn.⁷ Ít nhất mỗi tháng một lần các lãnh đạo và những người tập sự gặp nhau trong vòng hai giờ đồng hồ để cầu nguyện, hâm nóng khái tượng, tổ chức và giảng dạy. Mục giảng dạy nên tìm hiểu về những kỹ năng thực tế cần thiết để lãnh đạo một nhóm tế bào và những vấn đề mà các nhóm đang đối diện. Các chủ đề có thể bao gồm những vấn đề sau:

- Các phương pháp học và giải nghĩa Kinh Thánh
- Cách soạn các câu hỏi thảo luận và hướng dẫn thảo luận Kinh Thánh
- Thăm viếng người đau ốm hoặc các thành viên của nhóm cần giúp đỡ
- Truyền giáo trong nhóm tế bào
- Cầu nguyện trong nhóm tế bào
- Giải quyết xung đột
- Đối phó với những người khó tính hoặc có ảnh hưởng
- Cân bằng trong đời sống cá nhân của người lãnh đạo nhóm
- Khuyến khích sự tăng trưởng thuộc linh của các thành viên trong nhóm
- Đánh giá chất lượng và sức khỏe của nhóm tế bào
- Sinh sản và hình thành một nhóm tế bào mới

⁷ Xin xem sách *Chuẩn Bị Cho Hội Thánh Của Bạn Trong Tương Lai* của Carl George (1991, 111-49).

Những người tập sự tham gia cuộc họp lãnh đạo không chỉ tiếp thu những chỉ dẫn mà phải hiểu rõ những đòi hỏi trong việc lãnh đạo nhóm tế bào.

Nhân Rộng Các Nhóm Tế Bào

Khi nhóm tế bào tăng trưởng và người tập sự trưởng thành đến mức có khả năng lãnh đạo một nhóm mới, thì đó là thời gian để sinh sản một nhóm tế bào mới. Tuy nhiên, việc sinh sản một nhóm mới từ một nhóm hiện hữu không phải lúc nào cũng dễ dàng. Trong một nhóm tế bào mạnh khỏe, tình bạn đã phát triển và sự tin cậy đã được thiết lập. Những thành viên có thể hiểu được nhau sẽ muốn ở lại cùng nhau và không muốn chia thành hai nhóm. Đây là một thách thức phổ biến thường gặp phải thậm chí tại Trung Hoa, nơi các Hội Thánh Tư gia đang nhân rộng nhanh không thể tưởng. Thách thức này có thể vượt qua bằng cách nhấn mạnh rằng mục tiêu tối hậu quan trọng nhất không phải là các thành viên của nhóm cảm thấy thoải mái và vui vẻ với nhau; mà mục tiêu quan trọng nhất là môn đồ hóa – nhiều môn đồ hơn và các môn đồ tốt hơn. Điều này làm cho nhóm tăng trưởng thông qua việc truyền giáo và cuối cùng trở thành quá lớn không thể bảo đảm sự thân mật và trách nhiệm cho việc môn đồ hóa.

Thường sẽ tốt hơn nếu một nhóm tế bào không chia thành hai nửa (một nửa ra đi để thành lập một nhóm mới, một nửa khác ở lại) mà nên sai phái hoặc giao nhiệm vụ cho ba hoặc bốn thành viên của nhóm thành lập một nhóm mới. Lợi điểm của việc này là các mối quan hệ của các nhóm hiện hữu không bị tổn thương trầm trọng và nhóm mới có được động lực truyền giáo mạnh mẽ. Bởi vì nhóm mới nhỏ hơn, cho nên nhiệm vụ của nó sẽ nghiêng về vấn đề truyền giáo nhiều hơn, và các thành viên được động viên nhiều hơn trong việc tuyên mộ, môn đồ hóa và hội nhập những người mới vào trong nhóm.

Xây Dựng Các Giá Trị Và Chiến Lược Mục Vụ Lâu Dài

Khi Hội Thánh bắt đầu phát triển và mở rộng các mục vụ, thì việc xác định các giá trị chủ yếu của Hội Thánh, xây dựng phát biểu về khả tượng, và xác định các đặc trưng cũng như kế hoạch dài hạn của Hội Thánh sẽ trở nên quan trọng. Trước đây trong giai đoạn chuẩn bị thì một chiến lược ban đầu đã được hình thành. Nhưng bây giờ khi Hội Thánh tiến triển, thì chiến lược đó cần phải được tân trang và làm cho thích hợp với thực tế đã kinh nghiệm trong giai đoạn bắt đầu của Hội Thánh. Lúc này các tín hữu địa phương phải có tiếng nói trong quá trình đó, để bảo đảm rằng họ nắm bắt được khả tượng, đưa ra quan điểm của người ở trong nền văn hóa của mình, hiểu được chiến lược và cam kết thực hiện nó. Việc xác định các giá trị chủ yếu của Hội Thánh cũng tương tự như vậy. Để tạo thuận lợi cho quá trình này, có lẽ hữu ích khi hướng dẫn một loạt các buổi học Kinh Thánh về truyền giáo, sứ mệnh và Hội Thánh. Lý tưởng là sắp xếp một đợt dưỡng linh để nhóm nòng cốt ở với nhau một thời gian cùng cầu nguyện và hoạch định.

Một kế hoạch chiến lược về mục vụ cần phải đề cập đến những điểm như sau:

- Các phương pháp truyền giáo có hiệu quả và hợp với khả năng để tiếp cận nhóm người mục tiêu
- Các phương pháp môn đồ hóa và hòa nhập những người mới vào trong mối thông công
- Cách thức trang bị và động viên nhân sự cho các mục vụ khác nhau
- Cơ cấu của Hội Thánh, cơ cấu lãnh đạo và các mục vụ cho trẻ em
- Phong cách thờ phượng
- Triết lý về sự nhân rộng nhóm tế bào
- Những địa điểm có khả năng mở Hội Thánh con hoặc Hội Thánh tiên phong

Nhiều Hội Thánh lớn ở Bắc Mỹ đã có những kế hoạch chiến lược về mục vụ nổi tiếng:

- Triết lý bảy bước của Hội Thánh Công Đồng Willow Creek: quan hệ, làm chứng bằng lời, phục vụ cuối tuần, Công Đồng Mới, nhóm nhỏ, tham gia phục vụ, và chức vụ quản lý
- “Chiến lược CLASS” theo đúng mục đích của Hội Thánh Saddleback: đưa dẫn mọi người từ cộng đồng đến Hội Thánh, rồi đến sự cam kết, rồi đến nhóm nòng cốt thông qua một loạt các hội thảo
- Hội Thánh Cơ Đốc Công Đồng trong “Hội Thông Công” của Naperville: tôn vinh, kết nối, đóng góp

Những kế hoạch mục vụ này được tính toán kỹ, vạch ra một tiến trình dẫn dắt mọi người đến đức tin, rồi đưa họ đến với những mức độ cam kết cao hơn và phục vụ. Những chương trình cụ thể, các dịch vụ, các sự kiện và các chuẩn mực đều phải được đưa ra và hoạch định một cách có chủ ý để thúc đẩy quá trình, giống như một kế hoạch kinh doanh. Thường thì các sơ đồ có thể giúp diễn tả quá trình. Hầu hết các kế hoạch như vậy thì một thành viên trung bình dễ nắm bắt, thấy được họ đang ở đâu trong tiến trình và làm thế nào để đóng góp giúp đỡ người khác tăng trưởng. Những người nào tìm kiếm sự hướng dẫn trong quá trình hoạch định chiến lược nên tham khảo các sách như *Hoạch Định Chiến Lược Tiên Tiến: Một Mô Hình Mới Cho Hội Thánh Và Lãnh Đạo Mục Vụ* (Advance Strategic Planning: A New Model for Church and Ministri Leaders) của Aubrey Malphurs (2005). Nhưng tiến trình lúc này không cần phải quá phức tạp.

Các kế hoạch mục vụ đã được cải tiến đó có thể không cần thiết đối với các Hội Thánh Tư gia hoặc những cơ cấu Hội Thánh đơn giản. Nhưng mỗi Hội Thánh phải biết rõ mình thực hiện tiến trình môn đồ hóa như thế nào trong bối cảnh của mình – tiếp cận theo cách đơn giản từng người một hay là tiếp cận chuyên nghiệp có chương trình. Bảng 12.1, “Hội Thánh Môn Đồ Hóa” đưa ra trợ giúp về cách lập kế hoạch chiến lược mục vụ đã được sử dụng trong nhiều Hội Thánh tại Đức. Dựa trên Ma-thi-ơ 28:19-20, nhóm lãnh đạo hoặc nhóm nòng cốt có thể xem xét nhiều bước khác nhau về sự quy đạo, môn đồ hóa, phục vụ, và tăng trưởng thuộc linh cùng các giá trị phải có trong mỗi bước. Những bước đầu tiên có mục tiêu cơ bản là làm cho mọi người biết Đấng Christ; những bước tiếp theo là giúp họ tôn vinh Đấng Christ khi họ sống cho Ngài và tham gia vào sự phát triển thuộc linh và phục vụ. Rồi họ hỏi có thể đóng góp những hoạt động hoặc chương trình nào để đưa mọi người đến cấp độ tiếp theo là trở thành một người tận tâm theo Chúa Giê-xu. Hội Thánh có thể bị cám dỗ bắt chước nhiều chương trình hay hoạt động mà người lãnh đạo đã thấy trong các Hội Thánh khác. Nhưng nhóm lãnh đạo chỉ nên tiếp thu những mục vụ và hoạt động nào hữu ích cho các mục đích chung của Hội Thánh, đặc biệt là trong việc môn đồ hóa.

Ở thời điểm này trong sự phát triển của Hội Thánh, nhiều yếu tố của kế hoạch chiến lược có thể chưa được nhận biết. Nhưng điều quan trọng là có một bức tranh lớn về mục tiêu và làm thế nào để đạt được các mục tiêu đó theo thời gian. Trong tiến trình thực hiện kế hoạch sẽ có những phát triển và thay đổi cần thiết; do đó kế hoạch cần phải có tính chất mở và linh động.

Những Khó Khăn Trong Giai Đoạn Thành Lập

Có nhiều mối nguy mà người mở mang Hội Thánh phải lưu ý trong giai đoạn này. Một khi bản chất di truyền (ADN) của Hội Thánh được xác định: thói quen đã được hình thành, các hình thức đã hình thành, và những mô hình mục vụ đã được bắt đầu sẽ có tính quyết định cho sự phát triển tương lai của Hội Thánh và càng lúc càng khó thay đổi sau này.

Thất Bại Trong Việc Thực Hiện Kỷ Luật Hội Thánh

Thực thi kỷ luật Hội Thánh chưa bao giờ là một công việc vui vẻ, nhưng người mở mang Hội Thánh có thể bị cám dỗ để tránh điều đó bởi vì Hội Thánh còn nhỏ và việc mất thậm chí

chỉ một người cũng có thể làm cho tiến trình chậm lại. Nhưng kỷ luật là cần thiết nếu muốn duy trì sự lành mạnh của Hội Thánh. Dĩ nhiên các tín hữu mới (cũng như cũ) bước vào Hội Thánh với một số thái độ, hành vi, và thói quen tội lỗi mà không thể xóa bỏ trong một đêm. Cần phải có sự khôn ngoan rất nhiều trong việc xác định lúc nào cần phải thi hành sự kỷ luật. Nhưng những người sau khi đã được cảnh cáo mà vẫn tiếp tục có những hành vi không tôn kính Đức Chúa Trời, làm mất uy tín của Hội Thánh, có hại cho chính họ và những người khác thì cuối cùng cần phải được kỷ luật.

Ken Baker nói : “Toàn bộ thực tại của kỷ luật Hội Thánh nói chung là một vùng đất đầy mìn mà những người đi qua phải lưu ý” (2005, 339). Điều này đặc biệt đúng trong tình huống xuyên văn hóa mà người mở mang Hội Thánh không quen thuộc với những tính tế của chuẩn mực văn hóa, các giá trị về sự tôn trọng và hổ thẹn, và những cách thức mà người địa phương giải quyết xung đột. Trong các nền văn hóa mang tính tập thể, việc kỷ luật một thành viên có thể đưa đến kết quả là mất toàn bộ các gia đình có liên quan. Tuy nhiên, sự thỏa hiệp ở đây có thể đưa đến hậu quả tai hại. Trước những tình huống rõ ràng về tội lỗi, người mở mang Hội Thánh cần phải nghiên cứu những phân đoạn Kinh Thánh liên quan⁸ với những người lãnh đạo địa phương và định ra một hình thức kỷ luật thích hợp với nền văn hóa đồng thời vẫn duy trì được những tiêu chuẩn của Kinh Thánh. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:14 có lẽ là kết luận tốt nhất: “Xin anh em hãy khuyên nhủ kẻ lười biếng, khích lệ người ngã lòng, nâng đỡ kẻ yếu đuối, kiên nhẫn với mọi người.”

⁸ Ví dụ Mat 18:15-18; 1 Cô 5:1-5; 2 Cô 2:5-11; Ga 6:1; 1 Tim 5:19-20.

Bảng 12.1
Hội Thánh Môn Đồ Hóa

Mạng Lệnh	Phương Pháp	Các Bước	Mục Tiêu Hưởng Đến	Tư Tưởng Chủ Đạo	Mục Đích	Các Giá Trị	Hoạt Động
Môn đồ hóa muôn dân	Hãy đi . . .	Tạo lập quan hệ	Người Trung lập	Yêu thương	Biết Chúa	Sự liên quan, các mối quan hệ, đáp ứng nhu cầu, tin cậy, tìm kiếm những người hư mất, uy tín, phục vụ	
		Truyền bá Phúc âm	Người Quan tâm	Truyền giáo		Tuyên bố của Kinh Thánh, tìm kiếm người hư mất, mỗi tín hữu là một chứng nhân	
	Làm báp têm cho họ . . .	Hướng dẫn ăn năn và tin nhận Đấng Christ	Người tìm hiểu			Cần có một quyết định cá nhân	
	Dạy họ giữ mọi điều mà Ta đã truyền cho các người	Chăm sóc về đức tin và tinh thần vâng phục	Tín hữu mới	Môn đồ hóa	Tôn Vinh Danh Chúa	Theo Đấng Christ, đức tin và sự vâng phục, lẽ thật, đổi mới, kỷ luật Cơ đốc	
		Kết nạp vào Hội Thánh	Môn đồ	Thông công		Cam kết, trung tín, hiệp một, gia đình thuộc linh	
		Huấn luyện để phục vụ	Thành viên	Phục vụ		Ân tứ Thánh Linh, trách nhiệm, phận tôi tớ, quản lý thời gian, khả năng, và nguồn lực	
		Khích lệ sự tăng trưởng thuộc linh	Đầy tớ	Gây Dựng		Thánh hóa, yêu kính Chúa càng hơn, giống như Đấng Christ	

Người Mở Mang Hội Thánh Đảm Nhận Vai Trò Mục Sư Thay Vì Giao Quyền

Khi mỗi thông công của các tín hữu xuất hiện trong sinh hoạt của một Hội Thánh, thì sẽ có một cảm dỗ đối với những người mở mang Hội Thánh là chuyển thành vai trò của một mục sư. Có nhiều tân tín hữu với rất nhiều nhu cầu cá nhân. Cần phải quan tâm ngay lập tức về sự tăng trưởng và trưởng thành của những tín hữu này, là những người sẽ trở thành nòng cốt của Hội Thánh, và một số thì trở thành lãnh đạo. Hơn nữa, khi có nhiều mục vụ mới được bắt đầu thì những người mở mang Hội Thánh sẽ bị cảm dỗ làm tất cả mọi việc từ giảng dạy đến lãnh đạo tổ chức. Đặc biệt là nếu nhóm mở mang Hội Thánh bao gồm những người có kinh nghiệm và được huấn luyện về mặt thần học, thì các tân tín hữu tự nhiên sẽ trông chờ họ thực hiện tất cả các mục vụ.

Nhưng nếu thực hiện theo mô hình các sứ đồ, thay vì các tín hữu trông chờ những người mở mang Hội Thánh giảng dạy, quản lý, nuôi dưỡng, thì trọng tâm sẽ đặt vào việc trang bị cho các tín hữu địa phương để đáp ứng những nhu cầu này. Lúc này vai trò của người mở mang Hội Thánh chuyển từ người khởi động và làm mẫu sang *người động viên* và *cố vấn*. Dần dần người mở mang Hội Thánh giảm bớt việc trực tiếp thực hiện các mục vụ và chuyển sang vai trò người trang bị ở đằng sau, trao quyền cho các tín hữu địa phương trực tiếp thực hiện công việc. Các kỹ năng mục vụ vẫn cần phải làm mẫu, đặc biệt là những kỹ năng mới cần thiết cho các mục vụ mới, nhưng người mở mang Hội Thánh không nên giữ vai trò là người khởi động chính của các mục vụ đó nữa.

Mất Động Lực Truyền Giáo

Một mối nguy nữa là việc mất quán tính truyền giáo khi nhiều công sức đã được đầu tư vào việc giúp cho các tín hữu trưởng thành. Một điều tự nhiên là Hội Thánh sau khi đã trải qua thời kỳ thu hoạch kết quả truyền giáo thì sẽ đến một thời kỳ tăng trưởng chậm hơn khi thực hiện công tác môn đồ hóa các tân tín hữu. Nhưng nếu Hội Thánh non trẻ cứ duy trì mãi trạng thái trưởng thành, thì sự tăng trưởng sẽ đình trệ, và Hội Thánh sẽ bắt đầu cho rằng bản thân không phải là một Hội Thánh có nhiệm vụ truyền giáo nhưng là một tổ chức tồn tại để đáp ứng nhu cầu của các thành viên. Đây là một lý do mà sau sự tăng trưởng lúc đầu nhiều Hội Thánh đã dừng lại với chỉ một vài chục người.

Mất Trọng Tâm Và Quá Ôm Đồm

Có một cảm dỗ đối với Hội Thánh non trẻ là thực hiện quá nhiều mục vụ và trở thành quá tải. Sự mở rộng các mục vụ theo những hướng mới diễn ra nhiều hơn trong giai đoạn tổ chức cơ cấu sau này. Trong giai đoạn này, khi Hội Thánh mới vừa thành lập, sức lực phải được tập trung vào những mục vụ cơ bản. Điều này không có nghĩa là không thể bắt đầu một công tác thiện nguyện nào, nhưng phải hợp lý và giới hạn hầu cho không phân tán sức lực của Hội Thánh mới vào quá nhiều hướng khác nhau.

Sử Dụng Các Nguồn Lực Bên Ngoài Một Cách Thiếu Khôn Ngoan

Như chúng tôi đã lập luận trong sách này, chìa khóa cho sự nhân rộng Hội Thánh về lâu dài là khả năng thành lập các Hội Thánh bằng việc sử dụng các nguồn lực sẵn có tại địa phương và những cơ cấu có khả năng duy trì tại địa phương. Khi Hội Thánh có thể bắt đầu thực hiện các buổi thờ phượng chung đều đặn, thì thường có nhu cầu lớn hơn về các trang bị như máy chiếu, bàn ghế, tân trang phòng ốc, và cần phải gia tăng ngân sách cho các chi phí như thuê mướn, in ấn, quảng cáo và tài liệu học cho thiếu nhi. Trong khi các nguồn lực bên ngoài có thể hỗ trợ ở mức giới hạn, sự cung cấp chủ yếu cho mục vụ phải bắt nguồn từ các tín hữu địa phương. Trong đa số các trường hợp thì điều này là một thử nghiệm về đức tin. Nhưng các thành viên của Hội Thánh có cơ hội để chứng tỏ cam kết về sự nỗ lực, làm chủ,

luyện tập đức tin, và thiết lập một kiểu mẫu mở mang Hội Thánh mang tính chất địa phương không phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài. Trong chương 18 chúng tôi sẽ đưa ra những chỉ dẫn chi tiết về việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài trong công tác mở mang Hội Thánh. Tuy nhiên, giai đoạn hiện tại có lẽ là thời gian quan trọng nhất để xây dựng mục vụ Hội Thánh trên cơ sở các nguồn lực *địa phương*, bởi vì có lẽ đây là lần đầu tiên các nguồn lực quan trọng về mặt tài chính và những nguồn lực khác trở nên quan trọng đối với sự phát triển của Hội Thánh.

Trong giai đoạn thành lập đã diễn ra nhiều sự phát triển lý thú: cộng đồng mới đã có đặc điểm riêng và sứ mạng của nó, các lãnh đạo địa phương xuất hiện, cộng đồng tín hữu hòa nhập với nền văn hóa và có một bước tiến theo hướng từ ngoài vào trong. Các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ sẽ vui mừng khi họ trao quyền và giao việc cho các môn đồ và nhân sự địa phương, và nhớ lại rằng đó là lý do họ được sai đi.

Giai Đoạn Tổ Chức Cơ Cấu

Mở Rộng Và Trao Quyền

Trong giai đoạn thành lập của Hội Thánh, nhóm tín hữu bắt đầu định hình như một hội chúng, thực hiện các chức năng của thân thể Đấng Christ với mục vụ, thờ phượng đều đặn, nhóm lãnh đạo và những nhân sự đã được trang bị. Khi Hội Thánh tiến đến giai đoạn tổ chức cơ cấu – đây là một sự chuyển tiếp dần dần – thì các mục vụ được mở rộng và các thành viên được trao quyền để chịu trách nhiệm nhiều hơn và phục vụ Hội Thánh cũng như cộng đồng. Hội Thánh có ảnh hưởng nhiều hơn, kêu gọi và công nhận các lãnh đạo thuộc linh, và tạo được tư cách pháp nhân chính thức. Khi Đức Chúa Trời ban phước cho sự phát triển của Hội Thánh, thì cần phải tổ chức cơ cấu mới để đối phó với những thách thức do sự phát triển đem lại, và tiếp tục thực hiện các mục vụ cách có hiệu quả. Lúc này cần phải tuân thủ nguyên tắc “tam tự”: các tín hữu địa phương truyền giáo và môn đồ hóa (từ truyền bá), các tín hữu địa phương thực hiện sự lãnh đạo thuộc linh đầy đủ (tự quản trị), và Hội Thánh được duy trì dựa trên các nguồn lực và sự dâng hiến của địa phương (tự chủ tài chính). Trong giai đoạn trước Hội Thánh đã dần dần tiến đến những mục tiêu này, nhưng bây giờ chúng trở nên quan trọng vì Hội Thánh phải tự lo liệu và nhóm mở mang Hội Thánh bắt đầu rút lui dần.

Về một số phương diện, các phong trào Hội Thánh Tư gia có thể không cần giai đoạn tổ chức cơ cấu. Bởi vì về bản chất các Hội Thánh Tư gia duy trì quy mô nhỏ, họ có thể sinh sản nhanh chóng và ít có nhu cầu về chương trình và cơ cấu như các Hội Thánh truyền thống lớn hơn. Tuy nhiên, thậm chí các phong trào Hội Thánh Tư gia cũng cần cơ cấu để thúc đẩy sự phát triển và trang bị cho các lãnh đạo, tạo lập mạng lưới giữa các Hội Thánh Tư gia, tổ chức các mục vụ đặc biệt cho những người có nhu cầu đặc biệt, và các nỗ lực chung cho công tác thiện nguyện mà một Hội Thánh Tư gia đơn lẻ không thể thực hiện một mình. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, ngay cả các Hội Thánh nhỏ cỡ quy mô gia đình trong thời Tân ước cũng gặp phải khó khăn trong sự phát triển và cần phải có các cơ cấu và mục vụ mới.

Tổng Quan Về Giai Đoạn

Diễn Hình Trong Kinh Thánh

Công vụ 6:1-6: Chức vụ chấp sự được thiết lập tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem để chăm lo cho các nhu cầu của hội chúng

Công vụ 14:23: Phao Lô và Ba-na-ba bổ nhiệm các trưởng lão tại các Hội Thánh mà họ đã thành lập, giao phó họ cho Đức Chúa Trời

Các thư tín mục vụ: Các vấn đề về tổ chức và lãnh đạo Hội Thánh khi các Hội Thánh này trưởng thành, bao gồm việc bổ nhiệm các trưởng lão và chấp sự và các tiêu chuẩn của các chức vụ này (1 Tim 3:1-13; Tit 1:5-9), việc tôn trọng họ và giải quyết các tố cáo chống lại họ (1 Tim 5:17-20), việc chăm sóc cho các góa phụ và những người cần sự giúp đỡ của Hội Thánh (1 Tim 5:2-16).

Khải huyền 2-3: Chúa Giê-xu kiểm tra và đánh giá bảy Hội Thánh ở Tiểu Á

Các bước chính

-
1. Chính thức kêu gọi lãnh đạo và giao phó trách nhiệm cho họ
 2. Bắt đầu các mục vụ và cơ cấu mới để đáp ứng nhu cầu
 3. Nhân rộng các nhân sự bằng cách huấn luyện các lãnh đạo để họ huấn luyện những người khác
 4. Hội nhập các tín hữu mới và những người khách vắng lai
 5. Đánh giá sự phát triển và sự khỏe mạnh của Hội Thánh
 6. Tổ chức Hội Thánh về mặt pháp lý
 7. Hoàn toàn tự chủ tài chính
-

Các vấn đề chủ yếu

1. Nhân rộng các nhân sự
 2. Các mục vụ định hướng theo nhu cầu
 3. Chuẩn bị cho hội chúng phát triển
-

Chính Thức kêu Gọi Lãnh Đạo Và Giao Phó Trách Nhiệm Cho Họ

Mặc dù ngày nay có một số người chỉ trích các chức vụ lãnh đạo Hội Thánh cho rằng điều đó mâu thuẫn với tinh thần bình đẳng, nhưng thái độ đó vừa ngây thơ vừa không đúng với Kinh Thánh. Phao Lô đã kêu gọi Hội Thánh “kính trọng những người đang làm việc vất vả giữa anh em, là những người vì Chúa mà hướng dẫn và khuyên bảo anh em” (1 Tê 5:12). Đức Chúa Trời đã thiết lập trong Hội Thánh “những người có khả năng giúp đỡ người khác, những người có ân tứ quản trị” (1 Cô 12:28). Hội Thánh Phi Líp có các giám mục và chấp sự (Phi líp 1:1). Tác giả thư Ê-phê-rơ khuyên rằng: “Hãy vâng lời những người lãnh đạo anh em và thuận phục họ, bởi họ canh giữ linh hồn anh em như người sẽ phải khai trình. Hãy giúp họ vui vẻ làm xong nhiệm vụ mà không phàn nàn, vì điều đó không ích lợi gì cho anh em” (Ê-phê-rơ 13:17).

Việc chính thức bổ nhiệm những người lãnh đạo trưởng thành về mặt thuộc linh là một trong những dấu hiệu quan trọng chứng tỏ Hội Thánh đã trưởng thành và đã được “trông”, và tạo khả năng cho nhóm mở mang Hội Thánh rút lui khỏi công việc. Các trưởng lão địa phương bắt đầu có trách nhiệm trong việc tiếp tục chăm sóc đời sống thuộc linh, giảng dạy và hướng dẫn Hội Thánh sau khi các giáo sĩ ra đi (Công vụ 20:28-31; 1 Phi 5:1-4). Trong hành trình truyền giáo lần thứ nhất Phao Lô và Ba-na-ba đã bổ nhiệm các trưởng lão trong các Hội Thánh tại Nam Ga-la-ti, những Hội Thánh này chưa được hơn hai năm tuổi (Công vụ 14:23; Schnabel 2008, 77). Nhưng Ba-na-ba và Phao Lô đã giao phó các tín hữu cho Chúa rồi ra đi. Công tác ở đó được coi là “đã hoàn tất” (Công vụ 14:26). Dù sau đó Phao Lô đã viết thư Ga-la-ti gởi cho những Hội Thánh này và động viên họ trong những lần viếng thăm khác (Công vụ 16:1-5), nhưng rõ ràng là họ không còn ở dưới sự trông nom trực tiếp của các sứ đồ. Tương tự, trước khi rời khỏi Ê-phê-sô sau hai năm thực hiện chức vụ ở đó, Phao Lô giao phó các trưởng lão của Hội Thánh Ê-phê-sô cho Chúa và nói rằng ông sẽ không còn gặp họ nữa (Công vụ 20:25-32). Ngược lại, công việc tại Co-rét được coi là “chưa hoàn tất” bởi vì các trưởng lão chưa được bổ nhiệm (Tít 1:5). Như vậy việc bổ nhiệm các trưởng lão địa phương là một cột mốc quan trọng trong việc thành lập một Hội Thánh, tạo điều kiện cho việc rút lui của giáo sĩ theo kiểu sứ đồ.

Điều này làm phát sinh một vấn đề quan trọng: các lãnh đạo địa phương phải trưởng thành và đủ tiêu chuẩn đến mức độ nào thì người mở mang Hội Thánh có thể ra đi? Một mặt chúng ta rất ấn tượng về việc Phao Lô tin cậy công tác của Đức Thánh Linh trong những người mới tin này khi họ lãnh trách nhiệm chăm sóc các Hội Thánh mới thành lập. Có khả năng những lãnh đạo này là những tín hữu Do Thái đã khá thành thạo Cựu ước, dù vậy, quan điểm này chỉ có tính ước đoán bởi vì hầu hết những người giải nghĩa Kinh Thánh tin rằng những Hội Thánh này chủ yếu là các tín hữu dân ngoại (George 1994, 44; Guthrie 1973, 9). Như đã lưu ý ở trên, các trưởng lão được bổ nhiệm ở Hội Thánh Ê-phê-sô chỉ sau hai năm Phao Lô thi

hành chức vụ ở đó. Mặt khác, ít nhất tám năm sau đó¹ Phao Lô đã dạy Ti-mô-thê rằng một trưởng lão trong Hội Thánh Ê-phê-sô không được là “một người mới tin đạo vì có thể do kiêu căng mà rơi vào án phạt dành cho ma quỷ” (1 Tim 3:6). *Mới* là một từ ngữ liên hệ. Trong Hội Thánh non trẻ, sự tăng trưởng về phẩm chất, sự trung tín, sự vâng phục, và khả năng chân bầy của Đức Chúa Trời là quan trọng. Khi Hội Thánh tăng trưởng cả về quy mô lẫn sự trưởng thành, thì các phẩm chất và tiêu chuẩn đối với trưởng lão cũng cao hơn.

Việc quyết định khi nào và ai sẽ được bổ nhiệm làm lãnh đạo không nên làm một cách vội vàng mà phải kiên nhẫn và cầu nguyện nhiều (Công vụ 14:23). Richard Hibbert (2008) đã nghiên cứu một phong trào mở mang Hội Thánh trong vòng người Millet² ở Bun-ga-ri, phong trào này bắt đầu vào cuối thập niên 1980 và đến đầu thập niên 1990 đã tăng trưởng đến khoảng mười ngàn tín hữu. Tuy nhiên, phong trào đã đình trệ vào cuối thập niên 1990, với số tín hữu trong gần một trăm Hội Thánh giảm xuống còn gần sáu ngàn người. Hibbert đã phỏng vấn nhiều người li khai và phát hiện ra rằng ngoài việc di dân đến Tây Âu, thì các lý do của việc rời bỏ Hội Thánh không phải là quay lại Hồi giáo mà là những nan đề liên quan đến các lãnh đạo của Hội Thánh: xung đột, lạm dụng quyền lực, thiếu sự chăm sóc và những điều tương tự. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển và chọn lựa đúng người vào cương vị lãnh đạo. Đặc biệt trong các phong trào đang tăng trưởng nhanh với hầu hết là tân tín hữu, thì không thể bỏ qua vấn đề lãnh đạo.

Đồng thời chúng ta cần nhớ rằng trong lịch sử các giáo sĩ thường không giao phó việc lãnh đạo cho các tín hữu địa phương bởi vì họ tin rằng các tín hữu địa phương dường như không bao giờ có đủ trưởng thành để có thể gánh vác trách nhiệm đầy trọn. Cuối cùng điều này dẫn đến sự chi phối không lành mạnh của các giáo sĩ, và người mở mang Hội Thánh lưu lại vô thời hạn tại một địa điểm, và không thể tiên phong mở Hội Thánh ở một nơi mới hoặc động viên các tín hữu địa phương gánh vác sứ mạng. Vì vậy việc biết rõ ai, khi nào và làm thế nào để trao quyền là rất quan trọng và phải được thực hiện cùng với sự cầu nguyện và nhận thức đầy đủ về mặt thuộc linh. Chúng tôi sẽ quay lại vấn đề này chi tiết hơn trong chương 17.

Khởi Sự Các Mục Vụ Và Cơ Cấu Mới Để Đáp Ứng Nhu Cầu

Sự tăng trưởng của Hội Thánh không chỉ đem đến niềm vui mà còn đem đến những thách thức mới và khó nhọc. Một Hội Thánh mà không thích ứng được với những hoàn cảnh và nhu cầu đang thay đổi cuối cùng sẽ đình trệ hoặc đối diện với khủng hoảng. Khi một Hội Thánh tăng trưởng thì nó sẽ chuyển từ một cộng đồng dạng gia đình và có tính chất mặt đối mặt đến một nhóm lớn hơn với những nhu cầu khác nhau, những nhóm văn hóa khác nhau và những người tham dự không gắn bó lắm với Hội Thánh. Nhiều Hội Thánh không thích ứng với những nhu cầu này, cứ tiếp tục những mục vụ như vẫn thường làm. Điều này dẫn đến sự nản lòng và đình trệ, cuối cùng cản trở sự sinh sản.

Một trong những trường hợp đầu tiên về nhu cầu phải tổ chức cơ cấu của Hội Thánh để đáp ứng những nhu cầu mới được thấy trong Công vụ chương 6 tại Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, là Hội Thánh đã trải nghiệm sự tăng trưởng bùng nổ. Người Do Thái quan tâm đến việc chăm sóc cho các góa phụ là một nghĩa vụ đạo đức cao cả, và Hội Thánh đầu tiên đã tiếp thu sự quan tâm này. Tuy nhiên, một nan đề xuất hiện khi những góa phụ Do Thái nói tiếng Hy Lạp phàn nàn về việc bị bỏ bê trong việc cung cấp thực phẩm, cảm thấy rằng những góa phụ Do Thái nói tiếng A-ram thì được ưu tiên hơn. Điều này phản ánh sự căng thẳng lâu đời giữa người Hê-bơ-rơ và người Do Thái nói tiếng Hy Lạp trong cộng đồng Do Thái nói chung (Longenecker 1981, 329). Những xung đột xã hội phổ biến như thế này cũng thường xảy ra trong Hội Thánh. Thách thức ở đây liên quan đến cả xung đột về chủng tộc và sự thiếu một cơ cấu để bảo đảm sự phân phối công bằng. Hơn nữa, cho đến thời điểm này các sứ đồ rõ

¹ Hội Thánh tại Ê-phê-sô được thành lập năm 51 SC (Schnabel 2008, 107), và Phao Lô viết các thư tín mục vụ khoảng năm 60 SC (Kelley 1963, 78).

² Người Millet là người Ý nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tự nhận là người Hồi giáo.

ràng đã có trách nhiệm trong sự giám sát việc phân phối thực phẩm bên cạnh những trách nhiệm mục vụ khác của họ trong Hội Thánh. Giải pháp cho việc này là lập ra một nhóm mục vụ hoàn toàn mới (theo cách nói hiện đại), là các chấp sự. Richard Longenecker tóm lược như sau: “Câu chuyện của Lu ca ở đây cho thấy rằng để thể hiện đầy đủ tính chất Kinh Thánh là thường xuyên vận dụng các phương pháp và cơ cấu truyền thống để đáp ứng các tình huống, vì cả phúc lợi chung của Hội Thánh và sự truyền bá Phúc âm” (1981, 331).

Giải pháp này giải quyết nhiều thách thức và mang tính chỉ dẫn đặc biệt cho Hội Thánh mọi lúc mọi nơi. Thứ nhất, nó nắm bắt nan đề một cách nghiêm chỉnh và giải quyết lập tức vấn đề phân phối thực phẩm cho các góa phụ. Các xung đột của Hội Thánh không thể bị bỏ qua hoặc giảm thiểu nhưng phải được xem xét nghiêm túc và phải được giải quyết thỏa đáng. Thứ hai, các căng thẳng về chủng tộc đã được quan tâm bằng việc bổ nhiệm bảy chấp sự đều có tên bằng tiếng Hy Lạp (Công vụ 6:5). Như vậy những người cảm thấy bị phân biệt đã được đại diện bởi các chấp sự. Các nhóm thiểu số cũng không bị xem thường – thực ra đã có các nỗ lực để đưa họ vào sự sinh hoạt của Hội Thánh. Thứ ba, những lãnh đạo mới (các chấp sự) được trao quyền và giao phó công việc; việc này đã làm tăng thêm các nhân sự và chứng tỏ rằng các sứ đồ và các trưởng lão không phải là những người duy nhất đủ tiêu chuẩn để phục vụ. Thứ tư, phương cách lựa chọn các chấp sự, dù không được tường thuật chi tiết, là có tính chất hướng dẫn. Nó xác định các tiêu chuẩn, bao gồm việc tham dự và chấp thuận của hội chúng, và liên quan đến việc đặt tay công khai (câu 3-4, 6). Theo đó một tiền lệ đã được đặt ra cho các Hội Thánh trong việc giải quyết các nan đề và bổ nhiệm mọi người vào chức vụ theo phương thức được công nhận và chấp thuận công khai. Thứ năm, bằng việc giao phó trách nhiệm, mười hai sứ đồ có thể chuyên tâm vào chức vụ chính mà họ đã được kêu gọi và ban ơn: cầu nguyện và giảng dạy lời Chúa (câu 4). Những người lãnh đạo có thể dễ dàng bị quá tải bởi những nhu cầu của một Hội Thánh đang phát triển và phải ủy quyền bớt các mục vụ để tập trung vào nhiệm vụ ưu tiên của họ. Thứ sáu, Hội Thánh đã chứng tỏ rằng các nhu cầu về thuộc linh, thuộc thể và xã hội đều được quan tâm đúng mức trong toàn bộ sinh hoạt của Hội Thánh. Các cơ cấu mới, đồng nhất với các ân tứ Thánh Linh, và việc lập ra một chức vụ đều cần thiết để đáp ứng đầy đủ những nhu cầu khác nhau. Cuối cùng, Hội Thánh tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng (câu 7). Không phải tình cờ mà Lu ca thêm vào một câu nói về sự lan truyền của Đạo Chúa và sự tăng trưởng của Hội Thánh ở chỗ này trong câu chuyện. Xung đột chưa được giải quyết và các lãnh đạo bị quá tải và phân tán trong công việc chắc chắn sẽ ngăn trở sự tăng trưởng của Hội Thánh. Khi Hội Thánh giải quyết các thách thức và khủng hoảng một cách hợp lý – thường bao gồm việc lập ra những cơ cấu mới và sự ủy quyền công việc – thì Đức Chúa Trời làm cho Hội Thánh được thịnh vượng.

Khi Hội Thánh phát triển, các nhu cầu mà trước đây được đáp ứng trên cơ sở tùy theo từng trường hợp một phải được giải quyết theo một phương thức có hệ thống hơn. Chúng ta thấy điều này trong việc chăm lo cho các góa phụ tại Hội Thánh Ê-phê-sô (1 Tim 5:3-16). Rõ ràng là các nguồn lực của Hội Thánh có giới hạn, vì vậy cần phải xác định ai là người thực sự cần nhận sự giúp đỡ và người nào có thể được giúp đỡ bằng những cách khác. J. N. D. Kelley nhận xét: “Tại Ê-phê-sô bây giờ có một thứ tự ưu tiên được công nhận chính thức về các góa phụ, với những điều kiện xác định mà Phao Lô muốn phải được tuân thủ một cách chặt chẽ, và những trách nhiệm đối với những người nằm trong danh sách” (1963, 112). Nói cách khác, khi Hội Thánh tăng trưởng, thì các mục vụ và cơ cấu mới phải được lập ra để đáp ứng một cách đầy đủ và công bằng các nhu cầu của cá nhân và tập thể.

Những người mở mang Hội Thánh và các lãnh đạo của Hội Thánh phải duy trì sự hòa hợp đối với các nhu cầu trong cộng đồng khi Hội Thánh phát triển. Giống như các Hội Thánh trong thời Tân ước, trong một số bối cảnh việc chăm sóc cho cô nhi góa phụ, cho người thiếu thốn và thất nghiệp, và cho những người không có khả năng cung cấp đầy đủ cho họ và gia đình của họ sẽ là nhu cầu cấp bách nhất. Sau này trong chương 19 chúng tôi sẽ thảo luận chi

tiết hơn về các mục vụ thiện nguyện và biến đổi xã hội. Chính trong giai đoạn tổ chức cơ cấu của Hội Thánh, các mục vụ đó được khởi động hoặc được mở rộng một cách có ý nghĩa.

Một nhu cầu khác hầu như phải đối diện trong mọi Hội Thánh là sự chăm sóc và tư vấn cho các tín hữu, là những người gia nhập vào Hội Thánh với những vết thương tình cảm, các mối quan hệ gãy đổ, sự nghiện ngập và những kinh nghiệm thương đau. Việc lập ra các mục vụ tư vấn có thể là một công tác ưu tiên để làm vững mạnh và đem đến sự chữa lành cho những người đó. Thường thì các nhóm có nhu cầu đặc biệt được khởi động để chăm sóc họ. Cũng như có thể bắt đầu các mục vụ thích hợp với độ tuổi hoặc sở thích như giới trẻ, cha mẹ đơn thân, hoặc trung tráng niên.

Thông thường trong giai đoạn này Hội Thánh có thể bắt đầu truyền giáo cho các nhóm bộ tộc chưa được tiếp cận hoặc các nhóm văn hóa trong cộng đồng, có lẽ khi Đức Chúa Trời đẩy lên một người trong Hội Thánh có khả năng và quan tâm đến việc tiếp cận nhóm đó. Ví dụ, một thành viên của một Hội Thánh nhỏ ở tại Monrovia, Liberia, bắt đầu quan tâm đến những binh lính trẻ con trước đây mà bây giờ đã lớn và trở thành những tội phạm đường phố và những kẻ nghiện ngập ma túy. Ông bắt đầu thăm viếng chúng và cuối cùng đã mở ra một buổi thờ phượng của nhóm đều đặn vào chiều Chúa nhật cho chúng ngay tại nơi công cộng. Nếu nhóm có nhu cầu đặc biệt nói tiếng nước ngoài, thì phải cần có một người thông thạo ngôn ngữ đó để lãnh đạo nhóm. Các mục vụ như vậy có tác dụng như là một sự giới thiệu của địa phương đối với nhiệm vụ truyền giáo, thúc đẩy Hội Thánh gánh vác vai trò lớn hơn trong việc tăng cường sai phái các giáo sĩ. Nhưng các mục vụ mới không được mở rộng vượt quá khả năng huy động nhân sự để gánh vác trách nhiệm. Nếu người mở mang Hội Thánh có khả năng về một mục vụ mới, thì khả năng đó phải được trình bày một cách thuyết phục, mục vụ đó không nên được bắt đầu cho đến khi những người địa phương sẵn sàng gánh vác, và toàn bộ gánh nặng không phải chủ yếu nằm trên vai của người mở mang Hội Thánh.

Đôi khi các tín hữu địa phương sẽ nhận ra một nhu cầu, như là các mục vụ cho thiếu nhi, nhưng lại cho rằng việc đáp ứng nhu cầu đó là trách nhiệm của người mở mang Hội Thánh hoặc một thành viên của nhóm. Họ có khuynh hướng cho rằng người mở mang Hội Thánh đang phục vụ trọn thời gian, có thì giờ, và được huấn luyện để làm nhiệm vụ đó. Tuy nhiên, nếu áp dụng cách tiếp cận kiểu sứ đồ, thì những người mở mang Hội Thánh phải chống lại những ngộ nhận đó. Họ phải huấn luyện và giúp đỡ các tín hữu địa phương trong việc khởi sự các mục vụ và không được nắm toàn bộ trách nhiệm. Nếu người mở mang Hội Thánh nắm toàn bộ trách nhiệm, thì sau đó sẽ đối diện với một thách thức trong việc tìm kiếm một người để gánh vác mục vụ đó. Cũng như nếu các tín hữu địa phương thấy rằng nếu họ trì hoãn thì người mở mang Hội Thánh cuối cùng sẽ gánh vác mục vụ, thì họ học được cách tránh né mục vụ. Việc chống lại ham muốn chỉ làm công việc cần thiết đòi hỏi sự kiên nhẫn lớn về phía người mở mang Hội Thánh. Nhưng nếu tất cả các mục vụ mới đều đòi hỏi trách nhiệm của các tín hữu địa phương, thì họ sẽ không phụ thuộc vào người mở mang Hội Thánh, và thách thức của việc rút lui dần sẽ giảm bớt. Lãnh đạo cho các mục vụ phải được đẩy lên cùng với sự bắt đầu các mục vụ, thay vì để sau đó khi mục vụ đã phát triển và các tín hữu địa phương cảm thấy không đủ khả năng đối với nhiệm vụ, mục vụ không cần phải “chuyển giao” cho các tín hữu địa phương bởi vì họ đã là lãnh đạo trong suốt quá trình từ trước đến nay.

Nhân Rộng Nhân Sự Bằng Cách Huấn Luyện Lãnh Đạo Về Cách Huấn Luyện Những Người Khác

Để đạt được sự sinh sản lâu dài và cuối cùng là sự nhân rộng, thì sẽ chưa đủ nếu những người mở mang Hội Thánh chỉ đào tạo các tín hữu địa phương thông qua sự cố vấn và sự trang bị. Sự nhân rộng thực sự chỉ xảy ra khi các nhân sự được huấn luyện bởi người mở mang Hội Thánh đến lượt mình huấn luyện lại những người khác. Phao Lô dạy bảo cho Ti-mô-thê rằng: “Những điều con đã nghe nơi ta trước mặt nhiều nhân chứng hãy ủy thác cho những người đáng tin cậy, là những người có khả năng dạy dỗ người khác” (2 Tim 2:2). Bốn thể hệ lãnh

đạo đã được đề cập trong câu này: từ (1) Phao Lô đến (2) Ti-mô-thê đến (3) những người đáng tin cậy đến (4) những người có khả năng dạy dỗ. Điều này có nghĩa là người mở mang Hội Thánh chuyển đổi dần từ vai trò người khởi động và người làm mẫu sang người động viên và cố vấn, và đến bây giờ là *người nhân cấp*. Với vai trò là một người nhân cấp, người mở mang Hội Thánh giảm dần sự liên quan trực tiếp vào mục vụ ở “tiền tuyến”, và tham gia nhiều hơn vào việc huấn luyện những người khác về cách huấn luyện những người khác.

Trong giai đoạn thành lập, các lãnh đạo nhóm tế bào cần phải được dạy về cách cố vấn cho những người tập sự làm lãnh đạo nhóm (như đã được mô tả trong chương 12). Nguyên tắc tương tự phải được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực và mọi cấp độ của mục vụ. Ví dụ, các lãnh đạo nhóm mục vụ phải học cách tuyển mộ và huấn luyện những thành viên và những lãnh đạo mới. Cách tiếp cận kiểu sứ đồ trong việc mở mang Hội Thánh ngay từ đầu đã tìm cách trang bị cho các tín hữu địa phương làm công tác lãnh đạo và chăm sóc Hội Thánh mới. Điều này có nghĩa là cả cách thức thực hiện mục vụ và phương pháp huấn luyện phải được lặp lại hoặc bắt chước một cách dễ dàng bởi các tín hữu địa phương. Nếu họ mù chữ hoặc bán mù chữ, thì người mở mang Hội Thánh cần phải sử dụng những phương pháp không phụ thuộc vào sách vở hoặc các nguồn tài liệu viết cho đến khi trình độ biết chữ của họ được nâng lên. Nếu các tín hữu địa phương có trình độ giáo dục thấp, thì người mở mang Hội Thánh cần phải giảng và dạy bằng những từ ngữ đơn giản để họ có thể hiểu được và có khả năng giải thích cho những người khác. Bởi vì những người mở mang Hội Thánh được đào tạo trong các chủng viện, nên họ có thể vô tình đặt ra một tiêu chuẩn cao về mục vụ mà các tín hữu địa phương cảm thấy không bao giờ đạt tới. Nếu các tín hữu có tự điển Kinh Thánh hoặc Thánh Kinh phù dẫn, thì có thể dạy cho họ cách sử dụng những công cụ đó. Các bài giảng nên làm rõ ràng các nguồn thông tin là những nguồn thông tin mà các tín hữu địa phương cũng có thể sử dụng. Bằng cách này mục vụ được thực hiện theo cách có thể bắt chước được.

Hòa Nhập Các Tân Tín Hữu Và Thân Hữu

Ở cuối chương 11 chúng tôi đã thảo luận ngắn gọn về nan đề hao hụt và những lý do của nó. Ở đây chúng ta sẽ thấy việc hội nhập một cách có chủ ý và lành mạnh các tân tín hữu có thể dẫn đến một thế hệ mới các nhân sự và lãnh đạo. Khi Hội Thánh còn nhỏ, thì những người mới đến sẽ dễ dàng được nhận ra và hòa nhập, nhưng khi Hội Thánh đã tăng trưởng thì việc hội nhập sẽ khó khăn hơn. Chìa khóa để duy trì sự tăng trưởng là khả năng của Hội Thánh trong việc đem những người mới về với Đấng Christ, phải môn đồ hóa họ và hội nhập họ vào trong sự sinh hoạt của Hội Thánh. Các Hội Thánh Tư gia có thể chia ra dễ dàng khi nhóm trở nên quá lớn không thể nhóm họp trong một nhà. Nhưng những hội chúng lớn hơn thì khó có thể làm như vậy. Lý tưởng là các nhóm tế bào cung cấp một cơ cấu tiếp tục cho sự thông công và chăm sóc mà hội chúng lớn không thể đảm đương nữa trong các buổi nhóm lớn. Nhưng nếu những người mới không gia nhập Hội Thánh thông qua các nhóm nhỏ, thì không thể cho rằng họ sẽ dễ dàng hội nhập trong các nhóm nhỏ.

Ở đây nhiều Hội Thánh không thích nghi được với tình huống đang thay đổi, kết quả là sự tăng trưởng bị khựng lại, thiếu hụt nhân lực để gánh vác các mục vụ ngày càng nhiều, và những người phục vụ Hội Thánh từ lúc đầu sẽ nản lòng và kiệt sức. Đây là một lý do mà nhiều Hội Thánh chững lại trong sự phát triển hoặc đối mặt với sự khủng hoảng về lãnh đạo sau khoảng năm năm.

Các hội chúng đang tăng trưởng trải qua ba giai đoạn phát triển có thể dẫn đến nan đề này, như được minh họa trong hình 13.1. Trong giai đoạn bắt đầu thì Hội Thánh còn nhỏ, sự giao tiếp theo cách mặt đối mặt, cùng đưa ra các quyết định, sự lãnh đạo mang tính tạm thời, động lực và năng lượng còn nhiều. Khi có những người mới gia nhập vào Hội Thánh, họ sẽ lập tức được đề ý. Mọi người đều mong muốn cho Hội Thánh tăng trưởng; vì vậy các thành viên nói chung là nhanh chóng hội nhập những người mới vào trong mối quan hệ đã có. Thường thì những người mới đã có mối quan hệ cá nhân với các thành viên cũ. Bởi vì Hội Thánh còn

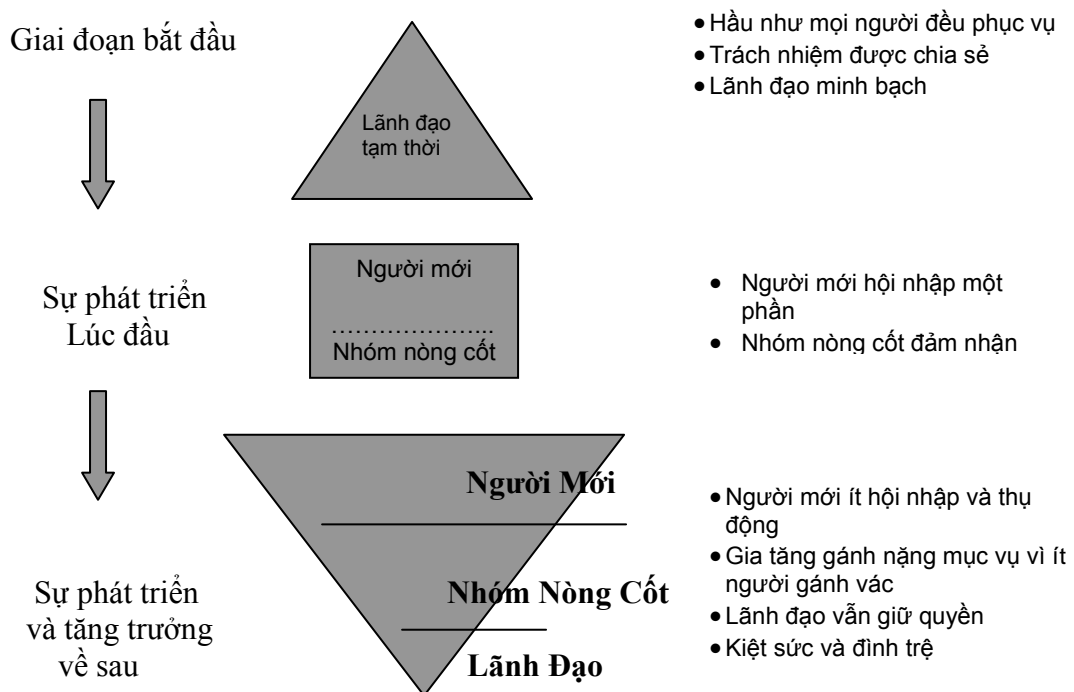
nhỏ cho nên trách nhiệm được chia sẻ và rất ít thành viên thụ động. Điều này tạo ra chỗ dựa rộng lớn cho sự phục vụ và chia sẻ gánh nặng của mục vụ. Nhiều nguồn tài lực và nhân lực được tập trung cho việc hướng ngoại, và cần rất ít nguồn lực cho sự sinh hoạt nội bộ của Hội Thánh.

Nếu Hội Thánh tiếp tục tăng trưởng, thì tình huống dần dần thay đổi. Gánh nặng của mục vụ sẽ gia tăng dần cùng với sự gia tăng về số lượng thành viên và nhu cầu. Lúc này vai trò lãnh đạo đã trở nên chính thức hơn. Nhóm nòng cốt ban đầu của Hội Thánh tiếp tục gánh vác hầu hết các mục vụ. Số lượng người không phục vụ, đa số là những người mới, bắt đầu tăng lên. Khi mọi người bắt đầu bận rộn hơn, thì những người mới đến chỉ được hội nhập một phần vào trong Hội Thánh.

Nếu tiếp tục tăng trưởng thì Hội Thánh sẽ bước vào một giai đoạn quan trọng. Những người mới hội nhập rất kém và chậm gánh vác trách nhiệm; tình trạng nặc danh và thụ động trở thành những nan đề. Nhóm nòng cốt ban đầu tiếp tục cáng đáng gánh nặng mục vụ mà bây giờ đã trở nên quá tải, các nhu cầu tiếp tục tăng lên nhưng nhân sự làm việc thì không tăng. Chỗ dựa cho sự lãnh đạo và phục vụ bây giờ đã quá hẹp không thể duy trì sự tăng trưởng của Hội Thánh. Điều này làm cho các nhân sự và lãnh đạo bị kiệt sức và chỗ dựa cho sự lãnh đạo thậm chí trở nên hẹp hơn. Nhóm nòng cốt ban đầu có xu hướng tiếp tục nắm quyền: Hội Thánh là “của họ”, được sinh ra từ khái niệm “của họ” và là kết quả của sự lao động khó nhọc “của họ”. Làm sao mà những người mới có thể bình đẳng được?

Hình 13.1

Sự Hội Nhập Và Phát Triển Không Lành Mạnh



Sự xuất hiện của một vài lời bàn ra tán vào là dấu hiệu chứng tỏ rằng Hội Thánh đang gặp phải khủng hoảng về hội nhập. Khi một người nghe những thành viên cũ nói những điều đại thể như: “Còn nhớ khi tất cả chúng ta biết tên nhau không? Chúng ta giống như một gia đình lớn,” hoặc “Tôi cảm giác giống như một người lạ trong Hội Thánh của mình.” Dù những câu nói này được nói công khai hay không, thì những người mới sẽ cho rằng họ không được chào đón và đang gây khó khăn cho một gia đình nhỏ vui vẻ. Một dấu hiệu khác là sự rút lui của

những nhân sự và lãnh đạo ra khỏi trách nhiệm vì gánh nặng phục vụ và sự nản lòng quá mức. Sự tăng trưởng Hội Thánh không còn là sự hào hứng nữa. Những người lãnh đạo có thể bắt đầu cảm thấy không hài lòng vì những thành viên mới không tận tâm phục vụ đúng như bổn phận. Việc này gây ra một ý nghĩ khác đối với những người mới là phục vụ trong Hội Thánh này thì không vui và có thể kiệt sức. Những người mới bắt đầu nghĩ rằng “nếu đó là kết quả của sự phục vụ trong Hội Thánh thì đừng can dự vào!” Việc tuyển mộ nhân sự trở nên khó hơn, sự thiếu hụt nhân sự trở nên căng thẳng hơn, và vòng lẩn quẩn cứ tiếp tục. Chúng tôi đã từng thấy những Hội Thánh đi đến tình trạng hoàn toàn giậm chân tại chỗ khi tất cả những lãnh đạo ban đầu ra đi hoặc từ chức và không có một lãnh đạo mới nào sẵn sàng phục vụ.

Đây là điều không thể tránh được. Vẫn có những giải pháp thay thế nhưng chúng phải được bắt đầu trước khi xảy ra khủng hoảng. Một cách để tránh nan đề này được minh họa trong hình 13.2. Khi Hội Thánh tăng trưởng, các tân tín hữu được hội nhập thông qua hai con đường. Một là bằng cách trở thành thành viên của một nhóm tế bào, nơi mà Hội Thánh được xem như một gia đình nhỏ. Cách khác là tuyển mộ vào các nhóm mục vụ. Đôi khi nhóm tế bào chịu trách nhiệm đối với một mục vụ và cả hai cách trùng khớp với nhau. Trong cả hai trường hợp, sự hội nhập không phải là vấn đề chương trình mà là vấn đề về *quan hệ*.³ Những thành viên hiện hữu phải chủ động tiếp đón và tạo lập mối quan hệ với những người mới. Đôi khi những người mới gia nhập Hội Thánh thông qua các nhóm tế bào; trong trường hợp này thì mối quan hệ cá nhân đã có. Nhưng đặc biệt trong các Hội Thánh có sức hấp dẫn, những người mới có thể tham dự một buổi thờ phượng lớn và họ không có các mối quan hệ cá nhân, thì phải chủ động tiếp xúc và hội nhập họ. Điều này có nghĩa là các nhóm tế bào phải rộng mở đón nhận những người mới và tích cực hấp dẫn họ. Những người lãnh đạo các nhóm tế bào cần phải được chỉ bảo về cách tuyển mộ những thành viên mới trong số những người mới đến. Không chỉ có các mối quan hệ cá nhân được hình thành trong nhóm tế bào dẫn đến sự ràng buộc trong Hội Thánh, mà nhóm tế bào còn là con đường lý tưởng để bắt đầu khám phá và sử dụng các ân tứ Thánh Linh của một người. Những người có ân tứ và khả năng lãnh đạo sẽ dần dần xuất hiện, và họ trở thành những lãnh đạo tiềm năng của các nhóm tế bào hoặc các mục vụ. Các nhóm mục vụ cũng là một cách để hội nhập những người mới và đưa họ vào trong sinh hoạt của Hội Thánh. Những người mới có thể tham gia trong vai trò giúp đỡ với trách nhiệm thấp, và khi họ chứng tỏ được khả năng và sự trung tín thì họ có thể nắm giữ vai trò lãnh đạo.

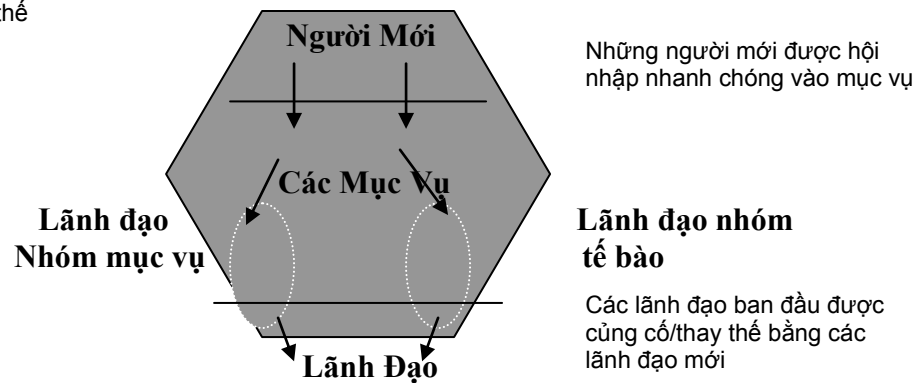
Một trong những thách thức mà các Hội Thánh đang tăng trưởng phải đối diện là làm thế nào để chọn lựa những lãnh đạo cấp cao nhất, chẳng hạn như trưởng lão. Một phần của nan đề là có quá ít cơ hội trung gian để phát triển khả năng lãnh đạo và chứng tỏ khả năng thích hợp với cấp lãnh đạo cao hơn. Khi các tín hữu mới phát triển các mối quan hệ cá nhân trong các nhóm tế bào hoặc trong các cơ hội phục vụ “mở lối” thì họ có thể phát triển khả năng lãnh đạo, khẳng định ân tứ và sự trung tín của họ, và được giao phó trách nhiệm cao hơn. Chúng tôi thấy rằng những người chứng tỏ ân tứ mục sư và giảng dạy trong cấp độ lãnh đạo

Hình 13.2

Hội Nhập Và Phát Triển lãnh Mạnh

³ Dựa trên số liệu các Hội Thánh tại Bắc Mỹ, Win Arn tin rằng “mỗi người mới quy đạo hoặc thành viên mới phải có khả năng phát hiện ít nhất bảy người bạn trong Hội Thánh trong vòng sáu tháng đầu tiên. Tình bạn là sự ràng buộc mạnh nhất trong việc kết dính những người mới vào hội chúng của họ” (1986, 97). Con số “bảy người bạn trong vòng sáu tháng” lệ thuộc vào điều kiện văn hóa nhưng cho thấy tầm quan trọng của sự quan hệ đối với sự hòa nhập.

Phát triển thay thế



một nhóm tế bào, chiếm được tình cảm và sự tin cậy của các thành viên trong nhóm thường là những ứng cử viên tốt nhất cho chức vụ trưởng lão. Nếu một người có thể chặn dắt một nhóm nhỏ hoặc một mục vụ cách trung tín thì người đó sẽ thích hợp với vai trò chặn bầy trong cả Hội Thánh. Một trong những sai lầm lớn nhất mà Hội Thánh có thể mắc phải là bỏ nhiệm những thành viên chưa chứng tỏ được khả năng vào vị trí lãnh đạo.

Con đường dẫn đến sự lãnh đạo có thể được thúc đẩy bằng việc làm cho nhóm lãnh đạo và công việc của họ trở nên rõ ràng. Ví dụ, thỉnh thoảng có thể mời những người lãnh đạo nhóm tế bào hoặc mục vụ tham gia các buổi họp của ban trưởng lão. Không chỉ họ có thể báo cáo về quá trình và những nhu cầu của mục vụ mà họ còn có thể thấy trước mục vụ của các trưởng lão.

Cuối cùng, hội chúng phải được nhắc nhở liên tục về khái niệm của Hội Thánh là tạo ra nhiều môn đồ mạnh mẽ hơn. Khuyến khích một thái độ hoài cổ – “nhớ lại những ngày tốt đẹp khi Hội Thánh còn nhỏ” – là một trong những cách tốt nhất làm cho Hội Thánh cứ nhỏ mãi. Nhưng phải khuyến khích sự tăng trưởng về số lượng và các phương tiện được phát triển để duy trì tính chất của Hội Thánh thông qua các nhóm nhỏ và thông qua những cách khác nhau để phục vụ cho những người mới. Cũng có thể ngăn ngừa sự kiệt sức của các nhân sự bằng cách cho phép họ nghỉ vào ngày thứ bảy hoặc luân chuyển nhân sự, ủy quyền và chống lại sự kiểm soát, và hoan nghênh những ý kiến mới của những người mới.

Đánh Giá Sự Phát Triển Và Sự Mạnh Khỏe Của Hội Thánh

Khi Hội Thánh tăng trưởng thì sẽ trải nghiệm được sự phấn khởi qua việc thấy Đức Chúa Trời dựng chạm những cuộc đời và cộng đồng. Nhưng đồng thời cũng có những bất ổn! Hội Thánh có thể thấy mình đang cố gắng phát triển các nhóm tế bào và mục vụ mới để đáp ứng những nhu cầu đang gia tăng và các cơ hội. Sự đánh giá không nên được xem như là một kỹ thuật mà là một kỹ năng sống và là một hoạt động thuộc linh. Kinh Thánh nói về việc sử dụng Lời Chúa như là một tấm gương và việc tạo ra những thay đổi dựa trên những điều Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy (Gia cơ 1:22-24) và việc tính toán trước khi chúng ta bắt đầu một công việc xem thử chúng ta có thể hoàn thành nó không (Lu ca 14:28-30). Chúng ta được khuyến khích xin Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan (Gia cơ 1:4-6). Sự đánh giá tốt nhất có nhiều đặc điểm như sau:

- Thường xuyên – được thực hiện đều đặn với một tinh thần luôn luôn cố gắng cải tiến
- Tập thể – được thực hiện bởi một nhóm gồm nhiều người đủ tiêu chuẩn
- Cụ thể – được thực hiện sao cho có thể tạo ra những tiến bộ cụ thể

- Có kết quả – dẫn đến sự cầu nguyện và những kế hoạch để đáp ứng những vấn đề quan trọng

Sự Mạnh Khỏe Của Hội Chúng

Điều quan trọng đặc biệt đối với Hội Thánh lúc này, bắt đầu từ những người lãnh đạo, là kiểm tra lại các mục đích của Hội Thánh và xem thử các hoạt động khác nhau có đồng bộ với những mục đích này không, các ưu tiên có đặt đúng chỗ không, và các mục vụ có hiệu quả không. Hoạt động nhiều hơn không có nghĩa là hoạt động tốt hơn. Có quá nhiều chương trình có thể làm xao lãng những chương trình quan trọng. Vì vậy Hội Thánh phải định hướng cho các mục vụ khi chúng phát triển và phải can đảm cắt giảm những mục vụ không đáp ứng những nhu cầu thực tế, không có hiệu quả, hoặc tiêu tốn nhiều thời gian và sức lực làm ảnh hưởng đến các mục vụ quan trọng hơn.

Nếu Hội Thánh vận dụng kế hoạch “Hội Thánh Môn Đồ Hóa” vào mục vụ (chương 12), thì công cụ đó có thể được dùng để đánh giá sự phát triển tổng thể của Hội Thánh. Việc này có thể do nhóm lãnh đạo thực hiện, nhưng cũng hữu ích nếu bao gồm cả những lãnh đạo nhóm mục vụ vào trong quá trình, đi qua từng điểm một và xem xét Hội Thánh đã thành công đến mức độ nào. Ngày nay có nhiều công cụ đánh giá khác để giúp đỡ các Hội Thánh trong việc này. Bảng 13.1 tóm lược và so sánh những dấu hiệu từ năm nguồn tài liệu. *Sự Phát Triển Hội Thánh Tự Nhiên* (Schwarz 1996) là một trong những công cụ được sử dụng rộng rãi nhất và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau. Tuy nhiên, cũng giống như những người sống tại những nơi khác nhau trên thế giới sẽ đối diện với những môi nguy hiểm khác nhau đối với sức khỏe (sương giá không phải là một nan đề ở vùng nhiệt đới, và sốt rét không phải là nan đề ở tại Bắc cực), thì các Hội Thánh tại những nơi khác nhau trên thế giới cũng đối diện với những môi nguy khác nhau. Những khác biệt này liên quan đến sự khác nhau về môi trường văn hóa, thuộc linh và chính trị. Các Hội Thánh nên nghiên cứu những phân đoạn Kinh Thánh như Công vụ các sứ đồ chương 2, Ê-phê-sô chương 4 và Khải huyền chương 2-3 và lập ra một danh sách các chỉ báo về sức khỏe của Hội Thánh cho riêng mình. Họ có thể đặt ưu tiên đối với những chỉ báo tùy thuộc vào các môi nguy đối với sức khỏe thuộc linh tại địa phương.

Quá trình đánh giá sẽ rất khác nhau tùy thuộc vào văn hóa địa phương, quy mô của Hội Thánh và những yếu tố khác. Khi Hội Thánh còn nhỏ, những giá trị chủ yếu và mục tiêu có thể bàn luận không chính thức. Khi Hội Thánh tăng trưởng, việc đánh giá lúc đầu có thể do các lãnh đạo thực hiện, và sau đó cả hội chúng tham gia thảo luận. Đôi khi một đợt dưỡng linh cuối tuần sẽ tạo không khí thư giãn hơn để có đủ thời gian cầu nguyện, nghiên cứu Kinh Thánh và thảo luận. Một Hội Thánh tại Munich đã thực hiện những đợt dưỡng linh đánh giá sáu tháng một lần – lúc đầu thì bao gồm tất cả các thành viên rồi sau đó, khi Hội Thánh đã phát triển, thì chỉ có những nhân sự nòng cốt và lãnh đạo. Đây là thời gian không chỉ dành cho việc đánh giá sự phát triển trong quá khứ mà còn xem xét các mục tiêu tương lai của Hội Thánh. Một Hội Thánh tại thành phố Mexico thấy rằng khi quyết định về những vấn đề quan trọng, thì tốt nhất là trình bày vấn đề và hỏi ý kiến trong một cuộc họp của toàn thể hội chúng và đưa ra quyết định trong kỳ họp lần sau. Mặc dù cần phải có hai cuộc họp, có nhiều người tham dự hơn, nhưng các cuộc họp ít bất đồng hơn và các quyết định mang tính tập thể nhiều hơn.

Sự đánh giá, các công cụ và các tiêu chuẩn kiểm tra không thể làm cho Hội Thánh mạnh mẽ cũng như một nhiệt kế đối với sức khỏe của một người. Nhưng chúng có ích trong việc chẩn đoán các trục trặc về sức khỏe. Chia khóa mang đến sự mạnh khỏe cho Hội Thánh là có mối liên hệ tốt đẹp với Chúa Giê-xu. Như Chúa Giê-xu đã dạy: “Hãy cứ ở trong Ta thì Ta sẽ ở trong các con. Như cành nho, nếu không ở trong cây nho thì tự nó không thể ra quả được. Nếu các con không cứ ở trong Ta thì cũng như vậy. Ta là cây nho, các con là cành. Ai cứ ở trong Ta, và Ta trong người ấy thì sinh ra nhiều quả, vì ngoài Ta các con không làm gì được”

(Giăng 15:4-5). Sức khỏe thuộc linh của một Hội Thánh phụ thuộc rất lớn vào sức khỏe thuộc linh của các thành viên, bắt đầu từ các lãnh đạo.

Bảng 13.1**Các Chỉ Báo Về Sức Khỏe, Chất Lượng Và Tính Hiệu Quả Của Hội Thánh**

Macchia 1999	EFCA	Dever 2000	NCD (Schwarz 1996)	Barna 1999
Thờ phượng tôn cao Chúa	Thờ phượng đầy đầy Thánh Linh		Thờ phượng có thần cảm	Thờ phượng thật
Các kỹ luật thuộc linh	Sự nóng cháy thuộc linh		Sự nóng cháy thuộc linh	
Học tập và tăng trưởng trong cộng đồng	Môn đồ hóa có chủ ý	Quan tâm về môn đồ hóa và tăng trưởng	Các nhóm nhỏ có sự thống nhất	
Các mối quan hệ yêu thương và chăm sóc	Các mối quan hệ yêu thương		Các mối quan hệ yêu thương	Các mối quan hệ có ý nghĩa và lâu dài
Phát triển lãnh đạo-đầy tớ	Nhân rộng lãnh đạo	Sự lãnh đạo Hội Thánh theo Kinh Thánh	Trao quyền lãnh đạo	Định hướng về lãnh đạo
Hướng ngoại	Truyền giáo có kết quả	Nhận thức về truyền giáo theo Kinh Thánh	Truyền giáo định hướng theo nhu cầu	Truyền giáo chiến lược
		Nhận thức về sự quy đạo theo Kinh Thánh		
Cương vị quản gia và sự rộng rãi	Quản lý các nguồn lực			Quản lý thống nhất
	Định hướng theo Đại mạng lệnh		Các cơ cấu chức năng	Cơ cấu để tạo ảnh hưởng
	Lời Chúa là trung tâm	Phúc âm		Sự tăng trưởng về thần học hệ thống
		Thần học Kinh Thánh		
		Giảng giải kinh		
Mạng lưới trong thân thể Đấng Christ				
Quản lý khôn ngoan và trách nhiệm				
	Mở mang Hội Thánh			
		Nhận thức về thành viên Hội		

		Thánh theo Kinh Thánh		
		Kỷ luật Hội Thánh theo Kinh Thánh		
			Mục vụ định hướng theo ân tứ	
				Phục vụ cộng đồng
				Trang bị cho các gia đình

Sức Khỏe Của Các Lãnh Đạo

Có lẽ điều quan trọng nhất để duy trì sức khỏe thuộc linh của Hội Thánh là quan tâm đến sức khỏe thuộc linh của các lãnh đạo. Chúa Giê-xu đã hỏi: “Người mù có thể dắt người mù được không? Chẳng phải cả hai cùng ngã xuống hố sâu? Môn đồ không hơn thầy, nhưng nếu môn đồ được huấn luyện đầy đủ thì sẽ giống như thầy mình” (Lu ca 6:39-40). Phao Lô dặn dò Ti-mô-thê với tư cách là một người lãnh đạo tại Hội Thánh Ê-phê-sô “Đừng để người ta khinh con vì trẻ tuổi, nhưng phải lấy lời nói, cách cư xử, lòng yêu thương, đức tin và sự trong sạch mà làm gương cho các tín hữu” (1 Tim 4:12). Không phải nhờ thẩm quyền của chức vụ hay là môn đồ của Phao Lô mà Ti-mô-thê có được sự tôn trọng của Hội Thánh, mà là nhờ sự gương mẫu của ông ta. Một cách sống thánh sạch là đặc điểm thuộc linh của Hội Thánh. Tương tự, nếu những người lãnh đạo Hội Thánh không sống trong sự hiệp một và yêu thương thì khó có thể trông mong Hội Thánh trở nên tốt hơn.

Một Hội Thánh thì không thể mạnh mẽ hơn những người lãnh đạo Hội Thánh. Trong chức vụ tại thế của Chúa Giê-xu, Ngài dành thời gian nhiều hơn để ở với các môn đồ của Ngài và giảm bớt thời gian cho đám đông. Những người mở mang Hội Thánh kiêu sĩ đồ cũng phải học tập theo cách tiếp cận đó. Trong giai đoạn tổ chức cơ cấu thì người mở mang Hội Thánh cần dành thời gian nhiều hơn cho việc huấn luyện các lãnh đạo để chăm lo cho các nhu cầu ngày nhiều của Hội Thánh và giảm bớt thời gian trực tiếp đáp ứng các nhu cầu đó.

Người mở mang Hội Thánh dễ có cảm dỗ dành thời gian chăm sóc những người có nhu cầu đặc biệt đến nỗi họ bỏ quên việc chăm sóc những người lãnh đạo Hội Thánh. Họ cho rằng các lãnh đạo đó có thể tự chăm sóc lấy mình. Nhưng tất cả chúng ta đều cần khích lệ lẫn nhau và có trách nhiệm với nhau, và điều này đặc biệt đúng với các lãnh đạo, là những người gánh vác trách nhiệm và chịu tấn công về mặt thuộc linh. Những người lãnh đạo phải thách thức lẫn nhau để tiếp tục mạnh mẽ về thuộc linh và tăng trưởng, như sắt làm nhọn sắt. Những buổi họp đều đặn của các lãnh đạo trong việc cố vấn về quan hệ, trong các nhóm trách nhiệm nhỏ, hoặc chia sẻ vấn đề riêng tư và cầu nguyện cho nhau có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì sức khỏe thuộc linh của những người lãnh đạo Hội Thánh và của Hội Thánh.

Đánh Giá Ảnh Hưởng Của Hội Thánh

Đôi khi một Hội Thánh dường như đang làm đúng mọi việc, không có dấu hiệu về sự trệ trệ hoặc xung đột, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn rất nhỏ. Chỉ có Đức Thánh Linh mới có thể tạo ra sự biến đổi trong đời sống của các tín hữu để rồi họ đem sự thay đổi đến cộng đồng. Nhưng Kinh Thánh cảnh báo các tín hữu đừng làm buồn hoặc dập tắt Thánh Linh (Êph 4:30; 1 Tê 5:19). Dĩ nhiên những lời dạy này áp dụng cho mọi tín hữu và Hội Thánh trong mọi giai đoạn. Nhưng cần quan tâm đặc biệt điều này khi Hội Thánh đánh giá ảnh hưởng của mình.

Hội Thánh rất dễ đi theo đường mòn và tự thỏa mãn. Nếu một Hội Thánh sắp sinh sản, thì sức sống thuộc linh của các tín hữu phải tràn trề trong các mối quan hệ. Gia đình được chữa lành, các mối quan hệ gãy đổ được phục hồi, xiềng xích tội lỗi bị cắt bỏ, và trái Thánh Linh ngày càng thể hiện rõ ràng. Đức tin hữu danh vô thực không tạo ra được sự khác biệt trong đời sống hằng ngày là một trong những vấn đề phổ biến nhất mà Hội Thánh thường đối mặt. Chủ nghĩa hồ lớn là một nan đề khác, khi các tín hữu trộn lẫn các niềm tin và tập tục của tôn giáo trước đây của họ với đức tin Cơ đốc. Những thói quen mê tín, việc tìm cầu pháp sư lúc gặp khủng hoảng, và lối sống duy vật chất là những bằng chứng cho thấy niềm tin Cơ đốc cạn kiệt và chưa có sự thay đổi sâu sắc về thế giới quan (xem Hiebert 2008). Những thói quen, giá trị và niềm tin đó rất khó mất. Sự dạy dỗ của Kinh Thánh, thể hiện phẩm chất, sống theo các giá trị mới, cầu nguyện, và kinh nghiệm về sự đầy đủ của Đấng Christ là những bộ phận của tiến trình lâu dài về môn đồ hóa và nên thánh không thể bỏ qua vì có sự gia tăng về số lượng. Sự sản sinh các hội chúng bao gồm những tín hữu hồ lớn, duy vật và cạn kiệt sẽ không tôn cao Đấng Christ và sẽ không tạo ra sức mạnh thuộc linh để thực hiện một phong trào nhân rộng các cộng đồng dân Chúa.

Nhóm lãnh đạo phải khảo sát thêm về mức độ mà hội chúng ảnh hưởng đến cộng đồng. Khi các Hội Thánh tăng trưởng, họ có khuynh hướng đầu tư nhiều hơn vào việc đáp ứng các nhu cầu nội bộ và cho các chương trình phục vụ các thành viên của họ. Điều này là cần thiết, nhưng không thể để nó che khuất sứ mạng của Hội Thánh là trở thành muối và ánh sáng cho cộng đồng xã hội chung quanh. Sự lớn mạnh thuộc linh thật sự sẽ không dẫn đến sự tăng trưởng thuộc linh hướng vào bên trong mà hướng đến nhiệm vụ truyền giáo. Những người chưa tin Chúa thường có ấn tượng rằng Hội Thánh giống như một câu lạc bộ tình nguyện mà các Cơ đốc nhân đến vào một số ngày nhất định trong tuần, nhưng hoàn toàn không quan tâm đến bất cứ người nào bên ngoài câu lạc bộ đó. Hội Thánh phải được thách thức liên tục để vượt ra khỏi sự an nhàn của mình và để ý đến các nhu cầu của cộng đồng trong Danh Đấng Christ. Trong chương 19 chúng ta sẽ xem xét việc làm cách nào một Hội Thánh có thể tạo ra ảnh hưởng về nước Trời.

Tổ Chức Hội Thánh Về Mặt Pháp lý

Các Hội Thánh địa phương trong Tân ước không tổ chức về mặt pháp lý, dù ban đầu, là những thành viên của Do Thái giáo, các Cơ đốc nhân nấp dưới danh nghĩa hợp pháp của người Do Thái. Điều này không có nghĩa là các Hội Thánh đầu tiên không có cơ cấu chính thức. Như chúng ta đã thấy trong các thư tín mục vụ, các Hội Thánh đã xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về bổ nhiệm, tôn trọng và giải quyết những tố cáo chống lại những lãnh đạo (1Tim 3:1-13; 5:17-20; Tit 1:5-9). Cũng như quy định các góa phụ đủ điều kiện để nhận trợ giúp (1Tim 5:9, 11). Những điều này chứng tỏ sự hình thành về cơ cấu và chính sách của Hội Thánh ngày càng tăng. Đa số các Hội Thánh ngày nay đều có điều lệ và hiến chương xác định mục đích, nề nếp và các thủ tục của Hội Thánh với tư cách là một tổ chức. Thường bao gồm một chương về tín lý trong đó. Trong hầu hết mọi bối cảnh, Hội Thánh cần có một số hình thức liên kết và tư cách pháp nhân, cùng với việc chính quyền địa phương cho phép Hội Thánh thuê hoặc sở hữu tài sản, tiếp nhận các khoản quyên góp miễn thuế, bảo vệ các thành viên khỏi trách nhiệm về pháp lý và Hội Thánh được lộ diện công khai. Chính phủ thường có những đòi hỏi liên quan đến việc sử dụng ngân quỹ, kế toán, tư cách thành viên và những vấn đề khác. Thường thì các Hội Thánh có thể hoạt động trong giới hạn của những quy định này. Đôi khi thì điều này không thể được, hoặc các lãnh đạo Hội Thánh cảm thấy việc đăng ký chính thức như vậy có thể thỏa hiệp niềm tin hoặc sự an toàn của họ.

Nhiều người mở mang Hội Thánh ít có kiên nhẫn trong việc xây dựng hiến chương và nội quy của Hội Thánh hoặc việc đăng ký tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, việc chú tâm vào điều này khi Hội Thánh tăng trưởng là một hành động khôn ngoan. Chính sách và tín lý rõ ràng có thể giúp làm rõ mục đích và tránh được xung đột. May mắn là hầu hết các hệ phái đều có

cung cấp những tài liệu để có thể vận dụng tùy nhu cầu địa phương. Tuy nhiên, những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa nên tránh du nhập một bản hiến chương và nội quy từ nước ngoài. Thậm chí bản tín lý cũng cần được bối cảnh hóa.⁴ Mục tiêu không phải là theo đúng với tiêu chuẩn bên ngoài mà là trung thành với các chân lý và nguyên tắc của Kinh Thánh. Khi các tín hữu địa phương tham gia vào việc hình thành các văn bản này, họ sẽ vừa hiểu được chúng đồng thời có được cảm giác về tư cách làm chủ. Nhưng trong một Hội Thánh chủ yếu là các tân tín hữu, thì những người mở mang Hội Thánh cần quan tâm hướng dẫn quá trình này.

Tư cách thành viên chính thức xác định rõ một người hoàn toàn thuộc về Hội Thánh và là một phương tiện đồng nhất công khai với Hội Thánh, thuận phục dưới sự lãnh đạo của Hội Thánh, và là những thành viên tuyên bố “đây là gia đình thuộc linh của tôi.” Nó cũng xác định rõ ràng những người nào được có tiếng nói chính thức và được bỏ phiếu trong các quyết định quan trọng của Hội Thánh và có thể được đề cử vào trong các công tác phục vụ của Hội Thánh. Kinh nghiệm cho thấy rằng việc bỏ qua sự chính thức hóa tư cách thành viên có thể trả giá đắt về sau khi cần phải quyết định những vấn đề quan trọng của hội chúng. Những người vòng ngoài có thể cố gắng để tạo ảnh hưởng lên các quyết định và thậm chí lôi kéo gia đình hay những người khác ít có quan hệ với Hội Thánh ủng hộ họ.

Chúng tôi xin đưa ra một số đề nghị liên quan đến tiến trình tổ chức Hội Thánh. Thứ nhất, giữ cho hiến chương và nội quy đơn giản và linh động đến mức có thể được, đồng thời xác định những khía cạnh quan trọng về tổ chức và thẩm quyền của Hội Thánh. Những vấn đề quan trọng nhất phải được xác định trong hiến chương. Ed Stetzer đề nghị “Hiến chương cần phải đơn giản. Những hiến chương dài đề cập đến mọi nan đề có khả năng xảy ra cho thấy sự thiếu tin cậy thay vì sự mạnh khỏe của hội chúng” (2006, 311). Những vấn đề thứ yếu, như là tiến trình bầu chọn lãnh đạo, được xác định trong nội quy bởi vì văn bản này cho phép sự bổ sung được dễ dàng.⁵ Thứ hai, đừng phí công với những bản phác thảo về những văn bản đó. Có thể lãng phí nhiều công sức vào việc phát minh lại bánh xe. Hãy chỉ định một số ít người để thảo ra các văn bản, bảo đảm rằng chúng thỏa mãn mọi yêu cầu pháp lý của địa phương, rồi đưa ra hội chúng để biểu quyết. Những xung đột về các chi tiết nhỏ có thể giết chết động lực trong Hội Thánh. Hãy sử dụng các văn bản mẫu và áp dụng chúng theo hoàn cảnh địa phương khi cần thiết.

Cuối cùng, xác định một thủ tục về việc tiếp nhận những thành viên mới, một mặt, thông báo với họ về khái tượng, tín lý, tập tục, và những kỳ vọng về thành viên của Hội Thánh, mặt khác, kiểm tra mức độ cam kết của ứng viên với Đấng Christ và với hội chúng địa phương. Các buổi phỏng vấn hoặc các lớp về tư cách thành viên cũng tạo cơ hội tốt để thảo luận sự hỗ trợ tài chính và các cơ hội phục vụ trong Hội Thánh. Đừng đánh giá thấp tầm quan trọng của một thành viên tận tâm và hiểu biết đầy đủ về sức khỏe của Hội Thánh. Những lãnh đạo của một Hội Thánh nhỏ có thể quá phấn khởi về những người muốn gia nhập đến nỗi họ bỏ qua sự đánh giá. Việc gia tăng tiêu chuẩn về thành viên sẽ nâng cao chất lượng của Hội Thánh trong ngắn hạn và sự tăng trưởng về số lượng của Hội Thánh về dài hạn.⁶ Hành động đầu tiên trong danh sách các hành động quan trọng của các Hội Thánh truyền giáo của Milfred Minatrea là “Có một ngưỡng cao về tư cách thành viên.” Ông lưu ý những đặc điểm sau:

- Những Hội Thánh truyền giáo quan tâm về các thành viên của Hội Thánh trên danh nghĩa.
- Tư cách thành viên không thể tùy tiện.
- Các thành viên phải đồng nhất trong cộng đồng.
- Hội Thánh có kỳ vọng rõ ràng đối với các thành viên.

⁴ Xin xem Strauss 2006 để biết những thách thức của việc dịch các tín lý.

⁵ Ví dụ, tại Hoa kỳ thì một hiến chương phải đáp ứng những đòi hỏi của chính quyền, nhưng nội quy thì không cần.

⁶ Xin xem nghiên cứu của Dean M. Kelly *Lý Do Các Hội Thánh Bảo Thủ Tăng Trưởng* (1977).

- Các thành viên có kỳ vọng rõ ràng đối với Hội Thánh. (Minatrea 2004, 29-40)

Các văn bản chính thức không thể ngăn ngừa xung đột và không có sự bảo đảm về đời sống hoặc sức khỏe thuộc linh. Chúng chỉ có thể hỗ trợ Hội Thánh trong việc là Hội Thánh, nhưng Hội Thánh không nên lệ thuộc vào chúng. Điều quan trọng hơn là trung tín thể hiện sự kêu gọi của Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, đứng với sự dạy dỗ của Kinh Thánh, và trong một không khí yêu thương và tin cậy.

Đạt Được Sự Tự Chủ Hoàn Toàn Về Tài Chính

Tự chủ tài chính là một trong những dấu hiệu quan trọng về sự trưởng thành của Hội Thánh. Điều này có nghĩa là Hội Thánh đạt đến chỗ mà các tín hữu địa phương có khả năng và sẵn lòng trang trải các chi phí cho mục vụ và không cần đến các nguồn lực bên ngoài để duy trì. Nếu Hội Thánh đã nhận một ngân quỹ nào bên ngoài thì bây giờ nên nhường lại cho một Hội Thánh mới. Hội Thánh còn phải chịu trách nhiệm đóng góp tài chính cho các nỗ lực truyền giáo và các nhu cầu bên ngoài. Trong chương 18 chúng tôi sẽ thảo luận chi tiết hơn về cách sử dụng các nguồn lực và ngân quỹ.

Trong các Hội Thánh kiểu sứ đồ thì đa số, nếu không phải là tất cả, các chi phí như tiền thuê, vật chất, và tiền lương phải do các tín hữu địa phương gánh vác ngay từ lúc đầu. Cam kết về tài chính của họ phải tăng lên cùng với sự phát triển của Hội Thánh. Cũng giống như đối với các khía cạnh khác của Hội Thánh kiểu sứ đồ, vấn đề tài chính cũng vậy: ngay từ đầu khả năng duy trì của địa phương là một điều then chốt. Ngoài nguồn ngân quỹ nhỏ nhoi lúc bắt đầu, các mục vụ chỉ nên được khởi sự khi các tín hữu địa phương cùng với các nguồn lực địa phương có khả năng để duy trì chúng. Bằng cách này thì sẽ tránh được sự phụ thuộc không lành mạnh và tạo khả năng cho sự sinh sản mà địa phương có thể duy trì được. Khi các nhu cầu tăng lên, thì các tín hữu được thách thức để đáp ứng các nhu cầu đó bằng các nguồn lực riêng của họ. Họ sẽ có một cảm giác làm chủ thật sự nếu họ có cam kết hỗ trợ tài chính cho mục vụ.

Tài chính là một vấn đề nhạy cảm trong hầu hết mọi nền văn hóa, nhưng vấn đề cương vị quản gia và dâng hiến để hỗ trợ cho mục vụ phải được dạy một cách rõ ràng và đúng với Kinh Thánh trong Hội Thánh trước khi có phát sinh chi phí. Các ngân quỹ bên ngoài từ một hệ phái hay tổ chức truyền giáo được sử dụng để khởi động các nỗ lực truyền giáo và cho thời kỳ thai nghén, nhưng cuối cùng các tín hữu địa phương phải học được sự vui mừng trong sự hỗ trợ các mục vụ của Hội Thánh và được truyền giáo. Đôi khi một doanh nghiệp do Hội Thánh quản lý có thể được mở ra như là một nguồn cung cấp ngân quỹ cho mục vụ, nhưng nói chung thì nên tránh điều này (xem chương 19). Khuôn mẫu của Kinh Thánh là dân sự của Đức Chúa Trời hỗ trợ cho công việc của Đức Chúa Trời bằng các ân tứ và sự dâng hiến của họ. Tại nhiều nơi trên thế giới, sự dâng hiến không phải bằng tiền mặt mà bằng các loại như: thực phẩm hoặc các hàng hóa khác và sự phục vụ để hỗ trợ cho các mục vụ. Chúng tôi đã thấy các tín hữu tại Congo đã tự nguyện bỏ thời gian để chăm sóc một khu vườn nhằm cung cấp thực phẩm cho mục vụ.

Khi có các cơ hội để mở rộng mục vụ, thì thường các chi phí cũng gia tăng: tiền thuê, vật chất, các nỗ lực truyền giáo, các sự kiện huấn luyện và những thứ tương tự. Đây là một cơ hội lớn để thách thức hội chúng có cam kết về tài chính ở mức độ cao hơn. Những viện dẫn về tội lỗi hoặc nghĩa vụ đơn thuần ít khi tạo ra được sự động viên thỏa đáng. Mọi người có khuynh hướng dâng hiến cho một khái niệm. Họ càng sẵn lòng hy sinh một cách vui mừng và với đức tin khi họ cảm nhận được rằng Đức Chúa Trời đang hành động và các ân tứ của họ sẽ góp phần thúc đẩy công việc của Ngài. Ngay cả trong tình huống các chi phí tại địa phương còn ít, thì cũng cần khích lệ sự dâng hiến để hỗ trợ cho mục vụ thiện nguyện và các nỗ lực khác liên quan đến truyền giáo. Khi các thành viên được khích lệ cầu nguyện và dâng hiến,

thì họ cũng khám phá được niềm vui của sự dâng hiến và sẽ kinh nghiệm được điều mà Chúa Giê-xu đã dạy: “Ban cho có phước hơn nhận lãnh” (Công vụ 20:35).

Kết Luận

Tóm lại, quá trình tổ chức cơ cấu của Hội Thánh về cơ bản không phải là “sự ổn định” nhưng là sự xác định vị trí để có hiệu quả hơn trong mục vụ và sự sinh sản. Các Hội Thánh mạnh khỏe trở thành những Hội Thánh sinh sản có ảnh hưởng về nước Trời. Lúc này nhóm mở mang Hội Thánh bắt đầu tiến trình rút lui dần khi các mục vụ về cơ bản đã được đảm nhận bởi các tín hữu địa phương. Trọng tâm của những người mở mang Hội Thánh bây giờ không chỉ là sinh sản ra các lãnh đạo và nhân sự tại địa phương mà còn chuẩn bị những người sẽ cộng tác với mình trong việc mở mang Hội Thánh mới kế tiếp. Tom Steffen đã nói: “Rick Warren đã lập luận rằng sự thành công không phải chỉ có một người kế tục công việc, mà là tạo ra một cơ cấu. Nghĩa là tạo ra những nguyên tắc mục vụ cơ bản và các tiến trình để cho con tàu đi đúng hành trình bất kể sương mù dày đặc như thế nào khi những người ngoại quốc ra đi hoặc khi thế hệ lãnh đạo mới trong nước kế tục vai trò lãnh đạo của thế hệ trước. Những người mở mang Hội Thánh khôn ngoan tổ chức cơ cấu để có được sự nhân rộng và ra đi trong sự lưu luyến, không phải ra đi khi còn dang dở hoặc còn chi phối” (2001, 187).

Giai Đoạn Sinh Sản

Củng Cố Và Sai Đi

Mặc dù sự sinh sản của hội chúng mới bắt đầu từ đây, nhưng sự nhân rộng ở mọi cấp độ của mục vụ phải được gắn liền trong Hội Thánh ngay từ lúc đầu. Sự sinh sản bắt đầu bằng việc dạy cho các tân tín hữu biết cách chia sẻ đức tin của họ, dạy cho các môn đồ biết cách môn đồ hóa người khác, dạy cho các lãnh đạo biết cách huấn luyện những môn đồ mới và những lãnh đạo khác, và sinh sản các nhóm tế bào với tư cách là những tảng đá thuộc linh của Hội Thánh. Vì vậy sự sinh sản là một phần thuộc về bản chất di truyền (ADN) của Hội Thánh. Với việc sinh ra những *hội chúng* mới, ảnh hưởng về nước Trời cũng được nhân rộng và toàn bộ *phong trào* được phát động. Một hội chúng đơn lẻ, bất kể lớn cỡ nào, cuối cùng sẽ ở trạng thái bình ổn và hạn chế về khả năng tiếp cận những nhóm người mới và đem Tin lành đến tận cùng của trái đất. Sự sinh sản không chỉ là sự tăng trưởng tự nhiên của mọi cơ thể sống mà còn là ý muốn của Đức Chúa Trời đối với Hội Thánh, qua việc mở mang các Hội Thánh con, mở mang những Hội Thánh tiên phong ở nơi xa xôi, hoặc hợp tác với những Hội Thánh khác đang mở mang những cộng đồng dân Chúa mới.

Tổng Quan Về Giai Đoạn

Điển hình trong Kinh Thánh

Công vụ 13:1-3: Hội Thánh An-ti-ốt sai những lãnh đạo tốt nhất của mình ra đi với tư cách là các giáo sĩ

Công 9:31: Các Hội Thánh ở Giu-đê đã được nhân rộng*

Công 19; Côi 4:12-13; Khải 2-3: Hội Thánh Ê-phê-sô đã phát triển thành một cụm các Hội Thánh tại vùng Tiểu Á

Các Bước Chính

1. Duy trì nhiệt tâm truyền giáo
 2. Chuẩn bị cho sự sinh sản của Hội Thánh
 3. Xác định địa điểm và cách tiếp cận về việc mở Hội Thánh con hay Hội Thánh tiên phong
 4. Bắt đầu việc mở Hội Thánh con hay Hội Thánh tiên phong
 5. Sai phái các giáo sĩ xuyên văn hóa
 6. Tham gia vào các nỗ lực chung với những Hội Thánh khác
-

Các Vấn Đề Quan Trọng

1. Tránh việc trượt vào trạng thái duy trì
2. Bắt đầu Hội Thánh con đầu tiên hoặc Hội Thánh tiên phong một cách tốt đẹp
3. Tiếp tục nhân rộng qua việc truyền giáo và trang bị các lãnh đạo
4. Sẵn sàng bước đi theo đức tin trong việc vâng phục Đại mạng lệnh

* Bản Kinh Thánh phương Tây và Byzantine viết “vậy các Hội Thánh . . . được nhân rộng” (Bruce 1977, 2008). Đối tượng được nhân rộng trong Công vụ 9:31 không phải là các môn đồ mà là các Hội Thánh. Hội Thánh Giê-ru-sa-lem bị tản lạc đôi khi được xem như là một, nhưng Phao Lô liên hệ đến nó như là “những Hội Thánh” (Ga 1:22; 1 Tê 2:14). Lưu ý rằng *sự nhân rộng* này xảy ra sau sự tản lạc và thời kỳ củng cố và tăng trưởng.

Những Khẳng Định Để Hướng Tới Sự Sinh Sản

Trước khi thảo luận về các nhiệm vụ khác nhau của giai đoạn này, chúng tôi đề cập đến một vài khẳng định quan trọng đối với việc Hội Thánh trở thành một Hội Thánh sinh sản. Những khẳng định này đưa sự sinh sản của Hội Thánh từ một nghĩa vụ sang một sự đam mê và niềm vui. Chúng đã trở thành một phần trong đặc trưng của Hội Thánh trong những giai đoạn trước, nhưng bây giờ chúng được thử nghiệm ở một mức độ mới. Những khẳng định này không theo trực giác – chúng đối lập với những gì người ta thường mong đợi. Vì vậy chúng cần phải được dạy và giữ một cách liên tục.

Sự Thành Công Được Xác Định Bằng Ảnh Hưởng, Không Phải Bằng Quy Mô

Như chúng tôi đã nói trong chương 1, các Hội Thánh mà chúng ta thành lập phải là những cộng đồng dân Chúa có một ảnh hưởng trên đời sống, gia đình, cộng đồng và xa hơn nữa. Mục tiêu không thể chỉ đơn thuần là có một số lượng lớn người tham dự các buổi nhóm của Hội Thánh mà không kinh nghiệm được sự biến đổi khi Chúa Giê-xu làm chủ cuộc sống. Trong một số phương diện thì những Hội Thánh lớn có ảnh hưởng đến cộng đồng ngay lập tức hơn các Hội Thánh nhỏ bởi vì họ có các nguồn lực và bộ mặt nổi trội hơn. Nhưng những Hội Thánh nhỏ mà nhân rộng cuối cùng cũng có ảnh hưởng lớn hơn khi có nhiều cuộc đời, gia đình và cộng đồng chịu ảnh hưởng bởi ân sủng và quyền năng của Đức Chúa Giê-xu Christ.

Mọi Hội Thánh thực sự đều muốn thấy nhiều người được biến đổi bởi Phúc âm. Khi mọi người trở thành những người tận tâm theo Chúa Giê-xu, thì họ trở thành những thành viên phục vụ có trách nhiệm của Hội Thánh địa phương. Nếu mọi Hội Thánh đều muốn phát triển như vậy thì rất tốt. Nhưng nếu để sinh sản, thì Hội Thánh phải có khả năng lớn hơn là việc đơn thuần tiếp cận được nhiều người. Ngay cả việc trở thành Hội Thánh lớn nhất trong thành phố hoặc tiểu bang thì cũng là một khả năng quá nhỏ. Khả năng phải có chiều sâu – mọi người và cả cộng đồng đều phải được đụng chạm bởi Phúc âm.

Sự Tăng Trưởng Được Đo Bằng Khả Năng Chuyển Giao, Không Phải Là Giữ Lại

Một trong chín hành động quan trọng của các Hội Thánh truyền giáo mà Milfred Minatrea đề cập là “sự tăng trưởng được đo bằng khả năng chuyển giao chứ không phải là giữ lại” (2004, 111). Nếu các Hội Thánh muốn tăng trưởng, thì các nguồn lực quan trọng, cả nhân lực và tài lực, phải được tính đến. Cần phải có sự cam kết và hy sinh ở mức độ cao hơn. Mọi Hội Thánh sẽ luôn cần nhiều nhân lực và nguồn lực hơn. Chuyển bớt một số nguồn lực này vào việc mở một Hội Thánh mới thật là khó. Không chỉ các nhu cầu trong Hội Thánh mẹ cần phải duy trì, mà các nguồn lực để đáp ứng những nhu cầu đó, trước mắt sẽ trở nên *ít hơn*. Một Hội Thánh chỉ sẵn lòng hy sinh những điều đó nếu tin chắc rằng sự tăng trưởng không phải được đo bằng số người sự nhóm, nhà thờ hay ngân quỹ mà là bởi sự sinh sản để nâng cao ảnh

hưởng về nước Trời nói chung. Đây là tinh thần của Hội Thánh An-ti-ốt khi cho phép những người lãnh đạo yêu dấu của họ là Ba-na-ba và Phao Lô⁷ ra đi truyền giáo theo sự kêu gọi của Đức Chúa Trời (Công vụ 13:1-3).

Chỉ có thể tưởng tượng được sự vui mừng của Hội Thánh An-ti-ốt khi Phao Lô và Ba-na-ba trở về báo cáo về kết quả truyền giáo của họ và những Hội Thánh đã được thành lập (Công vụ 14:26-28). Các Hội Thánh sinh sản ở mọi nơi khám phá được rằng sẽ có sự vui mừng lớn và sự hài lòng trong việc thấy các nhân sự được động viên và sai đi, những Hội Thánh mới được sinh ra, các cộng đồng và các nhóm người được nghe Phúc âm, và một phong trào được phát động hơn là khi chỉ phát triển một Hội Thánh lớn duy nhất. Minatrea hoàn toàn đúng khi nói thêm rằng “các Hội Thánh truyền giáo không chỉ đơn thuần gọi các thành viên ra đi để mở các Hội Thánh mới. Trọng tâm của họ là phát động các phong trào mở mang Hội Thánh. Việc gọi các thành viên ra đi để thành lập các Hội Thánh mới là sự tăng trưởng theo cấp số cộng. Việc gọi các thành viên ra đi để thành lập các Hội Thánh có khả năng mở mang Hội Thánh sẽ tạo thành các phong trào” (2004, 122).

Chuyển bớt một số thành viên và nguồn lực để mở mang các Hội Thánh mới không có nghĩa là Hội Thánh mẹ không thể tiếp tục tăng trưởng. Thực ra, có thể nêu ra vô số điển hình về các Hội Thánh không chỉ thành lập vô số các Hội Thánh con mà vẫn tiếp tục phát triển trở thành những Hội Thánh lớn. Thước đo về sự thành công không phải là quy mô lớn nhỏ mà là sự vâng phục Đức Chúa Trời để tạo ra ảnh hưởng về nước Trời. Khải tượng này đòi hỏi sự không ích kỷ và một đức tin lớn, và sẽ dẫn chúng ta đến bước tiếp theo.

Hành Động Bởi Đức Tin, Không Tìm kiếm Sự An Toàn

Bất cứ khi nào một Hội Thánh chuyển bớt nhân lực và nguồn lực vào việc thành lập một Hội Thánh mới, thì đức tin được thử nghiệm: các tín hữu tin cậy Đức Chúa Trời phát triển Hội Thánh mới cũng như lấp đầy khoảng trống trong Hội Thánh mẹ. Khuynh hướng tự nhiên của con người là muốn được an toàn và có thể tính toán trước được. Nhưng trong nước Trời, việc lựa chọn sự an toàn và khả năng tính toán trước có thể dẫn đến việc phục vụ Hội Thánh không phụ thuộc vào Đức Chúa Trời – con đường thuộc linh của Hội Thánh. Một trong những tội lỗi của Hội Thánh Lao-đi-xê là sự tự mãn (Khải 3:17). Bước đi bởi đức tin giữ cho Hội Thánh phụ thuộc vào Đức Chúa Trời.

Có một sự khác biệt giữa việc bước đi bởi đức tin và “cú nhảy không có dây bảo hiểm” (Williams, 3). Có một ranh giới mỏng manh giữa bước đi mạnh dạn theo đức tin và cú nhảy ngu ngốc, tức là thử Chúa. Sự khác biệt này thường được nhận biết về mặt thuộc linh. Tuy nhiên, nếu Đức Chúa Trời đã ban phước cho Hội Thánh tăng trưởng trong giai đoạn đầu, thì có lý do để tin cậy Đức Chúa Trời trong sự tiếp tục tăng trưởng khi Hội Thánh chia sẻ các nguồn lực để tạo ra ảnh hưởng lớn hơn. Chính Chúa Giê-xu đã dạy rằng nước Trời sẽ phát triển và lan rộng giống như một hạt cải nhỏ trở thành một cây lớn hoặc giống như men làm dậy cả đồng bột (Mat 13:31-35). Các kết quả sẽ không được tính theo sự so sánh với tình trạng ban đầu mà trong sự so sánh với công việc siêu nhiên của Đức Chúa Trời. Hoàn toàn khôn ngoan khi tin cậy Đức Chúa Trời về những kết quả như vậy.

Bắt Đầu Với Việc Nhân Rộng Các Môn Đồ Và Lãnh Đạo, Không Phải Chương Trình Học Tổ Chức

Neil Cole đã nói: “Nếu bạn không thể sinh sản các môn đồ, thì bạn không thể sinh sản lãnh đạo. Nếu bạn không thể sinh sản lãnh đạo thì bạn không thể sinh sản Hội Thánh. Và nếu bạn không thể sinh sản Hội Thánh thì bạn không thể sinh sản phong trào” (trích trong Williams, 4). Sự nhân rộng các môn đồ tạo nguồn về các lãnh đạo là những người cần thiết để mở ra các

⁷ Phao Lô đã cộng tác với Hội Thánh An-ti-ốt ít nhất là một năm trước khi lên đường đi truyền giáo với Ba-na-ba tại đảo Síp và Ga-la-ti (Công vụ 11:26). Ba-na-ba đã ở đó lâu hơn.

hội chúng mới. Nguyên tắc này áp dụng đối với sự nhân rộng Hội Thánh Tư gia cũng như sự nhân rộng Hội Thánh lớn tại mọi nơi trên thế giới và trong mọi bối cảnh. Đôi khi chúng ta muốn thấy những kết quả lớn mà không để ý đến những sự cần thiết căn bản. Tuy nhiên, môn đồ hóa là nền tảng của sự sinh sản bởi vì sự sinh sản của Hội Thánh không phải chủ yếu là sinh sản ra các tổ chức hoặc chương trình mà là sự sinh sản đời sống thuộc linh. Đời sống đó bắt đầu với việc truyền giáo và sanh lại, được tăng trưởng qua việc môn đồ hóa, trưởng thành với sự lãnh đạo mạnh mẽ, và vận hành một cách hữu cơ trong các tế bào. Khi những điều này sinh sản, thì nền tảng cho sự sinh sản tự nhiên và sự nhân rộng xuất hiện. Xem nhẹ hoặc cố gắng bỏ qua nguyên tắc nền tảng này sẽ dẫn đến sự sinh sản yếu ớt hoặc không sinh sản được.

Khởi Đầu Đơn Giản, Không Cần Ngân Sách Và Số Lượng Lớn

Những Hội Thánh mà đợi cho đến khi đạt tới một quy mô nhất định hoặc cho đến khi có một ngân khoản lớn rồi mới sinh sản thì ít khi làm được điều đó. Các nhu cầu của địa phương dường như không bao giờ được đáp ứng một cách đầy đủ, và ngưỡng bắt đầu lại gia tăng theo thời gian. Những Hội Thánh sinh sản thì ít quan tâm về việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu địa phương, bởi vì họ biết rằng điều này không bao giờ có thể được! Hết lần này đến lần khác, các nghiên cứu khẳng định rằng các Hội Thánh sinh sản tìm cách để mở Hội Thánh mới mà không phụ thuộc vào ngân sách lớn hay số lượng thành viên nhiều. Điều này không chỉ đúng với các phong trào Hội Thánh Tư gia trong thế giới thứ ba, như đã được mô tả bởi David Garrison (2004a), mà cũng đúng với bối cảnh phương Tây nữa. Ví dụ, Robert Vajko báo cáo về một Hội Thánh tại Grenoble, Pháp quốc, đã mở được sáu Hội Thánh con mà không cần một ngân sách lớn. Ông kết luận: “Tôi thấy rằng nếu một nhóm đặt việc nhân rộng Hội Thánh trên một số lượng tiền phải có, thì chẳng bao lâu họ sẽ ngừng việc mở mang Hội Thánh” (2005, 297).

Dĩ nhiên, có thể thực hiện điều này khi các Hội Thánh mới chủ yếu được lãnh đạo bởi các nhân sự (với sự giúp đỡ từ mục sư của Hội Thánh mẹ) hoặc các mục sư bán chuyên nghiệp, và khi sử dụng những nơi nhóm không đắt tiền hoặc miễn phí (như tại nhà hoặc các địa điểm công cộng) trong những giai đoạn đầu. Có thể áp dụng các cách tiếp cận sáng tạo. Ví dụ, Hội Thánh mẹ và Hội Thánh con có thể cùng chia sẻ các dịch vụ và chi phí của một mục sư. Tại khu vực Munich, các mục sư về hưu có khả năng và còn sức lực đã giúp lãnh đạo nhiều Hội Thánh, nhờ đó các Hội Thánh chỉ phải chi phí cho những mục vụ cơ bản.

Đôi khi người ta khuyên một Hội Thánh phải đạt đến mức “số lượng tới hạn” trước khi sinh sản. Việc bảo vệ Hội Thánh mẹ khỏi bị suy yếu trầm trọng là điều hợp lý. Tuy nhiên, điều tạo nên số lượng tới hạn rất khác nhau và có thể cần ít thành viên hơn. Nghiên cứu của Vajko (1996) về các Hội Thánh sinh sản tại vùng Paris cho thấy rằng đa số các Hội Thánh đã thành lập các Hội Thánh con chỉ tách ra từ mười hai đến mười lăm thành viên để làm nhóm mở mang Hội Thánh. Đối với các Hội Thánh Tư gia, số lượng tới hạn trong Hội Thánh mẹ có thể ít hơn hai mươi người; đối với các Hội Thánh được lãnh đạo bởi các nhân sự nhưng cần phải trả tiền thuê thì số lượng tới hạn có thể là bốn mươi người; đối với các Hội Thánh phải trả lương cho mục sư và khoản thế chấp, thì số lượng tới hạn có thể là một trăm. Những Hội Thánh có sự hấp dẫn nhiều và định hướng theo chương trình thường “khởi sự lớn” với nhóm nòng cốt đến một trăm người hoặc thậm chí hai trăm người. Bởi vì các Hội Thánh trung bình chỉ có ít hơn hai trăm thành viên, cho nên cách tiếp cận này là sự lựa chọn của rất ít Hội Thánh. Dĩ nhiên, sẽ phụ thuộc nhiều vào chiến lược tổng thể và cơ cấu của Hội Thánh. Nhưng bất kể quy mô hoặc ngân sách của Hội Thánh như thế nào, sự sinh sản của Hội Thánh sẽ *luôn luôn* là một bước đi đức tin vượt trên sự an toàn, sự ước đoán, và sự tính toán, một bước đi làm giảm các nguồn lực của Hội Thánh mẹ. Đức tin và khả năng, chứ không phải là quy mô hoặc ngân sách, là đặc trưng của các Hội Thánh sinh sản.

Bề Bộn Và Không Thể Ước Đoán, Không Phải Là Gọn Gàng Và Tính Toán Được

Nguyên tắc này không phải là một lập luận ngược lại với sự hoạch định cẩn thận với sự cầu nguyện. Mà nó là một sự nhắc nhở rằng một Hội Thánh con hoặc Hội Thánh tiên phong sẽ đương đầu với những điều ngạc nhiên cũng như những bước lùi không ngờ tới. Sẽ có sự chống đối thuộc linh và nhiều bước ngoặt không đoán trước được. Không phải mọi nỗ lực về sinh sản sẽ gặt hái được thành công rõ ràng. Thường thì trở ngại đến cùng với cơ hội, như Phao Lô đã viết về chức vụ của ông tại Ê-phê-sô: “Một cánh cửa rộng lớn và hứa hẹn đã mở ra cho tôi, dù ở đó vẫn còn nhiều sự chống đối” (1 Cô 16:9). Khi một phong trào phát triển, thì chính quyền địa phương hoặc các thế lực tôn giáo sẽ để ý và tạo ra nan đề. Khi mọi người đến với Đấng Christ, họ thường mang vào Hội Thánh những cuộc đời và những mối quan hệ gây đổ. Họ có thể có những trục trặc về cá nhân hoặc mối quan hệ ngăn trở việc xây dựng môi trường công lành mạnh và tin cậy. Sa tan có thể xúi giục tạo ra sự chia rẽ, tà giáo và xung đột. Hội Thánh đầu tiên đã đương đầu với tất cả những thách thức này, và chúng ta có thể trải qua những điều đó ngày nay. Nhưng những Cơ đốc nhân đầu tiên cũng đã kinh nghiệm được ân điển và quyền năng biến đổi của Đức Chúa Trời giữa các thử thách. Chúng ta có thể tin cậy Đức Chúa Trời đang hành động trong mọi nỗ lực của chúng ta.

Hơn nữa, nhóm mở mang Hội Thánh phải linh động – một mặt phải trung thành với khái tượng về việc tiến hành một phong trào sinh sản tạo nên ảnh hưởng của nước Trời, mặt khác phản ứng một cách sáng tạo đối với các cơ hội và sự phát triển bất ngờ. Đức Chúa Trời có thể mở những cánh cửa để chăm sóc những nhóm người hoặc các nhóm văn hóa không nằm trong khái tượng ban đầu. Đồng thời Ngài cũng có thể đóng những cánh cửa dường như mang tính chiến lược nhất. Ở đây một lần nữa chúng ta có thể học hỏi từ nhóm truyền giáo của Phao Lô khi họ cố gắng đi về hướng Tiểu Á và rồi đến Bi-thi-ni, nhưng bị Đức Thánh Linh ngăn cản. Và kế hoạch của Đức Chúa Trời qua khái tượng người Ma-xê-đô-ni-a trở nên rõ ràng (Công vụ 16:6-10). Sự khởi đầu tại Phi-líp, Hội Thánh đầu tiên được thành lập trong vùng Ma-xê-đô-ni-a, rất sơ sài (một buổi cầu nguyện của những người phụ nữ) và đầy sự chống đối về thuộc linh và chính trị (sự quấy rầy của tà linh và bị cầm tù, Công vụ 16:11-38). Nhưng dù vậy, Hội Thánh Phi-líp đã trở thành một trong những Hội Thánh cộng tác thân yêu nhất của Phao Lô, cung cấp sự cần dùng cho ông (Phi-líp 4:14-15). Các kế hoạch phải để ngỏ cho sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh và đối phó với các hoàn cảnh thay đổi.

Bài học thực tế 14.1 tóm lược các đặc điểm cơ bản của những Hội Thánh sinh sản.

Bài học thực tế 14.1

Vì sao một số Hội Thánh sinh sản?

Robert. J. Vajko (1996; 2005) đã nghiên cứu các Hội Thánh của nhiều hệ phái tại Pháp và phát hiện mười bốn phẩm chất mà tất cả các Hội Thánh sinh sản đã thể hiện:

1. Một khái tượng về sự sinh sản
2. Sẵn sàng mạo hiểm
3. Một tinh thần ban cho
4. Tự tăng trưởng
5. Biết cách thành lập các Hội Thánh con
6. Nhạy cảm với Đức Thánh Linh
7. Tài chính không phải là trọng tâm
8. Chăm lo việc huấn luyện những người mở mang Hội Thánh riêng cho mình
9. Lãnh đạo được nhân rộng
10. Có khái tượng như Phao Lô
11. Tìm kiếm những khu vực dễ tiếp nhận Phúc âm
12. Nhắm đến những nhóm dân cư thuần nhất
13. Khuyến khích sự sáng tạo
14. Có các nguyên tắc rõ ràng

Các Nhiệm Vụ Của Giai Đoạn Sinh Sản: Củng Cố Và Sai Đi

Duy Trì Động Lực Truyền Giáo

Mở mang Hội Thánh là công việc khó khăn không chỉ đối với người mở mang Hội Thánh và nhóm tín hữu khởi đầu, mà còn đối với tất cả mọi tín hữu trong những năm đầu. Thường vào lúc Hội Thánh đã trưởng thành đến mức độ có thể sinh sản, thì các thành viên đều mệt mỏi và muốn nghỉ ngơi cũng như tận hưởng thành quả lao động của họ. Việc chăm sóc cho các tân tín hữu và hội nhập họ vào trong sinh hoạt của Hội Thánh đòi hỏi sự quan tâm và sức lực ngày càng tăng. Nhiều người có ấn tượng rằng chỉ nội việc duy trì những thành quả đạt được của Hội Thánh là đã quá nhiều rồi. Điều đó hoàn toàn có thể hiểu được nhưng có thể dẫn đến sự đình trệ và sự thờ ơ thuộc linh nếu để nó trở thành tinh thần chủ đạo.

Khải tượng về truyền giáo, môn đồ hóa, ảnh hưởng của nước Trời và sự nhân rộng Hội Thánh phải được tiếp tục làm tươi mới và chú tâm nếu muốn duy trì sự tăng trưởng và hiện thực hóa sự sinh sản. Cách tốt nhất để giúp cho hội chúng giữ được niềm đam mê được thấy những người hư mất trở lại làm hòa với Đức Chúa Trời và được biến đổi là liên tục giảng dạy, truyền đạt Khải tượng, xem trọng việc truyền giáo, huấn luyện và các nỗ lực hướng ngoại. Sự làm chứng thường xuyên của các tân tín hữu cũng là một sự khích lệ lớn.

Chính các tân tín hữu thường là những người truyền giáo tốt nhất. Đức tin của họ còn mới mẻ, lời chứng của họ có sức thuyết phục, và nhiệt tâm của họ không thể cầm giữ. Không giống như đa số những Cơ đốc nhân lâu năm, họ vẫn còn nhiều mối quan hệ gần gũi với những bạn bè, người thân và đồng nghiệp chưa tin Chúa mà họ có thể chia sẻ đức tin với những người đó một cách tự nhiên hoặc mời đến tham dự các buổi truyền giảng. Bởi vì chưa chịu ảnh hưởng sâu đậm nền văn hóa Cơ đốc, nên họ vẫn còn nói và suy nghĩ theo cách của nền văn hóa đương đại. Vì vậy họ có khả năng để truyền đạt sứ điệp Cơ đốc theo những cách mà những người bạn bè của họ có thể hiểu được dễ dàng. Những Cơ đốc nhân đó cần được trang bị, động viên và khích lệ để duy trì các mối quan hệ lành mạnh với những người chưa tin và chia sẻ đức tin của họ. Họ cũng thường là những ứng viên tốt nhất để hình thành nhóm truyền giáo khi Hội Thánh con đầu tiên hoặc Hội Thánh tiên phong được mở ra. Sự thiếu trưởng thành của họ có thể được bù đắp bởi sự nhiệt tình, năng lực và sự hiểu biết về người chưa tin.

Chuẩn Bị Cho Sự Sinh Sản Của Hội Thánh

Khải tượng mở mang một Hội Thánh con không phát triển một cách tình cờ hoặc tự động. Như chúng tôi đã nói ở trên, người lãnh đạo phải truyền đạt Khải tượng về sự sinh sản và nhân rộng không chỉ bằng việc đưa những điều này thành các giá trị chủ yếu mà còn phải giảng dạy và truyền đạt Khải tượng một cách rõ ràng. Dựa trên hai mươi năm mở mang Hội Thánh và nghiên cứu tại Đức, Dietrich Schindler đề nghị rằng, Khải tượng về sự sinh sản phải được “thực hiện theo thời gian” giống như viên thuốc con nhộng bắt đầu nhả thuốc dần theo thời gian. “Thực hiện theo thời gian là quy tắc xác định thời gian của việc mở Hội Thánh kế tiếp ngay sau khi Hội Thánh hiện tại đã được bắt đầu” (Schindler 2008, 322). Khải tượng có khuynh hướng “rò rỉ” theo thời gian và biến mất. Nhu cầu thuộc linh của thành phố, khu vực, quốc gia và thế giới phải được tiếp tục nêu ra trước hội chúng. Đại mạng lệnh, việc bước đi bởi đức tin, và tấm lòng của Đức Chúa Trời đối với người hư mất phải là những chủ đề được giảng dạy thường xuyên. Trong kỳ dưỡng linh của những người lãnh đạo Hội Thánh trước kỳ họp của hội chúng, những vấn đề sau đây cần phải được xem xét và cầu nguyện:

Những lý do phải mở một Hội Thánh khác theo Kinh Thánh là gì?

Sự sinh sản của Hội Thánh thích hợp với sự kêu gọi và sứ mệnh của chúng ta như thế nào?

Đức Chúa Trời đang làm điều gì để chúng ta rằng bây giờ là lúc bắt đầu sinh sản?

Có những trở ngại nào cho sự sinh sản? Làm thế nào chúng ta có thể vượt qua chúng?

Làm thế nào để động viên nhiều nhân sự và nguồn lực để mở một Hội Thánh khác?
 Những bước đi đức tin nào thích hợp vào lúc này?
 Đây là những nhu cầu thuộc linh lớn nhất và những cơ hội mà Đức Chúa Trời đã mở ra cho chúng ta?

Hội Thánh phải được chuẩn bị về mặt thuộc linh cho sự sinh sản, giống như một phụ nữ chuẩn bị về thể xác và tinh thần cho việc sinh nở. Khải tượng và kế hoạch về sự sinh sản của Hội Thánh phải được thẩm nhuần trong sự cầu nguyện xin soi sáng, để Chúa của mùa gặt sai đến nhiều con gặt (Mat 9:38) và để Đức Chúa Trời mở những cánh cửa cơ hội (Côl 4:3). Hội Thánh có thể tiên liệu sự chống đối thuộc linh gia tăng khi xem xét về điều này. Nghiên cứu Kinh Thánh về việc Giô-suê chiếm đất hứa, Nê-hê-mi xây dựng tường thành, hoặc tiên tri A-ghe nói về những ưu tiên thuộc linh và các tế lễ phải khôi phục trong đền thờ có thể giúp ích cho việc thách thức và chuẩn bị cho Hội Thánh mạnh dạn bước đi bởi đức tin vì những mục đích của Đấng Christ.

Sự chuẩn bị một cách cẩn thận là đặc biệt quan trọng đối với nỗ lực sinh sản đầu tiên của Hội Thánh. Hội Thánh mẹ chưa có kinh nghiệm. Nếu nỗ lực đầu tiên thất bại hoặc đương đầu với những khó khăn nghiêm trọng, thì hội chúng có thể có thái độ tiêu cực đối với sự sinh sản của Hội Thánh và sẽ rất khó khăn để vượt qua. Ngược lại, nếu nỗ lực đầu tiên thành công thì sẽ dễ dàng hơn để động viên Hội Thánh mở những Hội Thánh khác trong tương lai dựa trên kinh nghiệm đó.

Xác Định Địa Điểm Và Cách Tiếp Cận Cho Hội Thánh Mới

Có hai câu hỏi chiến lược cần phải được trả lời khi một Hội Thánh còn non trẻ tiến hành việc mở Hội Thánh con đầu tiên: địa điểm và cách tiếp cận để mở mang Hội Thánh. Mặc dù chúng ta xem xét chúng một cách riêng lẻ, nhưng hai quyết định này có liên quan chặt chẽ với nhau.

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỦA HỘI THÁNH MỚI

Nói một cách tổng quát, Hội Thánh mới có thể sẽ ở ngay tại địa phương bằng cách phân chia nhóm tế bào (cũng được gọi là mở mang Hội Thánh kiểu mẹ-con), hoặc Hội Thánh mới là một Hội Thánh tiên phong ở một nơi mới xa hơn. Nếu đó là một Hội Thánh tiên phong, thì các bước chuẩn bị và hoạch định đã được thảo luận trong chương 9 và 10 có thể được áp dụng để xác định nhóm người mục tiêu và xây dựng nhóm mở mang Hội Thánh. Cần phải phát hiện những cộng đồng hoặc những nhóm người chưa được tiếp cận có nhu cầu thuộc linh lớn nhất. Các nỗ lực truyền giáo có thể được tiến hành tại nhiều cộng đồng khác nhau, và nơi có đáp ứng nhiều nhất sẽ được chọn để mở Hội Thánh mới. Một trong những cách phổ biến nhất để sinh sản thông qua việc mở mang Hội Thánh tiên phong là khi các thành viên của Hội Thánh chuyển đến một thành phố khác hoặc một cộng đồng mới. Họ có thể trở thành chất xúc tác để mở một Hội Thánh tiên phong tại nơi đó, giống như các tín hữu của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem bị tản lạc do sự bắt bớ và đã mở nhiều Hội Thánh khắp vùng Giu-đê và Sa-ma-ri (Công vụ 8:1; 11:19-21). Ngày nay các thành viên của Hội Thánh có thể bị tản lạc vì các lý do như nạn đói, chiến tranh, cơ hội kinh tế, công ăn việc làm hoặc nhà cửa.

Địa điểm cũng có thể được xác định khi các thành viên của Hội Thánh có người thân ở tại một cộng đồng xa xôi là những tín hữu hoặc là những người mở lòng đối với Phúc âm. Đôi khi các thành viên trong Hội Thánh đến từ các vùng xa xôi mà ở đó họ vẫn còn người thân hoặc bạn bè. Những mối liên hệ như vậy có thể trở thành một cánh cửa mở cho việc thành lập Hội Thánh tại nơi đó. Điều này đặc biệt quan trọng trong những xã hội mang tính truyền thống hơn, nơi mà những người ngoài rất khó để có được sự chấp nhận của cộng đồng ngoại trừ những người có quan hệ họ hàng.

Nếu một số người từ Hội Thánh mẹ được giao nhiệm vụ để thành lập một Hội Thánh mới tại địa phương, thì phải áp dụng một cách tiếp cận khác hơn. Một trong những cách đơn giản nhất để xác định địa điểm cho Hội Thánh mới là vẽ sơ đồ nơi những tín hữu của Hội Thánh đang sinh sống. Thường thì một hoặc nhiều nhóm tế bào đã có tại một quận của thành phố hoặc khu vực và có thể trở thành nhóm nòng cốt để mở mang Hội Thánh mới. Bước kế tiếp là giải quyết các nhu cầu thuộc linh của cộng đồng nơi có các nhóm đó. Những cộng đồng có rất ít hoặc chưa có Hội Thánh cần được ưu tiên hơn những nơi đã có Hội Thánh rồi.

Những vùng lân cận có dân số đang tăng nhanh cũng được ưu tiên hơn những nơi có dân số đang giảm sút. Khi có nhiều thành viên của Hội Thánh di chuyển đến một nơi gần đó, thì cộng đồng đó có khả năng trở thành địa điểm để mở Hội Thánh mới. Ví dụ, nhà ở tại thành phố Munich đã trở nên đắt đỏ đến nỗi những gia đình lớn chỉ có một người kiếm được tiền buộc phải dời ra những vùng ngoại ô. Kế hoạch đã được sửa đổi để mở những Hội Thánh tại các vùng dọc theo vành đai của đường tàu chung quanh Munich, và những tín hữu đó tạo thành những nhóm nòng cốt. Có nhiều Hội Thánh đã được mở mang theo cách này.

Cũng có thể hướng đến một cộng đồng là nơi có một nhu cầu xã hội cấp thiết mà Hội Thánh có thể giải quyết được. Ví dụ, một Hội Thánh thuộc thành phần trung lưu ở Manila cộng tác với những giáo sĩ nước ngoài để mở một Hội Thánh tại một quận nghèo, huy động cả các nguồn nhân lực và vật lực. Ngoài việc truyền giáo và học Kinh Thánh, còn tiến hành các công tác phục vụ cộng đồng như chương trình giáo dục mầm non và dạy kèm.

XÁC ĐỊNH CÁCH TIẾP CẬN

Trong chương 7 chúng tôi đã vạch ra nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với việc mở mang Hội Thánh tiên phong cũng như sự sinh sản của Hội Thánh. Việc mở mang Hội Thánh cần phải xem xét những giải pháp này cùng với sự cầu nguyện. Phải luôn luôn nghĩ đến mục tiêu dài hạn là phát động một phong trào nhân rộng. Một số cách tiếp cận tạo được sự nhân rộng khá tốt trong một bối cảnh nhưng không có kết quả trong một bối cảnh khác. Ví dụ mạng lưới Hội Thánh Tư gia có thể nhân rộng tốt nhất trong tình huống có sự chống đối về tôn giáo hoặc chính quyền cách đáng kể hoặc tại nơi những mạng lưới gia đình trở thành những cơ sở cho những Hội Thánh Tư gia. Cách tiếp cận đa vị trí có hiệu quả nhất tại các vùng đô thị, nơi mà những Hội Thánh được định hướng theo chương trình có nhiều nguồn lực và ở nơi mà mọi người có sự đòi hỏi cao về chất lượng và sự chuyên nghiệp.

Hơn nữa, các chiến lược theo khu vực được thảo luận trong chương 7 cần phải được quan tâm như là một phần của kế hoạch nhân rộng các Hội Thánh trong một khu vực. Kế hoạch và khái tượng dài hạn đặt Hội Thánh mới vào trong một tầm nhìn rộng lớn hơn. Sẽ khôn ngoan nếu xem xét kế hoạch mở mang Hội Thánh theo khu vực cùng với các Hội Thánh khác và các cộng sự trong khu vực, để phối hợp các nỗ lực, phát triển sức mạnh, và chứng tỏ sự hiệp nhất vì cơ Đấng Christ.

Tiến Hành Việc Mở Hội Thánh Con Hoặc Hội Thánh Tiên Phong

Nếu một Hội Thánh con được thành lập, thì các thành viên sống tại cộng đồng mục tiêu hình thành nên nhóm mở mang Hội Thánh. Có thể tuyển mộ thêm những người khác chuyên đến nơi đó hoặc cộng tác từ xa. Nhóm này sẽ họp lại một cách đều đặn trong nhiều tháng để cầu nguyện, lập kế hoạch và cùng tăng trưởng. Các công tác chuẩn bị được mô tả trong chương 9 và 10 sẽ được thực hiện. Chương 16 sẽ giải thích về cách xây dựng nhóm. Có nhiều nguồn tài liệu nói về việc mở một Hội Thánh con tại Bắc Mỹ (Logan và Ogne 1995; Harrison, Cheyney, và Overstreet 2008), và những tài liệu này có thể vận dụng cho những bối cảnh văn hóa khác. Lãnh đạo của Hội Thánh mới là một vấn đề quan trọng. Nếu các tín hữu tại cộng đồng mục tiêu thiếu khả năng lãnh đạo cần thiết, thì phải tuyển mộ một người có khả năng lãnh đạo vào trong nhóm. Các lãnh đạo của Hội Thánh mẹ có thể hỗ trợ mục vụ của Hội Thánh con, hoặc một người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ có thể hỗ trợ. Tuy nhiên, nếu

muốn có sự nhân rộng, thì các lãnh đạo mới phải được chuẩn bị để lãnh đạo công việc mới dưới sự huấn luyện của một người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm. Họ có thể bắt đầu nhóm lại tại cộng đồng mục tiêu để truyền giáo và thờ phượng. Vào thời điểm thích hợp có thể tổ chức buổi lễ giao nhiệm vụ tại Hội Thánh mẹ để khởi sự công việc.

Việc mở một Hội Thánh tiên phong sẽ gặp nhiều thách thức hơn. Một người mở mang Hội Thánh hoặc nhóm mở mang Hội Thánh có thể được tuyển mộ từ Hội Thánh tài trợ, nhưng bởi vì Hội Thánh tiên phong thường ở cách xa Hội Thánh tài trợ, nên nhóm mở mang Hội Thánh cần phải chuyển đến ở tại cộng đồng mục tiêu và tìm một công việc ở đó. Cần phải có nhiều chuẩn bị nếu nhóm mở mang Hội Thánh không quen thuộc với cộng đồng hoặc khi tiếp cận một nhóm bộ tộc mới. Có thể đi theo các bước được mô tả trong các chương 9 và 10.

Các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ đã rút lui dần khỏi các trách nhiệm mục vụ chủ chốt tại Hội Thánh đầu tiên, thì bây giờ họ có thể hỗ trợ cho Hội Thánh con hoặc Hội Thánh tiên phong, hoặc trực tiếp hoặc với vai trò huấn luyện (được mô tả trong hình 14.1). Những vai trò khác của người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ được tìm hiểu ở dưới. Tiến trình sinh sản các Hội Thánh phải được tiếp tục lập lại, với mỗi thế hệ Hội Thánh tiếp tục sinh sản và thành lập nhiều Hội Thánh (hình 14.2). Phong trào chỉ có thể được coi là nhân rộng khi các Hội Thánh thế hệ thứ ba hoặc thứ tư được thành lập, chứng tỏ bản chất di truyền về sự sinh sản thực sự là đặc trưng của phong trào.

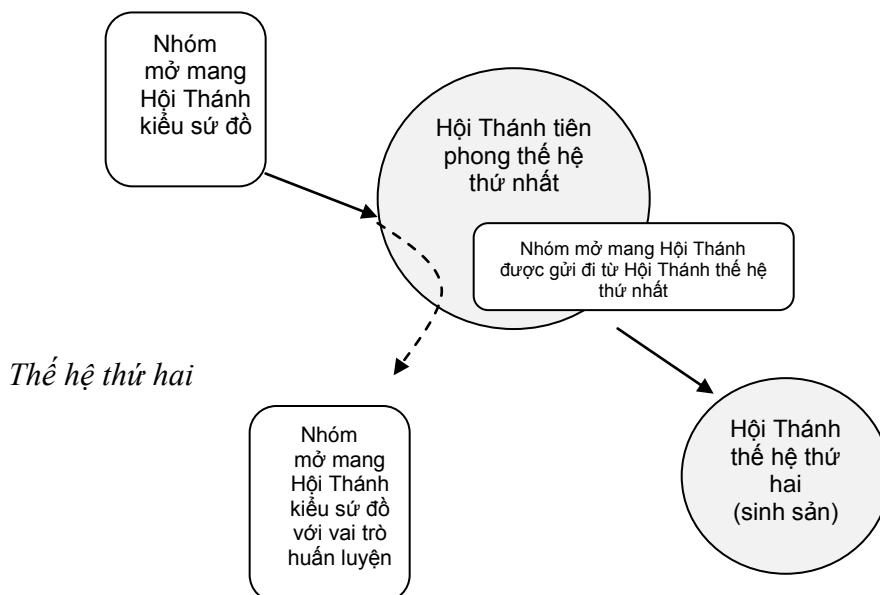
Gởi Các Giáo Sĩ Xuyên Văn Hóa Ra đi

Cho đến bây giờ chúng ta đã nói về sự sinh sản của Hội Thánh chủ yếu tại địa phương hoặc mở mang Hội Thánh khu vực trong cùng nền văn hóa. Nhưng khái niệm về sự sinh sản của Hội Thánh phải bao gồm khái niệm đối với thế giới và những nhóm người chưa được tiếp cận sống ở nơi không có một chứng nhân Tin lành nào. Đối với một Hội Thánh non trẻ thì khái niệm đó dường như quá sức hoặc thậm chí quá táo bạo. Tuy nhiên, nhiều hội chúng mới đã đặt trong khái niệm ban đầu của họ, các giá trị chủ yếu, hoặc các mục tiêu cầu nguyện ước muốn trở thành một Hội Thánh gởi giáo sĩ ra đi. Khái niệm có thể được kích lệ bằng cách mời các giáo sĩ đến nói chuyện, bằng việc gởi nhiều thành viên trong những chuyến truyền giáo ngắn hạn, bằng việc nhắc đến công tác truyền giáo thế giới trong việc giảng dạy Kinh Thánh, bằng việc cầu nguyện thường xuyên cho các giáo sĩ và các nhu cầu trên thế giới, và bằng việc giúp cho hội chúng tiếp cận các văn phẩm liên quan đến truyền giáo. Trên hết Hội Thánh phải cầu nguyện để Chúa của mùa gặt sẽ sai đi khắp thế giới những tay gặt từ các Hội Thánh (Mat 9:38).

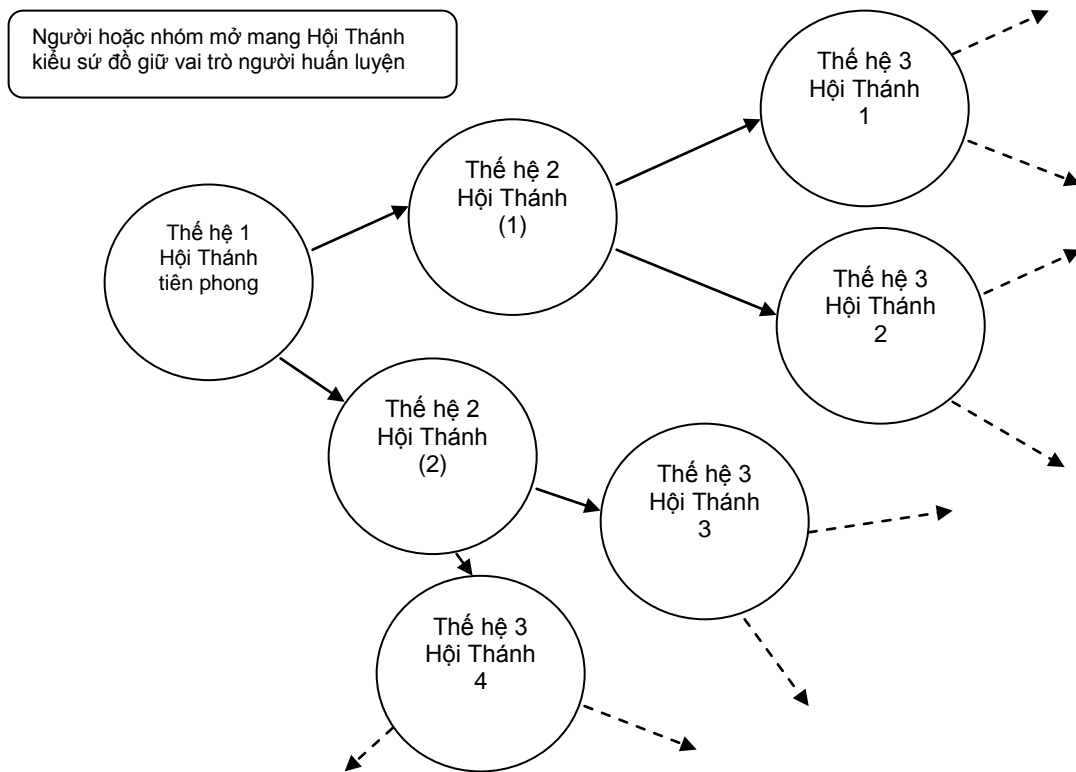
Hình 14.1

Sự Sinh Sản Của Hội Thánh

Thế hệ thứ nhất



Hình 14.2
Sự Nhân Rộng Hội Thánh



Khi Đức Chúa Trời kêu gọi các thành viên của hội chúng vào công tác truyền giáo xuyên văn hóa, thì họ được gọi đi thông qua một cơ quan truyền giáo, với sự đóng góp tài chính của các Hội Thánh hỗ trợ khác cùng với Hội Thánh gọi họ ra đi. Hoặc trong trường hợp các giáo sĩ thuộc thế giới thứ ba, thì các giáo sĩ có thể hoạt động bán chuyên nghiệp, tìm nguồn tài chính chủ yếu thông qua việc làm trong xã hội. Những người ủng hộ “doanh nghiệp truyền giáo” kêu gọi các doanh nhân Cơ đốc có các dự án quốc tế xem công việc này như là phương tiện vừa để phát triển kinh tế vừa tham gia công tác truyền giáo. Các Cơ đốc nhân tại Philippines đã phát triển một chiến lược tổng thể về truyền giáo bằng cách động viên những người Philippines Cơ đốc sống và làm việc trong 180 quốc gia tham gia công tác truyền giáo (Pantoja, Tira, và Wan 2004).

Khi Hội Thánh tham gia đầy đủ vào việc hoàn thành Đại mạng lệnh bằng việc gọi đi và hỗ trợ cho các giáo sĩ của mình, thì đó là dấu hiệu đạt đến độ trưởng thành và tham gia đầy đủ vào thân thể của Đấng Christ trên toàn cầu. Tuy nhiên, Hội Thánh cũng sẽ kinh nghiệm niềm vui lớn vì biết rằng Hội Thánh mới không chỉ nhận các nỗ lực truyền giáo mà bây giờ trở thành người đóng góp để nơi khác cũng hưởng được lợi ích tương tự.

Tham Gia Vào Các Nỗ Lực Chung Với Những Hội Thánh Khác

Tinh thần độc lập có khuynh hướng chi phối thái độ của người Mỹ trong toàn bộ cuộc sống, và nó thường được phản ánh trong cách mà các Hội Thánh địa phương liên hệ với nhau. Tuy nhiên, như đã nói trong chương 3, sứ đồ Phao Lô đã liên kết các Hội Thánh mà ông thành lập với nhau trong nhiều phương diện. Ngày nay sự hợp tác và quan hệ như vậy cũng không kém phần quan trọng, chúng có thể xuất hiện dưới hình thức các hiệp hội, các hệ phái, các mạng lưới phong trào, các hội liên hiệp Tin lành địa phương, hoặc các nỗ lực truyền giáo

chung. Có nhiều mục vụ như giáo dục thần học, gởi giáo sĩ ra đi, và truyền thông Cơ đốc mà một Hội Thánh đơn lẻ khó có thể đảm đương một mình.

Sự cộng tác và hợp tác cũng là dấu hiệu của sự hiệp một trong thân thể Đấng Christ (Giăng 17:11, 20-23). Sự hiệp một về thuộc linh này không nhất thiết phải hiệp nhất về mặt tổ chức nhưng liên quan đến một tinh thần thông công, hợp tác và mục đích chung. Việc quá nhấn mạnh vào việc thành lập những Hội Thánh trong vòng những nhóm người thuần nhất có thể dẫn đến chủ nghĩa dân tộc cực đoan và thậm chí gây chia rẽ trong Hội Thánh chung. Tinh thần hiệp một vượt qua ranh giới chủng tộc và dân tộc phải được chủ động xây dựng trong Hội Thánh (Ga 3:28; Êph 2:11-22; cũng xem LOP 1, 1978; Padilla 1982). Ken Baker mô tả điều này là sự chuyển từ “chiến lược truyền giáo” sang “chiến lược về nước trời” (2005, 166).

Sự liên hiệp với những Hội Thánh khác tăng thêm ích lợi cho việc sinh sản của Hội Thánh. Ví dụ, Robert Vajko đã khám phá ở Pháp “các Hội Thánh dự phần trong mỗi thông công các Hội Thánh có khuynh hướng sinh sản nhiều Hội Thánh độc lập hơn. Nghiên cứu của tôi về các Hội Thánh sinh sản cho thấy rằng các Hội Thánh có khả năng sinh sản nhất, không hề ngạc nhiên, là một bộ phận của một phong trào khuyến khích sự sinh sản” (2005, 299). Điều này có thể không đúng trong những bối cảnh khác, nhưng nguyên tắc chung là: sự hiệp lực xuất hiện khi các Hội Thánh đồng ý làm việc với nhau trong sự khích lệ và khích tượng chung. Hiệu quả tổng thể sẽ lớn hơn tổng hiệu quả của từng hội riêng lẻ.

Hơn nữa, như Tom Steffen đã nói “Một Hiệp Hội Các Hội Thánh tạo ra cấp độ thứ hai về lãnh đạo giữa vòng các Hội Thánh, tạo ra sự khích lệ và thách thức” (2001, 184). Nó cũng giúp các Hội Thánh duy trì sự trung thành đối với Kinh Thánh, gương cao khích tượng về truyền giáo, và hòa giải xung đột mà một Hội Thánh địa phương đơn lẻ không có khả năng giải quyết một mình. Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem và các sứ đồ đã cung cấp hướng dẫn về mặt thực tiễn và thần học cho các Hội Thánh trong các thế kỷ thứ nhất, thì các hiệp hội hoặc hệ phái có thể cung cấp sự ổn định và hướng dẫn đối với một phong trào. Họ cũng có thể giúp các Hội Thánh không bị sự chi phối quá lớn bởi một lãnh đạo mạnh mẽ và có thể khích lệ các Hội Thánh nhỏ đang vất vả hoặc có những lãnh đạo yếu kém. Một trong những bước tiến chiến lược nhất mà một hiệp hội có thể tạo ra là thành lập một trung tâm mở mang Hội Thánh hoặc huấn luyện giáo sĩ khu vực (xem chương 17).

Dĩ nhiên, các hiệp hội cũng thường dễ trở thành các bộ máy quan liêu làm tiêu hao các nguồn lực và thiếu tính chất thúc đẩy phong trào và khích tượng. Các tổ chức truyền giáo có lúc áp đặt cơ cấu của hệ phái gởi giáo sĩ ra đi nhưng lại không thích hợp với nhu cầu của các Hội Thánh. Cơ cấu của hiệp hội cần phải phát triển về mặt tổ chức, cũng như xác định rõ ràng các mục tiêu và đáp ứng các nhu cầu và khích tượng của các Hội Thánh trong nước. Các lãnh đạo phong trào phải là những người nhận được sự tin cậy và sự kính trọng nhất của những tín hữu địa phương.

Vai Trò Của Người Mở Mang Hội Thánh Kiểu Sứ Đồ: Từ Người Nhân Cấp Đến Người Trong Kí Ức

Dù Phao Lô là một người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ gương mẫu đã liên tục di chuyển, giao phó việc lãnh đạo cho các trưởng lão địa phương, thì cũng không dễ dàng rời bỏ các Hội Thánh ông đã thành lập. Đôi khi ông bị đuổi khỏi thành phố vì sự bất bớ (Công vụ 14:5-6; 19-20), nhưng những lần khác ông ra đi với nước mắt (Công vụ 20:36-38). Trong Công vụ 21:1 Lu Ca mô tả sự ra đi của nhóm truyền giáo như là “đau đớn chia tay họ”. Bất cứ người mở mang Hội Thánh nào đã đầu tư nhiều thời gian, công sức và cầu nguyện cho mọi người trong Hội Thánh sẽ liên hệ đến những câu Kinh Thánh này. Người mở mang Hội Thánh về nhiều phương diện là cha hoặc mẹ thuộc linh của các tín hữu, và có một sự gắn bó phát triển giữa họ. Nhưng người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ sẽ phải ra đi như Phao Lô và nhóm truyền giáo của ông đã làm.

Người mở mang Hội Thánh sẽ làm gì sau khi rời khỏi Hội Thánh và trở thành một “người trong kí ức”? Trước hết, theo gương của Phao Lô, người đó sẽ duy trì sự liên lạc với Hội Thánh và không cắt đứt mọi liên hệ. Người đó phải giữ một khoảng cách nhất định để cho các lãnh đạo địa phương thực sự lãnh đạo, nhưng những lãnh đạo đó có thể tham khảo ý kiến của người mở mang Hội Thánh từng hồi từng lúc. Steffen (2001, 190-91) đã liệt kê những cách sau đây để duy trì mối quan hệ:

- Cầu nguyện
- Giữ liên lạc
- Hỗ trợ tài chính một cách khôn khéo và thận trọng
- Cung cấp văn hóa phẩm phù hợp về mặt văn hóa
- Sách, băng ghi âm hoặc băng hình phù hợp với văn hóa
- Trợ giúp về trường học
- Thỉnh thoảng thăm viếng
- Gửi thư
- Cộng tác trong sự huấn luyện

Khi người mở mang Hội Thánh ra đi, có nhiều chọn lựa cho mục vụ tiếp theo của người đó.⁸ Một số người có tinh thần tiên phong sẽ chọn cách tuyển mộ các cộng sự từ Hội Thánh để thành lập một Hội Thánh khác. Một số người khác có ân tứ giảng dạy có thể chọn mục vụ huấn luyện cho những người mở mang Hội Thánh trong nước. Điều này có thể thực hiện bằng cách tư vấn hoặc huấn luyện không chính thức những người mở mang Hội Thánh mới, bằng cách tạo ra tư liệu thích hợp về mặt văn hóa để hỗ trợ cho các nhà truyền giáo và các người mở mang Hội Thánh, bằng cách tổ chức các hội thảo về huấn luyện, hoặc thành lập một trung tâm đào tạo người mở mang Hội Thánh. Còn những người có ân tứ quản trị có thể chọn cách thành lập một hiệp hội các Hội Thánh trong khu vực, phát triển các cơ cấu gửi giáo sĩ ra đi, hoặc xây dựng cơ sở hạ tầng cho phong trào (dù điều này chỉ có thể thực hiện sau khi đã có vô số Hội Thánh được thành lập). Người mở mang Hội Thánh thôi vai trò người nhân cấp và trở thành một người trong kí ức chỉ trong mối liên hệ với Hội Thánh vừa được thành lập. Người mở mang Hội Thánh vẫn còn là một người nhân cấp theo nghĩa rộng. Trong từng trường hợp nói trên, người mở mang Hội Thánh tiếp tục sản xuất thế hệ những người mở mang Hội Thánh kế tiếp và thúc đẩy sự phát triển của phong trào.

⁸ Steffen (2001, 190) cũng liệt kê những lựa chọn mà những giáo sĩ mở mang Hội Thánh xem xét sau khi rời khỏi Hội Thánh: (1) thay đổi vai trò mục vụ, (2) nghỉ hưu, (3) bắt đầu một Hội Thánh mới trong cùng nền văn hóa tại một vùng khác chưa được tiếp cận (thường với sự tham gia của một người trong nước với một người ngoại quốc), (4) bắt đầu một Hội Thánh mới nằm ngoài nền văn hóa tại một vùng chưa được tiếp cận khác, (5) làm việc cho hiệp hội các Hội Thánh để đạt được những mục tiêu cụ thể.

PHẦN IV

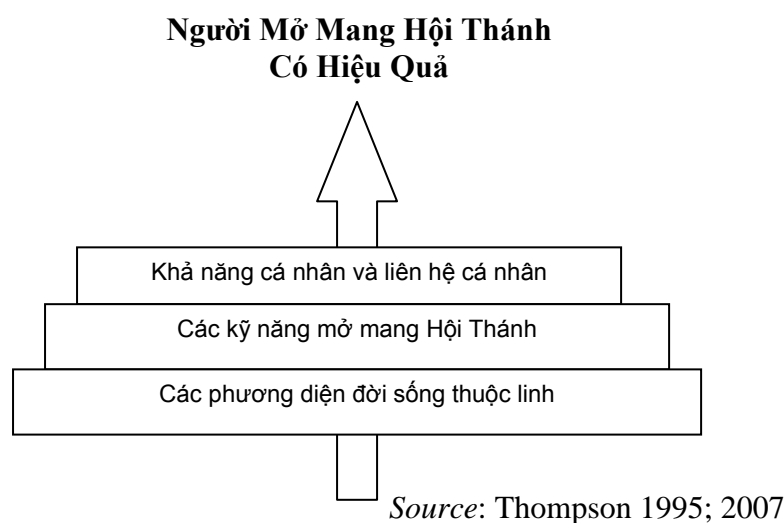
NHỮNG YẾU TỐ
QUAN TRỌNG

Đời Sống Riêng Tư
Của Người Mở Mang Hội Thánh

Mở mang Hội Thánh là một công việc mạo hiểm bởi đức tin đầy lý thú – nhưng thường đầy nhọc nhằn – đụng chạm đến mọi khía cạnh đời sống của những người mở mang Hội Thánh. Một nghiên cứu về 258 cơ quan truyền giáo phát hiện ra rằng gần ba phần tư sự tiêu hao sức lực của các giáo sĩ là vì các nguyên nhân có thể ngăn ngừa được. Khoảng một phần tư của sự tiêu hao có thể ngăn ngừa được đó do các nguyên nhân khác nhau từ cá nhân, mười ba phần trăm liên quan đến vấn đề hôn nhân và gia đình, và sáu đến chín phần trăm là do các nan đề của nhóm (Brierly 1997, 89). Kết luận rõ ràng là: công tác truyền giáo nói chung và mở mang Hội Thánh nói riêng có một mức độ ảnh hưởng cao trên đời sống cá nhân, hôn nhân và gia đình của một người. Hơn nữa, nhiều người mở mang Hội Thánh, có tính chất định hướng theo nhiệm vụ cao, có khuynh hướng xem nhẹ những thách thức cá nhân và phớt lờ một số lĩnh vực trong đời sống cá nhân của họ. Đa số các sách về mở mang Hội Thánh không đề cập đến những yếu tố cá nhân trong việc mở mang Hội Thánh, nhưng theo nhận xét của chúng tôi thì những người mở mang Hội Thánh dường như không đạt tiêu chuẩn bởi vì những thiếu sót cá nhân hoặc không có khả năng làm việc theo nhóm bởi vì một chiến lược sai lầm. Jay Pinney, một điều phối viên tại Quebec của Chương Trình Mở Mang Hội Thánh của Canada, đã viết:

Trong khi có nhiều nguồn tài liệu dồi dào liên quan đến phương pháp mở mang Hội Thánh, thì có rất ít tài liệu chú trọng trực tiếp đến những người mở mang Hội Thánh và những căng thẳng mà họ và gia đình phải trải qua trong khi gắng sức để mở mang Hội Thánh. Mặc dù người mở mang Hội Thánh là một thành phần quan trọng của Hội Thánh, đời sống cá nhân và thuộc linh của người mở mang Hội Thánh chưa nhận được sự quan tâm đầy đủ trong các tài liệu và sự huấn luyện hiện nay. Hơn nữa, trong khi hiện nay toàn bộ quan niệm về việc huấn luyện đang lôi cuốn sự quan tâm của cả Cơ đốc nhân và thế tục, thì có quá ít công cụ một cách đáng ngạc nhiên để giúp đỡ những huấn luyện viên tạo ra sự thay đổi trong lĩnh vực đời sống cá nhân và gia đình của người mở mang Hội Thánh. (2006, 8)

Hình 15.1
Những Yếu Tố Quan Trọng Tạo Nên
Người Mở mang Hội Thánh Có Hiệu Quả



Chúng tôi dành chương này để đề cập đến những vấn đề cá nhân và chương tiếp theo cho nhóm. Các nguồn tài liệu để nghiên cứu thêm được ghi trong phụ chú 15.3 ở cuối chương này.

Những Khả Năng Của Người Mở Mang Hội Thánh

Những người mở mang Hội Thánh cần có sự chuẩn bị đặc biệt, và các nghiên cứu đã được thực hiện tại Bắc Mỹ để xác định những khả năng giúp những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả (Graham 1987; Ridley 1988; Thompson 1995 và 2007; Hertzberg 2008; Hertzberg và Lonsway 2008).

Những Khả Năng Tổng Quát

Hình 15.1 minh họa ba phương diện quan trọng cần phải chuẩn bị dựa theo nghiên cứu của J. Allen Thompson:¹ những phương diện đời sống thuộc linh, các kỹ năng mở mang Hội Thánh (bao gồm cả kiến thức), những khả năng cá nhân và quan hệ cá nhân. Những điều này được xếp hàng đầu về sự ưu tiên và tầm quan trọng. Mặc dù Thompson thực hiện nghiên cứu của ông tại Bắc Mỹ, những ba phương diện cơ bản này cũng là đặc điểm nổi bật của một người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa kiểu sứ đồ có hiệu quả (Taylor và Hoke 2003).

Bảng 15.1 so sánh những phát hiện của Thompson với những phát hiện của Charles Ridley, cho thấy có nhiều trùng lặp về những khả năng cụ thể mà họ cho là quan trọng nhất. Những khả năng *cá nhân* trong bảng 15.1 phải được coi trọng bất kể đối với cách tiếp cận nào, dù *những đòi hỏi về kỹ năng* sẽ rất khác nhau tùy theo vai trò người mở mang Hội Thánh (mục sư, sứ đồ hay người xúc tác) và nhóm người mục tiêu cần được tiếp cận. Chúng ta sẽ

¹ J. Allen Thompson (1995, 2007) tiến hành nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của ông với những người mở mang Hội Thánh Bắc Mỹ và các lãnh đạo của các trung tâm đánh giá. Nghiên cứu đã phát hiện hai mươi một phẩm chất quan trọng, và các phẩm chất được đề cập cần thiết cho sự thành công của việc mở mang Hội Thánh là những phẩm chất thuộc linh.

thảo luận về những kỹ năng và những khả năng mà những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa kiêu sĩ đồ cần có.

Bảng 15.1

**Những Khả Năng Của Người Mở Mang Hội Thánh:
So Sánh Những Phát Hiện Giữa Ridley và Thompson**

Những khả năng của người mở mang Hội Thánh theo Ridley (1988)	Những khả năng của người mở mang Hội Thánh theo Thompson (1995 và 2007)
Có sự thúc đẩy bên trong	Sự kêu gọi
Sự hợp tác của người phối ngẫu	Sự quyết tâm của gia đình
Rèn luyện đức tin	Đời sống thuộc linh, sự toàn hảo, kỷ luật thuộc linh, sự tin kính, đời sống cầu nguyện cá nhân
Khả năng nắm bắt khái tượng, tạo ra sự làm chủ về mục vụ	Sự lãnh đạo, các kỹ năng mở mang Hội Thánh, sự năng động, triết lý mục vụ
Tiếp cận những người không đi nhà thờ và người hư mất, xây dựng các mối quan hệ một cách có hiệu quả	Giảng dạy, truyền giáo, môn đồ hóa
Sử dụng khả năng của những người khác	
Xây dựng sự hợp tác của nhóm	
Tận tâm với sự tăng trưởng của Hội Thánh	
Linh động, thích nghi, thể hiện sự kiên cường	Tận tâm, đáng yêu, nhạy cảm, linh động, kiên cường, nhận thức đúng đắn về bản thân

Dựa trên việc phân tích những nghiên cứu này và những quan sát cá nhân, chúng tôi kết luận rằng những phẩm chất quan trọng nhất cho việc mở mang Hội Thánh có hiệu quả, bất kể đối với cách tiếp cận và nhóm người mục tiêu nào, là (1) sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, (2) phẩm chất tốt, (3) sức mạnh thuộc linh (cầu nguyện, lắng nghe tiếng Chúa, . . .), (4) sự hỗ trợ của người phối ngẫu, (5) các kỹ năng cụ thể về truyền giáo², (6) sự khôn ngoan và khả năng thích ứng, (7) ân tứ thánh linh phù hợp với nhiệm vụ. Nếu có những nền tảng này, Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục định hình nhân sự qua sự phục vụ (Grady và Kendall 1992; Ridley 1988; Thompson 1995, 2007; Taylor và Hoke 2003).

Những Khả Năng Khác Đối Với Người Mở Mang Hội Thánh Kiêu Sĩ Đồ Hoặc Xuyên Văn Hóa

Trong thập niên 1990, hai đặc điểm chính của người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa đã được phát triển, nhắc nhở bằng cách báo động về tỷ lệ hao hụt cao của những nhân sự và với hy vọng cải thiện việc chuẩn bị và huấn luyện cho họ (Taylor 1997; Hoke và Taylor 1999). Sự trưởng thành cá nhân và khả năng thích ứng về văn hóa đã được công nhận là

² Danh sách của Ridley trong bảng 15.1 được sử dụng bởi các hiệp hội các Hội Thánh và mạng lưới mở mang Hội Thánh như là một điểm bắt đầu. Chúng tôi đề nghị đưa những khả năng đã được chứng minh đó vào trong đặc điểm của người mở mang Hội Thánh và các công cụ đánh giá.

những nhân tố quan trọng đem lại hiệu quả và sự lâu dài (Taylor 1997, 184-249). Mục vụ mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ trong một nhóm người khác cũng đòi hỏi khả năng truyền giáo (các khả năng bắt đầu và tập hợp) và các khả năng thích ứng về văn hóa như sự linh động, tháo vác và tự học (Taylor và Hoke 2003). Sự lãnh đạo xuyên văn hóa có hiệu quả xuất phát từ khả năng điều chỉnh phong cách lãnh đạo thích ứng với tình huống hoặc văn hóa, chứ không phải từ tính chất cá nhân hoặc khuôn mẫu hành vi. Do đòi hỏi của sự rút lui dần và sự thay đổi vai trò (Steffen 1997), những nhân sự xuyên văn hóa cần phải có khả năng lãnh đạo trực tiếp cũng như bên cạnh những người tập sự và lãnh đạo địa phương. Hơn nữa, còn phải chú ý đến các đặc điểm riêng của nhóm người mục tiêu.³ Cuối cùng, không được quên rằng không có một người mở mang Hội Thánh nào có đầy đủ tất cả các khả năng; cho nên cần phải quan tâm đến khả năng của nhóm.

Những Nền Tảng Thuộc Linh

Sự Kêu Gọi Và Xác Nhận

Không có sự học hỏi, huấn luyện và kinh nghiệm nào có thể thay thế cho sự kêu gọi, sự hướng dẫn và quyền năng của Đức Thánh Linh trong đời sống của những người mở mang Hội Thánh. Sự chắc chắn về sự bổ nhiệm của Đức Chúa Trời tạo nên một sự tự tin và sức mạnh to lớn. Bởi vì Đức Chúa Trời phán với con người theo nhiều cách khác nhau, cho nên không nhất thiết phải nhận được một “khải tượng từ trời” như Phao Lô. Sự tin quyết đó có thể đến từ lúc đầu một cách đặc biệt hoặc dần dần qua việc quá trình học kinh thánh, suy gẫm và thảo luận với những người khác. Luke Greer (2009, 328-32) chỉ ra rằng có những tiên lệ trong Kinh Thánh về cả hai trường hợp trên: “sự bày tỏ rõ ràng” (bảo Phi-e-rơ đến nhà Cọt-nây) và “sự bày tỏ tinh vi” được phản ánh trong lời kết luận của Gia-cơ “vì Đức Thánh Linh là chúng tôi đã đồng ý” sau nhiều bàn cãi (Công vụ 15:28). Nhưng các ứng viên phải có một sự tin quyết thật sự, xác định và lâu dài (được chia sẻ với người phối ngẫu của họ nếu đã lập gia đình) về sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đã được xác nhận bởi Hội Thánh địa phương của họ (xin xem McQuilkin 2002).

Sự trưởng thành thuộc linh

Giống như Phao Lô và Ba-na-ba, những người mở mang Hội Thánh phải được chọn từ trong số những người đã chứng tỏ sự trưởng thành thuộc linh, kỷ luật thuộc linh và những kỹ năng mục vụ của một người lãnh đạo Hội Thánh có hiệu quả. Phải tìm kiếm thời điểm và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Chúa chuẩn bị những đầy tớ của Ngài thông qua những kinh nghiệm có tính chất như nền tảng, định hình tính chất của họ và lôi kéo họ về phía Ngài. Ngài có thể chọn họ thông qua nhiều thử thách của cuộc sống và sự phục vụ mang tính chất hy sinh. Đây là những giáo sư có hiệu quả nhất của Ngài.

Cần phải đồng hành với Đức Chúa Trời nếu phải chịu đựng áp lực, đương đầu với sự chống đối, và tin cậy Đức Chúa Trời với những hoàn cảnh không ngờ tới. Kinh nghiệm đồng vắng thường là một phần của quá trình trưởng thành. “sự cách ly thường được Đức Chúa Trời sử dụng để dạy những bài học quan trọng về lãnh đạo mà không thể học được trong khi [chúng ta đang] trải qua áp lực của mục vụ bình thường” (Clinton 1988, 161). Có thể có một “cuộc vật lộn với Đức Chúa Trời” đem lại một sự thân mật sâu xa hơn với Đức Chúa Trời, một hình thức phụ thuộc mới, sự khiêm nhường và nhẫn nhục nhiều hơn, và những phương cách mới để đối phó với những nỗi đau. Nếu người mở mang Hội Thánh không học được từ những hoàn cảnh như vậy, thì sẽ gặp cú sốc lớn về ngôn ngữ và văn hóa. Một lãnh đạo tại châu Mỹ La Tinh đã đưa ra lời khuyên cho những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa

³ Những đặc điểm của người mở mang Hội Thánh thay đổi theo thời gian, bởi vì những thay đổi về văn hóa và môi trường đô thị ngày càng mang tính chất đa nguyên và đa dạng. Vì vậy Thompson đã cập nhật nghiên cứu năm 1995 của ông vào năm 2007, và Taylor và Hoke đã chỉnh sửa tài liệu của họ vào năm 2003. Ví dụ, sự toàn hảo cá nhân bây giờ được xem là một đặc điểm quan trọng (Thompson 2007).

như sau: “Đừng đến với những kế hoạch và lịch trình định sẵn, nhưng đến để học hỏi.” Một người khác nói: “Hãy làm việc với một tinh thần cầu nguyện, tin cậy, khiêm nhường, tôn trọng và trên hết là với sự đầy đầy Đức Thánh Linh.” Những phẩm chất này đòi hỏi sự trưởng thành và nhạy bén về thuộc linh.

Cầu Nguyện Và Kỹ Luật Thuộc Linh

Cần phải luyện tập về kỹ luật thuộc linh. Trong nhiều bối cảnh xuyên văn hóa, những người mở mang Hội Thánh phải nuôi dưỡng đời sống thuộc linh của họ mà không có sự hỗ trợ của một Hội Thánh địa phương. Nhiều người thấy họ cần phải phát triển những hình thức kỹ luật thuộc linh mới hoặc sâu sắc hơn bởi vì những hình thức đã thực hiện tại quê nhà không đáp ứng đủ trong cuộc chiến của việc mở mang Hội Thánh. Nghiên cứu về một trăm người mở mang Hội Thánh có hiệu quả của Dick Grady và Glenn Kendall (1992) cho thấy rằng cầu nguyện là yếu tố số một đem lại thành công trong việc mở mang Hội Thánh. Người mở mang Hội Thánh nào không thiết lập một đời sống cầu nguyện có hiệu quả sẽ không thể tiến xa.

Một người mở mang Hội Thánh tại Quito, Ecuador, đã đưa ra nhận xét: “Trong khi chúng tôi dành nhiều thời gian, công sức và tiền bạc cho các chiến dịch, thì chúng tôi đã bỏ quên phương pháp tăng trưởng Hội Thánh kiểu sứ đồ: cầu nguyện và giảng dạy lời Chúa” (Mateer 1988, 146). Những người mở mang Hội Thánh cần phải cảnh giác với những nhu cầu, những thiếu sót về tính cách, và những lỗ hổng thuộc linh của những người cùng làm việc và can thiệp một cách kiên trì. Thường thì sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đến từ sự lắng nghe và cầu nguyện.

Sự cầu nguyện cũng liên hệ với việc truyền giáo (Êph 6:18-20). Sự cầu thay không chỉ đơn thuần là phương tiện để phục vụ có hiệu quả – đó là tâm điểm và linh hồn của mục vụ mở mang Hội Thánh. Một tổ chức mở mang Hội Thánh đã yêu cầu các nhóm công tác dành mười phần trăm thời gian mục vụ cho các hình thức cầu nguyện khác nhau – cho nhau, cho các tân tín hữu, và cho người chưa tin. Mục vụ cầu nguyện của họ bao gồm cầu nguyện cho công tác truyền giáo, cầu nguyện thấu đêm, và những ngày kiêng ăn cầu nguyện. Những hướng dẫn thực tế để phát triển một đời sống và mục vụ cầu nguyện được trình bày trong phụ chú 15.3 ở cuối chương.

Các Ân Tứ Thánh Linh Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Những người mở mang Hội Thánh phải là những người nhờ cậy Đức Thánh Linh và sử dụng các ân tứ Thánh Linh của mình để tìm kiếm người hư mất và xây dựng Hội Thánh. Có hai nhận xét ở đây: thứ nhất, Đức Chúa Trời sử dụng *các ân tứ khác nhau* để thiết lập Hội Thánh của Ngài, cũng như Ngài sử dụng nhiều ân tứ để gây dựng Hội Thánh. Thứ hai, *một số ân tứ có liên hệ đặc biệt* đối với công tác mở mang Hội Thánh, như được đề cập trong bảng 15.1. Tất cả các bảng liệt kê đều chỉ mang tính đề nghị, chưa được đầy đủ (Sawatsky 1991; 1997). Trong chương 8 chúng ta đã xác định và mô tả các ân tứ quan trọng nhất ở mỗi giai đoạn của việc mở mang Hội Thánh:

- Giai đoạn bắt đầu – các ân tứ truyền giáo và sứ đồ
- Giai đoạn thành lập – các ân tứ giảng dạy và chăn bầy
- Giai đoạn tổ chức cơ cấu – các ân tứ lãnh đạo và quản trị
- Giai đoạn sinh sản – các ân tứ truyền giáo và sứ đồ

Đây là những ân tứ lãnh đạo căn bản. Chúng tôi khám phá vai trò của các ân tứ khác khi tìm hiểu các điển hình trong Kinh Thánh. Mỗi nhóm các ân tứ có những chức năng riêng mà Đức Chúa Trời ban cho (xem bảng 15.2).

Bảng 15.2
Các Chức Năng Và Các Ân Tứ Thánh Linh

Chức Năng Của Người Mở Mang Hội Thánh	Điển Hình Kinh Thánh	Các Ân Tứ Thánh Linh
Người đặt nền móng cho Hội Thánh	Phao Lô, Phi-e-rơ, Ba-na-ba, Ê-pháp-ra	Ân tứ sứ đồ (xuyên văn hóa), truyền giáo, giảng dạy, lãnh đạo, đức tin, khích lệ
Người tưới/phát triển Hội Thánh	A-pô-lô, Ti-mô-thê, Tít	Dạy dỗ, quản trị, khích lệ, tư vấn
Người trợ giúp việc mở mang Hội Thánh	Bê-rít-sin và A-qui-la	Truyền giáo, giúp đỡ, tiếp khách, cố vấn, dạy dỗ, khích lệ

Người Đặt Nền Móng Cho Hội Thánh

Phao Lô và Phi-e-rơ tiêu biểu cho loại “người đặt nền móng” có ân tứ sứ đồ. Cả hai đều là người rao giảng Phúc âm có tài rao giảng cách thuyết phục. Ba-na-ba, một nhà truyền giáo đi cùng Phao Lô (Công vụ 13:2-14:28), nổi tiếng về ân tứ khích lệ (Công vụ 4:36-37). Ông đã khích lệ những người khác bước vào chức vụ (Công vụ 11:25-26) và là người bắc cầu giữa mọi người và các nhóm (Công vụ 15:1-4, 12, 22-35).⁴ Ê-pháp-ra bắt đầu công việc tại Cô-lô-se (Côl 1:7) và cũng có liên hệ với Hi-ê-ra-pô-li và Lao-đi-xê (Côl 4:12-13). Ông chứng tỏ có ân tứ đức tin qua sự cầu thay (Côl 4:12).

Người Tưới Nước Hoặc Phát Triển Hội Thánh

A-pô-lô, một người Do Thái ở A-léc-xan-đơ-ri-a, được phát hiện bởi nhóm truyền giáo của Phao Lô tại Ê-phê-sô. Ông đã học xong Cựu ước và là một người rao giảng có tài hùng biện tin rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a. Sau khi được dạy dỗ thêm, ông đã sử dụng khả năng của mình để thuyết phục và hướng dẫn người khác về đức tin. Ông đã phát triển, hoặc “tưới nước” Hội Thánh tại Cô-rinh-tô (1 Cô 3:6) và rõ ràng là đã giúp đỡ Phao Lô tại Ê-phê-sô (1 Cô 16:12). A-pô-lô chưa bao giờ thực hiện công tác mở mang Hội Thánh tiên phong nhưng cống hiến những nỗ lực của mình để củng cố những công việc đã được thiết lập.

Ti-mô-thê là một điển hình khác về “người tưới nước.” Sau khi đã giúp đỡ Phao Lô truyền giáo tại nhiều thành phố như Cô-rinh-tô (Công vụ 18:5; 2 Cô 1:19) và Bê-rê, ông đã ở lại để làm vững mạnh các tín hữu khi Phao Lô tiếp tục đi đến A-then (Công vụ 17:14). Sau đó ông quay lại Tê-sa-lô-ni-ca để xác nhận đức tin của những môn đồ mới ở đó (1 Tê 3:1-3). Cuối cùng, ông coi sóc Hội Thánh một thời gian dài tại Ê-phê-sô (1 Tim 1:3-4). Tít và những cộng sự khác của Phao Lô cũng có thể được xem là những “người tưới nước” (Tít 1:5).

Những Người Hỗ Trợ Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Sự đóng góp của những người trợ giúp và các thành viên của nhóm, dù đôi khi ít được đề ý, chưa bao giờ bị xem nhẹ. Trong chương 3 chúng tôi đã đưa ra những điển hình khác, vì vậy ở đây chúng tôi nhấn mạnh đến Bê-rít-sin và A-qui-la có lẽ họ có các ân tứ giúp đỡ, tiếp khách, và chắc chắn nhất là dạy dỗ và khích lệ (Công vụ 18:2-3, 26; 1 Cô 16:19). Họ đã làm công việc truyền giáo nhưng cũng có khả năng hợp tác với những người khác (Công vụ 18:26-27). Phao Lô gọi họ là “những người cùng làm việc với tôi trong Đấng Christ” (Rô 16:3). Việc Bê-rít-sin, người vợ, được nêu tên trước, là nhấn mạnh đến sự đóng góp tích cực

⁴ Ba-na-ba cũng có ân tứ sứ đồ (Công vụ 14:14). Mặc dù lúc đầu ông là người đặt nền móng tại Síp, quê hương ông, nhưng sau đó ông quay lại để củng cố công việc ở đó và tiếp tục công việc cùng với Giảng Mác (Công vụ 15:39).

của bà ta. Bà và A-qui-la là những cộng sự đáng giá và linh động tại Cô-rinh-tô (Công vụ 18:22-26), Ê-phê-sô (1 Cô 16:19) và sau đó là Rô ma (Rô 16:3). Trong Rô ma 16 Phao Lô chào thăm một số người đã giúp đỡ ông trong chức vụ. Tầm quan trọng của họ có thể được thấy qua những lời mô tả của ông như: “chấp sự của Hội Thánh” (câu 1), “người cùng làm việc” (câu 3, 9), “người bạn thân mến” (câu 5, 9), “người nổi bật trong số các sứ đồ” (câu 7), “người được tiếp nhận trong Đấng Christ” (câu 10), những người làm việc vất vả (câu 6,12), và “mẹ của tôi” (câu 13).

Ân Tứ Hỗn Hợp Cho Việc Mở Mang Hội Thánh

Các ân tứ theo từng loại trong bảng 15.2 phải có trong nhóm mở mang Hội Thánh. Những ân tứ về truyền giáo, giảng dạy, lãnh đạo hay quản trị, và giáo sĩ (sứ đồ) phải có để tiến hành một dự án ở đô thị hoặc xuyên văn hóa (Sawatsky 1991). Trong chương tiếp theo chúng ta sẽ xem xét nhiều hơn về ân tứ hỗn hợp mà một nhóm mở mang Hội Thánh có thể cần đến. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không hạn chế theo một công thức nhất định. Ngài có thể ban thêm các ân tứ, những thành viên mới của nhóm, hoặc đẩy lên những lãnh đạo trong nước với những ân tứ cần thiết. Đức Chúa Trời sử dụng nhiều loại người mở mang Hội Thánh làm việc thông qua Đức Thánh Linh: những nhân sự chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp, những người khai phá và những người cùng cố, những lãnh đạo mạnh mẽ và những người giúp đỡ khiêm nhường. Henry Blackaby cũng đồng tình: “Đây là lúc phó thác những người của Đức Chúa Trời để Đức Thánh Linh hướng dẫn họ và khích lệ họ làm những điều mà họ đã làm trong Tân ước: công bố Tin lành của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi người mà Ngài sai phái họ và ở mọi nơi mà Ngài hướng dẫn họ; tin cậy và trông đợi Đức Chúa Trời lôi kéo những người được cứu lại với nhau hình thành nên những Hội Thánh mới.”⁵

Trận Chiến Thuộc Linh

Mở mang Hội Thánh không phải là một công việc kinh doanh, cũng không phải là một nghề nghiệp. Những người mở mang Hội Thánh có thể được so sánh như những đội quân tiên phong trong một trận chiến thuộc linh đang chiến đấu để giành lại lãnh thổ cho vị vua của họ. Chúa Giê-xu bảo đảm với họ rằng Sa tan cũng như thế gian không thể nào ngăn trở được (Mat 16:18-19; 1 Giăng 4:4). Những người mở mang Hội Thánh cố gắng để giải thoát những người bị cầm tù thông qua Phúc âm (Giăng 8:32) hầu cho họ được chuyển từ vương quốc của sự tối tăm sang vương quốc của Chúa và Cứu Chúa Giê-xu Christ của chúng ta (Côl 1:13). Họ phải học tập để biết được những đòn lủy của Sa tan và nương cậy vào quyền năng và vũ khí của Đức Chúa Trời để đánh bại chúng (Êph 6:10-20). Cần có khả năng thông giải được ban cho bởi Thánh Linh để làm lộ rõ và chống lại sự lừa dối của nó. Những người mở mang Hội Thánh phải tính giá và làm việc một cách chăm chỉ, chiến đấu trong sự cầu nguyện như Ê-pháp-ra đã làm (Côl 4:12). Cuộc chiến rất cam go và lâu dài, và những ai đang ở trong cuộc chiến này phải biết cách sử dụng vũ khí thuộc linh, bước đi trong *Đấng Christ*, chiến đấu trong quyền năng của *Ngài*, sử dụng các nguồn tài nguyên của *Ngài* để hoàn thành ý muốn của *Ngài*. Những người đã trải qua cuộc chiến thuộc linh và kinh nghiệm sự chiến thắng bóng tối sẽ trở nên cảnh giác hơn và tinh thông hơn trong việc đối phó với những mánh khéo xảo quyệt và gian trá của Sa tan. Họ biết cách dự đoán chiến lược của nó cũng như sự lừa dối của nó. Những người mở mang Hội Thánh cũng phải tiếp tục giúp đỡ những người khác thoát khỏi xiềng xích thuộc linh và tìm được sự tự do trong Đấng Christ. Một nhược điểm phổ biến của người phương Tây là thế giới quan mang tính chủ nghĩa duy vật. Họ tin có Sa tan và những ảnh hưởng của ma quỷ nhưng hành động như thể chỉ có sự thuyết phục về mặt lý trí và tình bạn sẽ đem mọi người đến với Đấng Christ. Họ không biết cách đối phó

⁵ Trang web của Ủy Ban Truyền Giáo Bắc Mỹ: www.churchplantingvillage.net/site/c.iiJTKZPEpH/b.886067/ (ngày 10 tháng 3 năm 2009).

hoặc hồi phục từ những sự tấn công thuộc linh. Sau đây là một số tình huống mà những người mở mang Hội Thánh cần phải chuẩn bị để đối phó:

- Giúp các tín hữu hiểu và bước đi theo đặc điểm của họ trong Đấng Christ.
- Kết hợp sự tự do trong Đấng Christ và sự biến đổi thế giới quan vào quá trình môn đồ hóa (xin xem phần “Những vấn đề đặc biệt trong việc môn đồ hóa” của chương 11).
- Tìm hiểu nguồn gốc của các thói quen có hại và giúp mọi người thoát khỏi chúng.
- Đánh giá những ảnh hưởng và thói quen thuộc linh của một người.
- Có kế hoạch để giúp những người tìm kiếm đang bị ma quỷ hành hạ hoặc bị quỷ ám

Một vài tài liệu đọc thêm được đề nghị trong phụ chú 15.3 ở cuối chương này. Tuy nhiên, nếu chỉ đọc thôi thì không thể học được cách hành động một cách khôn ngoan và quyết đoán trong những tình huống này. Tìm kiếm sự giúp đỡ của những người có kinh nghiệm và những người có ân tứ về nhận thức là một cách chuẩn bị tốt nhất. Cũng như sẽ tốt hơn khi đối phó với những trường hợp bị quỷ ám cùng với một nhóm cầu nguyện.

Đời Sống Tình Cảm Của Người Mở Mang Hội Thánh

Những Khó Khăn Thường Gặp

Elmer Towns gọi việc mở mang Hội Thánh trong thế giới hiện đại là “bắt đầu một Hội Thánh trong sự đương đầu với những trở ngại không khắc phục được cùng với những nguồn lực hạn chế trong những hoàn cảnh khó khăn” (trích trong Klippenes 2003, 13). Làm thế nào bạn chuẩn bị về những điều không thể biết được? Leslie Andrews liệt kê một số nguyên nhân gây căng thẳng rất thực tế đối với các giáo sĩ: “Trong số những điều này là những điều như việc sống trong một nền văn hóa khác và giao tiếp trong một ngôn ngữ thứ hai; sự cách biệt về mặt xã hội và địa lý; sự bất ổn về chính trị; giao tiếp và xung đột với những cộng sự, bạn bè và gia đình; các nghĩa vụ về công việc; sự hạn chế về thời gian và nguồn lực” (trích trong Eenigenburg 2008, 423).

Nhiều yếu tố góp phần làm cho các giáo sĩ căng thẳng và kiệt sức (Taylor 1997; Foyle 1987), và nó vượt quá khuôn khổ của sách này không thể khảo sát hết. Hầu hết đều thuộc một trong những phân loại sau: (1) sự gia tăng những hoàn cảnh mới và những sự thay đổi, (2) thiếu các nguồn lực và những người giúp đỡ, (3) mất các hệ thống hỗ trợ, (4) những khó khăn thường có trong việc bắt đầu một Hội Thánh mới, (5) sự chống đối hoặc không được công nhận. Về một số phương diện thì việc mở mang Hội Thánh giống như việc bắt đầu một công việc kinh doanh nhỏ với một số người tình nguyện khi sự phân tích thị trường cho thấy hầu hết mọi người đều không quan tâm đến sản phẩm của bạn. Những người mở mang Hội Thánh thường cảm thấy giống như những người khách không được mời và thường bị hiểu lầm bởi những người mà họ cố gắng tiếp cận. Cuối cùng, sự thay đổi vai trò là thực chất của việc mở mang Hội Thánh (Steffen 1997), và những người mở mang Hội Thánh phải là những người hoạch định, người phát triển, người quản lý, người lãnh đạo, người huấn luyện bất kể khuynh hướng tự nhiên của họ như thế nào. Vì tất cả những lý do này và những lý do khác nữa, mở mang Hội Thánh là một công việc phức tạp, có yêu cầu cao nhưng rất đáng giá và đòi hỏi sự khôn ngoan, sự chịu đựng và sự kiên cường.

Sự Kiên Cường Về Mặt Tình Cảm

Khi những người mở mang Hội Thánh chuyển đến một nơi mới, thì họ rời bỏ nhiều thứ như Hội Thánh, gia đình, và những hệ thống hỗ trợ về mặt tình cảm khác. Một trong những phẩm chất đối với việc mở mang Hội Thánh là sự kiên cường về mặt tình cảm (Ridley 1988) – khả năng cân bằng về mặt cảm xúc và thể chất trong hoàn cảnh thoái lui, mất mát, thất vọng và thất bại. Những người kiên cường về mặt cảm xúc có khả năng thích nghi và sẵn sàng chấp nhận sự thay đổi. Họ điều chỉnh theo những thách thức và sự thay đổi nhanh chóng của môi trường. Khi có sự chống đối và khó khăn xuất hiện, họ không bị ngã gục nhưng bật dậy

từ những hoàn cảnh khó khăn nhất để tiến tới bằng sức mạnh bên trong. Họ có những giây phút chán nản nhưng là những người nhịn nhục và là những đầy tớ không bị khuất phục của thập tự.

Tự Quản Trị

Những người mở mang Hội Thánh thường thiếu cơ cấu bên ngoài và sự giám sát mà các mục sư có. Thịnh thoảng họ có một nhóm tương đương với ban chấp sự Hội Thánh để trông coi và hướng dẫn họ. Có nhiều công việc bên ngoài với thời gian làm việc bất thường hoặc những trách nhiệm được xác định rõ. Kết quả là, một số người phải chiến đấu để sử dụng thời gian của họ và các nguồn lực một cách có hiệu quả. Đôi khi họ thiếu quả quyết hoặc chần chừ và có khuynh hướng muốn ngồi nghỉ ở nhà hoặc văn phòng thay vì đi ra những nơi công cộng gặp gỡ những người mới và chia sẻ về Đấng Christ.

Công tác mở mang Hội Thánh liên quan đến cả việc phát triển dự án và phát triển con người. Đó là một công việc khó khăn và phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, sự tập trung và kỷ luật để thực hiện nhiệm vụ. Những người mở mang Hội Thánh cũng cần có mục tiêu rõ ràng và sự tự chủ nếu họ muốn thấy bất kỳ tiến bộ nào. Trước khi bắt đầu công việc đầu tiên họ phải chứng tỏ khả năng quản lý có hiệu quả thời gian, gia đình và các nguồn lực tại nhà của họ. Chúa Giê-xu hướng về Giê-ru-sa-lem và không bao giờ quên lý do mà Ngài đã đến. Đối với một số người đi theo sự hướng dẫn của Ngài trong khía cạnh này có thể là hoàn toàn do bản năng, nhưng đối với đa số thì đó là một hành vi cần học hỏi. Tự quản trị đòi hỏi một sự đánh giá thực tế về những ưu điểm và những hạn chế và sự tích lũy những thói quen lành mạnh và những ranh giới để tiếp tục hướng đến mục tiêu. Thói quen lành mạnh đầu tiên là kỷ luật trong sự cầu nguyện.

Đời Sống Hôn Nhân Và Gia Đình

Tại Hoa kỳ có khoảng một nửa các cuộc hôn nhân chấm dứt trong sự ly hôn.⁶ Hôn nhân lệ thuộc vào những áp lực dữ dội trong một xã hội nghiêng về sự thỏa mãn tức thời. Bất kỳ một cuộc hôn nhân Cơ đốc nào cũng sẽ trải qua những thời kỳ căng thẳng gia tăng, nhưng trong công tác mở mang Hội Thánh có một số ít các nguyên nhân gây căng thẳng khốc liệt. Khi công tác mở mang Hội Thánh tiến bộ qua những giai đoạn khác nhau, thì đời sống hôn nhân và gia đình của người mở mang Hội Thánh sẽ chịu thử thách trong nhiều phương diện khác nhau, đặc biệt là trong những năm đầu tiên của chức vụ.

Căng Thẳng Từ Những Thay Đổi Ban Đầu

Công tác mở mang Hội Thánh thường đòi hỏi phải thay đổi chỗ ở và vượt qua hàng rào văn hóa để tiếp cận những người từ một nền văn hóa khác. *Cú sốc văn hóa* được định nghĩa là “một hội chứng phản ứng và điều chỉnh gây ra bởi vô số căng thẳng về lý trí, hành vi, cảm xúc và tâm lý của một người hiện đang chuyên đến một nền văn hóa không quen thuộc và được đặc trưng bởi nhiều trạng thái tâm lý khác nhau” (Befus 1988, 387). Nói một cách đơn giản, đó là một sản phẩm của những căng thẳng tích lũy lại do sự thay đổi từ một nền văn hóa quen thuộc sang một nền văn hóa xa lạ mà thiếu cơ cấu hỗ trợ. Những người ở trong sự chuyển đổi về văn hóa trải qua bốn giai đoạn: giai đoạn trắng mắt, giai đoạn khủng hoảng, giai đoạn phục hồi và giai đoạn thích nghi về văn hóa (Oberger 1960).⁷ Bài học thực tế 15.1 minh họa giai đoạn khủng hoảng.

⁶ Dựa theo thông tin của Cục Thống Kê năm 2005. Cục Thống Kê ước tính sự khác biệt giữa 43 và 50%.

⁷ Cú sốc văn hóa là bình thường nhưng những đánh giá về khả năng thích nghi với văn hóa có thể được sử dụng để phát hiện nguy cơ quá mức. Bảng Đánh Giá Khả Năng Thích Nghi Về Văn Hóa đo lường bốn lĩnh vực: tính sắc bén về nhận thức, sự kiên cường về mặt cảm xúc, sự linh động/cởi mở, và sự tự chủ cá nhân. Nói chung nó

Những thay đổi này, đến cùng một lúc, thúc đẩy tiến trình thích nghi nhưng có thể làm căng thẳng làm quan hệ hôn nhân. Những người chồng và những người vợ kinh nghiệm về công tác mở mang Hội Thánh rất khác nhau. Thường thì vai trò của người chồng được xác định rõ ràng bởi vì toàn bộ quá trình lựa chọn và chuẩn bị chủ yếu tập trung vào những ân tứ và sự huấn luyện của *anh ta*. Nếu vai trò của người vợ không được xác định rõ ràng hoặc xem trọng thì cô ta sẽ phải tranh chiến nhiều hơn với những căng thẳng liên quan đến vai trò của mình. Người chồng hài lòng hơn khi bắt đầu các hoạt động mở mang Hội Thánh, trong khi người vợ phải ở nhà với các con, không có nhiều thời gian dành cho những việc khác. Mặt khác, trong một số trường hợp thì người vợ học hỏi ngôn ngữ nhanh hơn và tạo lập các mối

.....
 Bài học thực tế 15.1

Căng Thẳng Gia Tăng Trong Hôn Nhân

Vợ của một người mở mang Hội Thánh mô tả một ngày đặc biệt khó khăn trong mùa đông đầu tiên của cô ta tại Quebec như sau: “Có một trận bão tuyết kinh khủng trên đường về nhà. Tôi khó có thể nhìn qua kính chắn gió. Tất cả các bảng hiệu chỉ đường đều bằng tiếng Pháp. Rồi tôi để ý thấy những bong bóng xanh đỏ của một xe cảnh sát phía sau tôi. Tôi tập xe vô lễ đường. Anh ta nói điều gì đó. Tôi nghĩ rằng anh ta muốn xem giấy đăng kí và bằng lái xe của tôi. Anh ta tiếp tục lặp lại điều gì đó và chỉ tay về phía sau chiếc xe. Tôi bước ra khỏi xe và nhìn – tôi thấy nó vẫn ổn! Tôi không biết anh ta nói gì và nước mắt bắt đầu rơi xuống. Anh ta viết điều gì đó vào một mảnh giấy và để tôi đi. Tôi vừa lái xe về nhà vừa khóc và run một cách không kiểm soát được. Tôi cảm thấy giống như một đứa trẻ vô ích. Tôi không thể hiểu được những điều đơn giản nhất. Khi tôi vào đến nhà, chồng tôi đọc lời ghi chú nói rằng đèn đuôi xe của tôi đã cháy và nó cần phải được sửa trong vòng một số ngày nhất định. Tôi cảm thấy khó chịu. Tôi muốn quay lại Florida. Tôi ghét ở đây. Tôi nhớ những người bạn của mình. Tôi nhớ công việc . . . Tôi đã khóc nhiều đêm suốt mùa đông dài lạnh lẽo. Tôi cố gắng chia sẻ cảm nghĩ của mình với chồng. Nhưng anh ta không kinh nghiệm những khó khăn tương tự; anh ta có công việc của mình, ngôn ngữ, những người cộng sự và chúng tôi. Một lần anh đã nói, ‘Ít ra là em không ở tại châu Phi.’ Tôi cảm thấy mình giống như một đứa bé” (Willson 1996a, 18-20).

.....
 quan hệ tự nhiên hơn, đặc biệt khi cô ta là người thiên về quan hệ. Khi người phối ngẫu có những nhu cầu và nhận thức khác biệt như vậy thì rất khó duy trì sự hòa hợp trong hôn nhân. Và như đã thấy trong minh họa từ bài học thực tế 15.1, có sự căng thẳng hôn nhân tăng thêm khi những người phối ngẫu bước vào giai đoạn thích nghi không đồng bộ với nhau.

Thiếu Ranh Giới Giữa Gia Đình Và Mục Vụ

Một khó khăn khác là “ảnh hưởng chậu cá”, khi hoạt động hằng ngày bị dòm ngó bởi những người xung quanh và mất đi cảm giác riêng tư. Những người phương Tây làm việc trong bối cảnh các bộ tộc đặc biệt gặp khó khăn trong vấn đề này, bởi vì những người sống tập thể trong một gia đình lớn không đánh giá cao được nhu cầu riêng tư của họ. Đôi khi thật khó để chấp nhận sự xét nét con cái của một người nào đó. Phản ứng tự nhiên là kéo vào một nơi riêng tư kín đáo hơn, nhưng cha mẹ nhận thấy tầm quan trọng về gương mẫu và bằng chứng như một gia đình của họ và muốn phát triển những mối quan hệ mới. Họ biết rằng sự

được sử dụng *trước khi* bắt đầu mục vụ xuyên văn hóa. Dù không nhất thiết phải đoán trước, nhưng nó có thể được sử dụng để biết được phản ứng của mọi người trong những tình huống căng thẳng.

hiếu khách và mục vụ dựa trên nền tảng gia đình là quan trọng trong công tác mở mang Hội Thánh. Sự căng thẳng không dễ dàng giải tỏa.

Sự thiếu ranh giới cũng bộc lộ ở những phương diện khác. Nếu không có một văn phòng, thì những người mở mang Hội Thánh phải biết cách làm việc trong nhà. Trẻ em có thể chơi trong buổi nhóm sáng Chúa nhật nếu Hội Thánh nhóm lại tại nhà các nhân sự. Vấn đề ranh giới dường như chỉ gia tăng khi mục vụ phát triển. Thời gian dành cho gia đình có thể trở thành hàng xa xỉ phẩm khi công việc huấn luyện các môn đồ và các lãnh đạo được cộng thêm vào công tác truyền giáo và hình thành cộng đồng. Những gia đình mạnh mẽ sẽ chấp nhận nhu cầu của họ về “thời gian nghỉ” và thiết lập thói quen dành một ngày nghỉ cho gia đình.

Những người làm các nghề (như giáo sư, bác sĩ, nhân viên xã hội và mục sư) giải quyết các khủng hoảng, tư vấn gia đình, và chăm sóc trong phòng cấp cứu có mức độ căng thẳng và lo lắng đặc biệt cao (Hart 1999). Những người mở mang Hội Thánh chăm sóc những người đang gặp khủng hoảng, những người thiếu thốn, những gia đình đang bị tổn thương và những cặp vợ chồng đang đứng trên bờ vực ly hôn thuộc vào loại này. Họ có thể đương đầu với những điều này mà không có sự chuẩn bị hoặc được huấn luyện nhiều về những vấn đề đó. Thông thường họ trông đợi sự can thiệp của Đức Chúa Trời, nhưng sự tham gia của họ có thể giúp tránh được sự mất mát cho cá nhân và gia đình của người đó. Mặc dù những trường hợp khẩn cấp thì không thể dự đoán hoặc không kiểm soát được, nhưng các nhân sự có thể học cách quản lý đời sống và lịch làm việc của họ như các chuyên gia đã làm.

Các ranh giới cũng cần thiết trong lĩnh vực tài chính. Sẽ rất khó xử khi có sự cách biệt về kinh tế giữa lối sống của giáo sĩ và cộng đồng nói chung. Có nhiều yêu cầu giúp đỡ tài chính từ cả các tín hữu thiếu thốn và những người trong cộng đồng. Người mở mang Hội Thánh sẽ làm gì khi nhiều người mất việc làm và cần giúp đỡ, hoặc khi một cặp vợ chồng muốn mượn tiền vì họ không đủ tiền mua thuốc cho con? Đây là ranh giới? Để đối phó với những áp lực như vậy, thì gia đình mở mang Hội Thánh phải biết cách đặt ra những ranh giới hợp lý trong bốn lĩnh vực:

Không gian – Nhà cửa sẽ được sử dụng cho mục vụ như thế nào? Đây là phần sẽ hạn chế những người ngoài?

Thời gian – Những buổi tối nào sẽ dành cho nhóm họp và thăm viếng, và những buổi nào dành riêng cho gia đình? Ngày nào là ngày nghỉ dành riêng cho gia đình?

Các mối quan hệ – Người phối ngẫu sẽ kết bạn như thế nào? Các con nhỏ có những bạn bè tin Chúa không? Có thể thổ lộ những nan đề trong mục vụ với người nào? Làm thế nào để các con cái tránh được “sự xét nét”?

Các nguồn lực – Có dùng tài chính gia đình để giúp đỡ nhu cầu của Hội Thánh không, và nếu có thì với điều kiện nào? Những thành viên trong gia đình có sẵn lòng chia sẻ xe hơi và những tài sản cá nhân của họ không?

Những cặp vợ chồng mới mẹ trong công tác mở mang Hội Thánh cần tìm kiếm ý muốn của Chúa và cần tham khảo ý kiến của những đồng sự có kinh nghiệm để hướng dẫn họ vượt qua những thử thách này. Những câu hỏi sau đây có thể được sử dụng như một sự hướng dẫn thảo luận:

1. Những hình thức giao tiếp của chúng ta lành mạnh như thế nào? Chúng ta có khả năng thực hiện sự lắng nghe, cùng giải quyết nan đề, và giải quyết các xung đột mà không làm tổn thương nhau không?
2. Chúng ta có đặt ra ranh giới để bảo vệ hôn nhân và gia đình của mình không?
3. Chúng ta có dành thời gian đều đặn để nghỉ ngơi và vui vẻ với nhau không?
4. Chúng ta có nhận được sự giúp đỡ cần thiết không (sự cầu nguyện, tình bạn, cố vấn)?
5. Cả hai chúng ta có sẵn lòng hy sinh không?
6. Chúng ta có vui vẻ làm việc với nhau như đồng đội trong mục vụ không?

7. Chúng ta có chuẩn bị cho cuộc chiến thuộc linh không?
8. Chúng ta có xem xét các giải pháp về việc học hành cho con cái và đi đến sự nhất trí không?
9. Chúng ta làm gì để nuôi dưỡng đời sống thuộc linh và tình bạn Cơ đốc cho con cái?

Phụ Nữ Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Phụ nữ là một bộ phận quan trọng trong lực lượng những người mở mang Hội Thánh, bất kể là người độc thân hay cũng làm việc với chồng. Họ cũng đối diện một số thử thách. Một vài hệ thống tôn giáo, đặc biệt trong văn hóa của người Hồi giáo và các bộ tộc, có những hình thức thờ phượng và tập tục riêng cho phụ nữ nghiêm cấm sự giao tiếp giữa những người khác phái. Phao Lô đã làm việc với sự giúp đỡ của những người phụ nữ như là Bê-rít-sin (Công vụ 18-19), Ê-vô-đi và Sin-ty-cơ (Phil 4), những nhân sự địa phương như Ly-di (Công vụ 16), Nim-pha (Côl 4:15), Phê-bê và những người khác (Rô 16) trong một thời đại mà phụ nữ hiếm khi được giữ vị trí lãnh đạo (Meeks 1986, 23-24; Banks 1994, 124-25). Phụ nữ và nam giới có thể làm việc với nhau trong công tác mở mang Hội Thánh ngày nay, nhưng cũng phải đương đầu với một số khó khăn.

VAI TRÒ KHÔNG BÌNH ĐẲNG

Phụ nữ đôi khi được mong đợi đóng góp mà không có tiếng nói trong các quyết định của nhóm. Một phụ nữ mở mang Hội Thánh đã thay đổi cơ quan truyền giáo bởi vì với tư cách là một người nữ độc thân và là một chuyên viên y tế, cô ta có một mục vụ trọn vẹn nhưng không được biểu quyết trong cuộc họp của nhóm. Sự chán nản do không bình đẳng về vai trò càng trầm trọng hơn khi phụ nữ phục vụ trong một đất nước Hồi giáo, nơi mà vai trò ngoài xã hội của phụ nữ không được chấp nhận, hoặc trong những nền văn hóa mang tính gia trưởng và *trọng nam khinh nữ* nơi mà sự học vấn, sự thông minh và “tiếng nói” của người phụ nữ không được tôn trọng. Thậm chí khi phụ nữ được đối xử với sự kính trọng, họ cũng phải khá vất vả mới tìm được chỗ đứng trong bối cảnh mở mang Hội Thánh. Thường thì những căng thẳng này khởi đầu chỉ là những khó chịu nhỏ, nhưng nếu chúng không được giải quyết một cách công khai và êm đẹp thì có thể trở thành những vết thương trầm trọng.

NHỮNG KỶ VỌNG KHÔNG THỰC TẾ

Một số phụ nữ cảm thấy mình giống như một công dân hạng hai, một số khác phải khổ sở vì những kỳ vọng không thực tế khi họ phải xoay sở với con cái và gánh nặng mục vụ. Nếu phụ nữ là những cộng sự trọn thời gian trong công tác mở mang Hội Thánh thì tại sao họ không có được sự hỗ trợ và huấn luyện bình đẳng? Điều này có nghĩa là phải thảo luận trong nhóm về việc chăm sóc cho con cái và công tác của họ. Khi thăm viếng vợ của những người mở mang Hội Thánh, Linda Willson (2003) thường yêu cầu họ kê ra những vấn đề quan trọng và những thử thách mà họ đối diện. Có những vấn đề giống nhau thường lặp đi lặp lại, dù những người phụ nữ đó phục vụ ở những nước khác nhau (xem phụ chú 15.1).

Phụ chú 15.1

Những Thách Thức Hàng Đầu Đối Với Phụ Nữ Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh

1. Việc điều chỉnh đặc điểm và vai trò
2. Đối phó với sự cô đơn và chán nản
3. Xây dựng các mối liên hệ để truyền giáo
4. Tư vấn cho tín hữu bằng vốn trang bị ít ỏi
5. Huấn luyện các lãnh đạo trong Hội Thánh
6. Đương đầu với sự chênh lệch về tài chính và những kỳ vọng của người bản địa
7. Nuôi dạy con cái trong một nền văn hóa khác biệt
8. Tạo ra các ranh giới
9. Những luật lệ và những đòi hỏi của tổ chức
10. Những đòi hỏi và những hạn chế về giới tính

Nguồn: dựa theo Willson 2003, 362-66

Karol Downey (2005) gợi ý rằng cả nam và nữ đều được lợi ích khi nhận thức mục vụ theo nghĩa rộng là phục vụ Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực: gia đình, Hội Thánh và thế giới bên ngoài. Điều này sẽ giúp họ tìm thấy và duy trì sự cân bằng mà không phải vấp phạm. Các tổ chức truyền giáo cũng có thể góp phần bằng cách xác định rõ những kỳ vọng đối với phụ nữ, tạo ra những cơ hội mục vụ tùy theo ân tứ, công nhận những đóng góp to lớn của phụ nữ và cho phép những phụ nữ có kinh nghiệm tham gia vào việc chuẩn bị và những chuyến thăm viếng đến cánh đồng truyền giáo.

Khi phụ nữ được chấp nhận một cách hoàn toàn như là những cộng sự và được trao quyền để sử dụng những khả năng và ân tứ của họ trong công việc, thì ảnh hưởng của vương quốc sẽ được nhân lên: lực lượng giáo sĩ được tăng thêm; phụ nữ trong các nước Hồi giáo và Phật giáo được tiếp cận; các phụ nữ địa phương được môn đồ hóa và huấn luyện; chất lượng của các quyết định và mục vụ được tăng thêm nhờ những sáng kiến của phụ nữ; chức vụ tế lễ của mọi tín hữu được bày tỏ; và sẽ thu hút được mọi người khi họ thấy những phụ nữ được bình đẳng trong Đấng Christ (Zoba 2000). Phụ chú 15.3 ở cuối chương cho biết những tài liệu cần đọc thêm về đề tài này.

Những Người Mở Mang Hội Thánh Lương Nghiệp

Cụm từ *lương nghiệp* không phải đề cập đến phương pháp mở mang Hội Thánh mà là nói về cách thức mà một số giáo sĩ và những người mở mang Hội Thánh tự trang trải về tài chính. Những nhân sự lương nghiệp, đôi khi được gọi là *người may trại* hoặc *nhân sự có hai nghề*, có một nghề nghiệp hoặc công việc kinh doanh ngoài xã hội để chu cấp tài chính một phần hay toàn bộ cho công việc mở mang Hội Thánh của họ. Họ phải có khả năng trong cả hai vai trò, và phải quản lý chúng cùng với những trách nhiệm đối với gia đình. Trong chương 14 chúng ta đã khảo sát những bất lợi đối với việc nhân rộng Hội Thánh khi việc trả lương đầy đủ được xem là chuẩn mực, và trong chương 18 chúng ta sẽ đề cập đến một số “những cách thực hiện tốt nhất” liên quan đến vấn đề tài chính và mở mang Hội Thánh. Ở đây chúng tôi muốn xem xét một số lập luận về chức vụ lương nghiệp, xác định các thách thức và đưa ra một số đề nghị.

Một Hiện Tượng Ngày Càng Phổ Biến

Sứ đồ Phao Lô đã thật sự làm công việc của một người may trại trong một thời gian. Các giáo sĩ Moravian – lực lượng giáo sĩ mạnh nhất trong thời của họ – là những giáo sĩ lương nghiệp (Langton 1956; Ward 1992). Ngày nay may trại đã trở thành một nhân tố quan trọng trong hoạt động truyền giáo, đặc biệt là trong những nơi mà các giáo sĩ truyền thông không thể xin được visa nhập cảnh. Nó cũng được vận dụng bởi nhiều hiệp hội như là một chiến lược để thâm nhập các thành phố của Hoa kỳ và những vùng nông thôn.⁸ Trong công tác truyền giáo thế giới, có nhiều tài liệu liên quan đề cập đến vấn đề “may trại” và “doanh nghiệp truyền giáo” (BAM, một tổ chức có mục đích rộng hơn việc truyền giáo và mở mang Hội Thánh).⁹ Mạng Lưới Doanh Nhân Toàn Cầu (OPEN), được lãnh đạo bởi Patrick Lai, đã

⁸ Ví dụ, Ủy Ban Truyền Giáo Bắc Mỹ của Hội Thánh Báp Tít Nam Phương viết: “Chúng tôi đồng ý với tiến sĩ Henry T. Blackaby rằng việc trang bị và sai phái những nhân sự là chiến lược tốt nhất của chúng tôi để đem những người Bắc Mỹ về cho Đấng Christ: ‘Đây là lúc phò thác những người của Đức Chúa Trời về Đức Thánh Linh hướng dẫn họ và khích lệ họ làm những điều mà họ đã làm trong Tân ước. . . . Nếu “các nhân sự” nắm bắt được cách thức Đức Chúa Trời sử dụng họ trong việc mở mang Hội Thánh, thì thế giới sẽ đến nghe Tin lành của Đức Chúa Trời trong thế hệ của chúng ta!’” (www.churchplantingvillage.net/; truy cập ngày 5/2/2010).

⁹ “ ‘May trại’ chủ yếu đề cập đến cách làm của những của các Cơ đốc nhân tự trang trải tài chính bằng cách làm việc với tư cách là một người làm công hoặc tham gia vào công việc kinh doanh. Bằng cách đó họ có khả năng thực hiện các mục vụ mà không phụ thuộc vào những người tài trợ và không tạo nên gánh nặng cho những người mà họ phục vụ” (LOP 59, 2005). Tuy nhiên, BAM coi phát triển của các doanh nghiệp *tự bản thân nó* như là hoạt động truyền giáo – một phương tiện phát triển kinh tế và tạo ảnh hưởng về nước Trời rộng lớn hơn

kỷ niệm sinh nhật lần thứ 10 năm 2009. Theo Forman Justin thì OPEN có chừng hai trăm người may trại trên toàn thế giới làm việc trong vùng vĩ tuyến 10/40 (tính đến tháng 5/2009) và hoạt động để nâng cấp, phục vụ và thúc đẩy các doanh nhân và các nhân sự BAM toàn cầu, đặc biệt tại những nơi và các nhóm dân ít được biết đến hoặc hiểu biết không đúng đắn về Chúa Giê-xu.¹⁰

Công Tác Mở Mang Hội Thánh Với Các Nhóm Lương Nghiệp

Có nhiều quan điểm khác nhau về sự đáng ao ước hoặc tính khả thi của việc thực hiện công việc của nước Trời đồng thời với công việc kinh doanh “vì lợi nhuận”. Nhưng việc may trại hiếm khi bị nghi vấn trong công tác truyền giáo. Thực ra, làm thế nào có thể hy vọng những người mở mang Hội Thánh của địa phương trong những nước chưa được truyền bá Phúc âm làm việc lương nghiệp nếu những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa không có khả năng hoặc không muốn làm như vậy? “Chúng ta phải tránh nói rằng các mục sư và các giáo sĩ chuyên nghiệp là cách duy nhất hoặc tốt nhất để dắt đưa mọi người trên thế giới về với Đấng Christ” (Ott 1993, 287). Hoạt động của những người mở mang Hội Thánh không chuyên không loại bỏ những người được huấn luyện về mặt thần học và được trả lương, nhưng chuyển họ thành những người xúc tác, những người làm công tác trang bị và là những người bảo vệ đức tin của các phong trào mở mang Hội Thánh (Garrison 2004a).¹¹ Trong phụ chú 15.2 chúng tôi tổng hợp một số lập luận hỗ trợ các nhóm lương nghiệp trong công tác mở mang Hội Thánh (xin xem thêm Garrison 2004a, 189-91).

Các trường Kinh Thánh và các chủng viện thần học sẽ không cung cấp đủ nhân sự để hoàn thành Đại Mạng Lệnh hoặc để duy trì các phong trào mở mang Hội Thánh. Chỉ có những Hội Thánh địa phương có khả năng sinh sản mới có thể cung cấp những người đó. Để thực hiện việc nhân rộng, chúng ta cần những hình thức mới về sự cộng tác có hiệu quả giữa các nhóm nhân sự không chuyên và những nhân sự trọn thời gian được huấn luyện là những người có vai trò trang bị.

Một cuộc khảo sát và nghiên cứu đã được tiến hành trên 450 nhân sự lương nghiệp từ chín quốc gia khác nhau thuộc nhiều tổ chức và hệ phái trong thời gian sáu năm. Điều quan trọng là mặc dù hầu hết các nhân sự được khảo sát là những người lương nghiệp *theo nhu cầu* – họ không thể đến địa điểm công tác với một visa hoạt động tôn giáo – nhưng hai phần ba những người tập sự cũng thấy được *những lợi ích thực tế* (Patrick 2007). Để có được đầy đủ những lợi ích đó, chúng ta cũng phải hiểu và đáp ứng một số những thay đổi về đời sống và những động lực mục vụ mà những người may trại phải đối diện.

Những Thách Thức Đặc Biệt

Stan Guthrie (2001, 84) nhận ra một số thách thức đặc biệt của việc may trại dựa trên những cố gắng đầu tiên của mục vụ may trại như sau:

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, “viên đạn thần” của công tác truyền giáo này thường không nổ, đôi khi đụng vào chân của những người hỗ trợ. Giữa những bức thư cường điệu, số lượng những người quan sát sắc sảo trong các Hội Thánh và những tổ

công tác truyền giáo và mở mang Hội Thánh. “Doanh nghiệp truyền giáo là những doanh nghiệp có mục đích lợi nhuận đồng thời chú trọng đến vương quốc” (sách đã dẫn). Các tài liệu về BAM có thể hữu ích đối với những người mở mang Hội Thánh theo kiểu may trại. Sách và các tài liệu huấn luyện về BAM ngày được cung cấp càng nhiều trong thế kỷ hai mươi mốt – ví dụ, Rundle và Steffen 2003; Lai 2005; Baer 2006; Steffen và Barnett 2006; Jonhson và Rundle 2010.

¹⁰ Justin Forman, “OPEN Network Conferences Come to Pennsylvania + Oregon,” www.businessmissionnetwork.com/2009/09/open-network-conferences-com-to-html (truy cập ngày 5/2/2010).

¹¹ Các viện thần học bây giờ có thể chú trọng vào việc đào tạo những người lãnh đạo của những người lãnh đạo, những nhà thần học, và những người trang bị. Xin xem Gupta và Lingenfelter 2006, 1-24.

chức truyền giáo đã để ý đến những người may trại hải ngoại đắm chìm trong tội lỗi bởi vì đặc điểm lưỡng cực của họ, hoặc trở về nhà trong sự thất bại bởi vì thiếu sự huấn luyện về thuộc linh và mục vụ xuyên văn hóa, hoặc không có khả năng cân bằng những yêu cầu của công việc thế tục và mục vụ thuộc linh của họ.

Steven Rundle, một giáo sư kinh tế học, thấy rằng những khiếm khuyết trong làn sóng may trại đầu tiên thuộc một trong ba loại sau: (1) thiếu sự huấn luyện về Kinh Thánh, thần học và công tác truyền giáo xuyên văn hóa dẫn đến thiếu khả năng về mục vụ, (2) sự không rõ ràng về vai trò và sự căng thẳng giữa hai công việc tạo ra sự tranh chiến về đặc điểm và sự toàn hảo (vì vậy được gán cho nhãn hiệu “những người may trại tâm thần phân liệt”), (3) không tạo ra lợi nhuận trong kinh doanh làm ảnh hưởng đến cả công việc kinh doanh và mục vụ (Rundle 2000).

PHỤC VỤ QUÁ NHIỀU CHỦ

Mối quan tâm hàng đầu là làm thế nào quản lý có hiệu quả cả hai công việc chính – cộng thêm đời sống hôn nhân và gia đình – cùng với vô số kỳ vọng đi đôi với chúng. Nhu cầu về ngày nghỉ cuối tuần và những ranh giới giữa công việc và gia đình có thể trở nên quan trọng

Phụ chú 15.2

Những Người Mở Mang Hội Thánh Lưỡng Nghiệp

Nền tảng thần học. Việc mở mang Hội Thánh lưỡng nghiệp dựa trên các giáo lý về chức vụ tế lễ, mục vụ và ân tứ của mọi tín hữu và đã được đề cập đến trong Tân ước. Các phong trào động viên nhân sự thúc đẩy Đại Mạng Lịnh và cho phép các mục sư quay lại với vai trò trang bị đã được đề cập trong Ê-phê-sô 4:11-13.

Tiền lệ lịch sử. Đây là cách làm của Hội Thánh đầu tiên.

Trong những ngày đầu tiên đức tin được lan truyền cách tự phát bởi những người truyền giáo không chính thức, và hấp dẫn những tầng lớp lao động. . . . Không có sự phân biệt trong Hội Thánh đầu tiên giữa các mục sư trọn thời gian và các nhân sự trong trách nhiệm truyền bá Phúc âm bằng mọi phương tiện có thể. . . Mọi Cơ đốc nhân đều được kêu gọi trở thành chứng nhân cho Đấng Christ, không chỉ bằng đời sống mà còn bằng môi miệng. (Green 1970, 175).

Nếu có hàng giáo phẩm đã được thiết lập trong thế kỷ đầu tiên và sự bành trướng của Phúc âm được giao phó cho những người này, thì Cơ đốc giáo có lẽ không thể bành trướng như vốn có (sách đã dẫn, 166-93).

Bối cảnh trang bị. Bối cảnh mục vụ tại địa phương là cơ sở huấn luyện tốt nhất cho những nhân sự ở tiền tuyến như những nhà truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Sherwood Lingenfelter, một giáo sư đồng thời là giám học của một chủng viện, kết luận (cùng với Paul R. Gupta):

Việc đào tạo chính qui ít phù hợp và không thể trang bị một cách có hiệu quả cho những nhà truyền giáo, những người mở mang Hội Thánh và những người lãnh đạo kiểu sứ đồ. Chúng ta bị giới hạn vì cùng một lý do như chúng ta không thể huấn luyện những người thợ mộc, thợ nề và kỹ thuật viên máy bay thông qua đào tạo chính qui. Các kỹ năng và công việc. . . chỉ có thể được hiểu và nắm vững thông qua thực hành, qua kinh nghiệm học hỏi. (Gupta và Lingenfelter 2006, 23)

Các Hội Thánh phải có trách nhiệm chính trong việc chuẩn bị các nhân sự mới thông qua việc huấn luyện tại Hội Thánh kết hợp với những hình thức học hỏi chính quy và không chính quy khác.

Có liên quan hơn. Ở một mức độ nào đó thì hàng giáo phẩm khác biệt với các thành viên của hội chúng bởi sự đào tạo và vị trí của họ. Trong khi điều này có thể tạo thuận lợi cho sự lãnh đạo và mục vụ của họ trong Hội Thánh, nhưng nó thường tạo ra khoảng cách giữa họ và những người bên ngoài. Những nhân sự lương nghiệp hòa đồng tốt hơn với mọi người, nói bằng ngôn ngữ của trái tim, sống hòa nhập, có tinh thần hiếu khách hơn, và làm chứng một cách tích cực thông qua lời nói và việc làm (Patrick 2007, 171-73). Trong công việc thể tục của họ, họ sống cùng với những người mà họ cố gắng tiếp cận, nhờ đó Phúc âm mang tính tự nhiên và hội nhập với đời sống nhiều hơn.

Khả năng kinh tế. Tại nhiều nơi thì các nguồn lực tài chính rất hạn chế không thể duy trì việc mở mang Hội Thánh bởi những nhân sự được trả lương. Thậm chí tại những vùng giàu có, ngân quỹ thường dành cho các mục sư và nhân viên của họ ưu tiên hơn những người truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Việc sử dụng những nhân sự cho phép động viên và huy động nhiều nhân sự địa phương hơn và tạo được ngân quỹ cho truyền giáo và mục vụ bên ngoài Hội Thánh địa phương.

.....
 hơn thậm chí khi chúng trở nên khó khăn hơn để có được. Sự căng thẳng về thời gian hầu như không thể tránh được; sự linh động, sự kiên cường và quản lý tốt về thời gian là những điều quan trọng để có thể tồn tại. Nhưng thách thức này không phải là không khắc phục được. Các nghiên cứu cho thấy rằng những nhân sự thành công trong việc ưu tiên những kỹ thuật thuộc linh thì có được hiệu quả trong công việc cao hơn (Patrick 2007, 171). Và cũng cần lưu ý rằng công việc tạo ra lợi nhuận có mục đích hai mặt, vì những người mở mang Hội Thánh phải tìm kiếm những không gian chung với những người không đi nhà thờ. Vai trò lương nghiệp tạo ra mạng lưới xã hội tự nhiên với nhiều người hơn, bao gồm cả những mối liên hệ để truyền giáo (Davies 1986; Patrick 2007). Hơn nữa, vì không có ranh giới rõ ràng giữa phần thánh và thể tục trong đời sống của những nhân sự lương nghiệp, nên sự kết nối có thể xảy ra theo hướng tự nhiên chứ không phải gượng ép, những cách giả tạo đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn nhưng kết quả ít hơn (Davies 1986, 96).

NHỮNG THÁCH THỨC VỀ QUAN ĐIỂM

Sự động viên có tác động ngược khi tình trạng lương nghiệp bị xem là hạng hai, hoặc khi sự tôn trọng và những hình thức hỗ trợ rõ ràng hơn hoặc sự công nhận không còn nữa. Ed Stetzer dẫn lời của một người mở mang Hội Thánh người Nhật về mục vụ lương nghiệp như sau: “Đừng bao giờ tìm một công việc thể tục để đáp ứng nhu cầu tài chính. Cá nhân tôi không tin mục vụ bán thời gian. Nếu một người không đủ tự tin rằng Chúa sẽ cung cấp mọi nhu cầu cho nhân sự, thì người đó không nên bước vào chức vụ” (Stetzer 2003a, 260). Những người may trại phải có khả năng hòa hợp, và đôi khi phải bảo vệ, sự kêu gọi của họ và triết lý phục vụ.

Không phải tất cả những người may trại đều thành công, một số phải tranh chiến với cảm giác tội lỗi, cảm thấy không đủ khả năng cho cả hai lĩnh vực kinh doanh và mở mang Hội Thánh. Douglas Davies cho rằng cảm giác về sự thiếu hụt là một phần trong sự tranh chiến về đặc điểm của một người lương nghiệp (1986, 100). Những người mở mang Hội Thánh lương nghiệp có thể phải khổ sở vì sự lo lắng về thành tích, luôn luôn cảm thấy họ không đạt được thành quả. Khi những người may trại thất bại trong công việc kinh doanh của họ, hoặc không coi trọng nó, thì họ đánh mất uy tín với tư cách là một chứng nhân Cơ đốc. “Những người sống ‘đồng hóa’ với những người ngang hàng của họ khó có thể thành công trong việc tương

tác với họ bởi vì họ không được tôn trọng hoặc không được hiểu” (Niles 2000, 306). Vì vậy, họ bị áp lực phải thành công trong cả mục vụ và trong việc kinh doanh! “Một công việc kinh doanh không thể duy trì như mong đợi sẽ tăng thêm gánh nặng cho gia đình cũng như mục vụ” (Rundle 2000, 294). Thách thức này cho thấy cần phải có những kỳ vọng thực tế. Khung thời gian cần thiết để mở một Hội Thánh phải xem xét đến những đòi hỏi đối với vai trò lưỡng nghiệp này.

Những Đề Nghị Đối Với Người Mở Mang Hội Thánh Lưỡng Nghiệp

NÂNG CAO SỰ LỰA CHỌN VÀ SỰ CHUẨN BỊ

Việc may trại không dành cho tất cả mọi người. Nó đòi hỏi một loại người nhất định – can đảm, có tính liên hệ, đa nhiệm, linh động, hiếu khách, kiên cường, và tinh thông về việc truyền giáo cá nhân và giao tiếp xuyên văn hóa. Mans Ramstad minh họa điều này như sau: “Chúng tôi biết những khó khăn liên quan đến việc đáp ứng những mục tiêu như vậy tại quốc gia ‘khó thâm nhập’ của chúng tôi. Chúng tôi phải chịu sự thẩm vấn của cảnh sát và luôn luôn cảm thấy áp lực về sự giám sát của cảnh sát. Nhưng những nguy hiểm và khó khăn không thể ngăn cản chúng tôi thực hiện việc truyền giáo mở mang Hội Thánh” (1996, 416). Đặc điểm của những người may trại, bao gồm cả những kỹ năng kinh doanh và những kỹ năng chuyên môn để kiếm tiền cũng như kỹ năng huấn luyện trong vai trò mở mang Hội Thánh. Những người may trại cũng phải làm việc một cách chuyên nghiệp, thích ứng với nghề nghiệp, và với một thái độ tích cực tại nơi làm việc, xem đó như là một phần của mục vụ chứ không phải chỉ là một phương tiện (Niles 2000). Một người huấn luyện làm việc với những người mở mang Hội Thánh lưỡng nghiệp tại một số nước khó thâm nhập ở châu Phi đã đưa vào chương trình huấn luyện của ông cách lập một kế hoạch kinh doanh khả thi.

CHỌN LỰA CÔNG VIỆC TẠO LỢI NHUẬN MỘT CÁCH CÂN THẶN

Đĩ nhiên, công việc thế tục chỉ tạo thuận lợi cho mục vụ nếu nó phù hợp và thuận lợi cho việc xây dựng các mối liên hệ cá nhân và việc mở mang Hội Thánh. Việc những người may trại tìm được một công việc chuyên môn tốt không nhất thiết đem lại kết quả trong việc mở mang Hội Thánh. Những nhân sự lưỡng nghiệp, giống như những Cơ đốc nhân khác, có thể bị mắc kẹt trong công việc chuyên môn của họ làm ảnh hưởng đến hoạt động mở mang Hội Thánh của họ. Patrick nhận xét “Chúng tôi phải thú nhận rằng những người may trại có thể quá chú trọng vào công việc đến nỗi không thể có hiệu quả. Động cơ của chúng ta phải hướng về Đức Chúa Trời chứ không phải vào chính mình” (2007, 170). Công việc kiếm tiền phải (1) là công việc có uy tín, (2) tạo thuận lợi để xây dựng các mối quan hệ, (3) phù hợp với cá nhân, (4) có thời gian dành cho mục vụ.

LÀM VIỆC THEO NHÓM VỚI MỤC ĐÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM RÕ RÀNG

Những người may trại sẽ có được sự khích lệ lớn hơn khi làm việc theo nhóm vì có thể chia sẻ trách nhiệm với nhau.¹² Mỗi thành viên có thể chuyên trách một mảng công việc mà mình có ân tứ hoặc được trang bị. Theo điều tra của Patrick, những người nào nằm trong các nhóm gồm có các thành viên đến từ nhiều hơn một nước sẽ hoạt động có hiệu quả hơn mặc dù có những khó khăn về vấn đề văn hóa và giao tiếp (Patrick 2007, 172).¹³ Những cuộc họp thường xuyên – một hoặc hai lần một tuần – cũng là một điều kiện để có kết quả (sách đã dẫn, 174). Các nhóm phải tạo ra những cách thức để chịu trách nhiệm lẫn nhau, bởi vì “những

¹² Chín mươi ba phần trăm những người được khảo sát đều làm việc theo nhóm (Patrick 2007, 172).

¹³ Những ý kiến ủng hộ và chống đối về nhóm đa văn hóa được đề cập trong chương 16.

người làm việc mà có một người nào đó có trách nhiệm với họ trong mục vụ ít nhất mỗi tháng một lần thì sẽ có hiệu quả hơn” (sách đã dẫn). Nhóm cũng phải có một mục đích và chiến lược chung rõ ràng để mọi thành viên của nhóm đóng góp. “Những nhân sự có một chiến lược rõ ràng về việc mở mang một Hội Thánh thì rất có hiệu quả, trong khi những người không có ... thì thường không có hiệu quả” (sách đã dẫn). Ramstad cũng bày tỏ sự đồng thuận như sau:

Thật khó hình dung bằng cách nào mà những người truyền giáo và mở mang Hội Thánh và những Cơ đốc nhân chúng ta có thể đồng thời làm công việc thế tục. Nhưng những người được sự hỗ trợ bởi một Hội Thánh tại quê nhà phải nhận thức rõ ràng về ba điều: 1) lý do họ đi ra hải ngoại; 2) họ sẽ làm gì để phục vụ cho mục đích truyền giáo và mở mang Hội Thánh; 3) họ sẽ làm như thế nào để hướng đến những mục tiêu đó. Có nhiều người may trại cần loại trách nhiệm này, nhưng những người khác thì không. (1996, 419-20)

THIẾT LẬP NHỮNG HỆ THỐNG HUẤN LUYỆN VÀ HỖ TRỢ LIÊN TỤC

Rõ ràng là việc công nhận và hỗ trợ về mặt đạo đức là những nhân tố quan trọng để duy trì công việc lương nghiệp. Christy Wilson (1997, 142) khuyên những người may trại “đừng giống như ‘những giáo sĩ tự do’ khắp thế giới” nhưng phải làm việc thông qua hoặc hiệp tác với những cơ quan truyền giáo có tiếng tăm. Những người như vậy thì thường gia nhập vào một nhóm mục vụ và nhận được những hướng dẫn, huấn luyện và sự hỗ trợ tổng thể khi họ đối diện với những trở ngại phía trước. Đừng bỏ qua việc huấn luyện về mục vụ xuyên văn hóa, bởi vì có một sự liên hệ tích cực giữa việc huấn luyện đó và tính hiệu quả trong việc mở mang Hội Thánh (Patrick 2007, 169). Mặc dù đa số những nhân sự lương nghiệp đều đã được huấn luyện ít nhiều (trường Kinh Thánh, chủng viện, các khóa học về truyền giáo hoặc những đợt công tác ngắn hạn), họ cần được tiếp tục huấn luyện khi ra cánh đồng – đặc biệt là đối với những ai làm việc với những người chưa tin Chúa trong Cửa Sổ 10/40 (Patrick 2007, 170). Việc huấn luyện này có thể không chính thức (tư vấn và huấn luyện) và không chính quy (giáo dục thần học mở rộng và hướng dẫn trên internet). Đáng mừng là có nhiều cơ quan giáo dục từ xa tạo thuận lợi cho việc giáo dục về thần học và mục vụ. Hơn nữa, những người may trại cần phải đặc biệt quan tâm về những cơ hội học tập và nâng cao kỹ năng cùng những hình thức liên kết khác.

CẦN CÓ SỰ NGHIÊN CỨU VÀ NỖ LỰC NHIỀU HƠN

May trại không phải là thuốc chữa bách bệnh, nhưng đại bộ phận những nhóm người chưa được tiếp cận trên thế giới nằm trong những quốc gia nghiêm cấm hoạt động truyền giáo, vì vậy nhu cầu về những nhân sự lương nghiệp từ nhiều nước sẽ tiếp tục gia tăng. Rick Love xác nhận: “Những nhân sự huấn luyện như Phao Lô – người đã kết hợp việc may trại với công tác môn đồ hóa có kết quả – là thách thức của thế kỷ hai mươi mốt” (2008, 36). May trại đối với cả nhân sự địa phương và xuyên văn hóa phải được thực hiện một cách thận trọng bởi những người được kêu gọi và đủ tiêu chuẩn. Cần phải xây dựng và phối hợp các chiến lược một cách thận trọng, cùng với sự nhẫn nại bền bỉ, để thực hiện mục vụ may trại có hiệu quả tại châu Mỹ, châu Âu và những nơi khác mà Hội Thánh bỏ qua sự động viên các nhân sự cũng như công tác mở mang Hội Thánh lương nghiệp. Sự cộng tác sáng tạo và hợp lực giữa các nhóm nhân sự không chuyên và những nhân sự được huấn luyện về mặt thần học cần phải được thử nghiệm. Ví dụ, một mục sư người Đức nhiệt thành với công tác mở mang Hội Thánh đã được cho phép để dành năm mươi phần trăm thời gian của ông để làm việc với và hướng dẫn các nhóm mở mang Hội Thánh mới. Với tư cách là người mở mang Hội Thánh

kiêu xúc tác, ông làm việc với những sinh viên tốt nghiệp trường Kinh Thánh và các lãnh đạo không chuyên để hình thành các nhóm mở mang Hội Thánh.

Kết Luận

Mặc dù phần thảo luận về những vấn đề mà những người mở mang Hội Thánh phải đối diện chỉ được đề cập thoáng qua do sự giới hạn về khuôn khổ, nhưng tầm quan trọng của nó thì không thể xem nhẹ. Chương này nhằm khuyến khích những người mở mang Hội Thánh cố gắng để có được sự tăng trưởng cá nhân, sự quân bình, và sự kết hợp một cách lành mạnh những vấn đề cá nhân và mục vụ (Logan và Carlton 2003). Những người mở mang Hội Thánh có thể tiên phong thực hiện điều này bằng cách tự nhận thức, thiết lập các mục tiêu, tìm kiếm sự cố vấn, và học hỏi từ những người ngang hàng. Phụ chú 15.3 đưa ra một số tài liệu tham khảo gợi ý để nghiên cứu thêm về các lĩnh vực này.

.....
Phụ chú 15.3

Tài Liệu Tham Khảo Về Đời Sống Cá Nhân Của Người Mở Mang Hội Thánh

Sự kêu gọi, trưởng thành thuộc linh và cầu nguyện

- Blackaby, H., và Richard Blackaby. 2001. *Spiritual Leadership: Moving People on to God's Agenda*. Nashville: Broadman and Holman.
- Hunt, T. W. 2002. *Life Changing Power of Prayer*. Nashville: Lifeway Church Resource.
- Hunt, T. W., và Catherine Walker. 1997. *Disciple's Prayer Life: Walking in Fellowship with God*. Nashville: Lifeway Church Resource.
- Sills, M. David. 2008. *The Missionary Call*. Chicago: Moody.

Chiến trận thuộc linh

- Anderson, Neil T. 2000. *Victory over Darkness: Realizing the Power of Your Identity in Christ*. Ventura, CA: Regal Books.
- Anderson, Neil T. 2006. *The Bondage Breaker. Overcoming Negative Thoughts, Irrational Feeling, Habitual Sins*. Eugene, OR: Harvest House.

Căng thẳng về văn hóa và sự thích nghi

- Foyle, Marjorie. 1987. *Overcoming Missionary Stress*. Kent, UK: MARC Europe.
- Jones, Marge, và E. Grant Jones. 1995. *Psychology of Missionary Adjustment*. Springfield, MO: Logion.
- Loss, Myron. 1983. *Culture Shock: Dealing with Stress in Cross-Cultural Settings*. Winona Lake, IN: Light and Life.

Phụ nữ trong công tác mở mang Hội Thánh

- Janssen, Gretchen. 1989. *Women on the Move: A Christian Perspective on Cross-Cultural Adaptation*. Yarmouth, ME: Intercultural Press.
- Kraft, Marguerite G. 2003. *Frontline Women: Negotiating Cross-Cultural Issues in Ministry*. Pasadena: William Carey Library.
- Kraft, Marguerite G., và M. Crossman. 1999. "Women in Mission" *Mission Frontiers*, August, 13-17.

Người mở mang Hội Thánh lưỡng nghiệp

- Johnson, C. Neal, và Steve Rundle. 2010. *Business as Mission: A Comprehensive Guide to Theory and Practice*. Downers Grove, IL: InterVarsity.
- Lai, Patrick. 2005. *Tentmaking: Business as Mission*. Waynesboro, GA: Authentic.
- Steffen, Tom A., và Mike Barnett. 2006. *Business as Mission: From Improverished to Empowered*. Pasadena, CA: William Carey Library.
-

Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Cho đến nay các tài liệu viết về công tác mở mang Hội Thánh vẫn chưa quan tâm nhiều đến vai trò của các nhóm. Dầu vậy, như chúng ta đã thấy trong chương 3, các nhóm là trung tâm của công tác truyền giáo của các môn đồ đầu tiên, người ta cho rằng người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa cần phải là một cá nhân tiên phong mạnh mẽ. Tuy nhiên, kể từ phần tư cuối cùng của thế kỷ XX, thì có sự chuyển sang cộng đồng và làm việc theo nhóm. Thậm chí hoạt động kinh doanh của thế giới cũng chuyển từ văn hóa cá nhân theo văn hóa nhóm. Cùng với sự chuyển đổi này, đội ngũ các giáo sĩ cũng có sự quan tâm ngày càng nhiều đến các nhóm.¹ Ở đây chúng tôi chỉ có thể đề cập ngắn gọn về vấn đề này.²

Một nghiên cứu cận kề về các nhóm tại hiện trường (Katzenbach và Smith 1993, 1-8) đã cho thấy một số kết quả lý thú: thách thức của công việc đòi hỏi phải có một nhóm. Theo ý nghĩa này, các nhóm có hiệu quả nhất không phải được hình thành một cách vô căn cứ nhưng *xuất phát từ nhu cầu*. Đa số các tổ chức đều ưa thích trách nhiệm cá nhân hoặc nhóm, nhưng các tập thể có những tiêu chuẩn hành động mạnh mẽ vững vàng sẽ sinh ra “các nhóm thực sự” nhiều hơn những tập thể *đề cao* các nhóm về bản chất. Các nhóm dường như sẽ hoạt động tốt hơn khi có một nhiệm vụ rõ ràng đòi hỏi những hiểu biết và kỹ năng khác nhau. Họ hiêm khi làm việc trong những cấp bậc cao của sự lãnh đạo chung, bởi vì tinh thần độc lập và sự ràng buộc về thời gian của các thành viên. Tuy nhiên, công tác mở mang Hội Thánh rõ ràng là một nhiệm vụ phức tạp và đầy thách thức đòi hỏi những nhận thức và kỹ năng khác nhau mà mỗi người trong nhóm phải phần đầu.

Các Định Nghĩa

Một số nhà chuyên môn phân biệt hai cách phân loại về nhóm: các nhóm chính thức, dài hạn và các nhóm tạm thời không chính thức như nhóm làm việc, ban chấp hành, hoặc các hình thức khác về các nhóm nhỏ (Lanier 1993; Katzenbach và Smith 1993). Trong công tác mở mang Hội Thánh có những người cùng làm việc với nhau mà không hiệp nhất và dành thời gian cho một mục đích lâu dài. Họ có thể làm việc theo nhóm nhưng không hình thành một

¹ Điều này được thể hiện qua số lượng các bài báo được xuất bản. Chi riêng tập san *Evangelical Missions Quarterly* chúng ta thấy có Waldron 1971; Bacon 1978; Dyer 1986; Lukasse 1986; Allen 1991; Mackin 1992; Love 1996; O'Donnell 1999; Stetzer 2003b; Zehner 2005; Ellis 2005.

² Để có sự hiểu biết đầy đủ hơn về các nhóm mở mang Hội Thánh, xin xem các sách như *A Vision of the Possible: Pioneer Church Planting in Teams* (2006) của Daniel Sinclair, *Pioneer Church Planting: A Rookie Team Leader's Handbook* (2001) của Trent và Vivian Rowland.

nhóm mở mang Hội Thánh theo ý nghĩa mà chúng ta nói đến. Một số nguyên tắc trong chương này có thể áp dụng đối với các nhóm không chính thức và ít ràng buộc, nhưng chúng tôi sẽ chú trọng đến các nhóm có một cam kết chính thức và cụ thể trong nhiều năm về công tác mở mang Hội Thánh.

Một *nhóm* là một số người có những kỹ năng bổ túc cho nhau, cùng cam kết thực hiện một mục đích chung, và làm việc với nhau theo những cách thức đã thống nhất để đạt được mục đích đó, có trách nhiệm chung với nhau về các kết quả của nhóm. Những yếu tố quan trọng là:

- Bổ sung cho nhau thay vì có đặc điểm giống nhau.
- Cùng cam kết thực hiện một mục đích chung (là việc mở mang Hội Thánh).
- Quyết định cách thức họ sẽ làm việc với nhau để đạt được mục đích đó (kế hoạch).
- Làm việc chung để thực hiện mục đích và kế hoạch.
- Có trách nhiệm chung về các kết quả.

Stephen Macchia (2005, 41) cụ thể hóa những đặc điểm này cho các nhóm mục vụ Cơ đốc như sau:

Một nhóm mục vụ Cơ đốc là một nhóm người có những ân tứ khác nhau cùng có trách nhiệm với nhau để phục vụ nhằm đem lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời bằng cách:

- Có một sứ mạng chung
- Thể hiện tình yêu thương của Đấng Christ.
- Hoàn thành một mục vụ có ý nghĩa
- Tiên liệu những kết quả mang tính biến đổi

Vì thế *hoạt động theo nhóm* là nỗ lực hợp tác và phối hợp của một nhóm người cùng làm việc vì một mục đích chung. Một *nhóm mở mang Hội Thánh* là một nhóm các Cơ đốc nhân cùng làm việc với nhau theo mục đích, dưới sự lãnh đạo của Đấng Christ, để thành lập một hoặc nhiều Hội Thánh mới. Các nhóm như vậy có thể hình thành dưới nhiều hình thức khác nhau, như Johan Lukasse nhận xét: “Một nhóm mở mang Hội Thánh thường được hình thành bởi các giáo sĩ chuyên nghiệp hoặc các nhân sự ngắn hạn giúp đỡ một giáo sĩ mở mang Hội Thánh trong một hoặc hai năm. Trong một số trường hợp, thì nhóm bao gồm các cặp vợ chồng giáo sĩ và những người trong nước. Đôi khi nhóm sống như một cộng đồng. Có lúc, các gia đình trải rộng trong một vùng nhất định của một thành phố và hoạt động từ một vị trí trung tâm là nhà thờ hiện hữu” (1986, 2). Các thành viên có thể là những người ngoại quốc hoặc các nhân sự trong nước, hoặc cả hai – có thể là các nhân sự trọn thời gian hoặc những người may trại. Không nên lẫn lộn các nhóm mở mang Hội Thánh gồm có các nhân sự trong nước với các nhóm lãnh đạo địa phương trong giai đoạn kế tiếp của tiến trình mở mang Hội Thánh.

Nhu Cầu Về Các Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Có nhiều tổ chức truyền giáo tham gia vào công tác mở mang Hội Thánh, đặc biệt là những tổ chức hoạt động trong những vùng dân cư chống đối như là Hội giáo và những Cơ đốc nhân hữu danh vô thực, sử dụng các nhóm như là một yếu tố chính trong chiến lược của họ. Hội Truyền Giáo Tiên Phong sử dụng các nhóm như là những viên gạch nền tảng trong các nỗ lực mở mang Hội Thánh giữa vòng người Hồi giáo. Eric Adams và Tim Lewis giải thích thêm: “[Nhóm] là công cụ chủ yếu của Hội để thâm nhập các nhóm dân Hồi giáo trong những nước hạn chế các hoạt động mở mang Hội Thánh. Bởi vì cơ cấu nhóm là yếu tố quan trọng để hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức, cho nên toàn bộ phong trào của Hội được tổ chức xoay quanh đơn vị cơ bản này. Mỗi nhóm có một người lãnh đạo với một khái tượng và chiến lược

để thâm nhập một nhóm người Hồi giáo cụ thể hoặc một bộ phận của một thành phố Hồi giáo” (Adams và Lewis 1990, 1).³

Johan Lukasse, cựu tổng giám đốc của Hội Truyền Giáo Tin lành Bỉ, nhận thấy rằng tại Bỉ “cần phải có nỗ lực của nhóm để mở các Hội Thánh trong vùng đất cứng.” Ông tóm lược các kết quả như sau:

Chúng tôi bắt đầu làm việc với nhóm huấn luyện mở mang Hội Thánh đầu tiên năm 1972. Trong vòng một năm thì có một Hội Thánh được thành lập. Một nhóm thứ hai nhỏ hơn hình thành sau đó và trong vòng hai năm đã có năm mươi người lớn tham dự cùng với ba trưởng lão và hai chấp sự. Hai năm sau Hội Thánh đó sinh ra một hội chúng thứ hai, và bốn năm sau là Hội Thánh thứ ba và một Hội Thánh khác nữa sau đó. Chúng tôi đã sử dụng cách tiếp cận này bởi vì chúng tôi thấy nó có nền tảng Kinh Thánh, thực tế và có hiệu quả. Mặc dù chúng tôi có một số sai lầm, và Chúa vẫn còn dạy dỗ chúng tôi nhiều điều, nhưng chúng tôi đã mở được mười lăm Hội Thánh trong vòng tám năm. (1986, 134-135)⁴

Ramon Carmona đã thành lập năm Hội Thánh tại Colombia và tiếp tục chăm sóc Hội Thánh thứ năm tại Cartagena cho đến lúc nó có khả năng gởi đi các nhóm để bắt đầu công việc mới. Ông tin rằng ba ngăn trở lớn nhất đối với việc mở mang Hội Thánh là thiếu một sự kêu gọi rõ ràng, thiếu một chiến lược mở mang Hội Thánh tỉ mỉ, và *thiếu khả năng hoạt động theo nhóm*. Ông nói: “Không cần người bảo vệ . . . Điều quan trọng là giáo sĩ phải là một người làm việc theo nhóm, được trang bị để vừa phục vụ vừa học hỏi” (trích trong Tone 2000, 11).

Lợi Thế Của Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Có những lợi thế rõ ràng và những điều không thuận lợi đối với nhóm. Một lợi ích chính là có nhiều ý kiến hay trong việc giải quyết nan đề. “Nghiên cứu gần đây của Deborah Gruenfeld thuộc Trường Đại Học Kinh Doanh Stanford cho thấy các nhóm có ít nhất là hai quan điểm riêng biệt về một vấn đề cụ thể để có những quyết định tốt hơn bởi vì sức ép của nhóm thiểu số buộc phe phía đa số phải suy nghĩ kĩ càng hơn và xem xét những ý kiến phản biện. Gruenfeld đã thu thập một số bằng chứng bằng việc phân tích các quyết định của Tòa Án Tối Cao của Hoa Kỳ” (Snyder 2004).⁵

Ben Sawatsky (1987) nghiên cứu các nhóm trong Công vụ các sứ đồ cũng như các nhóm mở mang Hội Thánh đương đại thuộc năm tổ chức truyền giáo và phát hiện ra những đặc điểm của

Phụ chú 16.1

Các Lợi Thế Của Nhóm

1. Các ân tứ bổ sung cho nhau
2. Các ân tứ được phát triển
3. Hệ thống hỗ trợ mạnh hơn
4. Mở rộng mục vụ cho nhiều người hơn
5. An toàn trong lúc khủng hoảng
6. Bảo vệ khỏi những cám dỗ
7. Cung cấp sự huấn luyện trong công việc
8. Bảo đảm trách nhiệm
9. Xóa bỏ sự cô đơn
10. Cho phép mỗi người phát huy được thế mạnh
11. Nâng cao ý nghĩa của khái tượng
12. Nhóm có thể giải quyết một dự án lớn hơn

Nguồn: Sawatsky 1987, phần 6, 14-18

³ Cách tiếp cận theo nhóm trong công tác mở mang Hội Thánh Tiên Phong và đa số các cơ quan truyền giáo cho người Hồi giáo và những nhóm người chưa được tiếp cận khác. Xin xem thêm Livingstone 1993 và Sinclair 2006.

⁴ Lukasse nói thêm: “Khi mở mang Hội Thánh với một nhóm người, tôi tin rằng đó là một trong những cách tốt nhất. Tuy nhiên, chúng ta cần phải xem xét các loại nhóm khác nhau. Các nguyên tắc thì có thể áp dụng được như tôi đã giải thích, nhưng các hoạt động và cách thức hoạt động của các thành viên của nhóm thì có thể khác khi chúng ta sống trong thời kỳ hậu hiện đại này” (2006).

⁵ Nghiên cứu mà Snyder (2004) đề cập đến là Deborah H. Gruenfeld và Preston Jared, “Upending the Status Quo: Cognitive Complexity in US Supreme Court Justices Who Overturn Legal Precedent,” *personality and Social Psychology Bulletin* 26 (tháng 8/2000).

các nhóm mở mang Hội Thánh vùng đô thị mạnh mẽ và có hiệu quả. Phụ chú 16.1 tổng hợp các *lợi thế của nhóm* mà Sawatsky đã phát hiện.

Cũng có những *lợi thế về mục vụ* liên quan đến công tác mở mang Hội Thánh. Các nhóm tạo ra sự quân bình và huấn luyện chéo. Một số doanh nghiệp đang chuyển từ sản xuất theo hướng quản trị (nhấn mạnh sự kiểm soát) sang sản xuất dựa theo nhóm (đòi hỏi sự giao quyền).

- Các nhóm thường được giao quyền để tìm kiếm các giải pháp, đưa ra đầu vào và đánh giá các kết quả. Các nhóm chấp nhận trách nhiệm này và có được thành công một cách đáng ngạc nhiên.
- Sự vắng mặt không có lý do không còn là nan đề trong môi trường nhóm.
- Theo khảo sát thì sự hài lòng của người tiêu dùng đã tăng lên.
- Các quyết định được đưa ra một cách nhanh chóng hơn.
- Các nan đề được giải quyết ngay từ gốc.
- Các nhiệm vụ được hoàn tất cách hòa hợp hơn.
- Nhuệ khí được duy trì ở mức độ cao. (Norman 1996, 1).

Hơn nữa, công việc có xu hướng ổn định hơn bởi vì nó được dựa trên cam kết chung thay vì cá nhân hoặc khái tượng của từng người (Waldron 1971). Sawatsky (1987, phần 6, 19-21) bổ sung những lợi thế thực tế liên quan đến mục vụ trong hoạt động của một nhóm như sau:

1. Có sự mạnh dạn hơn trong công tác truyền giáo
2. Có sức mạnh lớn hơn qua sự cầu nguyện chung của nhóm
3. Có sự sáng tạo nhiều hơn thông qua hoạch định theo nhóm
4. Có kết quả lớn hơn thông qua mục vụ của nhóm
5. Đặt trọng tâm vào mục vụ thay vì cá nhân

Lukasse mô tả lợi thế tổng hợp của hoạt động theo nhóm của công tác mở mang Hội Thánh như sau:

Một khi đã đến cộng đồng, nhóm mở mang Hội Thánh bắt đầu hoạt động ngay. Trước tiên, mỗi thành viên của nhóm gia nhập ít nhất một hoặc hai nhóm xã hội hoặc nhóm văn hóa – chẳng hạn như các nhóm thể thao – nhưng chỉ có một thành viên của nhóm trong một câu lạc bộ. Kết quả là họ có thể dễ dàng tiếp xúc và thâm nhập vào bộ phận dân cư đó. Đây là một cách tự nhiên để làm quen với tất cả các tầng lớp xã hội và mở ra những cánh cửa rộng lớn. Thứ hai, các thành viên bắt đầu theo đuổi một chương trình trong các cách tiếp cận truyền giáo khác nhau. Trong thời gian này, họ có thể xây dựng các mối quan hệ và tìm hiểu mọi người. Một số có thể nghiên cứu bổ sung về bối cảnh của địa phương để bổ sung vào kết quả đã thực hiện trong trước đó trong giai đoạn chọn lựa khu vực mục tiêu. (1986, 136-37)

Những Bất Lợi Có Thể Có Của Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Cũng có một số bất lợi đối với nhóm: nó đòi hỏi thời gian và nỗ lực để xây dựng và duy trì những mối quan hệ lành mạnh, và không dễ dàng để giữ cho nhóm tập trung vào việc hoàn thành các mục tiêu một cách hiệu quả. Cách tiếp cận theo nhóm đòi hỏi phải có nhiều nhân sự và tài chính hơn. Mặc dầu Hội Truyền Giáo Tin lành Bỉ tin tưởng các nhóm, họ cũng phải điều chỉnh chiến lược. Lukasse viết: “Chiến lược của BEM đã thay đổi bởi vì sau một thời gian chúng tôi không thể động viên đủ người để tham gia các nhóm huấn luyện mở mang Hội Thánh. Chúng tôi buộc phải xem xét những đường hướng và phương pháp khác” (Lukasse 2006, 1).

Có một số xung đột thường xảy ra trong quá trình xây dựng nhóm. Sự khác nhau về triết lý mục vụ và sự cạnh tranh về quyền lãnh đạo nhóm thường xảy ra rất sớm, và những căng thẳng cá nhân có thể đe dọa nhóm có cam kết nhất. Sự không bình đẳng trong nhóm cũng có thể tạo nên nan đề. Có một căng thẳng giữa ước muốn đối xử với mọi thành viên của nhóm một cách bình đẳng và sự quan tâm đến một số người đóng góp nhiều hơn do công khó hoặc khả năng của họ. Sự chán nản có thể gia tăng khi một thành viên của nhóm thành công nhờ vào những thành viên có khả năng hơn hoặc có cống hiến nhiều hơn; hoặc sự ganh tỵ có thể xuất hiện khi một thành viên nổi trội hơn những người khác.

Các thành viên của nhóm có thể có những kỳ vọng khác nhau về những điều mà mỗi người có thể đóng góp cho nhóm và sự mạng chung. Thường thì những kỳ vọng này không được nói ra cho đến khi được bùng nổ trong một cuộc thảo luận sôi nổi. Một số nhóm kiểm chế tính cá nhân; một số khác thì không. Sự cực đoan có thể làm tổn thương các mối quan hệ và ngăn trở kết quả. Các nhóm có thể phát triển hướng nội và thậm chí chú ý đến bản thân nhiều hơn. Khi các nhóm không duy trì sự tập chú vào nhiệm vụ thì có thể xuất hiện những mối quan hệ mang tính ngoại trừ, làm giảm sự phụ thuộc lẫn nhau trong nhóm.

Một số nhóm lúc đầu rất tốt nhưng sau đó dần dần nảy sinh trục trặc. Điều này thường bắt đầu với một sự thiếu tin cậy và cuối cùng dẫn đến kém hiệu quả. Một khi đã thiếu sự tin cậy, thì các thành viên của nhóm không còn sự cam kết trọn vẹn và phối hợp với nhau. Họ ít khi hoàn toàn tận tâm đối với các quyết định và chủ động trong mục vụ, dù họ có thể bày tỏ sự đồng ý trong các cuộc họp. Không có một sự cam kết thực sự thì các thành viên của nhóm lảng tránh trách nhiệm và bắt đầu hoạt động một cách độc lập. Họ gấn sức để duy trì sự hòa hợp giả tạo và tránh xung đột. Thậm chí các thành viên trọng tâm nhất cũng ngại thảo luận về những hành động và hành vi có thể đe dọa đến sự tốt đẹp của nhóm. Cuối cùng, thất bại trong việc chịu trách nhiệm lẫn nhau dẫn đến sự không quan tâm đến kết quả (Lencioni 2002, 187-90).⁶

Những khó khăn khác xuất hiện khi một nhóm những người ngoại quốc bắt đầu tập trung tại một khu vực. Hội Thánh hình thành từ hoạt động của họ có thể có một cảm giác rất “xa lạ”, và các tín hữu địa phương có thể bị chi phối bởi những người ngoại quốc. Hơn nữa, nếu các thành viên của nhóm ngoại quốc không xây dựng được mối quan hệ với các tín hữu trong nước hoặc không tham khảo ý kiến của họ khi ra quyết định, thì nhóm có thể trở thành thiên cận và tạo cho những người trong nước có ấn tượng rằng họ là người không cần thiết hoặc không có gì để đóng góp. Damaris Zehner cảnh báo rằng thậm chí những nhóm ngoại quốc đã văn hóa cũng có thể bị phân cách với những người trong nước bởi những bức tường: “một nền văn hóa ngoại quốc nhỏ bé giữa cánh đồng truyền giáo” (2005, 363).

Tóm lại, “các nhóm *không* phải là giải pháp cho nhu cầu về tổ chức trong hiện tại và tương lai của mọi người. Chúng không giải quyết hết mọi nan đề, thúc đẩy kết quả của mọi nhóm. . . Hơn nữa, khi áp dụng sai lầm, chúng có thể trở nên vô ích và gây đổ vỡ” (Katzenbach và Smith 1993, 24). Mặt khác, những nhóm mạnh mẽ có thể giúp cho những người mở mang Hội Thánh có kết quả nhiều hơn. Làm được như vậy, chúng trở thành một công cụ mạnh mẽ để mở rộng Hội Thánh của Đấng Christ.

Những Bài học Từ Nhóm Truyền Giáo Của Phao Lô

Trong chương ba, chúng tôi đã đề cập đến nhiều cách mà nhóm đã đóng góp vào công tác truyền giáo của sứ đồ: nhiều giáo sĩ mới được tập sự, các sứ giả được sai đi khi có nhu cầu, và có nhiều thành quả hơn nhờ có việc sử dụng các ân tứ bổ sung. Chúng tôi không cho rằng các nhóm mở mang Hội Thánh ngày nay phải giống như các nhóm truyền giáo của Phao Lô, nhưng muốn nói rằng chúng ta có thể học hỏi từ những tiền lệ này và những nguyên tắc đáng

⁶ Theo Lencioni (2002, 188-90), thì những trục trặc sau đây có liên quan với nhau: (1) thiếu tin cậy, (2) lo sợ xung đột, (3) thiếu cam kết, (4) né tránh trách nhiệm, (5) không quan tâm đến kết quả.

giá. Trước hết, sự lãnh đạo của Phao Lô mang tính chất hướng dẫn. Ngày nay nhiều nhóm mở mang Hội Thánh cố gắng thể hiện tính dân chủ, xem người lãnh đạo của họ như là một người phối hợp không có nhiều thẩm quyền. Sự điều chỉnh về mặt văn hóa này có thể dẫn đến sự đình trệ trong công tác mở mang Hội Thánh. Tiên lệ trong Kinh Thánh nhấn mạnh sự khôn ngoan của việc có một thẩm quyền thuộc linh rõ ràng và nhất quán xuất phát từ sự kêu gọi và ân tứ thuộc linh riêng biệt.

Bài học thứ hai là giá trị của việc trở thành một nhóm *truyền giáo*. Nhóm mở mang Hội Thánh không tồn tại để đáp ứng nhu cầu cho các thành viên của nó hoặc để thiết lập một Hội Thánh theo sở thích của họ. Các thành viên của nhóm phải được chọn lựa, sử dụng và giao quyền dựa trên nhu cầu của công việc truyền giáo. Có lúc các thành viên của nhóm phải ngưng các mục vụ mà họ thích để thực hiện những nhiệm vụ mà họ cảm thấy khó khăn. Về sau họ phải chấm dứt sự kiểm soát và chuyển giao các mục vụ cho các lãnh đạo trong nước để cho Hội Thánh có thể hoàn toàn mang tính địa phương và nhân rộng. Điều này đòi hỏi một sự quan tâm từ đầu đến cuối.

Cách thức Phao Lô sử dụng nhóm như một cơ sở đào tạo những nhân sự mới có thể áp dụng ngày nay không? Một số nghiên cứu chứng tỏ rằng các thành viên của nhóm có thể phối hợp công việc và sự học hỏi một cách tự nhiên nếu họ có một mức độ cam kết cao đối với nhiệm vụ, khả năng bổ sung, và một ý thức tập thể (Katzenbach và Smith 1993). Lúc đầu người lãnh đạo nhóm sẽ làm mẫu các hoạt động mục vụ và hướng dẫn cho các thành viên của nhóm. Sự huấn luyện lẫn nhau cũng có thể được thực hiện dựa trên ưu điểm của từng thành viên. Trong giai đoạn kế tiếp, khi những người tập sự trưởng thành trong Đấng Christ, thì các giáo sĩ và những người tập sự trong nước có thể học hỏi lẫn nhau và cùng phát triển những cách thức chứng đạo, thờ phượng và phục vụ phù hợp về mặt văn hóa. Điều này tạo ra một môi trường học hỏi mà trong đó mọi người vừa là thầy giáo vừa là học viên ở một mức độ nào đó. Những lãnh đạo khôn ngoan của các nhóm mở mang Hội Thánh sẽ khai thác được khả năng trang bị của nhóm, thậm chí khi nó có xu hướng cắt giảm về một số mục vụ cá nhân.

Các nhóm của Phao Lô có tính linh động và thay đổi với các thành viên có thể hoạt động độc lập hoặc phối hợp với nhau tùy theo nhu cầu. Các nhóm giáo sĩ mở mang Hội Thánh, đặc biệt là những nhóm sử dụng hình thức kiểu sứ đồ, phải xem nhóm như là một khái niệm động chứ không phải là một khái niệm tĩnh. Nhóm được hình thành, tăng trưởng, thu nhỏ, thay đổi phương pháp, phân tán, kết hợp trở lại và cuối cùng biến mất. Các thành viên của nhóm mang tính hô tương, chứ không phải bè đảng, về mặt tinh thần; họ có thể làm việc với tư cách một nhóm lớn hoặc có thể chia thành các nhóm nhỏ khi cần.

Với bản chất sa ngã của con người và những trục trặc mà các nhóm kinh nghiệm, nhưng điều nổi bật là các nhóm mở mang Hội Thánh trong Công vụ các sứ đồ rõ ràng là rất tích cực và có kết quả. Rõ ràng là Đức Thánh Linh đã kết hợp và hướng dẫn những nhóm này để hoàn thành sứ mạng của Ngài. Ngài đã lựa chọn các nhân sự, kêu gọi họ, biệt riêng họ, hướng dẫn họ và ban quyền năng cho họ để rao giảng Phúc âm (Công vụ 13:2-9). Họ có một ý thức về số phận thiêng liêng và sự hướng dẫn với tư cách là một nhóm (Công vụ 14:26-27). Các nhóm mở mang Hội Thánh ngày nay cũng phải tin tưởng rằng họ đã được kết hợp với nhau bởi Đức Chúa Trời để thực hiện việc rao giảng Phúc âm. Điều này đòi hỏi họ phải cầu hỏi Chúa trong từng bước đi, có đời sống cá nhân và gia đình đẹp lòng Ngài và đem sự vinh hiển về cho Ngài. Cuối cùng, họ phải có những lãnh đạo tin kính được chính Đức Chúa Trời chọn lựa.

Người Lãnh đạo Của Nhóm Mở Mang Hội Thánh

Mỗi nhóm mở mang Hội Thánh cần phải có một người lãnh đạo có khả năng là người được tin cậy nhờ vào phẩm chất và năng lực của mình. Nhưng bạn sẽ làm gì khi không có người lãnh đạo nào có kinh nghiệm, sự kêu gọi hoặc ân tứ rõ ràng vượt trội hơn những người khác?

Một nhóm mở mang Hội Thánh đã thay đổi vai trò lãnh đạo hằng tháng giữa vòng các thành viên của nó, kể cả nam và nữ, trong vòng hai năm. Qua thời gian, nhóm này đã cho thấy có sự trục trặc như một thân không có đầu, và sau một số năm thực hiện công việc mở mang Hội Thánh, nó đã tan rã trước khi Hội Thánh được thành lập. Không có cách nào khác để gạt bỏ nhu cầu cần phải có một người lãnh đạo đầy khả năng. Một số trong những nhóm thành công nhất là những nhóm kết hợp với nhau trên cánh đồng sau khi khả năng lãnh đạo công tác mở mang Hội Thánh đã được chứng tỏ. Điều này đưa chúng ta đến sự hình thành các nhóm mà trong đó người lãnh đạo có tiếng nói sau cùng trong việc lựa chọn các thành viên của nhóm, có được sự tin cậy của họ, và tin tưởng vào sự trung thành của họ.

Một trong những bài học quan trọng nhất mà chúng tôi có được qua sự làm việc với các nhóm hơn hai mươi năm qua là tầm quan trọng về kinh nghiệm của người lãnh đạo. Nhiều nhóm mà người lãnh đạo của nó thiếu kinh nghiệm trong việc mở mang Hội Thánh hoặc kiến thức về nền văn hóa mới thường trải qua sự khủng hoảng. Những người lãnh đạo nào tự học hỏi lần đầu tiên về cách mở mang một Hội Thánh hoặc cách chần bậy trong một bối cảnh văn hóa mới sẽ gặp khó khăn trong việc hướng dẫn những người khác trong cùng tiến trình. Khi không thể tuyển mộ một lãnh đạo có kinh nghiệm về nền văn hóa, thường xảy ra trong tình huống tiên phong, thì người lãnh đạo phải có kinh nghiệm về mục vụ xuyên văn hóa trong một bối cảnh tương tự khác.

Người lãnh đạo nhóm thực thi thẩm quyền như thế nào? Có nhiều kiểu mẫu lãnh đạo cũng như có nhiều nền văn hóa khác nhau. Bảng 16.1 đưa ra hai hình thức đối lập phổ biến nhất: kiểu lãnh đạo theo tổ chức và kiểu lãnh đạo mang tính hữu cơ (Lanier 1993, 7, 14):

Bảng 16.1

Lãnh Đạo Theo Tổ Chức Và Lãnh Đạo Mang Tính Hữu Cơ

Kiểu lãnh đạo theo tổ chức	Kiểu lãnh đạo mang tính hữu cơ
Theo vị trí	Theo chức năng
Dựa trên quyền lực	Dựa trên khả năng
Thẩm quyền cố định	Thẩm quyền giới hạn
Đòi hỏi sự trung thành	Tạo ra sự tin cậy
Được phân công bởi giám đốc	Được chấp nhận bởi các thành viên của nhóm
Đưa ra quyết định	Tạo ra sự đồng tâm
Bảo vệ các chức năng lãnh đạo	Chia sẻ các chức năng lãnh đạo

Nguồn: Tổng hợp từ Lanier 1993, 7, 14.

Mặc dầu kiểu lãnh đạo theo tổ chức đã được sử dụng có hiệu quả trong một vài nỗ lực mở mang Hội Thánh, các nhóm giáo sĩ mở mang Hội Thánh vẫn thích kiểu lãnh đạo mang tính hữu cơ hơn bởi vì cần có sự linh động, cơ động và thay đổi vai trò để rút lui dần.⁷ Các lãnh đạo phải sẵn sàng để giao trách nhiệm và chia sẻ quyền lực với các đồng đội và những người lãnh đạo trong nước. *Cuối cùng, ảnh hưởng cơ bản của họ không phải là lãnh đạo nhóm mà là thúc đẩy sự mạng mở mang Hội Thánh.* Họ tạo thuận lợi trong hoạt động của nhóm bằng cách giúp đỡ nhóm phát hiện và sử dụng các ân tứ Thánh Linh. Những lãnh đạo như vậy thích sử dụng sự đồng thuận nhưng có khả năng đưa ra những quyết định khó khăn khi cần

⁷ Tuy nhiên, kiểu lãnh đạo theo tổ chức thường được sử dụng trong việc nhân rộng các nhóm tế bào vùng đô thị. Việc Môi-se cải tổ các chi tộc Hê-bơ-rơ theo lời khuyên của Giê-trô (Xuất 18:24-26) được sử dụng để làm khuôn mẫu cho kiểu lãnh đạo này.

thiết. Họ tác động thông qua một khái tượng chung và duy trì đường hướng và trọng tâm bằng cách làm sáng tỏ những giá trị và những ưu tiên. Họ có sự khôn ngoan và linh động để thấy trước những nhu cầu, thích nghi với những thay đổi, và ảnh hưởng đến thay đổi. Cuối cùng, họ biết rõ những ưu nhược điểm của đồng đội và thúc đẩy hoạt động của nhóm và sự sáng tạo cũng như không bỏ mặc kết quả. Chúng ta thấy nhiều điển hình về kiểu lãnh đạo mang tính hữu cơ này trong Kinh Thánh. Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên, bởi vì dù Đức Chúa Trời thường bắt đầu một sứ mạng bằng cách kêu gọi một cá nhân, rồi Ngài tiếp tục trang bị và ban quyền năng để người đó tập hợp những người khác để hoàn thành sứ mệnh.⁸

Junias Venugopal (1987) đã nghiên cứu các nhóm giáo sĩ đang hoạt động cũng như đã giải tán để xác định những nhân tố góp phần vào hoạt động có hiệu quả của nhóm. Ông khám phá rằng những nhóm không thảo luận về những kỳ vọng mục vụ của họ và các vai trò của nhóm thì sẽ kết thúc trong sự xung đột. Phong cách lãnh đạo nặng về quyền lực theo thứ bậc hoặc tự do, thiếu sự trao đổi, và những quyết định thiếu sự đồng thuận cũng góp phần tạo ra xung đột. Mặt khác, sự cầu nguyện chung là một đặc điểm tăng thêm sự đồng thuận cho nhóm. Những người lãnh đạo nhóm có hiệu quả quan tâm đến việc giải thích rõ các kỳ vọng, quân bình giữa thẩm quyền và sự tham gia trong phong cách lãnh đạo của họ, và khuyến khích sự cầu nguyện.

Trong khi vẫn duy trì trách nhiệm đối với Bộ Phận Quốc Tế, Hội Truyền Giáo Tiên Phong bảo đảm cho lãnh đạo nhóm sự tự chủ và thẩm quyền trong phạm vi trách nhiệm của người đó, với sự tin tưởng rằng những quyết định liên quan đến việc mở mang Hội Thánh giữa vòng người Hồi giáo phải được đưa ra sát với hoạt động thực tế càng nhiều càng tốt, từ việc tiếp cận nhiệm vụ, phát triển lãnh đạo sự nhiệt tâm và sẵn sàng mạo hiểm cũng như vấn đề làm chủ và đạo đức của nhóm trong một môi trường có tính cách áp lực và thù địch. Bởi vì thế giới Hồi giáo thường thay đổi, nên khả năng thích ứng nhanh chóng các hoạt động của nhóm đối với những điều kiện đang thay đổi là cực kỳ có giá trị. (Adams và Lewis 1990, 4)

Hiểu được các mục đích của các nhóm truyền giáo của Phao Lô (xin xem chương ba) sẽ soi sáng cho những chức năng chính của lãnh đạo nhóm. Trong phạm vi kiểu lãnh đạo mang tính hữu cơ, họ có *chức năng phối hợp* bởi vì họ giúp cho nhóm đạt được kết quả tối ưu bằng cách sử dụng các ân tứ thuộc linh của họ (các thành viên là người hợp tác). Họ có *chức năng ủy quyền* khi phân công những trách nhiệm chính và giao cho các thành viên của nhóm thực hiện (các thành viên là những đại diện). Họ có *chức năng trang bị* khi họ tạo cho các thành viên những cơ hội đào tạo và những lời khuyên cá nhân (các thành viên là những người học việc). Cuối cùng, họ có *chức năng chỉ đạo* khi họ phân công nhiệm vụ và giám sát trách nhiệm đối với công việc của các thành viên (các thành viên là những trợ lý).

Các tiêu chuẩn của lãnh đạo nhóm là gì? Họ phải có sự trưởng thành thuộc linh và đáp ứng các tiêu chuẩn của Kinh Thánh về một trưởng lão. Họ phải khiêm nhường và có tinh thần của một tôi tớ. Phao Lô viết cho người Cô-rinh-tô: “Không phải chúng tôi muốn không chế đức tin anh em, nhưng chúng tôi muốn cùng xây dựng niềm vui cho anh em” (2 Cô 1:24). Các thành viên của nhóm cần một người chặn bầy, chứ không phải một người cai trị (1 Phi 5:3). Nhưng họ hoạt động tốt nhất với một người lãnh đạo không ngại thực thi thẩm quyền một cách thích hợp.

Người lãnh đạo nhóm phải có một ý thức rõ ràng về sự kêu gọi, biết rõ nhiệm vụ và phối hợp một cách có hiệu quả. Họ phải có tinh thần mạo hiểm và lãnh đạo có khái tượng. Do tính chất phức tạp và khó khăn của công việc, họ phải là những con người cầu nguyện để tìm kiếm ý Chúa, biết rõ sự hướng dẫn của Ngài và rồi tiến tới bằng đức tin và sự quyết đoán. Họ

⁸ Điều này được minh họa qua đời sống của Môi-se (Xuất 17:8-10; 18:24-25), Đa-vít (1 Sa 22:1-2), Nê-hê-mi (Nê 2:11-18).

phải có khả năng xây dựng nhóm, có khả năng duy trì đạo đức, và khích lệ các thành viên khi đối diện với sự chống đối và ngã lòng. Họ phải làm việc chăm chỉ, kiên nhẫn và nhịn nhục.

Các lãnh đạo phải hiểu biết về nền văn hóa của nhóm người mục tiêu và công tác mở mang Hội Thánh một cách đầy đủ để lãnh đạo một cách tự tin. Nếu họ đã có kinh nghiệm làm việc giữa vòng các nhóm người thì càng tốt. Các lãnh đạo nhóm phải biết những ân tứ và khả năng của họ và chọn lựa các thành viên có khả năng hoàn thành những công việc cụ thể. Họ sẽ lựa chọn cách khôn ngoan và có cân nhắc những người có khả năng bổ sung cho họ, trung thành với họ và sẽ tận tâm với nhiệm vụ trong những lúc khó khăn. Cuối cùng, họ phải là những thành viên của nhóm luôn luôn tin tưởng rằng cả nhóm sẽ hoàn thành công việc tốt hơn là khi mỗi cá nhân hoạt động độc lập (Truyền 4:9-12). Khi được trang bị những phẩm chất và những những điều tin quyết này, họ sẽ giúp cho nhóm phát triển, giải quyết xung đột và phục vụ vì cơ Danh Chúa.

Nhóm Đa Văn Hóa

Với sự tham gia ngày càng tăng của các Hội Thánh châu Phi, châu Á và châu Mỹ La Tinh vào hoạt động truyền giáo, các nhóm giáo sĩ ngày càng mang tính chất quốc tế và đa văn hóa. Sự phát triển tích cực này phản ánh bản chất toàn cầu của Hội Thánh Đấng Christ trong thế kỷ thứ XXI cũng như mang lại nhiều ích lợi thực tế. Các nhóm đa văn hóa xóa bỏ nhận thức ưu việt về văn hóa, khích lệ sự học hỏi lẫn nhau, thể hiện sự hợp nhất và sự đa dạng trong thân thể Đấng Christ, và mở ra những cánh cửa cho nhiều cộng đồng tại vùng đô thị. Nhiều nguồn lực rộng lớn được khai thác để thực hiện nhiệm vụ. Chúng cho thấy rằng Cơ đốc giáo không phải là tôn giáo của người Tây phương. Hơn nữa, các thành viên xuất thân từ các chủng tộc khác nhau mang đến những nhận thức bao quát hơn trong việc đưa ra quyết định và có thể liên hệ với người địa phương theo nhiều cách khác nhau. Các nhóm đa văn hóa cũng làm giảm bớt sự nghi ngờ.⁹

Nhưng những nhóm như vậy cũng tồn tại những thách thức lớn, vì các thành viên từ những nền văn hóa khác nhau thường có những kỳ vọng, giá trị và phong cách lãnh đạo xung đột nhau. Các mối quan hệ của nhóm cũng đã khó khăn chưa kể đến việc hiểu lầm và xung đột về văn hóa.¹⁰ Leanne Roembke đưa ra những giả định thường gây nên những nan đề cho các nhóm đa văn hóa như sau: “1) Văn hóa đa số hoặc văn hóa của người lãnh đạo nhóm chi phối văn hóa chung của nhóm, 2) Tiếng Anh là ngôn ngữ của nhóm, 3) Chỉ có người nam làm lãnh đạo, 4) Chỉ có người vợ chịu trách nhiệm về gia đình và việc nhà, 5) Mức lương phù hợp với bối cảnh trong nước của giáo sĩ nhưng không chú ý đến bối cảnh của nước sở tại, 6) Sự lãnh đạo đi từ trên xuống dưới” (2000, 109).¹¹

Nhưng mục tiêu của một nhóm đa văn hóa mạnh khỏe có thể đạt được nhờ sự định hướng rõ ràng, sự lãnh đạo trưởng thành và nhạy bén, một tinh thần tôi tớ, sự truyền đạt kiên nhẫn và ước muốn học tập liên tục. Nhóm phải kiên nhẫn giải quyết những vấn đề như việc sử dụng tài chính, lối sống và tiêu chuẩn sống, phạm vi dàn trải nguồn lực của họ, tiến trình ra quyết định, các giá trị chủ yếu và ngôn ngữ của nhóm. Roembke (2000, 175) đề nghị rằng

⁹ Ed Stetzer minh họa điều này như sau: “Ví dụ, một nhóm giáo sĩ người Ashanti ở Tây Phi tìm cách tiếp cận người Hồi giáo Wala ở Tây Bắc Ghana sẽ bị nghi ngờ. Người Wala sẽ nghi ngờ bởi vì người Ashanti đã từng đô hộ đất nước họ. Tuy nhiên, nếu một giáo sĩ Ashanti được ghép nhóm với một người Fanti ở Tây Phi, một người Hàn quốc và tốt hơn nữa là một người Wala thì nhóm sẽ được chấp nhận tích cực hơn” (2003b, 500).

¹⁰ Lãnh đạo của một cơ quan truyền giáo quốc tế đã tỏ lộ trong một cuộc nói chuyện riêng tư với một người của chúng tôi rằng họ đã tốn quá nhiều sức lực cho việc giải quyết các xung đột trong các nhóm đa văn hóa mà trong nhiều trường hợp công việc đã đình trệ hoặc thối lui. Họ là những gương xấu cho mọi người. Những nhóm này không thể hoạt động và không thể sinh sản đến nỗi hội truyền giáo phải xem xét việc giải tán họ.

¹¹ Công trình của Roembke với tựa đề *Building Credible Multicultural Teams* (2000) là một trong những tài liệu hướng dẫn hữu ích nhất về chủ đề này.

đầu vào phải được tiếp nhận từ các thành viên của nền văn hóa chủ nhà, và nói chung các giá trị và ngôn ngữ của nền văn hóa chủ nhà phải được ưu tiên trong những vấn đề đó.

Người lãnh đạo phải in trí ba vấn đề căn bản khi xây dựng và phát triển nhóm đa văn hóa: sự hiểu biết về văn hóa, sự cam kết đối với tập thể và các ân tứ bổ sung.¹²

Sự Hiểu Biết Về Văn Hóa

Hiểu biết lẫn nhau là điều cần thiết trong mọi mối quan hệ của con người, đặc biệt là trong các nhóm mở mang Hội Thánh. Trừ phi các thành viên của nhóm học cách chia sẻ những kỳ vọng, quan điểm và ao ước của họ cũng như tìm cách hiểu được những khía cạnh đó của các thành viên trong nhóm, thì rất ít có hy vọng rằng nhóm sẽ tồn tại lâu dài để có thể sinh sản. Một phần lớn các hoạt động giao tiếp là hình thức không dùng lời nói, và những ẩn ý rất dễ bị hiểu lầm. Mức độ hiểu lầm càng gia tăng trong các nhóm đa văn hóa.

Sự không hòa hợp về vấn đề lối sống – như mức sống hay cách dạy dỗ con cái – có thể xuất hiện thường xuyên. Một số nền văn hóa coi trọng cách nói thẳng thắn và trực tiếp trong khi một số khác thì thấy điều đó gây xúc phạm và thích sử dụng ngôn ngữ gợi ý hơn. Phong cách lãnh đạo khác nhau cũng là một vấn đề trong các nhóm đa văn hóa. Dù phong cách đó có tính dễ dãi, quan liêu hoặc cộng tác thì các kỳ vọng và giới hạn về phương diện lãnh đạo phải được thảo luận rõ ràng và có sự nhất trí. Một nan đề phổ biến (Cho và Greenlee 1995) là các thành viên của nhóm xuất thân từ các nền văn hóa khác nhau có thể khó đồng ý với nhau về những hành vi đạo đức nào là điều Kinh Thánh cấm, điều nào rõ ràng là được chấp nhận và điều nào phụ thuộc vào cách giải nghĩa. Cho dù họ đồng ý với nhau rằng có một số hành vi là không rõ ràng về phương diện đạo đức, thì họ cũng khó chấp nhận những điều đó trong nhóm. Những căng thẳng khác về văn hóa có thể là sự nhận thức về thời gian, hình thức đưa ra quyết định, mức độ về tính tập thể, và những vấn đề riêng tư. Không may là tính chất và thời gian của những hiểu lầm này không thể tiên đoán được, vì vậy tiến trình đối phó với chúng phải được đặt ra trước: sau đây là một số đề nghị có tính chất thực tế:

1. Cho phép tăng thêm thời gian trong giai đoạn xây dựng nhóm.
2. Bảo đảm mọi người đều đồng ý với sự giải quyết xung đột và thể hiện điều đó.
3. Trao quyền cho mọi thành viên của nhóm triệu tập một cuộc họp đặc biệt để giải tỏa vấn đề và khích lệ họ làm điều này càng sớm càng tốt khi phát sinh căng thẳng.
4. Sử dụng một người ở ngoài nhóm có khả năng trong việc giao tiếp xuyên văn hóa khi người lãnh đạo của nhóm cảm thấy ưa thích việc đó.
5. Dành thời gian cho nhóm đánh giá và kiểm điểm các mối quan hệ trong những kỳ dưỡng linh của nhóm (xin xem mục nói về sức khỏe của nhóm và sự duy trì nhóm).

Sự Cam Kết Đối Với Tập Thể

Theo Yong Joong Cho và David Greenlee (1995, 179), yếu tố quan trọng nhất trong sự tồn tại của các nhóm đa văn hóa là sự thúc đẩy điều mà các nhà tâm lý học gọi là “ý thức tập thể”.¹³ David McMillan và David Chavis (1986) xác định bốn yếu tố cần thiết cho một ý thức tập thể cao trong phạm vi một nhóm cụ thể.

1. Yếu tố tư cách thành viên: cảm giác thuộc về hoặc chia sẻ một cảm giác về sự liên hệ cá nhân.

¹² Xin xem mục “Chọn lựa, huấn luyện và thành lập các nhóm đa văn hóa”, chương năm của Roembke 2000 (197-217).

¹³ Điều này có thể được định nghĩa là “nhận thức về sự tương đồng với những người khác, một sự phụ thuộc lẫn nhau với những người khác, một ước muốn duy trì sự phụ thuộc lẫn nhau này bằng cách cho hoặc làm cho người khác điều mà một người muốn người khác làm cho mình, (và) cảm giác mình là một phần trong một cơ cấu lớn ổn định và phụ thuộc lẫn nhau” (Sarason 1974, 157).

2. Yếu tố ảnh hưởng: cảm giác có ảnh hưởng trên một nhóm và chịu ảnh hưởng bởi nhóm đó.
3. Yếu tố thỏa mãn các nhu cầu: sự tin tưởng rằng nhu cầu của một người có thể được và đang được đáp ứng thông qua các nguồn lực chung của nhóm.
4. Yếu tố kết nối cảm xúc chung: sự cam kết và liên kết xuất phát từ kinh nghiệm lịch sử chung.

Đó có thể là một tiến trình đầy thách thức và tốn nhiều thời gian đối với một nhóm đa văn hóa, hoặc bất cứ nhóm nào, để phát triển ý thức tập thể này. Nhưng khi các thành viên của nhóm cam kết với nhau cùng tăng trưởng thông qua tiến trình này thì các lợi ích đạt được rất lớn. Thành viên của các nhóm đa văn hóa mạnh mẽ hiểu các giá trị văn hóa của nhau, phục vụ lẫn nhau, dành sự ưu tiên cho nhau, và sẵn sàng thay đổi vì mục đích gây dựng lẫn nhau. Nghiên cứu của Lester Hirst về các nhóm mở mang Hội Thánh vùng đô thị thấy rằng tinh thần “hướng về người khác” cao là yếu tố quan trọng để có hiệu quả. “Trong một nhóm mở mang Hội Thánh, một thành viên có định hướng về nhóm cao là một người coi trọng những người khác và sẵn sàng hy sinh cá nhân để người khác được thành công. Tinh thần hướng về người khác này giúp cho các thành viên của nhóm hợp tác với nhau trong công việc vì lợi ích chung và hướng đến mục tiêu chung của nhóm” (1994, 144).

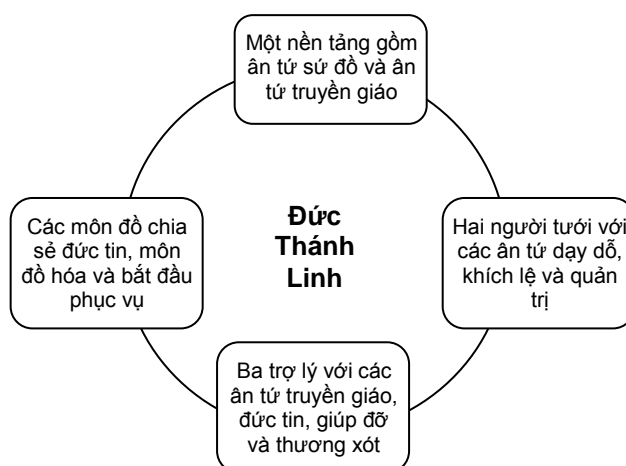
Tuy nhiên, nghiên cứu của Venugopal (1997, 42-44) cho thấy có hai nguy cơ về sự gắn kết *quá mức*: một là, “sự lười biếng tập thể” – khi các thành viên làm việc kém chăm chỉ bởi vì họ tin rằng nếu họ không làm thì những người khác sẽ điền vào khoảng trống; hai là “suy nghĩ tập thể” – khi ước muốn về sự hòa hợp và nhất trí của nhóm lấn át việc xem xét những ý tưởng hoặc hành động thay thế. Không nên lấy lý do vì tập thể để cho phép những trục trặc này phát triển. Các thành viên phải có trách nhiệm hoàn thành trách nhiệm cá nhân, đồng thời phải khuyến khích những ý tưởng sáng tạo và suy nghĩ độc lập.

Những Ân Tứ Và Vai Trò Bổ Sung

Trong chương 15 chúng ta đã khảo sát các ân tứ giúp cho các thành viên của nhóm hoàn thành các chức năng cơ bản của công tác mở mang Hội Thánh: khả năng làm việc xuyên văn hóa, truyền giáo, dạy dỗ, rao giảng, lãnh đạo, đức tin, khích lệ – và những ân tứ khác có vai trò gián tiếp nhưng không kém phần quan trọng. Vì mọi ân tứ đều cần thiết trong Hội Thánh, cho nên tất cả đều có thể được sử dụng trong công tác mở mang Hội Thánh. Dù là nhóm đa văn hóa hoặc đơn văn hóa, thì các thành viên của nhóm cũng cần phải hiểu các ân tứ của họ, chia sẻ với nhau và giúp nhau sử dụng chúng để cùng mở mang Hội Thánh. Tất cả các thành viên đều có một số vai trò chung nhất định như là chia sẻ về Đấng Christ, môn đồ hóa các tân tín hữu và hướng dẫn một nhóm nhỏ, nhưng họ sẽ đạt được hiệu quả cao nhất và hài lòng nhất khi vai trò chính của họ phù hợp với khả năng ân tứ của mình.

Hình 16.1

Cụm Ân Tứ Thánh Linh Cần Cho Nhóm Mở Mang Hội Thánh



Sau khi quan sát nhiều Hội Thánh vật vờ tại thành phố Mê-hi-cô do thiếu ân tứ Thánh Linh quan trọng, một lãnh đạo nhóm đã nhận ra cụm ân tứ tối thiểu cần thiết cho việc mở mang Hội Thánh. Điều này giúp cho người mở mang Hội Thánh xác định được ông ta và vợ có những ân tứ nào và thiếu những ân tứ nào để tiến hành tuyển mộ những thành viên mới bổ sung vào những ân tứ cần có. Các thành viên của nhóm cũng chú trọng việc giúp đỡ những tân tín hữu khám phá và phát triển những ân tứ Thánh Linh của họ, tin tưởng rằng Đức Chúa Trời phân phối những người có ân tứ để hoàn thành các mục đích của nước Trời.

Cụm ân tứ Thánh Linh tối ưu cần thiết cho một nhóm mở mang Hội Thánh là gì?

Hình 16.1 minh họa một cấu hình lý tưởng về các ân tứ Thánh Linh bổ sung cho một nhóm mở mang Hội Thánh.¹⁴ Chúng ta không nên quên rằng Đức Chúa Trời kết hợp nhóm tùy theo nhu cầu của tình huống và có nhiều cách cơ cấu nhóm. Trách nhiệm của chúng ta là làm việc để có một nhóm mạnh mẽ và cân bằng với những ân tứ và khả năng tốt nhất có thể có được, đồng thời phải biết rằng nhóm hoàn hảo vẫn chưa hề có.

Xung Đột Nhóm

Thậm chí sau khi vấn đề lãnh đạo đã được giải quyết, thì xung đột vẫn còn – và nó có thể gây đổ vỡ. Nhiều thời gian, tiền bạc, và sự huấn luyện đã được đầu tư khi một nhóm giáo sĩ được triển khai. Khi nó tan rã thì phí tổn rất lớn, sự tụt hậu có thể nghiêm trọng, và sự hư hại là không thể tránh được. Bất kể sự bất đồng ban đầu như thế nào, sự xung đột gia tăng khi các thành viên không được chuẩn bị về điều đó và không kiểm soát được với sự hiểu biết và kỹ năng. Khi các mạng lệnh trong Kinh Thánh không được vâng theo, thì những tiêu cực và những sự không công bình tồn đọng sẽ dẫn đến đối kháng hoặc sự rút lui của một số thành viên (Shawchuck 1983). Khi xung đột đạt đến giai đoạn cao trào, thậm chí nếu các thành viên tha thứ và giải hòa, thì cũng khó xây dựng lại sự tin cậy và bảo toàn nhóm.

Các thành viên của nhóm cần có một thần học đúng đắn về xung đột. Norman Shawchuck (1983) chỉ ra rằng, mặc dù không tránh được, nhưng không phải mọi xung đột đều là tội lỗi hoặc có hại (Êph 4:6-32).¹⁵ Những người mở mang Hội Thánh làm việc trong các nhóm không nên sợ xung đột. Thay vào đó họ cần chuẩn bị và học cách kiểm soát nó để giảm thiểu mất mát và tối đa hóa lợi ích. Họ có thể được lợi nhờ biết cách tiếp cận đối với xung đột và biết cách phát triển những cách đối phó khác.¹⁶

Thời gian xảy ra xung đột trong các nhóm mở mang Hội Thánh là không dự đoán trước được. Chúng có thể phát sinh do những vấn đề phẩm chất thâm căn cố đế hoặc cố giữ những giá trị và niềm tin. Chúng cũng có thể phát triển vì những hiểu lầm không quan trọng. Tuy nhiên, chúng thường phát sinh khi nhóm quyết định về mục tiêu, chiến lược và phương pháp – những điều liên quan đến sự ưu tiên và phong cách cá nhân. Bruce Tuckman (1965) thấy

¹⁴ Đây là một điều lý tưởng, và các nhóm không nên nản lòng nếu thiếu một vài ân tứ. Họ nên tìm kiếm những tín hữu địa phương để bổ sung ân tứ còn thiếu. Khi có một nhóm gồm toàn những người ngoại quốc có đầy đủ các ân tứ Thánh Linh, thì họ nên làm việc với nhiều Hội Thánh, trang bị cho các tín hữu địa phương về các mục vụ. Bằng cách này thì Hội Thánh được thành lập sẽ không mang dáng vẻ ngoại quốc hoặc có quá nhiều nhân sự ngoại quốc đến nỗi những người địa phương cảm thấy không cần phải tình nguyện.

¹⁵ Thậm chí những người trưởng thành cũng có xung đột. Sứ đồ Phao Lô cũng có xung đột về giáo lý (Công vụ 15:1-2), về quyết định nhân sự (Công vụ 15:38-39), và không thống nhất với các sứ đồ khác (Ga 2:11-13). Nhưng Phao Lô đã giải quyết những xung đột này và phục hồi mối quan hệ tốt với các đồng lao.

¹⁶ Robert Blake và Jane Mouton (1968) phát hiện năm cách đối phó cơ bản đối với xung đột: cạnh tranh, tránh né, phối hợp, thích nghi, thỏa hiệp. Chúa Giê-xu dường như đã sử dụng tất cả những điều này. Ngài cảnh cáo các môn đồ về sự thiếu đức tin của họ và sự tranh giành địa vị (Mat 16:8; Mac 10:35-38). Nhưng Ngài cũng giải quyết xung đột đúng lúc (Giăng 8:3-11) và tránh né nó trong một số trường hợp (Lu 4:28-30). Ngài cũng dạy các môn đồ cách đối phó với những xúc phạm cá nhân (Mat 5:23-24, 38-40; 6:14-15; 18:15-17).

rằng các nhóm trải qua bốn giai đoạn trước khi sinh sản: hình thành (giai đoạn trắng mặt), bão tố (giải quyết những khác biệt), hòa hợp (nhất trí về tiến trình và mục tiêu), và thể hiện.¹⁷

Những giai đoạn này có tính chất chu kỳ và xung đột có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, các thành viên của nhóm có hiểu biết có thể giải quyết nó thay vì đầu hàng. “Việc tiên liệu bốn giai đoạn này làm tăng thêm sự năng động của nhóm, giảm bớt sự đau đớn của nhóm và giúp chúng ta kiên nhẫn để có thể đạt được kết quả trong mục vụ” (Love 1996, 312). Rõ ràng là việc xây dựng nhóm cần thiết phải bao gồm sự giải quyết xung đột.

Việc Xây Dựng Nhóm

Việc xây dựng nhóm không chỉ cần thiết để chuẩn bị đối phó với xung đột và tránh nan đề. Cũng giống như một cặp vợ chồng trải qua giai đoạn đính hôn để chuẩn bị cho đời sống hôn nhân, một nhóm có thể được lợi nhờ giai đoạn khoảng ba đến sáu tháng tổ chức cơ cấu của nhóm để chuẩn bị cho sự làm việc chung với nhau. Trong giai đoạn này vấn đề ưu tiên là các mối quan hệ trong nhóm và các kế hoạch, mặc dù các thành viên có thể tham gia vào một số hoạt động mục vụ.

Bối cảnh để xây dựng nhóm rất quan trọng. Một số nhóm tổ chức các buổi họp xây dựng nhóm gần một Hội Thánh hỗ trợ trước khi đi vào cánh đồng. Một số nhóm khác thì bắt đầu sau khi đã đến nơi công tác. Loại thứ ba, và thường được ưa chuộng hơn, thì hình thành nhóm mở mang Hội Thánh xoay quanh một người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm khi đã nắm vững về ngôn ngữ và văn hóa nhưng trước khi các thành viên bước vào mục vụ. Cần có một người cố vấn hoặc người tạo thuận lợi để giúp việc thăm vấn nhóm, nhận xét tính năng động về mặt quan hệ của họ, và giúp họ những hình thức đưa ra quyết định và giải quyết xung đột.

Người lãnh đạo cần phải phát triển một kế hoạch xây dựng nhóm có tham khảo ý kiến của người cố vấn và sau đó thảo luận với cả nhóm. Hai mục tiêu cơ bản là xây dựng các mối quan hệ và sự nhất trí về kế hoạch tăng trưởng của nhóm. Kế hoạch cần phải có các mục tiêu rõ ràng giống như những mục tiêu được đề cập sau đây:

1. Biết nhau, chấp nhận nhau, tạo sự tin cậy và phát triển tinh thần đồng đội
2. Giải thích rõ sứ mạng và khái tượng của nỗ lực mở mang Hội Thánh
3. Cùng nghiên cứu về nhóm người mục tiêu
4. Nhất trí về những giá trị chính, những cam kết chung và những mục tiêu ban đầu
5. Nhất trí về cách kiểm soát và giải quyết xung đột
6. Phát hiện những ân tứ và khả năng chính của mỗi thành viên và xác định vai trò ban đầu của họ
7. Bày tỏ những ước mơ, những lo lắng và những kỳ vọng một cách cởi mở và phát triển những hình thức giao tiếp lành mạnh
8. Nhất trí về thời gian và cách thức tổ chức các cuộc họp cũng như cách thức đưa ra quyết định
9. Cho phép thành viên không thích hợp với nhóm rút lui vào cuối giai đoạn xây dựng nhóm
10. Mô tả trách nhiệm của người lãnh đạo và các thành viên
11. Cam kết trước mặt Chúa sẽ yêu mến lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau và làm việc với nhau

Các nhóm củng cố quan hệ và nhất trí về mục tiêu trước khi bước vào nhiệm vụ mở mang Hội Thánh thì tìm thấy niềm vui nhiều hơn trong sự phục vụ, thể hiện tính tập thể nhất quán hơn và sinh sản nhiều hơn. Sau khi đã hoàn tất việc hình thành nhóm, thì các thành viên biết nhau nhiều hơn, tin cậy nhau hơn và bắt đầu xây dựng một tinh thần đồng đội từ các giá trị và cam kết chung của họ. “Bởi vì mỗi nhóm có một người lãnh đạo riêng, cho nên có nhiều kiểu

¹⁷ Xin xem Tuckman 1965 và Tuckman và Jensen 1977.

mẫu khác nhau tùy theo sự thích nghi với bối cảnh và đặc điểm của nhóm” (Adams và Lewis 1990, 2).

Tăng thêm thời gian xây dựng nhóm một vài tháng có thể làm giảm khả năng sinh sản. Các thành viên của nhóm dành quá nhiều thời gian để xây dựng các mối quan hệ và làm chậm lại việc học ngôn ngữ, thích nghi với văn hóa và xây dựng quan hệ với những người chung quanh. Khi bắt đầu có một số tín hữu nòng cốt, thì nhóm có thể lấn át các tín hữu địa phương, kiểm soát sự chủ động của họ, và làm cho nhóm có cảm giác xa lạ. Những nhân sự địa phương có thể có ấn tượng rằng họ là người không cần thiết hoặc không có gì để đóng góp. Khi có điều kiện thì nhóm giáo sĩ nên tham gia vào việc thành lập nhiều Hội Thánh đồng thời, tạo điều kiện cho các môn đồ địa phương phát triển, tạo lập mối thông công và bằng hữu với những tín hữu địa phương như con cái của họ đã làm.

Sự Mạnh Khỏe Của Nhóm Và Sự Duy Trì Nhóm

Có nhiều nhóm thực hiện việc mở mang Hội Thánh nhưng không phải tất cả đều thành công. Chỉ có những nhóm nào thể hiện sự mạnh khỏe, có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau và các vai trò bổ sung cho nhau dựa trên các ân tứ Thánh Linh. Người lãnh đạo nhóm là người bảo vệ sự mạnh khỏe và các giá trị của nhóm. Nhưng mọi thành viên của nhóm phải có trách nhiệm nhận biết sức khỏe của nhóm và củng cố nó. Các nhóm có thể tồn tại nhưng họ sẽ không phát huy hết tiềm năng nếu không có một kế hoạch bao gồm bốn cách để duy trì nhóm như sau:

1. *Họp nhóm đều đặn* (hai đến bốn lần một tháng). Các thành viên dành thời gian để kiểm tra, chia sẻ và cầu nguyện cho nhau. Mọi người đều có thể đề nghị những mục đề đưa vào lịch làm việc. Họ thảo luận về những vấn đề ảnh hưởng đến nhóm và cùng nhau lập kế hoạch.

2. *Gặp gỡ gia đình* để thông công và vui chơi (vài lần trong năm). Đó có thể là một bữa ăn hoặc một hoạt động, nhưng tránh bàn về “công việc”. Các gia đình luân phiên nhau đảm nhận việc tổ chức sự kiện này. Bởi vì các thành viên của nhóm ở xa những người thân của họ, cho nên sự kiện này có thể đáp ứng được nhu cầu trong những ngày nghỉ như là lễ Giáng sinh.

3. *Các kỳ dưỡng linh của nhóm để đánh giá và lập kế hoạch dài hạn* (ít nhất mỗi năm một lần). Trong những kỳ dưỡng linh này nhóm sẽ biểu dương những thành quả, đánh giá các mối quan hệ và khả năng sinh sản của nhóm, xem xét lại các mục tiêu. Thời gian dưỡng linh có thể sử dụng để lập kế hoạch khi nào các thành viên sẽ có thì giờ nghỉ để thăm viếng các gia đình và hỗ trợ các Hội Thánh đồng thời thảo luận những vấn đề khác mà không thể bàn bạc trong các cuộc họp hằng tuần. Các kỳ dưỡng linh cũng tạo cơ hội để có những giảng dạy và huấn luyện đặc biệt, thảo luận những vấn đề nhạy cảm, và hội nhập những thành viên mới của nhóm.

4. *Thăm viếng các gia đình của nhóm* (khi cần). Người lãnh đạo nhóm gặp gỡ riêng với mỗi cặp vợ chồng hoặc từng cá nhân của nhóm. Người lãnh đạo phải nắm bắt nhịp đập của nhóm, một điều khó thực hiện trong bối cảnh của một nhóm lớn. Việc gặp gỡ từng gia đình tạo cơ hội để thăm hỏi về sức khỏe và tình cảm, lắng nghe về những điều quan tâm và để bày tỏ sự biết ơn và ghi nhận công lao.

Kết luận

Nhóm không phải là thuốc chữa bách bệnh hoặc bảo đảm cho sự thành công trong việc mở mang Hội Thánh. Người ta có thể trì hoãn một dự án thay vì tiến hành mà không có một nhóm, hoặc với một nhóm không mạnh khỏe hay không có khả năng sinh sản. Năm yếu tố quan trọng giúp cho nhóm được mạnh khỏe và có khả năng sinh sản là: (1) một mục đích chung, (2) một người lãnh đạo được chấp nhận vừa có khả năng vừa đáng tin cậy, (3) sự hài

lòng trong vòng các thành viên của nhóm, (4) có sự phân chia chức năng trong phạm vi của nhóm, (5) sự nhất trí về cách làm việc chung (Waldron 1971).

Các nhóm có tầm quan trọng đặc biệt trong việc thực hiện công tác mở mang Hội Thánh tiên phong; nhưng thậm chí khi một dự án đã được khởi động trong chính nền văn hóa của nhóm, thì cũng phải quan tâm đặc biệt đến cách tiếp cận của nhóm, đặc biệt về sự nhân rộng của Hội Thánh. Các thành viên của nhóm có thể làm gương mẫu các mối quan hệ và huấn luyện lãnh đạo cho Hội Thánh mới trong tương lai. Với cụm ân tứ của mình, nhóm phục vụ với tư cách là một lực lượng tổng hợp và là những người huấn luyện lưu động. Nó vẫn còn là một phương tiện mà Đức Chúa Trời sử dụng để mở rộng Hội Thánh của Ngài trên toàn cầu.

Việc Phát Triển Nhân Sự

Tất cả những người mở mang Hội Thánh đều đối diện với thách thức của việc thiếu nhân lực. Các tân tín hữu dường như trưởng thành chậm hơn mong đợi. Họ dường như không có ân tứ. Nhưng tất cả những người mở mang Hội Thánh cũng nhận ra rằng nếu Hội Thánh phát triển, thật sự mang tính chất địa phương và sinh sản, thì các nhân sự và lãnh đạo địa phương sẽ xuất hiện. Thách thức này không phải là mới. Thật ra chính Chúa Giê-xu cũng đã đương đầu với nó! Mat 9:35-38 chép:

Đức Chúa Jêsus đi khắp các thành, các làng, dạy dỗ trong các nhà hội, rao giảng Tin Lành về vương quốc thiên đàng và chữa lành mọi thứ bệnh tật. Khi thấy những đoàn người đông đảo, Ngài động lòng thương xót vì họ khốn cùng và tan lạc như chiên không có người chăn. Ngài phán với các môn đồ rằng: “Mùa gặt thì thật trúng nhưng thợ gặt thì ít. Vậy, hãy cầu xin Chúa mùa gặt sai thợ gặt vào mùa gặt của Ngài.”

Trong khi Chúa Giê-xu bận rộn với việc giải quyết nhu cầu cho những người tìm kiếm sự giúp đỡ của Ngài, thì phân tích của Ngài cho thấy rằng việc sử dụng quyền lực siêu nhiên không phải là giải pháp cuối cùng. Sự thiếu nhân lực là một nan đề. Và câu trả lời bắt đầu bằng sự cầu nguyện. Những người mở mang Hội Thánh phải lấy sự cầu nguyện làm điểm bắt đầu cho vấn đề phát triển, giao quyền và đưa các nhân sự vào cánh đồng.

Ưu Tiên Về Vấn Đề Đào Tạo

Những người mở mang Hội Thánh thường là những người truyền giáo năng nổ và là những người mạo hiểm trong giai đoạn bắt đầu của việc mở mang Hội Thánh. Nhưng như chúng ta đã thấy, các ân tứ cần thiết cho giai đoạn bắt đầu không giống với các ân tứ cần thiết cho việc củng cố và nhân rộng. Khi Hội Thánh tăng trưởng và chuẩn bị sinh sản, thì cần phải chú trọng nhiều hơn vào việc trang bị cho các tín hữu địa phương. Sứ đồ Phao Lô đã nói rất rõ trong Ê-phê-sô 4:11-13 rằng chìa khóa để giúp cho Hội Thánh trưởng thành là những người lãnh đạo trang bị cho “dân sự của Đức Chúa Trời,” nghĩa là những tín hữu bình thường, về sự phục vụ. Việc trang bị này phải tiến xa hơn việc giảng dạy lẽ thật Kinh Thánh đến sự nhận biết các ân tứ Thánh Linh và sự phát triển của họ trong sự phục vụ Đấng Christ và Hội Thánh. Sự trang bị mang tính chất rộng lớn hơn việc huấn luyện các kỹ năng đơn thuần. Mục đích của nó không chỉ bao gồm lĩnh vực nhận thức và hành vi mà còn bao gồm cả về ảnh hưởng (liên quan đến cảm xúc, thái độ và cả các giá trị). Một nhóm gồm có lãnh đạo và nhân

sự phải được trang bị về phẩm chất, sự tin quyết và các giá trị Cơ đốc. “Mục vụ có hiệu quả xuất phát từ bản chất – chứ không phải từ khả năng về mặt kỹ thuật. Cái bình không thể phục vụ cho mục đích của Chúa cho đến khi Ngài đã nắn lên nó” (Elliston và Kauffman 1963, 165).

Ngay từ lúc bắt đầu công tác mở mang Hội Thánh, thì tinh thần trao quyền cần phải được gắn kết trong toàn bộ sự tiếp cận về mục vụ. Các thành viên của nhóm mở mang Hội Thánh không phải là những người duy nhất đủ tiêu chuẩn để phục vụ, cũng không phải chỉ có những người được đào tạo chính quy về mặt thần học; nhưng mọi tín hữu đều được Đức Chúa Trời ban ân tứ và có khả năng phục vụ người khác (Rô 12:4-8; 1 Cô 12). Sứ đồ Phi-e-ro đã viết: “Mỗi người hãy dùng ân tứ của mình đã nhận mà phục vụ nhau, như người quản lý trung tín khéo sử dụng ân điển của Đức Chúa Trời nhiều cách khác nhau” (1 Phi 4:10). Mọi tín hữu phát triển và lợi dụng những ân tứ này sẽ là chìa khóa để phát triển và làm cho Hội Thánh trưởng thành, và cuối cùng trở thành một Hội Thánh mạnh mẽ có khả năng sinh sản. Vai trò của người mở mang Hội Thánh chuyển từ người khởi động và làm mẫu sang người động viên và cố vấn. Trong hầu hết các Hội Thánh, các mục vụ cơ bản như dạy dỗ, rao giảng, tư vấn và thăm viếng được dành riêng cho những người chuyên nghiệp được đào tạo. Tuy nhiên, nếu việc mở mang các Hội Thánh mới phụ thuộc vào những người mở mang Hội Thánh được huấn luyện và được trả lương, thì việc nhân rộng Hội Thánh sẽ rất chậm. Sự động viên toàn thể Hội Thánh góp phần vào mục vụ đòi hỏi phải trao quyền cho các nhân sự trong mọi khía cạnh mục vụ và mọi hoạt động của việc mở mang Hội Thánh.

John Maxwell mô tả ba mức độ khác nhau của sự động viên (xin xem bảng 17.1). “Trưởng dưỡng” liên quan đến việc chăm sóc những nhu cầu cơ bản của toàn bộ hội chúng; nó có mục đích duy trì nên ít khi tạo ra sự tăng trưởng. “Trang bị” được định hướng theo nhiệm vụ, giúp cho nhiều người phát triển và sử dụng các ân tứ của họ, với sự nhấn mạnh về các kỹ năng. “Phát triển” chỉ xảy ra với một số ít người, với trọng tâm là phẩm chất và sự lãnh đạo. Cả ba mức độ này đều quan trọng. Những người mở mang Hội Thánh kiểu mục sư có khuynh hướng chú trọng vào việc trưởng dưỡng, phù hợp với các ân tứ mục sư của họ. Nhưng những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ với quan điểm nhân rộng sẽ chú trọng vào việc trang bị và phát triển để cho các tín hữu địa phương có thể nuôi dưỡng hội chúng. Họ cũng tìm kiếm những người có ân tứ để đào tạo trở thành những người mở mang Hội Thánh thế hệ tiếp theo.

Bảng 17.1

Các Mức Độ Động Viên

Trưởng dưỡng	Trang bị	Phát triển
Chăm sóc	Huấn luyện về công việc	Huấn luyện để tăng trưởng cá nhân
Chú trọng vào nhu cầu	Chú trọng vào nhiệm vụ	Chú trọng vào con người
Có tính quan hệ	Mang tính giao dịch	Mang tính biến đổi
Phục vụ	Quản trị	Lãnh đạo
Duy trì sự lãnh đạo	Tăng thêm lãnh đạo	Nhân rộng lãnh đạo
Thiết lập	Chuyên giao	Trao quyền
Giúp đỡ	Dạy dỗ	Cố vấn
Định hướng theo nhu cầu	Định hướng theo kỹ năng	Định hướng theo phẩm chất
Điều mọi người muốn	Điều tổ chức cần	Điều mọi người cần
Ước muốn	Khoa học	Nghệ thuật
Tăng trưởng ít hoặc không	Tăng trưởng ngắn hạn	Tăng trưởng dài hạn
Mọi người	Nhiều người	Một số ít người

Nguồn: Maxwell 1995, 112.

Từ Môn Đồ, Đến Người Phục vụ, Đến Người Lãnh Đạo

Những người lãnh đạo Cơ đốc không thể xuất hiện chỉ sau một đêm như những cây bồ công anh. Họ giống như một cây sồi chắc chắn hơn, tăng trưởng với sự kiên nhẫn, chầm rãi sâu và vươn nhánh mạnh mẽ. Trước khi cố gắng để phát triển các lãnh đạo, chúng ta phải bắt đầu với việc phát triển những môn đồ trung tín là những người có tinh thần phục vụ và chứng tỏ những phẩm chất cần thiết để lãnh đạo.

Môn Đồ

Tiến trình phát triển lãnh đạo bắt đầu với việc chăm sóc những tân tín hữu đầu tiên để họ trở thành những môn đồ trung tín của Chúa Giê-xu. Trong Đại mạng lệnh Chúa Giê-xu kêu gọi Hội Thánh thực hiện việc môn đồ hóa không chỉ bằng việc ra đi và làm báp têm, mà còn bằng việc dạy cho họ giữ mọi điều mà Ngài đã truyền (Mat 28:19-20). Milfred Minatrea phát hiện một trong những đặc điểm của Hội Thánh truyền giáo là “dạy vâng giữ” chứ không phải chỉ có biết. “Hội Thánh truyền giáo không đơn thuần thỏa mãn với việc truyền đạt kiến thức Kinh Thánh. Mục tiêu của họ là các thành viên phải vâng phục sự khai thị thuộc linh. Điều quan trọng không phải là biết gì mà là họ sống theo điều gì” (2004, 54). George Patterson đã biên soạn các tài liệu về việc mở mang Hội Thánh dựa trên việc môn đồ hóa định hướng theo sự vâng phục (Patterson và Scoggins 1993; O’Connor 2006).

Người Phục Vụ

Dĩ nhiên việc học để phục vụ là một phần căn bản nhất của việc môn đồ hóa. Ở đây môn đồ tăng trưởng về khả năng chuyên giao cho người khác những điều mà họ đã học được. Một người học phục vụ theo những cách đơn giản bất cứ nơi đâu cần đến, bởi vì qua sự phục vụ mà phát triển được một tinh thần tôi tớ. Việc trang bị có hiệu quả nhất khi các kỹ năng được áp dụng để đáp ứng những nhu cầu tức thời trong Hội Thánh. Sự phát triển về phương diện cá nhân của tín hữu phải nằm trong sự phục vụ Hội Thánh và các mục đích của nước Trời (1 Cô 12:7). Một trong những nan đề mà Hội Thánh tại Cô-rinh-tô đối diện là các thành viên sử dụng các ân tứ Thánh Linh của họ để gây dựng bản thân chứ không phải Hội Thánh!

Patterson cảnh cáo: “Hãy cẩn thận về các mục tiêu giáo dục truyền thống chỉ chú trọng vào học vấn của một người. Các mục tiêu giáo dục của Kinh Thánh là nhằm gây dựng Hội Thánh” (1981, 606). Bằng sự kết hợp việc trang bị với các mục vụ và hoạt động phục vụ thực tế, thì việc huấn luyện trở thành huấn luyện qua sự phục vụ. Oswald Sanders giải thích tầm quan trọng của việc này như sau: “Nếu chúng ta quyết định sản xuất ra một dòng dõi lãnh đạo, thì điều mà chúng ta sẽ đạt được có lẽ là tạo ra được một dòng dõi những người trí thức hiếu động, đầy tham vọng và không thỏa mãn. Bảo một người rằng anh ta được kêu gọi để trở thành lãnh đạo là cách tốt nhất để hủy hoại thuộc linh của anh ta.” Sanders nói thêm: “Nhu cầu về lãnh đạo không nhiều như nhu cầu về các thánh đồ và những người phục vụ, và trừ phi thực tế này được bảo đảm, nếu không thì toàn bộ ý tưởng về sự huấn luyện lãnh đạo trong sự lãnh đạo Cơ đốc trở nên nguy hiểm” (Sanders 1989, 180). Việc phát triển những người lãnh đạo có tinh thần tôi tớ thực sự có nghĩa là chú trọng vào việc đáp ứng các nhu cầu của những người khác trong tinh thần khiêm nhường giống như Đấng Christ (Phil 2:1-8). Chúng tôi tin chắc rằng: *Đào tạo một tôi tớ thì bạn sẽ có được một người lãnh đạo*. Dĩ nhiên Đức Chúa Trời không kêu gọi hoặc ban ơn cho mọi người tôi tớ trở thành người lãnh đạo trong Hội Thánh hoặc tổ chức truyền giáo. Nhưng *thông qua* sự phục vụ trong những công việc cụ thể thì phẩm chất và khả năng sẽ bộc lộ, và phát triển được phẩm chất khiêm nhường và tinh thần phục vụ.

Người Lãnh Đạo

Người mở mang Hội Thánh cần phải quan tâm ngày càng nhiều về việc phát triển những người sẽ trở thành lãnh đạo và giáo sĩ của Hội Thánh trong tương lai. Người lãnh đạo luôn luôn là một người đầy tớ, nhưng sự khác biệt giữa người lãnh đạo và nhân sự là người lãnh đạo *lãnh đạo*! Người lãnh đạo không chỉ đơn thuần là người giúp đỡ; họ không chỉ phục vụ một cách có hiệu quả và trung thành; họ không chỉ là những quản trị viên có thể làm cho mọi việc được hoàn tất. Mà họ lãnh đạo bằng cách đưa ra sự hướng dẫn cho những người khác và giúp đỡ họ khám phá và sử dụng tiềm năng trong sự phục vụ. Sự nhân rộng các Hội Thánh được đặt nền tảng trên sự nhân rộng các môn đồ, các nhân sự, và các lãnh đạo.

Chúng ta nhận thấy điều này trong chức vụ của Chúa Giê-xu. Ban đầu Ngài phục vụ cho đám đông, nhưng vào cuối thời gian tại thế của Ngài, Ngài dành nhiều thời gian hơn để ở riêng với các môn đồ. Trong việc lựa chọn những người đó, Ngài đã bắt đầu bằng sự cầu nguyện. Hãy nhớ rằng Chúa Giê-xu đã cầu nguyện và kiêng ăn trọn cả đêm trước khi kêu gọi mười hai sứ đồ (Luca 6:12-13). Phao Lô và Ba-na-ba cũng cầu nguyện và kiêng ăn khi bổ nhiệm trưởng lão trong các Hội Thánh (Công vụ 14:23).

Các phẩm chất của người lãnh đạo Hội Thánh bao gồm nhiều phẩm chất (1 Tim 3:1-10; Tít 1:5-9) không luôn luôn có trong một tân tín hữu. Các giá trị của Hội Thánh về sự lãnh đạo cần phải được dạy. Một mặt, những đòi hỏi của nền văn hóa địa phương về người lãnh đạo có thể hoặc không phù hợp với đòi hỏi của Kinh Thánh. Mặt khác, những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa cần phải lưu ý rằng họ không nên áp đặt những tiêu chuẩn văn hóa nước ngoài đối với người lãnh đạo mà Kinh Thánh không đòi hỏi (xin xem Thornton 1984).

Có hai yếu tố đặc biệt quan trọng trong việc nhận biết những người lãnh đạo tiềm năng mà người mở mang Hội Thánh nên đầu tư cho họ: *sự trung tín* và *ân tứ*. Phao Lô đã chỉ dẫn cho Ti-mô-thê rằng: “Những điều con đã nghe nơi ta trước mặt nhiều nhân chứng hãy ủy thác cho những người *đáng tin cậy*, là những người có *khả năng dạy dỗ* người khác” (2 Tim 2:2). Chúng ta sẽ thấy được sự trung tín trong sự phục vụ qua những công việc và trách nhiệm nhỏ đã phó thác cho người mà chúng ta đang thử nghiệm. Họ có thực hiện một cách đầy trách nhiệm không? Nếu có thì chúng ta giao phó công việc nhiều hơn cho người đó và đầu tư thời gian nhiều hơn vào sự phát triển của người đó.

Chúng ta học được từ ẩn dụ của Chúa Giê-xu về các ta lạng rằng sự trung tín trong việc nhỏ là điều kiện tiên quyết để giao phó những việc lớn hơn: “Chủ nói với người ấy rằng: ‘Hỡi đầy tớ ngay lành và trung tín kia, được lắm! Người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ đặt người cai quản nhiều. Hãy vào chung hưởng niềm vui với chủ người’ (Mat 25:23; xem thêm Lu 16:10; 19:17). Hơn nữa, chúng ta trang bị dựa theo ân tứ. Làm ngược lại sẽ dẫn đến sự chán nản và có thể gây hại. Có nhiều người trung tín trong việc thực hiện các nhiệm vụ nhưng không có ân tứ dạy dỗ hoặc lãnh đạo. Vì vậy ngoài điều kiện tiên quyết chung về sự trưởng thành thuộc linh, chúng ta phải đầu tư vào những người có tiềm năng lãnh đạo là những người đã chứng tỏ sự trung tín trong công việc và có ân tứ thích hợp với sự lãnh đạo trong Hội Thánh và công tác truyền giáo.

Các Phương Pháp Trang Bị Nhân Sự Trong Hội Thánh Địa Phương

Hãy tưởng tượng rằng bạn hợp đồng với một người thợ để tân trang lại tầng hầm nhà bạn. Khi anh ta đến và mở hộp đồ nghề ra, bạn để ý rằng anh ta có rất nhiều loại búa khác nhau: búa tạ, búa nhỏ đỉnh, búa đóng đỉnh, búa đầu tròn, búa cao su, búa gỗ, và nhiều loại búa khác nữa. Thật ra, anh ta *không có gì ngoài* các loại búa. Chắc hẳn là bạn sẽ nghi ngờ về khả năng của anh ta. Chúng ta không thể không quan tâm khi trong Hội Thánh chỉ có một số công cụ huấn luyện giới hạn có thể sử dụng. Thật không may, đó là tình trạng trong nhiều Hội Thánh, nơi mà chỉ có một hoặc hai phương pháp được áp dụng, chẳng hạn như các lớp học chính thức hoặc môn đồ hóa cá nhân. Thật không ngạc nhiên khi có quá nhiều Hội Thánh đã không

thật sự động viên hội chúng tham gia mục vụ. Việc trang bị cho những người phục vụ và những người lãnh đạo đòi hỏi nhiều phương pháp khác nhau. Có nhiều sách viết về sự phát triển lãnh đạo trong Hội Thánh, những người mở mang Hội Thánh cần phải biết những loại sách đó. Chúng tôi chỉ đề cập ở đây một vài cách tiếp cận mà chúng tôi thấy là hữu ích.

Các Cấp Độ Lãnh Đạo Và Các Kiểu Trang Bị

Trước khi quyết định một nhóm các phương pháp trang bị, thì cần phải xem xét về loại phục vụ hoặc lãnh đạo cần được trang bị. Các phương pháp khác nhau thích ứng với các công việc và vai trò khác nhau.

Tân tín hữu cần phải hiểu những điều căn bản về nếp sống Cơ đốc: cách sống vâng phục với tư cách là một người theo Đấng Christ, cách đọc và áp dụng Kinh Thánh, cầu nguyện, cách chia sẻ đức tin, cách sắp xếp thứ tự ưu tiên cuộc sống dưới quyền làm chủ của Đấng Christ, cách phục vụ người khác theo những cách đơn giản, cách đứng vững khi đối diện với thử thách, . . . Việc này không xảy ra trong một lớp học, dù việc học Kinh Thánh đóng một vai trò quan trọng. Thay vào đó cách tiếp cận sẽ mang tính chất không chính thức, trong đời sống hằng ngày, trong sự đồng hành với những Cơ đốc nhân trưởng thành khác, trong việc quan sát họ, nghe những câu chuyện của họ và làm theo gương của họ.

Những nhân sự tình nguyện muốn phục vụ Hội Thánh hoặc cộng đồng theo các ân tứ của họ cần được đào tạo đặc biệt hơn để phát triển những kỹ năng thực hành cụ thể cần thiết để đạt được hiệu quả. Những người tình nguyện đó trở thành các thành viên hoặc lãnh đạo của nhóm mục vụ, lãnh đạo các nhóm tế bào hoặc lãnh đạo các Hội Thánh Tư gia. Các buổi hội thảo và hội nghị chuyên đề có thể là điểm khởi đầu tốt để phát triển những kỹ năng đó, nhưng cách tiếp cận căn bản là qua thực hành. Những người thực tập về mục vụ cần sự huấn luyện trong công việc bên cạnh các buổi hội nghị hay hội thảo để phát triển tiềm năng của họ. Sự huấn luyện liên tục trong các nhóm mục vụ hoặc trong các buổi họp của lãnh đạo nhóm sẽ cung cấp thêm động lực và làm vững mạnh các kỹ năng mục vụ. Những người trở thành lãnh đạo nhóm mục vụ hoặc lãnh đạo nhóm tế bào sẽ cần thêm sự huấn luyện hoặc chỉ dẫn để giúp họ có khả năng lãnh đạo những người khác cũng như giúp họ trở thành những người đi theo Đấng Christ. Những người lãnh đạo nhóm tế bào sẽ cần có những kỹ năng về mục vụ chăm sóc và giám sát thuộc linh. Những người lãnh đạo nhóm mục vụ cần phải biết cách tuyển mộ và trang bị những người khác tham gia nhóm mục vụ của họ và phát triển các ân tứ Thánh Linh của họ. Những người mở mang Hội Thánh khôn ngoan, cùng với các lãnh đạo Hội Thánh địa phương, sẽ vạch ra một kế hoạch huấn luyện đầy đủ đặt trọng tâm vào những nhu cầu mục vụ cụ thể, và trang bị cho những người cần đến (xin xem phụ chú 17.1).

Những người lãnh đạo các Hội Thánh lớn và những nhóm mở mang Hội Thánh cần phẩm chất sâu sắc hơn và sự hiểu biết về Kinh Thánh nhiều hơn. Ở mức độ cao hơn này thì các tiêu chuẩn về sự trưởng thành trở nên quan trọng, vì những người đó có vai trò làm gương mẫu và được giao phó công tác chăm sóc thuộc linh cho những người khác. Những người lãnh đạo đối diện với những thách thức phức tạp và đưa ra các quyết định có ảnh hưởng trên đời sống nhiều người và toàn bộ phong trào. Vì vậy họ cần có khả năng để nắm bắt vấn đề và giải quyết nan đề theo đúng Kinh Thánh và hợp với văn hóa. Việc học hỏi về thần học, giải nghĩa Kinh Thánh, lịch sử Hội Thánh, tư vấn, truyền giáo thế giới và những đề tài khác sẽ mở rộng tầm nhìn và nhận thức cho người lãnh đạo.

Lúc đầu việc huấn luyện đó có thể thực hiện thông qua các hội thảo không chính thức, có vấn đề hoặc chương trình đọc sách cá nhân. Nhưng về mặt thực tiễn, đa số những người mở mang Hội Thánh chưa thể đảm nhiệm việc trang bị cho các lãnh đạo ở cấp độ này. Trong khi những cách giảng dạy chính quy, chẳng hạn các khóa học trong trường Kinh Thánh hoặc các chủng viện, là con đường phổ biến cho sự trang bị đó, thì nhiều người không có khả năng đi theo con đường này. Nhiều chương trình đào tạo tại Hội Thánh đã được phát triển để trang bị

cho các lãnh đạo tại địa phương ở những cấp độ cao hơn. Những phương tiện đào tạo khác như là học từ xa, học hàm thụ và giáo dục thần học mở rộng cũng cần được quan tâm, đặc biệt đối với những người không thể tham gia các trường nội trú truyền thống.

Phụ chú 17.1

Kế Hoạch Đào Tạo Dành Cho Hội Thánh Tin Lành Tự Do Bắc Munich

1. Trang bị liên tục cho các lãnh đạo nhóm nhỏ trong cuộc họp lãnh đạo nhóm hàng tháng
Mục đích: Trang bị và nhân rộng các lãnh đạo nhóm
Các mục tiêu: Hướng dẫn học Kinh Thánh, tư vấn, thăm viếng
2. Cố vấn cho hai người nam trong Hội Thánh
Mục đích: Phát triển lãnh đạo
Các mục tiêu: Môn đồ hóa một tân tín hữu để trở thành lãnh đạo trong tương lai và thúc đẩy sự tăng trưởng của trường lão Hội Thánh hiện tại
3. Hội thảo huấn luyện hai đến ba lần một năm về những kỹ năng mục vụ đặc biệt
Mục đích: Tuyển mộ những nhân sự mới và phát triển những người khác. Chú trọng giới thiệu những kỹ năng cơ bản
Mục tiêu: Lập kế hoạch hội thảo về việc rao giảng, chuẩn bị buổi học Kinh Thánh, chứng đạo cá nhân, tư vấn, . . .
4. Huấn luyện một lãnh đạo nhóm mục vụ
Mục đích: Nhân rộng các lãnh đạo có khả năng huấn luyện các thành viên trong nhóm của họ
Mục tiêu: Họp với lãnh đạo nhóm thờ phượng để giúp lên kế hoạch các buổi họp của nhóm thờ phượng
5. Xây dựng phẩm chất cho các trường lão của Hội Thánh
Mục đích: Phát triển thuộc linh cho các trường lão
Mục tiêu: Họp vào giờ điếm tâm hai lần trong tuần với các trường lão để thảo luận về sự tăng trưởng cá nhân và cầu nguyện; không bàn công việc Hội Thánh!
6. Các nhóm nhỏ là bối cảnh căn bản để khám phá và phát triển các ân tứ Thánh Linh
Mục đích: Tuyển mộ những nhân sự mới dựa trên các ân tứ Thánh Linh
Mục tiêu: Làm việc với các lãnh đạo nhóm nhỏ về cách thúc đẩy việc này trong nhóm của họ

Nếu mục tiêu là nhân rộng Hội Thánh thông qua những người mở mang Hội Thánh lưỡng nghiệp hoặc không chuyên, thì cách trang bị phi truyền thống là con đường tốt nhất. Đề cập đến việc phát triển lãnh đạo cho phong trào mở mang Hội Thánh, Garrison cảnh báo: “Cần tránh cám dỗ lôi kéo những người lãnh đạo Hội Thánh địa phương ra khỏi Hội Thánh của họ trong nhiều năm để đào tạo trong một chủng viện. Tốt hơn là nên áp dụng một chương trình thần học phi tập trung hóa nhấn mạnh những kinh nghiệm thực tế” (2000, 44). Cách tiếp cận như vậy làm giảm khuynh hướng chuyên nghiệp hóa mục vụ quá mức, gắn liền người học trong bối cảnh của mục vụ, và áp dụng những điều học được nhanh chóng hơn và có liên hệ với thực tế nhiều hơn. Nếu các lãnh đạo không được trang bị nền tảng thần học thì cuối cùng sẽ làm cho ngay cả phong trào năng động nhất cũng dễ mất ổn định và sa vào tà giáo. Việc trang bị Kinh Thánh và thần học cho các lãnh đạo là điều bắt buộc.

Cuối cùng, mọi phong trào đều cần *người lãnh đạo phong trào, nhà chiến lược và nhà thần học* là những người thực hiện vai trò lãnh đạo, nhìn thấy những vấn đề xa hơn, khám phá những giải pháp sáng tạo trước các thách thức, cung cấp sự giảng dạy Kinh Thánh và thần

học sâu sắc, và hành động hợp với Kinh Thánh cũng như bối cảnh. Họ là những người thúc đẩy phong trào và đưa ra quyết định. Một phong trào mở mang Hội Thánh không cần phải có nhiều lãnh đạo dạng này, nhưng rất cần họ để làm cho phong trào phát triển liên tục, mạnh mẽ và lâu dài. Họ cần được huấn luyện ở cấp độ cao nhất và phải được tự do thử nghiệm mục vụ cũng như suy gẫm trong việc học riêng tư. Một khi đã có được nền tảng thần học đúng đắn, thì việc trang bị thêm cho các lãnh đạo đó sẽ được thực hiện thông qua sự cố vấn và khích lệ những suy nghĩ sáng tạo để khám phá những cách mới mẽ để xây dựng Hội Thánh và nước Trời.

Một trong những cuốn sách hữu ích nhất nói về việc động viên và phát triển lãnh đạo là cuốn *Home Grown Leaders* của Edgar J. Elliston (1992). Elliston chỉ ra rằng các cấp độ lãnh đạo khác nhau trong một phong trào đòi hỏi những cách trang bị và phát triển khác nhau (xin xem bảng 17.2). Bởi vì có nhiều giáo sĩ và mục sư đã được huấn luyện chính quy trong trường Kinh Thánh hoặc chủng viện, cho nên có khuynh hướng cố gắng trang bị cho các lãnh đạo ở mọi cấp độ theo phương pháp ở trường học, mang tính nặng về lý thuyết nhưng thường yếu về mặt thực hành. Một kịch cỡ không thích hợp cho mọi người. Một kế hoạch huấn luyện phải quan tâm đến các mặt trách nhiệm, kỹ năng, phẩm chất và sự hiểu biết về Kinh Thánh cần thiết để đạt được hiệu quả theo cấp độ lãnh đạo dự kiến.

Bảng 17.2

Đặc Trưng Phát Triển Cho Mỗi Loại Lãnh Đạo

	Loại 1 và 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5
Mục đích	Lãnh đạo nhóm nhỏ	Lãnh đạo hội chúng nhỏ	Lãnh đạo hội chúng lớn hoặc tổ chức Cơ đốc nhỏ	Lãnh đạo các công việc quản trị, giảng dạy hoặc biên tập trong nước và quốc tế
Nội dung	Những kỹ năng cụ thể và kiến thức có giới hạn	Những kỹ năng và kiến thức tổng quát, các kỹ năng quản trị	Kiến thức về lý thuyết và áp dụng lý thuyết	Kiến thức về lý thuyết và xây dựng lý thuyết
Thời gian	Ngắn hạn, thuận tiện cho người học	Dài hạn, thuận tiện cho tổ chức	Ngắn hạn, thuận tiện cho người học	Ngắn hạn, thuận tiện cho người học
Yêu cầu về nguồn lực	Số lượng hạn chế, phù hợp với khả năng người học và cộng đồng phục vụ	Nhiều, cần có nhiều nguồn lực, thường cần trợ cấp từ bên ngoài	Cần nguồn lực trung bình	Cần nguồn lực từ thấp đến trung bình
Chi phí	Nhỏ	Cao	Trung bình	Thấp
Hệ thống cung cấp	Không chính thức, làm mẫu, học việc	Chính quy, mang tính tổ chức cao	Ít chính quy, ít tính tổ chức	Cố vấn không chính thức, tập sự
Tính chủ động	Nằm ngoài sự chủ động của người học	Hầu như nằm ngoài sự chủ động của người học	Tự chọn	Tự chọn hoặc do tổ chức phục vụ chọn
Gây dựng về thuộc linh	Chú trọng về nền tảng và hành động	Chú trọng về việc chuyển từ hành động sang bản chất	Chú trọng về tình trạng, vai trò và ân tứ	Chú trọng về toàn diện

Nguồn: Ellison 1992, 35

Các Phương Pháp Trang Bị Chủ Yếu

Như đã nói ở trên, chúng ta phải vượt ra ngoài hình thức chính quy của trường trong việc trang bị. Bảng 17.3 vạch ra ba hình thức trang bị khác: hội thảo, trang bị trong các nhóm mục vụ, và chỉ dẫn cá nhân (cố vấn, huấn luyện, làm mẫu). Mỗi phương pháp đều có ưu điểm lẫn nhược điểm và cách áp dụng riêng. Việc lựa chọn phương pháp tốt nhất phụ thuộc vào mục đích, người tham dự và các nguồn lực sẵn có.

HỘI THẢO

Hội thảo được tổ chức vào ngày cuối tuần hoặc các buổi tối. Đặc trưng chính của các buổi hội thảo là người tham dự *hoạt động* một cách thực sự; đây không phải là những “hội thảo nghe” (cái thường được gọi là hội thảo thực ra chỉ là một hình thức giảng thuyết khác). Hội thảo thực sự nhấn mạnh đến việc áp dụng thực tiễn, trong đó người dự hội thảo tham gia một cách tích cực vào kỹ năng được giảng dạy bằng cách sử dụng những điều đã được học. Ví dụ trong một hội thảo về phương pháp giảng, người hướng dẫn sẽ đưa những người tham dự thực hiện qua các bước chuẩn bị bài giảng và mỗi người tham dự sẽ chuẩn bị một bài giảng theo những bước đó. Hội thảo là một cách tốt để giúp những nhân sự mới chưa có kinh nghiệm bước vào một mục vụ nhất định. Cần có sự huấn luyện tiếp tục để rèn luyện thêm về các kỹ năng.

Bảng 17.3

Ba Hình Thức Trang Bị Cho Nhân Sự Trong Hội Thánh Địa Phương

	Hội thảo	Trong nhóm mục vụ	Chỉ dẫn cá nhân
Hình thức	Huấn luyện nhóm trong đó người huấn luyện dạy và hướng dẫn người tham dự theo phương pháp thực hành; không mang tính chính quy và có tổ chức	Trong bối cảnh các buổi họp thường kỳ của nhóm mục vụ; không chính thức và không chính quy, có một ít tính chất tổ chức	Chủ yếu là gặp gỡ riêng (1-1): làm mẫu, huấn luyện, cố vấn; không chính thức, không nặng về tổ chức
Mục đích	Phát triển về những kiến thức và các kỹ năng mục vụ ban đầu, hoặc mở rộng	Tiếp tục phát triển các kỹ năng mục vụ và tính hiệu quả của nhóm	Hình thành phẩm chất cá nhân hoặc phát triển các kỹ năng cụ thể
Người tham dự	Thích hợp cho cả việc tuyển mộ và huấn luyện những nhân sự mới cũng như phát triển những nhân sự có kinh nghiệm	Thành viên của nhóm mục vụ đã tham gia phục vụ	Một vài người được lựa chọn cẩn thận có tiềm năng và đã chứng tỏ sự trung tín; những lãnh đạo tương lai
Thời gian	Ngắn hạn: một vài giờ, thường vào Thứ Bảy hoặc các buổi tối	Liên tục: thời gian dành cho việc huấn luyện nằm trong buổi họp thường kỳ của nhóm	Ngắn hạn hoặc dài hạn: người huấn luyện và người được huấn luyện gặp nhau cần cho đến khi người được huấn luyện đạt đến mức thành thạo

Nội dung	Chủ yếu là các kỹ năng, với lý thuyết cần thiết để thực hiện mục vụ; <i>biết</i>	Chủ yếu là theo tiến trình, đối phó với những trường hợp và vấn đề hiện đang phát sinh trong mục vụ; <i>hành động</i>	Làm mẫu và huấn luyện định hướng theo kỹ năng. Cố vấn được định hướng theo phẩm chất; <i>bản chất</i>
Phương pháp	Người huấn luyện trình bày tài liệu hoặc trình diễn các kỹ năng. Sau đó người tham dự thực hành các kỹ năng hoặc áp dụng kiến thức; <i>biết</i> → <i>làm</i>	Theo tình huống thực tế, giải quyết nan đề, đọc sách, bài tập thực hành, đánh giá mục vụ; <i>làm</i> → <i>biết</i> → <i>làm</i>	Chủ yếu là chỉ dẫn cá nhân (1-1), hướng dẫn, tư vấn, môn đồ hóa; <i>bản chất</i> ↔ ↔ <i>làm biết</i>
Lợi điểm	<ul style="list-style-type: none"> • Thích hợp với việc triển khai những nhiệm vụ và kỹ năng cụ thể • Hiệu suất: có thể đào tạo nhiều nhân sự trong một thời gian ngắn • Có thể đảm nhận bởi chuyên gia đủ tiêu chuẩn bên ngoài • Dễ dàng lập lại hoặc tiêu chuẩn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng trực tiếp cho mục vụ hiện tại • Định hướng theo nhu cầu, có liên quan • Động viên được nhiều người tham dự • Không đòi hỏi nhiều thời gian tăng thêm • Mang tính liên tục • Học theo nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> • Tối đa hóa tiềm năng gây dựng phẩm chất • Hiệu quả cao • Dẫn đến sự nhân rộng lãnh đạo/nhân sự
Hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> • Có hạn chế trong việc chuyển đổi những điều học hỏi trong hội thảo sang mục vụ thực tế • Ít tạo dựng được phẩm chất 	<ul style="list-style-type: none"> • Khó sử dụng các nguồn lực bên ngoài • Hạn chế về thời gian • Sự tham gia không đều đặn 	<ul style="list-style-type: none"> • Phải cam kết về thời gian ở mức độ cao • Chỉ huấn luyện được một số ít người • Phụ thuộc vào ân tứ và kỹ năng của người hướng dẫn • Thiếu tính hệ thống

TRONG CÁC NHÓM MỤC VỤ

Khi các nhóm mục vụ được hình thành, thì họ thường gặp nhau đều đặn để bàn kế hoạch. Những buổi họp đó trở thành cơ hội lý tưởng cho việc trang bị liên tục. Chúng tôi có kinh nghiệm rằng nếu một buổi họp kéo dài hai giờ, thì giờ đầu tiên có thể dành cho việc trang bị và giờ thứ hai cũng đủ cho việc bàn kế hoạch. Có nhiều lợi điểm trong phương pháp tiếp cận này: người tham dự không cần phải dành thêm thời gian cho việc huấn luyện, và họ đã tham gia mục vụ thực tế, vì vậy mức độ động viên cao và có thể áp dụng ngay những điều học được. Sự trang bị này có thể giải quyết được những thách thức mà nhóm đang đối diện. Cách tiếp cận này được dùng để trang bị và hướng dẫn các lãnh đạo nhóm tế bào, lãnh đạo Hội Thánh Tư gia, người hướng dẫn thiếu nhi, hướng dẫn thanh niên, người tư vấn và . . .

Đặc biệt nhóm mục vụ là một địa điểm quan trọng đối với hình thức trang bị này. Nhóm mục vụ phải là một nơi an toàn với những mục tiêu sau:

- Sự phối hợp mục vụ nhóm nhỏ qua sự hướng dẫn và chỉ đạo
- Khích lệ bằng cách chia sẻ các thành tích và những gương mẫu tích cực
- Hỗ trợ và cầu nguyện cho những người đang đối diện với khó khăn
- Tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các lãnh đạo để có sự điều chỉnh
- Dùng bối cảnh nhóm để giải quyết nan đề, bàn luận, thể hiện vai trò và hạn chế chủ nghĩa cá nhân
- Huấn luyện cụ thể về các kỹ năng và vấn đề liên quan đến mục vụ
- Tăng cường trách nhiệm thông qua việc báo cáo
- Xây dựng quan hệ giữa các lãnh đạo
- Thúc đẩy tinh thần đồng đội

HƯỚNG DẪN CÁ NHÂN

Hướng dẫn cá nhân có được tiện lợi của việc cá nhân hóa, nhưng nó không thể áp dụng với nhiều người cùng lúc. Các phương pháp được sử dụng bao gồm làm mẫu, huấn luyện và cố vấn. *Làm mẫu* đơn giản là thực hiện một nhiệm vụ kèm theo lời giải thích, sau đó người học bắt chước làm theo và được nhận xét. Công thức đơn giản là (1) tôi làm, bạn quan sát, (2) bạn làm, tôi quan sát, (3) bạn làm một mình, (4) bạn dạy người khác làm. Rõ ràng là cách này chỉ thích hợp với những kỹ năng và công việc căn bản. Việc thể hiện vai trò thường được dùng để làm mẫu cho một kỹ năng, chẳng hạn như cách chia sẻ Phúc âm. Dĩ nhiên là những người lãnh đạo luôn luôn thể hiện ý nghĩa của việc sống với tư cách là một Cơ đốc nhân một cách không chính thức.

Huấn luyện sẽ được đề cập cụ thể hơn ở bên dưới khi bàn về vấn đề huấn luyện những người mở mang Hội Thánh. Việc huấn luyện cũng được định hướng theo nhiệm vụ, nhưng là những nhiệm vụ phức tạp hơn. Cũng giống như một huấn luyện viên thể thao chia sẻ về kỹ thuật, hướng dẫn thực hành, và quan sát cầu thủ khi thi đấu, việc huấn luyện mục vụ chủ yếu chú trọng vào cách thể hiện của người học. Nó thường xảy ra trong một thời kỳ dài nhưng giới hạn về phạm vi và chấm dứt khi người học đã nắm vững kỹ năng hoặc nhiệm vụ.

Cố vấn là sự cộng tác học hỏi trong đó một lãnh đạo có kinh nghiệm đóng vai trò là người cố vấn sẽ xây dựng mối quan hệ kéo dài với người được cố vấn. Việc cố vấn mang tính gần gũi hơn và mạnh mẽ hơn việc làm mẫu hoặc huấn luyện. Nó cũng có những mục tiêu đầu óc hơn: không chỉ xây dựng những kỹ năng và chia sẻ kiến thức mà còn định hình về phẩm chất. Cố vấn đã trở thành phương pháp phổ biến trong việc phát triển những người chuyên nghiệp trong kinh doanh và giáo dục để giúp nhân viên phát triển, học hỏi về văn hóa tập thể, nắm được các kỹ năng, nhận sự tư vấn và thích nghi với sự thay đổi. “Người cố vấn cung cấp một sự kết nối cá nhân trong một thế giới phi tình cảm và đầy đe dọa” (Daloz 1990, 220). Hình thức cố vấn đã được sử dụng để bổ sung hoặc thay thế cho hình thức giám sát (Caldwell và Carter 1993). Những người cố vấn công tác mở mang Hội Thánh lắng nghe những người được cố vấn, cầu nguyện cho họ, làm gương về đời sống trung tín và mục vụ, xác định nhịp độ, chịu trách nhiệm về họ, và đưa ra những nhận xét mang tính xây dựng cho họ. Công tác cố vấn cung cấp tiềm năng lớn nhất cho việc phát triển phẩm chất.

Bối Cảnh Trang Bị: Đào Tạo Trong Phục Vụ

Đào tạo trong phục vụ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng tức thời và việc học hỏi kinh nghiệm. Cuối cùng, “không phải những điều người dạy làm cung cấp điều học hỏi. Mà là những gì người học làm” (Elliston và Kauffman 1993, 207). Ted Ward và Samuel Rowan (1972, 19-20) nhấn mạnh bốn khía cạnh có giá trị của phương pháp giáo dục trong phục vụ

đặt trọng tâm vào người học như sau: (1) Việc học tiến bộ tốt nhất khi người học liên kết thông tin mới với thông tin họ đã có. (2) Việc học (kiến thức còn đọng lại) phụ thuộc vào việc sử dụng thông tin mới thu nhận được nhanh chóng sau khi tiếp thu. (3) Việc học phụ thuộc vào tầm quan trọng của thông tin được tiếp thu (nó liên hệ như thế nào đến mục đích và mục tiêu của người học). (4) Việc học (kiến thức và tính chính xác) được gia tăng khi người học được thông báo việc sử dụng thông tin mới của họ có thích hợp hay không.

Đào tạo trong phục vụ cũng cho phép người huấn luyện quan sát người học trong công việc và sớm phát hiện những trục trặc. Rất ít lãnh đạo thất bại vì thiếu kiến thức. Nhưng là những lãnh đạo thường có những nan đề về mặt quan hệ và phẩm chất gắn chặt với những vấn đề về thái độ và giá trị chưa được giải quyết. Những nan đề này cần phải được phát hiện và giải quyết càng sớm càng tốt trong quá trình trang bị, để tránh gây trở ngại trong tương lai. Hình thức học trong lớp không thể phát hiện và giải quyết những vấn đề như vậy.

Tuyển Mộ Và Huấn Luyện Những Người Mở Mang Hội Thánh Thế Hệ Kế Tiếp

Nếu mục tiêu của chúng ta là phát động một phong trào mở mang Hội Thánh, thì rõ ràng là: không chỉ có các lãnh đạo mà cả những người mở mang Hội Thánh cũng cần được trang bị và *nhân rộng*. Các nhân sự phải được tuyển mộ *từ* mùa gặt *để* phục vụ cho mùa gặt, chứ không phải chỉ *từ* các Hội Thánh nằm bên ngoài phong trào. Những người mở mang Hội Thánh phải được trang bị theo cách đưa đến sự nhân rộng những người mở mang Hội Thánh, chứ không chỉ đơn thuần là tăng thêm những người mở mang Hội Thánh như trong đa số các chương trình đào tạo.¹

Tuyển Mộ Từ Mùa Gặt Để Phục Vụ Cho Mùa Gặt

Trong chương ba chúng tôi đã đưa ra một bài học quan trọng cho những người mở mang Hội Thánh được rút ra từ công tác truyền giáo của Phao Lô: tuyển mộ thế hệ kế tiếp những người mở mang Hội Thánh từ các Hội Thánh mà bạn đang thành lập! Sự nhân rộng Hội Thánh đạt được khi những người mở mang Hội Thánh được tuyển mộ từ các Hội Thánh vừa mới thành lập. Họ phải được huấn luyện theo cách có thể sinh sản để họ cũng có thể huấn luyện cho người khác. Đây là một thách thức lớn, bởi vì các Hội Thánh non trẻ thường nhỏ và miễn cưỡng trong việc cung cấp các nhân sự có ân tứ vì sợ rằng Hội Thánh sẽ gặp khó khăn. Nhưng Hội Thánh An-ti-ốt đã gửi đi hai lãnh đạo yếu đuối và có ân tứ nhất của họ, là Phao Lô và Ba-na-ba (Công vụ 13:1-3), và đã trở thành gương mẫu cho các Hội Thánh khác noi theo.

Ngày nay những phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng nhanh đã phát hiện ra nguyên tắc này. Họ ít khi đợi những người tốt nghiệp trong các chủng viện hoặc các giáo sĩ bổ sung từ bên ngoài đến để tiếp thêm năng lượng lãnh đạo cho phong trào. Các nhân sự, những người mở mang Hội Thánh, và các giáo sĩ đều trưởng thành từ trong Hội Thánh địa phương. Các phong trào Hội Thánh Tư gia có thể sử dụng phương pháp đơn giản MAWL (xem hình 17.1), trong khi các Hội Thánh lớn hơn có thể tổ chức các chương trình huấn luyện ngay tại Hội Thánh và những người mở mang Hội Thánh nội trú (tất cả được mô tả phía dưới). Điểm chung đối với cả hai phương pháp là sự chủ động tuyển mộ và trang bị thế hệ nhân sự kế tiếp từ những người vừa mới tin Chúa.

¹ Wolfgang Simson (2001, 108-9) chỉ ra rằng việc huấn luyện mục vụ chính quy theo truyền thống thường có một số lượng người tốt nghiệp hằng năm bằng nhau. Con số này chỉ đủ bù đắp cho số lượng mục sư về hưu hoặc những người rời bỏ chức vụ. Nếu đặt ra mục tiêu là gia tăng số lượng Hội Thánh và những người mở mang Hội Thánh, thì những hình thức được mô tả dưới đây rất dễ áp dụng và đưa đến sự nhân rộng các nhân sự và Hội Thánh phải được vận dụng.

Lựa Chọn Và Đánh Giá Người Mở Mang Hội Thánh

Tại Bắc Mỹ và những nơi khác, ngày càng có khuynh hướng quan tâm đến việc lựa chọn, đào tạo và huấn luyện người mở mang Hội Thánh. Không phải mọi người tình nguyện trở thành người mở mang Hội Thánh đều có ân tứ cho chức vụ này. Tiến trình lựa chọn thường bắt đầu bằng việc đánh giá những người mở mang Hội Thánh có tiềm năng. Việc đánh giá nhằm nắm được sự sẵn sàng và khả năng của những ứng viên tiềm năng. Bằng chứng cho thấy rằng những người mở mang Hội Thánh được đánh giá tích cực thường thành công nhiều hơn và mở được những Hội Thánh lớn hơn những người không được đánh giá (Mannioa 1994, 67; Stetzer 2006, 82; Gray 2007, 59-60). Việc đánh giá có thể thực hiện tại một trung tâm đánh giá, nơi các ứng viên tham dự trong một vài ngày qua một tiến trình đánh giá kỹ lưỡng bao gồm phỏng vấn, trắc nghiệm, và các trò chơi giả định tình huống. Những phương pháp đánh giá khác căn cứ vào sự giới thiệu, trắc nghiệm về cá tính và phỏng vấn về ứng xử bởi một nhóm đào tạo.

Tiêu chuẩn đánh giá được sử dụng phổ biến nhất dựa vào nghiên cứu năm 1984 của Charles R. Ridley (1988), người đã phát hiện mười ba phẩm chất quan trọng đối với những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả:

1. Khả năng về khái tượng
2. Có động cơ thật sự
3. Làm chủ được mục vụ
4. Có liên hệ với người chưa tin
5. Sự hợp tác của người phối ngẫu
6. Xây dựng được các mối quan hệ có hiệu quả
7. Tận tâm với sự tăng trưởng của Hội Thánh
8. Đáp ứng cộng đồng
9. Sử dụng được ân tứ của những người khác
10. Linh động và có khả năng thích nghi
11. Xây dựng tinh thần tập thể
12. Thể hiện sự kiên cường
13. Có đức tin

Mặc dù việc nghiên cứu được thực hiện trong vòng những người đàn ông da trắng Bắc Mỹ, nhưng nhiều người tin rằng các phẩm chất đó cũng phù hợp đối với nền văn hóa khác bởi vì chúng mô tả những chức năng mà những người mở mang Hội Thánh phải thể hiện một cách có hiệu quả để thành công trong bất cứ bối cảnh nào. Ridley đã đưa ra nhiều hướng dẫn thực tế cho những người muốn xây dựng một chương trình đánh giá người mở mang Hội Thánh (Ridley 1988; Ridley và Logan 1998 và 2002; Ridley và Moore 2000).

Những phẩm chất cá nhân khác cũng quan trọng trong quá trình đánh giá, như sự trưởng thành thuộc linh, kinh nghiệm sống, học vấn, sự phù hợp với cộng đồng và hệ phái (xin xem chương 15). Ví dụ, nghiên cứu của Allen Thompson (1995) phát hiện những phẩm chất quan trọng sau đây:

- Về thuộc linh: cầu nguyện, sự toàn hảo, kỷ luật thuộc linh, phục tùng Đức Chúa Trời, gia đình hiệp nhất, tin kính, và biết được những hạn chế
- Về kỹ năng: lãnh đạo, truyền giáo, rao giảng, triết lý về mục vụ, và môn đồ hóa
- Về cá tính: có ý thức, kiên cường, linh động, đáng yêu, tự nhận thức bản thân, nhạy cảm và năng động

Trong nhiều bối cảnh, các phong trào không có nhiều khả năng lựa chọn những người mở mang Hội Thánh. Những nghiên cứu ở trên được tiến hành trong bối cảnh phương Tây và giả định rằng người mở mang Hội Thánh thành lập một Hội Thánh có cơ cấu theo truyền thống;

vì vậy, những phát hiện của họ có thể không áp dụng được cho các bối cảnh phi phương Tây, các hình thức phi truyền thống và các phong trào bình dân. Tuy nhiên, một nghiên cứu về những người mở mang Hội Thánh gốc La Tinh tại Miami đã cho thấy những tính chất tương tự của những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả, những điều quan trọng nhất là (1) khả năng thích nghi với bối cảnh, (2) sự nhạy cảm và kỹ năng về đa văn hóa, (3) khả năng phát triển các mối quan hệ cá nhân trong phạm vi cộng đồng (Tucker 2006). Một nghiên cứu khác về những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa tại Phi-líp-pin cho thấy rằng, ngoài những phẩm chất thuộc linh chung, thì những kỹ năng quan trọng là:

1. Dạy Kinh Thánh bằng tiếng địa phương
2. Làm chứng có hiệu quả bằng tiếng địa phương
3. Sử dụng có hiệu quả phương pháp mở mang Hội Thánh mang tính địa phương
4. Sử dụng các kỹ năng lãnh đạo với các nhóm người Phi-líp-pin
5. Có khả năng mời gọi bằng tiếng địa phương
6. Môn đồ hóa từng người một trong nhóm nhỏ
7. Hoạch định chiến lược cho việc thành lập một Hội Thánh
8. Đánh giá về mục vụ của mình

Ngoài ra, các khả năng giao tiếp liên quan đến nhiều kỹ năng của người mở mang Hội Thánh có hiệu quả:

1. Thiết lập quan hệ cá nhân với những người Phi-líp-pin
2. Giải quyết các nan đề trong quan hệ cá nhân với người Phi-líp-pin
3. Nói chuyện về những chủ đề chung bằng tiếng địa phương
4. Hiểu được các giá trị của người Phi-líp-pin (Gopffarth 1993)

Bất kể bối cảnh văn hóa hoặc hình thức Hội Thánh như thế nào, cả sự cảm nhận chung và việc nghiên cứu cẩn thận đều xác nhận rằng việc lựa chọn và đánh giá một cách khôn khéo những người mở mang Hội Thánh sẽ góp phần vào việc quản lý tốt hơn các nguồn lực và việc mở mang Hội Thánh có hiệu quả hơn. Điều này bao gồm cả tính, ân tứ Thánh Linh và kinh nghiệm về công việc.

Việc Đào Tạo Và Tập Sự Của Người Mở Mang Hội Thánh

Không chỉ có việc đánh giá mà cả việc đào tạo những người mở mang Hội Thánh là một yếu tố quan trọng trong việc mở mang những Hội Thánh mạnh mẽ có khả năng sinh sản và duy trì phong trào. Nhiều giáo sĩ mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm và hiệu quả đã chuyển sang vai trò của người huấn luyện công tác mở mang Hội Thánh. Tại Bắc Mỹ, có nhiều cơ hội cho công tác đào tạo người mở mang Hội Thánh. Có nhiều chủng viện dạy các khóa về mở mang Hội Thánh và những đề tài có liên quan, nhưng đa số các chủng viện chủ yếu đào tạo về công tác chăm sóc, dạy dỗ và chức vụ mục sư mà ít đề cập về công tác truyền giáo (Robinson 1992, 32). Robert Vajko nhận xét: “Khi những người lãnh đạo đăng ký vào học tại một cơ sở đào tạo chính quy, họ thường có xu hướng xem việc học của họ như là một cánh cửa để bước vào một Hội Thánh ổn định, nơi mà họ có thể được chăm lo đầy đủ về mặt tài chính” (2005, 297). Vì vậy, để bổ sung vào công tác đào tạo chính quy, có nhiều hệ phái, phong trào và một số Hội Thánh địa phương cung cấp những chương trình huấn luyện không chính quy. Ví dụ, trại huấn luyện người mở mang Hội Thánh là đợt hội thảo một tuần chú trọng vào công tác hoạch định và chuẩn bị cho việc bắt đầu mở mang một Hội Thánh. Các tổ chức như ChurchSmart² và các mạng lưới như Acts 29,³ NEXT,⁴ và New Thing⁵ cung cấp vô

² Xem www.churchsmart.com

³ Xem www.acts29network.org

⁴ Xem www.nextchurchs.org

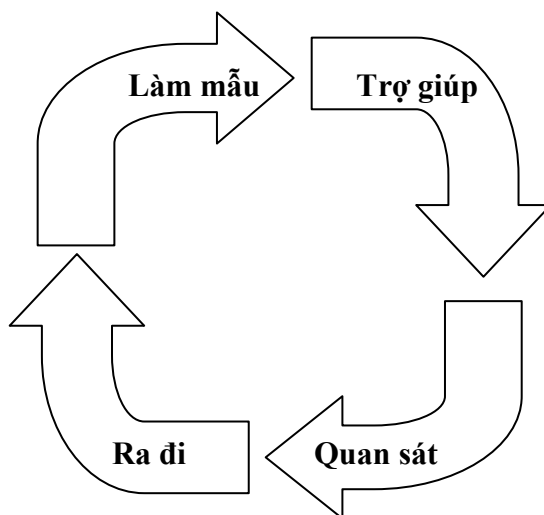
số những hội thảo có chất lượng cao, những kỳ trại huấn luyện, ấn phẩm, các nguồn lực và hệ thống hỗ trợ để đào tạo và giúp đỡ những người mở mang Hội Thánh. Những mạng lưới và tổ chức tương tự cũng đang được thành lập trên thế giới. Để biết rõ hơn về nhiều cách tiếp cận trong việc đào tạo người mở mang Hội Thánh đã được thực hiện tại Bắc Mỹ, xin xem chuyên khảo của Glenn Smith có tựa đề “Models for Raising Up Church Planters” (2007). Ở đây chúng tôi chú trọng vào các phương pháp đào tạo người bình dân, đào tạo theo mô-đun, thực tập tại Hội Thánh, đào tạo không chính quy theo khu vực và huấn luyện.

ĐÀO TẠO NGƯỜI MỞ MANG HỘI THÁNH BÌNH DÂN

Các phong trào mở mang Hội Thánh bình dân đang tăng trưởng nhanh chóng như có ít thời gian hoặc nhu cầu về việc đào tạo người mở mang Hội Thánh. Các tín hữu thành lập các nhóm tế bào mới một cách tự phát sau đó phát triển thành các Hội Thánh Tư gia. Nhưng ấn tượng đó dễ làm cho người ta lầm lẫn. Phương pháp đào tạo của họ thường rất đơn giản. Ví dụ, David Garrison vạch ra một cách tiếp cận gọi là MAWL: “Làm mẫu, Giúp đỡ, Quan sát, Ra đi. Làm mẫu việc truyền giáo và mở mang Hội Thánh; Giúp đỡ các tín hữu địa phương làm tương tự; Quan sát để chắc chắn rằng họ có thể làm việc đó; Ra đi để lập lại quá trình đó ở một nơi khác” (2004a, 344). Người mở mang Hội Thánh hầu như dạy qua việc làm mẫu, với rất ít chỉ dẫn về mặt lý thuyết. Họ làm mẫu những điều mà những nhân sự truyền giáo phải làm trong Hội Thánh Tư gia đầu tiên, rồi giúp đỡ họ trong Hội Thánh con đầu tiên và quan sát khi họ tự mở Hội Thánh thế hệ thứ ba (hình 17.1). Khi Hội Thánh thế hệ thứ ba được thành lập mà không cần sự giúp đỡ, thì tiến trình nhân rộng đã xuất hiện. Các lãnh đạo Hội Thánh Tư gia được dạy những kỹ năng cơ bản về việc giải nghĩa và áp dụng Kinh Thánh cũng như việc chăm sóc các nhu cầu của tín hữu. Trọng tâm được đặt vào công tác truyền giáo.

Hình 17.1

Chu Kỳ Sinh Sản



Nguồn: Garrison 2004, 44

ĐÀO TẠO NGƯỜI MỞ MANG HỘI THÁNH THEO MÔ-ĐUN

Với hình thức đào tạo theo mô-đun, những người mở mang Hội Thánh được triệu tập theo khu vực và theo định kỳ để được huấn luyện và khích lệ. Vào thập niên 1990, Trung Tâm

⁵ Xem www.newthing.org

Phát Triển Hội Thánh Mới đã được thành lập bởi Robert Logan và Steve Ogne (1991b), qua đó những người mở mang Hội Thánh và những lãnh đạo không chuyên từ nhiều Hội Thánh mới thành lập gặp nhau hằng tháng để khích lệ, cầu nguyện, và được đào tạo về những vấn đề thực tế. Giữa các cuộc họp mỗi Hội Thánh mới được phân công một huấn luyện viên, là người giúp cho các thành viên của nhóm thực hành những điều họ học được. Ý tưởng này đã được sử dụng rộng rãi tại phương Tây. Một điển hình tương tự là Liên Đoàn Kinh Thánh Bun-ga-ri, triệu tập những người mở mang Hội Thánh trên cả nước để huấn luyện năm mô-đun trong thời gian hai năm. Các chủ đề như khái tượng, các công cụ thực tế, bản chất thuộc linh, quản trị, và nghiên cứu Kinh Thánh được giảng dạy, và những người mở mang Hội Thánh được giao những bài tập cụ thể. Những người học được những người huấn luyện thăm viếng ít nhất hai lần, và những người đã mở Hội Thánh rồi thì được thăm viếng nhiều hơn (Appelton 2008, 2). Các Hội Thánh Vườn Nho của người Âu châu nói tiếng Đức đã vận dụng cách đào tạo người mở mang Hội Thánh theo mô-đun gồm năm ngày cuối tuần trong thời gian mười tám tháng. Chương trình này gồm có các chủ đề về khái tượng, hoạch định, xây dựng nhóm, truyền giáo và môn đồ hóa (Vineyard Dach 2009). Một thuận lợi lớn đối với cách tiếp cận này là các học viên không cần phải di chuyển gia đình của họ hoặc bỏ công việc để đi học. Việc huấn luyện cũng được thực hiện qua sự phục vụ, vì học viên đã tham gia vào việc mở mang Hội Thánh hoặc phục vụ tại một Hội Thánh địa phương. Điều này làm tăng thêm động lực cho người học và áp dụng được ngay những điều vừa học.

ĐÀO TẠO NGƯỜI MỞ MANG HỘI THÁNH BẰNG CÁCH THỰC TẬP TẠI HỘI THÁNH

Nhiều Hội Thánh lớn tại Bắc Mỹ đã nâng cao cam kết đối với việc nhân rộng Hội Thánh và đào tạo những người mở mang Hội Thánh lên một mức độ mới. Xuất phát từ khái tượng phát động một phong trào và chia sẻ kinh nghiệm của họ, họ đã tiên phong thực hiện chương trình đào tạo người mở mang Hội Thánh riêng, thường bao gồm một đợt thực tập tại Hội Thánh. Điều này không được xem như là sự thay thế cho việc đào tạo chính quy (như chủng viện) nhưng là một phương pháp đào tạo tại chỗ mang tính chất thực hành để kiểm tra, tiếp thu và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho việc mở mang Hội Thánh. Thường thì chương trình cũng bao gồm những yếu tố khác như xây dựng phẩm chất và cổ động ngân quỹ.

Một trong những chương trình có ấn tượng nhất là của Hội Thánh Hill Country Bible tại Austin, Texas (2009). Có vô số đương đơn được đánh giá nhờ tiềm năng mở mang Hội Thánh của họ, và rồi bốn hoặc năm người được nhận thực tập mở mang Hội Thánh một năm. Một kế hoạch học tập sẽ được thiết kế phù hợp với từng thực tập sinh. Những người tham dự nhận sự hướng dẫn từ các chuyên gia của từng bộ môn, và quan trọng nhất là họ được huấn luyện về các kỹ năng truyền giáo, môn đồ hóa, giải thích văn hóa, quản trị dự án, lập ngân sách, phát biểu, và lãnh đạo. Không những họ giúp đỡ trong Hội Thánh hiện tại, mà trong quá trình thực tập họ bắt đầu chuẩn bị cho việc mở một Hội Thánh mới mà chính họ sẽ lãnh đạo. Điều này đòi hỏi những người tham dự từ Hội Thánh tài trợ hình thành nhóm truyền giáo của họ, xây dựng một kế hoạch chiến lược, cổ động ngân quỹ, và tạo ra các mối tiếp xúc để truyền giáo tại cộng đồng mục tiêu. Thực ra, cùng với nhóm của họ, họ có trách nhiệm tạo lập ít nhất hai trăm mối quan hệ với những người chưa tin trong cộng đồng. Vào lúc những người thực tập công tác mở mang Hội Thánh này hoàn tất chương trình mười hai tháng, thì sự thành công trong việc mở mang Hội Thánh của họ là rất cao. Việc đầu tư cho đào tạo rất là tốn kém, nhưng lợi ích thuộc linh cũng vô cùng to lớn.

Một Hội Thánh khác cũng rất thành công trong việc đào tạo những người mở mang Hội Thánh là Hội Thánh North Wood gần Fort Worth, Texas (Roberts 2008, 137-50). Chương trình thực tập mở mang Hội Thánh chín tháng của họ nhận mười hai thực tập sinh là những người đã được đánh giá có tiềm năng mở mang Hội Thánh cao. Một chương trình đào tạo

người mở mang Hội Thánh khác là của Hội Thánh Trưởng Lão Redeemer tại thành phố New York, bao gồm những chủ đề như sau:

- Sự kêu gọi và năng lực của người mở mang Hội Thánh
- Khải tượng, các giá trị và sứ mạng của Hội Thánh
- Khảo sát: nhân khẩu học và dân tộc học
- Triết lý về mục vụ được bối cảnh hóa
- Kế hoạch hành động
- Cơ cấu lãnh đạo
- Liên kết Phúc âm với cộng đồng
- Phục hưng sự năng động để mở mang Hội Thánh và tăng trưởng
- Nhóm nhỏ
- Giảng trong bối cảnh mở mang Hội Thánh (Redeemer Church Planting Center 2009)

Đa số các chương trình đào tạo người mở mang Hội Thánh như vậy đều có một hệ thống bao gồm đầy đủ các công tác tuyển mộ, đánh giá, đào tạo, huấn luyện, tìm kiếm nguồn lực, cộng tác, và đào tạo liên tục. Các chương trình đó thường được lãnh đạo bởi một giám đốc làm việc trọn thời gian và một trợ lý hành chánh. Các thực tập sinh thường được nhận trợ cấp, vì vậy các chương trình này rất tốn kém. Chúng thường dựa vào ngân quỹ đáng kể từ các tổ chức và cá nhân bên ngoài đóng góp (Williams, 4).

ĐÀO TẠO KHÔNG CHÍNH QUY THEO KHU VỰC

Viện Kinh Thánh Hindustan (HBI) là một điển hình nổi bật ở Ấn Độ về việc động viên và đào tạo người mở mang Hội Thánh có hiệu quả và sáng tạo (xem Gupta và Lingenfelter 2006). Ngoài các chương trình chính quy, HBI đã bắt đầu một chương trình không chính quy hai năm để nhân rộng số người mở mang Hội Thánh, gọi là Viện Đào Tạo Giáo Sĩ (MTI). Có ba nguyên tắc chỉ đạo là: (1) tìm các sinh viên có tâm lòng truyền giáo và mở mang Hội Thánh, (2) nhắc lại thông tin nền tảng trong Kinh Thánh và mục vụ thực tế để giảm nhẹ việc học cho những người đó, (3) buộc người được đào tạo phải áp dụng bằng cách dạy cho người khác – nghĩa là họ phải lập tức dạy lại những điều vừa được học bằng cách tiếp cận và môn đồ hóa những người khác trong các làng. Một chương trình đào tạo tại chỗ được tổ chức để giúp các nhà truyền giáo đang làm công tác mở mang Hội Thánh. Số lượng trung bình các Hội Thánh được thành lập bởi mỗi học viên tăng từ 1,5 vào năm 1991 lên 3 Hội Thánh vào năm 1993, và 4,5 Hội Thánh vào năm 2003 (sách đã dẫn, 38). Trong thời gian này có hơn 500 người mở mang Hội Thánh được đào tạo bởi MTI, và họ đã thành lập khoảng 2.300 Hội Thánh với tổng số tín hữu là 110.000 người (sách đã dẫn, 50-53).

Những yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của phong trào gồm có (1) việc mở các chương trình không chính quy cho những người không có khả năng hoặc không đủ tiêu chuẩn để tham gia việc học chính quy nhưng có ân tứ mở mang Hội Thánh; (2) phương pháp học có tính thực tế, sát với bối cảnh và theo kinh nghiệm; (3) đánh giá đều đặn, lặp đi lặp lại nội dung học, cố vấn tại chỗ; (4) trao quyền cho người học dạy và động viên những người mới tin để nhân rộng Hội Thánh. Để chuyển từ tăng thêm sang nhân rộng, thì điều quan trọng là phải huấn luyện cho người mở mang Hội Thánh chủ động môn đồ hóa những tân tín hữu để họ cũng có thể môn đồ hóa những người khác (sách đã dẫn, 52). Cuối cùng, những người mở mang Hội Thánh xuyên văn hóa được đào tạo để tiếp cận nhiều nhóm bộ tộc khác nhau tại Ấn Độ bằng cách sử dụng cách tiếp cận kiểu sứ đồ đã được trình bày trong chương 5. Cũng giống như nhiều chương trình đào tạo những người mở mang Hội Thánh bình dân khác, các kỹ năng về nghề nghiệp, vệ sinh, và y tế cơ bản cũng được giảng dạy để giúp họ có thể làm việc như người lương nghiệp và bảo đảm sức khỏe.

Một điển hình khác về trung tâm đào tạo người mở mang Hội Thánh theo khu vực là tại My-an-ma. Từ năm 1996 đến năm 2007 có 5 Hội Thánh với tổng số thành viên dưới 100 người đã tăng lên 36 Hội Thánh với 835 thành viên chủ yếu là người có nguồn gốc Phật giáo. “Tất cả những người mở mang Hội Thánh đều bắt đầu là người rao giảng Phúc âm. Khi một nhóm người đã được tập hợp lại, thì nhà truyền giáo được đề bạt làm mục sư tập sự. Chỉ khi nhóm đó tiếp tục phát triển và trưởng thành thì người lãnh đạo mới được xác nhận là một mục sư thực thụ” (Tanner 2009, 154). Dù tất cả các lãnh đạo tại trung tâm đều có học vị về thần học, họ đã được đào tạo đặc biệt về truyền giáo và mở mang Hội Thánh tại Úc châu.

Một điển hình cuối cùng về việc đào tạo nhóm mở mang Hội Thánh giữa vòng người Hồi giáo cũng ở tại Đông Nam Á. Những người mở mang Hội Thánh được tuyển mộ là những người đã được huấn luyện về Kinh Thánh và mục vụ trong các trường Kinh Thánh và chủng viện. Họ được đưa vào một trong các trung tâm đào tạo khu vực chuyên đào tạo người mở mang Hội Thánh. Trong thời gian sáu tháng họ tham gia lớp học hai ngày một tuần, và những ngày khác họ tham gia vào một nhóm mở mang Hội Thánh tại địa phương để áp dụng những điều được học. Các nhóm gồm bốn hoặc năm người được thành lập và sai đi để mở các Hội Thánh mới. Định kỳ, các nhóm tập hợp lại với nhau trong khu vực của họ để thông công, báo cáo công việc và tiếp nhận sự trang bị.

Huấn Luyện Và Khích Lệ Những Người Mở mang Hội Thánh

Một yếu tố quan trọng khác trong việc trang bị những người mở mang Hội Thánh có hiệu quả là công tác huấn luyện và cố vấn thường xuyên. Khi người mở mang Hội Thánh mới thực sự bước vào công tác mở mang Hội Thánh, thì phải đối diện với nhiều thách thức không thể biết trước và chưa được đề cập trong quá trình đào tạo. Việc áp dụng các nguyên tắc mở mang Hội Thánh, giải quyết nan đề, và thu nhận những hiểu biết mới về tình huống không thể tự động có được. Vì vậy, một số hình thức trợ giúp thường xuyên được xem là quan trọng trong việc trang bị cho những người mở mang Hội Thánh. Việc cung cấp những hội thảo nâng cao là một cách để đáp ứng nhu cầu đó. Nhưng thường thì sự hướng dẫn và tư vấn cá nhân sát với thực tế của người mở mang Hội Thánh sẽ có hiệu quả hơn. Sự phát triển những người mở mang Hội Thánh về lâu dài phải bao gồm nhiều nội dung hơn ngoài các kỹ năng giải quyết nan đề. Nó phải bao gồm việc phát triển về cá nhân của người mở mang Hội Thánh. Việc đối phó với những sự nản lòng và những hạn chế về cá nhân, việc lợi dụng những ưu điểm, và việc tôn vinh các thành tích là những mục tiêu cơ bản mà những người mở mang Hội Thánh cần được huấn luyện trong năm đầu hoặc năm thứ nhì của chức vụ.

Tầm quan trọng của việc cố vấn và huấn luyện đã được công nhận rộng rãi trong hầu hết các ngành, đặc biệt là quản trị, giáo dục, và thể thao. Những người mở mang Hội Thánh khắp nơi đều đồng ý rằng việc khích lệ và tư vấn liên tục cho những người mở mang Hội Thánh là rất quan trọng. Sherwood Lingenfelter tóm lược tầm quan trọng của việc cố vấn cá nhân cho những người mở mang Hội Thánh ở Ấn Độ có quan hệ với HBI như sau: “Việc đào tạo không có sự cố vấn của mục sư hoặc người lãnh đạo khác thì thường không thành công. Điều này đúng với mọi cấp độ đào tạo của HBI. Các mục sư không biết cách thành lập Hội Thánh thứ hai và thứ ba nếu không có sự cố vấn của người lãnh đạo” (Gupta và Lingenfelter 2006, 98). Dù theo kinh nghiệm thì có đôi chút phức tạp liên quan đến việc huấn luyện cho người mở mang Hội Thánh có làm cho sự phát triển Hội Thánh nhanh hơn hay không,⁶ nhưng rõ ràng là sự khích lệ cá nhân và chia sẻ thông qua huấn luyện đã góp phần vào hiệu quả chung.

⁶ Stetzer (2006, 102-3) thấy rằng việc gặp gỡ thường xuyên với một huấn luyện viên đã làm tăng quy mô của Hội Thánh. Tuy nhiên, một nghiên cứu được thực hiện bởi Gray (2007, 146) không chứng tỏ việc huấn luyện người mở mang Hội Thánh là yếu tố quan trọng khi so sánh các Hội Thánh đang phát triển nhanh và các Hội Thánh đang vật vờ.

Đôi khi có sự phân biệt giữa cố vấn, là việc chú ý đặc biệt đến sự phát triển cá nhân, và huấn luyện, là việc chú trọng nhiều hơn về các kỹ năng. Nhưng dù là thuật ngữ *huấn luyện* hoặc *cố vấn* được dùng thì cũng không quan trọng bằng mục đích mà qua đó một người mở mang Hội Thánh có kinh nghiệm hơn giúp đỡ cho một người còn ít kinh nghiệm. Dĩ nhiên, khái niệm về cố vấn đã lâu đời như chính Kinh Thánh và có thể được tìm thấy qua các điển hình như Môi-se và Giô-suê, Ê-li và Ê-li-sê, Ba-na-ba và Phao Lô, Phao Lô và Ti-mô-thê. Tuy nhiên, các nguồn tài liệu thực tế hỗ trợ cho công tác huấn luyện người mở mang Hội Thánh thì chỉ mới có trong thời gian gần đây. Ví dụ như *Coaching for Performance* của John Whitmore (2009), *Coaching 101* của Robert Logan và Sherilyn (2003). Cũng có nhiều tài liệu trực tuyến trợ giúp cho các huấn luyện viên như www.coachu.com và www.coachnet.org.

Huấn luyện viên phải tìm cách giúp đỡ người được huấn luyện khám phá con đường riêng của mình để đạt được các mục tiêu và tìm kiếm giải pháp cho vấn đề đang đối diện. Mục tiêu là nhằm tránh việc người mở mang Hội Thánh phụ thuộc vào người huấn luyện, và thay vào đó là giúp đỡ người mở mang Hội Thánh phát triển phẩm chất, kỹ năng và khả năng giải quyết vấn đề. Người được huấn luyện không chỉ trở thành người mở mang Hội Thánh hiệu quả, mà lý tưởng hơn là trở thành một người huấn luyện cho những người khác.

Việc huấn luyện xuyên văn hóa, trong đó huấn luyện viên và người được huấn luyện xuất thân từ các nền văn hóa khác nhau, còn có những thách thức trong sự giao tiếp có thể tạo ra những kỳ vọng khác nhau và sự hiểu lầm. Ví dụ, những phương pháp huấn luyện gián tiếp mà những người Bắc Mỹ ưa dùng có thể gây nhầm lẫn. Những mối quan hệ định hướng theo nhiệm vụ cách quá đáng có thể tạo ra sự không hài lòng. Những người huấn luyện phải quen thuộc với các tiêu chuẩn trong việc giao tiếp xuyên văn hóa và quản trị. Việc huấn luyện trong các nhóm nhỏ, đôi khi được gọi là huấn luyện các cụm, là một cách tiếp cận hữu ích khác. Trong khi phong cách huấn luyện này ít mang tính cá nhân, thì giá trị của nó là ở chỗ các thành viên của nhóm là thước đo của việc huấn luyện và trách nhiệm.

Bất kể sử dụng cách tiếp cận nào, việc huấn luyện có hiệu quả phải dựa trên một mối quan hệ chân thật, có chủ ý, gặp nhau đều đặn, và phải có trách nhiệm. Điều này đòi hỏi sự cam kết từ cả hai phía. Đa số những người ủng hộ và những người thực hành việc huấn luyện người mở mang Hội Thánh đều đề nghị ít nhất phải có cuộc họp huấn luyện hằng tháng, và việc tiếp xúc thường xuyên hơn sẽ làm gia tăng hiệu quả, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của việc thành lập Hội Thánh. Mục đích là để cho người huấn luyện giúp đỡ người mở mang Hội Thánh nhận ra đầy đủ tiềm năng của mình và trở thành một người mở mang Hội Thánh có khả năng sinh sản.

Sự Cộng Tác Và Các Nguồn Lực
Trong Công tác Mở Mang Hội Thánh

Khái niệm cộng tác trong hoạt động truyền giáo, dù rất thịnh hành, không phải là mới mẽ. Ví dụ, trong thế kỷ XVIII John Williams đã đem Tin Lành đến vùng đảo Thái bình dương và thiết lập một cơ sở tại đảo Rarotonga. Trong những năm tiếp theo ông đã dịch Kinh Thánh sang tiếng Rarotonga, phát triển một trung tâm đào tạo, và xây dựng một đường dẫn để chuyên tải các nhóm truyền giáo người Rarotonga. “Dưới sự lãnh đạo của ông, công tác truyền giáo đã được thực hiện hoàn toàn bởi các giáo viên bản xứ, hầu hết đều được đào tạo rất ít. . . Tuy nhiên, họ đã can đảm rời bỏ gia đình và bộ tộc để đi đến các vùng xa lạ chung quanh và học những ngôn ngữ xa lạ, mạo hiểm đem Tin Lành đến cho những người dân trong các vùng đảo của họ” (Tucker 1983, 211). Sự cộng tác này là một yếu tố quan trọng trong công tác truyền giáo tại Nam Hải, và vào năm 1834, chỉ mười một năm sau khi ông đặt chân lên đảo Rarotonga, “Không còn một đảo quan trọng nào trong vòng hai ngàn dặm của Tahiti chưa được thăm viếng” (Hadrman 1978). Việc môn đồ hóa từ Giê-ru-sa-lem cho đến tận cùng trái đất đã làm dấy lên nhiều sự cộng tác quốc tế và giữa các nền văn hóa.

Tin Lành phải truyền từ nhóm người này sang nhóm người khác, và điều đó chỉ xảy ra khi những người được truyền bá Phúc âm phối hợp với những người đem Phúc âm cho họ tiếp cận những nhóm người chưa được nghe Phúc âm khác. Hơn nữa, không có Hội Thánh hoặc hiệp hội các Hội Thánh nào có thể đến với tất cả các nhóm người chưa được tiếp cận trên thế giới hoặc có đủ nguồn lực và sự khôn ngoan để hoàn thành Đại mạng lệnh một mình. Christopher Little nhận xét: “Phong trào Hợp Tác Quốc Tế (IPM) đã trở thành lực lượng có ảnh hưởng nhất đối với Hội Thánh toàn cầu ngày nay. . . Nó càng có thêm nhiều động lực khi các tổ chức, các Hội Thánh và các cá nhân, cả phương Tây và phi phương Tây, gia nhập” (2005, 2). Điều này phần lớn là do sự toàn cầu hóa các nỗ lực truyền giáo và sự trưởng thành của các quốc gia mới ở Nam bán cầu. Các giáo sĩ mới thường muốn hợp tác làm việc với các tổ chức truyền giáo phương Tây hiện hữu với sự bình đẳng và tôn trọng. Paul Gupta, người chủ yếu viết về tình hình tại Ấn Độ, đã nhấn mạnh giá trị của sự hợp tác như sau: “Với tư cách là người huấn luyện, người tư vấn, và là người tạo thuận lợi, [giáo sĩ ngoại quốc] có thể giúp Hội Thánh bản địa phát triển một phong trào mở mang Hội Thánh, hoặc trang bị cho phong trào đó các kỹ năng lãnh đạo cơ bản và các nguồn lực để làm phát triển các Cơ đốc nhân và các Hội Thánh đến mức trưởng thành và năng động. Khi các Hội Thánh ngoại quốc và các tổ chức truyền giáo điều chỉnh khái tượng của họ và *xác định lại vai trò của họ để cộng tác với các Hội Thánh bản địa, thì họ sẽ có một ảnh hưởng về nước Trời lớn hơn là những nỗ lực ‘tiên phong’*” (Gupta và Lingenfelter 2006, 198).

Sự cộng tác bao gồm các nỗ lực như các nhóm ngắn hạn, các nỗ lực cứu trợ từ thiện, và hỗ trợ tài chính cho các nhân sự trong nước. Ngày nay sự cộng tác có nhiều hình thức như:

- Một giáo sĩ ngoại quốc làm việc bên cạnh các nhân sự trong nước
- Sự hợp tác giữa các cơ quan truyền giáo của nhiều nước khác nhau
- Sự cộng tác quốc tế giữa các hội chúng
- Các Hội Thánh địa phương gửi đi các nhóm công tác ngắn hạn để cộng tác với các giáo sĩ hoặc các Hội Thánh địa phương
- Sự hỗ trợ trực tiếp cho các nhân sự trong nước bởi một Hội Thánh địa phương hoặc cơ quan truyền giáo
- Sự hợp tác giữa các hiệp hội hoặc các hệ phái

Tuy nhiên, sự cộng tác trong việc truyền giáo được thực hiện khá phổ biến và đôi khi không được coi trọng đến nỗi có thể tạo ra những hậu quả tiêu cực không mong muốn. Chúng ta sẽ xem xét các dạng cộng tác khác nhau, những nguy cơ phổ biến, và một vài “cách thực hiện tốt” để tránh sự thất vọng và làm dụng các nguồn lực của Đức Chúa Trời trong công tác mở mang Hội Thánh toàn cầu.

Các Định Nghĩa Và Giả Định

Trong chương này chúng ta sẽ chú trọng về sự cộng tác liên quan chủ yếu đến việc mở mang Hội Thánh. *Sự cộng tác mở mang Hội Thánh* là một sự hợp tác tự nguyện để thành lập một hoặc nhiều Hội Thánh. Khi sự cộng tác đó được lành mạnh, nó góp phần vào sự sinh sản những Hội Thánh bản địa mạnh khỏe thông qua sự chia sẻ các nguồn lực và ý tưởng trong mối quan hệ tương hỗ, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau.¹ Chúng tôi khám phá nhiều loại công tác khác nhau có sự phối hợp giữa việc môn đồ hóa và các hoạt động xã hội thiện nguyện và góp phần vào sự nhân rộng các Hội Thánh lành mạnh (xin xem chương 19).

Tất cả các Hội Thánh đều có thể tham gia vào sự công tác. Với sự tham gia của nhiều Hội Thánh tại châu Phi, châu Á và châu Mỹ La Tinh vào việc gọi giáo sĩ, thì việc *gọi và nhận* phải được sử dụng và nghe hiểu theo một ý nghĩa hoàn toàn mới. Các cụm từ *Hội Thánh gọi* và *Hội Thánh nhận* không còn diễn đạt ý nghĩa đầy đủ bởi vì nó gây ra ấn tượng là một số Hội Thánh vẫn còn là những Hội Thánh nhận. Sự cộng tác đã phá bỏ sự phân biệt sai lầm này. Để đơn giản hóa, chúng tôi sẽ sử dụng từ *ngoại quốc* cho phía những người đến từ nền văn hóa khác và từ *địa phương* cho phía những người mà Hội Thánh mới được thành lập ở địa phương của họ. Những người ngoại quốc đi mở mang Hội Thánh sẽ được gọi là *nhóm giáo sĩ*.

Các Lý Do Theo Kinh Thánh Và Thực Tiễn

Có một số lý do chắc chắn theo Kinh Thánh cho sự cộng tác trong việc truyền giáo. Sự đẩy nhanh việc thực hiện Đại mạng lệnh vẫn là mục đích cơ bản. Phao Lô và Ti-mô-thê ghi nhận những nỗ lực của Hội Thánh Phi-líp trong việc truyền bá Phúc âm cho những cộng đồng khác (Phil 4:10-18), và Phao Lô mong muốn Hội Thánh tại Rô ma giúp ông đem Tin Lành đến Tây Ban Nha sau khi ông viếng thăm họ một thời gian (Rô 15:24). Sự cộng tác tạo thuận lợi cho việc mở các Hội Thánh mới bằng việc phối hợp các ân tứ và nguồn lực lại với nhau một cách có chiến lược.

Việc cộng tác cũng có một ảnh hưởng khá tốt bằng việc thể hiện sự quan tâm, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. Hội Thánh Phi-líp đã thể hiện lòng rộng rãi qua việc dâng hiến mang tính chất hy sinh (Phil 4:10-19) và cử Ép-pa-phô-đích đến chăm sóc cho Phao Lô (2:25-30). Sau đó Phao Lô sai Ép-pa-phô-đích mang thư của ông trở về để giải tỏa sự lo lắng của họ (2:28)

¹ Có nhiều tài liệu viết về sự phụ thuộc và sự hỗ trợ tài chính cho các nhân sự trong nước gây ra nhiều tranh cãi. Ví dụ như McQuilkin 1999 và Bennett 2000. Daniel Rickett (2000) bàn về sự phụ thuộc lành mạnh và trách nhiệm trong các nỗ lực truyền giáo. Cách tiếp cận của chúng tôi là tránh luận chiến và đề xuất những cách tích cực về việc sử dụng các nguồn lực trong sự cộng tác mở mang Hội Thánh.

và khích lệ họ. Sự công tác giữa nhóm truyền giáo của Phao Lô và các Hội Thánh dân ngoại để cứu giúp cho Hội Thánh Giê-ru-sa-lem trong nạn đói cũng nhằm ý định xây dựng sự hợp nhất giữa các Hội Thánh người Do Thái và dân ngoại (1 Cô 16:1-4; 2 Cô 8-9).²

Khi sự cộng tác lành mạnh thì sẽ làm tăng thêm sức mạnh chứ không phải kiểm soát. Phao Lô ngụ ý rằng ông tránh làm Báp têm cho các tín hữu Cô-rinh-tô để họ không thể hình thành một phe Phao Lô (1 Cô 1:14-15). Các lãnh đạo của Hội Thánh Do Thái quyết định không áp đặt các tiêu chuẩn văn hóa của họ cho các Hội Thánh dân ngoại (Công vụ 15). Không ai từ bỏ đặc điểm văn hóa của họ để tham gia vào sự cộng tác. Mục đích là cả hai phía, dù khác nhau, vẫn bảo toàn những đặc điểm văn hóa của họ, học hỏi lẫn nhau, và đóng góp những điều có ý nghĩa vào mục đích chung tùy theo khả năng riêng của họ.

Những sự phối hợp tự nguyện này sử dụng các ân tứ, nguồn lực và ý tưởng khác nhau *một cách tổng hợp*. Phao Lô đã hội nhập vào các nhóm mới những ưu điểm và sự hiểu biết về văn hóa của các cộng sự được tuyển mộ từ các Hội Thánh mà ông đã thành lập trước đó.³ Truyền đạo 4:9-12 liệt kê nhiều ích lợi của việc cộng tác: kết quả lớn hơn, sự bảo vệ, giúp đỡ khi cần, sự âm áp và sức mạnh. Hơn nữa, trách nhiệm trở thành những người quản lý khôn ngoan về thời gian, khả năng và của cải đòi hỏi các bên cộng tác phải đánh giá thường xuyên về ảnh hưởng và kết quả của họ (Lu 16:8-12).

Những Lợi Ích Khác Của Sự Cộng tác

Sự làm việc chung với nhau giúp vượt qua được qui mô to lớn của nhiệm vụ truyền giáo thế giới và quản lý tốt các nguồn lực khác nhau cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ to lớn đó. Điều này càng trở nên quan trọng hơn khi chúng ta quan tâm đến sự xuất hiện của nhiều tổ chức mới trong công tác truyền giáo thế giới. Khi bước sang thế kỷ XXI, số lượng các giáo sĩ từ nam bán cầu đã gần ngang bằng với các giáo sĩ của các Hội Thánh phương Tây (Jaffarian 2004) hoặc thậm chí có thể vượt qua (Keyes 2003). Ngoài ra, các vấn đề thực tế về huấn luyện, sử dụng, và tiếp tục đi ra được đáp ứng một cách có hiệu quả hơn thông qua sự hợp tác khéo léo của mọi người tham gia.

Sự cộng tác cũng có thể thực hiện dưới cộng đồng học tập. Những người đến từ các nước mới gởi giáo sĩ cung cấp những nhận thức mới, nguồn lực bổ sung, và nhân sự cần thiết nhưng cần học hỏi từ kinh nghiệm của những tổ chức truyền giáo đã được thiết lập trong các khu vực về cơ cấu hỗ trợ phát triển và sự chăm sóc để có được hiệu quả lâu dài. Dòng chảy của các tư tưởng và chiến lược ngày càng chuyển từ Đông sang Tây (như các phong trào Hội Thánh Tế bào và Tư gia, cuộc chiến thuộc linh, cách tiếp cận những người hậu hiện đại), như được thấy trong bài học thực tế 18.1.

Sự cộng tác tạo điều kiện để có nhiều nhân sự tham gia hơn. “Truyền giáo ngắn hạn là một hình thức cộng tác chung trong việc làm chứng và phục vụ với những Cơ đốc nhân đã có mặt tại địa phương” (Priest và Priest 2008, 66). Vì vậy, truyền giáo ngắn hạn (STM) đưa hàng triệu Cơ đốc nhân vào công tác phục vụ và làm chứng xuyên văn hóa. Nhà sử học Eliseo Vilchez nhận thấy tiềm năng to lớn của phong trào này qua nhận định sau: “Trong bối cảnh toàn cầu hóa về tôn giáo, STM nổi lên như là một công cụ mạnh mẽ nhất của hoạt động truyền giáo hiện nay và của sự biến đổi tôn giáo mà toàn thế giới biết đến” (trích từ Paredes

² Richard Longenecker (1964, 228-29) lập luận rằng có cả hai mục đích nhưng việc Phao Lô quyết định đi đến Giê-ru-sa-lem cùng với số tiền dâng chứng tỏ mối quan tâm của ông về sự bất hòa giữa cộng đồng Cơ đốc Do Thái và dân ngoại.

³ Xin xem lại chương 3 và chương 16, phần nói về các nhóm mở mang Hội Thánh, để thấy Phao Lô quan tâm như thế nào về nhóm của ông.

Bài học thực tế 18.1

Cộng Tác Dưới Hình Thức Cộng Đồng Học Tập

Một người mở mang Hội Thánh người Mỹ làm việc tại Trung Á trong bảy năm mà không có một người tin Chúa mặc dù ông ta có kinh nghiệm, tận tâm và có sự giúp đỡ của các Hội Thánh tại quê nhà. Ông đã thành công trong việc kết được nhiều bạn trong vòng người Uzbek nhưng đau lòng vì không một người nào tin Chúa. Một giáo sĩ người Hàn quốc đã làm việc với ông. Người này không có nhiều nguồn lực nhưng rất mạnh dạn và hiểu biết sâu sắc về các nền văn hóa truyền thống. Ông ta giải thích rằng bằng việc kết quả nhiều bạn mà người Mỹ không thể sống đúng theo kỳ vọng của người Uzbek về tình bạn và sự hiếu khách. Cả hai đặt qua một bên việc làm bạn để tập trung vào việc tìm kiếm “người đáng nhận sự bình an” (Lu 10:6) và bắt đầu nói về vấn đề thuộc linh với họ một cách có chủ ý và ngay lập tức. Cách tiếp cận này là chìa khóa để đưa Phúc âm đến cho nhiều gia đình và thành lập hai Hội Thánh mới. Có nhiều Hội Thánh mới đã bắt đầu từ những gia đình này bởi vì việc học Kinh Thánh với “những người đáp ứng đầu tiên” trong mỗi làng đã xóa tan sự nghi ngờ và dần dần có nhiều thành viên khác của gia đình tham gia. Vị giáo sĩ người Hàn quốc đã hiểu các đặc điểm văn hóa và đã giúp đỡ cho vị giáo sĩ người Mỹ vận dụng cách tiếp cận của ông. Mặt khác, vị giáo sĩ người Mỹ cung cấp các nguồn lực cho nhóm và có khả năng lãnh đạo trong giai đoạn thành lập. Giá trị của sự cộng tác dưới hình thức cộng đồng học tập này không thể xem nhẹ.

2007, 250). Những kinh nghiệm và những mối quan hệ xuyên văn hóa mở rộng nhận thức và phá bỏ được sự rập khuôn.⁴

Tuy nhiên, không thể dựa vào sự đóng góp lâu dài của sự cộng tác của những STM này để bảo đảm với sự nhân rộng Hội Thánh. Đa số các đợt truyền giáo chỉ kéo dài dưới hai tuần; phần lớn các nhóm đều là những thanh niên ít kinh nghiệm và đi đến các quốc gia dưới dạng du lịch (Priest và Priest 2008). Có rất ít nhóm đi đến những nơi trong Cửa sổ 10/40⁵ cho nên ảnh hưởng chủ yếu là củng cố các mục vụ hiện có thay vì mở rộng tới những khu vực chưa được tiếp cận (sách đã dẫn). Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc củng cố chất lượng của các STM và tổ chức chúng trong bối cảnh cộng tác mở mang Hội Thánh dài hạn có thể đem lại những đóng góp tích cực lâu dài. Những đề nghị thực tế sẽ được đưa ra trong chương này.

Cũng cần lưu ý rằng sự đóng góp của các hình thức cộng tác có thể vượt xa hơn các ích lợi về chức năng. Khi sự cộng tác bày tỏ được tình yêu của Đấng Christ cho thế giới, thì đó là lời chứng về quyền năng của Tin Lành và là dấu hiệu chứng tỏ rằng nước Trời đang hiện diện. Sameh Maurice chỉ ra giá trị thần học của nó như sau: “Chúng tôi rất tin tưởng vào sự cộng tác. Chúng tôi tin sự hiệp một của thân thể Đấng Christ; một Hội Thánh địa phương chỉ có thể làm được rất ít. Các Hội Thánh phối hợp với nhau có thể làm được nhiều hơn. [Chúng tôi tin] rằng thân thể hiệp nhất của Đấng Christ có thể làm điều tưởng như không thể; có thể làm điều mà chính Đấng Christ có thể làm. Đó là lý do mà chúng tôi kêu gọi Hội Thánh trên toàn cầu cộng tác với chúng tôi trong nhiều dự án” (Maurice 2005).⁶

⁴ Xin xem những tài liệu sau để biết chi tiết hơn về các nhóm STM. Rickett 2000, Livermore 2006, Robert Priest 2006.

⁵ “Cửa sổ 10/40” chỉ về những quốc gia nằm trong vùng địa lý giữa vĩ tuyến thứ 10 và 40 tại châu Á và châu Phi. Đa số các quốc gia chưa được nghe Phúc âm nằm trong vùng này.

⁶ Sameh Maurice là mục sư của Hội Thánh Kasr-El-Dobbara tại Cairo, Ai cập vào thời điểm phỏng vấn (18/11/2005).

Các Hình Thức Cộng Tác

Cộng tác mở mang Hội Thánh thì thường đa dạng và năng động. Đó là những vật thể sống và cần phải được đối xử như vậy. Mỗi hình thức cộng tác được định hình bởi một khái niệm riêng, các nguồn lực sẵn có, sự trưởng thành và ân tứ của những người tham gia. Một số thì tăng thêm nhân sự khi tiến triển. Cơ cấu của chúng được xác định bởi số lượng và đặc điểm của các bên tham gia. Đa số thường có hai (cộng tác song phương) hoặc ba (cộng tác ba bên) đơn vị tham gia, nhưng một số thì có nhiều hơn (cộng tác đa phương).

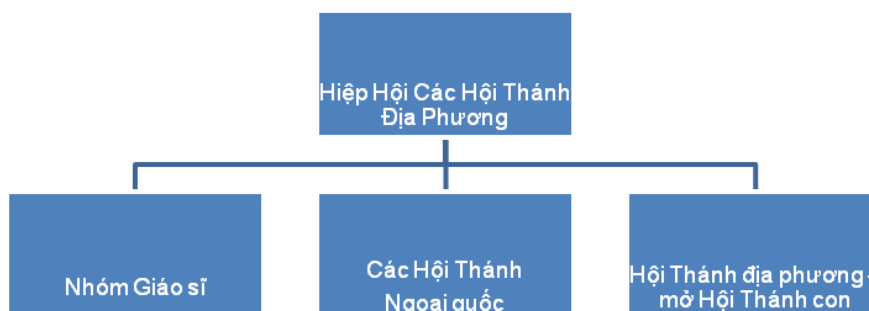
Cộng tác song phương, cũng được gọi là hội chúng- với hội chúng, liên kết một Hội Thánh địa phương với một Hội Thánh hoặc một nhóm giáo sĩ ngoại quốc. Đây là dạng đơn giản nhất và phổ biến nhất. Nhiều thỏa thuận gọi các nhóm STM thuộc dạng này. Những nhóm này tăng thêm sức lực, uy tín và các nguồn lực vào những thời điểm quan trọng của nỗ lực mở mang Hội Thánh, giúp Hội Thánh mới vượt qua những cản trở trong sự phát triển. Đây thường là những nỗ lực cộng tác dài hạn qua đó người giáo sĩ hoạt động lúc đầu với tư cách là “người khai phá” và sau đó phục vụ một cách vô tư với vai trò một người khích lệ, người cố vấn, và người giải quyết nan đề. Khảo sát của Carl Brown cho thấy rằng khả năng và sự cam kết của những người này có một ảnh hưởng to lớn đối với thành công của sự cộng tác và dự án mở mang Hội Thánh.⁷

Chúng tôi gọi nỗ lực hợp tác có sự tham gia của nhiều hơn hai đối tác là *cộng tác đa phương* (xem hình 18.1). Nỗ lực này có thể kết nối nhiều Hội Thánh ngoại quốc và một nhóm giáo sĩ địa phương để giúp đỡ một dự án quốc tế. Thường thì số lượng các đối tác tăng lên tùy theo tỷ lệ tầm cỡ của dự án. Đôi khi đó là sự hợp tác của các đối tác trong khu vực. Ví dụ, một nhóm các Hội Thánh Tin Lành Tự Do Bắc Mỹ (một quận) cộng tác với một hiệp hội các Hội Thánh Mê-hi-cô trong nhiều dự án, sử dụng các nhóm STM trong việc huấn luyện, truyền giáo, và xây dựng để củng cố những Hội Thánh hiện hữu và thành lập các Hội Thánh mới. Một cặp vợ chồng giáo sĩ có kinh nghiệm phục vụ với tư cách người tạo thuận lợi và người xúc tác bằng cách chuẩn bị các dự án, định hướng cho các nhóm, và tham gia vào nhiều dự án.

Các hình thức hợp tác liên hệ phái của các Hội Thánh địa phương để hỗ trợ một dự án mở mang Hội Thánh cũng đã được hình thành. Ví dụ, tại vùng Milwaukee, có nhiều Hội Thánh đã liên kết với nhau để hỗ trợ công việc tại Indonesia. Để cho công việc được tiến hành tốt, những người tạo thuận lợi phải là các chuyên gia coi đây là một mục vụ chủ yếu. Họ phát triển các công cụ, những cách làm tốt nhất và các hệ thống để giúp đỡ những đối tác này vượt qua những giai đoạn khó khăn để đạt được kết quả tích cực.

Hình 18.1

Sự Cộng Tác Đa Phương



⁷ Xin xem thêm Hiebert 2006 về vai trò trung gian của giáo sĩ trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay.

Yếu tố then chốt: các chuyên gia cộng tác là người vun đắp các mối quan hệ và xây dựng hệ thống

Sự cộng tác cũng có thể được phân biệt bởi trọng tâm mục vụ của chúng. Thậm chí những sự cộng tác chú trọng vào việc củng cố và sự sinh sản của Hội Thánh có thể sử dụng nhiều phương tiện khác nhau. Các nỗ lực truyền giáo và môn đồ hóa thường là một bộ phận của sự cộng tác mở mang Hội Thánh nhưng không phải là duy nhất, cũng không nhất thiết là hình thức chủ yếu của sự hợp tác. Phụ chú 18.1 liệt kê một số cách mà các nhóm STM có thể cộng tác với một nỗ lực mở mang Hội Thánh.

Những Hướng Dẫn Để Có Sự Cộng Tác Lành Mạnh

Sự cộng tác mở mang Hội Thánh có tiềm năng lớn, nhưng chúng đòi hỏi nhiều về nhân lực và công sức. Vì vậy chúng cần được thực hiện một cách khôn ngoan, phù hợp với những hướng dẫn sau đây.

Có một mục đích rõ ràng. Phải thống nhất về mục tiêu cơ bản bằng sự cầu nguyện. Thông qua cầu nguyện, Đức Thánh Linh thường hoàn thành những việc mà không một đối tác nào ngờ tới. Tổ Chức Hợp Tác Quốc Tế nhận thấy rằng để gia tăng hiệu quả của sự cộng tác, thì phải chú trọng nhiều hơn vào kết quả cuối cùng của sự cộng tác, vì vậy nó bắt đầu kết hợp các đánh giá về chất lượng và số lượng của kết quả cộng tác (Downey 2006).

Xác định rõ các kỳ vọng. Bản chất của sự cộng tác, thỏa thuận về tài chính, việc đưa ra quyết định, và những vấn đề khác phải được thảo luận công khai ngay từ đầu. Các đối tác từ các nền văn hóa khác nhau có thể hiểu về ý nghĩa và mục đích của sự cộng tác một cách khác nhau. Ví dụ, các nền văn hóa có tính chất quan hệ nhiều hơn có thể xem sự cộng tác như là một quan hệ bạn bè, trong khi những người từ nền văn hóa đô thị có thể xem nó chủ yếu là công tác mở mang Hội Thánh (Brown 2008). Oscar Muriu (2007) chỉ ra rằng người Mỹ có khuynh hướng tự tin, thẳng thắn và thích giải quyết các nan đề, trong khi người châu Phi có khuynh hướng kín đáo và ít trực diện hơn, vì vậy sự cộng tác có thể bị tổn thương trừ phi những người Mỹ coi trọng quan điểm của người địa phương hơn những định kiến của họ.

Có sự linh động. Các mối quan hệ tiến triển, hoàn cảnh thay đổi, và những phát triển không ngờ xuất hiện. Một thỏa thuận cộng tác có thể được một đối tác xem như là sự hướng dẫn tạm thời hoàn toàn có thể được đàm phán lại khi tình huống thay đổi, trong khi đối tác khác có thể xem nó như một hợp đồng cố định. Thậm chí khi những kỳ vọng được nói ra một cách rõ ràng, thì các thỏa thuận cũng cần phải được sửa đổi cho phù hợp với những thực tế mới. Những nguyên tắc căn bản thì không nên thỏa hiệp, nhưng sự linh động về những vấn đề không quan trọng sẽ góp phần tạo nên hiệu quả lớn hơn và sự hài lòng cho tất cả các bên. Cần phải tránh những chính sách và lịch trình chặt chẽ.

Phụ chú 18.1

Cách Phối Hợp Các Nỗ Lực Truyền Giáo Ngắn Hạn Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh

- Các dự án xây dựng: nhà thờ, sân chơi, nhà cửa, trung tâm cộng đồng
- Phục vụ cộng đồng như đào giếng, dọn vệ sinh, phát triển nông nghiệp, giúp đỡ trường học, cô nhi, bệnh viện
- Lấy ý kiến những người lân cận, phân phát văn hóa phẩm
- Ca nhạc đường phố, thể thao, kịch câm, âm nhạc, chiếu phim
- Trại tiếng Anh, dạy kèm tiếng Anh
- Phòng khám y và nha khoa, giáo dục sức khỏe cộng đồng
- Trình diễn trong các trường học địa phương

- Mục vụ về cắm trại
- Các hội thảo về phát triển lãnh đạo, giảng dạy, huấn luyện
- Mục vụ cầu nguyện
- Các hội thảo phát triển chuyên môn như giáo dục thường xuyên cho các bác sĩ, giáo viên, lãnh đạo doanh nghiệp, nhân viên phát triển
- Các dự án về môi trường hỗ trợ tổng thể và về kỹ thuật cho các chiến dịch truyền giáo lớn.

Cần có người trung gian về văn hóa. Trong một thế giới đa văn hóa thì những kỳ vọng không đáp ứng được có thể tạo nên căng thẳng. Và ở đâu có sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, kinh tế và những điều khác, thì ở đó có khả năng hiểu lầm lớn. Những đối tác thiếu kinh nghiệm thường xem nhẹ đối tác này. Một lần nữa, một người trung gian về văn hóa và ngôn ngữ, chẳng hạn như một giáo sĩ trưởng thành, được xem là vô giá để đàm phán về quan hệ, giúp cho mỗi bên hiểu được những đặc điểm của bên khác, và đại diện công bằng cho cả hai bên.

Phát triển sự cộng tác với sự kiên nhẫn. Trong tiếng Tây-ban-nha, cụm từ *relación de socios* (mối quan hệ của sự hiệp tác) được dùng để chỉ về sự cộng tác, ngụ ý về một mối quan hệ ngang hàng bình đẳng và tin cậy. Một số người Bắc Mỹ có khuynh hướng quá thiên về kết quả và có thể có những kỳ vọng không thực tế về việc muốn phát triển sự tin cậy nhanh chóng cũng như về thời gian để mở mang một Hội Thánh mạnh mẽ.⁸ Các đối tác phải để thời gian làm quen, chia sẻ khái niệm, và xây dựng sự tin cậy. Rồi họ dựa trên nền tảng đó để xây dựng sự tôn trọng, sự cảm kích và hiểu biết lẫn nhau. Sự cộng tác nào mà có một chiếc cầu tin cậy và thiết lập được những hình thức giao tiếp lành mạnh sẽ có khả năng để tồn tại.

Trao quyền và tạo lợi ích cho nhau. “Trong một mối quan hệ cộng tác thực sự, mỗi thành viên tìm cách xây dựng và trao quyền cho thành viên khác” (Hiebert và Larsen 1999, 59). Tổ Chức Hợp Tác Quốc Tế định nghĩa sự cộng tác là “sự hợp tác không có chi phối” (Downey 2006, 200) và mô tả đặc điểm của nó là “trao quyền cho người địa phương lãnh đạo các mục vụ để thực hiện công việc của Đức Chúa Trời theo những cách phù hợp về văn hóa trong sự hợp tác tin cậy lẫn nhau” (sách đã dẫn, 202). Mục đích của sự cộng tác trao quyền là luôn luôn trao một bàn tay rộng mở, hướng về mục tiêu chung. Bất kỳ thái độ tỏ ra ưu việt hơn, chi phối hoặc gia trưởng nào cũng có thể gây ra tổn hại lớn, nhưng sự trao đổi hai chiều về các nguồn lực, ưu điểm, sáng kiến, sự hiểu khách và giá trị sẽ giúp duy trì một sự cộng tác lành mạnh và phụ thuộc lẫn nhau. Mục đích cuối cùng là vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự phát triển của nước Trời.

Thiết lập một tiến trình ra quyết định công bằng. Đôi khi đối tác có nhiều nguồn lực hơn có thể chi phối việc đưa ra quyết định một cách có chủ ý hoặc vô tình.⁹ Các tín hữu địa phương có thể cảm thấy yếu thế vì sợ rằng nếu họ đưa ra một biểu quyết khác thì sẽ mất đi sự hỗ trợ hoặc sự cộng tác sẽ không còn. Hoặc họ có thể ưng thuận nhưng sau đó không làm. Tiến trình đưa ra quyết định phải tôn trọng sự quan tâm của tất cả các đối tác và bảo vệ sự trọn vẹn của công việc địa phương khỏi những ảnh hưởng không thích hợp từ bên ngoài (Collins 1995).

Cần khôn ngoan trong việc hỗ trợ tài chính. Một trong những nguồn gây ra xung đột phổ biến nhất trong sự cộng tác là việc sử dụng tiền bạc. Những khó khăn có thể đến từ một tinh thần quá thận trọng và hà tiện của phía đối tác giàu có hơn, hoặc sự phụ thuộc không lành

⁸ Các hội chúng người Mỹ có một “khuynh hướng chú trọng vào những chương trình có thể đạt được kết quả ngay lập tức” (Wuthnow 1997, 199).

⁹ Về tầm quan trọng của quyền lực và thẩm quyền trong sự cộng tác, xin xem Davies 1994, 46. Carl Brown (2007) khám phá rằng ngay cả tiến trình đưa ra quyết định đơn giản cũng là một yếu tố quan trọng về sự lành mạnh và hiệu quả của sự cộng tác mở mang Hội Thánh liên văn hóa.

manh có thể xảy ra khi việc hỗ trợ tài chính không được quản lý một cách khôn ngoan hoặc chi phối mối quan hệ. Khi sự đầu tư và lợi ích của các bên đối tác không nhất thiết phải ngang nhau và không có sự so đo, thì tất cả các bên đều hy sinh và gặt hái kết quả cho nước Trời. Chúng ta sẽ quay lại vấn đề này ở bên dưới.

Các Bước Thực Hành Cho Mỗi Giai Đoạn Cộng Tác

Sự cộng tác, cũng giống như hầu hết các mối quan hệ, có một quãng đời. Những mối quan hệ cộng tác lành mạnh đã bắt đầu một cách thận trọng và kết thúc một cách tốt đẹp. Mặc dầu dự án chung kết thúc nhưng mối quan hệ vẫn tiếp tục. Nhưng mối quan hệ đó thay đổi khi các đối tác không còn sự cam kết chung về nỗ lực mở mang Hội Thánh. Đó là lý do chúng tôi gọi giai đoạn cuối cùng là “cực điểm và giải thể” (xem hình 18.2).

Trong *giai đoạn thăm dò và thai nghén* các Hội Thánh quyết định thăm dò sự hình thành mối quan hệ cộng tác mở mang Hội Thánh. Sự cộng tác có thể được bắt đầu bằng việc một Hội Thánh đã ổn định muốn gọi các nhóm STM xuyên văn hóa hoặc người lãnh đạo của một mục vụ mới tìm kiếm sự giúp đỡ bên ngoài để tiến hành. Cách khác nữa là một tổ chức truyền giáo thứ ba, nhìn thấy lợi ích của sự cộng tác, có thể liên kết một Hội Thánh địa phương và một Hội Thánh nước ngoài có cùng mục tiêu, giá trị và sự quan tâm.

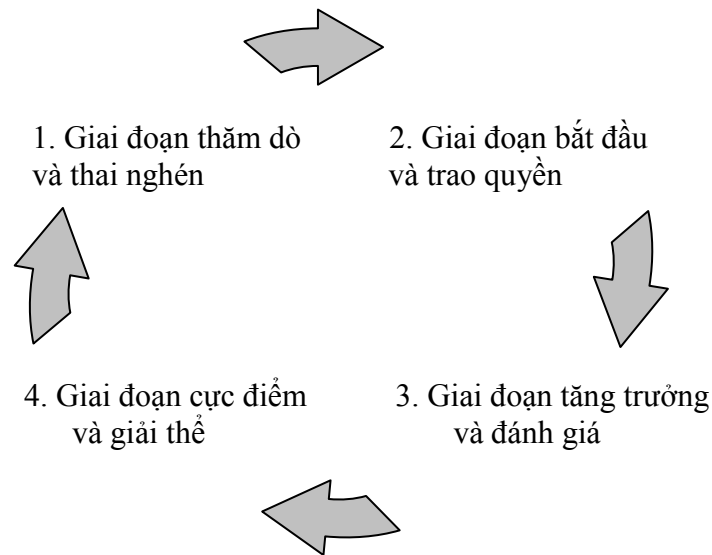
Việc lựa chọn một đối tác phải được dựa trên sự cầu nguyện, dựa trên các mục tiêu và tiêu chuẩn rõ ràng. Sự tương thích giữa các lãnh đạo cũng quan trọng. Các đối tác tiềm năng phải tìm hiểu về văn hóa, tình trạng và lịch sử của nhau. Ba yếu tố phổ biến góp phần làm cho sự cộng tác trở nên khó khăn và không lành mạnh là áp lực thể hiện tốt, các nhu cầu quá tải của công việc, và sự nóng lòng về một kinh nghiệm mới và lý thú (Lederleitner 2007). Đừng nên hứa hẹn và thỏa thuận cho đến khi nền tảng chung được thể hiện một cách đầy đủ.

Trong *giai đoạn bắt đầu và trao quyền*, trọng tâm chuyển từ việc lựa chọn đối tác đúng sang việc thiết lập các mục tiêu và kế hoạch chung. Đối thoại phải được tạo thuận lợi bởi người trung gian văn hóa đã được mô tả hai phần trước. Những người được chỉ định làm đại diện cho mỗi đối tác phải là những người có khả năng và trưởng thành, là những người hoàn hảo và lý tưởng hơn là đã có một số kinh nghiệm xuyên văn hóa.

Một dự án thử nghiệm được tiến hành. Sau đó người tạo thuận lợi và những người được chỉ định cùng nhau đúc kết. Sự đánh giá chung là nhằm khẳng định sự cộng tác, điều chỉnh hoặc đưa tới một quyết định tốt đẹp. Giữa các đợt truyền giáo ngắn hạn, các đối tác tiếp tục giữ liên lạc và chuẩn bị cho những bước kế tiếp trong nỗ lực chung của họ. Phải thăm dò những cách để duy trì sự cộng tác giữa các chuyến truyền giáo ngắn hạn. Những cách này có thể bao gồm sự trao đổi thư từ cá nhân, những bài tập mở rộng mục vụ và thăm viếng từ cả hai phía.

Trong *giai đoạn tăng trưởng và đánh giá*, Hội Thánh được định hình và một nhóm lãnh đạo địa phương xuất hiện. Sự cộng tác đòi hỏi công sức, sự quan tâm và sự linh động – đặc biệt trong giai đoạn này. Vai trò của các thành viên trong nhóm STM thay đổi khi họ bổ sung và mở rộng công việc của các môn đồ địa phương. Sự chú trọng vào mục đích được duy trì bằng cách hỏi: “Cần phải làm gì để đưa Hội Thánh tiến lên cấp độ tiếp theo?” và “Làm thế nào chúng ta vượt qua những trở ngại để đưa công việc tiến về phía trước?” Các nhóm STM phải khuyến khích Hội Thánh mới trong việc quản lý các ân tứ và nguồn lực. Nếu có sử dụng các nguồn lực bên ngoài, thì trong giai đoạn này phải dần dần chuyển sang các nguồn lực của địa phương. Những thay đổi, những nan đề, những thất vọng và những kỳ vọng không đạt được phải được giải quyết tức thời và cởi mở (cần nhớ rằng trong một vài nền văn hóa thì điều này rất khó). Người tạo thuận lợi và những người được chỉ định xem xét tìm cách bù đắp những bước thụt lùi và biến thành những kinh nghiệm học hỏi. Trong sự đánh giá chung, thậm chí những tiến bộ nhỏ nhất cũng phải được nhấn mạnh và khẳng định.

Hình 18.2
Các Giai Đoạn Trong Sự Cộng Tác



Trong *giai đoạn cực điểm và giải thể*, có một nhịp điệu hợp tác mạnh mẽ. Đặc điểm này có thể có trong các mục vụ theo mùa, như trại hè tiếng Anh và huấn luyện lãnh đạo trong các tháng mùa đông. Các mối quan hệ ngày càng trở nên dễ chịu, và trách nhiệm đối với các kế hoạch mục vụ bây giờ nằm trên vai các nhóm mục vụ địa phương. Mỗi thông công trở nên vui vẻ, sự tôn trọng và trách nhiệm lẫn nhau đang kết quả, và thành tựu đã được ghi nhận. Tuy nhiên, khi sự cộng tác đã đạt đến cực điểm, thì phải chuẩn bị cho sự kết thúc tốt đẹp. Nếu không có kế hoạch hoàn tất dự án, thì sẽ đưa đến sự chán nản và một sự kết thúc không hài lòng. Một cảm giác bị bỏ rơi có thể xuất hiện trừ phi các mối quan hệ được xác nhận và tiếp tục khi sứ mạng chung kết thúc. Các đối tác có thể hợp tác trong việc mở mang một Hội Thánh con khác hoặc trong một dự án hoàn toàn mới. Sự cộng tác có thể chuyển sang việc cùng gây dựng mối quan hệ Hội Thánh chị em bằng tình bạn không chính thức, sự thăm viếng thỉnh thoảng và những dự án hợp tác đặc biệt.

Những Ưu Nhược Điểm Của Sự Cộng Tác

Sự cộng tác lành mạnh không phải không trả giá. Cũng không phải mọi sự cộng tác đều luôn luôn thành công. Như xung đột giữa Phao Lô và Ba-na-ba đã dẫn đến một sự phân rẽ (Công vụ 15:36-41), thì ngày nay sự cộng tác mở mang Hội Thánh cũng có thể thành công đồng thời cũng có thể gây thất vọng. Việc thiết lập ngay từ đầu trong mối quan hệ một hình thức đánh giá được cho là khôn ngoan. Cũng sẽ hữu ích khi rút ra những quan tâm bằng cách thực hiện sự đánh giá một cách tự nhiên và sự phê phán với tinh thần xây dựng. Chúng tôi đã thấy trong công tác mở mang Hội Thánh nhiều lợi ích thật đa dạng và đến từ mối quan hệ: cùng học hỏi và tăng trưởng cũng như những kết quả rõ ràng. Sự đánh giá chân thật phải quan tâm đến tất cả những điều này.

Như chúng tôi đã trình bày trước đây, mỗi sự cộng tác đều có tính chất riêng; tuy nhiên, cũng có một số nhận xét chung, và chúng tôi tổng hợp chúng theo nguồn gốc phát sinh. Ở đây chúng xuất phát từ ba nhận thức: của các Hội Thánh ngoại quốc, của các Hội Thánh địa phương, và của các giáo sĩ truyền thống.

Nhận Thức Của Các Hội Thánh Ngoại Quốc

Bên cạnh việc mong muốn thúc đẩy công tác mở mang Hội Thánh và tăng cường tham gia vào hoạt động truyền giáo, các Hội Thánh ngoại quốc còn mong đợi sự phát triển cá nhân trong đời sống của các thành viên STM. Thậm chí một số còn nghĩ rằng các chuyến đi của STM là một dạng trại huấn luyện để biến đổi đời sống. Tuy nhiên, Randy Friesen (2005) thấy rằng những thay đổi về nhận thức và thái độ lớn nhất đã xảy ra trong chuyến đi đầu tiên nhưng sự sa sút đã xảy ra trong hầu hết các trường hợp sau một năm.¹⁰ Một điều lạ là hầu hết những người tham dự đều có một sự *sa sút* về kỷ luật thuộc linh, đạo đức, và trong sự tham gia công việc của Hội Thánh địa phương trong năm tiếp theo sau chuyến đi truyền giáo của họ. Tương tự, nghiên cứu của Kurt Ver Beek (2006) về các dự án STM tại Honduras cho thấy rằng không có sự thay đổi quan trọng trong đời sống của người tham dự. Friesen (2005) thấy rằng những chuyến đi này dường như chỉ tăng cường sự thực hành về kỷ luật thuộc linh của người tham dự nếu đã có một nền tảng nhất định. Vì vậy sẽ là một sai lầm khi gởi những người chưa trưởng thành thuộc linh vào các chuyến đi STM với hy vọng họ sẽ trưởng thành khi đối diện với những khó khăn.¹¹ Nếu người tham dự không chia sẻ đức tin của họ và có một ảnh hưởng tích cực tại nhà, thì không thể hy vọng họ sẽ làm điều đó trong một bối cảnh xa lạ. Nguyên tắc quan trọng là càng có sự trưởng thành trước khi tham gia STM, cả về thuộc linh và cá nhân, thì khả năng ảnh hưởng sẽ càng lớn. Cũng vậy, những thay đổi ở người tham dự sẽ duy trì được khi có sự hướng dẫn, thăm vấn, theo dõi và những cơ hội phục vụ khác.

Nhận Thức Của Hội Thánh Địa Phương

Các Hội Thánh địa phương thường phấn khởi về sự đóng góp của các tình nguyện viên đến từ những quốc gia khác. Họ tự túc chi phí, thể hiện tinh thần phục vụ hy sinh và có những đóng góp quan trọng. Họ có thể lôi cuốn những người chưa tin, sử dụng các kỹ năng chuyên môn của họ, cải thiện các mối quan hệ cộng đồng, huấn luyện cho lãnh đạo, và phát triển cơ sở hạ tầng (nhà cửa, đường sá, giếng nước, cầu cống). Có khi những đối tác ngoại quốc thậm chí còn đóng góp tài chính sau đợt truyền giáo ngắn hạn. Họ có thể tài trợ cho các cô nhi, đóng góp vào các dự án giáo dục và y tế, cấp học bổng cho các sinh viên trường Kinh Thánh, và hỗ trợ tài chính cho những người mở mang Hội Thánh.

Robert Priest (2007) đã khảo sát 551 mục sư Tin Lành tại Lima, Peru và thấy rằng 58 phần trăm trong số đó đã tổ chức các nhóm STM và những người đã làm việc đó thì có nhiều kinh nghiệm tích cực. Ông ta kết luận: “Khi các đợt truyền giáo ngắn hạn được dựa trên sự phục vụ khiêm nhường, sự quản lý hy sinh và sự lãnh đạo khôn ngoan, thì chúng có những đóng góp quan trọng đối với Hội Thánh toàn cầu” (187). Sự đóng góp chủ yếu của các thành viên STM không chỉ trong việc truyền giáo mà còn trong việc chia sẻ nguồn lực, tạo nên uy tín và mở cửa cho Phúc âm.¹²

Oscar Muriu đưa ra một quan điểm đối trọng trung thực. Ông ta thấy rằng các thành viên STM thường thiếu thông tin về thế giới, quá tự tin, được trang bị quá ít về mục vụ xuyên văn hóa, và kết quả là họ ít có hiệu quả. “Họ có vị trí trong những đợt công tác ngắn hạn, nhưng họ cần được tổ chức một cách cẩn thận hơn. Hầu như Hội Thánh thường nói: ‘Chúng tôi muốn trải qua một chuyến công tác ngắn hạn.’ Rồi họ nói đồng dài ‘Chúng tôi sẽ làm A, B, C, D và chúng tôi phụ trách công việc’” (Muriu 2007, 97). Ông ta thích gọi những chuyến đi

¹⁰ Nghiên cứu này được thực hiện trên 116 thành viên tham gia STM tuổi từ 18 đến 30 đã tham gia một trong năm chuyến đi của STM từ một tháng đến một năm giữa tháng 9/2001 và tháng 8/2002.

¹¹ Nghiên cứu cũng cho biết: “những người tham dự các chuyến truyền giáo đã trải qua sự đào tạo trước chuyến đi sẽ có thay đổi nhiều hơn những người chưa trải qua đào tạo . . . liên quan đến sự giao thông cá nhân với Đức Chúa Trời (cầu nguyện), Kinh Thánh với tư cách là kim chỉ nam cho cuộc sống, giá trị cho cộng đồng Cơ đốc, mối quan hệ với Hội Thánh địa phương và truyền giáo” (Friesen 2005, 453).

¹² Những người trong nước mong muốn các nhóm đem lại những mối quan hệ có thể tạo ra cơ hội, thiện chí và nâng cao uy tín của các Hội Thánh địa phương.

này là *những cơ hội học hỏi ngắn hạn*.¹³ Những người Mỹ La Tinh cũng không kiềm nén lời chỉ trích của họ. Nhận xét sau đây là tiêu biểu cho nhiều đánh giá trong một tạp chí đề cập đến vấn đề trên: “Theo quan điểm thấp kém của tôi, thì có một mối nguy ngầm ngầm và không thể tránh được của ‘du lịch tôn giáo’ mà nó sẽ trở nên trầm trọng nếu không quan tâm đến việc chuẩn bị trước và đánh giá kết quả của các nhóm STM. Nghĩa là, khi chúng ta càng ít quan tâm đến việc hoạch định và hợp tác với các Hội Thánh địa phương, thì sự rủi ro càng lớn trong việc đầu tư hàng triệu đô la vào ‘du lịch tôn giáo’ mà có thể được sử dụng theo nhiều cách có hiệu quả hơn cho việc thiết lập Vương Quốc” (Cerron 2007, 31).

Quan Điểm Của Giáo Sĩ Truyền Thống

Các giáo sĩ truyền thống¹⁴ có những cảm giác hỗn hợp về Đoàn Truyền Giáo Ngắn hạn (STM) và sự cộng tác đã duy trì nó. Họ nhìn thấy giá trị có tính chất giáo dục và động viên của việc đưa hàng ngàn người tới đất nước và lý do mà họ dâng hiến cuộc đời của mình. Thỉnh thoảng có người quay lại một chuyến đi dài hạn hơn hoặc giúp đỡ việc gửi những người khác ra đi.¹⁵ Có khi các giáo sĩ truyền thống thấy họ là những người khai phá bị mắc kẹt giữa những mục tiêu xung đột nhau. Họ cũng có thể cảm thấy quá tải bởi số lượng công việc mà STM đòi hỏi. Giống như các lãnh đạo của những Hội Thánh địa phương, họ thấy rằng các thành viên STM cần phải chuẩn bị về văn hóa và thực tiễn cũng như có trách nhiệm để giúp họ thành công.

Một số giáo sĩ cũng quan tâm về số lượng các nguồn lực được sử dụng bởi STM cần được sử dụng cho việc mở mang Hội Thánh dài hạn hoặc nỗ lực phát triển. “Các chuyến đi ngắn hạn, kéo dài hai tuần hoặc ít hơn, đã đưa khoảng 1,6 triệu người Mỹ đến những cánh đồng truyền giáo hải ngoại trong năm qua, theo khảo sát của Robert Wuthnow, một nhà xã hội học về tôn giáo tại trường đại học Princeton” (MacDonald 2006). Chi phí trung bình cho một người tham gia chuyến đi STM hải ngoại nằm trong khoảng 1000\$ đến 1500\$ (Priest và Priest 2008, 57). Điều này có nghĩa là một khoảng tiền khổng lồ (1,6-2,4 tỷ đô la) được chi cho các chuyến đi STM hàng năm từ Hoa Kỳ. Nghiên cứu của Ver Beek (2006) thấy rằng chi phí trung bình cho việc xây dựng một ngôi nhà bởi nhóm STM là 30.000\$, trong khi một ngôi nhà có chất lượng tương tự được xây dựng bởi các tổ chức Cơ đốc Honduras địa phương trị giá chỉ 2000\$. Những con số đó đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại việc quản lý tài chính trong những cố gắng như vậy. Ảnh hưởng đối với hoạt động truyền giáo thì không thể tính được bởi vì trong đa số các trường hợp thì người tham gia tự đóng góp, tiếp nhận sự giúp đỡ từ gia đình và cân đối ngân quỹ từ việc cố động các bạn bè và người thân của họ (sách đã dẫn). Hơn nữa, một vài thành viên STM sẽ trở thành người dâng hiến cho các nỗ lực dài hạn và tuyển mộ những người khác.

Một điều cần quan tâm khác là tính chất tài tử của các tình nguyện viên trong các nhóm STM. Đã có sự phê phán về sự thiếu trưởng thành của những người tham dự hoặc sự thiếu chuẩn bị của họ về công việc. Nhưng Garrison (2004a, 261-66) nhắc nhở chúng ta rằng chữ *tài tử* (amateur) nghĩa đen là *một người làm vì tình yêu* chứ không phải để nhận lương và cũng có nhiều tình nguyện viên là những người có trình độ cao có thể liên hệ với các tín hữu địa phương và cư dân bằng nghề nghiệp của họ. “Điều này chuyển tải một sứ điệp mạnh mẽ đến các tín hữu” (sách đã dẫn, 262).

¹³ Todd Poulter (2006, 452-53) lập luận rằng các ẩn dụ như “bán khai tượng,” “đưa họ lên tàu,” và “thay đổi chủ,” khi được dùng để nói về các tín hữu địa phương, có tính chất hạ cố và gây tổn thương. Tốt hơn là các Hội Thánh gọi giáo sĩ tham gia vào việc cùng tạo ra các dự án trong cộng đồng với các tín hữu địa phương.

¹⁴ Chúng tôi gọi *giáo sĩ truyền thống* là một giáo sĩ trọn thời gian, thường được tài trợ bởi một tổ chức truyền giáo phương Tây.

¹⁵ Friesen (2005, 452) thấy rằng một năm sau khi quay trở về từ một chuyến đi STM, một nửa số người quan tâm đến những chuyến truyền giáo dài hạn và một nửa thì ít quan tâm hơn.

Một Số Nhận Xét Cuối Cùng

Những quan điểm khác nhau này khích lệ chúng ta mở lối cho phong trào tình nguyện này đạt được kết quả lớn hơn về lâu dài. Nhiều hơn không phải là tốt hơn. Mục vụ STM phải được xem như một yếu tố bổ sung chứ không phải là sự thay thế cho công tác mở mang Hội Thánh truyền thống. Các số liệu thống kê dường như cho thấy rằng sự cộng tác trong việc sử dụng các nhóm STM sẽ đem lại lợi ích nếu chúng góp phần vào những mục tiêu dài hạn đã có và được quản lý tốt bởi những người điều phối sao cho các kỳ vọng được rõ ràng và nhân viên truyền giáo dài hạn không bị chệch hướng và quá tải. Cần phải có sự lựa chọn, hướng dẫn và đào tạo tốt hơn. Cần phải kiểm tra và quản lý các chi phí một cách cẩn thận.

Phong trào STM không được hoạch định bởi tổ chức truyền giáo và sẽ không bị mất đi bởi sự dè dặt của nó. Chúng ta không được quên rằng đa số những người mở mang Hội Thánh trong Tân ước là những giáo sĩ ngắn hạn và họ có những phương kế sinh nhai khác. Cả các giáo sĩ ngắn hạn và dài hạn đều có thể từ chối hoặc không quan tâm lẫn nhau. Khi tất cả các đối tác công nhận những ưu điểm của nhau và sử dụng chúng một cách phối hợp vì một sự mạng rõ ràng, thì sẽ sinh ra kết quả lớn nhất.

Có những lúc những người lãnh đạo Cơ đốc và các Hội Thánh cần phải đi trước mà không tìm được đối tác. Nếu STM trở thành cách làm của hoạt động truyền giáo, thì sẽ tạo ra sự cộng tác không mong muốn và kiềm chế sự bắt đầu của vương quốc. Tuy nhiên, sự cộng tác lành mạnh sẽ đem đến niềm vui thậm chí ở nơi có nhiều thách thức. Chúng tạo ra sức mạnh, động viên những người tham gia và sản sinh những kết quả rõ ràng. Không có sự cộng tác nào mà không có nan đề của nó, nhưng sự cộng tác lành mạnh tạo ra một sự phối hợp cho phép các đối tác tăng trưởng và trở nên có hiệu quả hơn cho vương quốc.

Yếu tố Tài Chính Và Sự Nhân Rộng Hội Thánh

“Phong trào mở mang Hội Thánh phát triển nhanh về tính chất bản địa. Chúng phải có động lực nội tại nếu muốn nhân rộng nhanh chóng trong một nhóm người. Một trong những cách chắc chắn nhất để phá hỏng phong trào mở mang Hội Thánh là liên kết sự sinh sản với các nguồn lực bên ngoài” (Garrison 200a, 267). Hoạt động tài chính nào sẽ góp phần làm tươi mới sự nhân rộng Hội Thánh?

Dựa Vào Các Nhân Sự

Sự nhân rộng Hội Thánh xảy ra một cách nhanh chóng nhất khi việc mở mang Hội Thánh không đòi hỏi các mục sư được đào tạo về thần học và được phong chức nhưng được lãnh đạo bởi các nhóm nhân sự hoặc những người lương nghiệp. Như chúng ta đã thấy trong chương 15, đây là gương mẫu trong Tân ước. Không phải là các sứ đồ không nhận sự giúp đỡ từ các Hội Thánh – họ có nhận. Nhưng họ không dựa vào sự giúp đỡ đó như là một điều kiện tiên quyết để mở mang Hội Thánh. Phong trào truyền giáo của người Moravian cho thấy những gì Đức Chúa Trời có thể làm qua các nhân sự được đào tạo trong các Hội Thánh địa phương. “Tỷ lệ các giáo sĩ Moravian so với người dân ước tính khoảng một phần sáu mươi trong khi tỷ lệ đó trong phần còn lại của Hội Thánh là một phần năm nghìn” (Norman 1978, 676).

Phong trào bình dân phát triển nhanh nhất tại Peru từ lúc bắt đầu thế kỷ XXI, gọi là Movimiento Misionero Mundial, có sự phát triển đáng kể một phần nhờ vào sự kiện nó hoạt động với con người và nguồn lực mà Đức Chúa Trời cung cấp ngay tại địa phương. Những người mở mang Hội Thánh MMM bắt đầu với các Hội Thánh Tư gia được lãnh đạo bởi các nhân sự và chỉ dành ngân quỹ cho việc huấn luyện về Kinh Thánh hoặc những nơi nhóm họp vào một số dịp khi các nhân sự nhận ra họ là các nhà truyền giáo và chần bầy có hiệu quả. Sự giúp đỡ về tài chính chỉ là tạm thời, và Hội Thánh mới phải tự thuê hoặc mua nhà thờ riêng. Rodolfo Cruz nói thêm rằng việc không phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài cho các Hội

Thánh tự trang trải tài chính cho các dự án như chương trình truyền hình, các nỗ lực truyền giáo, và các chiến dịch truyền giáo khu vực bằng cách sử dụng các ngân quỹ địa phương là chủ yếu.¹⁶ Điều này không có nghĩa là các mục sư không bao giờ được trả lương nhưng việc này sẽ xảy ra trong giai đoạn sau đó, khi Hội Thánh địa phương ở vào vị thế kêu gọi và hỗ trợ cho một nhân sự trọn thời gian. Các Hội Thánh khác có thể chọn tiếp tục được lãnh đạo bởi các trưởng lão lương nghiệp và đầu tư ngân quỹ của họ cho việc mở rộng Hội Thánh và công tác truyền giáo.

Cách Sống Như Các Sứ Đồ

Các công việc mở rộng thì thường có thể được bắt đầu bởi các nhóm nhân sự địa phương là những người không phải nhờ cậy vào gia đình và tìm kiếm các công việc khác. Tuy nhiên, để bắt đầu một công việc xuyên văn hóa tại một vùng xa hơn, những người mở mang Hội Thánh thường phải di chuyển và phải được hỗ trợ bởi các Hội Thánh hoặc tìm kiếm việc làm khác. Tại nhiều nước không có cơ sở tài chính đủ mạnh để hỗ trợ cho các giáo sĩ đang có nhu cầu, vì vậy cần phải khám phá những hình thức hỗ trợ mới. Những người mở mang Hội Thánh cũng phải điều chỉnh những kỳ vọng của họ, giữ một cách sống đơn giản và hy sinh, và sẵn sàng tìm kiếm những nguồn lợi tức bổ sung nếu cần – theo gương mẫu của Chúa Giê-xu và các sứ đồ.

Mục sư Samuel Nieva, người Peru, nói về sự phát triển của các Hội Thánh bình dân giữa vòng người Lima nghèo khó, ở nơi mà không thể trông mong gì nơi họ: “Họ không suy nghĩ về những khó khăn, họ cần các băng ghế ngồi, bục giảng . . . họ chỉ việc xây dựng. Tiền bạc có thể kiếm được nhờ bán gà nướng, bán quần áo và những cách khác” (Berg và Pretiz 1996, 217). Phong trào mở mang Hội Thánh phát triển giữa cuộc sống khó khăn và những chống đối dữ dội (Garrison 2004a). Đây là bằng chứng cho thấy sự nhân rộng Hội Thánh không phụ thuộc vào các nguồn lực.

Mặt khác, sự khan hiếm các nguồn lực không thể là lý do để biện minh cho việc chuẩn bị thiếu chu đáo. Số tiền ban đầu có thể tạo nên một khác biệt lớn. Khi được hỏi, “Tại sao những người mở mang Hội Thánh thường thất bại tại châu Mỹ La Tinh?” thì nhiều lãnh đạo mở mang Hội Thánh đề cập đến việc thiếu ngân quỹ và thiếu sự hỗ trợ của hệ phái là những nguyên nhân cơ bản. Sự chuẩn bị và hoạch định không bao giờ thay thế cho sự hy sinh và phụ thuộc vào Đức Chúa Trời. Nhiều Hội Thánh hỗ trợ không thể dựa vào sự dâng hiến, họ cũng không có đủ ngân sách để cam kết chi phí cho việc xây dựng, trả lương và các chương trình. Họ cần điều hành trên cơ sở tài sản có giới hạn và không ổn định, với sự linh động và sự làm chủ ở mức độ cao của các thành viên, luôn luôn xác định những gì Đức Chúa Trời kêu gọi họ làm và rồi cùng nhau cầu nguyện và làm việc để đạt được điều đó. Trong chương bốn, chúng tôi đã đưa ra điển hình về phong trào bình dân nhỏ tại Colombia hỗ trợ cho các nhân sự mà không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Họ đã tìm ra những cách làm sáng tạo để hỗ trợ cho những người mở mang Hội Thánh là những người sống hy sinh với mức lương trung bình 300\$ - 400\$ một tháng. Nhiều người lựa chọn cách sống độc thân. Một số người sống phía sau nhà thờ hoặc sống với các gia đình trong Hội Thánh. Nhiều người nhận khoảng một phần ba sự hỗ trợ từ gia đình và bạn bè của họ, một phần ba từ Hội Thánh địa phương, và một phần ba từ ngân quỹ truyền giáo do các Hội Thánh đóng góp. Một số khác làm công việc bán thời gian.

Tạm Dừng Các Chương Trình Tốn Kém Và Mua Sắm Các Cơ Sở

Cần có sự khôn ngoan khi một Hội Thánh non trẻ xem xét việc sử dụng ngân quỹ bên ngoài để mua sắm hoặc xây dựng một cơ sở. Trong lịch sử, các Hội Thánh không cần phải có bất động sản mới có thể tăng trưởng được. Các giáo sĩ xuất thân từ những hội chúng có bất động sản riêng đôi khi cho rằng cơ sở nhà thờ là một yếu tố quan trọng của Hội Thánh. Tuy

¹⁶ Dựa theo phỏng vấn Rodolfo Cruz, chủ tịch của Movimiento Misionero Mundial, 10/2005.

nhiên các tân tín hữu tại một số nơi bị gia đình từ bỏ và mất việc làm khi họ theo Chúa Giê-xu. Một số khác phải chạy vạy từng bữa ăn hằng ngày và không có nhà ở. Vì vậy việc mở mang Hội Thánh có thể chậm hoặc đình trệ khi mong muốn mỗi cộng đồng Cơ đốc phải có một nhà thờ riêng. Điều này không có nghĩa là nơi nhóm họp là không quan trọng. Cách thức tốt nhất là các Hội Thánh nên bắt đầu với những gì mình có và khi trưởng thành và có đầy đủ phương tiện thì mới tính đến việc tạo lập tài sản. Trong các phong trào nhân rộng Hội Thánh, nơi các nhà thờ được sử dụng, nói chung là những kiến trúc đơn giản được xây dựng bằng các nguồn lực và vật liệu tại địa phương. Ngược lại, thì sẽ nhanh chóng làm phát sinh thái độ cho rằng chỉ có những người ngoài mới có thể xây dựng nhà thờ và những nhà thờ được xây dựng tại địa phương là thấp kém hơn.¹⁷

Dạy Về Cương Vị Quản Gia

Việc quản lý tốt đời sống và các nguồn lực là một phần trong bản chất của bất kỳ phong trào mở mang Hội Thánh lành mạnh nào. Sự dâng hiến luôn luôn là một phần quan trọng của bất cứ Hội Thánh nào. Sự dâng hiến về bản thân và vật chất, sự hy sinh về các chi phí xa xỉ, và chia sẻ các nguồn lực đều cần thiết cả. Mục sư Oscar Muriu của Hội Thánh Nairobi cảnh báo về những cách tiếp cận du nhập mà chủ yếu phụ thuộc vào nguồn lực và vì vậy không thể sử dụng được tại các nước nghèo về nguồn lực. “Chúng ta có thể tạo ra những cách mới không phụ thuộc vào tiền bạc” (Muriu 2007, 96).

Phong trào mở mang Hội Thánh đầu tiên cho thấy những cách làm khuyến khích lòng rộng rãi và sự quản lý bất kể tình trạng kinh tế:

1. Cộng đồng có tính tập thể, xây dựng trên các mối quan hệ yêu thương và tin cậy (Công vụ 4:32).
2. Sự chia sẻ mang tính tự nguyện, không bị ép buộc (Công vụ 4:32).
3. Mang đặc trưng của ân điển, không phải luật pháp (Công vụ 4:33).
4. Mọi điều Chúa Giê-xu truyền đều được dạy, bao gồm việc quản lý đời sống và tài sản cá nhân (Mat 28:20; Giăng 13:14-17).
5. Những người lãnh đạo làm gương mẫu về sự rộng rãi (Công vụ 4:36-37).
6. Tự do dâng hiến, nhưng đòi hỏi sự thành thật (Công vụ 5:1-10).
7. Sự công bằng trong việc phân phối được giám sát bởi các đầy tớ thuộc linh (Công vụ 6:1-7).

Các nguồn lực bên ngoài có thể hỗ trợ và không đối lập với việc nhân rộng Hội Thánh. Cuối cùng, trong giai đoạn tiên phong không có Hội Thánh và mọi nguồn lực – con người, chiến lược, kỹ thuật và tài chính – đến từ bên ngoài. Nhưng chúng phải được xử lý cách khôn ngoan để những nguồn lực không cản trở việc nhân rộng các hội chúng lành mạnh, tự cung cấp và có khả năng sinh sản.

Việc Chia Sẻ Các Nguồn Tài Chính Trong Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Có những tranh luận mạnh mẽ thể hiện những cực đoan khác nhau liên quan đến việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài trong công tác mở mang Hội Thánh. Một số ủng hộ việc không nên nhận trợ giúp tài chính ngay từ đầu để Hội Thánh không bị phụ thuộc vào tài chính bên ngoài và biết cách tự duy trì và sinh sản dựa trên các nguồn lực địa phương. Sứ đồ Phao Lô không bao giờ trợ giúp tài chính cho các Hội Thánh mà ông đã thành lập (Allen 1962a, 49-61), và điều này đã được thực hiện trong hầu hết các phong trào mở mang Hội Thánh bản địa đang tăng trưởng nhanh chóng (Garrison 2004a). Có thể nêu ra vô số các điển hình về những mối

¹⁷ Những điển hình về việc lạm dụng các nguồn lực cho việc xây dựng có thể tìm thấy trong Wood 1998, 9 và Saint 2001, 54-55.

quan hệ gây đổ, những oán hờn, sự tham nhũng, sự thao túng, và cản trở sự phát triển của Phúc âm do sự phụ thuộc tài chính và sử dụng ngân quỹ không khôn ngoan.

Một số người khác khẳng định một cách nhiệt tình rằng sự chia sẻ tài sản trong hội chúng là một nghĩa vụ Cơ đốc (Rowell 2007). Phao Lô đã viết trong 2 Cô 8:13-14 rằng: “Tôi không muốn những người khác được nhẹ bớt, còn anh em phải nặng thêm, nhưng muốn có sự quân bình. Lúc này anh em đang dư dật thì hãy trợ giúp những người túng thiếu; để khi họ dư dật thì họ sẽ trợ giúp anh em lúc túng thiếu. Như vậy là công bằng”. Mục tiêu tam tự truyền thống (tự truyền bá, tự quản trị và tự cung cấp) đã bị thách thức vì chủ nghĩa thực dụng và cá nhân phương Tây không tìm thấy trong Kinh Thánh. Sự giúp đỡ tài chính không bị những người này xem là một tội lỗi mà là một sự phân phối các nguồn lực hợp lý hơn.

Câu trả lời, giống như trong nhiều tranh luận tương tự, là cả hai đều có phần đúng. Cách tiếp cận theo kiểu hoặc có tất cả hoặc không có gì ít khi đem lại kết quả tốt nhất. Chúng ta có nghĩa vụ chia sẻ của cải và đóng góp các loại tài sản khác nhau cho sự phát triển của Nước Trời. Đồng thời, chúng ta cần chia sẻ các nguồn lực theo cách trao quyền và đừng kiểm soát, theo những cách không tạo ra sự hờ hững về phía người nhận hoặc sự hạ cố về phía người dâng hiến. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn tổng thể về sự nhân rộng Hội Thánh và sự phát triển của Phúc âm.

Hơn nữa, mỗi tình huống cần phải được xem xét riêng lẻ. Hoàn cảnh địa phương, các tiêu chuẩn văn hóa và nhiều yếu tố khác phải được xem xét đến khi quyết định việc sử dụng ngân quỹ trong bất cứ tình huống nào. David Maranz (2001) đưa ra một góp ý hay về sự phức tạp của vấn đề tài chính tại Phi châu. Các thành viên thuộc nền văn hóa châu Phi có những quan điểm rất khác với những người Mỹ về nhiều vấn đề quan trọng: tiết kiệm về chi tiêu, chủ nghĩa gia trưởng và sự cộng tác, sự độc lập, và sự phụ thuộc lẫn nhau, trách nhiệm và hệ thống kế toán.

Ngoài việc lưu ý đến những mối nguy của sự phụ thuộc hoặc ca ngợi lợi ích của sự phân phối các nguồn lực, chúng ta cần khảo sát các cách sử dụng tích cực về tài chính trong sự cộng tác mở mang Hội Thánh. Câu hỏi là làm thế nào để sử dụng các nguồn lực đó một cách khôn ngoan vào sự phát triển dài hạn và thể hiện sự vững vàng như những bộ phận phụ thuộc lẫn nhau của Hội Thánh toàn cầu. Sau đây là bảy cách khác nhau trong việc hỗ trợ tài chính và những chỉ dẫn tương ứng về việc sử dụng của mỗi cách.

Ngân Quỹ Để Bắt Đầu

Ở đây sự trợ giúp là nhằm để bắt đầu một nỗ lực mới ở nơi mà các nguồn lực địa phương rất hạn hẹp. Điều này có thể được gọi là việc khởi động một dự án (xem bài học thực tế 18.2). Ở nơi chỉ có ít hoặc không có Cơ đốc nhân, thì các nguồn lực bên ngoài như hình thức gửi giáo sĩ đến, hỗ trợ cho một người mở mang Hội Thánh trong nước, giúp ngân quỹ cho các nỗ lực truyền giáo, hoặc thuê mượn tạm thời các tiện nghi đều cần thiết. Việc xuất bản các ấn phẩm, Kinh Thánh, hoặc các tài liệu khác có thể cũng cần thiết. Việc mua sắm các phương tiện vận chuyển thô sơ, như xe đạp hoặc xe máy, cho những người mở mang Hội Thánh cũng thuộc trong loại này.

Ngân quỹ để bắt đầu thường bị giới hạn về cả số lượng và thời hạn. Giống như bộ phận khởi động động cơ, sự hỗ trợ sẽ bị cắt khi Hội Thánh đi vào hoạt động. Ngân quỹ này nhằm giúp cho việc khởi động chứ không phải để duy trì phong trào. Bình thường thì loại ngân quỹ này chỉ hỗ trợ cho dự án một lần, chứ không hỗ trợ cho việc trả lương thường xuyên. Nếu tiền lệ được đặt ra là ngân quỹ để bắt đầu *luôn luôn* cần thiết để bắt đầu một Hội Thánh, thì sự tăng trưởng của phong trào mở mang Hội Thánh sẽ bị giới hạn trong khả năng huy động các ngân quỹ từ bên ngoài. Các phong trào mở mang Hội Thánh tăng trưởng đến mức mà các nguồn lực địa phương và những cách thức của địa phương được phát hiện để mở mang và sinh sản Hội Thánh. Vì vậy khi ngân quỹ để bắt đầu được cung cấp thì cần phải xem xét ngay

từ đầu làm thế nào để có thể duy trì và sản sinh tại địa phương về lâu dài. Đôi khi ngân quỹ để bắt đầu có thể được huy động ngay tại địa phương trong các Hội Thánh đã được thành lập.

Bài học thực tế 18.2

Dự Án Gặp Gỡ Đức Chúa Trời Ở Lima, Peru

Một trong những điển hình có ấn tượng nhất và thành công nhất trong việc tạo ngân quỹ cho việc bắt đầu là dự án Gặp Gỡ Đức Chúa Trời của Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp tại Lima, Peru. Một ngân quỹ cho việc bắt đầu với số tiền 300.000 đô la đã được cung cấp, kèm theo một chiến lược truyền giáo và mở mang Hội Thánh, bao gồm cả việc hoàn trả ngân quỹ của dự án. Ngân quỹ được sử dụng cho việc truyền giáo, quản bá, mua sắm tài sản và xây dựng nhà thờ (Mangham 1987; Turnidge 1999). Phong trào đã tăng trưởng từ một Hội Thánh với 117 tín hữu năm 1973 lên 20 Hội Thánh và 9.127 tín hữu năm 1987. Vào năm 1997 có 38 Hội Thánh với 15.870 tín hữu và số người dự nhóm hằng tuần là 25.000. Dù dự án Lima đã ảnh hưởng đến nhiều nỗ lực tương tự trong các phong trào mở mang Hội Thánh tại những quốc gia khác, nhưng không có nơi nào đạt được những kết quả ấn tượng như dự án này.

Ngân Quỹ Để Duy Trì

Ngân quỹ này khuyến khích và mở rộng khả năng dâng hiến của các tín hữu địa phương. Nó có lợi điểm là kích thích tinh thần làm chủ và sự cam kết của tín hữu địa phương đối với một dự án. Điều quan trọng là sự đóng góp phải được huy động tại địa phương – nghĩa là các thành viên của Hội Thánh phải đóng góp vào ngân quỹ và không cầu xin ở bên ngoài.

Ngân quỹ này thích hợp cho các dự án một lần như xây dựng cơ sở hoặc mua sắm trang thiết bị. Phải thận trọng để việc xây dựng cơ sở không trở thành niềm tự hào của các mục sư địa phương, hoặc thậm chí trở thành phương tiện tranh thủ hội chúng, như đã từng xảy ra ở Ấn Độ và những nơi khác trên thế giới.

Ngân quỹ trả lương cho những người mở mang Hội Thánh hoặc mục sư địa phương có thể nhanh chóng trở thành nan đề. Điều này có xu hướng tạo ra kỳ vọng về một mục sư được trả lương và sẽ luôn luôn được cung ứng bởi các nguồn bên ngoài. Việc nhân rộng Hội Thánh sẽ bị đe dọa khi quá đặt nặng vào việc xây dựng cơ sở hoặc các nhân sự chuyên nghiệp được trả lương.

Ngân Quỹ Tạo Đòn Bẩy

Ngân quỹ này mở rộng ảnh hưởng và làm tăng kết quả bằng cách đầu tư vào các mục vụ mà sẽ tạo ảnh hưởng đến nhiều mục vụ khác. Hình thức phổ biến nhất là đầu tư và sự phát triển lãnh đạo. Các trung tâm đào tạo dành cho những người mở mang Hội Thánh trong nước đang được tài trợ ngày càng nhiều. Đây là những trường thường dành cho những người lưỡng nghiệp, nghĩa là vừa đào tạo về nghề nghiệp vừa trang bị về mục vụ. Những người hoàn tất khóa đào tạo sẽ trở thành những người may mắn tự trang trải tài chính bằng nguồn thu nhập kiếm được từ nghề nghiệp họ đã học, đồng thời mở mang Hội Thánh. Những hình thức khác phục vụ cho việc mở mang Hội Thánh của loại ngân quỹ này bao gồm việc tài trợ cho các chương trình giáo dục mở rộng, xuất bản các ấn phẩm Cơ đốc, tài liệu môn đồ hóa và phiên dịch Kinh Thánh.

Ngân Quỹ Liên Kết

Ngân quỹ này nhằm giúp cho các Hội Thánh mới thành lập thực hiện sự liên kết với các Hội Thánh và các tổ chức Cơ đốc khác trong khu vực, quốc gia và quốc tế. Những dự án này có thể bao gồm việc tài trợ cho các hội thảo mở mang Hội Thánh trong khu vực, một giám đốc mở mang Hội Thánh khu vực, hoặc chi phí đi lại của các lãnh đạo để huấn luyện, thông công và khích lệ. Hỗ trợ cho các văn phòng của hệ phái hoặc sự đi lại trong phạm vi quốc tế của các lãnh đạo cũng nằm trong loại này.

Ngân Quỹ Tương Tế

Tài trợ cho các mục vụ thiện nguyện gắn liền với một Hội Thánh là một cách quan trọng và thực tế để thể hiện tình yêu của Đấng Christ và sự cam kết của Hội Thánh trong việc phục vụ cộng đồng. Phúc âm không thể dễ dàng bị phớt lờ khi được công bố một cách toàn diện bằng lời nói và hành động. Các dự án thiện nguyện và ngân quỹ cho nó phải được thảo luận cẩn thận với những người lãnh đạo địa phương.

Một nan đề có thể xuất hiện khi các lãnh đạo Hội Thánh địa phương khám phá ra rằng việc huy động từ ngân quỹ bên ngoài cho mục vụ thiện nguyện dễ dàng hơn cho việc truyền giáo và các mục vụ khác. Ví dụ, Hội Thánh non trẻ có thể bắt đầu điều hành một cô nhi viện như là một nguồn thu nhập và bỏ mặc công tác truyền giáo cũng như môn đồ hóa. Cả hai đều đúng và quan trọng, nhưng có thể dễ dàng đánh mất sự quân bình và có thể thỏa hiệp trong việc sử dụng ngân quỹ (Stanley, Hedlund, và Masih 1986; Yost 1984).

Ngân Quỹ Cho Mượn

Ngân quỹ này xuất hiện khi cần có một khoản tài trợ để tạo quỹ quay vòng nhằm hỗ trợ tài chính cho các dự án mở mang Hội Thánh. Vì ngân quỹ được mượn và trả lại, cho nên chúng có thể tiếp tục giúp đỡ tài chính cho các dự án tương lai. Những dự án phổ biến nhất bao gồm việc cho mượn xây dựng nhà thờ hoặc những đầu tư quan trọng. Bất kể dự án nào đi nữa, thì cũng phải có hứa hẹn tạo ra ngân quỹ trong tương lai để có thể hoàn trả.

Ngân Quỹ Gia Hạn

Ngân quỹ gia hạn là khoản trợ cấp cho Hội Thánh chưa có kế hoạch rõ ràng về việc cắt giảm. Đây là việc làm mà nói chung là chúng tôi không khuyến khích bởi vì nó tạo ra sự phụ thuộc không lành mạnh khi việc tài trợ phải được cắt giảm hoặc phải được chấm dứt. Việc cắt giảm tài trợ cũng có thể tạo ra căng thẳng và khó khăn. Cả về phía Hội Thánh nhận tài trợ và người tài trợ đều cảm thấy nản lòng. Hệ thống cắt giảm dần tài trợ theo tỷ lệ hằng năm (ví dụ, tiền trợ cấp sẽ cắt giảm 20% mỗi năm và các tín hữu địa phương phải tự gia tăng ngân quỹ 20% mỗi năm) cho đến khi chấm dứt tài trợ đã hoạt động tốt trong bối cảnh các nước sung túc. Tuy nhiên, cách này ít khi phù hợp hoặc có hiệu quả khi có sự chênh lệch kinh tế quan trọng giữa các Hội Thánh cộng tác. Nhưng tại sao sự phụ thuộc tài chính lại sai? Thật ra không có Hội Thánh nào hoàn toàn độc lập với những Hội Thánh khác. Những điển hình trong Tân ước chủ yếu thuộc diện trợ cấp tài chính bất thường và cứu đói, chứ không phải để duy trì (1 Cô 16:1-4; 2 Cô 8). Của cải có thể và nên được chia sẻ những lúc có cần, nhưng mục tiêu là mỗi người phải tự cung cấp cho mình trong những hoàn cảnh bình thường (ví dụ, ngay các góa phụ trẻ cũng phải tự lo cho bản thân; 1 Tim 5:8-11).

Khi chúng ta có một cái nhìn thực tế, thì sự quản lý phải là mối quan tâm lớn nhất. Khi một Hội Thánh vẫn còn nhận trợ giúp, thì nguồn lực đó không thể được sử dụng để mở mang Hội Thánh mới tại những nơi cần hơn. Muốn đạt được mục tiêu tiếp cận những người chưa được nghe Phúc âm, thì mỗi Hội Thánh phải có sức sống và tự duy trì trong những hoàn cảnh bình thường để có thể trở thành một Hội Thánh dâng hiến và gởi người ra đi. Sự tài trợ gia hạn lệ

thuộc vào người tài trợ và làm suy yếu việc ra quyết định, tính chủ động và quyền làm chủ của địa phương. Có thể xuất hiện một tinh thần sinh tồn hoặc tệ hơn là một tâm lý nghèo khổ. Một người đã gọi hình thức này là một “hệ thống phúc lợi Hội Thánh” (Elder 2003).

Những Hướng Dẫn Sau Cùng

Chúng tôi kết thúc phần các nguồn lực tài chính này bằng việc tổng hợp một số hướng dẫn thực tế về sự đầu tư chiến lược các nguồn lực bên ngoài.

Đầu tư sao cho cuối cùng đưa đến sự nhân rộng Hội Thánh dựa trên các nguồn lực địa phương. Điều này có nghĩa là sự hỗ trợ tài chính được tập trung vào các dự án ngắn hạn, đào tạo, lãnh đạo, và sự hợp tác khu vực theo những cách sao cho có thể chuyển đổi sang sự lãnh đạo và tạo lập ngân quỹ của địa phương. Các Hội Thánh phải học cách sinh sản dựa vào các nguồn lực địa phương.

Ưu tiên cho các nỗ lực không có người địa phương để hỗ trợ cho mục vụ. Ví dụ, ngay cả một hội chúng nhỏ và thiếu thôn cũng phải có khả năng trang trải các chi phí thường xuyên bằng tiền dâng hiến của các thành viên. Mặt khác các trung tâm đào tạo người mở mang Hội Thánh và các mục vụ thiện nguyện, ít nhất là trong những giai đoạn đầu của phong trào, không có người địa phương để hỗ trợ.

Tránh đầu tư theo cách làm mất sự chủ động của địa phương hoặc tạo ra sự phụ thuộc lâu dài. Việc hỗ trợ cho các nhà truyền giáo và người mở mang Hội Thánh trong nước không phải là chìa khóa vàng cho công tác truyền giáo thế giới, như một số người từng đề nghị. Cách làm này có vô vàn khó khăn và nếu thực hiện không khôn ngoan có thể gây cản trở cho phong trào (Ott 1993). Cách làm này không thể duy trì và sinh sản tại địa phương.

Đừng tạo ra ấn tượng là mục vụ phụ thuộc vào tiền bạc, cơ sở hoặc những người chuyên nghiệp được trả lương. Lịch sử của Hội Thánh cho thấy Phúc âm đã phát triển trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Những nhân sự trọn thời gian được trả lương có thể rất hữu ích, nhưng họ không phải là yếu tố then chốt cho sự mạnh khỏe và sự nhân rộng Hội Thánh. Nhà thờ cũng như vậy. Một số trong các phong trào mở mang Hội Thánh năng động nhất hầu như được lãnh đạo bởi các nhân sự và sử dụng những phương tiện và nơi nhóm họp đơn giản. Những Hội Thánh giàu có phải rộng rãi và đừng gây ấn tượng rằng những nơi không có tiền thì mục vụ không thể tiến triển.

Nắm bắt về văn hóa, phong tục và nhu cầu của địa phương đồng thời lắng nghe các lãnh đạo địa phương. Thật không may, sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài có thể dẫn đến sự chi phối bởi những người hiểu biết rất ít về nhu cầu và phong tục địa phương. Sự đầu tư phải trao quyền cho người địa phương, tôn trọng quyết định của họ, và phải được thực hiện cùng với sự quan tâm đến nhu cầu và mục tiêu của tất cả các đối tác.

19

Thành Lập Những Hội Thánh
Mang Ảnh Hưởng Nước Trời

Nếu chúng ta phải thành lập những Hội Thánh thật sự là một minh chứng cho, một dấu hiệu về, và một sự nếm trước về nước Trời, thì chúng ta phải đáp ứng những nhu cầu và quan tâm của con người rộng lớn hơn những gì đã được định nghĩa trong công tác truyền giáo và môn đồ hóa. Điều này đặc biệt quan trọng khi chúng ta thành lập những Hội Thánh trong vòng người nghèo, người bị áp bức và mù chữ. Những nhu cầu của họ không thể phớt lờ được. Mỗi quan tâm của chúng ta không thể chỉ là số lượng các Hội Thánh được thành lập mà phải mở rộng đến chất lượng của Hội Thánh và ảnh hưởng của các Hội Thánh trên đời sống và cộng đồng. Các Hội Thánh không chỉ rao truyền sứ điệp của Đức Chúa Trời mà còn phải bày tỏ bản tánh của Ngài nữa. Chúng phải là những Hội Thánh mang ảnh hưởng của nước Trời.

Nước Trời sẽ không được bày tỏ đầy đủ cho đến khi Đấng Christ trở lại. Nhưng nơi nào Đấng Christ cai trị trong đời này, thì ở đó có nước Trời, ở giữa thế gian này. Nước Trời được đặc trưng bằng sự công bình, sự bình an và sự vui mừng trong Thánh linh (Rô 14:17). Sự cai trị của Đấng Christ bắt đầu trong sự tái sinh vô hình, khi một người được sinh lại bởi Thánh linh của Đức Chúa Trời và đầu phục quyền làm chủ của Đấng Christ trong đời sống của người đó (Mat 7:21; Lu 9:23; Giăng 3:3-5). Sự cai trị của Ngài biến đổi cuộc đời của người tin, và rồi định hình cuộc sống của cộng đồng tín hữu, tức là Hội Thánh, rồi đến lượt Hội Thánh có ảnh hưởng đến thế giới. Đây là những gì mà chúng tôi muốn nói về ảnh hưởng của nước Trời: *ảnh hưởng của Hội Thánh trong mọi mối quan hệ bằng việc bày tỏ và thúc đẩy sự công bình, sự thương xót, sự công bằng, và sự khôi phục mọi sự dưới sự cai trị của Đấng Christ*. Trong nước Trời sẽ hiện diện trong tương lai, chúng ta sẽ vui hưởng sự hiện diện đầy vinh hiển của Đức Chúa Trời, và không còn sự chết, đau khổ, sầu não và bất công. Mọi thứ sẽ được làm mới lại (Khải 21:1-5). Trong đời này Hội Thánh là một trải nghiệm chưa hoàn hảo về vương quốc sẽ đến đó. Mặc dù Hội Thánh còn hạn chế trong khả năng biến đổi một thế giới chưa đầu phục dưới quyền cai trị của Đấng Christ, nhưng sự hiện diện của Hội Thánh với tư cách là muối và ánh sáng phải là một nhân chứng về vương quốc đó, đưa mọi người đến với sự tốt lành và vinh quang của nó. Chúng ta cần phải thành lập những Hội Thánh với những ảnh hưởng về vương quốc như vậy.

Trong chương này chúng tôi mô tả ngắn gọn về ba phương diện của các cộng đồng dân Chúa: Đại mạng lệnh, Đại giới răn, và sự kêu gọi cao cả. Rồi chúng tôi sẽ thảo luận những vấn đề thực tiễn về việc tạo ra ảnh hưởng trong cộng đồng, việc kết hợp công tác thành lập Hội Thánh với các mục vụ phục vụ, và một số chương ngại trong công tác phục vụ, phát triển kinh tế và thành lập Hội Thánh. Cuối cùng, chúng tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến việc mở mang Hội Thánh trong vòng người nghèo.

Ba Phương Diện Của Các Cộng Đồng Dân Chúa

Hội Thánh là cộng đồng những người được Đức Chúa Trời kêu gọi ra khỏi thế gian, là những người bày tỏ quyền làm chủ của Đấng Christ trên mọi khía cạnh của đời sống. Công tác biến đổi của Đức Chúa Trời cuối cùng phải hoàn thành trên mọi phương diện của cuộc sống: cá nhân, gia đình, xã hội, kinh tế và chính trị. Trong chương một chúng tôi đã lưu ý rằng các Hội Thánh kinh nghiệm quyền năng biến đổi của Đấng Christ và bày tỏ quyền làm chủ của Ngài có thể được gọi là *các cộng đồng dân Chúa* (kingdom communities). Zac Niringiye đã nói: “Cộng đồng dân Chúa vừa là phương tiện vừa là mục đích của việc truyền bá Tin Lành của nước Trời” (2008, 18). Các cộng đồng dân Chúa có ba phương diện, dù khác biệt về mục tiêu nhưng tất cả đều có quan hệ lẫn nhau trong việc thực hiện.

Đại Mạng Lệnh: Truyền giáo và Môn đồ hóa

Với tất cả những gì đã được nói trong cuốn sách này thì điều này có thể không cần phải nói ở đây. Đại Mạng Lệnh là rõ ràng: “Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp-têm cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi.” (Mat 28:19-20). Điều này bao gồm việc sai đi, rao truyền, làm báp-têm, dạy dỗ, tập hợp thành các hội chúng, và rồi lại sai đi, cứ như vậy nhân rộng các môn đồ và các Hội Thánh giữa vòng mọi dân tộc. Hội Thánh không thể ngồi nghỉ cho đến khi mọi dân, mọi nước, mọi bộ tộc và mọi thứ tiếng đã được mua bằng huyết của Chiên Con và bước vào mối thông công với vua của các vua (Khải 5:9-10). Hội Thánh được sinh ra bởi Phúc âm, và Hội Thánh đem chính Phúc âm đó vào trong thế giới với quyền năng của Thánh linh. Bất kể Hội Thánh như thế nào thì cũng đều là những cộng đồng lấy Phúc âm làm trung tâm. Bất cứ Hội Thánh nào không còn rao giảng Phúc âm và môn đồ hóa thì Hội Thánh đó đã đánh mất quyền thừa kế của mình. Sự biến đổi cộng đồng chỉ thực sự xảy ra khi những cá nhân được biến đổi bởi quyền năng của Phúc âm.

Đại Giới Răn: Tình yêu thương bày tỏ qua hành động

Khi được hỏi điều răn nào là lớn nhất thì Chúa Giê-xu trả lời: “Ngươi hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Ngươi hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thầy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra.” (Mat 22:37-40). Chúng ta sẽ quay trở lại nửa đầu của câu trả lời này, yêu Chúa. Nhưng yêu Chúa và yêu người lân cận không thể tách rời nhau. “Vì có ai nói rằng: Ta yêu Đức Chúa Trời, mà lại ghét anh em mình, thì là kẻ nói dối; vì kẻ nào chẳng yêu anh em mình thấy, thì không thể yêu Đức Chúa Trời mình chẳng thấy được.” (1 Giăng 4:20).

Tình yêu hy sinh, thậm chí đối với những người ghét chúng ta, là sự phản ánh chính bản tánh của Đức Chúa Trời (Mat 5:43-44). Chúng ta không thể *không* yêu! Qua mục vụ của Hội Thánh (và thành lập Hội Thánh), tình yêu sẽ được bày tỏ trong các công việc từ thiện, công bằng, nâng đỡ số phận con người, và đáp ứng nhu cầu của con người trọn vẹn. Chúng ta buộc phải làm như vậy bởi vì chúng ta quan tâm về con người không chỉ về nhu cầu cứu rỗi linh hồn đời đời. Những hoạt động truyền giáo đầu tiên của giới Tin Lành bao gồm các mục vụ về y tế, giáo dục, và từ thiện kết hợp với công tác truyền giáo và mở mang Hội Thánh.

Các Hội Thánh vùng đô thị và những Hội Thánh hoạt động trong vòng người nghèo nhận ra rằng việc truyền giáo, môn đồ hóa và thành lập Hội Thánh không thể tách rời với các mục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu hằng ngày về mặt thể xác, kinh tế và xã hội của con người. Các Hội Thánh Tin Lành đã ủng hộ hoạt động truyền giáo tổng thể nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc chăm sóc đến toàn bộ con người, gồm thân thể, linh hồn, tâm trí và hàn gắn những

bất hạnh trong xã hội.¹⁸ Nhưng ngay cả những người ủng hộ mục vụ tổng thể, như Tetsuano Yamamori của Tổ chức Thực Phẩm Cho Người Đói, cũng kết hợp công tác mở mang Hội Thánh như là một phần của chiến lược tổng thể để chăm sóc người nghèo (Yamamori 1998, 9). Báo cáo của Thái lan về công tác chứng đạo cho người nghèo đô thị cho thấy: “Chúng tôi tin rằng chiến lược cơ bản cho việc truyền giáo cho người nghèo đô thị là sự tạo ra hoặc phục hưng các cộng đồng trong đó các Cơ đốc nhân sống và cùng chia sẻ với những người khác” (LOP 22, 1980, 16) – nghĩa là các cộng đồng dân Chúa. Phần lớn chương này được dành để khảo sát về mối quan hệ giữa các mục vụ về tình yêu và phục vụ với công tác thành lập Hội Thánh.

Sự Kêu Gọi Cao Cả: Thờ phượng và Tôn vinh Đức Chúa Trời

Sự thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời là mục tiêu tối hậu của mọi nỗ lực truyền giáo. John Piper đã có câu nói nổi tiếng sau: “Truyền giáo còn tồn tại bởi vì chưa có sự thờ phượng . . . Vì vậy, thờ phượng là năng lượng và mục đích của truyền giáo” (1993,11). Thờ phượng là mục đích bởi vì khi tất cả những thứ khác đã qua đi thì thờ phượng vẫn hiện hữu trong Hội Thánh đến đời đời. Đây là sự kêu gọi cao cả của chúng ta, từ đời đời đến đời đời, như đã được bày tỏ qua lời mở đầu của Phao Lô trong Ê-phê-sô chương 1:

Bởi sự thương yêu của Ngài đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ, theo ý tốt của Ngài, để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài! . . . Ấy cũng là trong Ngài mà chúng ta đã nên kẻ dự phần kẻ nghiệp, như đã định trước cho chúng ta được điều đó, theo mạng của Đấng làm mọi sự hiệp với ý quyết đoán, hầu cho sự vinh hiển của Ngài nhờ chúng ta là kẻ đã trồng cây trong Đấng Christ trước nhứt mà được ngợi khen. . . Ấy là trong Ngài mà anh em đã tin và được ân chứng bằng Đức Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa, . . . để khen ngợi sự vinh hiển Ngài.

Thờ phượng cũng là năng lượng của truyền giáo, như Christopher Wright giải thích: “Chúng ta có thể nói rằng truyền giáo tồn tại là nhờ sự ngợi khen. Sự ngợi khen của Hội Thánh truyền sức mạnh và đặc tính của nó cho công tác truyền giáo” (Wright 2006, 134). Chỉ khi Hội Thánh tập hợp được sức mạnh, ảnh hưởng và động lực từ mối quan hệ của nó với Đấng Christ phục sinh thì mới có thể thúc đẩy công tác truyền giáo có kết quả để đem lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời và hiện thực hóa hai phương diện đầu tiên là Đại Mạng Lành và Đại Giới Răn (Giăng 15:5-8).

Nếu không có gì khác thì những Hội Thánh chúng ta thành lập phải là những cộng đồng thờ phượng. Hội Thánh không chỉ nhóm lại để thờ phượng chung – ngợi khen, cầu nguyện, dâng hiến, lắng nghe Lời Chúa, thực hiện lễ Báp têm và tiệc thánh – nhưng đời sống hằng ngày của họ được xem là một của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời (Rô 12:1). Dù ở đâu – tại nơi làm việc, ở nhà, trong cộng đồng – họ cũng đều là một thức hương đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời (2 Cô 2:14-15; 1 Phi 2:12). Các tín hữu sống trong niềm hy vọng về ngày mà tất cả chúng ta sẽ được tụ họp với tất cả các thánh đồ của mọi dân, mọi nước, mọi bộ tộc và mọi thứ tiếng để thờ phượng và phục vụ Chiên Con của Đức Chúa Trời đời đời (Khải 7:9-17). Đây là sự kêu gọi cao cả của Hội Thánh.

Ba phương diện này – Đại mạng lành, Đại giới răn và sự kêu gọi cao cả – tạo nên sự trọn vẹn của Hội Thánh, dân được chọn của Đức Chúa Trời, một cộng đồng dân Chúa. Các Hội Thánh khác nhau sẽ bày tỏ những điều này ở những mức độ khác nhau, nhưng tất cả phải được thể hiện và mỗi phương diện góp phần hỗ trợ cho phương diện khác.

¹⁸ Để được rõ thêm về mục vụ tổng thể, xin xem LOP 33, “Holistic Mission,” từ diễn đàn về truyền giáo thế giới năm 2004, có tại www.lausanne.org/documents/2004forum/LOP33_IG4.pdf

Có lẽ một trong những phát biểu hay nhất về mối quan hệ giữa truyền giáo và hoạt động xã hội đã được đưa ra tại Hội Nghị Tư Vấn Quốc Tế về mối quan hệ giữa truyền giáo và trách nhiệm xã hội (1982) tại Grand Rapids, Michigan, được tài trợ bởi Ủy Ban Truyền Giáo Thế Giới Lausanne. Báo cáo kết quả (LOP 21, 1982) kết luận rằng hoạt động xã hội là một *hệ quả của, một nhịp cầu cho, và là một cộng sự của hoạt động truyền giáo.*

Truyền giáo, thậm chí khi nó không có định ý về công tác xã hội, thì vẫn có một phương diện về mặt xã hội, và trách nhiệm xã hội, thậm chí khi nó không có ý định về truyền giáo, có một phương diện về truyền giáo.

Vì vậy, truyền giáo và trách nhiệm xã hội, tuy khác biệt với nhau, được kết hợp trong sự truyền bá và vâng theo Phúc âm của chúng ta. Sự cộng tác này trong thực tế là một cuộc hôn nhân. (LOP 21, C)

Xin lưu ý một điển hình sau đây từ Châu Mỹ La Tinh:

Hội Thánh Tin Lành lớn nhất tại Caracas, Venezuela, là Hội Thánh Phúc âm Ngũ Tuần Las Acacias. Nó đã bắt đầu từ việc tiếp cận những cư dân thành phố - bằng việc cung cấp số điện thoại tư vấn. Sự đáp ứng thật là quá nhiều. Những người được tiếp cận qua điện thoại đã hình thành nên một hội chúng và cuối cùng đã mua một rạp hát cũ 2000 chỗ ngồi, chiếm cả một dãy phố. Chứng nhân đây đây Thánh Linh của Hội Thánh là rõ ràng và kiên quyết. Hội Thánh giúp đáp ứng những nhu cầu của các cư dân lân cận qua sự trợ giúp về y tế và pháp lý, tư vấn về hôn nhân và gia đình. Hiện tại họ giúp thành lập một trung tâm cai nghiện, gọi là Hogar Nueva Vida. Hội Thánh Las Acacia sống và phục vụ theo hai thực tại lớn – thuộc linh và thuộc thế. Đấng Christ của Hội Thánh này là chúa của cả “thiên đàng” thuộc linh cũng như của thế giới “thực” đầy đau đớn và đói khát. (Berg và Pretiz 1992, 151)

Đây là một Hội Thánh có ảnh hưởng của nước Trời toàn diện. Trong phần còn lại của chương này chúng tôi sẽ đề cập cụ thể hơn về công tác từ thiện, phục vụ xã hội, phát triển kinh tế và cộng đồng vì chúng có liên quan đến sự mở mang Hội Thánh.

Xác Định Nhu Cầu và Bắt Đầu Công Việc

Chúng tôi sẽ đề cập đến công tác từ thiện, phát triển kinh tế, công bằng, và các mục vụ tương tự khác là *các mục vụ phục vụ*. Chúng tôi sẽ không cố gắng đề cập đến lĩnh vực văn học to lớn và nhiều nguyên tắc của mục vụ tổng thể; chúng tôi chỉ có thể đưa ra một tóm tắt. Sau đây là một số ít trong nhiều lựa chọn đối với mục vụ phục vụ:

- Chương trình lương thực và quần áo
- Các phòng khám y khoa và nha khoa
- Tư vấn và hỗ trợ pháp lý
- Tư vấn về khủng hoảng, hôn nhân, gia đình, cai nghiện và tư vấn khác
- Các chương trình xóa nạn mù chữ, giáo dục và học đường
- Đào tạo nghề và cơ hội việc làm
- Cứu trợ thiên tai
- Phục vụ hoặc thăm viếng tù nhân, trẻ mồ côi, bệnh nhân
- Phát triển cộng đồng và giáo dục sức khỏe công cộng
- Nghiện ngập, ly hôn, cha mẹ đơn thân và các nhóm tự giúp đỡ khác
- Phát triển kinh tế, cho vay nhỏ, quỹ quay vòng, chương trình hợp tác
- Giáo dục về môi trường, các dự án và hỗ trợ về môi trường

Nhóm mở mang Hội Thánh cần đánh giá cách cẩn thận nhiều yếu tố khi xem xét cách bắt đầu một mục vụ phục vụ: nhu cầu của cộng đồng, các chuyên gia và các nguồn lực sẵn có, mức

độ cam kết, và những đối tác tiềm năng. Những người mở mang Hội Thánh không nên coi nhẹ các yêu cầu của những mục vụ đó và những trở ngại liên quan với nó. Họ phải tiên đoán mục vụ phục vụ sẽ cân bằng như thế nào với những đòi hỏi khác của công tác mở mang Hội Thánh. Vì vậy, cần phải đánh giá cẩn thận những gì có tính thực tế và hiệu quả.

Bất cứ nơi nào có công tác mở mang Hội Thánh thì đều có nhu cầu về nhân lực. Không chỉ đối với người hoạt động giữa vòng người nghèo nhưng ngay cả giữa vòng người giàu có hơn, nhu cầu cũng không ít hơn. Thực ra người mở mang Hội Thánh nhạy cảm có thể bị choáng ngợp khi đương đầu với vô số nhu cầu và khó biết được phải bắt đầu ở đâu. Nhưng vội vã tiến tới mà không có một kế hoạch hoặc sự chuẩn bị cẩn thận có thể dẫn đến tai họa. Sau đây là một số bước căn bản.

1. *Bắt đầu với cộng đồng.* Điều nào người địa phương xem là nhu cầu lớn nhất của họ? Làm cách nào họ nhận ra căn nguyên của nhu cầu, và họ đã thử hoặc đưa ra giải pháp nào? Ai là người đưa ra quyết định chính hoặc người gác cửa cộng đồng cần phải quan tâm đến? Điều này là quan trọng bởi vì nhận thức về nhu cầu và giải pháp của một người bên ngoài có thể khác xa với dân địa phương (xem Tembo 2003). Hãy nói chuyện với những người lãnh đạo cộng đồng, và cẩn thận lắng nghe những thường dân, nhưng tránh vội vã đưa ra bất kỳ hy vọng sai lầm nào hoặc các giải pháp mang tính áp đặt. Dĩ nhiên những nhu cầu cảm thấy không phải luôn luôn là những nhu cầu thực sự, vì vậy, cần phải có sự hiểu biết cận kề.

2. *Bắt đầu với những nỗ lực nhỏ.* Bắt đầu bằng việc phát hiện một hoặc hai nhu cầu có thể được đáp ứng một cách hợp lý. Việc thăm viếng tù nhân, bệnh nhân hoặc trẻ mồ côi đòi hỏi một chút kỹ năng hoặc nguồn tài chính. Việc tài trợ cho một nhóm ngắn hạn thực hiện một dự án làm vệ sinh trong cộng đồng, vận hành một phòng khám răng, hay xây dựng một sân chơi là một dự án có khả năng quản lý đối với một Hội Thánh nhỏ – một dự án có thể tạo ra một thay đổi đáng kể trong người dân nhưng không quá sức của Hội Thánh. Những chương trình như vậy sẽ tạo ra cho Hội Thánh non trẻ bản chất về sự quan tâm và phục vụ cộng đồng. Đây là những cách tốt để gắn liền các hội chúng hỗ trợ vào việc mở mang Hội Thánh và xây dựng các mối quan hệ với cộng đồng. Những dự án và sự kiện nhỏ hơn giúp Hội Thánh tích lũy kinh nghiệm và phát triển mục vụ phục vụ. Việc thông tin trên báo chí những dự án như vậy có thể giúp Hội Thánh dành được thiện cảm trong mắt của công chúng.

3. *Đánh giá các nguồn lực địa phương để đáp ứng nhu cầu.* Các giải pháp dài hạn dựa trên các nguồn lực ban đầu của địa phương. Thường thì các nhóm mở mang Hội Thánh có thể dựa vào những nỗ lực hiện có. Việc này làm tăng sự tin cậy và một tinh thần hợp tác đồng thời không đòi hỏi nhiều sức lực và nguồn lực của Hội Thánh. Ví dụ, hãy tính đến một phòng khám địa phương thay vì mở một cái mới. Không phối hợp được các nỗ lực, thậm chí giữa chương trình phát triển Cơ đốc và các tổ chức từ thiện, có thể gây lãng phí và dẫn đến sự cạnh tranh không cần thiết. Mặt khác, có thể khám phá những nhu cầu chưa được đáp ứng của cộng đồng và Hội Thánh có thể chủ động thực hiện một nỗ lực mới để đáp ứng những nhu cầu đó.

4. *Đánh giá cẩn thận về mức độ của các chuyên gia, các nguồn lực và cam kết mà Hội Thánh có thể đưa vào nỗ lực trong thực tế.* Đưa ra một cam kết đối với một dự án mà không thể hoàn thành, sẽ làm nẩy sinh hy vọng hão huyền và ý chí yếu kém. Cố gắng tiến hành một chương trình mà thiếu sự lãnh đạo chuyên nghiệp có thể gây ra thiệt hại nhiều hơn ích lợi, gây ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế địa phương, môi trường, hoặc tình trạng ổn định về tâm sinh lý và xã hội của các cá nhân. Nếu Hội Thánh quan tâm đến một chương trình lớn hơn thì

cần phải tìm sự tư vấn của các chuyên gia trước để bảo đảm sự chuẩn bị đáp ứng nhu cầu trong những phương diện thật sự cần giúp đỡ. Hãy suy nghĩ về mục vụ cho tương tận. Ví dụ, khởi sự một mục vụ thăm viếng tù nhân thường bao gồm việc chăm sóc tù nhân sau khi họ được ra tù và giúp đỡ họ tìm kiếm việc làm, chỗ ở và tái hòa nhập họ vào trong cuộc sống. Hội Thánh có chuẩn bị cho cả điều này chưa?

5. *Xem xét việc cộng tác với một trong nhiều tổ chức phục vụ Cơ đốc có kinh nghiệm hoặc NGO.*¹⁹ Các tổ chức như Hội Cứu Trợ Thế Giới, Chiếc Ví Của Người Sa-ma-ri, Hội Từ Thiện Thế Giới và nhiều tổ chức khác thường hợp tác với các cơ sở của Hội Thánh địa phương. Các hoạt động có thể bao gồm từ việc cung cấp quà giáng sinh đến việc cung cấp tài chính cho chương trình bữa ăn tại trường học, đến việc thành lập một dự án phát triển hoặc phòng khám có đầy đủ nhân viên (xem bài học thực tế 19.1). Các tổ chức phát triển và từ thiện trên mang đến các nguồn lực, chuyên gia và kinh nghiệm mà một Hội Thánh không có khả năng cung cấp. Trong các sự cộng tác đó thì kỳ vọng của tất cả các bên phải được nói trước một cách rõ ràng. Ví dụ, tổ chức phi chính phủ có mong đợi các báo cáo, thư từ từ các trẻ em được tài trợ, hoặc tên và hình ảnh có thể hủy hoại công việc trong một bối cảnh nhạy cảm không? Tổ chức phi chính phủ mong muốn Hội Thánh và dân chúng địa phương mức độ tình nguyện hoặc cam kết như thế nào? Điều gì xảy ra sau khi NGO rút đi? Các Hội Thánh cũng nên lưu ý để không bị lệ thuộc vào điều mà Ian Wallace (2002, 135) gọi là “hiện tượng

Bài học thực tế 19.1

Động đất tại Chinchá

Báo cáo sau đây của giáo sĩ Meredith McAllister thuộc ReachGlobal mô tả trong một bức thư cầu nguyện về sự đáp ứng đối với trận động đất năm 2007 tại Chinchá, Peru, cho thấy sự hợp tác đa phương diện giữa một Hội Thánh địa phương và các cộng sự khác nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu tức thời và lâu dài của dân chúng, cả về thuộc linh lẫn thuộc thế:

“Peru đã trải qua một trận động đất 7,9 độ vào ngày 15 tháng 9, cách Lima ba giờ về phía Nam. Đáp ứng trước tiên của chúng tôi là quyên góp và chuyên đồ cứu trợ đến để phân phát qua một Hội Thánh địa phương tại Ica. Hội Thánh “Đức Chúa Trời” đã trở thành một NGO trong hai tháng đầu tiên sau trận động đất, được nhiều doanh nghiệp thế tục chọn làm nhà phân phối nhờ sự đáng tin cậy của họ. Chúng tôi cũng có cơ hội giúp cho Jonathan Olford, một nhà tâm lý học Cơ-đốc, tổ chức một hội thảo gọi là ‘Sự hiện diện của Chúa trong cơn khủng hoảng’ để giúp Hội Thánh tiếp cận cộng đồng trong khủng hoảng. Ba người chúng tôi phiên dịch cho ông, trình bày cùng 50 mục sư và lãnh đạo trong thành phố Chinchá, và hơn 100 người trong thành phố Ica. Nhiều lãnh đạo địa phương đã đuối sức khi cố gắng đáp ứng với cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhà cửa, gia đình và Hội Thánh của họ . . . Hiện chúng tôi đang ở trong giai đoạn thứ hai phức tạp hơn, đó là việc xây dựng lại. Sau khi xem xét nhiều giải pháp, chúng tôi đã quyết định tiếp tục công việc với một cộng đồng tại Chinchá (thành phố có 40.000 người, một trong ba nơi khó tiếp cận nhất) gọi là Salto de la Liza. Tổ chức Thực phẩm cho Người đói có một kế hoạch chi tiết xây dựng lại nhà cho hơn 60 gia đình, hy vọng số lượng sẽ tăng thêm khi những thợ xây được đào tạo kỹ thuật xây dựng.”

chiếc bánh mở”: các Hội Thánh trở thành một ống dẫn thuận tiện cho việc phân phát cứu trợ cho người nghèo nhưng trong quá trình đó trở nên đuối sức hoặc chịu hoạn nạn.

¹⁹ NGO là một tổ chức phi chính phủ; những tổ chức phi chính phủ được đề cập ở đây chuyên về phát triển cộng đồng, từ thiện, hoặc đáp ứng các nhu cầu xã hội hoặc vật chất. Một số, như hội Hồng Thập Tự và những tổ chức khác của Liên Hiệp Quốc là những tổ chức thế tục. Một số khác, như Chiếc Ví Của Người Sa-ma-ri và Lương Thực Cho Người Đói, là những tổ chức Cơ đốc.

6. *Dự tính trước khả năng duy trì của địa phương.* Câu ngạn ngữ cổ “Trao cho một người một con cá thì bạn chỉ nuôi họ được một ngày. Dạy một người cách câu cá thì bạn nuôi sống họ cả một đời” thật quá đúng. Khả năng duy trì lâu dài phải là một phần của kế hoạch. Cuối cùng mọi người phải được dạy cách tự đáp ứng nhu cầu của họ, không cần sự giúp đỡ từ bên ngoài, dù trong những tình huống rất khó khăn thì điều này có thể không được. Trong một trường hợp một nhóm chăm sóc sức khỏe ban đầu từ chối sử dụng X-quang hoặc thiết bị đất tiên khác như là một phần của chương trình giáo dục sức khỏe cộng đồng, bởi vì họ biết rằng thiết bị như vậy không sẵn có đối với những cộng đồng đó sau này (Seale 1989). Cách tiếp cận đó đôi khi có nghĩa là tìm kiếm các giải pháp có kỹ thuật thấp hơn. Các dự án có khả năng duy trì tại địa phương tạo cho cộng đồng lòng tự trọng vì mọi người trở nên tự tin và không tiếp tục phụ thuộc vào người bên ngoài về tình trạng ổn định của họ. Các dự án phát triển thường sụp đổ ngay sau khi không còn sự hỗ trợ từ bên ngoài. Vì vậy, cần có một kế hoạch tuyển mộ và huấn luyện người địa phương ngay từ ban đầu – những người có thể thu nhận những kỹ năng cần thiết để duy trì mục vụ và giúp đỡ cộng đồng tự tạo ra mục vụ cho mình.

7. *Chú trọng nhiều vào sự tăng thêm sức mạnh hơn là sự trợ giúp.* Trong nhiều tình huống khẩn cấp, như cứu trợ nạn đói, thì hành động tức thời dưới hình thức trợ giúp là cần thiết để cứu mạng sống của con người. Nhưng cuối cùng mọi người phải được tăng thêm sức mạnh để làm chủ những thách thức của riêng họ không phụ thuộc vào sự trợ giúp từ bên ngoài. Như một tác giả đã viết, sự phát triển phải tìm cách “thay đổi cái nhìn của họ từ vị trí là khách hàng của những người khác và nạn nhân của tình huống, sang vị trí của những đơn vị của sự phát triển của họ; từ chỗ yếm thế sang hy vọng, từ chỗ phải nhờ sự giúp đỡ của người khác sang chỗ cần cù siêng năng và tự nhận thức về bản thân” (McCauley 2007, 16-17). Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ làm tăng thêm sức mạnh không gì bằng, nâng cao số phận của con người, ban cho hy vọng, đem lại trách nhiệm cá nhân, và thay đổi những giá trị căn bản.

8. *Hòa nhập phương diện thuộc linh với mục vụ phục vụ một cách tự nhiên.* Hầu hết các nền văn hóa của thế giới đa số nhìn cuộc sống một cách tổng thể, trong khi các nền văn hóa phương Tây có khuynh hướng chia tách cuộc sống thuộc linh và thuộc thể. Các giáo sĩ phương Tây đôi khi ngại kết hợp sự chăm sóc thuộc linh với sự chăm sóc thuộc thể và xã hội. Dĩ nhiên, chúng ta đừng bao giờ dùng nhu cầu của một người hoặc sự đau khổ như một dịp tiện để thao túng hoặc ép buộc. Nhưng người mở mang Hội Thánh nên dùng cách tự nhiên và thích hợp để chứng tỏ rằng họ hành động bởi tình yêu của Đấng Christ để đáp ứng các nhu cầu của toàn bộ con người, gồm thân thể, linh hồn và tâm trí. Có thể trình bày một cách đơn giản như sau: “Chúng tôi là một tổ chức Cơ đốc. Chúng tôi phục vụ mọi người không phân biệt đức tin, nhưng quý vị cần biết rằng chúng tôi làm điều này vì cơ tình yêu thương mà Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng của chúng tôi. Chúng tôi sẽ cầu nguyện cho quý vị và sẽ chia sẻ cho quý vị nhiều hơn về tình yêu thương của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nếu quý vị muốn.” Tại một vùng xa xôi ở nước Rwanda, có hai phòng khám y khoa hoạt động: một thuộc về Hội Truyền Giáo Cơ đốc và một thuộc về NGO. Mặc dầu dịch vụ y tế của cả hai phòng khám không khác nhau, nhưng dân chúng địa phương thích bệnh viện Cơ đốc hơn, thậm chí ở xa hơn. Khi những người khảo sát chất vấn, thì lý do được lặp lại nhiều lần là “tại

phòng khám Cơ đốc họ cũng cầu nguyện cho chúng tôi!”²⁰

9. Phối hợp Mục vụ Phục vụ với Công tác Mở mang Hội Thánh Trong thực tế

Làm thế nào phối hợp về mặt tổ chức mục vụ phục vụ với công tác mở mang Hội Thánh? Mỗi tình huống dưới đây liên quan đến việc cung cấp một đường hướng để bày tỏ một cách thực tế tình yêu của Đức Chúa Trời và giới thiệu về Phúc âm. Các mục vụ phục vụ mang lại uy tín cho Hội Thánh đang được thành lập, chiếm được cảm tình của cộng đồng, và có thể là một nguồn tân tín hữu và cơ hội để các tín hữu phục vụ một cách thực tế. Ngược lại, Hội Thánh có thể cung cấp nơi trú ẩn thuộc linh, tư vấn, và môn đồ hóa cho những người được chăm sóc thông qua các mục vụ phục vụ. Hội Thánh cũng có thể cung cấp sự tư vấn và khích lệ cho các nhân sự trong mục vụ phục vụ. Mục vụ phục vụ và công tác mở mang Hội Thánh có thể cùng tiến bước trong cách này và những cách khác.

Những cách phối hợp mục vụ phục vụ với công tác mở mang Hội Thánh

Nói về mặt thực tiễn, có nhiều cách để phối hợp các mục vụ phục vụ với công tác mở mang Hội Thánh. Mỗi cách có hiệu quả trong những hoàn cảnh nhất định và những thách thức riêng.

BẤT THƯỜNG

Một khả năng có thể thực hiện là Hội Thánh tổ chức hoặc tài trợ những dự án bất thường để đáp ứng nhu cầu của địa phương. Chẳng hạn như tổ chức một tuần khám bệnh do một nhóm chuyên gia sức khỏe đảm trách²¹, phát quà Giáng sinh cho người nghèo hoặc gia đình của tù nhân, phân phát quần áo, cơ hội việc làm hoặc hội thảo về chăm sóc trẻ sơ sinh. Những dịch vụ như vậy không đòi hỏi nhiều thời gian, chi phí, chuyên môn, sức lực mà vẫn có hiệu quả. Chúng đáp ứng được nhu cầu và gây được cảm tình với cộng đồng, nhưng không làm đuối sức nhóm mở mang Hội Thánh. Đặc biệt là trong giai đoạn đầu của việc thành lập Hội Thánh, cách tiếp cận như vậy là thực tế và có thể đặt nền tảng cho các phục vụ lớn hơn và lâu dài hơn khi Hội Thánh đã lớn mạnh.

HÒA NHẬP HOÀN TOÀN

Đây là trường hợp mục vụ phục vụ thường xuyên và công tác mở mang Hội Thánh hoàn toàn hòa nhập, và vì vậy có thể sử dụng chung nhân viên và có chung ngân sách, nhóm lãnh đạo, ban điều hành hoặc nhà tài trợ. Mục vụ phục vụ nằm dưới quyền điều hành của người mở mang Hội Thánh hoặc mục sư (có sự phân công trách nhiệm) và có thể thực hiện tại cơ sở Hội Thánh hoặc bên ngoài bởi các nhân sự hoặc tình nguyện viên của Hội Thánh. Sự đồng nhất giữa mục vụ phục vụ và công tác mở mang Hội Thánh trong trường hợp này là công khai, rõ ràng và mong ước. Lời chứng về Đấng Christ mang tính chất trọn vẹn. Hoạt động của hội Cứu Thế Quân có lẽ là một trong những điển hình rõ rệt nhất về trường hợp này, công tác mở mang Hội Thánh và phục vụ người nghèo thường kết hợp với nhau. Xin xem bài học thực tế 19.2 để biết thêm một điển hình khác.

Đối với nhiều, nếu không nói là đa số, người mở mang Hội Thánh trong Thế giới Đa số thì cách tiếp cận mang tính tổng thể như vậy là hoàn toàn tự nhiên. Đơn giản là không thể chăm lo đời sống thuộc linh của mọi người nếu không đáp ứng nhu cầu khác hàng ngày của họ. Sự hòa nhập hoàn toàn tỏ ra khá phù hợp với các dịch vụ như nôi cháo tình thương, giáo dục HIV/AIDS, hoặc chương trình dạy thêm dạy kèm không đòi hỏi nhiều về quản lý, nguồn

²⁰ Ghi lại dựa theo cuộc đàm đạo với Walter Rapold, cựu giáo sĩ tại Rwanda.

²¹ Để có những hướng dẫn thực tế về việc tổ chức nhóm khám bệnh ngắn hạn, xin xem Dohn và dohn (2006).

lực và chuyên môn. Những hoạt động này có thể được tiến hành bởi các tình nguyện viên hoặc nhân viên chỉ cần được đào tạo sơ bộ.

Tuy nhiên, những mục vụ phức tạp hơn và đòi hỏi yêu cầu cao hơn như trung tâm cai nghiện, trại trẻ mồ côi, phòng khám hoặc trung tâm dạy nghề thì có thể trở thành nan đề khi hòa nhập hoàn toàn với công tác mở mang Hội Thánh. Những đòi hỏi của công việc có thể dễ dàng che khuất các nhu cầu của công tác mở mang Hội Thánh, và làm đuối sức những nhân sự cố gắng phục vụ cả hai. Các mục vụ phục vụ đó cũng đòi hỏi những kỹ năng mà người mở mang Hội Thánh không có. Như chúng tôi sẽ nói đến dưới đây, các chương trình phát triển kinh tế có thể trở thành nan đề đặc biệt khi các lãnh đạo Hội Thánh gánh vác trách nhiệm về công việc kinh doanh, phân phối các khoản vay nhỏ, và những việc tương tự.

HOÀN TOÀN TÁCH RỜI

Theo cách này thì mục vụ phục vụ hoạt động độc lập với công tác mở mang Hội Thánh. Có thể có chung một số ít nhân viên hoặc tình nguyện viên. Các nhân viên của mục vụ phục

Bài học thực tế 19.2

Hội Thánh Phúc Âm Toàn Vẹn – Purral Alto

Năm 1991, mục sư Rocha trở thành mục sư một Hội Thánh nhỏ gồm có mười hai phụ nữ tại Purral Alto [Costa Rica], một khu ổ chuột. Các gia đình ở đây sống trong một lán trại nhỏ chỉ có một phòng làm bằng gỗ phế liệu và thiếc nhả nhúm. Phần lớn cư dân bán thất nghiệp, và cơ hội học tập cho con cái của họ để thoát khỏi vòng nghèo đói là không đầy đủ. Khó khăn lớn nhất đối với vị mục sư là thuyết phục Hội Thánh tin rằng khái tượng của ông ta về phát triển mục vụ tổng thể sẽ có tác dụng.

Một khi Hội Thánh đã nắm bắt được khái tượng, thì nó tiến tới việc phát triển một lớp mẫu giáo dành cho trẻ em trong cộng đồng. Điều này nhanh chóng đưa đến một chương trình về dinh dưỡng dành cho trẻ em. Đối với nhiều người thì lớp mẫu giáo cung cấp cho họ một bữa ăn thơm mát trong ngày. Điều này tạo ra được mối quan hệ tốt với cộng đồng và Hội Thánh có thể tiếp cận và khởi động những mối quan hệ tích cực khác.

Sau thành công của lớp mẫu giáo, vị mục sư hình thành một đường hướng hai mặt để (1) phát triển Hội Thánh cả về số lượng lẫn chất lượng, và (2) phát triển cộng đồng. Để hoàn thành mục đích thứ nhất, các tín hữu trong Hội Thánh được chia thành hai nhóm nhỏ. Những người lãnh đạo từ trong những nhóm này tạo nên hạt nhân lãnh đạo của Hội Thánh. Thông qua sự tham gia của họ trong các nhóm nhỏ, các thành viên trong cộng đồng bắt đầu chú ý đến những chương trình khác của Hội Thánh. Sau một thời gian Hội Thánh có thể cung cấp (1) một phòng khám răng với trang bị do một bệnh viện địa phương tặng cho và các chuyên viên tình nguyện làm việc, (2) một phòng máy tính để dạy về vi tính cho trẻ em và người lớn, (3) một hội thảo về may mặc để dạy phụ nữ kỹ năng về thị trường, và (4) một chương trình dạy tiếng Anh.

Bên cạnh sự phát triển cộng đồng, Hội Thánh cũng đã tăng trưởng và hiện có 175 tín hữu. Hội Thánh hiện đang phát triển một nhóm mở mang Hội Thánh mới theo kiểu sứ đồ.

Hoạt động xã hội của Hội Thánh được trợ giúp từ ngân quỹ của nhà nước khi một đại diện chính quyền nhìn thấy ảnh hưởng của Hội Thánh trong cộng đồng. Tuy nhiên, phần lớn tiền của để phát động và duy trì các chương trình của nó là do sự đóng góp của các thành viên trong Hội Thánh (Armet 1997, 19-20).

vụ có thể tham gia công tác mở mang Hội Thánh, và người mở mang Hội Thánh có thể hướng dẫn thuộc linh cho mục vụ phục vụ. Nhưng mục vụ phục vụ hoạt động độc lập với Hội Thánh về mặt tổ chức, tài chính, và nhân sự. Đôi khi mục vụ phục vụ không mang danh nghĩa Hội Thánh công khai. Điều này hoàn toàn có chủ ý vì các lý do thực tế sau: tư cách pháp nhân của hoạt động phục vụ có thể bị đe dọa nếu có liên quan với một Hội Thánh hay tổ chức truyền giáo, hoặc nếu có tình trạng “tín đồ gạo” hay những nguy hiểm khác được nói đến dưới đây. Thường thì mục vụ phục vụ được tài trợ hoặc điều hành bởi một NGO Cơ-đốc hoàn toàn độc lập với Hội Thánh về mặt tài chính và tổ chức. Cách này cho phép mỗi mục vụ tập trung vào công việc của mình cách có hiệu quả và vào lĩnh vực chuyên môn của mình, đồng thời bổ túc cho nhau cách không chính thức.

Bài học thực tế 19.3

Phối Hợp Các Cơ Quan Phục Vụ Với Các Hội Thánh Địa Phương

Nhóm vấn đề Mục Vụ Tổng Thể tại diễn đàn Truyền Giáo Thế Giới năm 2004 và Tetsunao Yamamori, cựu chủ tịch của tổ chức Thực Phẩm Cho Người Đói, đưa ra những nguyên tắc sau đây về mối quan hệ của Hội Thánh địa phương với cơ quan phục vụ:

1. Vai trò của cơ quan phục vụ là vai trò của một người học việc. Là một phần của thân thể Đấng Christ, các thành viên của cơ quan phục vụ phải làm việc trong Hội Thánh để học và đối phó những vấn đề tại địa phương về truyền giáo tổng thể.
2. Vai trò của cơ quan phục vụ là vai trò của một người tạo thuận lợi. Cơ quan phục vụ phải đứng bên cạnh Hội Thánh để giúp Hội Thánh thực hiện công tác truyền giáo tổng thể của nó.
3. Vai trò của cơ quan phục vụ là vai trò của một người xúc tác. Dù có sự gia tăng số lượng các Hội Thánh có khái tượng về truyền giáo tổng thể, vẫn còn nhiều Hội Thánh cần giúp đỡ để có một khái tượng rộng lớn hơn về nhiệm vụ của họ. Cơ quan phục vụ tồn tại là để khích lệ những Hội Thánh này kết nối với cộng đồng của họ.
4. Vai trò của Hội Thánh là vai trò của một người tiên phong. Vai trò của cơ quan phục vụ với tư cách là một người học việc, một người tạo thuận lợi, một người xúc tác chỉ có thể được hoàn thành khi có một Hội Thánh địa phương trong cộng đồng. Nếu không có Hội Thánh nào hiện hữu, thì cơ quan phục vụ sẽ phải lựa chọn giữa việc không hoạt động trong cộng đồng đó và việc lập một kế hoạch chiến lược để thành lập một Hội Thánh tự mình hoặc với sự hợp tác của một Hội Thánh ở một cộng đồng khác (LOP 33, 2005, 23).

TRÙNG LẤP

Ở đây mục vụ phục vụ và công tác mở mang Hội Thánh không hoàn toàn hòa nhập cũng không hoàn toàn tách rời nhưng có sự trùng lặp về nhân sự, tài chính, danh nghĩa và những thứ khác. Các mục vụ trùng lặp như vậy có thể phải đương đầu với những thách thức. Ví dụ, các mục vụ có thể cạnh tranh về sự đầu tư công sức, các nguồn lực, hoặc về các tình nguyện viên và nhà tài trợ, cũng như có sự không rõ ràng về thẩm quyền.

PHÁT SINH

Trong trường hợp này thì một mục vụ đã có trước và sau đó tạo ra mục vụ kia. Ví dụ, nhân viên của một cơ quan cứu trợ Cơ-đốc đưa dẫn được nhiều người đến với Đấng Christ ở nơi không có Hội Thánh; điều này dẫn đến việc thành lập một Hội Thánh mới. Đôi khi các

nhân viên cứu trợ cố gắng điều hành Hội Thánh song song với công việc phục vụ của họ. Nhưng thường thì một người hoặc nhóm mở mang Hội Thánh được tuyển mộ để đảm trách công việc thành lập Hội Thánh. Ngược lại, Hội Thánh có thể phát hiện nhu cầu to lớn trong cộng đồng, chẳng hạn như tình trạng nghiện ngập trong giới trẻ. Khi mục vụ mới phát triển thì nó vẫn nằm trong khuôn khổ mục vụ của Hội Thánh. Tuy nhiên, việc đáp ứng nhu cầu có thể vượt quá các nguồn lực của Hội Thánh nên mục vụ phục vụ cần được tách riêng ra. Từ đó, một mục vụ độc lập được tạo ra, như là một cơ sở có ngân sách và tư cách pháp nhân riêng, và có khả năng tuyển mộ nhân viên riêng cho mình, cô đọng tài chính riêng và theo đuổi mục vụ với một trọng tâm đơn lẻ. Trong một quan hệ phát sinh như thế này, thì điều quan trọng là phải làm sáng tỏ về mặt phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm khi mục vụ mới ngày càng trở nên độc lập hơn.

Nói chung là công tác phục vụ càng cần tính chất tổ chức nhiều (như bệnh viện hoặc trại mồ côi) thì càng khó khăn hơn trong việc hòa nhập nó với công tác mở mang Hội Thánh về mặt tổ chức. Chỉ có những Hội Thánh vững vàng mới có thể điều hành những dịch vụ như vậy – và không phải là không có thách thức. Ian Wallace, thuộc bộ phận phát triển quốc tế và nông thôn của Đại học Reading, lưu ý rằng bất kể mối quan hệ giữa Hội Thánh và mục vụ phục vụ như thế nào thì cũng “khó có thể làm tốt, kể cả đối với người nghèo hay cho chính Hội Thánh” (2002, 136). Mặt khác, công việc càng mang tính chất bình dân hơn thì càng dễ hòa nhập hoàn toàn hơn – chẳng hạn như chương trình của Hội Thánh hỗ trợ các gia đình trong việc chăm sóc cho trẻ mồ côi mắc bệnh AIDS.

Tránh Những Trở Ngại Trong Việc Phối Hợp Giữa Sự Phục Vụ và Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Chúng tôi không thể bàn luận về mọi thách thức của mục vụ phục vụ nhưng sẽ tập trung vào những nguy cơ có thể có của việc phối hợp sự phục vụ với công tác mở mang Hội Thánh. Mặc dù sự thực thi công tác từ thiện và các công tác xã hội khác là một kết quả tự nhiên của Phúc âm, nhưng trong thực tế đó là một việc phức tạp.

Việc sản sinh “các tín đồ gạo”

Đây là nan đề đã có từ lâu và rất quen thuộc: mọi người thường trở thành Cơ-đốc nhân vì có những thứ mà họ sẽ nhận được, có thể là một bát gạo, một khóa học, hay một khoản vay nhỏ. Một đôi khi những người như vậy cuối cùng trở thành những Cơ-đốc nhân trung tín; tuy nhiên thường thì họ bỏ đức tin khi sự trợ giúp hoặc lợi ích không còn nữa. Ở những nơi có sự nghèo đói và bất công, thì nan đề này là không thể tránh được với một mức độ nhất định, và chúng ta cần nhớ rằng chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới có thể biết được động cơ. Trong công tác mở mang Hội Thánh, cần có sự xem xét thấu đáo để số lượng không bị tăng vọt do những người tìm kiếm lợi ích vật chất. Đây là một lý do mà một số người ủng hộ sự tách rời hoàn toàn mục vụ phục vụ với công tác mở mang Hội Thánh.

Tuy nhiên, nguy cơ tạo ra các tín đồ gạo có lẽ ít xảy ra thường xuyên như lo sợ. Viv Grigg, một người ủng hộ mục vụ tổng thể cho người nghèo đô thị, đã phát biểu như sau: “Trong số hơn một trăm Hội Thánh thành lập trong vòng người nghèo, tôi thấy chỉ có hai hội hình thành qua sự cung cấp viện trợ” (1992, 247). Ông nói tiếp rằng viện trợ có thể tạo ra sự quan tâm nhưng ít khi đưa đến một thức tỉnh về thuộc linh. Không phải là bất bình thường, ngay cả trong bối cảnh phương Tây, việc những người ban đầu đến với Cơ-đốc giáo với những động cơ đáng ngờ nhưng cuối cùng trở thành những người theo Chúa thật. Bất kỳ một sự bày tỏ tình thương nào cũng có nguy cơ bị lợi dụng, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta chấm dứt yêu thương.

Sự Thất Thoát Về Lãnh Đạo

Một trong những khuynh hướng gây xáo trộn nhận thấy được tại phía Nam là có nhiều lãnh đạo đầy ân tứ của các Hội Thánh địa phương đã rời bỏ chức vụ trong Hội Thánh để đảm nhận vị trí lãnh đạo trong các NGO và cơ quan hỗ trợ Hội Thánh. Điều này xảy ra một phần là vì những công việc này cung cấp một mức lương đáng kể, xe cộ cùng nhiều lợi ích, và tìm kiếm những lãnh đạo để chăm sóc và giảng dạy cho nhân viên của họ. Hội Thánh không thể cung cấp lương và những lợi ích tương ứng. Dĩ nhiên, những công việc đó muốn và cần các lãnh đạo địa phương là những người toàn hảo và Cơ đốc nhân trưởng thành. Nhưng nhiều người cảm thấy rằng điều này đã trở thành một nan đề lớn làm cạn kiệt những lãnh đạo tốt nhất của Hội Thánh. Hội Thánh cũng cần những lãnh đạo mạnh mẽ! Nhu cầu ở đây cần phải cân bằng. Lý tưởng là các NGO và cơ quan hỗ trợ Hội Thánh nên điều chỉnh mức thù lao của họ để chúng không tạo ra sự mất cân đối không hợp lý với mức chi trả của Hội Thánh.

Cạn Kiệt Và Khuếch Tán

Các mục vụ phục vụ không chỉ đòi hỏi về tài chính mà còn đòi hỏi nguồn nhân lực đáng kể. Ở nơi mà các mục vụ phục vụ phối hợp với công tác mở mang Hội Thánh, thì mục vụ phục vụ có thể chiếm bớt một phần sức lực và các nguồn lực từ mục vụ truyền giáo và môn đồ hóa một cách không cân đối. Hội Thánh được thành lập trong hầu hết tình huống thường bắt đầu với một số lượng ít tín hữu. Nếu họ trông chờ dịch vụ tình nguyện trong các mục vụ Hội Thánh cũng như một dự án phục vụ, thì họ có thể đuối sức và kiệt quệ.

Mục sư của Hội Thánh cũng thường lãnh đạo mục vụ phục vụ. Điều này có thể dẫn đến việc mục sư bỏ bê việc cầu nguyện và giảng dạy Lời Chúa vì cơ công việc phục vụ. Ví dụ, khi một Hội Thánh tại Ấn Độ điều hành một cô nhi viện, vị mục sư thường chịu trách nhiệm cho cả hai mục vụ. Việc điều hành và cổ động ngân quỹ cho cô nhi viện có thể tiêu hao sức lực của mục sư, làm ảnh hưởng đến Hội Thánh. Theo một báo cáo thì “trong đa số các trường hợp mục sư tự mình lo việc mua sắm, giao dịch ngân hàng và giám sát cô nhi viện, và bầy chiêng của ông bị gầy gò do thiếu thức ăn thuộc linh” (Stanley, Hedlund, và Masih 1986, 296).²² Hội Thánh đầu tiên đã giải quyết căng thẳng này bằng cách bầu ra các chấp sự bên cạnh các trưởng lão, và mỗi nhóm chuyên tâm vào mục vụ mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi và ban ơn cho họ (Công 6:1-6).

Wallace mô tả về nan đề phát triển cộng đồng như sau:

“Hãy hình dung một địa hạt Anh quốc giáo nhỏ tại một nước nghèo ở Châu Mỹ la Tinh tiến hành việc mua đất và đưa những cộng đồng người Ấn Độ di cư vào ở đó. Việc này nhanh chóng thu hút sự quan tâm của nhiều cơ quan hỗ trợ Hội Thánh và cơ quan thế tục và một chương trình lớn đã được phát triển. Hội Thánh vẫn nhỏ như trước và thiếu các nguồn lực. Bộ phận phát triển của nó nhanh chóng có hơn hai mươi nhân viên nước ngoài, xe cộ và thiết bị thu phát. Rõ ràng là giám đốc dự án có quyền hành nhiều hơn vị giám mục!” (Wallace 2002, 135).

Dĩ nhiên, công tác truyền giáo và môn đồ hóa có thể thực hiện *thông qua* các mục vụ phục vụ. Hội Thánh phương Tây thường cho rằng môn đồ hóa là vấn đề học hỏi Kinh Thánh và kỷ luật thuộc linh cá nhân, tách rời với công tác phục vụ. Phục vụ trong công tác từ thiện hoặc phát triển có thể là một phương tiện để học hỏi kỷ luật thuộc linh, một cơ hội để chia sẻ đức tin với người chưa tin, và là một nơi để thực tập vâng phục, sử dụng các ân tứ thuộc linh, và là muối và ánh sáng trong cộng đồng. Nhưng thực tế, công tác phục vụ càng phát triển lớn

²² Đáng buồn là các tình huống mĩa mai: “Cô nhi viện phát triển lớn đến mức có sự tranh giành cô nhi. Một tỉ lệ đáng kể trẻ em trong cô nhi viện không phải là cô nhi thật sự” (Stanley, hedlund và Masih 1986, 296).

hơn thì nó càng lấn át các mục vụ của Hội Thánh nhiều hơn và có thể ngăn cản sự phát triển lành mạnh của Hội Thánh.

Thiền Cận Hoặc Ngờ Nghêch

Những người mở mang Hội Thánh có thể bị cám dỗ tiến hành một mục vụ phục vụ mà không xem xét thấu đáo về nhu cầu, chi phí để đáp ứng nhu cầu và chuyên gia cần có để đạt được hiệu quả. Tốt hơn là thực hiện những dự án nhỏ và ngắn hạn hơn là đưa ra lời hứa mà không thể thực hiện. Bruce E. Swanson (1993), đưa ra nhiều nguyên tắc hữu ích; sau đây là một vài nguyên tắc trong số đó:

- Phát hiện một nhu cầu mà bạn thực sự có thể làm điều gì đó cho nó.
- Tham gia vào việc giải quyết nan đề của cộng đồng một cách cá nhân trước khi thử một chương trình lớn.
- Đừng đưa ra một câu trả lời “cây nhà lá vườn” đối với nhu cầu.
- Sẵn sàng làm việc với nhu cầu của cộng đồng trong thời gian dài.

Những người được huấn luyện đặc biệt cho mục vụ phục vụ, như là các bác sĩ hoặc nhân viên công tác xã hội, đôi khi cũng được huấn luyện về công tác mở mang Hội Thánh. Tương tự, những người mở mang Hội Thánh đôi khi cũng đủ tiêu chuẩn để lãnh đạo các mục vụ phục vụ chuyên nghiệp. Khi họ làm như vậy, thì thường một mục vụ phải chịu tổn hại và sự cam kết bị phân chia. Vì vậy, tốt nhất là có những người đủ tiêu chuẩn cống hiến cho mục vụ được giao cho họ (xin xem bài học thực tế 19.4).

Môi Chài

Các mục vụ phục vụ là một lời chứng về tình yêu của Đấng Christ và sự công bình của Đức Chúa Trời. Nhưng đừng bao giờ sử dụng chúng như là môi chài để lôi kéo mọi người đến với điều thực tại của sự kiện truyền giáo. Tùy thuộc vào bản chất của sự phục vụ, có thể hoàn toàn tự nhiên để chia sẻ sứ điệp Phúc âm như là một phần của mục vụ phục vụ. Ví dụ, hoàn toàn thích hợp để một cô nhi viện thờ phượng hoặc dạy dỗ Kinh Thánh cho trẻ em. Các bệnh viện có phòng nhóm. Một loạt bài dạy về cách nuôi con có thể bàn luận đến sự phát triển thuộc linh của một đứa trẻ. Tuy nhiên, luôn nhớ rằng người ta nghe sứ điệp Phúc âm trước khi họ nhận được sự chữa bệnh sẽ là không thích hợp. Quảng cáo một hội thảo về hoạch định tài chính rồi dành mười phút nói về tài chính và hai mươi phút chia sẻ Phúc âm thì hầu như có hại nhiều hơn là lợi. Dĩ nhiên một người có thể mời mọi người nghe bài làm chứng của người trình bày *sau* cuộc hội thảo, như vậy không ai cảm thấy bị lừa. Nguyên tắc căn bản là toàn hảo. Các mục vụ phục vụ cần phải làm bởi vì chúng là những việc nên làm, và chúng có thể được làm trong Danh của Đấng Christ, nhưng không nên như một môi nhử để lừa hoặc ép buộc mọi người nghe Phúc âm.

Phát Triển Kinh Tế Và Mở Mang Hội Thánh

Các chương trình phát triển kinh tế nhằm cung cấp việc làm, kích thích kinh tế địa phương, cung cấp những khoản vay nhỏ, và những việc tương tự có thể cực kỳ hữu ích đối với Cơ đốc nhân địa phương và những người khác. Chúng cũng cung cấp một bối cảnh cho những người mở mang Hội Thánh hoạt động trong những nơi mà luật pháp ngăn cấm việc truyền giáo nơi công cộng và mở mang Hội Thánh. Những hoạt động như vậy là một hình thức hợp pháp của mục vụ Cơ đốc (xin xem Yamamori và Eldred 2003 để biết thêm nhiều bài học thực tế). Các chiến lược kết hợp các nỗ lực kinh tế với hoạt động tài chính của Hội Thánh có một lịch sử lâu dài trong hoạt động truyền giáo của hệ phái Tin Lành tận thời của William Carey (Stanley 1992). Hiện đang có một cuốn sách cỡ lớn về đề tài “truyền giáo dưới dạng doanh nghiệp.”

 Bài học thực tế 19.4

Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu Và Công Tác Mở Mang Hội Thánh

Paul Seale (1989) mô tả một dự án tại Philipine trong đó sự phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu là một phương tiện cho việc mở mang Hội Thánh. Mục đích là đào tạo những người địa phương về việc chăm sóc sức khỏe theo định hướng phòng bệnh trong thời gian mười lăm tháng. Tại mỗi địa điểm dự định thành lập một Hội Thánh thông qua truyền giáo, môn đồ hóa và thành lập nhóm học Kinh Thánh tại nhà với những người được tiếp xúc qua những chương trình chăm sóc sức khỏe. Thành phần của một nhóm gồm có một người mở mang Hội Thánh và một bác sĩ cùng với nhiều trợ lý có kinh nghiệm về y khoa. Nhiều khu phố nhỏ thiếu sự chăm sóc sức khỏe là mục tiêu để các nhóm hoạt động đều đặn. “Các chiến dịch y tế” kéo dài ba ngày cũng được tổ chức tại những vùng xa xôi.

Song song với các phòng khám và giáo dục về y khoa, các buổi nhóm thờ phượng và giảng Tin Lành đã được tiến hành. Tại một trong những vùng xa xôi có 150 người đã xưng nhận đức tin, và một Hội Thánh bắt đầu tự tổ chức dưới sự lãnh đạo của nhân sự dù mọi người phần lớn là mù chữ. Sau khi chương trình y tế chấm dứt, các Hội Thánh địa phương đảm trách việc chăm sóc các tân tín hữu tại các khu phố khác nhau. Cuối cùng có hai Hội Thánh được thành lập.

Bởi vì những người chịu trách nhiệm đối với việc mở mang Hội Thánh là từ các Hội Thánh lân cận, Seale lưu ý một thách thức đặc biệt mà họ đương đầu: “Những chương trình như vậy có thể là những nỗ lực truyền giáo tuyệt vời, nhưng cần có một cố gắng lớn để định hướng những hoạt động đó hướng đến việc thành lập một Hội Thánh mới tại một nơi nằm ngoài khu vực Hội Thánh của họ” (357). Các thành viên của nhóm chăm sóc sức khỏe thăm viếng các khu phố hằng tuần trong thời gian mười ba tháng cuối cùng gánh vác trách nhiệm của việc thành lập Hội Thánh. Điều này sẽ được thúc đẩy thông qua những sự tiếp xúc cá nhân mở rộng của họ.

Seale tiếp tục đề nghị nhiều thay đổi cho các chương trình như vậy. Ví dụ, ông cho rằng nên “ghép cặp một nhân viên chăm sóc sức khỏe với một nhân sự truyền giáo là người có trách nhiệm chính trong việc mở mang Hội Thánh” (358). Nhưng ưu điểm của cách tiếp cận chung là rõ ràng. “Thuận lợi lớn của chương trình y tế của chúng tôi, trái ngược với các phương pháp mở mang Hội Thánh khác, là chúng tôi có thể bắt đầu công việc trong những cộng đồng mới nơi chưa có sự tiếp xúc trước đó. Theo truyền thống thì những người mở mang Hội Thánh trong khu vực dựa vào những mối liên hệ có được thông qua bạn bè hoặc gia đình của các tín hữu trong Hội Thánh, và những mối liên hệ không phải luôn luôn dễ có” (357).

Để kết luận Seale viết: “Các chương trình truyền giáo bằng y tế trong quá khứ cho thấy rằng, ngoại trừ những vùng ít đáp ứng nhất, việc chăm sóc y tế từ thiện Cơ đốc sẽ mang lại một mùa gặt cho công tác truyền giáo. Tuy nhiên những chương trình như vậy cũng thường bị chi phối bởi những nhân viên y tế có ý định tốt nhưng hạn chế về chuyên môn trong việc truyền giáo và mở mang Hội Thánh. Có vô số cơ hội truyền giáo và mở mang Hội Thánh bị bỏ lỡ vì chúng ta không đầu tư thời gian và nhân lực đầy đủ để hoạch định và tiến hành công tác mở mang Hội Thánh” (359-60). Điều này xác nhận đề nghị của chúng tôi là bất cứ ở đâu các mục vụ phục vụ kết hợp với công tác mở mang Hội Thánh, thì điều quan trọng là các nhân sự đủ tiêu chuẩn cho cả hai mục vụ tham gia và có khả năng biệt riêng chính họ cho một mục vụ nhất định của họ.

Tuy nhiên, nếu không được làm tốt thì những chương trình phát triển kinh tế đó có thể trở thành một bãi mìn khó khăn làm lãng phí các nguồn lực và tạo ra sự ghen tỵ, thù địch, xung đột, và những động cơ hỗn hợp. Tất cả những điều này sẽ đẩy lùi công tác mở mang Hội Thánh và có thể, trong trường hợp xấu nhất, tạo ra ấn tượng xấu trong cộng đồng hoặc làm tê liệt công tác mở mang Hội Thánh. Có không ít người mở mang Hội Thánh tiến hành những chương trình như vậy một cách ngờ nghệch và kết thúc trong sự hiểu lầm, nản lòng, đau đớn

và bị lợi dụng. Sự kết hợp chương trình phát triển kinh tế với công tác mở mang Hội Thánh có vô số thách thức. Chúng tôi không thể bàn luận một cách đầy đủ về các chương trình phát triển kinh tế, dự án kinh doanh hoặc cho vay. Nhưng sau đây là ba nguyên tắc hướng dẫn cho người mở mang Hội Thánh.

Hướng Dẫn Dành Cho Người Mở Mang Hội Thánh

Nguyên tắc thứ nhất là *có những người đủ phẩm chất lãnh đạo chương trình*. Họ phải có không chỉ kiến thức về kinh doanh mà còn phải quen thuộc với phong tục địa phương và thực tiễn kinh doanh. Mức độ tham gia và các nguồn lực càng lớn, thì càng quan trọng đối với việc phải có những người đủ kinh nghiệm và phẩm chất để có thể đưa ra những quyết định khôn ngoan và đôi khi khó khăn. Những lãnh đạo thuộc linh không phải luôn luôn là những người lãnh đạo kinh doanh tốt. Việc cố gắng mở mang một Hội Thánh đồng thời với việc giám sát một dự án kinh doanh hoặc chương trình cho vay nhỏ thì thường sẽ dẫn đến một trong hai mục vụ chịu tổn hại.

Thứ hai, tốt nhất là *có một ban giám đốc hoặc cơ sở, riêng biệt với lãnh đạo của Hội Thánh* chịu trách nhiệm về việc quản lý công tác phục vụ. Như đã nói ở trên, việc phối hợp công việc Hội Thánh và công việc kinh doanh là phức tạp. Các quyết định liên quan đến việc phân phối tài chính, quản lý việc cho vay, hoặc giới thiệu việc làm cho một số người nhưng không giới thiệu cho một số người khác trở nên phức tạp do sự liên hệ về gia đình và cá nhân. Những cảm giác khó chịu và ghen tị sẽ nhanh chóng xuất hiện. Trong những nền văn hóa mang tính tập thể thì mối nguy càng gia tăng vì những mối quan hệ gia đình hoặc tộc họ thường ảnh hưởng đến những quyết định công việc. Một người mở mang Hội Thánh hoặc lãnh đạo thuộc linh chịu trách nhiệm cả về vấn đề thuộc linh và giữ cho hội chúng có trách nhiệm về tài chính cuối cùng sẽ bị kẹt giữa xung đột.

Cuối cùng, *xem xét một cách cẩn thận thế giới quan của người địa phương liên quan đến việc sở hữu, đạo đức trong công việc và tiền bạc*. Điều này rất khác với quan điểm của người mở mang Hội Thánh hoặc nhân viên phát triển. Trong cuốn sách *Vấn Đề Tiền Bạc Và Bàn Bè Của Người Phi Châu* (2001), David Maranz đã mô tả đầy đủ và chi tiết những khác biệt này trong bối cảnh Phi châu. Những người quản lý một chương trình phát triển kinh tế nên biết rõ về những vấn đề đó. Lý tưởng là trong ban giám đốc nên có những người hiểu biết về những kỳ vọng và những tập tục địa phương, cũng như những người đại diện cho những quan tâm và kỳ vọng của nhà tài trợ.

Việc Đề Cao Các Giá Trị Vật Chất Một Cách Tinh Cờ

Mặc dù việc nâng cao đời sống của những người thiếu thốn chắc chắn là một nỗ lực cao quý, nhưng một vài hình thức phát triển kinh tế có thể đề cao những giá trị vật chất không phù hợp với Kinh Thánh. Các giáo sĩ đã bị phê bình là quá thế tục hóa trong Thế Giới Đa Số một phần bởi vì họ có một thế giới quan theo chủ nghĩa vật chất. Liên tục chú trọng đến các dự án nhằm vào việc cải thiện điều kiện kinh tế của mọi người có thể gây ra một thông điệp sai lầm (xin xem Power và Power 1998). Một thái độ cửa quyền có thể nhanh chóng xuất hiện ở nơi mà ngân quỹ dường như dễ dàng. Dân chúng địa phương có thể bắt đầu kỳ vọng nhiều hơn về các khoản vay, cơ hội việc làm hay các lợi ích. Cơ đốc nhân cũng như người không phải Cơ đốc nhân có thể giận dữ hoặc vỡ mộng khi những điều đó không đến hoặc không có đủ cho mọi người trong cộng đồng.

Jim Yost đã thực hiện công tác phát triển song song với việc thành lập Hội Thánh tại một vùng xa xôi ở Iri Jaya với người Sawi. Ông thấy rằng sự phát triển của Hội Thánh xuống dốc nghiêm trọng khi có chương trình phát triển cộng đồng như trồng cây ăn trái, chăn nuôi và làm lưới cá. Một trong những lý do mà ông nhận ra là dân chúng quan tâm về sự thịnh vượng

vật chất hơn là thịnh vượng thuộc linh. Họ cũng có khuynh hướng đi theo sự lãnh đạo của giáo sĩ: nếu giáo sĩ ưu tiên về sự phát triển thì dân địa phương cũng sẽ như vậy. Ông nói rằng việc điều hành một cửa hàng nhỏ cho người địa phương đã chuyển tải thông điệp rằng ông có mặt ở đó là để điều hành một doanh nghiệp chứ không phải làm việc cho Hội Thánh. Kết luận sau đây của ông có lẽ hơi thái quá nhưng cũng đáng quan tâm: “Tôi đề nghị rằng giáo sĩ mở mang Hội Thánh không nên tham gia vào sự phát triển cộng đồng trừ phi ông ta bị bắt buộc phải làm như vậy. Nếu bạn cần một dự án phát triển trong khu vực của mình thì hãy đem đến một chuyên gia về phát triển để làm điều đó. Đừng mạo hiểm làm lu mờ hình ảnh của bạn trong dân chúng.” Ông tiếp tục: “Những người chưa tin Chúa sẽ nghĩ rằng việc trở thành một tín hữu đồng nghĩa với việc làm một điều gì đó cho bạn” (Yost 1984, 356, 358).

Những kinh nghiệm trên không làm nản lòng những người mở mang Hội Thánh trong việc giúp đỡ mọi người cải thiện đời sống của họ, có một cuộc sống chân thật, nuôi sống gia đình và cung cấp cho các nhu cầu mục vụ. Bất kỳ nỗ lực nào cũng luôn có nguy cơ bị lợi dụng và thất bại. Nhưng những nỗ lực đó cũng không nên được thực hiện một cách miễn cưỡng.

Gây Quỹ Cho Công Tác Mở Mang Hội Thánh Thông Qua Hoạt Động Kinh Doanh Do Hội Thánh Điều Hành

Việc khuyến khích những nỗ lực kinh doanh đôi khi được nhận thức với mục đích là cung cấp nguồn thu trực tiếp cho việc mở mang một Hội Thánh. Trong một số trường hợp thì hoạt động kinh doanh do Hội Thánh làm chủ và điều hành.²³ Nhìn thoáng qua thì việc này rõ ràng là một cách thực tế và có hiệu quả để cung cấp tài chính cho nhu cầu của việc mở mang Hội Thánh, đặc biệt ở những nơi nghèo khó và tín hữu của Hội Thánh có thu nhập ít ỏi. Tuy nhiên, lấy hoạt động kinh doanh làm nguồn thu chính cho Hội Thánh sẽ là một điều không được khuyến khích vì nhiều lý do.

Thứ nhất, Kinh Thánh dạy rõ ràng về nguyên tắc tài chánh như sau: công việc của Đức Chúa Trời được hỗ trợ bằng các ân tứ và sự dâng hiến của dân Chúa. Ngay cả người nghèo cũng có thể dâng hiến những điều họ có, và không nên tạo ấn tượng là có thể thực hiện mục vụ mà không cần sự hy sinh cá nhân. Phải dạy cho các tín hữu về trách nhiệm và niềm vui của việc dâng hiến cho công việc Chúa. Thứ hai, Hội Thánh không phải là một doanh nghiệp và không nên trở thành một đơn vị điều hành doanh nghiệp. Các xung đột có thể sớm xuất hiện – làm thế nào để phát triển công tác thuộc linh và làm thế nào để điều hành một doanh nghiệp có lợi nhuận. Sức lực của Hội Thánh có thể bị tiêu hao vì hoạt động kinh doanh. Thứ ba, đa số những người mở mang Hội Thánh không được đào tạo về quản lý doanh nghiệp. Chúng tôi cũng thường thấy những người mở mang Hội Thánh tham gia vào dự án kinh doanh mà họ có hiểu biết rất ít và thiếu sự đào tạo. Nếu hoạt động kinh doanh thất bại thì có thể dẫn đến kết quả là sự hiểu lầm và khó khăn cho người làm công, gây mất uy tín cho Phúc âm. Cuối cùng, phần lớn doanh nghiệp – đặc biệt là những doanh nghiệp lớn có thể tạo ra thu nhập đáng kể – bị lệ thuộc vào sự biến động của thị trường, tiến bộ về kỹ thuật và những yếu tố khác có thể nhanh chóng biến một doanh nghiệp có lợi nhuận thành ra thất bại, làm hao tổn ngân quỹ Hội Thánh. Đây là trường hợp của những dự án về nông nghiệp tại Phi châu để hỗ trợ các mục vụ của Hội Thánh.

Một dự án kinh doanh được sở hữu và điều hành độc lập với Hội Thánh, tạo việc làm cho các tín hữu địa phương là một đường lối tốt hơn. Các tín hữu phải đồng thời được dạy về nhiệm vụ quản lý và dâng hiến cho các nhu cầu của Hội Thánh. Trước hết và quan trọng nhất,

²³ Không nên lẫn lộn việc này với việc một người mở mang Hội Thánh điều hành một doanh nghiệp nhỏ theo kiểu may trại để cung cấp cho bản thân, hoạt động của doanh nghiệp hoàn toàn tách rời với Hội Thánh.

Hội Thánh phải là một cộng đồng đức tin và không nên vương vào việc điều hành một hoạt động kinh doanh có lợi nhuận, dù lợi nhuận đó được sử dụng để hỗ trợ mục vụ.

Mở Mang Hội Thánh Giữa Vòng Người Rất Nghèo

Người nghèo thường dễ đáp ứng nhất đối với Phúc âm. Ở đây chúng tôi nói về người *rất* nghèo là người không chỉ có mức thu nhập thấp hơn trung bình mà còn rất cơ cực. Người cơ cực là những người chỉ đủ khả năng sống còn, sống ngày này qua ngày khác mà không biết bữa cơm kế tiếp sẽ đến từ đâu, hoặc là người bị bóc lột thậm tệ. Họ là những người vô gia cư, dân tị nạn, những người ở khu ổ chuột. Họ thường ốm yếu, thiếu dinh dưỡng, làm việc quá sức, và bị mất ngủ, dễ bị lợi dụng vào con đường tội phạm.

Việc cố gắng thành lập Hội Thánh giữa vòng những người như vậy đương đầu với thách thức không chỉ vì những người đó cơ cực về mặt vật chất mà họ cũng thường không có hy vọng và thất học, thiếu ý thức về giá trị bản thân. Có thể họ đáp ứng một cách tích cực đối với Phúc âm nhưng vẫn duy trì một tinh thần phụ thuộc và không hiểu biết đầy đủ. Nhu cầu về sự an toàn và tồn tại chi phối đời sống hằng ngày của họ và điều này cần phải được coi trọng. Đa số các Hội Thánh vững mạnh không chào đón những người như vậy vào trong mỗi thông công của họ. Nếu được chào đón thì người nghèo cũng ít khi cảm thấy thoải mái trong những Hội Thánh như vậy. Mặc dù không lý tưởng, nhưng không có cách nào khác là phải thành lập những Hội Thánh chú trọng đặc biệt đến việc tiếp cận những người rất nghèo.

Các nhóm mở mang Hội Thánh hoạt động trong vòng người nghèo phải có sự kiên nhẫn lớn, một ý thức mạnh mẽ về sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, và một cam kết đối với mục vụ lâu dài. Phải có một sự quân bình với những nhân sự, một mặt họ đồng nhất với nhóm người mục tiêu (bao gồm cả mức sống thấp) mặt khác phải cung cấp để bảo đảm cho họ về sức khỏe, an toàn và giảm bớt căng thẳng để tránh sự kiệt sức và nản lòng. Không nên xem nhẹ mức độ căng thẳng mà những nhân sự phải đối diện trong những tình huống như vậy.

Nói chung, cần thiết phải có cách tiếp cận hòa nhập về mục vụ: người mở mang Hội Thánh phải sống theo mức sống gần với người địa phương, cùng sống trong cộng đồng, đồng hóa với cuộc sống của họ hằng ngày. Điều này sẽ tạo nên sự tin cậy, thể hiện một tinh thần phục vụ giống như Chúa. Những nhân sự đó cần tham khảo sách *Tiếng khóc của người nghèo đô thị* (1992) của Viv Grigg, một trong những hướng dẫn thực tế cho việc mở mang Hội Thánh trong bối cảnh cực kỳ nghèo khó.

Một nhóm mở mang Hội Thánh có thể dễ dàng khẳng định cảm giác thiếu thốn và phụ thuộc giữa vòng người nghèo bằng sự đối xử với họ kiểu gia trưởng như những người cần sự giúp đỡ. Những chương trình của Hội Thánh phải tìm cách làm tăng thêm sức mạnh cho mọi người, giúp đỡ họ hiểu và nhận ra tiềm năng của họ cho dù hoàn cảnh của họ như thế nào. Ngay cả người nghèo nhất và ít học nhất cũng có thể cho người khác những gì họ nhận được. Giữa vòng những người sống trong khu ổ chuột, những người tị nạn, những băng nhóm đường phố cũng thường xuất hiện những người có tiềm năng về lãnh đạo thuộc linh.

Những Hội Thánh được thành lập trong vòng người nghèo đôi khi cũng có thể làm được những việc đáng kinh ngạc. Liberia là một nước bị tàn phá bởi nội chiến suốt thời kỳ 1989-1996 và 1999 – 2003. Toàn bộ một thế hệ trẻ không được đến trường. Tại thủ đô Monrovia, Hội Thánh Tin Lành Tự Do Hy Vọng, một Hội Thánh được thành lập chỉ vồn vẹn có năm mươi người, đa số là người nghèo, điều hành một trường tiểu học cho hơn hai trăm trẻ em. Chỉ có bốn phòng học làm bằng gạch nung không có điện và nước máy. Đa số trẻ em học trong những “phòng học” không có cửa. Mặc dù trường học rất thô sơ so với tiêu chuẩn phương Tây nhưng mục sư Luke tự hào về thành quả của Hội Thánh của ông. Các tín hữu tự

xây dựng mọi thứ với sự giúp đỡ rất ít từ bên ngoài và không có sự giúp đỡ từ phía nhà nước. Các giáo viên thiếu những vật chất cơ bản nhất và được trả lương chỉ đủ để mua gạo. Khi được hỏi làm thế nào họ có thể làm được việc dường như không thể, mục sư Luke đã trả lời: “Chúng tôi phải làm. Trẻ em của chúng tôi là tương lai của đất nước và chúng phải được học, bất kể điều gì.” Hội Thánh Tin Lành Tự Do Hy vọng không phải là trường hợp đặc biệt. Có thể thấy nhiều trường học tương tự khắp Liberia. Đây là những Hội Thánh mang ảnh hưởng của nước Trời bởi vì các tín hữu của họ đã từ chối việc làm những nạn nhân đơn thuần. Họ có một hy vọng từ ảnh hưởng của Kinh Thánh và sự hiến thân đầy hy sinh để làm bất kể việc gì có thể để tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn.

Gramin Pachin Mandal là một phong trào mở mang Hội Thánh bản địa nổi bật giữa vòng những người Ấn Độ nghèo khó nhất, người Bhangis, là giai cấp thấp hèn nhất (đôi khi được gọi là những người bị ruồng bỏ hay không thể tiếp xúc). Công việc của họ là thu dọn chất thải, súc vật chết và công rãnh. Họ thường sống bằng thức ăn thừa hoặc đã bị hư hỏng của người khác. Một phong trào đã được phát động giữa vòng những người đó năm 1984 và đến năm 2004 đã có khoảng 700.000 tín hữu đã chịu báp têm, và có tổng số là 1, 5 triệu tín hữu kể cả trẻ em và những người sắp chịu báp têm. Vấn đề không chỉ là sự bùng nổ phi thường về bối cảnh hóa Phúc âm, mà còn là mục vụ mang tính tổng thể. Ví dụ, điều 19 trong Tín lý của Gramin Pachin Mandal viết: “Một trách nhiệm tôn giáo của tín hữu là phải tự chủ về kinh tế” (Pierson 2004, 45). Một chương trình giáo dục đã được phát triển từ bậc tiểu học lên đến đại học. “Đây là kết quả lô-gíc của việc khôi phục số phận và tự thân của họ trước mặt Đức Chúa Trời. Đó cũng là điều cần thiết nếu người Dalit muốn thoát khỏi cảnh nghèo đói” (sách đã dẫn, 52). Nhiều người nam đã có việc làm tốt hơn trong ngành xây dựng, và phụ nữ học cách sản xuất áo quần. Những người khác đã trở thành những người chủ kinh doanh. Đây thực sự là những cộng đồng dân Chúa tận hiến cho sự biến đổi về thuộc linh, tinh thần, thể xác và kinh tế.

Phần Kết

Năm 1774 có một người tên là John Chapman được sinh ra tại Massachusetts. Vào năm hai mươi lăm tuổi ông bắt đầu trồng những vườn táo tại New York và Pennsylvania. Khi vùng lãnh thổ phía Tây Bắc được khai phá cho dân chúng đến định cư, thì John là một trong những người đầu tiên khám phá vùng đất mà hiện nay là Ohio, Michigan, Indiana, và Illinois. Trong năm mươi năm ông đã đi khắp vùng đất, và bất cứ nơi nào ông đặt chân đến thì ông đều trồng những cây táo. Johnny đã hiểu được nguyên tắc nhân rộng mà “Gầy Gò” (trong phần mở đầu) đã học được. Ông đã trồng một cách có chiến lược, với cái nhìn hướng về thị trường trong tương lai, và ít khi ông có sự lựa chọn kém cỏi: nhiều khu phố xuất hiện gần các vườn ươm của ông. Người ta nói rằng một số “những cây giống của ông đã lớn lên và sản sinh vô số quả trong các tiểu bang miền Tây.” Ông được gọi là “Ông Táo” hay Johnny Táo. Một người đã viết về ông như sau: “Ở một nơi nào đó, không biết bằng cách nào, ông có một khái niệm về một hoang mạc đầy những cây táo, từ vườn này sang vườn khác những cây táo được chăm bón cẩn thận, lan tỏa ra mùi hương thơm hứa hẹn một vụ mùa bội thu cho các cư dân.”²⁴

Để nhận ra khái niệm này thì phải trả giá. Với sự nhẫn nại John đã trải qua cuộc sống đầy khó khăn nơi hoang mạc khi ông cố gắng để biến giấc mơ thành hiện thực. Không phải chỉ đơn giản là thả vài hạt giống xuống bên đường nơi ông đi qua. Theo một phương cách có hệ thống, ông dọn sạch cỏ dại và gai gốc, chọn một mảnh đất tốt có nhiều mùn tại một nơi thoáng đãng, làm một hàng rào ngăn thú vật, và cẩn thận gieo những hạt giống theo từng hàng. Ông cố gắng để có được những quả tốt nhất bằng cách luôn luôn gieo hạt giống thay vì ghép cành như cách những người khác làm.

John không bao giờ bỏ mặc các vườn ươm cây non của ông. Ông quay lại những lúc có thể để chăm sóc cây non, sửa lại hàng rào, làm mềm đất, và gieo thêm hạt giống. Nhưng khái niệm của ông vẫn tiếp tục và ông trồng thêm những vườn ươm mới để chuẩn bị cho những vùng đất mới trong tương lai. Vì vậy ông dành hầu hết thời gian của mình làm người tiên

²⁴ Câu trích này và một phần câu chuyện về cuộc đời của John Chapman được trích từ www.millville.org/workshops_f/Dich_FOLKLORE/WACKED/story.html (truy cập ngày 15/1/2007).

phong. Ông không phải là người cô độc với tham vọng của mình. Có nhiều lần ông đem những người khác đi với mình, và khi có thể thì ông để lại các vườn ươm cho một người hàng xóm chăm sóc, bảo vệ các cây và rồi bán chúng lấy cổ phiếu. Ông biết sự kêu gọi của mình và để lại hầu hết công việc trồng trọt cho những người khác.

Elias²⁵ có thể được so sánh với Chapman. Ông mở một Hội Thánh tại Liberia, nhưng khái tượng của ông thì rộng lớn hơn nhiều. Elias tin rằng những người trẻ có thể được trang bị để thành lập và hướng dẫn những nhóm thông công nhỏ. Trong vòng một thập kỷ, chủ yếu thông qua sự đào tạo và huấn luyện của ông, Hội Thánh đầu tiên đó đã phát triển thành một phong trào gồm có mười sáu hội chúng. Một số là những Hội Thánh Tư Gia; một số khác nhóm lại tại những ngôi nhà thuê; một là Hội Thánh lưu động nhóm tại những nơi công cộng tiếp cận những người nghiện ngập. Giống như John Chapman, Elias là một nhà nông học. Dưới sự lãnh đạo của ông nhóm Hội Thánh này đã mua một vùng đất rộng hai mươi mẫu để sản xuất lương thực cho những gia đình có nhu cầu. Một cái giếng để cung cấp nước cho nông trại và nước uống cho làng lân cận. Và trên mảnh đất đó trung tâm huấn luyện môn đồ, lãnh đạo và nhân sự đang được xây dựng.

Rồi Elias nghe được một thách thức phải đem Tin Lành cho hàng triệu người trong thập kỷ kế tiếp. Cùng với những người bạn của ông, ông tranh chiến với những câu hỏi như “Phần nào của Đại mạng lệnh là trách nhiệm của chúng ta?” và “Làm thế nào chúng ta có thể cùng làm việc để thực hiện việc tiếp cận những người chưa được nghe Phúc âm tại Phi châu?” Một hội truyền giáo của người Phi châu đã được thành lập, và các lãnh đạo của hội quyết định hướng đến sáu nhóm người Phi châu chưa được tiếp cận và đào tạo một nghìn năm trăm giáo sĩ để mở mang Hội Thánh.

Elias đi khắp nơi để khám phá các cơ hội mở mang Hội Thánh mới tại vô số khu vực khác ở Liberia, bao gồm những vùng do người Hồi giáo cai quản: “Có một nhu cầu phải tiếp tục gắn bó với những cộng đồng này cho đến khi Tin Lành thâm rễ tại đó.” Hiện ông dành trọn thời gian của mình để đào tạo những lãnh đạo giữ vai trò xúc tác cho việc nhân rộng Hội Thánh. Hội truyền giáo của ông đã gọi đi những nhân sự tình nguyện, những người này thành lập những Hội Thánh trong vòng những nhóm người Hồi giáo tại những nước láng giềng. Trong tôi viết những dòng này, ông và những người bạn của mình đang huấn luyện về việc nhân rộng Hội Thánh cho sáu mươi mục sư và những người mở mang Hội Thánh tại một nước Tây Phi khác. Trong năm này họ sẽ chia sẻ khái tượng về việc nhân rộng Hội Thánh cho chín trăm mục sư tại miền Trung châu Phi.

Những người mở mang Hội Thánh kiểu sứ đồ, giống như Johnny Táo, bắt đầu bằng việc gieo giống. Họ mời nhiều người khác cùng tham gia với họ trong công tác đầy khó khăn của việc phát triển những cộng đồng dân Chúa. Họ tin rằng họ là những người gieo giống trong một kế hoạch mở rộng sự cai trị của Chúa Giê-xu cho đến khi tất cả mọi người đều đã được nghe sứ điệp của Ngài. Chúng tôi cầu xin Đức Chúa Trời dấy lên nhiều người giống như Elias để góp phần vào phong trào sản sinh ra những Hội Thánh mạnh mẽ.

²⁵ Tên trong câu chuyện này là một biệt hiệu của một người thật.